Bên Thắng Cuộc

I. Giải Phóng

Huy Đức

Smashwords Edition

*****

Published by

OsinBook 2012

ISBN: 978-1-4675-5790-0

Thiết kế bìa và trình bày:

Phùng Văn Vinh & Trần Minh Triết

Bản giấy in tại California, USA

ISBN: 978-1-4675-5791-7

Phát hành toàn cầu

"Bên Thắng Cuộc của Huy Đức là quyển sách hay nhất về lịch sử Việt Nam sau 1975 mà tôi được biết." – Trần Hữu Dũng, Đại học Wright, Ohio, USA

"Cuốn sách này nói về những sự thật khốc liệt, nhưng vì rất trung thực nên nó khiến ta bình tĩnh hơn trong thế giới và giữa đất nước khốc liệt ngày nay." - Nguyên Ngọc, Đại học Phan Châu Trinh, Hội An, Việt Nam

"Bên Thắng Cuộc là tác phẩm 'thực' nhất, cho đến thời điểm này, ghi lại một giai đoạn lịch sử khốc liệt, thông qua tư liệu, của dân tộc từ biến cố 1975 đến nay." – Đinh Quang Anh Thái, Nhật báo Người Việt, California, USA

"Cuốn sách phân tích tình hình Việt Nam từ năm 1975 - của một nhà báo sinh ra và lớn lên trong chế độ cộng sản - một cách chuyên nghiệp và công bằng hiếm có. Nó là một kho tàng dữ liệu quý báu, có thể làm ngạc nhiên cả những chuyên viên theo dõi chính trị Việt Nam trong nhiều thập niên qua." – Nguyễn Mạnh Hùng, Đại học George Mason, Virginia, USA

"Huy Đức viết công trình khảo cứu lịch sử đặc sắc này với lương tâm trong sáng và tay nghề lão luyện của một nhà báo chuyên nghiệp có trách nhiệm trước vận mệnh của đất nước. Có công minh lịch sử mới có hòa giải dân tộc thực sự" – Chu Hảo, Nhà Xuất bản Tri Thức, Hà Nội, Việt Nam

Thương yêu tặng Mỹ Đức
và hai con Thạch Thảo, Đức Trung

"Suy cho cùng trong mỗi cuộc chiến tranh
Bên nào thắng thì nhân dân đều bại"
Nguyễn Duy

Mục lục

Mấy lời của tác giả

Không ai có thể đi đến tương lai một cách vững chắc nếu không hiểu trung thực về quá khứ, nhất là một quá khứ mà chúng ta can dự và có phần cộng đồng trách nhiệm.

Cuốn sách này bắt đầu bằng những câu chuyện xảy ra trong ngày 30-4-1975. Ngày mà tôi, một cậu bé mười ba, trước giờ học chiều, đang vật nhau ven đồi thì nghe loa phóng thanh truyền tin "Sài Gòn giải phóng". Thay vì tiếp tục ăn thua, chúng tôi buông nhau ra.

Miền Nam, theo như những bài học của chúng tôi, sẽ chấm dứt "hai mươi năm rên xiết lầm than". Trong cái thời khắc lịch sử ấy, trong đầu tôi, một sản phẩm của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa, xuất hiện ý nghĩ: phải nhanh chóng vào Nam để giáo dục các bạn thiếu niên lầm đường lạc lối.

Nhưng hình ảnh miền Nam đến với tôi trước cả khi tôi có cơ hội rời làng quê nghèo đói của mình. Trên quốc lộ Một bắt đầu xuất hiện những chiếc xe khách hiệu Phi Long thỉnh thoảng tấp lại bên những làng xóm xác xơ. Một anh chàng tóc ngang vai, quần loe, nhảy xuống đỡ khách rồi đu ngoài cánh cửa gần như chỉ trong một giây trước khi chiếc xe rú ga vọt đi. Hàng chục năm sau, tôi vẫn nhớ hai chữ "chạy suốt" bay bướm, sặc sỡ sơn hai bên thành xe. Cho tới lúc ấy, thứ tiếng Việt khổ lớn mà chúng tôi nhìn thấy chỉ là những chữ in hoa cứng rắn viết trên những băng khẩu hiệu kêu gọi xây dựng chủ nghĩa xã hội và đánh Mỹ.

Những gì được đưa ra từ những chiếc xe đò Phi Long thoạt đầu thật giản đơn: mấy chiếc xe đạp bóng lộn xếp trên nóc xe, cặp nhẫn vàng chóe trên ngón tay một người làng tập kết vừa về Nam thăm quê ra, con búp bê nhựa - biết nhắm mắt khi nằm ngửa và có thể khóc oe oe - buộc trên ba lô của một anh bộ đội phục viên may mắn.

Những cuốn sách của Mai Thảo, Duyên Anh được các anh bộ đội giấu dưới đáy ba lô đã giúp bọn trẻ chúng tôi biết một thế giới văn chương gần gũi hơn Rừng Thẳm Tuyết Dày[1], Thép Đã Tôi Thế Đấy[2]. Những chiếc máy Akai, radio cassettes, được những người hàng xóm tập kết mang ra, giúp chúng tôi biết những người lính

xa nhà, đêm tiền đồn còn nhớ mẹ, nhớ em, chứ không chỉ có "đêm Trường Sơn nhớ Bác". Có một miền Nam không giống như miền Nam trong sách giáo khoa của chúng tôi.

Tôi vẫn ở lại miền Bắc, chứng kiến thanh niên quê tôi đắp đập, đào kênh trong những năm "cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội", chứng kiến khát vọng "thay trời, đổi đất, sắp đặt lại giang san" của những người vừa chiến thắng trong cuộc chiến ở miền Nam, rồi chứng kiến cũng những con kênh đó không những vô dụng với chủ nghĩa xã hội mà còn gây úng lụt quê tôi mỗi mùa mưa tới.

Năm 1983, tôi có một năm huấn luyện ở Sài Gòn trước khi được đưa tới Campuchia làm chuyên gia quân sự. Trong một năm ấy, hai cô em gái của Trần Ngọc Phong[3], một người bạn học chung ở trường sỹ quan, hàng tuần mang tới cho tôi bốn, năm cuốn sách. Tôi bắt đầu biết đến rạp chiếu bóng, Nhạc viện và sân khấu ca nhạc. Cho dù đã kiệt quệ sau tám năm "giải phóng", Sài Gòn với tôi vẫn là một "nền văn minh". Những năm ấy, góc phố nào cũng có mấy bác xích lô vừa mỏi mòn đợi khách vừa kín đáo đọc sách. Họ mới ở trong các trại cải tạo trở về. Tôi bắt đầu tìm hiểu Sài Gòn từ câu chuyện của những bác xích lô quen như vậy.

Mùa hè năm 1997, một nhóm phóng viên vì nhiều lý do phải rời khỏi tờ báo Tuổi Trẻ, gồm Đoàn Khắc Xuyên, Đặng Tâm Chánh, Đỗ Trung Quân, Nguyễn Tuấn Khanh, Huỳnh Thanh Diệu, Huy Đức. Chúng tôi thường xuyên gặp gỡ, chia sẻ và trao đổi với các đồng nghiệp như Thúy Nga, Minh Hiền, Thế Thanh, Phan Xuân Loan... Thế Thanh lúc ấy cũng vừa bị buộc thôi chức tổng biên tập báo Phụ Nữ Thành Phố, và cũng như Tổng Biên tập báo Tuổi Trẻ Kim Hạnh trước đó, chị không được tiếp tục nghề báo mà mình yêu thích.

Chúng tôi nói rất nhiều về thế sự, về những gì xảy ra trên thế giới và ở đất nước mình. Một hôm ở nhà Đỗ Trung Quân, nhà báo Tuấn Khanh, người vừa gặp rắc rối sau một bài báo khen ngợi ca sỹ bị coi là chống cộng Khánh Ly, buột miệng nói với tôi: "Anh phải viết lại những gì diễn ra ở đất nước này, đấy là lịch sử". Không ai để ý đến câu nói này của Tuấn Khanh, nhưng tôi lại bị nó đeo bám. Tôi tiếp tục công việc thu thập tư liệu với một quyết tâm cụ thể hơn: Tái hiện giai đoạn lịch sử đầy bi kịch của Việt Nam sau năm 1975 trong một cuốn sách.

Rất nhiều thế hệ, kể cả con em của những người đã từng phục vụ trong chế độ Việt Nam Cộng hòa, sau ngày 30-4-1975 đã trở thành sản phẩm của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa. Nhiều người không biết một cách chắc chắn điều gì đã thực sự xảy ra thậm chí với ngay chính cha mẹ mình.

Không chỉ thường dân, cho đến đầu thập niên 1980, nhiều chính sách làm thay đổi số phận của hàng triệu sinh linh như "Phương án II"[4], như "Z30"[5] cũng chỉ được quyết định bởi một vài cá nhân, nhiều người là ủy viên Bộ Chính trị cũng không được biết. Nội bộ người Việt Nam đã có nhiều đụng độ, tranh cãi không cần thiết vì chỉ có thể tiếp cận với lịch sử qua những thông tin được cung cấp bởi nhà trường và bộ máy tuyên truyền. Không chỉ các thường dân, tôi tin, những người cộng sản có lương tri cũng sẽ đón nhận sự thật một cách có trách nhiệm.

Cuốn sách của tôi bắt đầu từ ngày 30-4-1975 - ngày nhiều người tin là miền Bắc đã giải phóng miền Nam. Nhiều người thận trọng nhìn lại suốt hơn ba mươi năm, giật mình với cảm giác bên được giải phóng hóa ra lại là miền Bắc. Hãy để cho các nhà kinh tế, chính trị học, và xã hội học nghiên cứu kỹ hơn hiện tượng lịch sử này. Cuốn sách của tôi đơn giản chỉ kể lại những gì đã xảy ra ở Sài Gòn, ở Việt Nam sau ngày 30-4: cải tạo, đánh tư sản, đổi tiền… Cuốn sách của tôi cũng nói về hai cuộc chiến tranh cuối thập niên 1970, một với Khmer Đỏ và một với người Trung Quốc. Cuốn sách của tôi cũng nói về làn sóng vượt biên sau năm 1975, và về sự "đồng khởi" của nông dân, của các tiểu chủ, tiểu thương để dành lấy cái quyền được tự lo lấy cơm ăn áo mặc.

Tư liệu cho cuốn sách được thu thập trong hơn hai mươi năm. Trong vòng ba năm, từ tháng 8-2009 đến tháng 8-2012, tôi đã dành toàn bộ thời gian của mình để viết. Bản thảo cuốn sách đã được gửi tới một số thân hữu và một số nhà sử học, trong đó có năm nhà sử học uy tín của Mỹ chuyên nghiên cứu về Việt Nam. Sau khi sửa chữa, bổ sung, tháng 11-2012, bản thảo hoàn chỉnh đã được gửi đến một số nhà xuất bản trong nước, tuy nhiên, nó đã bị từ chối. Cho dù một số nhà xuất bản tiếng Việt có uy tín tại Mỹ và Pháp đồng ý in, nhưng để lãnh trách nhiệm cá nhân và giữ cho cuốn sách một vị trí khách quan, tác giả quyết định tự mình đưa cuốn sách này đến tay bạn đọc.

Đây là công trình của một nhà báo mong mỏi đi tìm sự thật. Tuy tác giả có những cơ hội quý giá để tiếp cận với các nhân chứng và những thông tin quan

trọng, cuốn sách chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót, và sẽ còn được bổ sung khi một số tài liệu được Hà Nội công bố. Hy vọng bạn đọc sẽ giúp tôi hoàn thiện nó trong những lần xuất bản sau. Lịch sử cần được biết như nó đã từng xảy ra, và sự thật là một con đường đòi hỏi chúng ta không bao giờ bỏ cuộc.

Sài Gòn – Boston, 2009-2012

Lời cám ơn

Trong quá trình thu thập tư liệu để viết cuốn sách này, tác giả đã nhận được sự giúp đỡ chí tình của nhiều nhân vật lịch sử, sự hợp tác của các nhân chứng, sự đóng góp của các đồng nghiệp, và sự ủng hộ của rất nhiều bè bạn.

Tác giả đặc biệt cám ơn các nhà lãnh đạo đã trả lời phỏng vấn trực tiếp cho cuốn sách này: Thủ tướng Võ Văn Kiệt, Thủ tướng Phan Văn Khải, Tổng Bí thư Đỗ Mười, Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu, Chủ tịch Nước Lê Đức Anh, Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Văn An, Ủy viên Thường trực Thường vụ Bộ chính trị Phạm Thế Duyệt, Phó Thủ tướng Nguyễn Mạnh Cầm, Phó Thủ tướng Vũ Khoan, Phó Thủ tướng Nguyễn Khánh, Phó Thủ tướng Nguyễn Công Tạn, Bí thư Trung ương Đảng Hoàng Tùng, các Phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Nguyễn Đình Liệu, Trần Phương, Đoàn Duy Thành, Ủy viên Bộ chính trị Nguyễn Hà Phan, Bí thư Trung ương Đảng Phan Minh Tánh, Bí thư Trung ương Đảng Trần Quốc Hương, Thứ trưởng Ngoại giao Trần Quang Cơ, Thiếu tướng Nguyễn Trọng Vĩnh, Trung tướng Võ Viết Thanh…

Xin cám ơn các nhà lãnh đạo đã trả lời các cuộc phỏng vấn của tác giả với tư cách là một nhà báo mà một phần nội dung được sử dụng trong cuốn sách này: Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Thượng tướng Trần Văn Trà, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh, Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Hữu Thọ, Chủ tịch Quốc hội Lê Quang Đạo, Chủ tịch Nước Nguyễn Minh Triết, Bộ trưởng Công an Lê Minh Hương, Đại tướng Đoàn Khuê, Đại tướng Phạm Văn Trà, Phó Chủ tịch Nước Nguyễn Thị Bình, Ủy viên Thường trực Bộ Chính trị Phan Diễn…

Cuốn sách không thể hoàn thành nếu không có sự giúp đỡ, hợp tác và tư vấn của những người giúp việc, những người có nhiều năm gần gũi với Chủ tịch Hồ Chí Minh, Thủ tướng Phạm Văn Đồng như ông Trần Việt Phương, ông Vũ Kỳ…; của nhóm giúp việc Tổng Bí thư Lê Duẩn: Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Trần Phương, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch Đầu tư Đậu Ngọc Xuân, thư ký tổng bí thư, ông Đống Ngạc; của nhóm giúp việc và chuyên gia tư vấn của Tổng Bí thư Trường Chinh: Tiến sỹ Hà Nghiệp, Giáo sư Trần Nhâm, Giáo sư Đặng Xuân Kỳ, Giáo sư Dương Phú Hiệp, Giáo sư Đào Xuân Sâm, ông Trần Đức Nguyên…; của những người giúp việc Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh: ông Trần Văn Giao, ông Hồng Đăng, ông

Dương Đình Thảo, Tiến sỹ Lê Đăng Doanh; của những người giúp việc Tổng Bí thư Đỗ Mười: Thống đốc Lê Đức Thúy, Tiến sỹ Nguyễn Văn Nam; của những người giúp việc Thủ tướng Võ Văn Kiệt: Trợ lý Vũ Quốc Tuấn, Trợ lý Nguyễn Trung, Trợ lý Vũ Đức Đam, ông Phạm Văn Hùng, ông Nguyễn Văn Huấn, Bác sỹ Đinh Trần Nhưng, Thư ký Nguyễn Văn Trịnh…; của những người giúp việc Thủ tướng Phan Văn Khải: Trợ lý Nguyễn Thái Nguyên, Trợ lý Nguyễn Đức Hòa, Thư ký Nguyễn Văn Kích; của người viết tự truyện cho Đại tướng Lê Đức Anh, Đại tá Khuất Biên Hòa.

Xin chân thành cảm ơn bà Nguyễn Thụy Nga, phu nhân Tổng Bí thư Lê Duẩn, bà Ngô Thị Huệ, phu nhân Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, bà Phan Lương Cầm, phu nhân Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã trả lời phỏng vấn và cung cấp thông tin, tư liệu. Xin cám ơn sự giúp đỡ của Giáo sư Hồ Ngọc Đại, con rể, và Tiến sỹ Lê Kiên Thành, con trai Tổng Bí thư Lê Duẩn; bà Võ Hiếu Dân, con gái, và ông Phan Thanh Nam, con trai Thủ tướng Võ Văn Kiệt; Giáo sư Đặng Xuân Kỳ, con trai Tổng Bí thư Trường Chinh.

Cuốn sách cũng nhận được sự cộng tác rất tận tình của các vị từng đóng vai trò quan trọng trong tiến trình hình thành chính sách ở các giai đoạn khác nhau của Việt Nam như Bộ trưởng Tư pháp Vũ Đình Hòe (1946-1960), Bộ trưởng Tư pháp Nguyễn Đình Lộc (1992-2002), Bộ trưởng Kế hoạch Đầu tư Trần Xuân Giá, Tổng Cục trưởng Địa Chính Tôn Gia Huyên, các đời chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Đoàn Trọng Truyến, Lê Xuân Trinh, Lại Văn Cử, Đoàn Mạnh Giao, Bộ trưởng Thương mại Lê Văn Triết, Bộ trưởng Thương mại Trương Đình Tuyển, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội Vũ Mão, Trưởng ban Tuyên huấn Trung ương Trần Trọng Tân, Trưởng ban Tư tưởng Văn hóa Trung ương Hữu Thọ…

Đặc biệt cám ơn các tướng lĩnh Quân đội Nhân dân Việt Nam từng đóng vai trò quan trọng trong chiến tranh như Cục trưởng Tác chiến, Trung tướng Lê Hữu Đức, Cục phó Tác chiến Thiếu tướng Lê Phi Long, Cục phó Tác chiến Thiếu tướng Phan Hàm, những người trong gia đình Đại tướng Lê Trọng Tấn, Cục trưởng Tình báo Quân đội Đại tá Lê Trọng Nghĩa, Chánh Văn phòng Quân ủy Trung ương Đại tá Nguyễn Văn Hiếu, Chánh Văn phòng Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Đại tá Nguyễn Văn Huyên…

Xin chân thành cám ơn các nhà cách mạng lão thành đã cung cấp cho tác giả hơn năm mươi cuốn hồi ký, phần lớn chưa từng xuất bản. Có những cuốn có giá trị

tham khảo đặc biệt quan trọng, như các tập hồi ký của Bí thư Trung ương Đảng Trần Quốc Hương, một người từng gần gũi với Tổng Bí thư Trường Chinh, từng chỉ huy mạng lưới tình báo miền Bắc ở miền Nam và từng là trưởng Ban Bảo vệ Trung ương Đảng. Có những cuốn rất thẳng thắn của Ủy viên Trung ương Đảng khóa IV Nguyễn Thành Thơ, người từng chỉ đạo kinh tế mới và hợp tác hóa ở miền Nam. Có những cuốn tiết lộ xung đột đảng phái thời kỳ ngay sau 1945 của Đại tá Công an Trần Tấn Nghĩa, người nhận lệnh trực tiếp ám sát và bắt giữ các thành viên đảng phái không cộng sản trong các năm 1945, 1946. Có những cuốn nói về thời kỳ "giúp bạn" Campuchia của Đại sứ Ngô Điền, Đại sứ Trần Huy Chương. Cũng có những cuốn rất thú vị, giúp tiếp cận với những góc độ khác của các nhà lãnh đạo tối cao như tự truyện của bà Ngô Thị Huệ, phu nhân Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, hồi ký của bà Nguyễn Thụy Nga, người vợ miền Nam của Tổng Bí thư Lê Duẩn.

Tác giả xin chân thành cám ơn các sỹ quan Quân đội Việt Nam Cộng hòa: Chuẩn tướng Nguyễn Hữu Hạnh, Chuẩn Đô đốc Hồ Văn Kỳ Thoại, người chỉ huy trận hải chiến Hoàng Sa tháng 1-1974; cám ơn Phó Thủ tướng Việt Nam Cộng hòa Nguyễn Văn Hảo, Dân biểu Hồ Ngọc Nhuận, Dân biểu Ngô Công Đức; cám ơn nhà văn Phan Nhật Nam, các nhà thơ Tô Thùy Yên, Trần Dạ Từ, nhà văn Uyên Thao; cám ơn Giáo sư Lê Xuân Khoa, bà Khúc Minh Thơ, những người đã giúp tác giả hiểu thêm về những nỗ lực của cộng đồng để giúp những người tù cải tạo được định cư tại Mỹ.

Tác giả cũng chân thành cám ơn Giáo sư Thomas Bass (Đại học Albany-SUNY), người đã thu xếp cuộc phỏng vấn cựu ngoại trưởng Henry Kissinger tại Boston vào tháng 2-2006; chân thành cám ơn các nhà báo Nguyễn Thị Ngọc Hải, Yên Ba, Nguyễn Khoa Diệu An, Trần Chí Hùng, Nguyễn Giang, Đinh Quang Anh Thái, Nguyễn Khanh, Lê Thiệp, nhà phê bình Phạm Xuân Nguyên, nhà ngoại giao Đinh Hoàng Thắng, nhà nghiên cứu Lưu Thu Hương, Tiến sỹ Trần Tố Loan đã giúp tác giả tiếp cận với nhiều nhân vật và nhiều tài liệu lịch sử quan trọng. Tác giả cũng xin chân thành cám ơn hàng trăm chính khách, sỹ quan, nhà tư sản, nhà báo, thường dân, các thuyền nhân và nạn nhân của những biến động sau năm 1975, những người đã giúp tác giả có được những câu chuyện sinh động. Những trích dẫn không có chú thích trong cuốn sách này được lấy từ những cuộc trò chuyện do tác giả thực hiện trực tiếp với các nhân chứng.

Xin cảm ơn nhà thơ Bùi Khương Hà, người đã đọc những chương đầu tiên trong bản thảo đầu tiên và có những ý kiến xác đáng giúp tác giả điều chỉnh nội dung và cấu trúc cuốn sách.

Tác giả cũng xin chân thành cám ơn nhà văn Nguyên Ngọc, nhà sử học Dương Trung Quốc, Tiến sỹ Nguyễn Thị Hậu, Giáo sư Trần Hữu Dũng (Đại học Wright, Ohio), Giáo sư Nguyễn Mạnh Hùng (Đại học George Mason, Virginia), nhà sử học Sophie Quinn Judge (Đại học Temple), Giáo sư Shawn McHale (Đại học George Washington), Giáo sư Hồ Huệ Tâm (Đại học Harvard), Giáo sư Peter Zinoman (Đại học UC Berkeley), Giáo sư Ngô Thanh Nhàn (Đại học New York) đã đọc và tận tình góp ý để tác giả hoàn chỉnh bản thảo cuốn sách này.

Cuốn sách cũng không thể hoàn thành nếu không có nhóm giúp việc gồm một số trí thức trẻ, một số sinh viên mà trong lần xuất bản này tác giả chưa thể nêu tên họ. Trong quá trình thực hiện cuốn sách tác giả đã luôn nhận được sự động viên, giúp đỡ của những người bạn như Nguyễn Thanh Toại, Đặng Cao Thắng, Lê Hải, Đỗ Trung Quân, Hà Tân Cương, Nguyễn Quang Lập, Đặng Tâm Chánh, Bùi Nguyên Cẩm Ly, Trần Minh Khôi, Võ Văn Điểm, Huỳnh Kim Phụng, Đào Ngọc Lâm, Bùi Đức Thịnh, Nguyễn Văn Diễn, B.V.D, N.T.H, Nguyễn Đức Quang, Trần Ngọc Phong, Mai Kỳ, Xuân Bình, Nguyễn Hải Phong, Lê Thị Hoàng Anh, Phùng Văn Vinh, Trần Minh Triết …

Tác giả hy vọng tiếp tục nhận được sự góp ý chân thành để hoàn chỉnh cuốn sách này trong những lần xuất bản tới.

Phần I: Miền Nam

Chương I: Ba Mươi Tháng Tư

Ba mươi tháng Tư năm 1975 là ngày kết thúc chiến tranh Việt Nam. Ngày mà những người anh em miền Nam buông súng đầu hàng miền Bắc. Ngày chấm dứt hơn hai mươi năm "da thịt tàn nhau, vạ trong tường vách". Nhưng, không phải cứ súng ống vứt đi là sẽ có hòa bình.

Đi từ bưng biền

Sáng sớm ngày 30-4-1975, "cánh" của ông Võ Văn Kiệt về tới một khu "đám lá tối trời" thuộc huyện Bình Chánh. Hai mươi hai ngày trước, ông Lê Đức Thọ vào Trung ương Cục, sau đó, công bố quyết định thành lập Bộ Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh[6], đồng thời trao quyết định cử ông Võ Văn Kiệt làm bí thư Đảng ủy Đặc biệt Ủy ban Quân quản Sài Gòn-Gia Định, cử ông Lê Đức Anh làm phó bí thư kiêm chủ tịch Ủy ban Quân quản, và ông Mười Cúc Nguyễn Văn Linh đảm trách lực lượng nổi dậy phối hợp với quân chủ lực.

Từ R, căn cứ Trung ương Cục ở huyện Lộc Ninh, ông Kiệt cùng một bộ phận phục vụ gọn, khoảng hai trung đội, chạy xe Honda 67 bọc qua phía Campuchia, tới cửa biên giới Mỏ Vẹt, Long An thì bỏ xe lại, đi bộ. Ông Kiệt không lúc nào rời chiếc radio ba làn sóng hiệu JVC của Nhật. Đài Hà Nội lúc đó gần như liên tục phát Bão Nổi Lên Rồi, một bài hát mà nhịp điệu thì hối hả, lời lẽ thì thôi thúc: "Từ Trị Thiên băng qua Tây Nguyên đi tới bưng biền lòng người bừng bừng, cùng tiến lên thời cơ đã đến rồi".

Thời cơ đã đến! Anh em phục vụ quan sát thủ trưởng, trong lòng cảm thấy lần này chắc ăn. Nhưng thủ trưởng vẫn im lặng. Ngày 27-4, đoàn vượt qua sông Vàm Cỏ Đông, tới xã Mỹ Hạnh, huyện Đức Hòa, gặp cánh ông Mai Chí Thọ đã về trước ém quân ở đó. Ông Năm Xuân Mai Chí Thọ, phó bí thư Khu uỷ Sài Gòn-Gia Định vào thời điểm đó, là người thông thạo các đầu mối hoạt động nội thành. Hai đoàn bắt đầu nhập lại làm một. Ít ai nghĩ rồi những người đàn ông mặc đồ bà ba đen, đi dép râu, mặt mũi khắc khổ, đang xắn quần lội ruộng đó, chỉ vài ngày nữa sẽ nắm quyền lãnh đạo Sài Gòn - Hòn Ngọc Viễn Đông.

Sáng hôm sau, khi sương sớm còn phủ trắng, từ nơi tạm dừng nhìn qua phía bên kia cánh đồng, cánh ông Kiệt nhìn thấy lố nhố xe pháo. Lúc đầu có người tưởng là xe tăng "địch", tới khi sương mù bớt đi mới nhận ra: "Cơ man tăng. Tăng mình!". Ông Kiệt viết thư, niêm kín, ra lệnh cho thư ký riêng là ông Phạm Văn Hùng (Ba Hùng), đi kiếm Trung tướng Lê Đức Anh. Tướng Lê Đức Anh tới lúc ấy vẫn là phó tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh, được giao chỉ huy Đoàn 232, một lực lượng tương đương quân đoàn, tiến vô Sài Gòn ở hướng Tây Nam. Dọc đường Ba Hùng đi, đạn pháo nằm la liệt trên các bờ ruộng, bờ kênh; dân công rầm rập, bộ đội, xe tăng lớp lớp. Tướng Lê Đức Anh viết thư trả lời "Anh Sáu Dân" (bí danh của ông Kiệt), rồi cũng niêm kín, đưa Ba Hùng cầm về. Sau này ông Phạm Văn Hùng mới biết đó là thông tin về giờ G. Giờ G, ngày N, tức 00 giờ 00 phút ngày 29-4-1975, là giờ quy định cho tất cả năm cánh quân của quân Giải phóng đồng loạt nổ súng tấn công vào Sài Gòn.

Trưa 29-4, đoàn lội bưng, băng vô vườn thơm Tân Nhựt, Bình Chánh, hạ trại nấu cơm. Bếp rơm có khói, một chiếc trực thăng trờ tới, lia vài băng đạn vu vơ. Cách đó không xa lắm là đồn Lý Văn Mạnh, nhưng lính trong đồn giờ đó đã không còn dám ra ngoài. Đêm ấy, ở lại Tân Nhựt, Ba Hùng mắc võng bên cạnh ông Kiệt, nằm nghe tiếng pháo, sau biết là "ta pháo kích vô Tân Sơn Nhất", hai thầy trò trăn trở không làm sao ngủ được. Sáng 30-4, ông Kiệt, trong khi trao đổi tình hình với ông Mai Chí Thọ, không quên phân công người theo dõi đài phát thanh và cho phép anh em nấu ăn. Từ đêm trước, chưa ai có hột cơm nào vô bụng.

Tới khoảng 9 giờ 30 phút sáng, Đài Sài Gòn im lặng rất lạ, rồi tiếng phát thanh viên: "Mời đồng bào nghe tuyên bố của Tổng thống". Mọi người xúm lại quanh chiếc radio theo dõi phát biểu của Tổng thống Dương Văn Minh: "Đường lối, chủ trương của chúng tôi là hoà giải và hoà hợp dân tộc để cứu sinh mạng đồng bào. Tôi tin tưởng sâu xa vào sự hoà giải giữa người Việt Nam để khỏi phí phạm xương máu người Việt Nam. Vì lẽ đó, tôi yêu cầu tất cả các anh em chiến sỹ Cộng hoà hãy bình tĩnh, ngưng nổ súng, và ở đâu ở đó. Chúng tôi cũng yêu cầu anh em chiến sỹ Chánh phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà Miền Nam Việt Nam ngưng nổ súng. Chúng tôi ở đây chờ gặp Chánh phủ Lâm thời Cộng hoà Miền Nam Việt Nam để cùng nhau thảo luận về lễ bàn giao chánh quyền trong vòng trật tự, tránh đổ máu vô ích của đồng bào".

Lời Tướng Minh vừa dứt, Võ Văn Kiệt ra lệnh: “Giản chính đồ đạc. Đi!”. Đoàn người lúc đó chẳng kịp ăn uống mà vẫn no tới tận cổ, băng đồng ra lộ, đi về hướng Phú Lâm, cửa ngõ phía Tây Thành phố. Dọc đường, lính Sài Gòn bắt đầu trút bỏ quân phục, súng ống, binh khí vất la liệt. Anh em bảo vệ lúc đầu còn khệ nệ xách, sau thấy lếch thếch quá, lại vứt đi. Có nơi lính Sài Gòn ra hàng cả tiểu đoàn. Quân Giải phóng chỉ kịp giải thích chính sách rồi ai ở đâu về đó. Sự tan rã của chế độ Sài Gòn diễn ra gấp gáp khiến ông Kiệt quá sốt ruột. Ông gọi Tư Thạch và Chín Anh, hai người cận vệ vốn là dân thành phố, đến, ra lệnh: “Hai đồng chí tìm cách kiếm xe, nhanh chóng đưa Đại quân vô Sài Gòn!”.

Chín Anh cùng Tư Thạch ra lộ, gặp hai người bận đồ công nhân, chạy xe máy từ phía Sài Gòn ra. Chín Anh nói: “Tụi tôi là Giải phóng. Nhờ mấy anh quay lại, đưa tụi tôi vô Sài Gòn”. Hai người này sốt sắng: “Mời mấy anh”. Chín Anh tính đi thẳng vô Phú Lâm nhưng mới tới xa lộ vành đai thì thấy một chiếc xe tải quân sự hiệu GMC mới cáu đậu sẵn bên lề đường. Trên xe không biết lực lượng nào đã cắm sẵn một lá cờ Giải phóng. Chín Anh hỏi: “Mấy anh biết lái xe không?”. Một người nói liền: “Tôi là tài xế nè”. Chín Anh cho kiểm tra lại xe, thấy xe tốt, kêu hai “chiến sỹ” vừa được “trưng dụng” đưa xe máy vô nhà dân cạnh đường gửi, rồi lái chiếc xe quay lại.

"Đại quân" lúc này vẫn đi bộ theo Lộ 10, gặp xe mừng quá, nhanh chóng leo lên. Chín Anh ngồi bên cạnh tài xế, ông Kiệt và ông Năm Xuân ngồi kế bên. Bốn, năm anh em khác bám hai bên thùng xe để bảo vệ. Một tốp thanh niên thấy chiếc GMC cắm cờ Giải phóng chạy vô phố, cứ thế phóng xe máy theo. Dọc đường, chỗ nào cũng có lính Việt Nam Cộng hoà cởi áo, cởi giày, chạy. Người dân gom vô, lấy chỗ cho chiếc xe quân sự Mỹ chở một trong những nhà lãnh đạo “Việt cộng” đầu tiên tiến vào Sài Gòn.

Ông Võ Văn Kiệt, ông Mai Chí Thọ và những người trên chiếc xe GMC hôm đó, có người đã suốt ba mươi năm mắc võng nằm rừng. Giờ ngắm phố xá chạy vùn vụt bên cửa xe, mắt họ cay xè vì sung sướng. Không ai trong số họ, sau đó, có thể diễn đạt lại được cảm giác khi ấy của mình, nhưng cuộc đời họ rồi sẽ khó lòng có lại một niềm vui nào lớn lao hơn niềm vui trong cái ngày 30-4 đó.

Xuân Lộc

Trong khoảng thời gian cánh ông Võ Văn Kiệt tìm cách di chuyển vô nội thành, chính những chiếc tăng của Lữ đoàn 203, Quân đoàn II đã viết nốt những dòng cuối cùng của một trang sử.

Kế hoạch "bao vây chiến lược Sài Gòn" bắt đầu từ ngày N. Lúc đầu, theo Tướng Trần Văn Trà, ở phía Tây, Đoàn 232 do Tướng Lê Đức Anh làm tư lệnh cũng gặp không ít khó khăn; phía Đông, đêm ngày 9 rạng sáng ngày 10-4, Quân đoàn IV gồm hai sư đoàn tấn công thị xã Xuân Lộc, tỉnh Long Khánh. Cuộc tấn công đã chọc thủng tuyến phòng ngự thị xã bằng nhiều mũi, nhanh chóng phát triển vào trung tâm. Tuy nhiên, sau khi cắm cờ trên dinh tỉnh trưởng và làm chủ một loạt các căn cứ khác, ngày 10-4, một lữ đoàn dù của Việt Nam Cộng hòa được trực thăng vận đưa tới thị xã để chi viện gấp và "giữ tinh thần cho Sư đoàn 18".

Cho đến ngày 15-4, gần hết tăng thiết giáp của Quân đoàn III và một lực lượng tương đương một sư đoàn thuộc quân trù bị dù và thủy quân lục chiến của Sài Gòn đã được điều về. Trận Xuân Lộc được được coi là khốc liệt nhất trong toàn chiến dịch. Quân đội Sài Gòn đã ném xuống đây hai loại bom có khả năng sát thương hàng loạt: Daisy Cutler và CBU[7]. "Mất Xuân Lộc là mất Sài Gòn", mọi sức mạnh có thể đều được Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu sử dụng.

Hãng UPI (Mỹ), ngày 12-4, cho rằng, Xuân Lộc được chọn làm nơi thí nghiệm khả năng chiến đấu của quân Nam Việt Nam. Khi quân Giải phóng gặp khó khăn, thương vong rất lớn ở Xuân Lộc, báo chí Sài Gòn đánh giá khả năng chiến đấu của Quân lực Việt Nam Cộng hòa đã hồi phục, và còn đủ mạnh để giữ vững chế độ.

Theo Tướng Trần Văn Trà, tình hình đó khiến cho "các đồng chí Phạm Hùng, Văn Tiến Dũng và cả anh Lê ĐứcThọ rất lo lắng". Tướng Trà viết: "Trận đánh quá ác liệt, e rằng các đơn vị ta bị thương vong nặng trong thời điểm này không lợi. Vì vậy các anh gợi ý có thể cho anh em rút ra khỏi thị xã… tôi đề nghị cho tôi đến tận nơi, nắm rõ tình hình cụ thể tại chỗ và cùng anh em nghiên cứu cách đánh. Các anh đều đồng ý"[8]. Chiều 11-4, Tướng Trà đến chỉ huy sở của Quân đoàn IV đóng trên bờ sông La Ngà. Sau khi nghe ý kiến của các tướng chỉ huy ở đây, Tướng Trà kết luận: "Xuân Lộc là điểm then chốt, hết sức quan trọng trong tuyến phòng ngự, nên địch đã tập trung nhiều lực lượng cố giữ. Hiện nay lực lượng chúng đã chiếm ưu thế so với ta. Ta cũng không còn giữ được yếu tố bất ngờ. Vì vậy tiếp tục đánh vào Xuân

Lộc là không lợi… Nếu ta chiếm ngã ba Dầu Giây và giữ vững luôn… thì Xuân Lộc tự dưng mất hết tác dụng vì bị đặt ra ngoài tuyến phòng thủ. Biên Hòa thì sẽ lập tức bị uy hiếp”[9]. Tất cả nhất trí với phương án tác chiến này.

Để chuẩn bị cho chiến dịch được đặt tên là Hồ Chí Minh, Quân đoàn I được điều từ miền Bắc vào; Quân đoàn II thì vừa hành quân vừa tác chiến dọc theo bờ biển. Tướng Trà viết: “Có đơn vị vào tới, nhưng đạn dược chưa tới, có xe tăng đến nơi nhưng xăng dầu hết, đạn pháo chỉ còn một hai viên, cần phải bổ sung chấn chỉnh. Cán bộ tham mưu và hậu cần vùi đầu với công việc, mỗi ngày làm việc gấp mấy lần ngày thường. Nhưng tinh thần phơi phới”[10].

Ngày 18-4, ông Lê Đức Thọ, đại diện Bộ Chính trị đã cùng Bộ Chỉ huy chiến dịch duyệt lại kế hoạch lần cuối. Trước đó, trong Điện số 07, ông Lê Duẩn viết: “Tôi đã bàn với anh Văn (Võ Nguyên Giáp), nhận thấy cần chuẩn bị thêm mấy ngày nữa, đến khi phần lớn lực lượng của Quân đoàn III và Quân đoàn I (cả bộ binh và binh khí kỹ thuật) đến nơi sẽ bắt đầu cuộc tấn công lớn, chưa nên làm bây giờ”[11]. Rạng sáng ngày 21-4, các tuyến phòng thủ cuối cùng của chính quyền Sài Gòn tại Xuân Lộc sụp đổ. Bốn tiểu đoàn còn sống sót của Sư đoàn 18 quân đội Việt Nam Cộng hòa với Tướng Tư lệnh Lê Minh Đảo đã phải thoát khỏi thành phố đổ nát ấy bằng máy bay lên thẳng.

Đầu tháng 4-1975, trong một cuộc họp báo tại Nhà Trắng, khi các phóng viên đặt vấn đề loại bỏ Nguyễn Văn Thiệu mở đường cho một chính phủ “có thể nói chuyện với Hà Nội” lên cầm quyền, Tổng thống Mỹ Gerald Ford nói: “Tôi không tin là tôi có quyền ra lệnh cho một nguyên thủ quốc gia được dân bầu rời nhiệm sở”[12]. Tuy nhiên, hơn hai tuần sau, vào ngày 20-4-1975, cả Tổng thống Gerald Ford và Ngoại trưởng Henry Kissinger đều đồng ý để đại sứ Mỹ tại Sài Gòn Graham Martin nói bóng gió với ông Thiệu về việc nên “cân nhắc từ chức”.

Nhà Trắng hy vọng với việc từ chức của ông Thiệu, Liên Xô có thể giúp nói với miền Bắc đàm phán để có “thêm vài ngày sơ tán những người Việt Nam có liên hệ với Mỹ”. “Với một điệu bộ khá lạnh lùng, Thiệu trả lời rằng ông sẽ làm tất cả những gì tốt đẹp cho đất nước của ông”[13]. Tuy nhiên, vào buổi trưa hôm sau, ngày 21-4-1975, khi không còn Xuân Lộc, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu triệu Thủ tướng Trần Thiện Khiêm và Phó Tổng thống Trần Văn Hương đến văn phòng, thông báo là ông

từ chức. Chiều tối hôm đó, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu lên truyền hình công khai quyết định của mình và giao quyền cho Phó Tổng thống Trần Văn Hương.

Lúc 3 giờ 30 phút chiều ngày 22-4-1975, từ Hà Nội, một bức điện ký tên Bí thư Thứ nhất Lê Duẩn được chuyển vào chiến trường: "Các anh ra chỉ thị ngay cho các hướng hành động kịp thời, chú trọng kết hợp tấn công quân sự và nổi dậy của quần chúng, sự hợp đồng giữa các hướng cũng như giữa tiến công và nổi dậy sẽ thực hiện trong quá trình hành động. Nắm vững thời cơ lớn, chúng ta nhất định giành toàn thắng"[14].

Ngày 26-4-75, Tướng Văn Tiến Dũng, tư lệnh Chiến dịch, và Tướng Trần Văn Trà di chuyển xuống Sở Chỉ huy tiền phương; hai ngày sau, Lê Đức Thọ và Phạm Hùng tới. Đến lúc ấy thì tình hình đã ngã ngũ. Sài Gòn hoàn toàn bị vây hãm. Phía Tây, Sư đoàn 5 của Đoàn 232 bắt đầu tấn công vào Sư đoàn 22, từ Tân An lên đến Cầu Voi; Trung đoàn 16 đánh chiếm cầu Bình Điền và cầu An Lạc; hai Trung đoàn đặc công 115 và 117 chiếm Phú Lâm. Xa hơn về phía tây, Lộ 4 bị cắt ở Cai Lậy.

Cũng từ ngày 26-4, Sư đoàn 8 Quân khu VIII đã cắt hoàn toàn Lộ 4 đoạn từ ngã ba Trung Lương lên giáp Tân An. Lực lượng Quân khu IX cũng khống chế được đoạn Cái Vồn-Ba Càng. Con đường chiến lược độc nhất xuyên suốt đồng bằng Cửu Long bị băm nát. Về phía Đông, Quân đoàn II ngày 26-4 cũng nổ súng tấn công căn cứ huấn luyện thiết giáp Nước Trong, đánh chi khu Long Thành; ngày 27-4 chiếm thị xã Bà Rịa. Đường 15 bị cắt đứt hoàn toàn. Cùng đêm 26-4, Trung đoàn đặc công 116 bắt đầu đánh cầu xa lộ Đồng Nai; Trung đoàn 10 đặc công đánh từ Phước Khánh đến ngã ba Đồng Tranh, khóa chặt đường sông. Sân bay Biên Hòa bị bắn phá bằng pháo 130 ly. Ngày 23-4, sân bay Biên Hòa bị đóng cửa cùng lúc với tòa lãnh sự Mỹ ở thị xã Biên Hòa. Sài Gòn chỉ còn kiểm soát hai sân bay cuối cùng: Lộ Tẻ (Cần Thơ) và Tân Sơn Nhất"[15].

Tướng Big Minh

Đầu tháng 4-1975, có những thông tin cho thấy người Mỹ quan tâm tới "phương án Big Minh". Tài liệu của CIA nói là ngày 2-4-1975, trùm CIA tại Sài Gòn Thomas Polgar gửi một bức điện về Tổng Hành dinh đề xuất lật Thiệu để đưa Dương Văn Minh lên thay, hy vọng thành lập được một chính phủ liên hiệp "có khả năng làm chậm lại cuộc xâm lược của Bắc Việt"[16]. Theo Polgar, trưởng đoàn Hungary trong Ủy ban Kiểm soát Bốn bên nói Hà Nội cho biết nếu Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu bị

loại thì Bắc Việt sẵn sàng thương thuyết. Tại Dinh Hoa Lan (vốn là một dinh thự của Đức Từ Cung ở số 3 Trần Quý Cáp, nay là Võ Văn Tần, được Tổng thống Ngô Đình Diệm ban tặng cho Tướng Minh), nhóm ông Minh bắt đầu thảo luận về khả năng chấp chính.

Đại tướng Dương Văn Minh[17] sinh năm 1916 tại Mỹ Tho. Cha ông, Đốc phủ sứ Dương Văn Huề, có bảy người con. Em kế ông Minh, Dương Thanh Nhựt, "tập kết" ra Bắc năm 1954. Ông Minh, vốn là một sỹ quan trong quân đội Pháp, sau Cách mạng tháng Tám đã từng tham gia kháng Pháp. Từ năm 1960, Xứ ủy Nam Bộ, khi ấy được lãnh đạo bởi ông Mười Cúc Nguyễn Văn Linh, đã yêu cầu Cục trưởng Cục Địch vận Võ Văn Thời giao nhiệm vụ cho Dương Thanh Nhựt về Nam để tiếp cận với Dương Văn Minh. Tháng 3-1961, Dương Thanh Nhựt, bấy giờ mang bí danh Mười Ty, về đến miền Nam, và tới tháng 8-1962 thì móc nối được với cậu ruột và vợ là Sử Thị Hương.

Ngày 1-11-1963, Dương Văn Minh, người hùng của Ngô Đình Diệm, đã nhân danh chủ tịch Hội đồng Quân nhân Cách mạng phát lệnh đảo chính tổng thống. Năm 1967, khi Dương Văn Minh đi Pháp, ông Mười Cúc cũng đã cử Mười Ty qua Paris; trước đó, Mười Ty cũng được đưa qua Hồng Kông tìm Dương Văn Minh, nhưng cả hai lần đều không gặp[18].

Giữa tháng 4-1975, tại một nhà hàng đặc sản của Tướng Mai Hữu Xuân nằm trong rừng cao su trên xa lộ Đại Hàn có tên là Đường Sơn Quán, ông Dương Văn Minh tổ chức họp mặt với đông đủ báo giới trong và ngoài nước, tuyên bố "sẵn sàng thay Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu như một giải pháp tình huống để tìm cơ hội hòa bình cho miền Nam". Sau cuộc họp báo, ngày 17-4, Đại sứ Pháp Jean Marie Mérillon đã đến Dinh Hoa Lan bằng xe có cắm quốc kỳ Pháp. Hành động của ông Đại sứ được báo chí Sài Gòn bình luận là cố tình vi phạm nguyên tắc ngoại giao nhằm công khai lập trường của Pháp đối với tình hình chính trị miền Nam.

Sau khi từ chức, ngày 21-4-1975, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu và gia đình vẫn sống trong Dinh Độc Lập. Phe đối lập và Đài Hà Nội liền gọi Sài Gòn là "Chính phủ Thiệu mà không có Thiệu". Cả Tổng thống tạm quyền Trần Văn Hương và Tướng Big Minh đều đánh tiếng để Đại sứ Martin thu xếp đưa ông Thiệu đi. Về mặt công khai, chuyến đi của ông Nguyễn Văn Thiệu và Đại tướng Trần Thiện Khiêm là "công cán".

Buổi chiều ngày 25-4-1975, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu với sự tháp tùng của một sỹ quan tùy viên, Trung tá Tôn Thất Ái Chiêu, đi một vòng "hậu dinh", nơi ở của gia đình ông, và chỉ ra yêu cầu chuẩn bị đồ đạc cá nhân để đưa về tư gia. Sau đó, ông đến văn phòng tổng thống. Sỹ quan tùy viên của ông Hương nói "Tổng thống đang họp". Ông Thiệu đưa cho viên sỹ quan một phong thư, dặn khi nào Tổng thống họp xong thì trình.

Theo ông Nguyễn Đức Từ, một trợ tá và là em rể họ của ông Thiệu, bức thư viết: "Thưa cụ, theo chỉ thị của cụ, tôi và Đại tướng Trần Thiện Khiêm đi giải độc tại các quốc gia bạn, cùng với đoàn tùy tùng gồm: Đại tá Đức, Đại tá Thiết, Đại tá Diên, Trung tá Chiêu…". Sau đó, ông Nguyễn Văn Thiệu cùng tùy tùng đến nhà Tướng Khiêm ở Bộ Tổng Tham mưu; tại đây, một tiệc nhẹ đã dọn sẵn. Ăn xong, Tướng Nguyễn Văn Thiệu cùng Trung tá Chiêu đi bộ về nhà, cũng trong khuôn viên Bộ Tổng. Khi họ quay lại thì bàn ăn nhà Tướng Khiêm đã được dùng làm bàn thủ tục cho chuyến bay.

Khoảng 9 giờ tối, ông Nguyễn Văn Thiệu cùng tùy tùng được đưa ra phi trường bằng ba chiếc xe do hai sỹ quan CIA lái. Đoàn xe ra khỏi cổng Bộ Tổng Tham mưu, thay vì rẽ phải vào phi trường, đã rẽ trái đi ngược ra Sài Gòn, vào Chợ Lớn, qua trường đua Phú Thọ, Lăng Cha Cả… qua cổng Phi Long, Bộ Tư lệnh Không quân, theo đường ngược chiều chạy vào sân bay. Tại "cổng nhà kính" của Không quân, đèn tắt, không có nhân viên Việt Nam nào làm việc, chỉ có thủy quân lục chiến và quân cảnh Mỹ. Sau khi nhận tín hiệu bằng đèn pin, đoàn xe đi qua, chạy thẳng tới cầu thang một chiếc máy bay C-118. Ở đó, Đại sứ Mỹ Martin đã đứng chờ đưa tiễn. Đêm ấy, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu bay đi Đài Loan[19].

Những ngày ấy, trong Dinh Hoa Lan, theo mô tả của một người kề vai sát cánh với ông Dương Văn Minh, Dân biểu đối lập Hồ Ngọc Nhuận, là "những ngày dài như vô tận". Tổng thống tạm quyền Trần Văn Hương, người trước đó được Tướng Nguyễn Văn Thiệu phong hàm "hạ sỹ danh dự" đã "quyết tử thủ dù Sài Gòn có phải tắm máu". Tướng Big Minh nói với Dân biểu Hồ Ngọc Nhuận: "Toa (anh) làm thế nào đó thì làm, nếu ông Hương cứ kéo dài hoài thì moa (tôi) không nhận đâu!".

Ông Hồ Ngọc Nhuận hiểu đại từ tiếng Pháp "toi" mà ông Tướng nói là nhằm chỉ ông Nhuận và nhóm dân biểu đối lập đang "quậy" ở Quốc hội để ông Hương từ chức. Nghe ông Tướng nói "moa không nhận", Dân biểu Hồ Ngọc Nhuận nghĩ tới cái

ghế tổng thống mà tới giờ đó “ai cũng thấy là không còn cái chân nào”, ông Nhuận xót xa nghĩ: “Ông Tướng đã từng muốn xua đi chén đắng để cuối cùng chấp nhận uống chén đắng cho tới cặn sao”[20].

Sau đó, trong một cuộc họp ở Dinh Hoa Lan, Dân biểu Hồ Ngọc Nhuận khuyên Tướng Big Minh “thôi”. Ông Dương Văn Minh ngạc nhiên: “Giờ này mà toa còn nói đâm bang!”. Ông Hồ Ngọc Nhuận bỏ phòng họp lên sân thượng. Dân biểu Dương Văn Ba sau đó theo lên nói: “Anh đừng buồn”. Ông Hồ Ngọc Nhuận nói: “Nếu ông Tướng nhận, người ta sẽ làm nhục, giờ này thì chỉ có đầu hàng thôi. Cho dù lâu nay hoạt động của chúng ta có gián tiếp tiếp tay cho họ (phía Cách mạng), nhưng tôi không muốn đứng trong hàng ngũ những người sẽ bị họ bắt quỳ gối, đầu hàng”. Kể từ đó, ông Nhuận không tham gia các cuộc họp bàn thành lập “nội các” nữa, cho dù nhiều người muốn ông Nhuận, người đã từng là quận trưởng Quận 8 và đang là một dân biểu đối lập hàng đầu, ra tay “giúp ông Tướng” mà nhận lãnh vai trò “đô trưởng”.

Ngày 27-4-1975, Quốc hội Sài Gòn nhóm họp. Chỉ còn 136 nghị sỹ trên tổng số 219 của lưỡng viện có mặt, phần đông trong số họ đã di tản ra nước ngoài. Bộ trưởng Quốc phòng Trần Văn Đôn và Tổng Tham mưu trưởng Cao Văn Viên đã đến để thuyết trình tình hình chiến sự. Mãi tới 8 giờ 54 phút tối hôm ấy, các nghị sỹ mới biểu quyết thông qua nghị quyết: “Yêu cầu ông Trần Văn Hương trao quyền cho Tướng Dương Văn Minh để mưu cầu hòa bình cho dân tộc”.

Ngày 28-4, Tướng Dương Văn Minh chính thức công bố thành phần chính phủ: Luật sư Nguyễn Văn Huyền, cựu chủ tịch Thượng viện, giữ chức phó tổng thống; luật sư Vũ Văn Mẫu giữ chức thủ tướng. Nội các còn có thêm một thành viên chính thức nữa là Tổng trưởng Thông tin Lý Quý Chung.

Quyết định đầu tiên của Đại tướng Dương Văn Minh là ký Văn thư số 33/TT/VT “mật - hỏa tốc” với nội dung: "Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa. Kính gửi ông Đại sứ Hoa kỳ tại Việt Nam. Thưa ông Đại sứ. Tôi trân trọng yêu cầu ông Đại sứ vui lòng ra chỉ thị cho các nhân viên của cơ quan tùy viên quân sự DAO rời khỏi Việt Nam trong vòng hai mươi bốn giờ đồng hồ kể từ ngày 29-4-1975 để vấn đề hòa bình Việt Nam sớm được giải quyết. Trân trọng kính chào ông Đại sứ. Sài Gòn ngày 28-4-1975. Ký tên: Đại tướng Dương Văn Minh”.

Trại Davis

Sáng 29-4-1975, một người bạn cùng sinh hoạt tôn giáo với Phó Tổng thống Nguyễn Văn Huyền là nhà nghiên cứu Nguyễn Đình Đầu chủ động gặp ông Huyền hỏi: "Chính quyền ông Dương Văn Minh thành lập được nói là để hòa giải dân tộc, vậy các anh đã tiếp xúc gì với phía bên kia chưa?". Phó Tổng thống Nguyễn Văn Huyền nói chưa, và đề nghị ông Nguyễn Đình Đầu vào trại Davis gặp đại diện Cách mạng có mặt ở đó với tư cách là thành viên thuộc Ủy Ban Liên lạc Bốn bên theo Hiệp định Paris.

Từ năm 1939, ông Nguyễn Đình Đầu hoạt động trong phong trào Thanh Lao Công, một tổ chức của lực lượng thanh niên Công giáo. Tại đó, ông gặp ông Nguyễn Mạnh Hà, nguyên giám đốc Kinh tế Bắc kỳ trong chính phủ thân Nhật của ông Phan Kế Toại, người được ông Võ Nguyên Giáp tiến cử làm bộ trưởng Kinh tế sau Cách Mạng tháng Tám. Ông Hà chọn ông Nguyễn Đình Đầu làm bí thư Bộ, một trong bốn viên chức chính trị của Bộ[21].

Phái đoàn vào trại Davis hôm 29-4-1975 gồm ông Nguyễn Văn Diệp, ông Nguyễn Đình Đầu, Kỹ sư Tô Văn Cang và ông Nguyễn Văn Hạnh. Dọc đường đi họ gặp rất nhiều trở ngại do binh lính cản đường. Ở trại Davis, một cán bộ Cách mạng tiếp họ nhưng nói là Phái đoàn Chính phủ Cách mạng không có nhiệm vụ tiếp xúc. Nhưng khi trao đổi không chính thức, vị cán bộ này gợi ý: chỉ cần các ông chấp nhận "Tuyên bố ngày 26-4-1975 của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam"[22].

Trở về từ trại Davis, ông Diệp báo cáo với Phó Tổng thống Nguyễn Văn Huyền. Sau khi có tranh luận trong nội bộ Chính phủ, ông Nguyễn Văn Diệp và ông Nguyễn Đình Đầu về nhà ông Diệp cùng soạn thảo bản tuyên bố "Chấp nhận Điều kiện Ngừng bắn của Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam". Dự thảo viết xong lúc 16 giờ và ngay sau đó được "Phó Tổng thống đặc trách đàm phán" Nguyễn Văn Huyền trình lên Tổng thống. Tướng Dương Văn Minh chấp thuận. Ông Nguyễn Văn Huyền đã công bố bản này trên Đài Phát thanh Sài Gòn vào lúc 17 giờ ngày 29-4-1975.

Cũng trong ngày 29-4, sau bữa cơm trưa, Luật sư Trần Ngọc Liễng, một người hoạt động trong lực lượng thứ ba, tới Dinh Hoa Lan gặp Tổng thống Dương Văn Minh. Ông Liễng, một người của phía Cách mạng, thông báo với ông Minh về "bốn giàn pháo của quân Giải phóng đặt quanh Sài Gòn" và nói: "Nếu anh chấp nhận

không chống cự thì tôi lên ngay trại Davis báo ý này với phái đoàn Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam và yêu cầu họ không pháo kích vào Sài Gòn, tránh cho nhân dân khỏi bị chết chóc, Sài Gòn không đổ nát". Ông Minh suy nghĩ rồi nói: "Liễng đi đi".

Khoảng 15 giờ, "sứ bộ" thứ hai gồm Luật sư Trần Ngọc Liễng, Linh mục Chân Tín, Giáo sư Châu Tâm Luân vào trại Davis. Trưởng Phái đoàn Chính phủ Cách mạng Võ Đông Giang ra tiếp, nhận thông điệp "Sài Gòn không chống cự" từ ông Liễng. Do tình hình chiến sự, ông Võ Đông Giang đã giữ "sứ bộ" ở lại trại Davis cho tới khi quân Giải phóng vào đến Sài Gòn.

Trước đó, một người trong nhóm của Luật sư Trần Ngọc Liễng đã được tiến cử để Tổng thống Dương Văn Minh bổ nhiệm vào chức giám đốc Nha Cảnh sát Đô thành: ông Triệu Quốc Mạnh, chánh Biện lý Gia Định, một "đảng viên cộng sản nằm vùng". Trong ngày 29-4, Triệu Quốc Mạnh đã kịp thi hành triệt để lệnh của tổng thống: thả hết tù chính trị.

Nguyễn Hữu Hạnh

Trong khi ấy, từ Cần Thơ, Chuẩn tướng hồi hưu Nguyễn Hữu Hạnh lặng lẽ theo dõi tình hình, nhận thấy đây là cơ hội cuối cùng để mối quan hệ âm thầm với Cách mạng gần chục năm qua mang về kết quả.

Ông Hạnh với ông Minh đã có hơn ba mươi năm biết nhau trên nghĩa thầy trò. Ngày đăng lính, ông Nguyễn Hữu Hạnh được người Pháp đưa vào một đơn vị nơi ông Dương Văn Minh là thiếu úy đại đội phó. Sau ba tháng huấn luyện với sự dìu dắt trực tiếp của ông Minh, ông Hạnh được phong trung sỹ. Trong chiến dịch Thoại Ngọc Hầu, truy quét quân Bình Xuyên năm 1956, ông Minh bổ nhiệm ông Hạnh giữ chức tham mưu trưởng chiến dịch.

Ông Hạnh có một người bác, nhưng nhỏ tuổi hơn ông, ông Nguyễn Tấn Thành - thường gọi là Tám Vô Tư. Ông Nguyễn Tấn Thành "trụ" lại ở miền Nam, trong khi con trai của ông, Nguyễn Tấn Phát[23], được đưa ra miền Bắc. Mấy lần ông Tám Vô Tư bị chính quyền Sài Gòn bắt, ông Nguyễn Hữu Hạnh đều khéo léo sử dụng quyền lực và các mối quan hệ để cứu ra. Khi ba của ông Nguyễn Hữu Hạnh mất, ông Hạnh muốn đưa về an táng ở quê lúc bấy giờ nằm trong vùng kiểm soát của quân Giải phóng, ông Tám Vô Tư lại đứng ra "dàn xếp". "Ổng khéo lắm", Chuẩn tướng Nguyễn Hữu Hạnh nhớ lại. Dần dần, ông Nguyễn Hữu Hạnh nhận ra bác mình, ông

Tám Vô Tư, đang thực hiện một kế hoạch “binh vận” do ông Bảy Lương, tức Lê Quốc Lương[24], phụ trách.

Tướng Nguyễn Hữu Hạnh tỏ ra hợp tác; tuy nhiên, ông khôn khéo từ chối lời đề nghị “ra căn cứ dựng cờ sỹ quan yêu nước trong Mặt trận Giải phóng”, từ chối tham gia lực lượng thứ ba, và từ chối tiếp xúc với “anh em Cách mạng”. Tướng Nguyễn Hữu Hạnh nói với ông Tám Vô Tư: “Ông bị bắt, tôi cứu, tôi mà bị bắt không ai cứu được”. Giữa năm 1974, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu cho Nguyễn Hữu Hạnh về hưu; ông về Cần Thơ, gặp gỡ binh vận nhiều hơn nhưng vẫn không chịu “đi hẳn theo Cách mạng”. Tuy nhiên, khi thế cờ đã gần như ngã ngũ, đặc biệt, khi thấy ông thầy Dương Văn Minh nhảy ra chấp chính, Chuẩn tướng Nguyễn Hữu Hạnh quyết định nắm lấy cơ hội cuối cùng.

Ông kể: "Sáng 29-04-1975 tôi đến gặp ông Minh tại nhà riêng, văn phòng khi ấy vẫn còn ở nhà ông, số 3 Trần Quý Cáp. Trung tướng Mai Hữu Xuân, phụ trách sự vụ nói với tôi: Đại tướng bận họp, Chuẩn tướng chờ một chút. Ông Dương Văn Minh là một con người kín đáo, trầm lặng, nhưng lúc này trên gương mặt ông cũng lộ rõ vẻ suy nghĩ lo âu. Một sĩ quan tùy viên vào trình có Đại sứ pháp đến. Tôi sang phòng bên để ông Minh và ông Huyền tiếp Mérillon nhưng vẫn nghe được tiếng của Đại sứ Mérillon thông báo là Tổng trưởng Ngoại giao Pháp đã liên lạc với Hà Nội về vấn đề thương thuyết, nhưng Hà Nội trả lời ‘Rất tiếc là đã quá trễ’.

Hai ông Dương Văn Minh và Vũ Văn Mẫu tiếp tục trao đổi sau khi Mérillon ra về. Họ quyết định tuyên bố thả hết tù chính trị. Tôi hỏi ông Dương Văn Minh: ‘Thưa Đại tướng, còn về tình hình quân sự ra sao?’. Ông Minh nói: ‘Toa là quân nhân không đi xem còn hỏi gì?’ Là tổng tư lệnh quân đội, nhưng lúc bấy giờ ông Minh cũng không nắm nổi tình hình mà còn phó thác cho Trung tướng Đồng Văn Khuyên phụ trách mọi việc ở Bộ Tổng tham mưu. Tôi thấy lúc này cần phải nắm lấy việc chỉ huy quân đội và tôi đoán thế nào ông Minh cũng trao việc này cho tôi. Tôi nói: ‘Tôi về hưu rồi đi coi sao được. Đại tướng có cho quyền thì tôi mới đi’. Ngay lúc đó ông Minh phái tôi đến Bộ Tổng Tham mưu xem xét tình hình quân sự”.

Ông Nguyễn Hữu Hạnh chưa kịp về tới nhiệm sở thì Tổng Tham mưu trưởng Cao Văn Viên và Tướng Nguyễn Văn Minh, tư lệnh Biệt khu Thủ đô, đã bỏ ra nước ngoài. Trung tướng Vĩnh Lộc được cử giữ chức tổng tham mưu trưởng, Thiếu tướng Lâm Văn Phát giữ chức tư lệnh Biệt khu Thủ đô. Tướng Vĩnh Lộc trao cho ông Nguyễn

Hữu Hạnh bộ đồ quân phục của một đại úy và cho ông cặp quân hàm chuẩn tướng. Chân ông Hạnh đi giày quân sự nhưng đầu thì không mũ, Tướng Vĩnh Lộc nhìn, lắc đầu, chửi thề rồi nói: "Bây giờ chúng nó chạy như chuột".

Tình hình ở Bộ Tham mưu rối ren, bế tắc. Theo Tướng Nguyễn Hữu Hạnh, khi ông Minh gọi Tướng Vĩnh Lộc tới nhà, cử ông làm tổng tham mưu trưởng, thì Tướng Vĩnh Lộc từ chối: "Đại tướng giao cho Ngô Quang Trưởng đi, sớm nay tôi còn thấy nó ở Tổng Tham mưu". Quân đoàn I của Tướng Trưởng vừa bị đánh tan tác ở Huế và Đà Nẵng, Tướng Trưởng vừa mới chạy tới Sài Gòn. Dương Văn Minh không đồng ý.

Nhân khi ông Minh rời phòng khách, Tướng Nguyễn Hữu Hạnh cố thuyết phục Vĩnh Lộc chấp nhận. Tướng Vĩnh Lộc lên nắm quyền nhưng vẫn sắp xếp cho gia đình chuẩn bị "di tản". Ông Hạnh nhớ lại: "Cái chức ấy bao năm qua nhiều kẻ đã phải giành giật nhau, vậy mà bấy giờ không ai muốn nhận nữa".

Sài Gòn trong vòng vây

Theo Henry A. Kissinger, cuối tháng 4-1975, người Mỹ đã hoàn thành phần lớn việc di tản, kể cả hơn một trăm nghìn người Việt Nam có thể bị nguy hiểm do đã cộng tác với người Mỹ. Ngày 22-4-1975, Bộ Tư pháp Hoa Kỳ đã "chấp thuận yêu cầu" của Tổng thống Gerald Ford, đồng ý gỡ bỏ những điều kiện hạn chế (extend parole) cho "khoảng 130,000 dân tị nạn đến từ Đông dương, trong đó có 50,000 người thuộc diện nguy cơ cao". Đây là lần thứ hai Bộ Tư pháp Hoa Kỳ "chấp thuận một trường hợp ngoại lệ" (lần đầu, năm 1960, được dành cho "dân tị nạn Cuba").

Từ ngày 21-4, các máy bay, C-141 vào ban ngày và C-130 vào ban đêm, liên tục cất cánh từ Sài Gòn, đưa "khoảng 50.000 người Việt nam" ra đi. Hơn 80.000 người Việt Nam khác "với sự trợ giúp của Mỹ chạy thoát bằng các phương tiện khác".

Tuy nhiên, vào 4 giờ sáng ngày 29-4, khi quân Giải phóng tấn công bằng tên lửa vào sân bay Tân Sơn Nhất, 8.000 người Việt nam và 400 người Mỹ vẫn còn đang tập trung ở đó để chờ lên máy bay. Cuộc sơ tán đã phải tạm ngưng vì đám đông hoảng loạn. Trong ngày hôm ấy, Sài Gòn chứng kiến những đợt rút chạy cuối cùng của phái bộ Mỹ, trực thăng lên xuống ầm ĩ trên vùng trời Tân Sơn Nhất, binh sĩ dưới đất bắn lên, tức giận.

Ba giờ chiều ngày 29-04-1975, tình hình quân sự được báo cáo về Bộ tổng tham mưu Sài Gòn: Hướng Củ Chi, Sư đoàn 25 của Chuẩn tướng Lý Tòng Bá thất thủ vào chiều 28-04-1975 sau khi căn cứ Đồng Dù bị mất. Ở Biên Hòa, Trung tướng Toàn cho biết: trong ngày 28-04-1975, lúc 18 giờ 10 phút, Việt Cộng dùng xe tăng đánh chiếm chi khu Long Thành; 18 giờ 50 phút mất tỉnh lị Bà Rịa; 19 giờ 30 phút Biên Hoà bị bao vây ba mặt.

Tối 29-04-1975, Thiếu tướng Lê Minh Đảo nói với Tướng Nguyễn Hữu Hạnh ông đang bị bọc hậu và xin rút về bên này sông Đồng Nai để cố thủ. Theo ông Hạnh thì giọng Tướng Lê Minh Đảo lạc đi. Cách đó mới hơn một tuần, Tướng Đảo tuyên bố "Cố thủ Xuân Lộc", nhưng rồi Sư đoàn 18 đã phải rút chạy. Trong khi đó, ở Sư 22 đóng tại Tân An, Chuẩn tướng Phan Đình Niệm đã bỏ trốn. Hướng Thủ Dầu Một do Sư 5 trấn giữ đã bị chọc thủng đêm 29-04-1975, liên lạc bị cắt đứt.

Khi quân Giải phóng tràn đến Hố Nai, Sư đoàn 18 và Lữ đoàn 5 thiết giáp lập tuyến phòng thủ bên này sông Đồng Nai. Đêm 29-04-1975, nhiều đoàn xe của quân Giải phóng từ phía Hóc Môn đã tiến về Sài Gòn. Tư lệnh Biệt khu Thủ đô cho biết đã lập xong kế hoạch phản công. Theo Chuẩn tướng Nguyễn Hữu Hạnh, muốn kéo dài sự phòng thủ thì cần chỉ thị sắp xếp quân lại. Tuy nhiên, ông đã không bàn với Tướng Vĩnh Lộc việc này. Theo chỉ thị của Tổng thống Dương Văn Minh, "không được di chuyển quân để chờ ông thương thuyết".

Trước khi về gặp tổng thống, ông Nguyễn Hữu Hạnh trình bày tình hình quân sự với Trung tướng Vĩnh Lộc và Trung tướng Nguyễn Hữu Có: "Phía Tân Sơn Nhất quân của Biệt khu Thủ đô đang chạm súng với Việt Cộng. Có thể họ sẽ giữ nổi nhưng phải chịu thiệt hại nhiều về người và vật chất. Tuy nhiên phía Biên Hòa và Thủ Dầu Một, Quân đoàn III không còn; chỉ huy các đơn vị của họ, Trung tướng Toàn đã bỏ chạy; Sư đoàn 18 và Lữ đoàn 5 thiết giáp kẹt ở tuyến sông Đồng Nai. Hướng Thủ Dầu Một bị bỏ ngỏ. Một đoàn chiến xa của Việt Cộng đang tiến về Sài Gòn. Mặt trận phía này chúng ta không có quân xung kích mà chỉ có lực lượng phòng thủ. Tôi e trong thời gian ngắn nữa chúng ta sẽ không thể gỡ nổi". Theo ông Nguyễn Hữu Hạnh: "Nghe xong, Tướng Vĩnh Lộc biến đổi sắc mặt, vội cầm lấy điện thoại báo cáo với ông Dương Văn Minh. Sau đó Vĩnh Lộc bắt tay tôi, đó là cái bắt tay cuối cùng". Tám giờ sáng 30-04-1975, viên tướng dòng dõi hoàng tộc này đã cùng gia đình "di tản" bằng đường thủy.

Ông Nguyễn Hữu Hạnh nhớ lại: "Tôi và Tướng Nguyễn Hữu Có chạy đi tìm xe, tài xế đã bỏ đi mất. Tướng Có phải gọi điện thoại về nhà đưa chiếc xe riêng đón chúng tôi đến nhà ông Dương Văn Minh lúc 6 giờ sáng. Gặp ông Minh, Tướng Có trình bày lại toàn bộ tình hình quân sự như tôi đã nói. Ông Minh trầm ngâm. Tôi nói thêm: 'Tình hình rất nguy ngập, xin Đại tướng quyết định gấp'. Ông Minh quay lại hỏi: 'Bây giờ toa muốn gì?' Tôi nói: 'Thưa Đại tướng quyền chính trị là ở Đại tướng, riêng về quân sự thì Đại tướng phải giải quyết, tình hình quá nguy ngập không cho phép chúng ta chần chừ nữa'. Ông Minh suy nghĩ trầm ngâm một hồi rồi nói: 'Thôi để tôi đi bàn với ông Huyền và ông Mẫu, các toa ngồi đây đợi'. Tôi đề nghị được đi theo, ông Minh đồng ý".

Ông Minh và ông Hạnh tới Phủ Thủ tướng, số 7 đường Thống Nhất (nay là đường Lê Duẩn). Trên đường đi họ chứng kiến sự hốt hoảng của dân chúng, tại tòa đại sứ Mỹ có nhiều kẻ đang hôi của. Đại sứ Mỹ Martin rời khỏi Sài Gòn vào lúc 4 giờ 58 phút sáng 30-4-1975. Tuy nhiên, chuyến trực thăng cuối cùng rời khỏi tòa Đại sứ Mỹ, theo Ngoại trưởng Kissinger, là vào lúc 8 giờ 53 phút sáng 30-4, để sơ tán 129 lính thủy đánh bộ bảo vệ cuộc di tản ở tòa Đại sứ.

Ông Dương Văn Minh yêu cầu cho xe đón ông Huyền và ông Mẫu. Xe riêng của tổng thống đã đón ông Nguyễn Đình Đầu trước khi qua nhà ông Nguyễn Văn Huyền. Ông Đầu thuật lại, trên đường đi đến số 7 Thống Nhất, ông Huyền có nói với ông Đầu một câu bằng tiếng Pháp "Il faut se rendre"(phải đầu hàng).

Tình hình chiến sự mỗi phút càng nguy ngập. Lúc 8 giờ sáng 30-4, ba ông Dương Văn Minh, Nguyễn Văn Huyền và Vũ Văn Mẫu không còn lựa chọn nào hơn là đơn phương tuyên bố "bàn giao chính quyền cho Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam". Ông Vũ Văn Mẫu soạn lời tuyên bố mất khoảng một tiếng đồng hồ; 9 giờ ông Minh đọc vào máy ghi âm, và lúc 9 giờ 30 phút lời tuyên bố này được phát đi trên sóng. Những người như ông Võ Văn Kiệt như trút được gánh nặng khi nghe được tuyên bố này phát trên đài Sài Gòn.

Vào khoảnh khắc Bản Tuyên bố bàn giao chính quyền sắp được đọc vào máy ghi âm, trước 9 giờ ngày 30-04-1975, Tướng Vannuxem đến Phủ Thủ tướng gặp ông Nguyễn Hữu Hạnh nhờ ông Hạnh đưa vào gặp ông Minh, khi đó đang ngồi trong phòng khách với ông Nguyễn Văn Huyền và ông Vũ Văn Mẫu. Vannuxem là thiếu tướng người Pháp đã hồi hưu, thân Mỹ và thân cả Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu và

Tướng Cao Văn Viên. Vannuxem đi ngay vào câu chuyện: "Tôi ở Paris mới đến, trước khi đi có gặp nhiều nhân vật, kể cả đại sứ Trung Cộng". Rồi Vannuxem yêu cầu ông Minh kéo dài cuộc chiến ít nhất hai mươi bốn tiếng đồng hồ, tuyên bố bỏ Mỹ đi với Bắc Kinh. Theo ông Vannuxem, làm như vậy Bắc Kinh sẽ gây áp lực với Hà Nội để ngưng chiến tại miền Nam. Ông Minh không đồng ý. Khi Vannuxem về rồi, ông Dương Văn Minh nói: "Mình đã lỡ đi với Mỹ, bây giờ lại bán nước cho Trung Cộng sao".

Theo kế hoạch thì chính phủ của Thủ tướng Vũ Văn Mẫu sẽ "ra mắt" vào lúc 10 giờ sáng 30-4-1975, nhưng khi các nhân vật của chính phủ cũ và mới đến số 7 Thống Nhất thì họ nghe được Tuyên bố Bàn giao Chính quyền. Nhiều người trong số họ đã di chuyển sang Dinh Độc Lập không phải để tuyên thệ mà để chờ đợi.

Trong thời gian ấy, Tướng Nguyễn Hữu Hạnh mang Tuyên bố Bàn giao Chính quyền của Tổng thống Dương Văn Minh và Chỉ thị buông súng của Phụ tá Tổng Tham mưu trưởng Nguyễn Hữu Hạnh sang phát trên Đài Phát thanh Sài Gòn. Khi Tướng Hạnh trở lại Phủ Thủ tướng thì nơi đây đã hoàn toàn vắng lặng. Ông Hạnh chạy đến nhà ông Dương Văn Minh ở số 3 Trần Quý Cáp thì được biết ông Minh và gia đình đã vào Dinh Độc Lập. Ông Hạnh đến Dinh Độc Lập. Ngoài đường lúc ấy im phắc. Ông Nguyễn Hữu Hạnh vào Dinh bằng cổng chính, cổng Dinh mở, không lính gác.

Trước thềm Dinh, ông Hạnh thấy một xe Jeep và một xe GMC đầy lính vũ trang. Tướng Hạnh hỏi một sỹ quan đeo lon trung úy mới biết Thiếu tá Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Lôi Hổ phòng thủ Tân Sơn Nhất đang gặp ông Minh ở tầng một Dinh Độc Lập. Tướng Nguyễn Hữu Hạnh định về Bộ Tổng tham mưu, nhưng ông Minh giữ lại. Vừa lúc, điện thoại tại phòng làm việc của Chánh văn phòng Tổng thống reng. Một thiếu tá xin gặp Chuẩn tướng Nguyễn Hữu Hạnh. Đó là Thiếu tá Tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn Lôi Hổ phụ trách phòng thủ Bộ Tổng tham mưu.

Viên thiếu tá hỏi: "Chuẩn tướng bảo chúng tôi buông súng là làm sao? Tôi không đầu hàng đâu, tôi đã bắn cháy ba xe tăng". Tướng Nguyễn Hữu Hạnh giải thích và khuyên: "Thiếu tá không nên để cho máu đổ ở giờ thứ 25". Viên thiếu tá yêu cầu nói chuyện với Tổng thống, Tướng Hạnh mời ông Minh đến, nhưng câu chuyện chưa xong thì chiếc tăng 843 xuất hiện. Ông Minh nói: "Quân Giải phóng đã vào tới Dinh rồi, thôi cúp".

Xe tăng 390

Lúc đó là 10 giờ 45 phút ngày 30-4-1975. Trước đó ít phút, khi Tiểu đoàn trưởng Lôi Hổ phòng thủ Tân Sơn Nhất bỏ đi, một dân biểu thuộc lực lượng thứ ba, Trung tá Nguyễn Văn Binh, đã cẩn thận đóng cổng Dinh Độc Lập. Hành động này của Trung tá Nguyễn Văn Binh đã điều chỉnh một chi tiết trong lịch sử: Chiếc tăng 843 đi theo đường Thống Nhất từ Sở Thú tới trước rồi dừng lại trước cổng phụ trong khi xe tăng 390 tới sau, nhưng hùng dũng húc đổ cổng chính Dinh Độc Lập, cánh cửa cuối cùng của cuộc chiến.

Vào lúc 9 giờ 30 phút sáng 30-4, khi ở phía Tây Sài Gòn, ông Võ Văn Kiệt ra lệnh "giản chính đồ đạc", ở phía Đông, Trung tá Bùi Văn Tùng, chính ủy Lữ đoàn tăng 203, cũng nghe được tuyên bố của Tướng Dương Văn Minh qua chiếc radio mà ông luôn đeo bên người. Phía sau ông, Tư lệnh Quân đoàn II, Tướng Nguyễn Hữu An, luôn theo sát đốc chiến. Họ như những người lính xung trận linh cảm được chiến thắng, càng nóng lòng hơn khi có thể "sờ" thấy ở phía trước mục tiêu cuối cùng.

Đêm 29-4, Tướng Nguyễn Hữu An gửi thư cho Lữ đoàn 203. Bức thư được Trung tá Bùi Tùng ghi chú "Nhận lúc 24 giờ ngày 29-4-1975" viết: "Anh Tài và Tùng. Bảy chiếc tăng và một bộ phận bộ binh đã đến cầu xa lộ Biên Hòa gặp bộ phận đặc công của 116 giữ đã hai ngày nay. Tình hình như vậy là thuận lợi do đó phải mạnh dạn tiến lên, đừng để bọn tàn binh lẻ tẻ nó cản trở. Cố gắng đưa toàn bộ đội hình của các anh qua bên Tây cầu đêm nay và độ 3-4 giờ sáng 30-4 là ta xốc được tới Sài Gòn chiếm xong cầu Rạch Chiếc và Tân Cảng đến cầu Sài Gòn. Tôi đã nói anh Ân cho 2d (tiểu đoàn) của E9 tràn về phía cầu xa lộ Biên Hòa. Các anh thi hành khẩn trương và giữ liên lạc với tôi thường xuyên. Mục tiêu vào Sài Gòn là Dinh Tổng thống - Đài Phát thanh, BTL (Bộ Tư lệnh) Hải quân, ngân hàng, phủ đặc ủy trung ương tình báo./An".

Trước đó, vào lúc 10 giờ ngày 29-4-1975, ngay sau khi Tổng thống Dương Văn Minh ra lệnh cho quân đội Sài Gòn ngừng di quân, Bộ Chính trị điện: "Gửi anh Sáu, anh Bảy, anh Tư, / Đồng điện anh Tấn,/Bộ Chính trị và Quân uỷ đang họp thì được tin Dương Văn Minh ra lệnh ngừng bắn. Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương chỉ thị: Các anh ra lệnh cho quân ta tiếp tục tiến công vào Sài Gòn theo kế hoạch; tiến quân với khí thế hùng mạnh nhất, giải phóng và chiếm lĩnh toàn bộ thành phố, tước

vũ khí toàn bộ quân đội địch, giải tán chính quyền các cấp của địch, đập tan triệt để mọi sự chống cự của chúng. Công bố đặt thành phố Sài Gòn-Gia Định dưới quyền của Uỷ Ban Quân Quản do tướng Trần Văn Trà làm chủ tịch. Sẽ có điện tiếp, nhận được điện trả lời ngay. Ba"[25].

Rạng sáng ngày 30-4-1975, những chiếc tăng đầu tiên của Lữ đoàn 203 chạy đến căn cứ Nước Trong, Long Khánh. Lúc bấy giờ, Thiếu úy Lê Văn Phượng, trưởng xe 390, vẫn chưa biết chiếc tăng T59 của mình sẽ đi vào lịch sử. Sống chết vẫn còn gang tấc. Khi cho xe dừng lại định nấu cơm bên một bìa rừng cao su, pháo thủ số hai của tăng 390, Đỗ Cao Trường, bị một toán thủy quân lục chiến núp trong vườn cao su bắn bị thương. Thiếu úy Phượng ra lệnh quay nòng pháo vào vườn cao su, bắn cho tới khi toán thủy quân lục chiến rút hết. Họ để Đỗ Cao Trường ở lại cho du kích rồi bốn anh em lên xe tiến về Sài Gòn. Tới ngã tư Hàng Xanh, những chiếc tăng phải chạy lòng vòng để tìm đường.

Trước đó không lâu, trong một cánh rừng cao su, Trung tướng Lê Trọng Tấn giao nhiệm vụ cho Quân đoàn IV: "đánh chiếm mục tiêu quan trọng nhất". Tướng Nguyễn Hữu An, tư lệnh Quân đoàn II, hỏi: "Nếu Quân đoàn II vào trước có được đánh chiếm mục tiêu quan trọng nhất không?". Tướng Lê Trọng Tấn gật đầu. Ngày 24-4, cũng tại một vườn cao su ở Long Thành, Tướng Nguyễn Hữu An đặt vấn đề với Lữ đoàn 203: "Cậu Tài (Trung tá Nguyễn Tất Tài, lữ trưởng 203) tốt nghiệp ở Liên Xô, cậu Tùng tốt nghiệp Học viện Thiết giáp Trung Quốc, các cậu biết rõ Liên Xô khi kết thúc Thế chiến thứ II đã dùng một sư đoàn tăng để tấn công vào sào huyệt cuối cùng. Tại sao mình có một lữ tăng, mình không vào Dinh Độc Lập?".

Ngay sau đó, trong khi "mũi thọc sâu" của Quân đoàn IV là bộ binh thì Tướng Nguyễn Hữu An đã đưa Lữ tăng lên tiên phong. Xe 390 đi trước nhưng chạy thẳng theo đường Hồng Thập Tự, thay vì đi hướng từ Sở Thú lên như 843, nên khi vào đến Dinh Độc lập lúc 10 giờ 45 phút, đã thấy xe 843 của trung úy Bùi Quang Thận tấp qua bên trái, dừng lại trước cổng phụ. Bùi Quang Thận phất tay ra hiệu cho xe của Lê Văn Phượng tiến lên.

Thiếu úy Lê Văn Phượng ngồi thụp xuống, đậy nắp tháp pháo và lệnh cho xe ủi vào cổng chính. Anh nghe tiếng "rầm" và tiếp đó là âm thanh bánh xích nghiền nát cánh cổng sắt. Biết cổng không có mìn, Lê Văn Phượng mở nắp tháp pháo, đứng nhô lên nửa người, từ xa anh thấy một nữ phóng viên "Tây" ngồi trên thảm cỏ.

Nhưng khi xe anh cán lên bãi cỏ thì không thấy chị phóng viên đâu nữa. Hai mươi năm sau, Lê Quang Phượng sẽ gặp lại người phụ nữ ấy, còn lúc bấy giờ thì anh không có thời gian để tìm xem chị ở đâu.

Đến thềm Dinh, anh quay lại, thấy xe 843 vẫn đậu chỗ cũ, nhưng Trung úy Bùi Quang Thận thì đã nhảy xuống, chạy núp theo sau xe 390, tay cầm lá cờ khổ nhỏ, loại cờ được để sẵn rất nhiều ở trên mỗi xe để cứ chiếm được mục tiêu quan trọng nào lại cắm lên. Pháo thủ số 1 của xe 390 cũng cầm cờ định nhảy xuống, nhưng Lê Văn Phượng ra lệnh: "Anh Thận cầm cờ rồi, hãy nạp pháo, chuẩn bị!". Rồi Lê Văn Phượng giữ lấy khẩu đại liên, yểm trợ. Nhưng từ lúc ấy, họ không còn phải bắn một phát đạn nào[26].

Khi chiếc tăng 390 đỗ lại, chính trị viên đại đội Vũ Đăng Toàn xách AK nhảy xuống, chờ đại đội trưởng Bùi Quang Thận cầm cờ tiến vào. Cả hai chạy lên thềm Dinh trong tư thế được mô tả là sẵn sàng chiến đấu. Bùi Quang Thận nhớ lại là anh đã hơi lo khi thấy bên trong có người mặc quân phục. Có thể vì quá căng thẳng và có thể vì là một người lính nông dân lần đầu đứng trước một tấm kính khổng lồ, Bùi Quang Thận lao vào cửa kính mạnh đến nỗi anh ngã bật ra phía sau trong khi tay vẫn không rời lá cờ. Từ trong Dinh, một người bận đồ dân sự chạy ra, mời vào.

Bùi Quang Thận đứng trước một "Nội các" có lẽ cũng bối rối không kém. Không biết phải làm gì hơn, Bùi Quang Thận đề nghị Vũ Đăng Toàn ở lại "canh chừng", chờ cấp chỉ huy đến còn mình thì làm nốt "vai trò lịch sử", cắm cờ trên nóc Dinh Độc Lập. Chỉ huy lực lượng Phòng vệ Phủ Tổng thống, Đại tá Chiêm, được lệnh hướng dẫn Bùi Quang Thận đi thang máy lên nóc Dinh. Cùng đi theo hỗ trợ có sinh viên Nguyễn Hữu Thái (cựu Chủ tịch Tổng hội Sinh viên Sài Gòn) và Tiến sỹ Huỳnh Văn Tòng[27].

Khi ấy, thang bộ của Dinh chưa sử dụng được vì ngày 8-4-1975 đã bị phi công Nguyễn Thành Trung, một người được Cách Mạng cài vào quân đội Sài Gòn, ném bom làm hỏng. Đại tá Chiêm dẫn ba người đến trước thang máy, loại phương tiện mà đối với Bùi Quang Thận còn lạ hơn những tấm kính khổ rộng rất nhiều. Bùi Quang Thận nhất quyết không vào; về sau anh kể lại: "Lúc đó tôi thấy thang máy giống như... cái hòm, vào đó nhỡ nó nhốt mình luôn, biết bao giờ mới ra được!". Sau khi nghe Đại tá Chiêm giải thích, Bùi Quang Thận mới chịu dùng thang máy.

Phải mất khá lâu, ba người đi cùng mới giúp Bùi Quang Thận hạ lá cờ ba sọc vàng xuống bởi nó khá lớn và được buộc giây chắc chắn. Bùi Quang Thận kéo lá cờ của Mặt trận Dân tộc Giải phóng nửa xanh nửa đỏ có sao vàng ở giữa lên, sau khi viết và ký tên vào: "11g30 ngày 30-4. Thận"[28].

Đầu hàng

Khi Bùi Quang Thận được Đại tá Chiêm dẫn lên nóc Dinh, Trung úy Vũ Đăng Toàn ở lại tầng hai. Trung úy Toàn viết: "Tôi dồn toàn bộ nội các Dương Văn Minh vào một chỗ. Dồn xong thì ông Nguyễn Hữu Hạnh mời ông Dương Văn Minh ra chào. Khi ông Minh vừa ra thì anh Phạm Xuân Thệ cùng hai trợ lý đến. Anh Thệ nói: 'Tôi là đại úy Phạm Xuân Thệ, trung đoàn phó Trung đoàn 66'".

Borries Gallasch, phóng viên tạp chí Tấm Gương của Cộng hòa Liên bang Đức, người châu Âu duy nhất có mặt trong Dinh Độc Lập vào thời điểm đó, tường thuật: "Tay Thệ cầm súng ngắn đã lên đạn, một khẩu K54 của Nga, Thệ rất phấn khích la lớn yêu cầu ông Minh ra đài phát thanh. Nhưng tướng Minh không muốn đi. Ông ta đề nghị rằng bài nói của ông phải được thu âm vào máy thu ở trong Dinh. Họ tranh luận việc đó. Càng lúc càng nhiều người lính Giải phóng chạy vào. Rồi họ bắt đầu tìm máy thu nhưng không có kết quả. Không có một cái máy ghi âm nào trong Dinh cả. Sự hoang mang chấm dứt khi người chỉ huy của quân Giải phóng, Chính ủy Bùi Văn Tùng, xuất hiện"[29].

Ở cửa Dinh, Trung tá Bùi Văn Tùng, chính ủy Lữ đoàn xe tăng 203 đã nghe báo cáo: "Có Tổng thống Ngụy". Ông Tùng quá mừng: "Vớ được cả tổng thống cơ à!". Tổng thống Dương Văn Minh thấy ông Tùng, một người cao lớn, bước vào, thì lịch sự chào: "Thưa ông, chúng tôi đợi các ông vào đã lâu rồi để bàn giao chính quyền". Ông Bùi Văn Tùng nói: "Các ông là người bại trận. Các ông không có gì để bàn giao cả mà chỉ có đầu hàng vô điều kiện". Ông Tùng hỏi Chuẩn tướng Nguyễn Hữu Hạnh: "Đường giây liên lạc từ đây qua đài thế nào?". Ông Hạnh nói: "Hư hết rồi". Ông Tùng quyết định cho đưa vị tổng thống bị bắt giữ đến đài phát thanh.

Khi xe tăng 390 dừng lại, mọi người xuống hết, Trung sỹ Nguyễn Văn Tập, lái xe 390, cũng định đi vào trong Dinh, nhưng khi nhảy lên bậc thềm ngoảnh lại thấy vắng quá. Anh nghĩ, "nhỡ địch quay lại chiếm mất xe mình thì sao?", bèn quay lại nhảy vào ghế lái ngồi thò đầu ra ngoài. Chỉ một lúc sau, Trung sỹ Tập thấy "Nội các Ngụy" ra, đi rất hiên ngang. Cùng đi có cả Phạm Xuân Thệ nhưng khi ấy anh Tập

chỉ nhận ra thủ trưởng của mình là Chính ủy Bùi Văn Tùng. Trung sỹ Tập có lẽ liên hệ đến bức ảnh của Phan Thoan và lời đề nổi tiếng của Tố Hữu: “O du kích nhỏ dương cao súng / Thằng Mỹ lênh khênh bước cúi đầu”, nên kêu lên: “Thủ trưởng ơi, thủ trưởng bắt nó phải cúi đầu xuống chứ!” Trung tá Bùi Văn Tùng nói: “Việc ấy là của tớ”.

Chiếc xe Jeep mang biển số 15770 mà Trung đoàn 66 thu được từ chiến trường Đại Lộc, Quảng Nam, do chiến sỹ Đào Ngọc Vận lái, được trưng dụng để chở Tổng thống Dương Văn Minh đi từ Dinh Độc Lập qua đài. Đào Ngọc Vận[30] kể: “Tôi thấy Trung đoàn phó Phạm Xuân Thệ dẫn theo hai người đàn ông tiến lại chiếc xe Jeep 15770 mà tôi cầm lái. Trung đoàn phó cùng một người ngồi hàng ghế phía trên, người kia ngồi phía dưới, cùng Trung úy Phùng Bá Đam, Trung úy Nguyễn Khắc Nhu. Hai chiến sĩ Nguyễn Huy Hoàng và Bàng Nguyên Thất ngồi hai bên thành xe. Mãi sau này tôi mới biết người to béo, đeo kính trắng, đi giày đen ngồi ngay bên cạnh mình là Tổng thống Dương Văn Minh, và vị quan chức mặc bộ complet, sơ mi trắng ngồi phía sau là Thủ tướng Vũ Văn Mẫu”.

Nhà báo Borries Gallasch viết tiếp: “Chỉ có hai chiếc xe của chúng tôi chạy giữa thành phố lúc ấy - một thành phố đã từng sôi sục mà nay sự sợ hãi bỗng nhiên được làm dịu đi - qua Tòa đại sứ Mỹ trống hoác, đến Đài Phát thanh nằm trên đường Nguyễn Bỉnh Khiêm. Chúng tôi đi vào phòng thu nhỏ trên lầu một. Những kỹ thuật viên đã lấy chân dung của Thiệu từ trên tường xuống và ném qua cửa sổ ra sân. Chúng tôi ngồi bất động một lát. Ông Mẫu quạt mặt mình bằng một quyển sách. Tổng thống Dương Văn Minh và Chính ủy xe tăng Bùi Văn Tùng ngồi trên hai chiếc ghế và tôi ngồi giữa họ tại một chiếc bàn nhỏ. Ông Tùng thảo văn kiện đầu hàng trên một mảnh giấy màu xanh”[31].

Trung tá Bùi Văn Tùng nhớ lại: "Tôi với ông Dương Văn Minh ngồi cùng một băng ghế dài. Khi ấy, sau 8-9 đêm mất ngủ, tôi có cảm giác mệt rã người. Nhưng một ý nghĩ chợt thoáng qua, “ổng mà nói linh tinh thì chết”. Mồ hôi tự nhiên toát ra như tắm, người tỉnh hẳn, tôi nói: “Ông phải tuyên bố đầu hàng vô điều kiện”. Tổng thống Dương Văn Minh nói: “Ông muốn gì hãy ghi ra”.

Trung tá Bùi Văn Tùng viết ngắn gọn: “Tôi, Dương Văn Minh, tổng thống chính quyền Sài Gòn, kêu gọi Quân lực Việt Nam Cộng hòa hạ vũ khí đầu hàng không điều kiện quân Giải phóng Miền Nam Việt Nam. Tôi tuyên bố Chính quyền Sài Gòn

từ trung ương đến địa phương phải giải tán hoàn toàn. Từ trung ương đến địa phương trao lại cho Chính phủ Cách mạng Lâm thời Miền Nam Việt Nam".

Tướng Dương Văn Minh đọc xong, Trung tá Bùi Văn Tùng nói tiếp vào máy ghi âm: "Chúng tôi đại diện lực lượng quân Giải phóng Miền Nam Việt Nam long trọng tuyên bố thành phố Sài Gòn đã được giải phóng hoàn toàn, chấp nhận sự đầu hàng không điều kiện của tướng Dương Văn Minh, tổng thống chính quyền Sài Gòn"[32].

Thủ tướng Vũ Văn Mẫu cũng được dành cho ít phút để phát biểu và đây, có lẽ, mới là "chính kiến" của nhóm ông: "Trong tinh thần hòa giải và hòa hợp dân tộc, tôi - giáo sư Vũ Văn Mẫu, Thủ tướng - kêu gọi tất cả các tầng lớp đồng bào vui vẻ chào mừng ngày hòa bình của dân tộc và trở lại sinh hoạt bình thường. Các nhân viên của các cơ quan hành chánh quay trở về vị trí cũ theo sự hướng dẫn của chính quyền cách mạng"[33].

Ông Võ Văn Kiệt đến Dinh khi nơi này đã được tiếp quản bởi một lực lượng của Quân đoàn IV. Ông là vị trung ương uỷ viên Đảng Lao động Việt Nam đầu tiên đến Dinh Độc Lập. Ông Kiệt nắm thêm tình hình quân sự và nhắc nhở chỉ huy các đơn vị chiếm đóng đối xử tốt với những người trong chính phủ ông Dương Văn Minh, chờ lệnh.

Ông Kiệt là bí thư Đảng ủy Đặc biệt Ủy ban Quân quản, là vị trí thực sự "đứng đầu" ở Thành phố lúc bấy giờ. Tuy nhiên, người công khai xuất hiện trong vai trò đứng đầu tại thời điểm ấy lại là Trần Văn Trà. Ngày 1-5-1975, khi đang ở Sở chỉ huy tiền phương, Thượng tướng Trần Văn Trà được ông Lê Đức Thọ và ông Phạm Hùng thông báo: "Điện anh Ba Lê Duẩn nói Bộ Chính trị quyết định cậu làm chủ tịch Uỷ Ban Quân quản Sài Gòn-Gia Định. Đi ngay cho kịp".

Ông Võ Văn Kiệt cho rằng đây là một thay đổi hợp lý. Sài Gòn mới tiếp quản cần một quân nhân đồng thời phải là một quân nhân không quá xa lạ với dân chúng. Tướng Trà từng là trưởng Phái đoàn Quân sự Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà Miền Nam Việt Nam trong Ban Liên hợp Quân sự Bốn bên thực thi Hiệp định Paris. Năm 1973, ông đã có một thời gian khá lâu ở Sài Gòn, và đã từng được báo chí Sài Gòn nhắc đến.

Ngày 2-5, Tướng Trần Văn Trà mới về đến Dinh Độc Lập. Ông kể[34]: "Theo chỉ thị của Bộ Chính trị, tôi cho thả tất cả những nhân vật trọng yếu của ngụy quyền mà từ hôm giải phóng Sài Gòn, bộ đội ta đã giam giữ họ tại một phòng ở đây. Tôi chỉ

gặp những người đứng đầu: Dương Văn Minh, tổng thống, Nguyễn Văn Huyền, phó tổng thống và Vũ Văn Mẫu, thủ tướng ngụy quyền, giải thích cho họ chính sách của cách mạng là quang minh, chính đại, độ lượng, khoan hồng. Tôi đã nhấn mạnh: Tất cả những việc làm đã qua chúng tôi xếp nó vào quá khứ, chúng tôi căn cứ vào thái độ và hành động từ ngày nay trở đi. Tôi mong họ quan niệm được sự thắng lợi vĩ đại của dân tộc vừa rồi mà tự hào rằng mình cũng là người Việt Nam. Có vẻ họ tỏ ra xúc động. Dương Văn Minh đã phát biểu: Tôi vui mừng được là công dân của một nước Việt Nam độc lập"[35].

Tuẫn tiết

Với năm cánh quân Giải phóng áp sát Sài Gòn trong sáng 30-4, không ai có thể đủ sức cưỡng lại chiến thắng của quân đội miền Bắc. Tuy nhiên, 'Việt cộng" chỉ thực sự nắm được miền Tây vào chiều tối 30-4-1975.

Vào thời điểm ấy, không chỉ có sỹ quan chỉ huy hai tiểu đoàn Lôi Hổ xộc vào Dinh Độc Lập chất vấn tổng thống về quyết định buông súng. Từ mấy ngày trước, các sư đoàn không quân còn lại của Việt Nam Cộng hòa đã di chuyển xuống Trà Nóc và các sân bay lân cận. Tướng Nguyễn Cao Kỳ cũng bay xuống, nhóm họp với các tướng lãnh, các tỉnh trưởng của Vùng IV với sự tham gia của Phó đề đốc Hải quân Hoàng Cơ Minh, người khi ấy đang làm tư lệnh Lực lượng Thủy bộ 211.

Bộ Tư lệnh Chiến dịch Hồ Chí Minh bố trí Đoàn 232 của Tướng Lê Đức Anh ở hướng Long An nhằm phòng ngừa khả năng lực lượng của Tướng Nguyễn Khoa Nam từ Cần Thơ lên ứng cứu là có cơ sở. Tuy nhiên, ngay trong đêm 29-4-1975, gần như tất cả lực lượng hải quân đều bỏ trốn.

Theo Thiếu úy Dương Đức Dũng, phóng viên mặt trận của Sư 21 không quân: "Tướng Nguyễn Khoa Nam ra lệnh oanh tạc những kẻ đào ngũ nhưng anh em không quân không chấp hành". Sáng 30-4-1975 vẫn còn lệnh bay. Máy bay bắt đầu trút hết bom vào đồng trống. Một số phi công nói với Thiếu úy Dũng: "Tụi tao được lệnh di tản sang U-Tapao (Thái Lan), mày có đi thì lên". Dũng đã ở lại. Bầu trời Cần Thơ từ lúc ấy không một phút yên tĩnh. Đầu tiên là các khu trục A1E, A1H, sau đó là A37 rồi C123. Trực thăng túa lên trời như châu chấu.

Bảy giờ sáng ngày 30-4-1975, Thiếu tướng Nguyễn Khoa Nam, tư lệnh Quân đoàn IV báo cáo về Bộ Tổng Tham mưu bằng điện thoại: "Tôi bị tấn công mạnh ở ba nơi: Vĩnh Bình, Bạc Liêu và một nơi cách sân bay Trà Nóc ba cây số. Nhưng tôi

đã đẩy lùi được cuộc tấn công của Việt Cộng. Tôi sẽ giữ các vị trí còn lại. Các lực lượng Quân đoàn và Quân khu IV, mặc dầu có bị tấn công vài nơi, nhưng vẫn còn nguyên vẹn”[36]. Phó tướng của Nguyễn Khoa Nam khi đó là Chuẩn tướng Lê Văn Hưng, người mà năm 1972 đã từng tử thủ ở An Lộc. Từ Bộ Tổng Tham mưu, Chuẩn tướng Nguyễn Hữu Hạnh nhắc Tướng Nam: “Anh cố gắng thi hành lệnh của Tổng thống”.

Năm giờ 30 phút chiều 30-4-1975, Tướng Lê Văn Hưng rời Bộ Tư lệnh Quân đoàn IV, về Bộ Chỉ huy phụ. Khi đại diện bộ đội miền Bắc vào Bộ Tư lệnh Quân đoàn IV gặp Tướng Nguyễn Khoa Nam yêu cầu “đầu hàng”, Tướng Nam và Tướng Hưng chỉ chấp nhận “bàn giao”. Khi vị đại diện miền Bắc này qua khỏi cầu Cái Răng, Tướng Hưng liên hệ với Tướng Mạch Văn Trường và ra lệnh điều động hai chi đội thiết giáp ra án ngữ cầu Cái Răng và chiếm lại đài phát thanh rồi cho mời Mạch Văn Trường và chỉ huy các đơn vị đóng xung quanh vành đai thị xã Cần Thơ về họp. Sáu giờ 30 phút chiều, khi các vị sĩ quan về tới cổng Bộ Chỉ huy của Tướng Hưng, một nhóm nhân sĩ Cần Thơ đến gặp Tướng Hưng, xin ông đừng phản công để tránh bị “Việt Cộng pháo kích vào thị xã”.

Tại Vĩnh Long, các lực lượng của miền Nam vẫn không thôi kháng cự. Theo ông Phạm Văn Trà[37]: “Chiều ngày 30-4, sau khi bộ phận trinh sát kỹ thuật của Bộ Tư lệnh tiền phương quân khu bắt được sóng đài của địch, anh Ba Trung đã sử dụng điện đài tuyên bố với viên tỉnh trưởng Vĩnh Long rằng tính mạng của y đã nằm trong tay quân Giải phóng. Nếu đầu hàng, cách mạng sẽ khoan hồng, tha thứ lỗi lầm trước đây, tính mạng, tài sản của bản thân và gia đình, vợ con được bảo toàn; bằng không, y sẽ phải đền tội và vợ con, gia đình cũng khó bề bảo toàn tính mạng, mặc dù Cách mạng không muốn điều đó. Sau 30 phút suy tính, vào lúc 17 giờ ngày 30-4, tỉnh trưởng Vĩnh Long chấp nhận đầu hàng và xin anh Ba Trung giữ lời hứa bảo toàn tính mạng”[38].

Chiều 30-4-1975, tại căn cứ Đồng Tâm, Chuẩn tướng Trần Văn Hai, tư lệnh Sư đoàn 7 tự tử bằng thuốc độc[39].

Sáu giờ 45 phút chiều, hai vị tướng chỉ huy lực lượng Quân lực Việt Nam Cộng hòa ở miền Tây vẫn trao đổi điện thoại với nhau. Tướng Nam cho đến lúc ấy vẫn định phát lời kêu gọi dân chúng Cần Thơ, nhưng cả hai đều biết là quá trễ. Theo Đại tướng Văn Tiến Dũng: “Do sức ép của ta ngày càng mạnh, các Trung đoàn 31, 32,

33 ngụy cùng phần lớn các cơ quan chỉ huy sư đoàn ngụy đã tự động vứt bỏ vũ khí, cởi bỏ áo lính trở về nhà. Chỉ còn một số sĩ quan ngụy cao cấp ở lại để xin đầu hàng ta vào lúc 20 giờ cùng ngày"[40].

Bảy giờ 30 phút tối 30-4-1975, Tướng Lê Văn Hưng về phòng nói lời từ biệt với thuộc cấp và vợ con. Tám giờ 45 phút, từ dưới nhà, vợ ông, bà Phạm Thị Kim Hoàng, nghe tiếng súng, chạy lên. Khi cùng người nhà cạy cửa phòng, bà Hoàng thấy Tướng Hưng đã chết với một phát súng tự bắn vào đầu. Mười một giờ đêm hôm đó, Tướng Nguyễn Khoa Nam gọi điện thoại cho bà Hoàng chia buồn. Sáng hôm sau, khoảng 7 giờ 30 phút ngày 1-5-1975, Tư lệnh Quân đoàn IV, Quân đoàn cuối cùng của Việt Nam Cộng hòa, Tướng Nguyễn Khoa Nam tự sát.

Trước đó, như một hành động nhận lãnh trách nhiệm của mình, ngày 29-4-1975, Tư lệnh Quân đoàn II, Thiếu Tướng Phạm Văn Phú, người đảm trách cuộc triệt thoái thất bại khỏi ba tỉnh Cao Nguyên, đã tự tử bằng một liều thuốc độc; gia đình đã đưa vào bệnh viện Grall, nhưng đến trưa 30-4-1975, khi Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng, thì tắt thở.

Cũng trưa 30-4, tại Lai Khê, Tướng Lê Nguyên Vỹ tự sát tại Bộ Tư lệnh Sư đoàn 5 sau khi cho binh lính rã ngũ. Vào lúc 2 giờ chiều ngày 30-04-1975, Đại tá Đặng Sĩ Vinh cùng gia đình gồm vợ và bảy người con đã tự tử bằng súng lục.

Nhưng đấy vẫn chưa phải là những phát súng cuối cùng của cuộc chiến tranh. Nhiều quân nhân vô danh vẫn tìm đến cái chết trong những ngày sau đó.

Chương II: Cải tạo

Sau hai mươi năm chia cắt, lịch sử đã đặt nhiều gia đình miền Nam vào những tình huống vô cùng nghiệt ngã. Có những gia đình trong khi vui mừng đón đứa con "nhảy núi" trở về thì đứa con "nguỵ" đang phấp phỏng nằm chờ trên gác; có những cán bộ cao cấp từ Hà Nội vô mới biết đứa con mà khi tập kết mình để lại đã trở thành "lính nguỵ". Dù 175 nghìn khẩu súng các loại đã được giao nộp ngay trong mấy ngày đầu tiên sau 30-4, nhưng hơn nửa triệu sỹ quan, binh lính Việt Nam Cộng Hòa tan rã thì vẫn đang nhà ai nấy ở. Tất cả đều căng ra chờ đợi.

Những ngày đầu

Lữ đoàn 203 được lệnh rút về Long Bình lúc 5 giờ chiều ngày 30-4, nhường công việc chiếm đóng Dinh và bảo vệ Sài Gòn cho Quân đoàn IV. Nhưng, theo ông Bùi Văn Tùng, gần một trăm chiếc tăng của ông đã không thể di chuyển, vì giờ đó người dân Sài Gòn bắt đầu đổ ra đường. Sau những giờ phút căng thẳng nhất, như sợi dây căng hết cỡ đã đứt tung ra, mọi người Việt Nam, kể cả những người lính, cho dù ở phía nào, đều cảm thấy chiến tranh kết thúc!

Chiến tranh kết thúc. Cái cảm giác ấy, thoạt tiên cũng im ắng như thành phố lúc vừa thôi tiếng súng, đột nhiên vỡ tung. Dòng người òa ra, tràn ngập đường phố. Một vài thanh niên, học sinh mạnh dạn tiến vào vườn hoa trước Dinh Độc Lập, sờ vào những chiếc tăng T54, những chiến xa bấy giờ đã không còn phải bắn, đang nằm lặng lẽ.

"Việt Cộng" trên những chiếc xe tăng vừa húc đổ cánh cổng cuối cùng, giờ đây, vừa có cái cảm giác viên mãn của những người chiến thắng, vừa có cái nhẹ nhõm của những người lính đã bước qua ngưỡng của sự khốc liệt, trở nên độ lượng, hiền lành. Thái độ này của các "chú bộ đội" đã kéo đoàn người đến với những chiếc T54 đông dần lên. Họ bắt đầu tìm hiểu những khái niệm về "Việt Cộng", nhiều người "tiến lên", hỏi thêm về "miền Bắc". Chưa ai thực sự biết điều gì sẽ xảy ra cho thành phố, cho mình, nhưng vẫn thấy nhẹ nhõm và có không ít người còn cảm thấy mừng.

Đêm 30-4, ở khu vực trường Petrus Ký mất điện một lúc. Một vài chiếc tăng của Quân Giải phóng được lệnh chạy ra đường để "thị uy". Sáng 1-5, mới khoảng 7 giờ, công chức, giáo viên Petrus Ký thấy "Cách mạng" đóng trong trường, lục tục ra "trình diện". "Quân quản" lúc bấy giờ ai nấy vẫn còn bận đồ bà ba đen, tỏ ra rất lúng túng. Ông Kiệt giao cho ông Dương Minh Hồ, cán bộ Văn phòng Thành ủy, đi kiếm bộ đồ "coi được" ra tiếp các thầy cô giáo.

Ngay trong đêm 30-4, những cán bộ của Đài Phát thanh Giải Phóng từ trên R về đã tiếp quản Đài Phát thanh Sài Gòn và phát sóng những mệnh lệnh đầu tiên của Ủy ban Quân quản về trật tự, an ninh, về thu nạp vũ khí chất nổ. Đa số các "lệnh" đã được ông Hà Phú Thuận, chánh Văn phòng Trung ương Cục, "soạn thảo" theo chỉ đạo của Đảng Uỷ Đặc biệt từ khi còn ở trên R.

Không chỉ có niềm vui của những người đi từ trong rừng ra. Trong những ngày đầu, một số quan chức của Chính quyền Sài Gòn cũng nuôi hy vọng. Tiến sỹ Nguyễn Văn Hảo là một trong số đó. Trưa ngày 30-4-1975, ông Hảo có mặt ở Dinh Độc Lập vì cho đến khi chiếc tăng 390 cán lên thềm Dinh, Chính phủ của Tổng thống Dương Văn Minh vẫn chưa kịp nhận bàn giao. Khi ấy, Thủ tướng Nguyễn Bá Cẩn đã di tản. Ông Hảo, Phó thủ tướng, trở thành người còn lại có cương vị cao nhất trong Chính quyền Trần Văn Hương.

Trước đó ít hôm, ông Hảo có kêu ông Hồ Ngọc Nhuận. Khi ông Nhuận tới nhà, ông Hảo bỏ bữa cơm tối, đưa ông Nhuận lên lầu và nói: "Tôi có việc muốn nhờ ông truyền đạt đến Cách mạng. Một là về mười sáu tấn vàng, người ta nói ông Nguyễn Văn Thiệu mang đi, nhưng thật sự là tôi đã giữ lại được[41]. Hai là về nạn thất thoát chất xám. Tôi đã thuyết phục được một số anh em chuyên viên, trí thức ở lại, nhưng không xuể. Cách mạng phải làm gì đó, phải nói cái gì đó càng sớm càng tốt".

Sáng 3-5-1975, Ủy ban Quân quản ra thông báo: "Cuộc tổng tiến công nổi dậy của quân dân miền Nam ta nhằm đập tan ngụy quyền tay sai Mỹ đã giành được thắng lợi hoàn toàn. Thành phố Sài Gòn, thành phố được vinh dự mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, đã hoàn toàn giải phóng. Để nhanh chóng ổn định trật tự an ninh trong thành phố, xây dựng trật tự cách mạng mới, củng cố và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Để nhanh chóng khôi phục và ổn định đời sống bình thường của các giới đồng bào trong thành phố Sài Gòn - Gia Định. Căn cứ quyết định của

Chánh phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam, chúng tôi xin thông báo danh sách Uỷ ban Quân Quản thành phố Sài Gòn - Gia Định".

Ủy ban Quân quản lúc ấy gồm chủ tịch - Thượng tướng Trần Văn Trà, và các phó chủ tịch - Võ Văn Kiệt, Mai Chí Thọ, Thiếu tướng Hoàng Cầm, Thiếu tướng Trần Văn Danh và ông Cao Đăng Chiếm.

Khi chiến dịch bắt đầu, Mặt Trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam đã tuyên truyền về việc sẽ lập ở miền Nam một "chính phủ ba thành phần". Tuy nhiên, khi cờ đã được cắm trên Dinh Độc Lập, Bí thư Thứ nhất Lê Duẩn quyết định dẹp bỏ ý tưởng này. Ngày 1-5-1975, Tố Hữu đã chuyển "lệnh" tới Trung ương Cục:

"Gửi anh Tám, anh Bảy [Nhờ Trung ương Cục chuyển anh Tám]. Xin báo để các anh biết: Theo ý kiến anh Ba[42], về Chính phủ, không còn vấn đề ba thành phần. Cấu tạo Chính phủ không thể có bọn tay sai Mỹ, không để cho Mỹ có chỗ dựa và phải làm cho quần chúng thấy rõ sức mạnh, thế mạnh của cách mạng; ta vừa phát động quần chúng lại vừa buộc Mỹ phải thay đổi chiến lược. Chính phủ thể hiện tinh thần đó phải gồm ta và những người yêu nước, thật sự tán thành lập trường hoà bình độc lập, dân chủ, hoà hợp dân tộc, thống nhất Tổ quốc của ta. Bộ Chính trị chủ trương đối với những người đã đầu hàng ta như Dương Văn Minh chẳng hạn thì không bắt, nhưng cần có cách quản lý, giám sát, ta chỉ trừng trị bọn phá hoại hiện hành… trong khi phát động phong trào quần chúng hành động cách mạng, chú ý chọn lọc, bồi dưỡng cốt cán trong quần chúng. Để có đủ cán bộ kịp tung ra phát động quần chúng, nên chọn một số cán bộ của Đảng, đoàn thể và cán bộ quân đội, huấn luyện ngắn ngày về chính sách, về phương pháp công tác, về kỷ luật. Khi tổ chức lễ mừng trong cả nước, theo ý kiến Bộ Chính trị, nên có đoàn đại biểu miền Nam ra dự mít tin ở Hà Nội và có đoàn Miền Bắc vào dự ở Sài Gòn. LÀNH[43]".

Ngày 6-5-1975, ông Võ Văn Kiệt đi cắt tóc chuẩn bị lễ ra mắt Ủy Ban Quân quản. Người thợ cắt tóc thấy một ông đứng tuổi đi xe U-oát tới, trong khi cắt tóc có bộ đội đứng chờ, tuy không biết rõ ông là ai, nhưng cắt tóc cho ông xong, đã lễ phép cúi chào, ông trả tiền thế nào cũng không chịu lấy. Xe U-oát của ông Kiệt đi tới đâu, người dân tránh ra nhường chỗ rộng rãi cho đi. Những xe khác của "Quân Giải Phóng" cũng được cư xử như vậy.

Nhiều tuần sau đó, "các chú bộ đội" đi xe buýt không phải trả tiền và người dân bắt đầu làm quen với những chiếc xe quân sự chạy vô đường cấm. Ông Võ Văn Kiệt

nhớ lại: "Lúc đó, uy thế của cách mạng trùm lên tất cả". Ngay cả những "tên ác ôn", kẻ cướp giật, các băng nhóm cũng chỉ lo giữ thân hoặc xem xét, theo dõi.

Nhưng cũng có những người quá hăng hái. Hầu hết đàn ông trong cư xá Ngân hàng tại An Phú, Thủ Đức nơi ông Huỳnh Bửu Sơn cư ngụ giờ đó đã di tản hoặc bị đưa đi cải tạo. Một người gác-dan, lâu nay vẫn được gọi là "thằng Vàng", bỗng dưng xưng một cái danh rất kêu, nhảy ra nắm lấy chức Trưởng ban Quản trị Cư xá. Những phụ nữ còn lại trong Cư xá, vốn lâu nay được coi như là các mệnh phụ phu nhân, không chịu. Họ họp lại và bầu ông Huỳnh Bửu Sơn lên thay. Ông Sơn nhanh nhảu gửi lên xã báo cáo kết quả ông được bầu chọn là Trưởng Ban. Báo cáo được đóng dấu từ con dấu mà Cư xá vẫn dùng từ trước.

Lập tức, ông Huỳnh Bửu Sơn bị triệu tập. Ông vừa ngồi xuống ghế, đã có hai bộ đội xách AK ra hỏi: "Anh biết tội gì không?". "Dạ không". "Cách mạng đã giải phóng rồi mà anh vẫn còn sử dụng con dấu của Ngụy. Tội anh đáng bắn. Nhưng thôi, từ nay, ông này là Trưởng Ban". Người bộ đội nói rồi chỉ tay qua ông Vàng, hình như đã có mặt ở đấy từ trước.

Câu chuyện của ông Huỳnh Bửu Sơn không phải là hy hữu. Ngày 29-6-1975, một cuộc "đấu tố" với hơn "2000 dân" đã được nhóm họp trước chợ Thanh Đa: "Đồng bào đã sôi nổi tố cáo những tên Lô trưởng Cư xá, điển hình là Lê Văn Minh, Trưởng Lô 9, nguyên là một viên chức Ngụy quyền, nay tự xưng là người của Cách mạng… Phát huy tinh thần làm chủ Cư xá, đồng bào đã yêu cầu chánh quyền loại bỏ 24 tên lô trưởng phản động do Ngụy quyền để lại"[44].

Cuộc cướp chính quyền sớm nhất ở Sài Gòn được nói là đã diễn ra vào lúc 7 giờ sáng ngày 30-4-1975 tại phường Trần Quang Khải, quận Một. Chi bộ Đảng bí mật ở đây đã cho vây bót Tân Định, tước vũ khí của những cảnh sát vào giờ ấy chỉ mong sớm được về với gia đình. Ngay sau khi Đại tướng Dương Văn Minh tuyên bố Bàn giao chính quyền, ở Quận 11, cờ cũng được cắm trong Dinh Quận trưởng.

Tiến trình "cướp chính quyền" và xây dựng chính quyền thường được bắt đầu như trường hợp ở phường Cây Bàng: "Khi tiếng súng của quân Giải phóng bắn tới tấp vào các căn cứ quân sự của địch, nhân dân Phường Cây Bàng đồng lòng nổi dậy phá kềm, truy quét kẻ địch, giành quyền làm chủ về tay mình và tràn ra đường đón chờ quân giải phóng. Khi các chiến sĩ ta tiến vào, đồng bào mừng reo, hoan hô nhiệt liệt. Ngay sau khi dẹp xong giặc, uỷ ban nhân dân cách mạng lâm thời tự

quản được thành lập. Các tổ chức nhân dân cách mạng cũng được khẩn trương xây dựng. Đến nay, 2-5, Phường Cây bàng đã thành lập xong Tổ An ninh, Hội Mẹ giải phóng, Tổ Thông tin Tuyên truyền, Tổ Y tế và Uỷ ban tự quản. Đang xúc tiến thành lập Tổ Cứu đói và Phòng chống Hoả hoạn”[45].

Trước 30-4-1975, tại Sài Gòn có 735 đảng viên tại chỗ. Trung ương Cục bổ sung thêm 2.820 cán bộ đảng viên từ trong các cơ quan của R về. Nhưng đến cuối tháng 5-1975, số đảng viên đã nhanh chóng tăng lên đến 6.553 người. Những chiến sỹ cách mạng nằm vùng, những người từ trong các căn cứ kháng chiến ra và các “cán bộ 30-4”, nhanh chóng nắm giữ các vị trí then chốt của thành phố, kiểm soát Đài Phát thanh, thành lập báo Sài Gòn Giải Phóng và điều hành một hệ thống đoàn thể xuyên suốt từ Thành phố cho đến các thôn ấp.

Không chỉ có “Cách mạng 30-4”, ông Võ Văn Kiệt thừa nhận, không ai trong số những người tiếp quản Sài Gòn năm 1975 có kiến thức về quản lý nhà nước. Mục tiêu lớn nhất đặt ra trong những ngày đầu là nhanh chóng ổn định trật tự xã hội, ổn định chủ yếu bằng các giải pháp chính trị. Riêng các cơ sở kinh tế, giáo dục, y tế… thì dự định từ trong R là sẽ để cho các ngành, chủ yếu từ miền Bắc vào, tiếp quản những cơ sở có liên quan đến ngành mình.

“Ngụy Quyền”

Theo ông Nguyễn Văn Trân, Ủy viên Thường vụ Trung ương Cục: “Khi tiếp quản miền Bắc, cụ Hồ cho lưu dụng hầu hết các viên chức trong bộ máy hành chánh cũ và bảo lưu mức lương cũ còn cao hơn cả lương chúng tôi. Cụ Hồ còn đảm bảo tính kế thừa nhà nước bằng cách công nhận hiệu lực tiếp tục của một số sắc luật có từ thời Pháp. Công việc xây dựng chính quyền mới, vì thế không nặng như khi chúng tôi làm ở Sài Gòn”.

Hệ thống hành chánh của Sài Gòn bắt đầu được thiết lập quy củ từ thời Tổng thống Ngô Đình Diệm. Ông Diệm vốn là một quan Thượng thư Triều Nguyễn, nhưng khi nắm quyền đã thay đổi phương thức tuyển chọn quan lại thông qua các kỳ thi Hương, thi Hội, thi Đình, bằng việc thành lập trường Quốc Gia Hành Chánh. Trường Quốc Gia Hành Chánh đào tạo: tham sự, hệ hai năm cho các chức vụ như trưởng ban, trưởng phòng của các ty; đốc sự, hệ bốn năm cho các chức vụ phó quận, trưởng ty; và bậc cao học cho các viên chức hành chánh cấp bộ. Cho đến năm 1960, chức tỉnh trưởng thời ông Diệm vẫn là một viên chức chính trị.

Khi Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam ra đời, đường lối Cách mạng miền Nam được xác định là phải bằng "con đường bạo lực", ông Diệm đáp lại bằng cách "quân sự hoá bộ máy", bổ nhiệm các quân nhân đứng đầu cơ quan hành pháp cấp tỉnh, cấp huyện. Một viên chức từ trường Quốc Gia Hành Chánh ra, đương là quận trưởng, nếu muốn tiếp tục, phải ra Nha Trang học một khóa quân sự sáu tháng. Ngược lại, một thiếu tá tiểu đoàn trưởng có năng lực có thể được bổ nhiệm quận trưởng sau khi trải qua một lớp về bộ binh cao cấp và một lớp sáu tháng về khoa học hành chánh, và sau đó về thực tập sáu tháng dưới quyền một viên phó quận trước khi được bổ nhiệm làm quận trưởng.

Tuy nhiên, hành chánh vẫn được coi là một vấn đề cực kỳ chuyên môn, nên dưới thời Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, đã có những trì trệ trong việc xử lý nhu cầu hành chánh cho dân, bởi các vị quận trưởng quan tâm đến quân sự hơn. Thủ tướng đã cùng với Bộ Nội vụ ký một hướng dẫn, theo đó, các tỉnh trưởng, quận trưởng phải ủy quyền bắt buộc cho cấp phó. Dưới chế độ Sài Gòn, cấp tỉnh, cấp quận chỉ có một cấp phó và người này phải là đốc sự tốt nghiệp từ Quốc Gia Hành Chánh ra.

Ở cấp phường xã, tuy không đòi hỏi phải tốt nghiệp từ trường này, nhưng một xã trưởng, ấp trưởng sau khi được bầu hay một trưởng phường sau khi được bổ nhiệm đều phải đi học sáu tháng ở Trường Đào tạo Cán bộ Xã Ấp. Tổng Thống Nguyễn Văn Thiệu đánh giá cao vai trò của cán bộ phường xã tới mức ông thường xuyên có mặt trong lễ khai giảng và bế giảng các lớp học này và nói với các học viên: "Tôi là tổng thống trung ương, các anh là tổng thống địa phương".

Tuy nhiên, "Chính quyền Việt Nam Cộng Hoà từ Trung ương tới địa phương" trước khi có tuyên bố của Đại tướng Dương Văn Minh đã bắt đầu "tan rã". Khoảng gần 200 nghìn người có quan hệ với người Mỹ hoặc đang làm việc trong bộ máy chính quyền cũ đã kịp thời "di tản" trong vài tuần lễ trước "30-4". Số còn lại gần như cũng đã ý thức được tình thế của mình, tự động "bỏ trống nhiệm sở". Nhưng cho dù họ có ở lại, thì với mục tiêu của cuộc chiến tranh kể từ sau Hiệp định Paris là "đập tan bộ máy của chính quyền tay sai", việc những người chiến thắng sử dụng chuyên môn của những viên chức có trình độ cao trong bộ máy Sài Gòn là điều khó xảy ra.

Công Điện ngày 18-4-1975 của Ban Bí thư xác định đối tượng làm việc trong chính quyền cũ được lưu dụng: "Ta cần có chính sách mạnh dạn sử dụng những

người thật thà phục vụ cách mạng, nhất là công nhân, lao động, cán bộ kỹ thuật, trừ những phần tử thù địch, bọn mật vụ, bọn phá hoại hiện hành…”. Theo Chỉ thị ngày 19-4-1975, cũng của Ban Bí thư, với cấp nhân viên, sau khi “được giáo dục” tại phường, xã: “a, Đối với những tên thật thà hối cải thì tạo điều kiện cho họ tiến bộ, lập công chuộc tội; b, Đối với số cảnh sát, cứu hoả thì có thể sử dụng, trừ bọn ác ôn phản động và ta phải đưa cán bộ cốt cán vào để quản lý giáo dục…”. Từ cấp quận phó trở lên, và hầu hết các chỉ huy cảnh sát từ cấp đội trở lên… đều thuộc diện đưa đi tập trung cải tạo dài hạn.

Một “đồng chí” được giới thiệu là “trưởng Ban Tuyên huấn An ninh Miền” đã từng công khai tuyên bố: “Việc học tập cải tạo đối với công chức, nhân viên nguỵ quyền sẽ phải công phu và gian khổ về tinh thần hơn so với nguỵ quân vì công chức cao cấp nguỵ quyền là những người trực tiếp hoặc tham gia tích cực vào bộ máy kềm kẹp nhân dân. Họ được huấn luyện kỹ càng do đó, ảnh hưởng chế độ cũ về mặt nhận thức và tư tưởng khá sâu”[46].

Sau ngày “giải phóng”, các chủ trương của nhà nước cũng chủ yếu được vận hành thông qua các phong trào chính trị, cho dù có sử dụng “ngụy quyền” lưu dụng thì kiến thức chuyên môn của họ cũng không biết để làm gì. Chưa kể, trong con mắt của chính quyền, theo “đồng chí Trưởng Ban Tuyên huấn An ninh Miền”: “Họ được huấn luyện kỹ càng để tham gia tích cực vào bộ máy kìm kẹp nhân dân”[47].

“Ngụy Quân”

Một tuần sau, ngày 5-5-1975, Ủy Ban Quân quản Sài Gòn ban bố: “Mệnh lệnh số 1 về việc ra trình diện, đăng ký và nộp vũ khí của sĩ quan, binh lính, cảnh sát, và nhân viên ngụy quyền: Điều I: Tất cả các sĩ quan, binh lính, cảnh sát, tình báo mật vụ, nhân viên ngụy quyền trong thành phố Sài Gòn và tỉnh Gia Định đều phải ra trình diện và đăng ký. Thời hạn bắt đầu từ ngày 8-5-1975 cho đến ngày 31-5-1975 là ngày cuối cùng. Điều II: Cấp tướng và tá trình diện và đăng ký tại số nhà 213 Đại lộ Hồng Bàng, cấp uý trình diện và đăng ký tại uỷ ban nhân dân cách mạng quận, cấp hạ sĩ và binh lính trình diện và đăng ký tại uỷ ban nhân dân cách mạng phường. Cảnh sát, công an tình báo mật vụ trình diện và đăng ký tại trụ sở Ban an ninh nội chính thuộc Ủy ban Quân Qủan thành phố Sài Gòn. Nhân viên công chức làm việc tại nhiệm sở nào trình diện và đăng ký tại nhiệm sở nấy. Điều III: Khi ra trình diện và đăng ký nhất thiết phải mang nộp chứng minh thư, các loại giấy tờ cá

nhân, tất cả vũ khí, trang bị, hồ sơ tài liệu, phương tiện, ngân quỹ… Điều IV: Người nào, nhà nào, tập thể nào, cơ sở nào có giữ vũ ,khí chất nổ và các phương tiện, khí tài thông tin đều phải tới khai và nộp tất cả. Điều V: Mệnh lệnh này phải được triệt để chấp hành đến 24 giờ ngày 31 (ba mươi mốt) tháng 5 (năm) năm 1975, những người không ra trình diện cố tình lẩn trốn sẽ bị nghiêm trị, những người đã ra trình diện, đăng ký nhưng còn khai gian, giấu diếm võ khí tài liệu, phương tiện nghĩa là chưa thành thật, sau này phát hiện ra thì xem như chưa tuân lệnh, người nào đăng nạp vũ khí, tài liệu, khí tài vật tư quý giá và phát hiện nhiều vấn đề có giá trị khác sẽ được xem xét khen thưởng xứng đáng. Tất cả những người đã ra trình diện đăng ký tạm thời trước khi có lịch này đều phải làm đăng ký chánh thức lại theo mệnh lệnh này. Sài Gòn, ngày 5-5-1975/Thay mặt Ủy ban Quân quản Thành phố Sài Gòn-Gia Định/Chủ tịch/Thượng tướng TRẦN VĂN TRÀ."

Việc ra trình diện không kéo quá dài như dự kiến. Chỉ trong vòng năm ngày, đã có 23 viên tướng có mặt tại Sài Gòn tự động đến Trung tâm Dự bị Viện Đại học Sài Gòn: Tướng Vũ Văn Giai, tư lệnh Sư đoàn 3; Tướng trẻ Trần Quốc Lịch, 40 tuổi, tư lệnh Sư 5; Tướng Phan Duy Tất, chỉ huy trưởng Biệt động Quân khu II; Tướng Hồ Trung Hậu, nguyên phó tư lệnh Sư Đoàn Dù… Nhưng chủ yếu là những viên tướng đã nghỉ hưu từ trước: Trung tướng Nguyễn Hữu Có, Thiếu tướng Nguyễn Thanh Sằng, Trung tướng Lê Văn Nghiêm… Cũng có những người đã thôi chức từ rất lâu như Trung tướng Lê Văn Kim, về hưu từ năm 1964; Trung tướng Nguyễn Văn Vĩ, nguyên Tổng trưởng Quốc phòng, về hưu từ năm 1972; Thiếu tướng Lâm Văn Phát, người từng bị Sài Gòn kết án tử hình vắng mặt từ năm 1965…

Trong thời điểm khắc nghiệt nhất của chế độ Sài Gòn, những người "ngoan cố" đã ra đi hoặc đã tuẫn tiết như Tướng Lê Văn Hưng, phó tư lệnh; Tướng Nguyễn Khoa Nam, tư lệnh Quân Đoàn IV và một số tỉnh trưởng Miền Tây khác. Những người còn lại ở lại và chấp nhận những gì sẽ đến với mình[48].

Ở Sài Gòn, 443.360 người ra trình diện, trong đó có hai mươi tám viên tướng, 362 đại tá, 1.806 trung tá, 3.978 thiếu tá, 39.304 sỹ quan cấp uý, 35.564 cảnh sát, 1.932 nhân viên tình báo các loại, 1.469 viên chức cao cấp trong chính quyền, 9.306 người trong các đảng phái được cách mạng coi là "phản động". Chỉ 4.162 người phải truy bắt trong đó có một viên tướng và 281 sỹ quan cấp tá.

Gần một tháng sau sau Lệnh Trình diện, ngày 10-6-1975, Uỷ Ban Quân quản ra thông cáo "Về việc Học tập Cải tạo Sỹ quan, Hạ sỹ quan, Binh lính và Nhân viên Quân đội Nguỵ, Tình báo, Cảnh sát và Nguỵ quyền đã trình diện đăng ký". Theo đó: Tất cả hạ sỹ quan binh lính và nhân viên quân đội Nguỵ thuộc các quân binh chủng tại Sài Gòn-Gia Định, tình báo cảnh sát và nhân viên Nguỵ quyền quận, phường, khóm, xã, ấp đã trình diện đăng ký phải đi học tập cải tạo trong ba ngày kể từ ngày 11-6-1975 đến ngày 13-6-1975. Nhân viên Nguỵ quyền từ trưởng phó phòng trở xuống thuộc các phủ, bộ, vụ, viện, nha, sở, ty… đã đăng ký đi học tập từ ngày 18 đến ngày 20-6-1975. Thời gian học tập liên tục từ 7 giờ đến 16 giờ [giờ Đông Dương] trưa nghỉ một giờ. Người đi học tự mang thức ăn trưa và chiều, sau khi học, về nhà nghỉ. Lệnh học tập này phải được tuyệt đối chấp hành ai không đi học tập cải tạo đúng thời hạn coi như phạm pháp.

Cũng trong ngày hôm ấy, lệnh học tập cải tạo được thông báo đến các sỹ quan theo đó, "sỹ quan quân đội Nguỵ, cảnh sát, tình báo biệt phái từ thiếu uý đến đại uý" được hướng dẫn: "Phải mang giấy bút, quần áo, mùng màn, các vật dụng cá nhân, lương thực, thực phẩm [bằng tiền hoặc hiện vật] đủ dùng trong mười ngày kể từ ngày đến tập trung". "Sỹ quan cấp tướng, tá", được hướng dẫn mang theo "thực phẩm, lương thực đủ dùng trong một tháng".

Từ ngày 11-6, tất cả hạ sỹ quan binh lính đã đến các địa điểm trong Thành phố học tập và họ cảm thấy yên tâm khi thời gian học tập chỉ có ba ngày, đúng như thông báo và cách tiến hành thì mang tính "học tập" nhiều hơn là "cải tạo". Báo chí bắt đầu được sử dụng để trấn an những sỹ quan còn có chút băn khoăn lo lắng trong lòng.

Bài xã luận "Tiếp tục cải tạo để trở thành người công dân chân chính" đăng trên báo Sài Gòn Giải Phóng ngày 17-6-1975 viết: "Đợt học tập cải tạo của binh lính, hạ sỹ quan nguỵ quân và nhân viên nguỵ quyền mở ra đã được mấy ngày. Trong các thu hoạch của các học viên, có một điểm chung làm mọi người chú ý: hầu hết đều phát biểu thừa nhận mình trước kia dù làm bất cứ việc gì trong bộ máy nguỵ quân, nguỵ quyền, đều là những người có tội với nhân dân, với cách mạng. Họ đều hứa sẽ tự cải tạo mình thành những con người tốt. Cuộc học tập này đã làm cho phần lớn binh sỹ nguỵ biết phân biệt ai là địch, ai là ta. Sự phân biệt này rất quan trọng. So với trước khi học đây là một bước tiến bộ đầu tiên của binh lính nguỵ quân và nhân

viên nguỵ quyền. Nhưng cũng chỉ là một bước tiến đầu tiên mà thôi. Phân biệt được địch, ta, hứa phấn đấu để trở thành người tốt, mới chỉ là tiến bộ về mặt nhận thức, mới chỉ là sự bày tỏ thái độ. Họ có thật sự tiến bộ hay không? Thái độ của họ có thành thật hay không? Hay giả vờ tiến bộ, giả vờ hứa hẹn cốt cho qua cửa ải này, rồi trà trộn vào cộng đồng dân tộc với những tư tưởng thù địch với dân tộc? Đối với những con người đã từng bị giặc Mỹ nhồi nhét những tư tưởng xấu xa, ý thức chống nhân dân, chống cách mạng trong suốt hai mươi năm qua thì làm sao họ có thể gột rửa hết trong ba ngày học tập? Vì vậy, cách mạng tạo cho họ điều kiện để chứng minh sự tiến bộ của mình bằng hành động. Nhân dân ta đã có kinh nghiệm: đánh giá một con người phải căn cứ trên hành động của họ. Ta giáo dục họ những tư tưởng đúng, là cốt để họ làm đúng chứ không chỉ để nói đúng mà thôi".

Một bài báo khác dẫn lời anh Trần Văn Lành, một trung sỹ quân nhu, nói: "Trước khi đi học tập, tôi đã tưởng là sẽ bị ngược đãi, bị hạ nhục và có thể bị đánh đập nữa"[49]. Nhưng, "điều đó đã không xảy ra" và sau học tập, anh Lành đã được cấp "Giấy công nhận hoàn thành học tập cải tạo" - tờ giấy có giá trị công nhận những người "lính Ngụy" bắt đầu được "trở lại làm người" trong chế độ mới. Một người khác, được giới thiệu là "Binh nhất Lê Công Đắc", thì cho rằng: "Qua cuộc học tập này, chính quyền cách mạng đã dắt chúng tôi ra khỏi nơi tối tăm, đưa chúng tôi về với nẻo chính nghĩa"[50]. Những phát biểu này được các sỹ quan theo dõi sát và khi thấy sau "ba ngày học tập" binh lính được trở về nhà, thấy "cách mạng đã làm những gì cách mạng nói", các sỹ quan đã yên tâm hơn.

Không ai biết rằng, từ ngày 18-4-1975, Chỉ thị 218/CT-TW của Ban Bí thư đã quy định: "Đối với sỹ quan, tất cả đều phải tập trung giam giữ quản lý, giáo dục và lao động; sau này tùy sự tiến bộ của từng tên sẽ phân loại và sẽ có chính sách giải quyết cụ thể. Những người có chuyên môn kỹ thuật [kể cả lính và sỹ quan] mà ta cần thì có thể dùng vào từng việc trong một thời gian nhất định, nhưng phải cảnh giác và phải quản lý chặt chẽ, sau này tuỳ theo yêu cầu của ta và tuỳ theo sự tiến bộ của từng người mà có thể tuyển dụng vào làm ở các ngành ngoài quân đội. Đối với những phần tử ác ôn, tình báo an ninh quân đội, sỹ quan tâm lý, bình định chiêu hồi, đầu sỏ đảng phái phản động trong quân đội, thì bất kể là lính, hạ sỹ quan hay sỹ quan đều phải tập trung cải tạo dài hạn, giam giữ riêng ở nơi an toàn và quản lý chặt chẽ"[51].

Ở nhiều địa phương, một số "tên ác ôn đầu sỏ" đã được "xử lý" ngay và chỉ vài ngày sau 30-4, các sỹ quan gần như đã được đưa đi cải tạo. Tuy nhiên, Sài Gòn, nơi tập trung gần nửa triệu sỹ quan và binh lính chế độ cũ, nơi tập trung sự chú ý của dư luận trong và ngoài nước, nên mọi quyết định đều được Trung ương Cục và Đảng ủy Đặc biệt bàn bạc lên kế hoạch.

Ngay trong phòng làm việc của Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, Trung ương Cục đã bàn cách đưa các sỹ quan của ông đi "cải tạo lâu dài". Kế hoạch được gọi là Chiến dịch X-1. Ông Võ Văn Kiệt thừa nhận: Việc công bố ba mức thời gian học tập - hạ sỹ quan binh lính, ba ngày; cấp úy, mười ngày; tướng, tá, một tháng - là có ý để cho các đội tượng ngầm hiểu rằng, thời gian học tập tối đa của các sỹ quan chỉ là một tháng.

Nhà sử học Tạ Chí Đại Trường, năm ấy là một sỹ quan biệt phái với quân hàm đại úy, thuộc diện "học tập mười ngày" viết: "Hầu hết đều bình thản đến cổng, xin vào. Có người cưng con gái đi theo đỡ đần con rể. Có người thuộc diện "ba ngày" tiễn đưa bạn, ngồi quán nhậu ngà ngà cũng theo bạn vào cổng cho vui. Có người giải ngũ nằn nì xin 'đi học để có cái giấy về dễ làm ăn'. Nhưng, qua con ngựa sắt là dòng sông không trở lại"[52].

Nơi tập trung của ông Tạ Chí Đại Trường là một trường học, ông viết: "Sáng 23-6-1975, tôi đi vòng giã từ phố phường rồi cầm khúc bánh mì đến công trường Taberd. Mười giờ 30 sáng. Hai viên sỹ quan cầm súng lặng lẽ chỉ lối vào. Ngoài đường vắng, cổng trường kín chỉ chừa chỗ lách, không thể biết bên trong có gì"[53]. Những "sỹ quan cấp úy" ấy đã bình thản đến guichet (quầy) nộp "tiền ăn mười ngày", lấy biên lai… cho đến khi vào hành lang, cán bộ tới ra lệnh bỏ đồ kim khí ra, mới thấy có "cái gì nặng nề lảng vảng", rồi khi "trời càng về khuya, mưa tầm tã" thì "bắt đầu mới rùng mình".

Đại úy Tạ Chí Đại Trường viết: "Tôi mang mùng giăng trên tầng gác hội trường nhưng không ngủ được. Từ trên gác nhìn ra bóng tối nhiều hơn ánh sáng… Ánh đèn pha trải dài trên sân nước. Một vài người lính đi lại mang B40 lắp đầu đạn khiến cái bóng càng dài ra"[54]. Tối 25-6, Đại úy Trường cùng các chiến hữu nhận được lệnh di chuyển, "Có người dẫn ra đường. Vắng ngắt. Xe đậu dài ngút". Rồi, thay vì "học tập mười ngày", ông thầy dạy sử Tạ Chí Đại Trường đã phải trải qua các trại từ hôm ấy cho đến tháng 6-1981.

Mười ngày, một tháng qua nhanh. Không ai nhận được bất cứ tin tức gì liên quan đến những người thân bị đưa đi học tập. Rồi đột nhiên, một sỹ quan được tha về, người đó là Cựu Tổng trưởng Quốc phòng, tướng Nguyễn Văn Vỹ.

Vừa ra khỏi trại, Tướng Vỹ phát biểu: "Chúng tôi ăn còn ngon hơn bộ đội. Tôi mong những người có thân nhân đi học tập cải tạo hãy yên lòng và tin tưởng Cách mạng, đừng tin ở những lời đồn vô căn cứ"[55]. Tướng Nguyễn Văn Vỹ là người mà ngay hôm đầu ra trình diện đã phát biểu: "Tôi hiểu rõ quân đội trong này lắm, tệ lắm, xấu lắm; và mấy ngày hôm nay thấy rõ bộ đội Cách mạng rất kỷ luật, chững chạc, đàng hoàng. Anh em vào nhà tôi ở cầu Thị Nghè không hề bị mất mát gì hết. Cách mạng vào yên ổn, thanh bình ngay, ai cũng yên tâm và sung sướng"[56].

Ở thời điểm Tướng Vỹ phát ngôn trên báo, dân chúng không cần phải nghe tin đồn, chồng con họ bặt vô âm tín đã hơn ba tháng cho dù "Cách mạng nói" sĩ quan cấp úy chỉ đi học tập "mười ngày", cấp tá chỉ đi "một tháng". Tuy nhiên, đấy cũng chưa phải là thời điểm mà những người ở nhà hay ở bên trong hàng rào dây kẽm gai tuyệt vọng. Chính quyền biết điều đó và Tướng Vỹ được tha để nói những lời có giá trị trấn an. Đồng thời, "các sỹ quan và nhân viên ngụy quyền" bắt đầu được phép và được động viên viết thư về nhà.

Đầu tháng Bảy, báo Giải Phóng, tờ báo trong R của Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam, cho đăng lá thư của ông Trần Văn Tức "nguyên là đại úy cảnh sát ở Côn Sơn", gửi vợ là bà "Nguyễn Bích Thủy, ở số 52-54 Nguyễn Khắc, Sài Gòn 2". Khi cho đăng lá thư, tờ Giải Phóng nói rõ là "để bạn đọc hiểu thêm cuộc sống hiện nay của các sĩ quan (trong quân đội ngụy trước đây) đang học tập cải tạo"[57]. Thông điệp mà Chính quyền muốn gửi qua bức thư này được lồng vào một cách vụng về: "À, ở thư trước anh quên dặn em là đừng tin lời đồn nhảm của bọn phản động của bọn ngụy tuyên truyền làm cho em và ba má ở nhà hoang mang lo sợ. Nếu người nào nói xuyên tạc đó là bọn lưu manh thừa dịp để làm tiền hoặc bọn ngụy phản cách mạng, em nên đến chánh quyền cách mạng tố cáo họ. Anh cố gắng học tập cải tạo tốt để chánh phủ cách mạng khoan hồng cho những đứa con lạc lối được thành người công dân chân chính và sớm về đoàn tụ với gia đình tăng gia sản xuất"[58].

Hơn một tháng sau, tờ Tin Sáng có bài phỏng vấn bà "LQL", người vừa trở lại Sài Gòn sau chuyến thăm chồng là "Thiếu tá Tiểu Đoàn phó Tiểu Đoàn 7, Thủy Quân Lục Chiến Ngụy". Tờ Tin Sáng không nói rõ chị L thăm chồng ở trại nào và chồng

chị là ai, chỉ giới thiệu: "Thiếu tá và cả Tiểu đoàn 7 của ông đã bị tên tướng ngụy Bùi Thế Lân bỏ kẹt tại cửa Thuận An và đã cùng toàn bộ binh lính trong Tiểu đoàn 7 đầu hàng quân đội giải phóng ngày 27-3 vừa qua". Câu chuyện ở trại cải tạo được tờ Tin Sáng dẫn dắt cho thấy không khí trong các trại cải tạo từa tựa như một trại hè[59]. Bài phỏng vấn kết thúc bằng lời dặn dò của người chồng: "Em yên trí về lo làm ăn, ở đây em khỏi lo hai thứ rượu và gái, đã làm hai đứa thường mất hạnh phúc như trước kia. Cuộc sống ở đây rất điều hòa và lành mạnh như em đã thấy, chắc chắn bọn anh sẽ khá hơn trước".

Người phỏng vấn, phóng viên Phan Bảo An, sử dụng những ngôn từ như "tên tướng ngụy…", khiến người đọc có cảm giác nó được viết bởi một cán bộ tuyên huấn từ "R" về hoặc từ Bắc vào. Nhưng Phan Bảo An là bút danh của ông Phan Xuân Huy, một cựu dân biểu Sài Gòn. Ông Phan Xuân Huy nói rằng cuộc phỏng vấn ông thực hiện được là tình cờ chứ không phải do Chính quyền sắp xếp[60]; tuy nhiên, về sau ông mới phát hiện ra "người vợ" là con của một gia đình Cách mạng.

Cho đến tháng 9-1975, chỉ những người có nhân thân rất đặc biệt mới có thể vào trại thăm thân nhân. Lá thư của "ông Trần Văn Tức gửi vợ là bà Nguyễn Bích Thủy" trùng hợp với thời gian mà ở các trại cải tạo, "ngụy quân, ngụy quyền" được yêu cầu viết thư về nhà. Nhà sử học Tạ Chí Đại Trường, thời gian này đang cải tạo ở Trảng Lớn, Tây Ninh, kể: "Thư hàng tháng được coi như là một ân huệ của Nhà nước ban cho người có tội phải cải tạo,'dựa trên ý thức truyền thống thông cảm với tình gia đình đậm đà của người dân Việt Nam'… Thư gửi được quản giáo kiểm duyệt. Nội dung thư cứ phải nói 'học tập tốt, lao động tốt' và phải động viên gia đình"[61].

"Đoàn tụ"

Có lẽ không mấy gia đình ở miền Nam không đồng thời có người thân vừa ở phía bên này vừa ở phía bên kia. Và có lẽ không có ở đâu, ý thức hệ lại chia cách tình thân đến thế. Ông Tư Bôn, giám đốc Việt Nam Tổng Phát hành, có cậu ruột là một cán bộ cộng sản nổi tiếng, ông Mai Văn Bộ, nhưng vẫn không thoát vòng lao lý. Ở đề lao Gia Định, ông Bộ có vào thăm nhưng người cháu đang bị liệt vẫn tiếp tục bị giam cầm.

Nhà văn Doãn Quốc Sĩ là con rể của nhà thơ Tú Mỡ - người có tác phẩm được miền Bắc đưa vào sách giáo khoa phổ thông - nhưng vẫn phải đi tù. Doãn Quốc Sĩ bị tù tổng cộng mười bốn năm, trong thời gian đó ông không được gặp mặt bố mẹ

đang sống ở Hà Nội, thậm chí không được gặp cả người anh ruột Doãn Nho là một nhạc sĩ con cưng chế độ.

Trung tá Phan Lạc Phúc[62] cũng có cùng hoàn cảnh như nhà văn Doãn Quốc Sĩ. Ông Phúc có một người em ruột là sĩ quan Việt Nam Cộng hòa, năm 1962 tham gia đảo chính bất thành, đi theo Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam. Nhưng sau năm 1975, ông Phan Lạc Phúc vẫn phải chịu hơn mười năm cải tạo.

Đại úy Dù Phan Nhật Nam[63] có cha là ông Phan Văn Trình, vốn là một sỹ quan tình báo được Việt Minh đánh vào Sở Mật thám Liên bang Đông Pháp. Ngày 2-9-1950, ông Trình đã lập công bằng cách lấy hồ sơ của Sở Mật thám mang ra Việt Bắc. Nhưng, như số phận của nhiều nhà tình báo khác, ông Phan Văn Trình đã không được tin dùng. Ông chỉ là một cán bộ nhỏ công tác ở Hải Phòng và sau năm 1975 về Nam chỉ nhận được chức phó chủ tịch một phường ở Sài Gòn. Đại úy Phan Nhật Nam biết trước là không thể nhờ vả được gì vào bố mình. Bởi chính ông, năm 1973, đã từng gây khó khăn cho bố[64].

Theo ông Phan Nhật Nam: "Năm 1981, ở Mỹ, khi Mặt trận Hoàng Cơ Minh trao giải cho cuốn sách của tôi, Tù binh và Hòa bình, ở trại Lam Sơn, Thanh Hóa, từ ngày 7-9-1981, tôi bắt đầu bị cùm trong phòng biệt giam. Trong hoàn cảnh đó, ngày 8-5-1985, khi ba tôi lên thăm, ông vất vả ra Hà Nội chờ xin giấy thăm nuôi tôi ở Cục Quản lý trại giam, thay vì có thể xin ở trại như các tù nhân khác. Cuộc thăm nuôi lại chỉ được diễn ra trong vòng mười lăm phút. Cho dù đó là lần đầu tiên gặp nhau sau hơn ba mươi năm, tôi vẫn nói với ông: Ba vất vả quá, thôi đừng thăm nuôi nữa, đợi khi ra tù, con về"[65].

Cũng có không ít quan chức Cách mạng thay vì bảo lãnh, đã vận động ngay chính những người trong gia đình mình đi "học tập". Có người muốn chứng minh với Đảng sự "chí công vô tư". Có người tin là cần thiết đối với người thân của họ.

Thiếu úy Việt Nam Cộng Hòa Lưu Đình Triều có ba mẹ là cán bộ cao cấp của Cách mạng. Năm 1954, lúc Lưu Đình Triều một tuổi, chị gái Triều ba tuổi, anh đã được ba mẹ để lại cho bà ngoại để đi tập kết. Trong suốt hơn hai mươi năm, hai chị em Lưu Đình Triều đã lớn lên như những đứa trẻ mồ côi trong khi ba mẹ mình sống ở Hà Nội trong một phần căn biệt thự trên đường Điện Biên Phủ với sổ mua hàng "Tôn Đản". Ba anh là ông Lưu Quý Kỳ, vụ trưởng Báo chí Ban Tuyên huấn Trung ương kiêm tổng thư ký Hội Nhà báo. Còn anh, năm 1972, khi Chính quyền Sài Gòn

tạm đóng cửa các trường đại học và hạ bớt tuổi hoãn quân dịch của sinh viên, như nhiều sinh viên khác, Lưu Đình Triều bị động viên vào lính.

Năm 1975, ông Lưu Quý Kỳ trở về, Lưu Đình Triều nhớ lại: "Bao lần tôi đã nằm tưởng tượng ra cảnh hội ngộ này và nghĩ rằng lúc ấy tôi sẽ hét vang cái tiếng gọi mà tôi đã thèm khát hàng chục năm trời: Ba ơi! Má ơi!". Nhưng, ngay trong ngày gặp lại, Lưu Đình Triều đã cảm nhận được một "hố sâu thực sự".

Lúc đó, do tình hình đi lại khó khăn, ông Lưu Quý Kỳ về Nam trước, vợ và con ông, những người sinh ra ở Hà Nội, đã gửi gắm tình cảm vào chiếc máy ghi âm mà ông Kỳ mang theo. Cô em gái Triều sau khi thăm hỏi anh chị, hồn nhiên hỏi: "Từ hôm giải phóng tới giờ anh chị biết bài hát nào mới chưa. Em và con Thảo, con chú Tân, hay hát lắm. Để bọn em hát cho anh chị nghe nhé". Rồi hai cô gái Hà Nội cất giọng lanh lảnh hát trong máy ghi âm: Sài Gòn đó, quê ta ơi / Trong biển lửa vẫn ngời ngời / Ta đi như sóng căm hờn dâng trào / Xô lên trên xác quân thù hung bạo / Giành một mùa xuân tươi sáng khắp miền Nam…

Lưu Đình Triều viết: "Khi nghe tới đó, tim tôi như thắt lại. Một 'quân thù' đang đứng cạnh ba đây. Ba có biết không? Có căm hờn nó không? Từ giờ phút đó, niềm vui hội ngộ trong tôi giảm hẳn. Chỉ có nỗi lo âu, thắc thỏm là mới dâng trào".

Vài tháng sau, Lưu Đình Triều vẫn phải đi cải tạo. Trong thời gian ở trại, Lưu Đình Triều kể: "Ban ngày chúng tôi phải học lý luận, ban đêm học hát những bài như Bão Nổi Lên Rồi, Rầm Rập bước Chân Ta Đi Trên Đường Phố Sài Gòn… Sau khi được "lên lớp" về Truyền thống Chống Ngoại xâm, Đường lối Sáng suốt của Đảng Ta, Cuộc Chiến tranh Chính nghĩa, Chính sách Khoan hồng của Chính phủ Cách mạng…, các trại viên phải tập trung thảo luận, theo hướng: phải phân tích được âm mưu của Mỹ - Ngụy; phải nhận ra Ngụy quyền không chính nghĩa, chỉ có Cách mạng mới chính nghĩa. Học xong lại phải "soi rọi bản thân", kể ra những tội lỗi của mình, mỗi người phải nghĩ cho ra một điều phi nghĩa của Quân đội Việt Nam Cộng hòa".

Lưu Đình Triều nói: "Tôi dẫn chuyện lính Sư 7 hành quân bắt gà, bắt heo của dân. Có người là lính tài vụ, cả đời chỉ đi phát lương, với mong muốn được Chính phủ khoan hồng, đã nhận phát lương cũng coi như tạo điều kiện cho lính đi càn quấy. Có người than, tao nghĩ không ra tội, chúng mày ạ".

Từ tháng thứ ba, Triều kể: “Mỗi tháng, trại viên được thăm nuôi một lần. Trong số những người thăm nuôi có người quê Biên Hòa, tôi nhắn chị tôi đi thăm. Hóa ra, khi ấy chị tôi đang đi Hà Nội. Khi chị tôi về, lên trại đúng lúc trại cấm thăm nuôi vì một sự cố do trại viên gây ra. Tôi nhìn thấy chị tôi, khoát tay bảo về nhưng chị tôi cứ đứng bên kia đường không chịu. Một người quản giáo tốt bụng tới vỗ vai, nói: ‘Đi theo tôi’. Đi ra, vệ binh chặn lại; nhưng người quản giáo can thiệp. Hai chị em nhìn nhau khóc, khiến người quản giáo cũng khóc”.

Chỉ huy trại khi ấy cũng biết Lưu Đình Triều là con cán bộ cao cấp nên chủ động gửi thư cho ông Lưu Quý Kỳ, nói: “Chúng tôi biết anh, nếu được, anh lên trại chúng ta nói chuyện về cháu”. Ông Lưu Quý Kỳ có lên nhưng thay vì gặp con và bảo lãnh, ông chỉ viết thư khuyên “con cố gắng học tập tốt”. Lưu Đình Triều nhớ lại: “Tôi vừa đọc thư ba tôi vừa xé và vừa cay đắng khóc”.

Có những quan chức Cách mạng không bảo lãnh cho con cháu của mình bởi họ tin rằng những đứa con, đứa cháu lầm đường của họ cần có thời gian cải tạo. Có những quan chức cẩn trọng biết rằng tờ bảo lãnh đôi khi sẽ là một trong những cái cớ để khi cần, các đồng chí của mình đem ra “xử lý”. Ông Trần Quốc Hương nguyên là một nhà chỉ huy tình báo, từng là cấp trên của “ông cố vấn” Vũ Ngọc Nhạ và “trưởng văn phòng báo Time” Phạm Xuân Ẩn. Năm 1950, ông Hương “đánh” từ Hà Nội vào Nam một cán bộ tình báo có tên là Từ Câu. Vì hoạt động trong lòng chế độ Sài Gòn nên con cái của ông Từ Câu cũng phải đi lính như những gia đình khác. Sau 1975, họ cũng phải đi “học tập”. Khi ông Từ Câu mất, các con ông - thiếu úy Từ Dũng và thiếu úy Từ Tuấn - đang bị cải tạo ở Minh Hải, gia đình có đơn xin cho con về để tang cha. Ông Mười Hương phê đơn, chuyển Giám đốc Công an, xin cho họ “được về để tang rồi vào trại lại”. Trước Đại hội V, ông Trần Quốc Hương[66] bị tố cáo “bốn vấn đề”, trong đó, “một đồng chí trong tiểu ban bảo vệ Đảng” tố ông đã can thiệp cho “hai thiếu úy Ngụy ra khỏi trại giam”.

“Phản động”

Một diễn biến khác, xuất hiện ngay từ những ngày Trung ương Cục nhóm họp để triển khai “Chiến dịch X-1, X-2”, được quan tâm đặc biệt vì liên quan đến an ninh chính trị. Ngày 3-9-1975, Trung ương Cục được báo cáo:

“Bọn chánh quyền cơ sở đi tập trung rất ít. Bọn Tuyên úy cũng đi rất ít. Cảnh sát đặc biệt, dự kiến đi 1.500, nhưng chúng tập trung đến 2.460 tên. Nhưng, dự kiến

trên 1.000 tuyên úy chỉ đi 2 tên; dự kiến trên 150 tên chiến tranh tâm lý, đi 46 tên; dự kiến 500 cảnh sát đã chiến chỉ đi 190 tên; Quân cảnh đi 140 tên; Tình báo dự kiến 1000 chỉ đi 142 tên; Biệt kích 1000 chỉ đi 64 tên; Chiêu hồi dự kiến 300 chỉ đi 130 tên; Bình Định dự kiến 1500 chỉ đi 55 tên; Dự kiến đợt I, (đối tượng này) là 10.200 nhưng chỉ đi 4.800 tên; còn lại tên 5000; ta tổ chức bắt trên 400 tên; bọn cơ sở, tình báo, quân báo tại chỗ dự kiến 3 vạn mới làm được 8.290 tên. Theo báo cáo thì việc tổ chức học tập là tốt. Hội nghị chủ trương: Đối với bọn tuyên úy công giáo, phật giáo và tin lành giáo, Ban Mặt trận Thành mới tới nói chuyện động viên khuyến khích đi học; các tôn giáo trở về phải có ý kiến với từng người để họ đi học. Sau cuộc nói chuyện sẽ tổ chức bắt nếu họ không chịu đi trình diện. Đối với biệt kích, gia hạn đăng ký một thời gian; đề cao bọn ra trình diện; kêu gọi gia đình động viên con em họ đi học sau đó tổ chức truy bắt”[67].

Chính sách cải tạo cũng đã đi vào lịch sử Tòa thánh Vatican từ ngày 15-8-1975, khi Đức Giám mục Nguyễn Văn Thuận được mời tới Dinh Độc Lập, tại đây ông bị bắt giữ và trong ngày hôm ấy được di lý ra trại giam Cây Vông, Phú Khánh.

Việc Tòa Thánh bổ nhiệm Giám mục Nguyễn Văn Thuận, người gọi ông Ngô Đình Diệm là cậu ruột, làm giám mục phó Tổng Giáo phận Sài Gòn vào ngày 25-4-1975 (chỉ chưa đầy một tuần trước khi “giải phóng”) đã làm cho Cách mạng lo lắng. Bản thân nội bộ công giáo cũng có những hoạt động được cho là “mờ ám”; một số linh mục được coi là “cấp tiến” đã ám chỉ các tín hữu của Đức Cha Thuận là “phản động”. Ngày 13-5-1975, một nhóm sinh viên công giáo đã đột nhập vào Tòa Tổng Giám mục đòi Đức Cha Thuận phải từ chức. Ngày hôm sau, 14-5, chính họ lại cũng đột nhập vào Tòa Khâm xua đuổi Đức Khâm sứ Henri Lemaitre.

Chính quyền không đứng ngoài những hoạt động “cấp tiến” này, nhưng Chính quyền cũng đã hoang mang khi những hành động quá khích như vậy tác động trở lại. Ông Võ Văn Kiệt thừa nhận là trong buổi chiều bắt Đức Cha Thuận, Chính quyền đã triệu tập tất cả các linh mục, tu sĩ nam nữ tới tòa nhà Quốc hội Sài Gòn để nghe “nói chuyện”, nhằm tránh những phản ứng khiến cho tình hình phức tạp thêm.

Người dân Sài Gòn quan sát những diễn biến ấy trong nỗi lo sợ rất rõ ràng, nhưng thái độ của mỗi người thì một khác. Nhà báo Đoàn Kế Tường kể: “Sáng 29-4-1975, tôi và một người bạn gặp nhau trên cầu Sài Gòn, anh hỏi: ‘Đi không?’. Tôi nói không lưỡng lự: ‘Không. Tôi còn mẹ già ở Quảng Trị’. Anh chia tay tôi xuống Tân

Cảng, một chiếc tàu hải quân đang đợi chúng tôi ở đó. Nhưng tôi không thể ngờ được là mọi thứ sau 30-4 nó lại đảo lộn lên như thế".

Đoàn Kế Tường sinh năm 1947 tại làng Đông Dương, xã Hải Dương, huyện Hải Lăng, Quảng Trị. Vì cha từng đi lính Tây nên năm 1960 khi mới mười ba tuổi, ông được đưa vào học trường Thiếu sinh quân ở Vũng Tàu, được huấn luyện trở thành lính Biệt kích. Từ năm 1965 được đưa lên tác chiến ở vùng Lộc Ninh, Bù Đốp, Phước Long. Là lính trận thật sự, hai lần bị thương, nhưng chàng trai trẻ mười tám tuổi vẫn có chút máu Quảng Trị, làm thơ từ trong rừng sâu gửi về các tờ báo ở Sài Gòn rồi được kết nạp vào Hội Văn - Nghệ - Sỹ Quân đội.

Năm 1969, nhân Đại hội Văn - Nghệ - Sỹ Quân đội toàn quốc, Đoàn Kế Tường nhờ Chu Tử[68] xin cho về lại Sài Gòn làm báo. Chu Tử, một nhà báo quen biết nhiều nhân vật có thế lực, đã nhờ Trung tướng Lê Nguyên Khang can thiệp, đưa Tường cuối năm ấy về Sài Gòn làm trong tờ báo Đời của Quân đội. Đầu năm 1970 khi Chu Tử ra thêm tờ nhật báo Sóng Thần, Đoàn Kế Tường vừa viết cho Đời vừa viết thêm cho Sóng Thần. Tại đây, anh chơi thân với họa sỹ Ớt (Huỳnh Bá Thành), đang làm cho báo Điện Tín. Tường kể: "Buổi trưa chúng tôi vẫn cùng nhau binh xập xám".

Nhưng, sau cái ranh giới 30-4-1975, Ớt và Tường không bao giờ có thể "binh xập xám" với nhau. Huỳnh Bá Thành là một cán bộ An ninh T4, biết những người như Đoàn Kế Tường ở lại và "tư tưởng đang có những diễn biến phức tạp". Trong Hội nghị ngày 3-9-1975, Trung ương Cục lưu ý "các đối tượng làm việc cho các cơ quan Mỹ, văn nghệ sĩ, báo chí, ký giả" và phân công: "An ninh phối hợp với Hoa vận, tình báo nghiên cứu đề xuất phương án đối với Quốc Dân Đảng, Tàu đặc vụ và nhân viên làm việc với nhân viên Mỹ. Tuyên Huấn Thành và Thông tin Văn Hóa nghiên cứu kỹ đối với văn nghệ sỹ, ký giả"[69].

Đoàn Kế Tường kể tiếp: "Tôi trốn trình diện dù có quá khứ là thiếu úy biệt kích rồi cùng người bạn thân là Dương Đức Dũng tham gia vào tổ chức Dân quân phục quốc[70]... Chúng tôi in truyền đơn, in lời kêu gọi và phát tán chúng. Ngày 29-4-1975, Tướng Nguyễn Cao Kỳ đã lấy trực thăng bay ra hàng không mẫu hạm Midway mà chúng tôi vẫn nghĩ là ông lên rừng lập chiến khu. Chúng tôi cùng nhau hát: Tôi đi theo anh, Nguyễn Cao Kỳ, anh hùng của dân / Tôi đi theo anh, Nguyễn Cao Kỳ, anh hùng rừng xanh[71]. Khi đó, tôi còn quá trẻ lại đầy máu nghệ sỹ, cứ nghĩ những việc

làm của mình cũng như một cuộc chơi mà sinh viên Sài Gòn vẫn làm hồi trước 1975".

Nhưng Sài Gòn đã không còn như "hồi trước 1975". Đoàn Kế Tường kể tiếp: "Trong những ngày ấy, Huỳnh Bá Thành có gặp tôi hỏi, nếu muốn làm báo Tin Sáng thì Thành sẽ giúp, nhưng tôi chỉ đáp cụt lủn: Không! Tôi sẽ vào rừng!". Đêm 22-10-1975, Huỳnh Bá Thành đến nhà Đoàn Kế Tường còng tay người bạn từng binh xập xám hôm nào. Trong đêm ấy, Dương Đức Dũng, Thái Sơn và giáo sư Lê Việt Cương cùng bị bắt.

Gần bốn tháng sau, ngày 10-2-1976, Nguyễn Việt Hưng, Trần Kim Định bị bắt. Đêm 12 rạng sáng 13-2-1976, lực lượng an ninh Thành phố bắt đầu tấn công nhà thờ Vinh Sơn, thu giữ các thiết bị phát thanh và in tiền giả. Hai linh mục cố thủ trong nhà thờ đã dùng súng và lựu đạn chống trả quyết liệt, bắn chết Nguyễn Văn Ràng, một cán bộ an ninh. Mãi tới gần sáng, lực lượng bao vây mới khống chế được nhà thờ, hai linh mục Nguyễn Hữu Nghị và Nguyễn Quang Minh cùng 3 người khác bị bắt.

Vụ nhà thờ Vinh Sơn chưa kịp lắng xuống thì ngày 1-4-1976, xảy ra một vụ nổ ở Hồ Con Rùa[72] làm cho một người chết, bốn người bị thương và phá hủy hoàn toàn con rùa làm bằng đồng đặt giữa hồ.

Hai ngày sau, báo Sài Gòn Giải Phóng đăng bản tin có tựa đề, "Tóm gọn tại chỗ bọn phản động và phá hoại", với mấy dòng ngắn gọn: "Ngày 1-4, bọn phản động và phá hoại, trong âm mưu phá rối trật tự trị an và cuộc sống yên lành của nhân dân ta, đã gây tiếng nổ tại công trường quốc tế (Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh). Một tên trong bọn chúng bị chết tại chỗ và bọn còn lại đã bị an ninh ta tóm cổ đưa về điều tra"[73]. Cùng ngày, tờ Giải Phóng, cũng đăng bản tin với độ dài và nội dung: "Trừng trị tại chỗ bọn phản động và phá hoại: Tối 1-4-1976, bọn phản động và phá hoại, trong âm mưu phá rối trật tự trị an và cuộc sống yên lành của nhân dân ta, đã gây tiếng nổ tại công trường quốc tế (Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh). Công trường này ở ngã tư đường Duy Tân, Võ Văn Tần và Trần Cao Vân; ở giữa có một vườn hoa nhỏ, đồng bào ta thường ra ngoài hóng mát. Một tên trong bọn phản động bị chết tại chỗ và bọn còn lại đã bị an ninh ta tóm cổ đưa về điều tra"[74].

Vụ nổ xảy ra lúc 8 giờ tối, được Huỳnh Bá Thành kể lại là "vang dội từ phía sau lưng đuổi tới, nhà cửa hai bên đường rung chuyển và đó đây tiếng kính vỡ rơi lổn

cổn, khô khốc"[75]. Khi "trinh sát" đến hiện trường, theo Huỳnh Bá Thành: "Mùi thuốc nổ vẫn còn khét lẹt. Một cảnh tượng hãi hùng trước mắt Trường Sơn: một thây người đầy máu, bay mất cái đầu và đôi bàn tay, đang được anh em cảnh sát khiêng lại để gần chỗ đặt chất nổ. Bốn thanh niên bị thương máu me đầy mình được xe cảnh sát tức tốc đưa đi cấp cứu. Bên cạnh cảnh tượng chết chóc và thương tích rùng rợn ấy, con rùa bằng đồng to tướng bị chất nổ làm banh ra từng mảnh nhỏ, văng ra vung vãi. Theo giám định hiện trường của các đồng chí cán bộ cảnh sát thuộc bộ phận khoa học hình sự đã xác định sơ bộ: chất nố được đặt ngay ở thân con rùa đồng, loại TNT có sức công phá ước chừng mười đến mười lăm kilogam"[76].

Việc Chính quyền vội vàng kết luận trên báo chí người chết là "một tên trong bọn phản động" là chưa có căn cứ. Huỳnh Bá Thành, người mà báo Tuổi Trẻ nói rằng đã "tham gia điều tra từ đầu cho tới khi kết thúc vụ án"[77], cũng thừa nhận rằng: "Không tìm thấy giấy tờ tùy thân nào trong người hắn… khó mà kết luận tuổi tác chính xác khi người chết không còn mặt mũi và hai bàn tay. Nạn nhân mặc chiếc quân jean Mỹ bạc màu, chiếc áo kaki đã sờn, chân đi dép nhựa mòn sát gót. Cũng thật khó mà kết luận thành phần xã hội của kẻ đặt chất nổ"[78].

Theo Huỳnh Bá Thành thì có ít nhất ba trường hợp đã đến công an đầu thú, một số kẻ khác đã bị bắt khi đang ba hoa ở quán café rằng mình là chủ mưu, nhưng "hóa ra bọn họ đều là những kẻ háo danh hoặc có vấn đề về tâm thần". Nhiều vụ "bắt bí mật" đã được ngành an ninh thực hiện, một trong số đó là Lỗ Hung[79]. Lỗ Hung khai nhận và theo Huỳnh Bá Thành, trong người anh ta có một mảnh giấy ghi: "Làm thêm ba thẻ tổ viên tổ hợp ván sàn". Theo Thành thì vợ chồng nhà văn Trần Dạ Từ và Nhã Ca[80] cũng có một tổ hợp ván sàn và Lầu Phá Xấu, theo đặc tình của Thành là Đặng Hoàng Hà[81], người mà nữ đặc tình này biết là thường xuyên qua lại với vợ chồng nhà văn Nhã Ca.

Trên thực tế, cho dù mãi tới ngày 6-4-1976 vụ án mới "được làm sáng tỏ", nhưng ngày 2-4-1976, tức là chỉ mười hai giờ sau vụ nổ, những người như Nhã Ca, Trần Dạ Từ đã bị bắt. Nhà văn Duyên Anh kể: "Buổi tối, mùng 2-4-1976, tôi định xuống Cây Quéo kiếm Trần Dạ Từ hỏi xem Từ có đem về nhà cuốn Em Yêu nào không. Em Yêu là cuốn sách mới nhất của tôi, nhờ Trần Dạ Từ in mướn. Sách chưa kịp vô bìa, thì Sài Gòn mất. Rẽ vào đường Ngô Tùng Châu, nhìn con ngõ nhà anh chị Hoàng Văn Đức thấy tối tăm, bùi ngùi quá, tự nhiên, tôi đạp xe về. Đêm ấy, vợ

chồng Trần Dạ Từ - Nhã Ca bị bắt cùng với Đặng Hoàng Hà[82], Đặng Hải Sơn. Nếu tôi có mặt ở nhà Từ, tôi cũng bị bắt luôn. Cũng đêm ấy, Trịnh Viết Thành, Nguyễn Mạnh Côn lên đường trực chỉ Sở Công an"[83].

Một chiến dịch bắt bớ văn nghệ sỹ được kéo dài cho đến ngày 28-4-1976. Duyên Anh kể tiếp: "Đêm ấy, đêm kinh hoàng, đêm mở đầu chiến dịch khủng bố văn nghệ sĩ. Hôm sau, cả Sài Gòn xôn xao vụ bắt bớ nhà văn, nhà thơ, nhà báo. Tối mồng 3-4, tôi đến nhà Mai Thảo ở 101 Phan Đình Phùng xem Mai Thảo bị bắt chưa. Tôi ngồi ngoài xe hơi của Đặng Xuân Côn, bảo Côn xuống hỏi thăm Nguyễn Đăng Viên, anh ruột Mai Thảo. Viên rất thông minh, anh trả lời Mai Thảo đi vắng và nhờ Côn, nếu gặp Mai Thảo, nhắn về gấp. Viên ra dấu cho Côn chuồn lẹ. Côn hiểu ý vì đã đoán ra hai khách lạ nón cối, dép râu, nhìn Côn không chớp mắt. Tôi rú ga, vọt mau. Côn ngoái lại, hai khách công an đã phóng ra vỉa hè. 'Nó đến bắt Mai Thảo', Côn nói. Tôi đi tìm dấu vết Mai Thảo, không lùng nổi tung tích Mai Thảo. Công an không bắt được Mai Thảo, đã giả vờ quên tôi. Để tôi kiếm giùm Mai Thảo"[84].

Đến chiều ngày 8-4-1976 thì chính Duyên Anh cũng chịu chung số phận. Ông kể: "Trước đó nửa tiếng đồng hồ, tôi đang băm thịt, nấu cháo nuôi vợ ốm, ông tổ trưởng dân phố của tôi dẫn ông phường trưởng và công an phường đến thăm gia đình tôi, hỏi chuyện sinh hoạt phường khóm và nếp sống mới. Tôi bỏ nồi cháo dưới bếp để tiếp chính quyền. Chừng mười phút, một ông công an cáo lỗi ra về. Mười phút sau, mật vụ ập vào nhà tôi, súng ngắn súng dài đầy đủ. Cộng sản luôn luôn chơi chắc ăn. Họ giả vờ thăm viếng tôi. Khi biết đích xác tôi có mặt ỏ nhà, họ mới đến bắt… Cảnh tượng gia đình tôi, bấy giờ, thật bi thảm. Vợ tôi đang đau nặng, vụt tỉnh, tung mền chạy ra phòng khách. Tôi nhìn cái còng nhãn hiệu Mỹ do cộng sản siết dính trên tay mình, nhìn vợ tôi mặt mày tái mét, nhìn ba đứa con tôi ngơ ngác, nước mắt chảy ròng ròng. Tôi đợi công an đến bắt tôi sau khi tôi hay tin họ đã bắt Nguyễn Mạnh Côn, Trịnh Viết Thành, Doãn Quốc Sĩ…"[85].

Lý do "bọn phản động cho nổ Hồ Con Rùa" được Huỳnh Bá Thành thuật lại trong cuốn sách mà báo Tuổi Trẻ khẳng định là "một câu chuyện hoàn toàn có thật" là nhằm phá con rùa "ếm đuôi rồng" để cho đuôi rồng quậy phá chế độ mới[86].

Duyên Anh, một nhân vật của cuốn sách Vụ Án Hồ Con Rùa, nhận xét: "Bỏ qua thứ văn chương hạng bét và thứ kiến thức tình báo giày dép của Huỳnh Bá Thành, cộng sản khẳng định chúng tôi là tay sai của CIA gài lại. Căn nhà số 104 đường

Công Lý (sau này đổi thành Nam Kỳ Khởi Nghĩa) của vợ chồng Đằng Giao là trụ sở lui tới họp bàn của chúng tôi. Bút hiệu của chúng tôi được nhai nhái hơi hơi giống. Đằng Giao là Đỗ Gia. Chu Thị Thủy là Chu Nữ. Vợ chồng Nhã Ca, Trần Dạ Từ là Lê Dạ, Tú Dung. Nguyễn Mạnh Côn là Nguyễn Côn. Tôi là Vũ Long… Cộng sản đề cao Hoàng Hà Đặng (tên thật Đặng Hoàng Hà) như một 'lãnh tụ' ghê gớm, ngang cơ với Hồ Chí Minh thuở hoạt động bí mật. Thật ra, Đặng Hoàng Hà chỉ là anh phóng viên tài tử, con người hiền lành, chưa từng biết tình báo là cái gì. Đưa chúng tôi lên mây, trao mìn về cho chúng tôi, cho chúng tôi thảo luận chiến lược(!) với các đại cố vấn Mỹ trước 1975 rồi khi 'tóm' được chúng tôi thì mô tả chúng tôi là những thằng 'ăn mày', những thằng 'đói thuốc phiện thất thểu' vào tù đền tội, và 'xưng em' với nữ công an ngọt xớt"[87].

Trên thực tế, trong những ngày ấy cũng có rất nhiều những người chống đối chính quyền bằng hành động, có những người - nhất là giới văn nghệ sỹ - chống đối bằng những lời nói cho sướng mồm, có những kẻ lợi dụng lòng tin, bày đặt chống đối để lừa đảo tiền tình của những người dân không ưa chế độ. Nhưng cũng có những cái bẫy được đặt ở đâu đó.

Ngày 6-04-1976, Chính quyền quyết định tấn công vào nơi được coi là "sào huyệt của bọn phản cách mạng", đặt trong một khu rừng ở Tùng Nghĩa, Lâm Đồng, bắn chết sáu người, bắt sống "Chủ tịch Trần Duy Ninh và tám tên khác". Ngày 8-04-1976, bốn mươi ba mục tiêu ở Sài Gòn bị đồng loạt tấn công: "bắt thêm năm mươi tên, thu giữ một điện đài, hai máy in bạc giả, một máy phát điện, toàn bộ máy móc để xây dựng đài phát thanh, tám mươi súng các loại, 100kg thuốc nổ TNT và một số tài liệu phản động"[88].

Hành động này còn mang ý nghĩa trấn áp, vì ngày 29-4-1976, trên cả nước sẽ diễn ra một sự kiện hết sức quan trọng của Chính quyền Cách mạng: Tổng tuyển cử bầu Quốc hội Thống nhất đầu tiên của Việt Nam. Chính quyền muốn đảm bảo rằng sẽ không xảy ra sự cố. Nhiều người đã bị bắt mà cho đến tận khi nhắm mắt lìa đời vẫn không biết lý do là gì[89].

Ngày 7-4-1976, họa sỹ Chóe bị bắt.

Họa sỹ Chóe tên thật là Nguyễn Hải Chí, trong thời gian "đi trung sỹ" tại Phòng III, Bộ Tổng Tham mưu, Chóe nổi tiếng với những tác phẩm biếm họa phản chiến đăng trên báo chí Sài Gòn chế diễu từ Cố vấn An ninh Quốc gia Kissinger, Tổng

thống Nixon cho tới Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu; tranh của Chóe cũng châm biếm cả bà Nguyễn Thị Bình và ông Lê Đức Thọ… Ở cơ quan Tổng Tham mưu: "Hạ sĩ Nguyễn Hải Chí bé tí trước đại tướng Cao Văn Viên. Nhưng họa sĩ Chóe thì vĩ đại gấp nghìn lần Cao Văn Viên"[90]. Trong chiến tranh, biếm họa của Chóe được các tờ báo nổi tiếng ở Mỹ đăng.

Chính quyền Sài Gòn cũng không ưa gì Chóe. Cuối năm 1974, ông bị bắt do vi phạm lệnh "cấm những người đang phục vụ trong quân đội làm báo". "Khi đại tướng Tổng tham mưu quân lực Việt Nam Cộng hòa đào ngũ trốn khỏi Việt Nam quên đọc Huấn thị, Nhật lệnh, nhờ đại tá thi sĩ Cao Tiêu viết hộ thì hạ sĩ Hải Chí còn nằm ở phòng giam của Cục An Ninh quân đội"[91]. Ngày 30-4, chính Cách mạng đã mở cửa nhà tù cho Chóe.

Họa sỹ Chóe nhớ lại: "Một hôm đi ngang qua quán cà phê 104 Công Lý của Chu Thị Thủy - Đằng Giao, tôi nghe Nhã Ca kêu, nên có vào ngồi một lúc. Đó là lần duy nhất tôi ngồi với họ kể từ sau ngày 30-4"[92]. Nhưng sự liên đới của Chóe không chỉ bị Huỳnh Bá Thành lưu ý trong lần cà phê ấy.

Trong Vụ Án Hồ Con Rùa, Thành đã viết về mối quan hệ của Tú Dung - Nhã Ca với Barry Hilton: "Viên sĩ quan CIA người Mỹ tên là Barry Hilton cầm tay chỉ việc cho Tú Dung, thì nữ văn sĩ này biến thành một 'nữ biệt kích' chống cách mạng một cách hoàn toàn không còn lương tri của một người trí thức". Cách nói đó không chỉ cáo buộc Nhã Ca. Huỳnh Bá Thành, cũng từng là một họa sỹ biếm, biết Barry Hilton đánh giá cao tài năng của Chóe. Barry Hilton đã tuyển tranh của Chóe in thành tập The World of Choe. Sách đã in nhưng vì Barry Hilton là công chức thuộc Bộ Ngoại giao Mỹ nên phải chấp nhận không phát hành tập sách đả kích Bộ trưởng Ngoại giao lúc đó.

Chóe bị bắt khi đang làm việc ở tòa soạn báo Lao Động Mới. Ông bị dẫn về nhà ở số 52/8 Quang Trung, Gò Vấp, lúc đã 6 giờ chiều; công an khám xét tới 9 giờ đêm thì giải ông về trại "tạm giam". Huỳnh Bá Thành là người bắt Chóe.

Ba ngày trước tổng tuyển cử, 26-4-1976, An ninh ra lệnh bắt tiếp Luật sư Nguyễn Ngọc Bích. Ông Bích không bao giờ biết vì sao mình bị bắt[93]. Ông từng làm cho cơ quan trợ giúp Mỹ USAID trong chương trình "cấp căn cước cho người từ mười sáu tuổi trở lên" và sau khi tốt nghiệp cử nhân luật, ông nhận được học bổng đi học

thêm một năm tại Đại học Harvard, Mỹ. Tháng 4-1975, ông là "chuyên viên đặc nhiệm" cho Tổng cục Dầu hỏa và Khoáng sản.

Những cuộc bắt bớ tương tự kéo dài tới năm 1978. Một trong số đó là nhà trí thức cách mạng Hồ Hữu Tường. Từ giữa thập niên 1920 khi du học ở Paris, ông Hồ Hữu Tường từng tham gia phong trào Đệ tứ Quốc tế cùng với các ông Phan Văn Trường, Tạ Thu Thâu. Mặc dù năm 1939, ông Tường từ bỏ chủ nghĩa Marx và phong trào Đệ tứ nhưng năm 1940 ông vẫn bị người Pháp bắt và đày ra Côn Đảo cho tới năm 1944. Ra tù, với tư cách là một nhà trí thức, ông Tường có nhiều bài viết nổi tiếng về cả chính trị, kinh tế và văn hóa phổ biến ở Hà Nội. Năm 1946, ông làm cố vấn cho phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong Hội nghị Đà Lạt. Ông là một trong những người biên soạn sách giáo khoa tiếng Việt cho bậc trung học của nước Việt Nam, lúc ấy, vừa tuyên ngôn độc lập.

Ông Hồ Hữu Tường bị người Pháp bắt lại năm 1948 và năm 1957, sau khi về sống ở Sài Gòn, bị chính quyền Ngô Đình Diệm tuyên án tử hình vì làm cố vấn cho Mặt trận Thống nhất của Hòa Hảo, Cao Đài và Bình Xuyên. Nhờ có sự can thiệp của những nhân vật nổi tiếng trên thế giới như Albert Camus, Nehru, ông được giảm xuống khổ sai. Ông được trả tự do sau khi chính quyền Ngô Đình Diệm bị lật đổ. Ra tù, ông được mời làm phó viện trưởng Viện Đại học Vạn Hạnh và năm 1967, ông tham gia chính trường với tư cách là một dân biểu đối lập. Ông Hồ Hữu Tường không phải đi cải tạo cho đến khi ông có một vài "sáng kiến chính trị" vào năm 1978, năm ông Tường sáu mươi tám tuổi[94]. Ba lần ông thoát khỏi nhà tù, của người Pháp và của chế độ Ngô Đình Diệm, nhưng tới lần thứ tư thì không. Ngày 26-6-1980, ông Hồ Hữu Tường được đưa từ trại Z30D ở Hàm Tân về Sài Gòn, nhưng trên đường đi thì ông mất.

Năm 1981, trong khuôn khổ một hoạt động của US-VN Reconciliation Project, bà Luật sư Ngô Bá Thành được mời tới Đại học Harvard. Tại đây, bà cho rằng, những người được đi cải tạo là may mắn vì nếu họ bị đưa ra một phiên tòa như Nuremberg thì có thể họ đã bị xử bắn. Luật sư Ngô Bá Thành không biết rằng con gái của ông Hồ Hữu Tường, người tù cải tạo vừa mới chết một năm trước đó, Giáo sư Hồ Tài Huệ Tâm lúc ấy đang dạy lịch sử ở Harvard cũng được người tổ chức chương trình, ông John McAuliffe, mời dự[95]. Lập luận của bà Ngô Bá Thành không mới đối với Hà Nội nhưng rất ngạc nhiên khi nó được nói ra bởi một luật sư.

Việc đưa vào tù hàng trăm nghìn con người đã buông súng hoặc không hề cầm súng, không bằng một bản án của tòa, sau ngày 30-4-1975, và đặc biệt, câu chuyện đưa 1.652 con người trên tàu Việt Nam Thương Tín vào tù được kể lại sau đây, thật khó để nói là may mắn.

Trưa 29-4-1975, Dân biểu Nguyễn Hữu Chung có được một "sự vụ lệnh" do Tổng thống Dương Văn Minh ký cho phép tàu Việt Nam Thương Tín thực hiện chuyến di tản cuối cùng. Sáng 30-4-1975, khi con tàu này ra tới cửa sông, đã bị B40 bắn theo, giết chết nhà văn Chu Tử, chủ nhiệm Nhật báo Sống. Con tàu Việt Nam Thương Tín và hàng nghìn người nằm đợi ở đảo Guam gần năm tháng. Sự chờ đợi trước một tương lai vô định trong khi vợ con, cha mẹ vẫn đang kẹt lại quê nhà đã khiến cho nhiều người muốn quay lại Việt Nam, nơi mà họ tin là đã bắt đầu thống nhất và chắc chắn có hòa bình.

Một trong số ấy là Đại úy tình báo Võ Tính[96]. Ông Võ Tính được người Mỹ tạo điều kiện đưa toàn bộ gia đình di tản. Tuy nhiên, cha ông nói: "Tao chờ đến ngày đất nước thống nhất, tại sao tao phải đi khi ngày đó gần kề". Còn cha vợ ông thì khi đó đang mong hai người con trai tập kết từ năm 1954 trở lại.

Ông Võ Tính đã định ở lại Việt Nam, nhưng vào những ngày cuối tháng 4-1975, người Mỹ khuyến cáo là sẽ vô cùng nguy hiểm. Ông Tính được đưa ra Phú Quốc và khi Tướng Dương Văn Minh tuyên bố đầu hàng, ông được đưa ra Hạm đội 7 để rồi sau đó tới Guam. Cũng như nhiều người lính khác, Đại úy Võ Tính không chắc có bị "Việt Cộng" trả thù trong khi, từ trong thẳm sâu, ông nhận thấy chỉ có Việt Nam mới là tổ quốc. Không tìm được lý do hợp lý để bỏ nước, bỏ cha mẹ già, người vợ trẻ và 3 đứa con thơ, Đại úy Võ Tính đã tham gia vận động để người Mỹ cho phép những người Việt quay lại Việt Nam bằng con tàu Việt Nam Thương Tín.

Ngày 29-9-1975, sau khi Cao ủy Tị nạn Liên Hiệp Quốc nhận được sự đồng ý của Chính phủ Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam, tàu Việt Nam Thương Tín rời Guam trong một buổi lễ tiễn đưa trang trọng: có những phụ nữ mặc áo dài, chào cờ và được truyền hình Mỹ tường thuật. Trung tá Hải quân Trần Đình Trụ được ủy nhiệm chỉ huy chuyến trở về của con tàu này.

Sau hai tuần hải hành, tàu Việt Nam Thương Tín về đến hải phận Vũng Tàu. Mãi tới hôm sau, hai tàu Hải Quân treo cờ đỏ sao vàng mới chạy ra và dừng lại cách tàu Việt Nam Thương Tín gần 200m. Những người lính Hải quân dùng ống nhòm quan

sát rất kỹ và sau mấy giờ, họ hướng dẫn tàu Việt Nam Thương Tín chạy ngược ra phía miền Trung. Những người trở về bắt đầu linh cảm điều gì đó bất thường nhưng họ vẫn còn hy vọng và vẫn còn chờ đợi.

Tới Nha Trang, tàu bị dẫn vào Trung Tâm Huấn Luyện Hải Quân. Tất cả mọi người đều bị dồn lên những chiếc xe bít bùng và khi được chở tới Trung Tâm Thẩm Vấn của Quân đoàn II thì mọi người được lệnh "phải trút bỏ hết quần áo, bị khám xét rất nhiều lần từ đầu đến chân, được phát cho hai bộ đồ lính rộng thùng thình, một chiếc chiếu rộng 8 tấc rồi dẫn đi nhốt vào phòng giam". Trừ một đứa bé khi ấy 7 tuổi, tất cả đều phải đi tù, người ít nhất 9 tháng, người lâu nhất - Trung tá Trần Đình Trụ - phải ở tù tới 13 năm.

Tù và cải tạo

Cho dù ở tù hay cải tạo thì đều là thân phận của những người mất tự do. Nhưng được chuyển từ Đề lao Gia Định hay Chí Hòa ra trại "cải tạo" vẫn là những gì mà những "người tù" thèm khát.

Duyên Anh viết: "Nếu tôi đã phục vụ (trong quân đội) như Thanh Tâm Tuyền, Phan Nhật Nam, Tô Thùy Yên…[97], tôi sẽ đóng một khoản tiền ăn mười ngày cho đơn vị tôi trình diện học tập ở trường Gia Long, ở trường Lasan Taberd hay ở cô nhi viện Don Bosco, chẳng hạn. Rồi tôi chờ đợi xe Molotova, xe GMC, xe đò nữa, chở tôi đến trại nào đó ở Long Giao, ở Suối Máu, ở Long Thành. Tôi đi tù với hàng ngàn, hàng vạn bạn bè, tôi không việc gì mà sợ hãi. Ít ra, hai ba năm đầu, bộ đội họ quản lý tôi cũng dễ dãi hơn công an. Tôi đi lại thong thả khắp trại và đêm đêm cửa phòng tôi không bị khóa chặt. Nhưng tôi đã thiếu vinh hạnh làm sĩ quan quân lực Việt Nam Cộng Hòa, tôi là nhà văn phản động và công an đã đến còng tay tôi, đưa tôi đi một mình"[98].

Khi đã vào những nhà tù như số 4 Phan Đăng Lưu, số 3c Tôn Đức Thắng hay Chí Hòa thì mới thấy được đi cải tạo cũng là một ân huệ. Luật sư Nguyễn Ngọc Bích kể: "Sau một năm ở xà lim, tôi được đưa ra phòng giam tập thể, giam chung với sáu mươi chín người khác trong một phòng. Mỗi người được một phần sàn xi măng rộng 60cm dài hai mét và được phát một chiếc chiếu. Trong phòng, có các tướng lĩnh, các bộ trưởng và các viên chức cao cấp của Sài Gòn. Tôi nhận ra trong đó có những người cùng bị bắt đợt tháng 4-1976 với tôi".

Bên cạnh những người tù không có án như Đoàn Kế Tường, Linh mục Thiện, Luật sư Vũ Đăng Dung, Dân biểu Võ Long Triều, Nguyễn Ngọc Tân, Như Phong, Lâm Văn Thế, Nguyễn Ngọc Tân, Lê Xuyên… ở các đề lao cũ của Sài Gòn còn có các nhà "tư sản mại bản" mà trong đó có một số người có được "vinh dự" ra tòa như Phạm Quang Khai, Trần Thành, Đào Mậu, Tăng Tài, Nguyễn Công Kha, Bùi Kim Bảng, Nguyễn Văn Trương (Khai Trí), Trương Văn Khôi… và cả những "tên phản động" bị bắt trong vụ Nhà thờ Vinh Sơn như Nguyễn Việt Hưng, Ali Hùng, linh mục Nguyễn Văn Nghị, linh mục Nguyễn Văn Chức, thiếu tá Tiếp…

Cuối thập niên 1970, ngay cả người Sài Gòn cũng không mấy khi có gạo trắng, cá tươi, cơm tù không thể nào tránh được cá thịu, gạo hẩm. Nước cũng là nỗi khát khao của các tù nhân. Ở Chí Hòa, tù nhân Đoàn Kế Tường đã từng tổ chức biểu tình "đòi đi tắm". "Họ bị cai ngục dẫn đến một phòng trống. Bọn trật tự cầy cáo trói tay họ lại và đấm đá hội đồng. Người nào cũng tím bầm mắt, máu khô còn ứa trên mép. Rồi họ bị tống vào biệt giam khu FG. Không chịu nổi biệt giam Chí Hòa, họ đành làm Tự kiểm nhận lỗi. Riêng Đoàn Kế Tường kiên trì. Tất cả lắc đầu, thở dài"[99].

Nhiều thứ bệnh đi theo người tù như tiêu chảy, kiết lị… nhưng thuốc men gần như không có; những năm đó, ngay cả công an, bộ đội và dân chúng cũng đều phải dùng "xuyên tâm liên chữa bá bệnh"[100]. Nhưng, không có gì làm khổ người tù như ghẻ, lở. Theo Duyên Anh: "Ghẻ đề lao ranh mãnh lắm. Nó cứ nhè 'của quý' mà lập chiến khu. Tù nhân này cởi truồng, chổng mông để tù nhân nọ bôi thuốc. Bôi xong, vội vàng lấy quạt lia. Vì thuốc xót vô cùng"[101]. Trong hoàn cảnh ấy, những người tù ở Đề lao Gia Định, Chí Hòa coi việc được đưa tới các trại cải tạo là giảm nhẹ.

Trước Tết 1977, hai phần ba văn nghệ sĩ và ký giả, trong đó có Nhã Ca, được tập trung tại khu A, Chí Hòa, học tập một tháng rồi được thả về. Những người như Doãn Quốc Sĩ, Lê Xuyên, Nguyễn Mạnh Côn, Đằng Giao, Trần Dạ Từ, Chóe, Duyên Anh… phần lớn vẫn "ở tù"; cá biệt, những người cứng đầu như Đoàn Kế Tường thì bị giữ lại suốt 10 năm ở Chí Hòa. Trong khi đó, một số khác được chuyển từ chế độ tù sang "cải tạo".

Nhưng đấy là câu chuyện xảy ra trước năm 1978. Khi Chiến tranh Biên giới Tây Nam xảy ra và ở phía Bắc, Trung Quốc bắt đầu đe dọa, các trại cải tạo được chuyển giao từ quân đội sang cho công an. Theo Đại úy Phan Nhật Nam: "Chúng tôi bắt đầu chịu cảnh tội tù khắc nghiệt".

Ngày 8-5-1975, sau khi trình diện, ngoại trừ Tướng Nguyễn Văn Vỹ bị bệnh nặng, các sỹ quan cấp tướng[102] và cấp tá bị giữ lại để học tập đợt một tại Đại học xá Minh Mạng, Chợ Lớn trước khi đưa về Trung tâm Huấn luyện Quang Trung. Sau đó, các tướng được đưa ra Bắc bằng máy bay trong khi các sỹ quan cấp thấp hơn được đưa ra Bắc bằng tàu thủy và xe lửa. Nơi đến của những người bị coi là "nguy hiểm" này là các trại giam Yên Bái, Lào Cai, Hà Giang, Hà Tây, Nam Hà, Thanh Hóa, Nghệ An.

Như những người tù thâm niên khác, Trung tá Phan Lạc Phúc đã trải qua những nhà tù gian khổ nhất: Trại Long Khánh - Suối Máu, Liên trại 2 Sơn La, Trại Yên Hạ (Sơn La), Trại Tân Lập (Vĩnh Phú), Trại Thanh Phong (Thanh Hóa), Trại Tân Kỳ (Nghệ Tĩnh), Trại Ba Sao (Hà Nam Ninh), Trại Xuân Lộc (Đồng Nai). Yếu tố chính để Phan Lạc Phúc chịu cải tạo lâu là vì ông đã từng học thông tin báo chí tại Hoa Kỳ, từng làm chủ bút Nhật báo Tiền Tuyến, báo của Quân lực Việt Nam Cộng hòa.

Sau một năm bị giam ở trại Long Giao và Suối Máu, ngày 10-6-1976, ông Phúc được đưa ra Bắc trong đợt đầu tiên. Ông viết: "Chúng tôi đang ngồi ở sân tập kết trại Suối Máu thì người bạn thân cùng ngành của chúng tôi là Tạ Ty chạy hốt hoảng: 'Đi chuyến này hở. Ra Bắc đấy. Thế là năm niên đấy. Có nhắn gì về nhà không?' Tôi và Hùng nhìn nhau cười nói với bạn: 'Nói hộ với gia đình là tụi tôi đi ra Bắc ngày hôm nay. Ở lại khỏe nha'. Người bạn họa sĩ tài danh của miền Nam ngậm ngùi tạm biệt 'Hẹn gặp lại nhau sớm ở Sài Gòn…'"[103].

Đức Giám mục Nguyễn Văn Thuận nhớ lại buổi tối ông bị đưa ra khỏi Sài Gòn: "Ngày 1-12-1976, lúc 9 giờ tối, bất thình lình tôi bị gọi cùng với vài tù nhân khác. Chúng tôi bị xích người này với người kia từng hai người một và được đẩy lên một xe cam nhông. Cuộc hành trình ngắn đưa chúng tôi tới Tân Cảng. Chúng tôi thấy một con tàu trước mặt, hoàn toàn chìm trong bóng tối để dân chúng khỏi để ý. Chúng tôi bị đưa lên tàu đi ra miền Bắc… Tôi bị đem xuống hầm tàu, nơi chứa than. Chỉ có một ngọn đèn dầu nhỏ leo lét cháy. Chúng tôi tất cả là 1.500 người, trong một tình cảnh không thể tả được… Ngày hôm sau, khi một chút ánh sáng mặt trời lọt vào hầm tàu, tôi nhận ra chung quanh tôi những gương mặt buồn sầu và tuyệt vọng của các tù nhân khác. Bầu không khí sầu thảm như đám tang. Một tù nhân đã tìm cách treo cổ tự tử với một sợi dây thép. Những người khác gọi tôi. Tôi đến nói chuyện với anh"[104]. Trung tá Phan Lạc Phúc cũng được đưa ra Bắc bằng tàu và

chuyến đi của ông cũng gian khổ không kém gì chuyến tàu của Đức cha Nguyễn Văn Thuận, nhưng những gì mà họ gặp trong quãng đường chuyển tù chỉ mới là những thử thách ban đầu[105].

"Thăm Nuôi"

Thời gian cải tạo càng tăng thêm thì tiền bạc của người nhà tù nhân cũng như ngân sách của "Cách mạng" càng dần cạn kiệt. Từ Tết năm 1976, các suất ăn bắt đầu bị cắt bớt; đến cuối năm 1977, lương thực của tù nhân được thay bằng lúa mạch, thường gọi là bo bo. Theo Đại úy Tạ Chí Đại Trường, tới mùa Thu năm 1978, mỗi người chỉ còn 300g gạo một ngày. "Rau muống, rau lang không kịp ra đọt non, rau dại cũng bị vặt khi vừa mới nhú. Củ chuối bị đào hết lên".

Không phải học viên cải tạo nào cũng biết rằng lúc ấy ở "ngoài xã hội", cái bao tử của thường dân cũng không no đủ hơn. Chính quản giáo, ban ngày "hắc" thế nhưng đêm xuống cũng tìm gặp những người tù vừa được thăm nuôi để "xin tý mỡ". Những ngày có đồ thăm nuôi là những ngày trong trại tưng bừng. Những lá thư viết từ trại những năm tháng về sau chủ yếu là liệt kê các "nhu yếu" thăm nuôi.

Ông Tạ Chí Đại Trường kể: "Cũng có người vẫn giữ được tiền, mỗi lần thăm nuôi lại có khuân có vác, nhưng cũng có người chỉ có thể mang theo mấy ổ bánh mì, lủi thủi với chồng: Không biết lần sau có còn vay được tiền đi thăm anh". Dần dà, những người tù bắt đầu biết thăm nuôi đang trở thành một gánh nặng cho những người mẹ, người vợ ở quê cũng đang đói khổ. Để đi đến các trại cải tạo thăm chồng, thăm cha, những người con lính, vợ lính đã phải nếm biết bao tủi nhục.

Từ năm 1978, họa sỹ Chóe bị đưa lên trại Gia Trung, Gia Lai. Hai năm ở trại "tạm giam" của cơ quan An ninh Điều tra, số 4 Phan Đăng Lưu, Chóe chỉ được nhận đồ chứ không được gặp người nhà. Hai năm ấy, do phải nằm trên sàn xi măng, chân ông, vốn phong thấp, đã gần như bị liệt. Đến Gia Trung, được thăm nuôi thì đường sá lại quá xa xôi, cách trở.

Vợ Chóe, bà Nguyễn Thị Kim Loan, năm ấy phải một mình nuôi bốn đứa con, đồ đạc trong nhà gần như đã bán hết. Cũng như hàng triệu gia đình Sài Gòn, nhà bà cũng được Chính quyền cấp cho "sổ gạo", nói là gạo nhưng những năm ấy thường chỉ có bo bo hoặc khoai; tiêu chuẩn một ký gạo được Nhà nước bán thay thế bằng 2 ký khoai. Không chỉ những người vợ có chồng bị đưa đi cải tạo, trong "chế độ mới"

đàn ông trở thành vai trò thứ yếu vì không có việc làm, cuộc sống chỉ còn có thể trông cậy vào tài xoay xở, mua bán lặt vặt của những người phụ nữ.

Bà Loan lả một phụ nữ công giáo di cư từ Phát Diệm, đã từng làm thư ký trong Bộ Tổng Tham Mưu Việt Nam Cộng hòa, từng sống hết sức phong lưu nhờ nhuận bút những bức tranh biếm của chồng đăng trên các báo Sài Gòn, báo Mỹ. Từ khi chồng "đi Gia Trung", bà Loan phải mua từng bộ đồ cũ, từng bịch xà bông, chen chúc trên xe đò, giấu giếm đem về An Giang quê chồng, bán, kiếm từng đồng chênh lệch giá.

Kiếm tiền để đi thăm nuôi đã khó, mỗi một chuyến đi từ Sài Gòn lên Gia Lai là cả một "đoạn trường". Trước hết, phải "chạy" xin cái giấy của Phường, rồi từ 3 giờ chiều đã phải ra bến xe xếp hàng. Chính sách "cải tạo nhân đạo" đã biến những hãng xe đò tư nhân như Phi Long, Phi Hổ một thời khoanh tay mời khách mua vé, mời khách lên xe, trở thành những "chuyến xe bão táp". Có mặt từ chiều ở bến xe, đợi đến 3 giờ sáng "xe khách quốc doanh" bắt đầu bán vé, chen chúc, la ó, nhưng có khi đến lượt mình thì vé hết vì xe ít, nhà nước ưu tiên bán trước cho cán bộ có "giấy công tác".

Không đi được là bi kịch vì tiền bạc giành dụm mua cá, mua thịt kho để lâu không được. Nhà nước sợ tù tích trữ thực phẩm trốn trại nên không cho thăm nuôi đồ khô, ngay cả mắm ruốc, muối mè. Lên xe được rồi cũng vô cùng thắc thỏm, những năm ấy nền kinh tế không còn "lệ thuộc nước ngoài", phụ tùng không có, xe cộ hỏng hóc giữa đường là chuyện thường. May mắn, chạy suốt ngày ra tới Phước Tài thì đêm, không được lên đèo An Khê, ngồi ngủ trên xe cho tới 6 giờ sáng.

Theo bà Nguyễn Thị Kim Loan: Từ chỗ xe dừng vào tới trại hơn ba cây số. Quản giáo không cho thuê người gánh. Họ nói, "Giờ này mà các chị vẫn không bỏ được cái thói tiểu tư sản à". Dân Sài Gòn gánh không quen, đau vai, đành cứ phải xách. Xách giỏ thứ nhất lặc lè đi lên chừng trăm thước, quay lại xách giỏ thứ hai. Đi ba cây số mà mất tới hơn hai giờ. Những hôm xe chết máy, lên tới trại đã là nửa đêm thứ hai, trời tối như bưng, lũ đàn bà, con nít cứ nhắm mắt mà đi không nhận ra lối rẽ, bước thẳng vô mấy nấm mồ mới, hét lên. Quản giáo chạy ra mới biết đã lạc vào trại khác, phải ngủ lại đấy, chờ sáng hôm sau tìm đến chỗ giam chồng. Lặn lội xa xôi như vậy nhưng rồi cũng chỉ được nhìn thấy mặt chồng mười lăm phút. Trên một

cái bàn cây dài, quản giáo ngồi hai đầu, một bên là "phạm", một bên là thân nhân, họ chỉ kịp trao đổi với nhau những lời vội vã.

Năm 1978, nhà sử học Tạ Chí Đại Trường cũng đang học tập ở trại Gia Trung, kể: "Có người xách bịch đồ thăm nuôi về phòng mà băn khoăn không biết ở ngoài làm sao vợ nuôi nổi mấy đứa con lại còn chạy được tiền đi thăm mình. Nhưng cũng có người thản nhiên, phần vì đã quen đòi hỏi, phần vì không hình dung hết những gì đang xảy ra, liên tục gửi thư về giục gửi cho thứ này, thứ nọ. Thảm cảnh gia đình xảy ra từ đó".

Đại úy Đỗ Duy Luật, tiểu đoàn trưởng Tiểu đoàn 248, Sư 18. Ngày 19-4-1975, đơn vị ông được điều từ Bình Tuy về Long Khánh, tham gia trận Long Khánh gây tổn thất nhiều cho quân Giải phóng. Hai ngày sau khi ra trình diện, ông Luật bị đưa lên Long Giao. Từ tháng thứ hai, ông được viết thư về nhà nhưng chỉ cho khai số hiệu trại là "L2T2" chứ không cho nói rõ địa danh. Vợ ông, cũng như vợ của nhiều người lính khác, phải đi hết trại này sang trại khác, nấp sau những bụi cây cạnh bờ rào dò hỏi với hy vọng mong manh tìm chồng. Những chuyến đi như vậy làm khánh kiệt dần chút gia tài mọn của những người vợ lính.

Từ năm 1978, ông Luật được di lý từ Sơn La về trại Ba Sao, Phủ Lý. Mãi tới cuối năm 1979, vợ ông mới tìm được ra thăm. Đó là lần gặp nhau cuối cùng của hai vợ chồng. Khi trở về bà phát bệnh ung thư rồi chết vào đầu năm 1980. Cũng trong năm ấy, ông được chuyển từ Ba Sao về Hàm Tân, vào trại Z30D. Tháng 6-1981, ông được tha với lý do là vợ chết. Khi ông Luật trở về, căn nhà nhỏ của ông ở số 2 Duy Tân không còn nữa, vợ ông đã phải bán, trang trải chi phí cho những chuyến đi thăm chồng và nuôi ba con nhỏ.

Bán nhà chưa phải là bi kịch lớn nhất. Theo Đại úy Tạ Chí Đại Trường: "Có những người vợ đã phải đi bán thân. Có những người vợ đã phải sử dụng thế mạnh của đàn bà để kinh doanh, buôn bán. Khi người trụ cột kinh tế là đàn bà, con gái và trẻ em, lại phải tìm cách qua mặt công an, luồn lọt công quyền, ứng biến khi sơ thất ngay cả trên đường xa… thì không thể nào trách những người phụ nữ ấy. Chuyện một bà tứ tuần có mang với anh tài xế xe hàng, một bà vợ sỹ quan bán chợ trời cặp với anh lính cũ của chồng mình… cũng không có gì bất ngờ khi nó được đưa vào trại"[106].

Cũng có những người tù cải tạo thương vợ thật lòng viết thư về nói: "Thôi, đời anh như vậy là hết rồi, em nên đi tìm hạnh phúc mới, coi có người bộ đội nào…". Điều đó lại chạm vào tự ái của một số người quản giáo duyệt thư, nhiều anh đã kiêu hùng, mắng: "Nhà nước giam giữ các anh không phải nhằm mục đích chia rẽ gia đình, và chúng tôi chiến đấu không phải là để cướp đoạt vợ con của các anh!"[107]. Có lẽ, nếu có ai mất vợ thì cũng chỉ vì thời thế. Vợ của nhà thơ Tạ Ký đã đi lấy chồng "Việt Cộng" khi ông còn bị giam ở trại T6, Long Khánh, cùng với nhà sử học Tạ Chí Đại Trường và họa sỹ Trịnh Cung.

Trại T6 có một nhà xí hai ngăn nằm ngay rìa đường vào rẫy của dân, sát bờ rào dây kẽm gai. Thời gian đầu, thân nhân chưa được chính thức thăm nuôi, các trại viên T6 có sáng kiến dùng nhà xí để nhận tin gia đình và trò chuyện với người thân mà không bị quản giáo phát hiện. Các trại viên thường thay phiên nhau ra ngồi "trực" ở đó để chờ nhận tin nhắn, nhiều tù nhân đã gặp được người thân, những người cất công đi tìm chồng, tìm con, tìm cha, dù chỉ để nhìn thoáng thấy mặt nhau trong giây lát hay nói thật nhanh một câu báo tin nhà. Họ thường phải lên đấy trước, mượn quần áo làm đồng, cuốc xẻng của những nông dân sống gần trại để ngụy trang và nhờ chính những nông dân này che giấu, men theo hàng rào kẽm gai như những người dân đi làm ruộng tình cờ ngang qua hố xí. Cũng chính nơi đó, những người tù nôn nao ngồi chờ…

Một ngày cận Tết năm 1976, đúng vào phiên "trực hố xí" của họa sỹ Trịnh Cung, ông nhận được tin nhắn: Tạ Ký gặp mẹ lúc 2 giờ trưa nay!". Trịnh Cung vội báo tin cho Tạ Ký. Khi đó, theo ông Trịnh Cung: "Đó là một tin vui bất ngờ của Tạ Ký vì đã nửa năm chưa được thăm nuôi. Nhưng thông tin mà anh nhận được từ mẹ chỉ là: Vợ con nó lấy thằng Việt cộng rồi. Ở nhà có mẹ lo sắp nhỏ, con yên tâm. Khi được phép, mẹ sẽ đi thăm"[108]. Không riêng Tạ Ký, không ít sỹ quan "Ngụy" từ trại cải tạo, khi đột ngột trở về đã phải đột ngột bước ra khỏi nhà mình, vì "đứa con ngày chia tay còn thơ không còn nhận ra mình, trong khi trong nhà lại treo cái nón cối"[109].

"Học Tập"

Đầu tháng 4-1865, khi viết thư đầu hàng gửi Đại tướng Tư lệnh Quân miền Bắc Ulysses S. Grant, Đại tướng Robert E. Lee đã xin cho những người lính của ông được mang lừa ngựa, mà họ đã đem từ nhà tham chiến, trở về quê cũ làm ăn. Còn Đại tướng Dương Văn Minh, cuối tháng 4-1975, đã tuyên bố đầu hàng vô điều kiện.

Trong những động thái chính trị trước đó, không có dấu hiệu nào cho thấy Tướng Minh và "bộ tham mưu" của ông đã lo lắng cho số phận của hàng triệu binh sỹ miền Nam.

Cũng thật khó để trách tướng Minh. Trước khi tuyên bố đầu hàng, ông đã không có cơ hội nào để thương lượng với những người chiến thắng. Nhưng sự khác nhau căn bản giữa hai cuộc chiến tranh nằm ở chỗ: ở Mỹ, năm 1865, những chiến binh miền Nam được các tướng thắng trận mô tả như "một đoàn quân tả tơi, nhưng hiên ngang", còn ở Việt Nam, năm 1975, những người lính miền Nam Việt Nam bị những người Chiến thắng gọi là "tay sai", là "dã thú".

Chưa bao giờ Chính quyền cho công bố chính xác số lượng người bị đưa đi cải tạo[110]. Theo số liệu dẫn trong Nghị quyết 01 của Bộ Chính trị, tính tới tháng 9-1982 chỉ riêng ở Sài Gòn, Chính quyền đã tha về hơn ba vạn sỹ quan đã từng là tù cải tạo. Tháng 1-1988, hàng ngàn tù cải tạo đã được tha. Từ đó, gần như toàn bộ số tù cải tạo ở tất cả các trại giam, kể cả từ trại Nam Hà, khoảng 210 người, đều được đưa về trại Z30D. Họ gồm các sỹ quan cấp tướng, cấp tá, hoặc những người từng phục vụ trong các lực lượng như an ninh quân đội, cảnh sát đặc biệt, tình báo. Nhiều người trong số họ đã phải ở tù tới đầu năm 1992[111].

Tướng Trần Văn Trà và ông Cao Đăng Chiếm, hai đại diện của quân đội và công an trong Ủy Ban Quân quản, đảm trách việc chuẩn bị "Chiến dịch X-1". Tuy nhiên, theo ông Võ Văn Kiệt, Đảng ủy Quân quản và Trung ương Cục cũng đã bàn luận rất nhiều, không chỉ là tính những thủ thuật để hàng trăm nghìn sỹ quan quân đội miền Nam tự mang khăn gói vào tù, mà còn đề ra mục tiêu chính trị cho việc tập trung cải tạo. Chủ trương đưa những sỹ quan cao cấp, những người có "nợ máu" đi cải tạo lâu dài cũng không hẳn là để "trả thù" mà, theo ông Kiệt, còn "để họ thấy sai, thấy sự lầm lạc và hiểu cuộc chiến tranh của Cách mạng là chính nghĩa"[112].

Có thể đọc được suy nghĩ ấy của những người như ông Kiệt trong các bài xã luận đăng trên báo Sài Gòn Giải Phóng ngay trong những ngày "Chiến dịch X-1" đang diễn ra[113].

Ngày 11-6-1975, hạ sỹ quan, binh lính bắt đầu ngày "học tập" đầu tiên. Ngày 12-6-1975, báo Sài Gòn Giải Phóng có bài "Thấm nhuần tinh thần nhân đạo Việt nam", xã luận: "Cách mạng thắng lợi, giải phóng đồng bào ta, đồng thời cũng giải phóng luôn cả người lính nguỵ. Cuộc đời làm lính đánh thuê cho đế quốc Mỹ đã

chấm dứt. Họ khỏi phải chết. Họ thoát khỏi kiếp sống cực nhục trong đội quân chống lại tổ quốc. Đó là hành vi nhân đạo đầu tiên rất căn bản của cách mạng đối với họ. Giờ đây, dù họ có bị bắt giam hay không, họ vẫn là những tù, hàng binh trong tay các lực lượng vũ trang giải phóng… Tuy nhiên, nếu chúng không chống cự thì ta cũng không giết chúng. Chúng cũng là con người Việt Nam. Đế quốc Mỹ và tay sai đã biến chúng từ con người thành ra dã thú. Cách mạng phải cải tạo chúng từ thú trở lại thành người. Phải giam chúng lại để chúng không làm hại nhân dân được nữa. Đồng thời phải cải tạo chúng để chúng cải tà quy chính"[114].

Ngày 15-6-1975, báo Sài Gòn Giải Phóng xã luận tiếp: "Hòa hợp là một chính sách lớn của cách mạng. Muốn hoà hợp dân tộc thì điều cơ bản và đầu tiên là phải làm sao cho mọi thành viên trong cộng đồng dân tộc có một lập trường thống nhất làm cơ sở. Giặc Mỹ và bọn tay sai bán nước dã dùng một chính sách chia rẽ tệ hại nhất. Chúng gây thù hằn giữa các thành viên của dân tộc, giữa các tôn giáo, giữa các địa phương. Chúng cố tình chia cắt nước ta… Nguy hiểm hơn cả là chúng đã dùng mọi thủ đoạn để nhồi nhét vào đầu óc của một số người chủ nghĩa chống cộng điên cuồng để làm bình phong che dấu mục đích xâm lược. Bởi vì chúng biết rằng những người cộng sản là những người yêu nước nhứt, là những người chống đế quốc quyết liệt nhứt… Làm sao có thể hoà hợp giữa những người yêu nước với những người chống lại tổ quốc, dù dưới bất cứ hình thức nào và nhãn hiệu nào? Súng đã nộp mà tư tưởng chống cách mạng vẫn còn thì hoà hợp làm sao được?... Vì vậy, hoà hợp dân tộc là trước hết, họ phải gột sạch những nọc độc tư tưởng giặc Mỹ đã gieo rắc, từng bước tiếp thu ánh sáng chính nghĩa của dân tộc. Đợt học tập tổ chức cho binh sỹ nguỵ quân, nguỵ quyền hiện nay đã mở ra cho họ một cơ hội tốt để làm việc đó. Qua học tập, họ phải thấy cho rõ âm mưu và tội ác của giặc Mỹ và tay sai, phải nhận ra chính sách khoan hồng đầy nhân nghĩa của cách mạng, phải thấy hết lỗi lầm của mình đối với dân tộc và con đường tất yếu họ phải đi từ đây để làm lại cuộc đời, trở thành người công dân Việt Nam chân chính. Đó là con đường duy nhất đưa họ đi đến hoà hợp với đông đảo các tầng lớp nhân dân"[115].

Cho tới đầu thập niên 1990, quan điểm của Đảng về việc tập trung cải tạo vẫn còn khắc nghiệt. Thông báo ngaỳ 20-2-1991 của Ban Tư tương̉ Văn hoá Trung ương "Vê ̀nhưñg luâṇ điêụ xuyên tac̣ cuả Bui ̀Tiń trên đai ̀BBC" viết: "Viêc̣ cai ̉taọ nhưñg phâǹ tư ̉đa ̃gây nhiêù tôị ać hoăc̣ coǹ mang năṇg tư tương̉ chông ́côṇg, thu ̀điḳh

quyêt́ liêṭ vơí cách maṇg thi` hoaǹ toaǹ không phaỉ la` vi phaṃ nhân quyêǹ, caǹg không phaỉ la` viêc̣ laǹ traí vơí chińh sach́ hoà hơp̣, hoà giaỉ dân tôc̣ ma` chińh la` viêc̣ laǹ câǹ thiêt́ đê ̉ baỏ vê ̣ cuôc̣ sôńg hoà biǹh, yên vui cuả nhân dân, baỏ vê ̣ nhân quyêǹ cho moị ngươì va` đê ̉ tăng cươǹg hoà hơp̣ dân tôc̣".

Đúng như ông Võ Văn Kiệt thừa nhận, đòi hỏi những sỹ quan thua trận "tiếp thu ánh sáng chính nghĩa" từ những người đưa mình vào tù là một yêu cầu quá cao. Cán bộ quản giáo miền Bắc, những người trực tiếp giáo dục lại các "ngụy quân và ngụy quyền" là những người lớn lên trong một xã hội hoàn toàn khép kín. Những giai thoại nói mấy chú bộ đội ngày mới vô, thấy Sài Gòn giàu có, đã giữ tư thế cho miền Bắc xã hội chủ nghĩa bằng cách khoe: "Ngoài đó, ti vi tủ lạnh chạy đầy đường", không chỉ là những chuyện kể khôi hài. Chuyện bộ đội tiếp quản biệt thự, cao ốc, nhìn thấy cái bồn cầu sứ trắng tinh tưởng là bồn rửa rau, cho rau vào, giật nước, thấy rau trôi mất bèn kêu: "Bọn tư bản nó gài bẫy" cũng không hẳn là tiếu lâm chính trị.

Hầu hết bộ đội miền Bắc đều ra đi từ những làng quê nghèo đói. Đến khi vào tới Sài Gòn thì đến Đài Tiếng nói Việt Nam cũng ít có dịp được nghe, sách báo thì ngay cả Thép Đã Tôi Thế Đấy, Rừng Thẳm Tuyết Dày… cũng không đủ đọc. Họ được dạy rằng người dân miền Nam đang phải rên xiết, lầm than; nhiều thanh niên miền Bắc trong ngày 30-4-1975 còn ước ao được nhanh chóng vào Nam để giáo dục những thanh niên lầm đường lạc lối.

Không ít quản giáo khi tiếp xúc với những sỹ quan được đào tạo chính quy của miền Nam đã nhận ra sức hiểu biết của mình đang ở đâu. Cũng có những người vì mặc cảm đã dùng quyền uy lấn át. Nhưng cũng có những người tiếp tục trung thành với những gì được dạy. Sự say sưa làm "thầy" của họ đã tạo ra không ít tình huống trớ trêu.

Theo ông Nguyễn Văn Trân[116], người được bổ sung vào Trung ương Cục đầu tháng 4-1975, chủ trương từ trước của Bộ Chính trị là: Số nguy hiểm thì đưa ra miền Bắc cải tạo, số không nguy hiểm thì để lại trong Nam. Bản thân những người trong cuộc cũng nhận thấy những người được cải tạo ở miền Nam thì cuộc sống có phần nhẹ nhàng hơn, ngắn hạn hơn. Những người "tù nặng, tù lâu" thì ra Bắc. Những năm đầu việc cải tạo do bộ đội quản lý, kể từ sau cuộc chiến tranh biên giới 17-2-1979, tù cải tạo được chuyển dần sang các trại ở Nam Hà, Thanh Hóa.

Không chỉ bị hành hạ về tinh thần, thật khó lý giải vì sao những người chiến thắng lại giam giữ những đối thủ đã đầu hàng mình lâu như vậy. Cho tới đầu thập niên 1990, những người lính biệt kích bị bắt hồi đầu thập niên 1960, những tù binh "Ngụy" bị bắt hồi Mậu Thân (1968), hồi Chiến dịch Hạ Lào 1971 vẫn còn phải đang "cải tạo".

Nhà thơ Tô Thùy Yên, sau mười năm ở tù về đã viết:

Ta về cúi mái đầu sương điểm
Nghe nặng từ tâm lượng đất trời
Cám ơn hoa đã vì ta nở
Thế giới vui từ mỗi lẻ loi
Ta về như lá rơi về cội
Bếp lửa nhân quần ấm tối nay
Chút rượu hồng đây xin rưới xuống
Giải oan cho cuộc bể dâu này…

Cải tạo không chỉ là câu chuyện của từng số phận mà còn là một phần trong "cuộc bể dâu" cuối thế kỷ 20 của Việt Nam.

Chương III: Đánh tư sản

Sau khi hàng trăm ngàn binh lính đã được "học tập", đã nhận thấy "tội lỗi" của mình, còn các sỹ quan thì đã bị giữ trong các trại cải tạo, Sài Gòn lại náo động bởi chiến dịch đánh tư sản mại bản. Theo nhận thức của những người cộng sản, đánh đổ giai cấp tư sản là bước đi tất yếu, là nhiệm vụ của "cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân". Chưa đầy ba năm sau khi chủ nghĩa xã hội được áp dụng ở miền Nam, các nhà doanh nghiệp, với tên gọi mới là "tư sản", đã phải trải qua hai lần bị "đánh".

"Chiến dịch X-2"

Vào lúc 7 giờ 30 phút sáng ngày 10-9-1975, Ủy ban Quân quản Thành phố Sài Gòn họp báo, đưa ra "Bản Tuyên bố của Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà Miền Nam Việt Nam", ra lệnh "bắt giữ một số tư sản mại bản có chứng cứ đầu cơ tích trữ, phá rối thị trường: Mã Hỷ, vua lúa gạo; Lưu Tú Dân, lũng đoạn vải vóc; Bùi Văn Lự, nhập cảng, đầu cơ phụ tùng xe máy; Hoàng Kim Quy, thầu cung cấp kẽm gai cho quân đội Mỹ; Trần Thiện Tứ, độc quyền xuất cảng cà phê…"[117]. Hơn bảy giờ trước đó, phần lớn các đối tượng nằm trong danh sách sáu mươi tên đánh đợt đầu đã bị bắt.

Theo ông Nguyễn Văn Trân, Ủy viên Thường vụ Trung ương Cục, danh sách "tư sản mại bản" bị đánh trong đợt này chủ yếu tham khảo từ một tài liệu về "Chính sách hậu chiến" được viết năm 1974 của Chính quyền Sài Gòn, trong đó có phần đánh giá vai trò lũng đoạn thị trường của các "vua" người Hoa ở Chợ Lớn. Giờ G của Chiến dịch X-2 lúc đầu được định là 5 giờ sáng ngày 10-9-1975, sau do trục trặc trong "hợp đồng tác chiến", tin tức bị lọt ra, nên phải triển khai từ lúc 12 giờ khuya ngày 9-9-1975. Hơn 10.000 công nhân, học sinh, sinh viên đã được điều động áp sát các mục tiêu. Hàng vạn "quần chúng" khác được đưa xuống đường để gây áp lực về dư luận[118].

Về lý luận, "tư sản mại bản" được chính quyền cách mạng coi là "địch" nên phương thức mà Chiến dịch X-2 tiến hành được xác định rõ là "đánh". Tài liệu đã

dẫn viết tiếp: "Phản ứng của địch nói chung là yếu. Tư sản mại bản đối phó chủ yếu bằng cách phân tán tài sản cho bà con thân thuộc. Số đã bị bắt thì tuy hoang mang, sợ sệt nhưng lại tiếc của nên ngoan cố, không chịu khai ra của chìm, tiền bạc, hột xoàn"[119].

Tối 10-9-1975, "tin chiến thắng" liên tục được báo về "Đại bản doanh" của Trung ương Cục đóng tại Dinh Độc Lập. Con số bị bắt cho đến khi ấy vẫn tăng lên. Các đoàn đưa ra những con số chi tiết: hàng chục triệu tiền mặt, hàng chục ký vàng, cả "kho" kim cương, hàng vạn mét vải và cả một cơ sở chăn nuôi gồm "7.000 con gà, thu hoạch 4.000 trứng mỗi ngày"[120] ở Thủ Đức. Một nhà tư sản đang nằm viện bị yêu cầu kiểm tra xem ốm thật hay cáo bệnh, trong khi đó con trai ông ta bị bắt để buộc phải khai ra nơi cất giấu tiền, vàng. Do tin tức bị lọt ra, một số nhà tư sản đã kịp cao chạy xa bay, có người bị bắt khi đang chuẩn bị trốn.

Trong buổi giao ban của Thường vụ Trung ương Cục vào lúc 7 giờ tối ngày 10-9-1975, tại Dinh Độc Lập, với sự có mặt của ông Phạm Hùng, bí thư Trung ương Cục, ông Nguyễn Văn Trân, ủy viên thường vụ, cùng các lãnh đạo Quân quản như Nguyễn Võ Danh, Phan Văn Đáng…, ông Mai Chí Thọ cho rằng các đoàn, các đội chỉ mới bắt được đối tượng, mới nắm được tài sản nổi chứ chưa lấy hết tài sản chìm.

Ông Mai Chí Thọ tuyên bố: "Một tên tư sản Hoa có thể có từ 500 đến 1 ngàn lượng vàng. Qua chiếm lĩnh và khai thác ta mới hỏi sơ chứ chưa lục xét, chưa truy sâu nên có thu được vàng và ngoại tệ, nhưng so với số chúng đã có thì chưa bao nhiêu. Vì vậy, các đoàn cần đi sâu lục soát hơn nữa trong nhà chúng để truy vàng bạc và ngoại tệ. Phải dựa vào quần chúng, người làm công ở mướn phát động họ để phát hiện nơi giấu cất". Một tuần trước khi Chiến dịch X-2 diễn ra, do vật giá tăng quá cao, chính quyền đã "đánh" một số đối tượng bị quy là lũng đoạn thị trường, nhất là thị trường bột ngọt[121].

Đổi tiền

Sau "Chiến dịch X-2", Thành uỷ nhận định: "Bọn tư sản mại bản bị cô lập rất cao, chúng đã mất hết chỗ dựa về mặt quân sự và chính trị. Lực lượng kinh tế của chúng đã bị sứt mẻ và đang bị tan vỡ dưới sự tiến công của ta"[122]. Nhằm "giáng tiếp những đòn mới vào giai cấp tư sản", ngày 22 và 23-9-75, đồng tiền cũ của chế độ Sài Gòn đã được thay thế bởi đồng tiền mới.

Đổi tiền cũng được coi là "chiến dịch" với mật danh "X-3". Ba yêu cầu mà Trung ương Cục đưa ra cho Chiến dịch X-3 gồm: "Thiết lập một chế độ tiền tệ mới; ngăn chặn giai cấp tư sản sử dụng tiền mặt để thao túng thị trường, đồng thời tước đoạt bớt phương tiện hoạt động của bọn gián điệp, tình báo; đẩy lùi lạm phát"[123]. Với nhận thức tiền còn là "phương tiện hoạt động của bọn gián điệp, tình báo", Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hoà Miền Nam Việt Nam chỉ cho đổi một số tiền hạn chế.

Mỗi hộ gia đình được đổi tối đa 100.000 đồng tiền "Chánh quyền Sài Gòn cũ"- 500 đồng tiền "Chánh quyền Sài Gòn cũ" đổi được một đồng tiền mới Ngân hàng Việt Nam. Cán bộ công nhân viên chức trong các tổ chức tập thể được đổi mỗi người 15.000; hộ kinh doanh tiểu công nghệ, thương nghiệp, vận tải được đổi 100.000 đồng; tổ chức kinh doanh lớn được đổi từ 100.000 đến 500.000 đồng; khách vãng lai, mỗi người được đổi 20.000, số còn lại nộp cho ban đổi tiền, lấy biên lai về địa phương giải quyết. Các hộ kinh doanh và hộ gia đình nếu có nhiều tiền hơn mức được đổi ngay thì phần còn lại sẽ quy đổi thành tiền mới, ghi vào sổ tiết kiệm, hoặc sổ tiền gửi tại Ngân hàng Quốc gia Việt Nam.

Chập tối ngày 21-9-1975, ngành ngân hàng huy động 10.000 cán bộ. Bộ Tư lệnh thành huy động 17.921 bộ đội; các quận huy động 35.000 người. Tất cả được đưa đến các quận, các khu vực, mà không biết trước sẽ được giao nhiệm vụ gì. Họ phải kê khai tất cả tiền bạc, tư trang mang theo người và từ đó, "nội bất xuất, ngoại bất nhập". Trong đêm 21-9, họ được tập huấn công tác thu đổi tiền. Đúng 2 giờ sáng ngày 22-9-1975, họ được triển khai xuống các "bàn đổi tiền".

Theo kế hoạch, đúng 5 giờ sáng, mọi công tác chuẩn bị phải hoàn tất. Tuy nhiên, "do điều động một số lượng người khổng lồ và phải chuyển tài liệu xuống tận các 'bàn', nhân sự lại chỉ được tập huấn vội, trong khi lại phải kê khai và xét duyệt mất nhiều thời gian, nên công tác kê khai, đăng ký cho đến 11 giờ ngày 22-9-1975 vẫn chưa xong. Trước tình đó, Ban thu đổi Thành phố quyết định kéo dài thời gian đăng ký kê khai tới 21 giờ ngày 22-9-1975 và chỉ thị cho các quận coi đây là khâu quan trọng nhất, là khâu quyết định của chiến dịch đổi tiền. Đến ngày 23-9-1975, các nơi bắt đầu thu tiền cũ, đổi tiền mới cho đồng bào nhưng do tình hình phức tạp, đồng bào vẫn kéo tới đăng ký kê khai với nhiều lý do: hai ba hộ, trong một nhà [hộ ghép] chỉ mới hưởng được tiêu chuẩn của một hộ; đến trễ hoặc đến mà nhân viên

đổi tiền làm không kịp… Trong tình hình đó, Ban thu đổi tiền phát hiện được âm mưu phân tán tiền của tư sản nên quyết định chấm dứt việc đăng ký kê khai tại bàn”[124].

Có những sỹ quan đang ngồi trong trại tập trung cải tạo khi nghe thông báo đổi tiền mới giật mình vì không ai ở nhà biết nơi giấu tiền. Năm ngày sau, Chính phủ đã phải lập “hội đồng cứu xét từng trường hợp” và có sỹ quan từ trại cải tạo đã được đưa về tận nhà để chỉ cho gia đình nơi giấu tiền.

Quyết định đổi tiền được báo Sài Gòn Giải Phóng coi là để kết thúc “30 năm sôńg dơ va ̀chêt́ nhuc̣ cuả đôǹg bac̣ Saì Goǹ”[125]. Đồng tiền Sài Gòn bắt đầu được phát hành ngaỳ 1-1-1955, được Chính quyền mới gắn cho nhiều tội lỗi[126]. Ba ngaỳ sau đổi tiền, báo Đảng ở Sài Gòn viết: “Miêǹ Nam đã co ́môṭ nêǹ tiêǹ tê ̣mơí, khai sinh tư ̀sư ̣đôc̣ lâp̣ toaǹ veṇ cuả xư ́sơ,̉ nhân dân thaǹh phô ́Hô ̀Chi ́Minh đa ̃nâng niu tưǹg tơ ̀bac̣ cuả Ngân haǹg Viêṭ Nam vơí môṭ niêm̀ hañh diêṇ chưa tưǹg thâý sau bao nhiêu thê ́ky ̉mâť nươć, phaỉ ep ́miǹh sôńg vơí đôǹg bac̣ cuả ngoai ̣bang”[127]. Không biết “tủi nhục” đã mất đi bao nhiêu sau Chiến dịch X-3, nhưng rất nhiều tiền bạc của người dân miền Nam đã trở thành giấy lộn.

Kể từ sáng 23-9-1975, những ai còn đồng bạc của chính quyền Sài Gòn cũ mà chưa đăng ký thì coi như hết giá trị. Sáng sớm ngày 23-9-1975, ông Phạm Văn Tư chở vợ, bà Võ Thị Mai, từ thị trấn Sông Mao, Hải Ninh, Bình Thuận vô Phan Thiết sinh. Vừa rạng sáng thì xe ông bị chặn lại. Du kích cho biết là có lệnh không cho bất cứ ai ra ngoại tỉnh nhưng khi thấy một bà bầu đang ôm bụng, họ hội ý rồi cho đi. Đưa vợ vào nhà bảo sanh xong, để cô con gái Phạm Thị Mai Hoa[128], năm ấy lên tám tuổi ở lại, ông Tư nhanh chóng quay về nhà.

Do thường xuyên cần tiền cho trại cưa hoạt động nên khi ấy nhà ông có tới ba bao tải tiền mặt trị giá gần 7.000 lượng vàng. Đến nhà, ông Tư phân tán tiền định nhờ bà con mỗi người đổi giùm một ít nhưng kế hoạch bị bại lộ. Du kích bao vây nhà ông, bắc loa tuyên bố: “Nội bất xuất, ngoại bất nhập”. Hôm sau, những bao tiền đó bị ném tung ra, bay trắng cả vườn.

Ông Phạm Văn Tư chỉ là một chủ trại cưa, nhưng khá “có tiếng” ở thị trấn Sông Mao, nên khi ở Sài Gòn, “tư sản mại bản” bị đánh, địa phương bắt đầu quản lý trại cưa của ông. Ông Tư cùng một người Hoa, ông Kim Ký, mua lại trại cưa này năm 1964, khi “Việt Cộng” bắt đầu nắm giữ các khu rừng, dân kinh doanh liên quan đến

gỗ phải đi dây để không làm mất lòng hai phía. Chiến tranh càng lan rộng, thị trấn Sông Mao trở nên nhộn nhịp khi trở thành căn cứ của Sư đoàn 23 Quân lực Việt Nam Cộng hòa, công việc làm ăn của ông Tư càng thêm phát đạt.

Vào những ngày cuối tháng 3-1975, ông Kim Ký ,người đã chạy khỏi Trung Quốc năm 1949, khuyên ông Tư nên di tản. Nhưng ông Tư không dễ gì từ bỏ một sản nghiệp đã gây dựng cả cuộc đời, không dễ gì ra đi không biết nơi đến thế nào với bảy người con đang tuổi ăn học. Trong khi đó, những Việt Cộng mà ông Tư gặp trong rừng cũng khá dễ thương. Khi ông cung cấp đèn pin, đá lửa, thuốc ký ninh, họ đã trấn an ông rằng ông vẫn được tiếp tục làm ăn như cũ. Khi những người có máu mặt trong vùng lặng lẽ tới Phan Rí xuống tàu, vợ chồng ông Tư vẫn ở lại.

Ngày 10-9-1975, Chính quyền ập vào nhà kiểm kê từng lưỡi cưa, vòng bi trong nhà ông và tuyên bố quản lý xưởng cưa. Ông Tư hôm ấy vẫn chưa ý thức được là tài sản của ông đang bị tước đoạt. Sáng hôm sau, như thường lệ, ông vẫn mang xuống xưởng một ấm nước chè cho anh em thợ. Vừa tới xưởng, ông bị một người thợ chặn lại: "Trại cưa này không còn là của ông, từ giờ nó là của công nhân, ông không được đến đây nữa"[129]. Ông Tư sững lại nụ cười trên gương mặt ông từ từ méo đi. Hơn mười ngày sau thì xảy ra vụ đổi tiền. Ông Tư gần như phát điên. Cô em vợ nghe, chạy qua bị du kích chặn lại. Đứng ngoài bìa ruộng, nhìn thấy anh rể mình cứ cười sằng sặc. Thương anh, cô chỉ biết một mình lặng lẽ khóc.

Ở Huế, chiều ngày 21-9-1975, Hiệu phó kiêm Bí thư Đoàn trường Nguyễn Tri Phương Trần Kiêm Đoàn[130] được Thành đoàn Huế giao phối hợp với Đoàn trường Đồng Khánh, dẫn 200 đoàn viên theo cửa Thượng Tứ vào Đại Nội. Trước khi đi, Thành đoàn ra lệnh: "Chuẩn bị khăn gói, thức ăn ba ngày, sẵn sàng chiến đấu". Ông Đoàn kể: "Tụi tôi hồi hộp: Mỹ quay lại hay binh lính Sài Gòn nổi dậy? Tới 3 giờ sáng thì mới hay tin sáng mai đổi tiền. Khi ấy tôi còn trẻ, hào hứng với những cái mới nên nghe nói một đồng tiền mới giá trị bằng 500 đồng tiền cũ cũng có cái gì đó tự hào. Sáng ra vẫn tả xung hữu đột đôn đốc đoàn viên hoàn thành nhiệm vụ".

Nhưng, tới trưa, theo ông Trần Kiêm Đoàn: "Đi đâu cũng thấy dân kêu gào thất vọng. Ba giờ chiều, tôi tranh thủ về nhà, thấy vợ ngồi thẫn thờ, nước mắt lưng tròng: Anh! Mình trắng tay rồi!". Mỗi gia đình chỉ được đổi tối đa 100 nghìn tiền Sài Gòn trong khi tiền mặt trong nhà vẫn còn tới gần mười triệu. Không chỉ nhà ông

Đoàn, nhiều gia đình buôn bán ở cửa Đông Ba, hàng xóm của ông, cũng đang kêu khóc.

Những người càng tin tưởng vào chế độ mới càng mất mát lớn hơn, vì khi chiến tranh kết thúc, họ đã đào vàng lên bán, lấy vốn kinh doanh. Ông Đoàn kể: "Tôi trở về Đại Nội. Một vị chỉ huy lực lượng đổi tiền biết chuyện kêu lại nói: 'Muốn đổi bao nhiêu cũng được nhưng phải chia 5:5. Về xóm coi có ai thì kêu họ đổi luôn'. Tôi về lấy tiền và móc nối với mấy người trong xóm. Đúng là đổi bao nhiêu cũng được thật".

Gần một tháng trước đó, ngày 28-8-1975, Chủ tịch Hội Đồng Chính phủ Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Huỳnh Tấn Phát đã ký Nghị định "Đình chỉ vĩnh viễn 16 ngân hàng tư nhân". Ngày 3-9-1975, báo Sài Gòn Giải Phóng thông báo việc "rút tiền tiết kiệm", theo đó, "những người có trương mục dưới một triệu có thể rút dần tiền về, số trung bình mỗi nhân khẩu có thể rút là 10 nghìn đồng/tháng", còn những trương mục trên hai triệu "sẽ được ngân hàng quốc gia cứu xét riêng rẽ". Trên thực tế, không mấy ai rút được đồng tiết kiệm nào trước ngày đổi tiền, 22-9-1975.

Cũng trong ngày 3-9-1975, Ngân hàng Quốc gia tuyên bố "Công khố phiếu không còn giá trị", Chính quyền giải thích: "Các loại công khố phiếu dù của các ngân hàng hay của tư nhân là những giấy nợ của Nguyễn Văn Thiệu vay để thêm ngân sách cho guồng máy chiến tranh, nay Nguyễn Văn Thiệu và bè lũ đã mang tiền của tháo chạy, Chánh quyền Cách mạng hiện đang quản lý tài sản của toàn dân, không lý gì và không có quyền lấy tiền nhân dân trả nợ thế cho Nguyễn Văn Thiệu"[131].

Người dân miền Nam từng nghe những "luận điệu" như Việt Cộng về thì sẽ lấy kìm rút móng những ai sơn móng tay, bắt đàn bà con gái lấy thương binh. Ít ai lường được sẽ có những mũi kìm êm ái hơn như... đổi tiền. Nếu như "đánh tư sản mại bản" chỉ liên quan đến mấy trăm gia đình, thì đổi tiền và chính sách mới về số tiền gửi cũ trong các ngân hàng liên quan đến mọi người. Tiền bạc cũng giúp những người như ông Đoàn hiểu thêm về con người trong chế độ mới.

"Gian thương"

Tháng 8, tháng 9-1975, giá cả các mặt hàng thiết yếu, đặc biệt là bột ngọt, tăng vọt. Chính quyền Cách mạng, lúc này vừa kiểm soát tuyệt đối các phương tiện

truyền thông, đã cho rằng đó là "tội ác của các trùm tư bản". Báo Sài Gòn Giải Phóng ngày 27-7-1975 chạy tít: "Cơn sốt bột ngọt đã làm cho đồng bào nhận rõ bọn trùm gian thương đầu cơ tích trữ".

Không chỉ có bột ngọt tăng giá. Trước tháng 6-1975, một ký muối bột giá bảy mươi đồng, đến tháng 8-1975, giá đã lên tới 300 đồng một ký; một viên đá lửa đỏ, giá tháng 6-1975 là mười đồng, hai tháng sau đã lên đến sáu mươi đồng; giá một chiếc bu-gi xe lam tăng từ 500 đồng lên 1.100 đồng; một bộ vỏ, ruột xe Honda tăng 7.000 lên 17.500 đồng. Ngày 30-4-1975, một ký bột ngọt giá chỉ 3.000- 3.500 đồng, đến tháng 8-1975 đã tăng lên 17.000-18.000 đồng.

Ngay trong số báo ra ngày 10-9-1975, Tuổi Trẻ đã có bài "điều tra", khẳng định: Nói bột ngọt khan hiếm là vì "đã đưa hết ra Bắc" là một "luận điệu tuyên truyền ác ôn". Dẫn lời một "bác Hai" làm nghề khuân vác ở chợ Cầu Muối, bài báo kết luận: "Bọn gian thương chứ không ai hết. Tụi nó bóc lột xương máu của nhân dân lao động như thế quen rồi". Cũng theo một "công nhân khuân vác" được trích dẫn trong bài báo này thì, "tội ác của bọn chúng, phải tử hình mới thoả mãn ý chí của nhân dân". Ở các tỉnh Miền Tây, trong tuần lễ thứ hai của tháng 9-1975 cũng có tới "hơn năm mươi tay gộc tư sản mại bản đã bị bắt giữ".

Tài liệu do Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt nam, đăng trên các báo ra ngày 10-9-1975, nêu "mười tội ác" của tư sản mại bản[132]. Để phân biệt tư sản mại bản với tư sản dân tộc, ông Nguyễn Nam Lộc, ủy viên Tuyên-Văn-Giáo của Liên hiệp Công đoàn Thành phố nói: "Ở đây ta không đi sâu vào giải thích danh từ. Ta chỉ hiểu tư sản dân tộc đại để là những người bỏ vốn ra kinh doanh vừa có lợi cho họ vừa có lợi cho dân tộc. Họ không dựa vào thế lực kinh tế chính trị của ngoại bang hay tay sai của ngoại bang"[133].

Khi bị Tòa án Nhân dân Đặc biệt đưa công khai xét xử, "một số tên tư sản mại bản", trong đó có "tên" Hoàng Kim Quy, đã bị xử "hai mươi năm tù, tịch thu toàn bộ tài sản". "Tội trạng" của ông Hoàng Kim Quy được Ủy viên Công tố Nguyễn Hoàn kết luận đanh thép: "Bức thư y [Hoàng Kim Quy] gửi cho Tổng trưởng Ngoại giao Ngụy thúc giục Chính quyền vay của Ả-Rập Xê-út 500 triệu đô la để mớm hơi cho chiến tranh Việt Nam Hóa của Mỹ đang phá sản và trả dài hạn bằng cách cho đầu tư khai thác mỏ dầu ở thêm lục địa Việt Nam. Quy đã suy nghĩ và hành động như một tên xâm lược Mỹ với ý thức chống cộng sâu sắc, cam tâm bán đứng cả miền

Nam để duy trì chế độ thối nát của Ngụy quyền… Hoàng Kim Quy đã không mơ hồ về mưu đồ của đế quốc Mỹ. Điều y thật sự mơ hồ là không hiểu hết sức mạnh của nhân dân ta. Không hiểu hết được thắng lợi thần kỳ của Cách mạng Việt Nam đã nhanh chóng làm đế quốc Mỹ thất bại và phá vỡ kế hoạch kinh doanh bóc lột của y phục vụ cho chủ nghĩa thực dân mới”[134].

Cũng với cách luận tội như trên, máy móc nông cụ nhập khẩu của “tên tư sản mại bản” Lưu Trung được Ủy viên Công tố Nguyễn Hoàn gắn với một “âm mưu xảo quyệt” của “đế quốc Mỹ” dùng viện trợ kinh tế để “biến nông thôn thành chỗ dựa của ngụy quyền”[135]. Tiến trình cơ giới hóa của nền nông nghiệp miền Nam được Công tố ủy viên Nguyễn Hoàn phân tích: “Thông qua viện trợ Mỹ về nông nghiệp, chúng tìm cách tạo ra cảnh phồn vinh giả tạo, nhằm lừa mị nông dân, lôi kéo họ ra khỏi ảnh hưởng của Cách mạng”[136]. Phiên tòa diễn ra theo thủ tục đặc biệt. Cho dù, “với bản chất ngoan cố, tên tư sản mại bản Lưu Trung tìm cách nói quanh co để che lấp phần nào tội trạng của y”[137], nhưng mọi lập luận kể cả của bào chữa viên nhân dân đều bị “tòa bác bỏ”.

Những “tên tư sản mại bản” khác như Lý Sen, kinh doanh sắt thép, Trương Dĩ Nhiên, “nhập cảng và sản xuất phim ảnh đồi trụy phản động”… cũng đều lần lượt lãnh án tù. Người dân Sài Gòn khi ấy mới chỉ nghe qua Marx-Lenin, chưa được trang bị “trình độ lý luận” để hiểu về “tích lũy giá trị thặng dư thông qua bóc lột sức lao động”, để hiểu vì sao một người mua bán máy nông cơ như Lưu Trung lại liên quan đến một âm mưu sâu xa “làm dư ra lực lượng lao động nông thôn để cho Chính quyền Sài Gòn bắt lính”.

Chính quyền Cách mạng đánh giá: “Nhìn chung, các tầng lớp quần chúng cơ bản, tư sản dân tộc, tiểu thương, tiểu chủ đều phấn khởi và tán thành việc đánh tư sản mại bản vì ai cũng căm thù tầng lớp tư sản mại bản hại dân, hại nước”[138]. Những đánh giá ấy không dựa trên bất cứ một kết quả thăm dò dư luận nào mà chủ yếu căn cứ vào những phát biểu của lãnh đạo Thành. Theo ông Mai Chí Thọ: “Trong giới nghèo lao động có dư luận bàn tán cộng sản lấy tiền nhà giàu cho nhà nghèo”[139].

Trước Chiến dịch X-2, chính quyền đã “bắt chín mươi hai tên tư sản mại bản đầu sỏ, đã mời ra làm việc bốn mươi bảy người. Đã có ba bỏ trốn và một tự sát”[140]. Những gì mà Cách mạng lấy được của “nhà giàu” trên toàn miền Nam được liệt kê:

“Về tiền mặt ta thu được 918,4 triệu đồng tiền miền Nam; 134.578 Mỹ Kim [trong đó có 55.370 USD gửi ở ngân hàng]; 61.121 đồng tiền miền Bắc; 1.200 đồng phrăng (tiền Pháp)…; vàng: 7.691 lượng; hạt xoàn: 4.040 hột; kim cương: 40 hột; cẩm thạch: 97 hột; nữ trang: 167 thứ; đồng hồ các loại: 701 cái. Trong các kho tàng ta thu được: 60 nghìn tấn phân; 8.000 tấn hoá chất; 3 triệu mét vải; 229 tấn nhôm; 2.500 tấn sắt vụn; 1.295 cặp vỏ ruột xe; 27.460 bao xi măng; 644 ô tô; 2 cao ốc; 96.604 chai rượu; 13.500 ký trà; 1000 máy cole; 20 tấn bánh qui; 24 tấn bơ; 2.000 kiếng đeo mắt; 457 căn nhà phố; 4 trại gà khoảng 30.000 con và một trại gà giá 800 triệu; 4.150 con heo; 10 con bò, 1.475.000 USD thiết bị tiêu dùng; 19 công ty; 6 kho; 65 xí nghiệp sản xuất; 4 rạp hát; 1 đồn điền cà phê, nho, táo rộng 170 hecta ở Đà Lạt”[141].

Năm 1976, tình hình tiếp tục khó khăn. Một đợt “đánh tư sản” lại được tiến hành, lần này tập trung hơn vào giới tư sản người Hoa. Ngày 10-9-1976, vơ ̣chông̀ nhà tư sản người Hoa, ông Đaò Tăć Kinh, bi ̣băt́ “trong luć đang dôǹ tiêǹ va ̀cuả quy ́ vaò tám va li đê ̉chaỵ trôń”. Sáng sớm hôm ông Đào Tắc Kinh bị bắt, “cać lưc̣ lương̣ quân đôi,̣ an ninh vo ̃trang đa ̃băt́ giư ̃nhiêù tên tư san̉ mai ̣ban̉ luñg đoan,̣ đâù cơ tićh trư,̃ pha ́rôí thi ̣trương̀” như Ly ́Hơn, Lâm Huê Hô,̀ Dương Hai,̉ Trang Trinḥ Nguyên, Ma ̃Tuyên, Trâǹ Thanh Ha,̀ Trâǹ Liêṭ Hông̀, Ly ́Hâń. Ngay sau khi bắt giữ các nhà tư sản, chính quyền lập tức trấn áp trên diện rộng về mặt dư luận.

Sańg 11-9-1976, haǹg ngaǹ ngươì Hoa tai ̣Chơ ̣Lơń đã được chính quyền huy động cho một cuộc biểu tình được báo chí mô tả là “sôi suc̣ căm phâñ tô ́caó tôị ać cuả boṇ tư san̉ mai ̣ban̉ boć lôṭ va ̀yêu câù Chińh phu ̉baỉ trư ̀chuńg tâṇ gôć”. Tối cùng ngày, gâǹ ba mươi cuôc̣ miť tin đã được tổ chức ơ ̉nhiêù nơi trong thành phố. Sài Gòn lại được báo chí mô tả là “sôi sục khí thế cách mạng”.

Chính một số người Hoa được báo chí dẫn lời cho rằng: “Boṇ tư san̉ mai ̣ban̉ Hoa kiêù caǹg giaù bao nhiêu thi ̀chuńg tôi caǹg cơ cưc̣ bâý nhiêu. Phaỉ trư ̀hêt́ boṇ naỳ, ngươì Hoa mơí co ́thê ̉sôńg yên ôn̉ va ̀haṇh phuć”. Họ đòi “chanh́ quyêǹ caćh mang̣ nghiêm khăć trưng̀ tri ̣boṇ tư san̉ mai ̣ban̉ luñg đoan,̣ đâù cơ tích trư,̃ pha ́rôí thi ̣trương̀, lam̀ giaù trên xương maú nhân dân”[142]. Những hoạt động quần chúng này, không chỉ lý giải cho các hành vi bắt bớ mà còn chuẩn bị dư luận cho một chính sách mới sắp sửa ban hành.

"Thể hiện ý chí, tình cảm và nguyện vọng tha thiết của toàn dân ta", trong kỳ họp thứ nhất khoá VI, "trên cơ sở hoàn toàn tán thành bản báo cáo chính trị của đồng chí Bí thư thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam", Quốc hội chung cả nước đã khẳng định nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là: "Hoàn thành thống nhất nước nhà, đưa cả nước tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội. Miền Bắc phải tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; miền Nam đồng thời tiến hành cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội"[143].

Ngày 25-9-1976, Phó Thủ tướng Nguyễn Duy Trinh đã ký "Tuyên bố của Chính phủ Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Nam". Theo tuyên bố này: "Chính phủ chủ trương xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa trong cả nước ta và tổ chức cho nền kinh tế ấy thống nhất trong cả nước; xoá bỏ dần dần những sự khác biệt của mỗi miền: tạo ra những cơ sở kinh tế cơ bản cho nền kinh tế độc lập, không bị phụ thuộc vào nước ngoài; tổ chức lại lao động và tạo ra một sự phân phối mới công bằng, bảo đảm đời sống nhân dân, nhất là nhân dân lao động; xoá bỏ mọi bất công trong xã hội và lối làm ăn gian dối, phi pháp".

Cho dù đòi "xoá bỏ tư sản mại bản và những tàn dư bóc lột phong kiến" ở miền Nam, trong giai đoạn này, chính quyền vẫn chủ trương "sử dụng những nhà tư sản có vốn liếng, có kỹ thuật, những người làm ăn riêng lẻ, cả những người buôn bán nhỏ". Thời gian đầu, các nhà tư sản nhỏ vẫn có thể tự mình kinh doanh trong một số ngành nghề nhất định nhưng phải chuyển xác xí nghiệp của mình thành công tư hợp doanh[144]. Chính phủ cũng đưa ra danh mục "các ngành nghề những nhà tư sản và tư nhân được kinh doanh"[145] rất hạn chế.

Theo bản tuyên bố này, những ngành buôn bán và kinh doanh dịch vụ đều phải "do nhà nước và các tổ chức quần chúng chịu trách nhiệm". Nhà nước bắt đầu độc quyền "nắm toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu, những nguyên liệu quan trọng trong nước và hầu hết hàng hoá thiết yếu". Nhà nước sẽ "nắm hầu hết xuất nhập khẩu và cả bán buôn trong nước". Những tư nhân làm thương nghiệp "sẽ được chọn lọc và sử dụng một phần làm đại lý cho mậu dịch quốc doanh; còn những người khác, nhà nước sẽ giúp đỡ chuyển sang sản xuất". Bản tuyên bố viết: "Dưới chế độ ta, thành

phần kinh tế quốc doanh giữ địa vị lãnh đạo. Đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh, kinh tế quốc doanh có trách nhiệm hướng dẫn, giúp đỡ... đi dần từng bước lên chủ nghĩa xã hội thông qua con đường cải tạo".

Bản tuyên bố ngày 25-9-1976 cũng nhấn mạnh: "Trước giờ phút vinh quang của Tổ quốc, các nhà tư bản tư doanh hãy nhận rõ nhiệm vụ lịch sử lúc này, nhận rõ con đường phát triển tất yếu của dân tộc ta, nhận rõ tiền đề xán lạn của Tổ quốc Việt Nam, mà tiếp thu tốt sự cải tạo xã hội chủ nghĩa". Đồng thời tuyên bố khuyến cáo: "Cùng với nhân dân lao động đi lên theo con đường ấy, các nhà tư bản sẽ có cơ hội tự cải tạo mình trở thành người đứng trong hàng ngũ đại gia đình dân tộc Việt Nam. Đó là con đường mở ra một tương lai tốt đẹp cho bản thân mình và cho con cháu".

Mãi tới sáng 1-11-1976, tại Dinh Độc Lập lúc bấy giờ đã mang tên Hội trường Thống Nhất, Chính quyền mới tổ chức Hội nghị Liên tịch Uỷ ban Mặt trận và các đoàn thể cấp trung ương và thành phố để phổ biến bản tuyên bố ngày 25-9-1976. Không phải là những người cộng sản từ Hà Nội vào, đoàn chủ tịch hội nghị gồm: Luật sư Nguyễn Hữu Thọ, khi ấy là phó chủ tịch nước kiêm chủ tịch Uỷ ban Trung ương Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam; Hoàng Quốc Việt, chủ tịch Tổng Công đoàn Việt Nam; Luật sư Trịnh Đình Thảo, chủ tịch Uỷ ban Trung ương Liên minh các Lực lượng Dân tộc, Dân chủ và Hoà bình Việt Nam; Hoà thượng Thích Minh Nguyệt... Trưởng ban Cải tạo Công thương nghiệp tư doanh Trung ương, ông Nguyễn Văn Trân, bí thư Trung ương Đảng, người được bổ sung vào Trung ương Cục trước khi Sài Gòn sụp đổ, cũng có mặt trong hội nghị.

Luật sư Nguyễn Hữu Thọ phát biểu: "Chính phủ đã đề ra chính sách hợp tình hợp lý đối với các nhà công thương nghiệp tư bản tư doanh, giúp cho họ thấy rõ hơn con đường tiến lên của Cách mạng và tạo cho họ điều kiện đóng góp công sức cùng với toàn dân xây dựng Tổ quốc Việt Nam giàu mạnh, văn minh và hạnh phúc, trong đó có quyền lợi chính đáng của họ và của con cháu họ". Còn Trưởng ban Cải tạo Nguyễn Văn Trân thì ngắn gọn: "Bản tuyên bố của Chính phủ đã mở ra một tương lai tốt đẹp, một tiền đề xán lạn cho các nhà tư sản công thương nghiệp"[146].

Từ ngày 21-11-1976, giới công thương chỉ phải "đăng ký kinh doanh công thương nghiệp và dịch vụ tư nhân". Đến ngày 13-12-1976, 98% "các đơn vị và hộ sản xuất kinh doanh, dịch vụ" đã khai trình và 93% số hộ này đã được chính quyền

cấp quận “xet́” câṕ giâý chưńg nhâṇ “đa ̃ đăng ky ́ kinh doanh”. “Nhiêù ngươì khai trình đuńg đăń (nhưng) cuñg còn kha ́ nhiêù ngươì, nhưt́ la ̀ caćc hô ̣ kinh doanh lơń đêù khai trình thiêú, sai biêṭ xa vơí taì saǹ ho ̣ co ́ thâṭ. Môṭ sô ́ ngươì tìm moị caćh phân tań taì saǹ nhiêù nơi, thâṃ chi ́ co ́ ngươì duǹg xe chơ ̉ haǹg tâủ tań sang quâṇ khać đa ̃ bi ̣ băt́ qua ̉ tang ca ̉ ngươì lâñ haǹg. Co ́ ngươì gây caǹ trơ,̉ vu không cań bô ̣ đi thâm̉ tra hay duǹg thu ̉ đoaṇ mua chuôc̣ cań bô,̣ traó haǹg xâú vaò haǹg tôt́”[147].

Chính quyền đã gia hạn việc “đăng ký” đến ngày 2-1-1977 và cảnh báo rằng: “Nhưñg hô ̣ naò đa ̃ đươc̣ chańh quyêǹ kêu goị, giaó duc̣ nhiêù lâǹ nhưng không thâý lơị ích chung xây dưṇg đât́ nươć ma ̀... vâñ còn tiêṕ tuc̣ co ́ thaí đô ̣ chôńg đôí, giâú diêḿ, phân tań, không chiụ khai trình bô ̉ sung la ̀ tư ̣ mình tach́ khoi ̉ haǹg ngu ̃ nhưñg nha ̀ công thương châṕ haǹh đuńg chańh sach́ cuả Nha ̀ nươć va ̀ bi ̣ coi la ̀ bât́ hơp̣ phaṕ”[148].

Sau khi kê khai, các hô ̣ kinh doanh vẫn đươc̣ câṕ giâý chưńg nhâṇ đa ̃ đăng ky ́ kinh doanh và vâñ hoaṭ đôṇg gần như bình thươǹg. Nhưng kể từ đây, ranh giới của một nhà tư sản dân tộc với “gian thương pha ́ rôí thi ̣ trươǹg, pha ́ hoaị chu ̉ trương” bắt đầu trở nên mong manh, nhất là đối với một số ngành kinh doanh “phục vụ nhu cầu thiết yếu của nhân dân”. Một trong những ngành chịu sự cải tạo sớm hơn và quyết liệt hơn là ngành giao thông vận tải.

Trước 30-4-1975, tại các tỉnh phía Nam, số chủ xe là tư sản chuyên doanh vận tải ô tô chiếm 3,5%, chủ là tư sản khác kiêm kinh doanh vận tải ô tô là 1%, tiểu chủ hơn 95%. Ban Cải tạo Giao thông vận tải các tỉnh phía Nam từng đánh giá: “Trong lực lượng tiểu chủ, đại bộ phận có lòng yêu nước, có cảm tình với Cách mạng, nhiều người đã là cơ sở tốt nuôi giấu cán bộ, chở người, chở vũ khí ra vào thành phố, ủng hộ vật chất cho Mặt trận Giải phóng. Chính lực lượng này theo lời kêu gọi của Mặt trận, sự huy động của Ủy ban Quân quản đã tự nguyện mang hàng trăm xe chở bộ đội, binh khí kỹ thuật, hậu cần cấp tốc hành quân truy kích địch ở phía Nam”[149]. Những công lao được ghi nhận này đã không giúp họ giữ được nghề nghiệp và xe cộ.

Ngay từ đầu, Ban Bí thư Trung ương Đảng và Chính phủ đã ra chỉ thị: “Công tác cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội đối với lực lượng vận tải tư doanh ở miền Nam đang được triển khai và yêu cầu phải làm gấp”[150]. Một thứ trưởng của Bộ Giao thông được cử vào Nam và ngay sau đó, xe cộ, kể cả xe của các “quần chúng yêu nước”,

đều bị sung công. Đây không chỉ là một chính sách riêng lẻ của chính quyền Việt Nam. Vận tải là ngành, theo Tuyên ngôn Đảng Cộng sản, phải do nhà nước thống nhất quản lý.

Từ tháng 2-1977 đến tháng 9-1978, Ban Cải tạo đã "trưng mua và mua, trưng thu và tịch thu" hầu hết phương tiện vận tải của tư nhân[151]. Nói là mua và trưng mua, nhưng thực chất, "giá xe do Nhà nước định trên thực tế chỉ tương đương với 1% giá thật. Đã vậy, công ty chỉ mua chịu trả dần, mỗi lần một ít. Có người đến khi không còn ở công ty, hoặc đã chết vẫn chưa được trả hết. Mà dù có được trả hết thì khoản tiền đó cũng không đủ mua chiếc xích lô"[152].

Trước ngày 30-4-1975, ông Trần Văn Thành[153] là chủ xe ca chạy tuyến miền Trung. Cuộc sống gia đình ông được mô tả là "thường ăn cơm tiệm và cuối tuần thường đi mua sắm". Sau "giải phóng", gia đình ông phải vạ vật trong những chuỗi ngày khó khăn: "Sau bữa cơm đạm bạc, cha con đưa đẩy nhường nhau bát cơm độn, ông Thành xách túi ra xe kéo theo cái nhìn lo âu và tiếng thở dài của người thân. Bởi cái xe của ông quá cũ nát không an toàn khi bắt buộc phải chở quá tải trên những đoạn đường trường, bởi chắc chắn ông sẽ phải cố tìm một vài mặt hàng lậu để bù vào tiền xăng dầu, bơm vá"[154].

Nhưng sự thiếu thốn chưa phải là tất cả những gì mà những người kinh doanh trong ngành phải chịu đựng. Từ lái xe, năm 1973 ông Thành mua được một chiếc xe ca trị giá 3,5 triệu đồng[155]. Nếu thời cuộc không thay đổi, công việc kinh doanh thuận lợi có thể giúp ông Thành lập được một hãng xe. Nhưng cũng như các chủ xe khác, ông Thành đã phải "bán" xe cho Nhà nước. "Bán xe xong, ai biết lái xe thì được nhận làm công nhân của công ty. Lái theo chuyến, ăn lương theo quy định. Ai không biết lái xe thì coi như mất xe… Có những ông chủ hãng xe 30-40 chiếc, cai quản hàng trăm lái, phụ xe, sau cải tạo muốn quá giang 30-40km nếu không mua được vé thì vẫn bị đẩy xuống bến xe ngơ ngác trong bụi khói. Nhiều ông chủ xe xin mãi mới được làm phụ xe, rồi còn bị anh lái xe mình thuê ngày xưa mắng mỏ mỗi khi trái ý"[156].

"Cải tạo công thương nghiệp tư doanh"

Nếu như đối tượng của Cách mạng chỉ có chín mươi hai nhà tư sản giàu có nhất miền Nam thì sau năm 1975, nền kinh tế vẫn còn cơ hội để hồi sinh. Nhưng, hai năm rưỡi sau, "giai cấp tư sản" lại bị "đánh" trong một chiến dịch mới được gọi là

"Cải tạo Công Thương nghiệp Tư doanh", một chiến dịch được ông Đỗ Mười triển khai với "bàn tay sắt".

Lý do của đợt cải tạo này được nói trong Thông báo ngày 23-3-1978 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: "Các nhà tư sản thương nghiệp, bằng hoạt động đầu cơ, buôn bán chợ đen, tích trữ hàng hóa và tiền mặt đã lũng đoạn kinh tế và thị trường, nâng giá hàng hóa bán ra, phá rối việc thu mua của nhà nước, gây cảnh hỗn loạn thị trường để làm giàu bất chính, thậm chí tung hàng giả ra thị trường để gạt gẫm và bóc lột người tiêu dùng. Họ dùng mọi thủ đoạn xảo quyệt móc hàng của xí nghiệp, kho tàng nhà nước, ăn cắp những bí mật kinh tế quốc gia, nhằm đục khoét kinh tế xã hội chủ nghĩa đang bước đầu xây dựng và làm hư hỏng một số cán bộ nhân viên nhà nước, rồi qua đó mà nói xấu chế độ"[157]. Cơ sở pháp lý của đợt "cải tạo thương nghiệp tư bản chủ nghĩa", được nói là theo Quyết định số 100 CP ngày 12-4-1977, nhằm "xây dựng nền thương nghiệp xã hội chủ nghĩa" theo hướng "chấm dứt kinh doanh thương nghiệp của các nhà tư sản, chuyển các nhà tư sản thương nghiệp sang sản xuất".

Trước đây, khi Trưởng Ban Cải tạo Xã hội Chủ nghĩa Trung ương Nguyễn Văn Linh gặp giới công thương, "nhiều anh chị em công thương" khi phát biểu ý kiến, đã "hoan nghênh chính sách cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh". Thậm chí có những ý kiến đã "nói lên những tồn tại của giới công thương", chỉ trích "một số nhà công thương còn theo lối kinh doanh cũ, vi phạm các chính sách luật lệ của chính quyền cách mạng". Lần ấy, sau khi "nêu lên chính sách đúng đắn, có tình, có lý của đảng và nhà nước", ông Nguyễn Văn Linh đã "kêu gọi các nhà công thương… ra sức cải tạo bản thân, đem hết khả năng và những hiểu biết của mình để tham gia xây dựng tổ quốc, làm cho dân giàu, nước mạnh, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội"[158]. Sau hai ngày làm việc ấy, ông Linh "hẹn sẽ có dịp nói chuyện" một cách đầy đủ hơn về chính sách cải tạo.

Nhưng bản thân ông Nguyễn Văn Linh cũng chưa hình dung được ý đồ cải tạo của ông Lê Duẩn. Đầu năm 1978, chức trưởng Ban Cải tạo mà ông Linh đang nắm giữ được Tổng Bí thư Lê Duẩn trao lại cho ông Đỗ Mười. Ngày 16-2-1978, sau khi Thủ tướng Phạm Văn Đồng ký "Chỉ thị 115", ông Đỗ Mười đưa quân tập kết vào Sài Gòn để bắt đầu kế hoạch.

Sáng 23-3-1978, khi người dân Sài Gòn chưa kịp thức dậy thì trước những cửa tiệm, lớn có, nhỏ có, đã lố nhố từng tốp thanh niên, mặt mày nghiêm trọng. Họ chỉ chờ chủ nhà thức dậy là ập vào, kiểm kê, niêm phong hàng hóa và bắt đầu chốt giữ. Đêm hôm trước, toàn bộ lực lượng thanh niên đã được Thành đoàn huy động: sinh viên các trường đại học thì nghỉ học, công nhân trong các nhà máy thì nghỉ làm, những người chưa có công ăn việc làm thì được phường trưng dụng.

Cũng trong buổi sáng hôm đó, các báo cho đăng Quyết định 341/QĐ-UB của Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, công bố năm điều quan trọng của chính sách cải tạo: Đình chỉ mọi hoạt động kinh doanh thương nghiệp của tư nhân; ra lệnh kiểm kê hàng hóa tồn kho; cấm các nhà tư sản làm nghề buôn bán và "khuyến khích" họ chuyển sang sản xuất[159].

Người ký Quyết định 341, ông Vũ Đình Liệu[160], thừa nhận: "Quyết định được ký nhân danh Ủy ban, lực lượng nói là của Thành phố, nhưng nòng cốt là Trung ương đưa vô, kế hoạch Trung ương đưa vô. Ở cấp Thành phố cũng có Ban Cải tạo nhưng từ thành phố cho tới quận huyện đều có người được ông Đỗ Mười đưa từ Hà Nội vào. Họ mới là người đưa ra quyết định. Đau xót nhất là họ cứ theo tiêu chí tư sản Hà Nội để áp dụng cho Sài Gòn. Quy sai thành phần đã khiến cho cải tạo trở thành cuộc chiến trên diện rộng"[161].

Theo ông Nguyễn Văn Trân, viện trưởng Viện Kinh tế Trung ương: "Khi bắt đầu chiến dịch, Bộ Chính trị chuyển anh Nguyễn Văn Linh sang làm Dân vận rồi đưa anh Đỗ Mười vào vì anh Đỗ Mười đã làm cải tạo công thương nghiệp ở Hà Nội. Anh Mười vào Sài Gòn áp dụng y chang những gì đã làm ở miền Bắc trong năm 1960". Theo ông Hoàng Tùng: "Năm 1955, khi đánh tư sản ở Hải Phòng, Đỗ Mười cũng cho xóa sạch". Ông Hoàng Tùng thừa nhận là thoạt đầu ông đã cùng ông Đỗ Mười vào Nhà khách Trung ương tại Sài Gòn (T78), viết bài ủng hộ chiến dịch này, nhưng sau thấy Đỗ Mười đánh cả tiểu thương ông bỏ về. Ông Mười hỏi: "Sao về?". Hoàng Tùng nói: "Tôi theo anh, tôi sa lầy".

Trong suốt thời gian đặt "Tổng hành dinh" tại Thủ Đức, ông Đỗ Mười ít khi xuất hiện công khai. Nhưng quyền lực của ông là bao trùm và cách mà ông tiến hành thì cứng nhắc đúng như những giai thoại về ông lúc đó[162]. Theo ông Đỗ Hoàng Hải, đại biểu Quốc hội Khóa IX, người được phân công "phát động giai cấp công nhân tham gia" lực lượng cải tạo: Cứ "đánh" xong ngành nào thì các ngành tương ứng từ Trung

ương - phần đã vào từ trước, phần mới vào theo ông Đỗ Mười - lập tức nhảy vào tiếp quản. Ví dụ Bộ Công nghiệp nhẹ tiếp quản ngành Dệt; Bộ Giao thông tiếp quản các cơ sở liên quan đến xe cộ, bến cảng; Liên hiệp Công đoàn Giải phóng thì tiếp quản số 14 Cách Mạng Tháng Tám, nơi vốn là trụ sở Liên đoàn Lao động của Trần Quốc Bửu.

Ông Đỗ Hoàng Hải nói: "Lực lượng công nhân do tôi chỉ huy lúc đó hết sức phấn khởi vì Thành ủy dành 35% quỹ nhà cải tạo chia cho giai cấp công nhân, coi như đó là một chính sách lớn của Đảng đối với thành phần nòng cốt. Ngày cao điểm, chúng tôi huy động tới 3000 công nhân, sáng ra phát cho mỗi người một ổ bánh mì rồi khi có lệnh là lên xe đến 'chốt' nhà của 'tư sản'. Trước đó, những lực lượng khác đã xộc vào các cửa hàng, phát hiện, kê biên hàng hóa, đồng thời 'đấu tranh chống các hành vi xấu".

Cán bộ làm công tác cải tạo được mô tả: "Đã nhã nhặn, đúng mực, nhưng rất cương quyết, dứt khoát, trong sạch; đã làm thất bại một số vụ mua chuộc xấu xa của giai cấp tư sản. Nhiều công nhân lao động chẳng những phát hiện các hộ tư sản thương nghiệp lọt sổ, tố giác các kho hàng cất giấu, mà còn cương quyết từ chối và đấu tranh chống lại hành động hối lộ của một số hộ tư sản"[163].

Một nhân viên cải tạo từ chối nhận hối lộ đã được Ban Chỉ đạo "thông báo cho toàn quận và được kết nạp vào Đoàn Thanh niên Cộng sản vào tối ngày 26-3-1978 ngay tại nơi cô tham gia công tác cải tạo". Người dân cũng được phát động để "kịp thời phát hiện, phê phán, đấu tranh, tố giác, chống những hành vi xấu như hối lộ, tẩu tán hàng hóa, tuyên truyền xuyên tạc, chia rẽ của một số hộ tư sản không thức thời"[164].

Hầu như không có chống đối, chỉ một số tư sản người Hoa phản ứng ở mức thăm dò. Vào lúc 7 giờ sáng ngày 23-3-1978, khi xuống một phường ở Quận 5, ông Mai Chí Thọ được báo cáo: "Nhiều nhà tư sản biết trước lệnh cải tạo đã khóa cửa bỏ đi, cán bộ tới không có chủ nhà để đưa lệnh kiểm kê tài sản". Ông Mai Chí Thọ suy nghĩ rồi ra lệnh: "Cho niêm phong tất cả cửa ra vào, cho một tổ chốt trước nhà những người đi vắng. Thông báo cho họ một thời hạn, nếu không tự giác thì các đồng chí cứ cho phá cửa vào lập biên bản"[165]. Trừ một số trốn đi luôn, phần lớn đã trở về chịu để chính quyền kê biên tài sản.

Tại Sài Gòn, 28.787 hộ tư sản bị cải tạo, phần lớn bị "đánh" ngay trong bốn ngày đầu với 6.129 hộ "tư sản thương nghiệp", 13.923 hộ "trung thương". Những tháng sau đó có thêm 835 "con phe", 3.300 "tiểu thương ba ngành hàng", 4.600 "tiểu thương và trung thương chợ trời" bị truy quét tiếp. Theo ông Huỳnh Bửu Sơn, người trông coi kho vàng của Ngân hàng, trong đợt đánh tư sản này, Cách mạng thu thêm khoảng hơn năm tấn vàng, chưa kể hạt xoàn và các loại đá quý. Có những gia đình tư sản giấu vàng không kỹ, lực lượng cải tạo tìm được, khui ra, vàng chất đầy trên chiếu.

Những năm sau 1975, cứ mỗi khi có một thành phần nào đó trong xã hội trở thành đối tượng của Chính quyền, lại có một thành phần khác, gọi là quần chúng, được đưa đứng ra lên án. Chín mươi hai nhà tư sản mại bản vừa bị đánh vào rạng sáng ngày 10-9-1975 thì sáng hôm sau, 11-9-1975, đã có "1.200 nhà tư sản dân tộc, tiểu thương, tiểu chủ mở đại hội bất thường" tại rạp Rex để "bày tỏ quyết tâm bài trừ bọn tư sản mại bản, đầu cơ tích trữ, lũng đoạn, phá rối thị trường"[166].

Thậm chí, "giới người Hoa tỏ ý muốn Chánh quyền công bố đầy đủ danh sách và tội trạng của tất cả các tên gian thương đã bị sa lưới. Giám đốc một xí nghiệp tại Chợ Lớn (xin giấu tên) là người Hẹ, cho biết, theo ông nên tịch thu toàn bộ tài sản của bọn gian thương, đem xử công khai trước nhân dân và cho bọn này đi cải tạo lao động lâu dài để chúng biết giá trị của lao động". Ông giám đốc người Hẹ này khi ấy chắc không ngờ có ngày mình cũng trở thành đối tượng của "nhân dân lao động".

Hai gia đình tư sản

Tuy không sơ khai như thời kỳ Cải cách ruộng đất, nhưng phương thức "đấu tranh giai cấp" của thế hệ cộng sản sau năm 1975 cũng có những điểm tương đồng. Ngay từ tháng 9-1975, Đoàn Thanh niên Cộng sản đã "đánh tư sản mại bản" bằng chính tiếng nói của con cái các nhà tư sản.

Trên báo Tuổi Trẻ, Anh Thanh Tùng, một học sinh người Hoa học lớp 12, trường Lý Phong, nói: "Bản thân tôi thấy rõ chính sách của chính phủ là đánh bọn gian thương bóc lột nhân dân chứ không đánh vào người Hoa. Tư sản mại bản đầu cơ tích trữ thì dù là Việt hay Hoa đều có tội với nhân dân, là kẻ thù của nhân dân". Ôn Đường, học sinh lớp 9 trường Việt Tú, thì cho rằng: "Chúng ta phải phát động quần chúng đứng lên tiêu diệt bọn gian thương". Còn Lý Mỹ, học sinh lớp 10, trường Lý

Phong, thì nói: "Tôi nghĩ rằng những nhà tư sản nào muốn hợp tác với chính quyền cách mạng để xây dựng kinh tế thì đó là điều tốt. Nhưng phải tiêu diệt bọn tư sản mại bản, có như thế mới ổn định đời sống nhân dân"[167].

Năm 1978, thay vì chỉ tuyên bố, Lý Mỹ, con gái một nhà tư sản người Hoa, vừa trở thành đoàn viên, đã dẫn các "đồng chí" của mình vào nhà, chỉ cho họ những tài sản mà cha mẹ mình đang cố giấu. Cô được ca ngợi trên báo chí: "Hai năm qua đất nước ta chuyển mình đi lên chủ nghĩa xã hội, cũng như nhiều bạn trẻ khác, Lý Mỹ đã hòa mình trong ngọn lửa triều thời đại ấy"[168]. Chính Lý Mỹ cũng viết trên trang đầu tiên của nhật ký: "Hãy đấu tranh để giành hạnh phúc". Nhưng qua những dòng ghi chép của cô, cuộc đấu tranh ấy không chỉ mang về hạnh phúc[169].

Lý Mỹ thuộc thế hệ trưởng thành trong khuôn viên Thành đoàn[170], đọc Pavel Korchagin và được nghe các nhà lý luận từ miền Bắc vào giảng giải luận điểm của Marx về kinh tế. Một bên là những niềm tin mới của cô về một xã hội tốt đẹp, một bên là kế sinh nhai của gia đình. Từ tháng 6-1977, khi cải tạo chưa bắt đầu, Lý Mỹ đã phải "nuốt nước mắt" để thuyết phục cha mẹ mình nghe theo những gì cô được Đoàn dạy bảo. Lý Mỹ nói với má: "Sống như vậy con thấy phi pháp quá". Gia đình Lý Mỹ khi ấy có một cửa hàng kinh doanh vải trên đường Cách Mạng Tháng Tám.

Khi Nhà nước "cải tạo công thương nghiệp tư doanh", Lý Mỹ đang là học sinh lớp 12C, trường Trần Khai Nguyên. Ngày 23-3-1978, khi "nhiều toán thanh niên đóng chốt ở những cửa hàng lớn" trên con đường mà cô đi qua, Lý Mỹ viết: "Rồi đây cuộc sống sẽ trở nên phong quang hơn, đời sống đồng bào sẽ trở nên dễ chịu hơn khi những ung nhọt của một cơ thể đã được giải phẫu từ ngày hôm nay - ngày mở đầu một cuộc đấu tranh lớn".

Trong những ngày sau đó, Lý Mỹ đã "bám từng giây, từng phút để vận động gia đình kê khai tài sản". Báo Tuổi Trẻ theo sát, tường thuật từng lời nói, hành động của cô. Cái ngày mà toàn bộ gia sản của gia đình bị kê biên, Lý Mỹ đã không giấu được niềm vui hoàn thành nhiệm vụ: "Mỹ kêu mẹ đi ngủ để mình làm công việc kê khai cùng với toán công tác đang chốt tại đấy. Đêm 24-3-78, Mỹ thức đến ba giờ khuya - không phải để thao thức, trăn trở trong sự khổ sở - mà để sao bốn bản kê khai trong một sự vui sướng tràn trề. Lòng Mỹ rộn ràng như lần đầu tiên biết mình được đứng vào hàng ngũ của Đoàn"[171].

Cuốn Nhật ký của Mỹ khép lại vào lúc 3 giờ sáng ngày 25-3-1978: "Má đã yên tâm rồi. Còn mình lại càng yên tâm hơn khi gia đình mình đã chấm dứt quá khứ từ ngày hôm qua để chuẩn bị bước vào tương lai. Mình không còn mặc cảm với bạn bè, nhân dân lao động vì gia đình mình không còn sống bằng nghề bất chính. Mình đã đấu tranh, đã thực hiện được lý tưởng, ước mơ của mình. Hãy cất cao tiếng hát, hãy tiến lên. Không có gì có thể ngăn cản được bước tiến của mình. Mình trở lại phấn khởi rồi, vui quá!". Nhưng điều mà lúc ấy Lý Mỹ tưởng là niềm vui, rồi sẽ khoét vào lòng cô một như vết thương - một vết thương không bao giờ có khả năng khép lại.

Cho dù được báo Nhân Dân[172] ca ngợi, được đoàn viên từ khắp nơi trong cả nước viết thư thăm hỏi, động viên và bày tỏ lòng ngưỡng mộ, Lý Mỹ cũng chỉ là một sản phẩm hy hữu của Thành đoàn. Con cái của các nhà tư sản khác, trong những ngày ấy, đã bị buộc phải trưởng thành để cùng cha mẹ bảo vệ tài sản gia đình trước nguy cơ cải tạo. Gia đình ông Võ Quang Trữ, một trong những người giàu có ở Sài Gòn lúc bấy giờ, là một ví dụ.

Năm 1960, ông Trữ đưa gia đình di cư từ Quảng Nam vô Sài Gòn. Thời gian đầu, chồng làm thư ký cho một công ty, vợ làm thợ dệt. Khi đó, xứ Bảy Hiền còn rất hoang sơ. Chỉ một thời gian ngắn sau, ông Võ Quang Trữ cùng một số người di cư bàn bạc khôi phục nghề dệt của Quảng Nam. Bắt đầu là dệt, kế tiếp là hồ, rồi tiến tới buôn bán hàng tơ sợi. Từ tay trắng, họ nhanh chóng trở thành những người giàu nhất.

Sáng 30-4-1975, giữa khi súng đạn vẫn còn đùng đoàng, ông Trữ đã chở con bằng xe Vespa từ nhà riêng ở 177C Lý Thường Kiệt lên Bảy Hiền lấy gần một trăm lá cờ Giải phóng về phân phát cho hàng xóm. Nhưng sự hào hứng này của ông không kéo dài được bao lâu. Một hôm đi làm về, ông thấy, tấm biển "trụ sở công an phường" tự nhiên được treo lên trước một ngôi nhà của mình ở Bảy Hiền. Khi ông đi vắng, mấy người "Cách mạng 30-4" mang bảng tới, nói: Chúng tôi muốn dùng tầng trệt làm trụ sở công an, rồi treo lên mà không chờ chủ nhà đồng ý.

Sau Chiến dịch X-2, quan sát bạn bè bị "đánh tư sản mại bản", ông Trữ đi trước một bước bằng cách đưa nhà máy với hơn 5.000 công nhân của mình "hiến" cho Nhà nước dưới danh nghĩa lập xí nghiệp "công tư hợp doanh"[173], rồi nhận chức phó giám đốc trong nhà máy của mình theo sự phân công. Một số lớn máy móc và tiền

bạc khác được ông Trữ đưa về quê, xây thêm hai nhà máy công tư hợp doanh, rồi hiến cho Đà Nẵng.

Ngay trong ngày 23-3-1978, một tổ cải tạo năm người đã đến chốt trước tiền sảnh ngôi nhà số 57 Hồ Tấn Đức nơi gia đình ông Trữ đang cư ngụ. Họ ở đó hai đợt, tổng cộng sáu tháng. Võ Quang Dũng, con trai ông Trữ, sinh năm 1964, kể: "Hàng ngày bắt đầu từ sáng sớm, họ thẩm vấn từng thành viên trong nhà, lặp đi lặp lại gần như chỉ một câu: tiền vàng giấu ở đâu?". Không ai, kể cả vợ con, biết vàng ông Trữ giấu ở đâu. Gần như không có một viên gạch nào ở trong nhà là không bị cạy lên. Nhưng những mưu sâu kế dày mà trước đây các gia đình Cách mạng đã dùng để qua mặt cảnh sát Sài Gòn, nuôi giấu cán bộ, giờ đây được chính nhân dân áp dụng một cách triệt để thoát khỏi Chính quyền Cách mạng.

Ngay từ rất sớm, ông Trữ đã có các phương án đề phòng. Ngày 26-11-1975, một toán năm tên cướp có vũ khí đột nhập vào ngôi nhà 177C Lý Thường Kiệt của ông, bắn chết bà mẹ già tám mươi tuổi. Vợ ông khi đó đang bị tai nạn, nằm trên giường, chứng kiến cuộc đấu súng kéo dài giữa công an và tên cướp cố thủ trong nhà cho đến khi hắn ta bị công an bắn hạ. Sau đó, ông Trữ quyết định chuyển nhà lên Bảy Hiền. Chính trong thời gian xây nhà 57 Hồ Tấn Đức ở vùng Bảy Hiền, ông Trữ đã cho làm hai căn hầm bí mật có nhiều tầng: một dưới gầm cầu thang, một ngay dưới bàn ăn gia đình. Hơn mười nghìn lượng vàng đã được ông xếp trong những lon guygoz, bọc giấy dầu rồi xếp xuống hầm.

Quan sát thấy lực lượng cải tạo chỉ khám người, túi xách của hai vợ chồng ông Trữ và của người giúp việc chứ không khám người mấy đứa con - đặc biệt là hai đứa trẻ: Võ Quang Dũng, mười bốn tuổi; Võ Thị Anh Đào, mười hai tuổi - ông Trữ bắt đầu cho thực hiện kế hoạch. Mỗi đêm, ông mang lên khoảng năm mươi lượng vàng. Tới giờ đi học, ông cho vàng vào ruột tượng, buộc ngang bụng Dũng và Đào, rồi để các con tự đi ra ngoài.

Võ Quang Dũng kể: "Chúng tôi bị tước mất tuổi thơ từ đó. Vốn là những đứa trẻ vô tư, nhưng hàng ngày hai anh em đều phải đóng kịch, giả vờ vui vẻ ra khỏi nhà, khi thì với quả bóng, khi thì với một món đồ chơi, để qua mặt tổ cải tạo đang đứng canh trước cửa. Từ cổng, khi thì xích lô, khi thì taxi, khi thì một bác xe ôm đứng đón. Họ chở tôi đi một đường, em gái tôi đi một đường. Mỗi ngày, chúng tôi đi đến một địa điểm mà ba tôi cho biết chỉ vài phút trước khi ra khỏi nhà. Ở đó, một người

được ba tôi đặc biệt tin cẩn và huấn luyện trước đã chờ sẵn, đón chúng tôi, nhận hàng rồi đi ngay lập tức”.

Công việc vận chuyển vàng ra khỏi nhà trước mắt lực lượng cải tạo trong suốt sáu tháng trời đã khiến cho cha con ông Võ Quang Trữ trở thành những người có vẻ ngoài lạnh lùng. Năm 1979, anh em Dũng vượt biên không thành trở về, gặp nhau ngoài ngõ nhưng cha con chỉ khẽ gật đầu như vừa đi đâu đó ngoài đường về. Mãi tới khi vào bên trong nhà, ông Trữ mới ôm lấy các con và cả mấy cha con cùng bật khóc.

Kinh tế mới

Không chỉ bị “tước đoạt tài sản”, các nhà tư sản còn bị buộc phải rời thành phố, cho dù, cũng như nhiều chính sách làm xáo trộn xã hội lúc bấy giờ, chủ trương đưa các nhà tư sản đi kinh tế mới cũng không được công bố một cách công khai, minh bạch. Ngày 10-4-1978, trên báo Sài Gòn Giải Phóng xuất hiện một bài báo dưới dạng “hỏi-đáp”, kiểu như một tài liệu được soạn sẵn rồi phát cho các cơ quan báo chí. Tính cưỡng bức của chính sách mà tài liệu này thể hiện là rất mạnh mẽ.

Các nhà tư sản thương nghiệp bị phê phán là chỉ biết “làm giàu, ăn chơi phè phỡn, bóc lột người lao động và ăn cắp của nhà nước, coi khinh lao động và nói xấu chế độ” trong khi “ba năm qua trên 700.000 nhân dân lao động hồi hương lập nghiệp”[174]. “Về những hành vi tội lỗi đó, nhân dân lao động và chính quyền cách mạng đã không bắn giết, không bắt giam, không đày ải, không đấu tố, không tịch thu mặc dù có đầy đủ sức mạnh và lý lẽ để làm như vậy. Nhân dân lao động và chính quyền chỉ buộc họ chấm dứt những hành vi đó, chấm dứt triệt để và vĩnh viễn... Không những các nhà tư sản thương nghiệp phải chuyển sang sản xuất nông nghiệp, nghề cá, nghề rừng là chuyển về các tỉnh, mà cả sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp cũng chuyển về các tỉnh, theo sự bố trí màng lưới công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp ở địa phương”[175].

Hai ngày sau khi báo Đảng đăng bài “hỏi-đáp” này, một cuộc “hội thảo” kéo dài hai ngày, 12 và 13-4-1978, với sự tham gia của “hơn 200 trí thức” đã được chính quyền tổ chức. Phát biểu trong “hội thảo”[176], Bác sỹ Lê Cửu Trường nói rằng: “Lề lối kinh doanh tư bản chủ nghĩa không thể tiếp tục kéo dài trong một xã hội đang tiến lên con đường xóa bỏ chế độ người bóc lột người”. Ông Phương Kiến Khánh, người được giới thiệu là đang công tác ở Phân Viện Nghệ thuật, cho rằng: “Chuyển các

nhà tư sản thương nghiệp sang sản xuất là trả họ về với thiên chức con người, là giải phóng họ khỏi kiếp ăn bám, bóc lột".

Tối 17-4-1978, tại sân vận động Thống Nhất, "40.000 công nhân viên chức đại biểu cho gần nửa triệu công nhân lao động" đã "hưởng ứng chủ trương xóa bỏ kinh doanh của các tư sản thương nghiệp". Phát biểu trên sân vận động Thống Nhất, Chủ tịch Vũ Đình Liệu nói: "Chúng ta đang ở trong giai đoạn đấu tranh giai cấp có phần gay gắt và cuộc đấu tranh vẫn còn tiếp tục"[177].

Ngày 10-6-1978 là "hạn chót để các nhà tư sản thương nghiệp rời thành phố đi sản xuất". Chính quyền ca ngợi những người tích cực đăng ký các chương trình kinh tế mới nhưng đồng thời cũng nói với họ rằng: "Đây là một chính sách lớn... nhằm giúp các nhà tư sản tự giải thoát khỏi con đường bóc lột, biến họ từ một lực lượng phi sản xuất gây tác hại cho xã hội thành một lực lượng sản xuất có ích cho xã hội"[178]. Không ít nhà tư sản được trích lời trên báo nói, họ chuyển sang sản xuất là để "tẩy rửa cái mặc cảm bóc lột tội lỗi" của mình. Nhưng, như phát biểu của ông Vũ Đình liệu, "cuộc đấu tranh giai cấp" diễn ra ở bên trong từng gia đình đúng là đang "có phần gay gắt".

Nhật ký ngày 8-6-1978 của Lý Mỹ cho thấy không khí trong gia đình cô "thật lạ và căng thẳng". Ba cô tuyên bố "sẽ đi kinh tế mới" nhưng giọng nói của ông làm cho cô "nghi ngờ". Cũng như nhiều gia đình tư sản, đặc biệt là tư sản người Hoa khác, gia đình Lý Mỹ biết rõ, "kinh tế mới là nơi đày ải, đầy khó khăn gian khổ không thể nào sống được". Phần lớn các nhà tư sản sau đó đã vượt biên. Nhật ký của Lý Mỹ viết: "Cùng gia đình bỏ trốn hay ở lại. Tôi nghĩ, tôi phải can đảm lên, chấp nhận đấu tranh và mất mát, tôi sẽ không trốn đi nơi nào cả. Nếu gia đình không lay chuyển, tôi bằng lòng ở lại sống cô đơn, không tài sản của cải gì của cha mẹ để lại, tôi sẽ gặp vất vả, khó khăn và sóng gió. Đồng chí Paven ơi, nỗi khổ và sự phấn đấu của tôi có nghĩa gì so với đồng chí"[179].

Ông Võ Văn Kiệt thừa nhận: "Lúc đầu, tôi cũng cứ tưởng cải tạo tư sản sẽ khác với cải cách ruộng đất, một sai lầm mà những người ở miền Nam chúng tôi nhắc nhau phải tránh. Nhưng, tiến hành rồi mới thấy, cách cải tạo tư sản thương nghiệp mà anh Đỗ Mười làm, cũng không khác gì đánh tư sản mại bản nhưng tràn lan hơn. Anh Đỗ Mười làm cải tạo cũng thành thật lắm. Giữa thập niên 1980, khi tôi ra Hà Nội vẫn thấy anh Đỗ Mười kêu những người buôn bán là bọn con buôn".

Ngay trong thời gian đang cải tạo, những cuộc tranh cãi nổ ra gần như thường xuyên giữa ông Võ Văn Kiệt, ông Nguyễn Văn Linh với ông Đỗ Mười. Nhưng khi ấy Đỗ Mười đang nắm trong tay "thượng phương bảo kiếm". Ông Vũ Đình Liệu thừa nhận: "Họp Thường vụ chúng tôi cũng có ý kiến, đi cơ sở về chúng tôi cũng có ý kiến, nhưng bị bên anh Đỗ Mười cự"[180]. Tuy tranh cãi phương thức, nhưng cả ông Võ Văn Kiệt, ông Nguyễn Văn Linh vẫn thống nhất với ông Đỗ Mười về chủ trương. Ông Võ Văn Kiệt thừa nhận: "Lúc đầu tôi nhận thức, cải tạo là chuyện tất yếu và coi như đó là con đường để đi lên chủ nghĩa xã hội. Cho tới lúc ấy, tôi chỉ đi các nước Đông Âu, thấy cuộc sống của họ so với mình đã là những gì mà mình ước mơ. Tôi nghĩ, phải kinh qua những bước như mình đang làm bây giờ mới có ngày đạt được như những gì họ có". Nhưng rồi khi nhìn cả thành phố vốn là một trung tâm thương mại trở nên tiêu điều, tan hoang, nhất là khi nhìn thấy chính những ân nhân của cách mạng cũng trở thành nạn nhân, những người đã từng bám trụ ở miền Nam, ở Sài Gòn bắt đầu nhìn lại những gì mà mình đang thực hiện.

Khi ông Đỗ Hoàng Hải mới về 14 Cách Mạng Tháng Tám chuẩn bị "cải tạo tư sản", ông Trần Văn Đước - một cơ sở đã từng nuôi giấu và cứu mạng ông Hải trong Mậu Thân 1968 - ngày nào cũng nấu cơm rồi cho người mang sang. Cũng như trong chiến tranh, ông Đước không biết rõ ông Hải đang làm gì, chỉ giúp đỡ vì biết ông Hải là người "bên Cách mạng". Khi ông Trần Văn Đước chạy đến báo: "Bác bị người ta mang xe tới chở hết kiếng đi rồi", ông Hải vẫn tưởng rằng: "Chắc là có sự nhầm lẫn".

Con trai ông Trần Văn Đước là liệt sỹ. Tiệm kiếng của ông mở tại nhà riêng ở số 12 Ngô Tùng Châu chỉ là một ngôi nhà cấp 4, chiều ngang bốn mét, dài mười bốn mét, tường gạch, lợp ngói. Nhưng ông Đước vẫn bị quy vào diện tư sản thương nghiệp, kiếng hàng hóa và cả nhà riêng của ông đều bị "sung công". Không chỉ có trường hợp ông Trần Văn Đước. Năm 1957, ông Lai Ninh đã bất chấp nguy hiểm tới tính mạng, lái xe đưa ông Lê Duẩn đào thoát sang Phnom Penh trong sự truy lùng gắt gao của Chính quyền Sài Gòn. Năm 1978, khi ông Lê Duẩn đưa ông Đỗ Mười vào Nam, nhà máy xay lúa của gia đình ông Lai Ninh đã bị sung công. Con gái ông, bà Lai Kim Dung, một tư sản người Hoa, cũng bị xếp vào thành phần cải tạo.

"Công cuộc cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh" ở miền Nam, tiến hành từ sau 1975, đã cải tạo 3.560 cơ sở tư bản tư doanh công nghiệp, trong đó có

1.354 cơ sở của tư sản mại bản bị công hữu hóa, tịch thu, 498 cơ sở bị chuyển thành công tư hợp doanh; chuyển 5.000 tư sản thương nghiệp sang sản xuất; chuyển chín vạn tiểu thương sang sản xuất; sử dụng 15.000 người vào mạng lưới thương nghiệp xã hội chủ nghĩa. Sau Cải tạo, dưới dạng kinh tế quốc doanh và công tư hợp doanh, Nhà nước nắm: 100% ngành năng lượng; 45% ngành cơ khí; 45% ngành xay xát lương thực; 100% ngành bia, nước ngọt, bột ngọt, thuốc lá; 45% trong các ngành chế biến đường, dầu thực vật; 60% ngành dệt; 100% ngành sản xuất giấy; 80% ngành sản xuất bột giặt, xà phòng. Thương nghiệp quốc doanh nắm 80% nguồn hàng công nghiệp; 92% số xã trên toàn miền Nam có hợp tác xã mua bán[181].

Trước khi cải tạo công thương nghiệp tư doanh, nhà nước đã tìm mọi cách để tập trung mọi nguồn hàng vào tay mình. Không chỉ có sản phẩm của các xí nghiệp quốc doanh phải tiêu thụ qua thương nghiệp của nhà nước, "các xí nghiệp tư bản, các hợp tác xã, các tập đoàn và cơ sở sản xuất thủ công, cá thể, được nhà nước cung cấp lương thực, máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, điện; cho vay vốn… (cũng) phải bán sản phẩm cho thương nghiệp quốc doanh"[182]. Chính quyền tin rằng: "Ngành thương nghiệp xã hội chủ nghĩa là cơ quan hậu cần của toàn dân, là người nội trợ của toàn xã hội"[183]. Chẳng bao lâu sau, niềm tin này sẽ nhanh chóng tan thành mây khói.

Chương IV: Nạn Kiều

Năm 1978, Hà Nội phát hiện Bắc Kinh hậu thuẫn cho Pol Pot quấy phá biên giới Tây Nam. Hơn một triệu người Hoa ở Việt Nam đã trở thành mối lo "con ngựa thành Troy" cho một cuộc chiến tranh khi ấy được tin là không tránh khỏi. Ba "phương án" đưa người Hoa ra khỏi Việt Nam đã được triển khai. Bắc Kinh tố cáo Việt Nam gây ra vụ "nạn Kiều". Việt Nam tố cáo Bắc Kinh "kích động". Ở giữa "hai làn đạn", cộng đồng người Hoa ở Việt Nam đã phải trải qua cơn biến động không kể hết đau thương.

Đội quân thứ năm

Đầu năm 1978, ông Lê Duẩn đưa Đỗ Mười vào miền Nam thay thế Nguyễn Văn Linh chỉ huy công cuộc "Cải tạo công thương nghiệp tư nhân". Sau năm 1986, sự kiện này đã được nêu lên như là một bằng chứng để nói ông Nguyễn Văn Linh là người chống lại cải tạo tư sản. Tuy nhiên, theo ông Trần Phương, người có sáu tháng làm phó cho ông Nguyễn Văn Linh ở Ban Cải tạo công thương nghiệp Trung ương: "Trong vấn đề cải tạo, Mười Cúc chỉ khác Đỗ Mười ở cách làm chứ không khác ở quan điểm cải tạo hay không cải tạo. Ở thời điểm ấy, Lê Duẩn chọn Đỗ Mười và đứng sau lưng Đỗ Mười vì ông muốn giải quyết vấn đề người Hoa gấp. Điều mà Lê Duẩn không tin là Mười Cúc làm được".

Ông Trần Quốc Hương, khi ấy là phó bí thư Thành ủy, kể lại: Vào Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Bí thư Lê Duẩn mời ông đến T78, hỏi về tình hình người Hoa. Cả nước khi ấy có khoảng một triệu hai trăm ngàn người Hoa. Ở miền Nam chiếm một triệu và riêng Thành phố Hồ Chí Minh có khoảng hơn nửa triệu. Ông Mười Hương báo cáo: "Người Hoa ở Thành phố hoạt động trên nhiều mặt, nhưng mạnh nhất là về kinh tế. Từ sau khi ta chủ trương đánh tư sản mại bản, hoạt động kinh tế của người Hoa có bị giảm sút, nhưng họ vẫn có vai trò. Giá cả vàng và ngoại tệ cứ mỗi sáng sớm lại được quyết định bởi người Hoa ở một số nơi trong Chợ Lớn". Ông Lê Duẩn nói: "Không thể thế được. Ngô Đình Diệm cấm người Hoa không được kinh doanh mười một ngành nghề, theo tôi chỉ cần một thôi là cấm người Hoa không

được kinh doanh buôn bán. Nhân có nhiều người đang di tản, thành phố nên có cách đưa người Hoa ra đi”.

“Người Hoa không được kinh doanh buôn bán” được ngầm hiểu như một tư tưởng chỉ đạo của chiến dịch “cải tạo công thương nghiệp tư doanh”. Giữa tháng 3-1978, ông Đỗ Mười nhanh chóng tập kết lực lượng tại các biệt thự trong khu Thảo Điền, Thủ Đức. Trưởng Ban Hoa vận Thành ủy, ông Nghị Đoàn, kể: “Ông Đỗ Mười vào là kêu tôi lên báo cáo ngay, ông nói cho tôi biết, Chợ Lớn là trọng điểm của đợt cải tạo”.

Chợ Lớn là trung tâm buôn bán lớn nhất của người Hoa ở Việt Nam. Theo ông Phạm Văn Hùng, thường gọi là Ba Hùng, Thư ký riêng của ông Võ Văn Kiệt: “Trung ương cho rằng thật bất lợi khi giữ 500.000 người Hoa trong thành phố. Họ sẽ nắm kinh tế và rồi họ sẽ trở thành đội quân thứ năm. Trung ương chủ trương đưa bớt người Hoa ra khỏi thành phố”. Ông Hùng nói: “Cả anh Võ Văn Kiệt, Mai Chí Thọ và Trần Quốc Hương đều không đồng ý, nhưng Trung ương giữ ý kiến, Trung ương muốn ‘xé’ người Hoa ra, đưa về các tỉnh”. Ông Võ Văn Kiệt thừa nhận: “Cải tạo công thương nghiệp tư doanh, về mặt chính sách, chủ yếu nhắm vào giới buôn bán, nhưng trên thực tế buôn bán lại là sở trường của người Hoa, do đó, mặc nhiên họ trở thành số đông trong đối tượng dính vào cải tạo. Cũng có lúc có chủ trương đưa bớt người Hoa ra khỏi Thành phố, bố trí người Hoa sống xen với người Việt theo kiểu ‘xôi đậu’, không để họ tập trung. Việc này được làm mạnh tay hơn do căng thẳng của mình và Trung Quốc”.

Theo thống kê đến tháng 3-1979 của Thành phố Hồ Chí Minh: Trước ngày 30-4-1975 có 200 nhà tư sản lớn người Hoa bỏ chạy khỏi Sài Gòn - Chợ Lớn; chín mươi tám tư sản người Hoa trong số 161 tư sản mại bản còn lại ở Sài Gòn đã bị “đánh” trong khoảng từ tháng 9-1975 đến năm 1977. Hơn 4.000 hộ tư sản người Hoa khác đã bị cải tạo trong khoảng hai tuần đầu sau khi ông Đỗ Mười bắt đầu chiến dịch. Trong số 28.787 hộ bị quy là tư sản thương nghiệp và bị cải tạo, ngoài 2.500 hộ “có công với Cách mạng” hoặc là “cơ sở Cách mạng” được “ở lại thành phố theo diện chính sách”, một số chuyển sang sản xuất tại chỗ, một số “được bố trí vào mạng lưới phân phối xã hội chủ nghĩa”, 3.494 hộ bị đưa đi các tỉnh dưới danh nghĩa “đăng ký đi kinh tế mới”.

Cũng có một số thương nhân dự tính "chuyển sang sản xuất" thật. Nhưng khi đến Lâm Đồng hay xuống Đồng Tháp Mười, nhìn những căn lán vách lá tuềnh toàng, bên trong nền nhà, cỏ cây mô đất không kịp cắt dọn, các nhà tư sản hiểu ra mục tiêu của chính quyền. Nhà văn Nguyễn Nhật Ánh, khi ấy đang là một thanh niên xung phong, kể: "Chúng tôi được giao nhiệm vụ xây dựng các làng kinh tế mới để đón đồng bào. Cũng là những thanh niên mới từ thành phố xuống, chúng tôi chặt cây, cắt tranh dựng cấp tốc hàng loạt... Nhưng, làm xong nhìn lại, thấy đến thanh niên xung phong cũng khó lòng mà ở trong những túp lều như thế". Nhiều người trở lại thành phố ngay, nhiều người tạm dừng lại ít bữa để nghe ngóng. Ít lâu sau, các nhà tư sản, đặc biệt là tư sản người Hoa, được móc nối, kêu nộp vàng để được ra đi "bán hợp pháp".

Ông Trần Quốc Hương nói tiếp: "Lần thứ hai, Tổng Bí thư Lê Duẩn cho gọi tôi đến T78. Lần này ông không nói gì nhiều, chỉ nhắc, tình hình giữa ta và Trung Quốc thêm xấu đi, Thành phố cần khẩn trương đưa người Hoa ra đi". Sau buổi làm việc đó với Tổng Bí thư Lê Duẩn, ông Trần Quốc Hương nói ông đã có "nhiều đêm không ngủ". Trong những năm 1938-1940, các nhà lãnh đạo Đảng như Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai, khi từ Trung Quốc về Sài Gòn, nhiều lúc đã phải dựa vào người Hoa Chợ Lớn. Trước khi ra Bắc, ông Lê Duẩn có rất ít những liên hệ cá nhân với các nhà lãnh đạo Trung Hoa Cộng sản. Nhưng người cận vệ vào sinh ra tử nhất mực trung thành của ông là một người Việt gốc Hoa, ông Năm Hoành. Người lái chiếc xe Ford bốn chỗ chở ông Lê Duẩn từ Sài Gòn theo đường công khai sang Phnom Penh cũng là một nhà tư sản người Hoa, ông Lai Thanh. Người được phái từ Hà Nội vào Phnom Penh chuyển lá thư của ông Phạm Hùng gửi cho ông Lê Duẩn cũng là người Việt gốc Hoa, nữ tình báo Hồ Anh. Người nhận lá thư này từ Hồ Anh, ông Q.M., lại là một cán bộ thuộc Hoa Kiều vụ của Đảng Cộng sản Trung Quốc hoạt động tại miền Nam Việt Nam.

Năm 1949, Q.M. đã gặp ông Lê Duẩn ở Đồng Tháp Mười. Từ Phnom Penh, Q.M. trong vai một người cháu dẫn "ông cậu" Lê Duẩn "chui" xuống một hầm tàu chật chội và nóng bức, trong suốt năm ngày, xuôi dòng Mekong ra biển rồi đi tới Hongkong. Từ Hongkong, cán bộ lễ tân của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã chờ sẵn, dẫn "hai cậu cháu" ông Lê Duẩn đi làm giấy tờ nhập cảnh theo diện "kiều dân Trung Hoa về nước". Ngày 23-5-1957, phái viên Trung Quốc đã cùng với Hồ Anh đưa ông

Lê Duẩn về Tỉnh ủy Quảng Châu. Theo bà Hồ Anh, các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã đón tiếp ông Lê Duẩn rất trọng thị. Trên đường bay trở lại Việt Nam, những đồng chí Trung Hoa tinh tế đã lấy lý do "thời tiết xấu", cho dừng máy bay chở ông Lê Duẩn ở Nam Ninh. Tại đó, các "đồng chí Trung Quốc" sắp xếp để ông Lê Duẩn có cuộc đoàn tụ cảm động với Lê Tuyết Hồng, người con gái được sinh ra khi ông Lê Duẩn đang ở trong tù. Tuyết Hồng khi đó đang được Trung Quốc nuôi ăn học ở ký túc xá Quế Lâm.

Hiệp định Geneva

Thủ tướng Phạm Văn Đồng ngồi vào bàn đàm phán Hội nghị Geneva một ngày sau khi Tướng Giáp bắt sống Tướng De Castries cùng với 16.000 quân Pháp ở Điện Biên Phủ. Những người Việt Nam Cộng sản lúc ấy tin rằng họ sẽ giành được cả nước nếu tiếp tục chiến đấu.

Ở Nam bộ, Hiệp định Geneva được coi là "xên non". Ông Võ Văn Kiệt nhớ lại: "Tướng Đồng Văn Cống đánh một đêm giải phóng hàng chục đồn; Tây, Ngụy hoang mang tột độ, cứ hù là chạy. Chỉ cần giữ thêm một tháng nữa là mình sẽ làm chủ hết vùng nông thôn Nam bộ". Ông Kiệt nói: "Tụi tôi tiếc không thể tưởng tượng được". Khi thay mặt Trung ương triển khai Nghị quyết thi hành Hiệp định Geneve ở miền Nam, ông Lê Duẩn nói: "Ta không tán thành, đây là do Trung Quốc và Liên Xô ép".

Hành động của Chu Ân Lai tối 22-7-1954 cũng khiến cho nhiều nhà ngoại giao miền Bắc Việt Nam "để bụng". Hôm ấy, sau khi ký Hiệp định Geneva, Chu tổ chức một dạ tiệc chia tay, mời cả Ngô Đình Luyện, người của phía Việt Nam Quốc gia. Trong bữa tiệc, Chu còn đề nghị chính quyền Sài Gòn mở cơ quan đại diện ngoại giao ở Bắc Kinh: "Tất nhiên, về mặt ý thức hệ thì Phạm Văn Đồng gần gũi chúng tôi hơn, nhưng điều đó không loại bỏ việc có đại diện từ miền Nam. Suy cho cùng, chẳng phải tất cả các đồng chí đều là người Việt Nam, và chẳng phải tất cả chúng ta đều là người châu Á hay sao?".

Trong hồi ký được công bố chính thức trên báo Nhân Dân[184], thư ký kiêm phụ trách báo chí của đoàn Việt Nam trong Hội nghị Geneva, ông Nguyễn Thành Lê, gọi sự kiện Chu Ân Lai mời Ngô Đình Luyện mở tòa lãnh sự tại Bắc Kinh là "câu kết với Pháp và tay sai". Ông Lê cho rằng "Bắc Kinh đã ép buộc Hồ Chí Minh phải chia đôi Việt Nam theo Vĩ tuyến 17". Theo ông Hoàng Tùng, ngày 3-7-1954, sau khi đạt

được thỏa thuận với Mỹ và Pháp, Chu rời Geneva về gặp Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp tại Liễu Châu, thông báo với Hồ Chí Minh ý kiến của Molotov và của ông ta, dự định chia cắt Việt Nam thành hai miền ở Vĩ tuyến 17.

Võ Nguyên Giáp và Hồ Chí Minh nhất quyết đòi, dẫu có lùi cũng chỉ Vĩ tuyến 15 hoặc tối thiểu là 16. Một mặt, Chu Ân Lai "dọa", Hoa Kỳ có thể nhảy vào vòng chiến và khi đó, Liên Xô và Trung Quốc sẽ không thể hỗ trợ cho Hồ Chí Minh. Một mặt, ông ta mềm dẻo: "Ghi nhớ lời dặn của Hồ Chủ tịch, nhưng xin phép, tướng ngoài biên ải được căn cứ vào tình hình thực tế mà quyết định". Theo ông Việt Phương, một thư ký trong Đoàn đàm phán Hiệp định Geneva của Việt Nam: "Về sau Phạm Văn Đồng thừa nhận, khi Chu Ân Lai nói sông Bến Hải sẽ được lấy làm giới tuyến, ông Phạm Văn Đồng không biết là Việt Nam có con sông ấy. Họ đã nghiên cứu kỹ đến như vậy để ép chúng ta".

Trung Quốc, Liên Xô rõ ràng đã không làm hết sức mình cho Việt Nam trên "tinh thần quốc tế vô sản", nhưng Việt Nam không thể nào độc lập khi không chỉ lệ thuộc "hai ông anh lớn" về vũ khí để đánh nhau với người Pháp ở Điện Biên Phủ mà còn lệ thuộc cả phương tiện đàm phán trong Hội nghị Geneva. Theo ông Việt Phương, lúc đó đoàn đàm phán không có điều kiện để trao đổi với Đảng và Chính phủ. Tất cả mọi thông tin liên lạc đều phải nhờ qua Trung Quốc. Từng cuộc họp một, Phạm Văn Đồng báo cáo về cho Hồ Chí Minh đều phải sử dụng điện đài và mật mã của Đoàn Trung Quốc. Trong thời gian nghỉ, Chu Ân Lai lại bay về gặp Võ Nguyên Giáp và Hồ Chí Minh. Mọi tính toán của Đoàn và chỉ đạo ở nhà đều ở trong tay Trung Quốc.

Ý thức hệ đã từng tạo ra sự gần gũi giữa Hà Nội với Bắc Kinh. Nhưng mối quan hệ quá tin cậy lẫn nhau đôi khi lại rất dễ gây nghi kỵ. Trung Quốc, Liên Xô khi xử lý vấn đề Việt Nam, và ngay cả Việt Nam trong mối quan hệ với người Khmer cũng phải ưu tiên lợi ích quốc gia. Trong khi đó, những nhà lãnh đạo các đảng "đàn em" lại chờ đợi các "ông anh" bảo bọc trong tinh thần vô sản. Chính ý thức hệ đã làm cho những người cộng sản ở nước nhỏ tự huyễn hoặc về sứ mệnh "tiền đồn"[185] đi đến chỗ bị hụt hẫng khi bị đem ra mặc cả cho quyền lợi của các siêu cường khác.

"Chổi ngắn không quét xa"

Nếu như khi ở miền Nam, ông Lê Duẩn chỉ nghĩ đến người Mỹ và kẻ thù trực tiếp của ông, "chính quyền tay sai" Ngô Đình Diệm, thì khi ra tới Hà Nội, theo ông Đậu Ngọc Xuân: "Anh Ba đánh giá, muốn đánh Mỹ thì trước tiên phải có ba cái không

sợ: không sợ Mỹ, không sợ Liên Xô, không sợ Trung Quốc. Ông Hoàng Văn Hoan nghe, tròn mắt: sao nói không sợ Trung Quốc?". Ông Hoàng Tùng xác nhận: "Cụ Hồ lúc ấy cũng ở trong tình trạng 'ngoảnh mặt sang Tề e Sở giận, quay đầu sang Sở, sợ Tề ghen'". Ông Đậu Ngọc Xuân kể tiếp: "Trước khi họp Bộ Chính trị bàn về cách mạng miền Nam, anh Ba mất ba đêm không ngủ để suy nghĩ về thái độ của Liên Xô, Trung Quốc; họ giúp mình nhưng có chi phối đường lối chiến tranh của mình không? Đó là cái gay gắt nhất".

Theo bà Nguyễn Thụy Nga - vợ thứ hai của ông Lê Duẩn, người mà từ năm 1957-1962, khi đang học ở Bắc Kinh, thường tháp tùng Lê Duẩn vào Trung Nam Hải và được Mao Trạch Đông gọi là "Lý Phu nhân" - năm 1973, từ Khu IX ra Hà Nội, bà được ông Lê Duẩn tâm sự: "Khi ta chủ trương giải phóng miền Nam, hai ông bạn lớn đã làm anh rất đau đầu. Liên Xô sợ mình đánh sẽ nổ ra chiến tranh thế giới thứ III; Trung Quốc muốn mình trường kỳ mai phục 'chờ Trung Quốc mạnh sẽ đẩy Mỹ xuống Biển Đông'. Anh không để mất lòng ai nhưng lúc nào cũng phải giữ cho đúng tính chất độc lập, tự chủ của dân tộc Việt Nam"[186]. Trên thực tế, lập trường của Trung Quốc đối với cuộc chiến tranh ở miền Nam Việt Nam đã thay đổi vào giữa thập niên 1960.

Cuối thập niên 1950, khi ông Lê Đức Anh cùng Tổng Tham mưu trưởng Văn Tiến Dũng đến Trung Quốc, xin súng trung liên, đại liên và ĐKZ để đưa vào Nam, Trung Quốc chỉ cho "toàn súng trường K44 bắn phát một, họ bảo để trang bị cho dân quân du kích miền Nam phòng chống càn"[187]. Nhưng, cuối năm 1966, khi tháp tùng Thủ tướng Phạm Văn Đồng sang Trung Quốc, ông Lê Đức Anh thấy Đoàn đã được đón tiếp bởi Mao Trạch Đông cùng đại diện Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại thương.

Theo ông Lê Đức Anh: "Khi Mao hỏi: 'Quân Mỹ vào miền Nam Việt Nam đông, tư tưởng của người dân và chiến sĩ thế nào? Hiện nay cách mạng ở Miền Nam của các đồng chí có khó khăn gì?', Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã đề nghị để ông Lê Đức Anh trả lời. Tướng Lê Đức Anh nói: 'Mỹ vào đông vậy chứ đông hơn nữa thì bộ đội và nhân dân miền Nam cũng quyết đánh. Hiện nay, xe tăng và máy bay của Mỹ rất nhiều nhưng Việt Nam thiếu vũ khí chống tăng, bắn máy bay và bắn tàu thủy, thiếu đô la để mua gạo, vì từ trước đến nay cách mạng Miền Nam Việt Nam vẫn mua gạo ở Campuchia và Thái Lan là chủ yếu, mà mua bên đó phải mua bằng đô la'. Nghe

báo cáo vậy, ông Mao liền chỉ tay vào các quan chức, những người dưới quyền ông đang có mặt tại đó: Hãy giải quyết cho các đồng chí Việt Nam”[188].

Trên thực tế, mỗi khi miền Bắc điều chỉnh đường lối “cách mạng miền Nam” đều phải sang bàn với Trung Quốc. Theo ông Hoàng Tùng: “Không bàn thì họ không viện trợ”. Ông Nguyễn Nhật Hồng xác nhận: “Trung Quốc giao ngoại tệ viện trợ theo phương thức rải đều từng tháng, từng quý. Nhu cầu viện trợ được B29 lên kế hoạch trình ông Phạm Hùng và Lê Thanh Nghị duyệt. Tuy nhiên, kế hoạch thường bị Trung Quốc thay đổi theo ý định của họ”. Trong những năm chiến tranh, ngoài vũ khí, trang bị kỹ thuật[189], Trung Quốc còn viện trợ rất lớn về tiền mặt. Theo Báo cáo ngày 25-11-1979 của B29, cơ quan đặc trách chi viện cho miền Nam, phần tiền mặt do Trung Quốc trực tiếp viện trợ từ năm 1964-1975 chiếm tới 626.042.653 USD.

Năm 1973, khi ông Võ Văn Kiệt ra Bắc gặp ông Lê Duẩn, Lê Duẩn hỏi: “Có tiền mua súng đánh được không?”. Ông Kiệt mừng rỡ: “Mua được súng Mỹ mà đánh Mỹ thì quá đã”. Ông Lê Duẩn hỏi Phó Thủ tướng Lê Thanh Nghị: “Có tiền đưa Sáu Dân không?”. Theo yêu cầu của Lê Thanh Nghị, ông Nguyễn Nhật Hồng kiểm tra quỹ thấy còn trên hai triệu USD tiền mặt. Ông Hồng nói với ông Nghị: “Muốn nhiều hơn thì cần thời gian để xin”. Lê Thanh Nghị nói: “Hai triệu là anh Sáu mừng lắm rồi”. Số tiền trên được giao cho thư ký mới của ông Võ Văn Kiệt là ông Phạm Văn Hùng. Lần đầu tiên cầm hai triệu USD tiền mặt, ông Ba Hùng nói: “Thôi khỏi đếm”. Trong sổ của B29 chỉ lưu lại chữ của ông Phạm Văn Hùng ghi: “Nhận đủ 2 tấn A”.

Quỹ tiền mặt đặc biệt này được Trung Quốc chi khá hào phóng. Nhiều khi, ông Nguyễn Nhật Hồng chỉ cần đến một ngân hàng do Trung Quốc chỉ định, vào phòng giám đốc là được giao luôn cả một va-li tiền. Một lần khi ông Hồng cầm chiếc va-li có một triệu USD đi tàu từ Quảng Châu về Hà Nội, khi tới Thẩm Dương cả con tàu bị Hồng Vệ Binh bắt giữ. Ông Hồng bị giữ lại đấy một tuần mới liên lạc được với Hà Nội để can thiệp Bắc Kinh giải thoát. Mặc dù đã chi khá hào phóng cho các nhu cầu chiến tranh, năm 1975, quỹ tiền mặt nằm tại két của B29 vẫn còn năm mươi triệu triệu USD; của Chiến trường B2 và Khu V vẫn còn năm mươi ba triệu[190].

Sự hào phóng đó của Trung Quốc không làm cho ông Lê Duẩn lơ là cảnh giác, có lẽ đó là phản xạ của một người đã sống nhiều năm bị truy lùng gắt gao. Ông Hoàng Tùng cũng xác nhận, mỗi lần Quân ủy bàn chủ trương đều họp trong Bộ Tổng Tham mưu, những ủy viên Bộ Chính trị có mối liên hệ mà ông Lê Duẩn cho rằng là “quá

thân với Trung Quốc", hoặc có giai đoạn là "quá thân với Liên Xô", đều được biết rất ít đến các kế hoạch chiến tranh.

Theo một trợ lý của Bí thư Lê Duẩn, ông Đậu Ngọc Xuân, gần như các cuộc họp quan trọng, anh Ba đều triệu tập khi ông Hoàng Văn Hoan đang công tác hoặc nghỉ mát ở nước ngoài. Thỉnh thoảng, ông Hoan lại thắc mắc với ông Vũ Tuân, chánh Văn phòng Trung ương: "Răng Bộ Chính trị không bàn chuyện quân sự hè?". Ông Vũ Tuân nói: "Anh sang Bác mà hỏi". Theo ông Trần Phương: "Biết Hoan như vậy mà phải sau khi giải phóng miền Nam, ở Đại hội IV, Lê Duẩn mới dám đưa Hoan ra khỏi Bộ Chính trị".

Trong chỗ riêng tư, vợ Lê Duẩn, bà Nguyễn Thụy Nga kể: "Anh (Lê Duẩn) nói: 'Lần Việt Nam xin đạn pháo để chuẩn bị giải phóng miền Nam, Trung Quốc nói không có, nhưng Việt Nam đã dự trữ từ lâu đủ đạn để đánh. Khi xin 2.000 chiếc xe vận tải Giải phóng thì Trung Quốc ra điều kiện 'phải cho 500 lái xe Trung Quốc theo'. Anh nói: 'Một thằng tôi cũng không cho, nếu không có xe thì chúng tôi vác bộ, thồ bằng xe đạp'. Các anh khác bảo: 'Anh làm gì mà căng thế?'. Anh nói: 'Trung Quốc nói làm đường cho Lào sau đó họ lập làng Trung Quốc trên đất Lào. Bây giờ họ muốn thăm dò ta về đường Trường Sơn thì nay mai họ sẽ chiếm Trường Sơn. Về chiến lược, ai đứng chân trên đỉnh Trường Sơn người đó sẽ khống chế cả Đông Dương, cho nên mình phải tính"[191].

Những người thân của Tổng Bí thư Lê Duẩn thường có khuynh hướng mô tả ông như là một người cảnh giác với các âm mưu của Trung Quốc ngay cả khi đang xin viện trợ. Tuy nhiên, theo ông Hoàng Tùng, phải sau năm 1972 thái độ của Lê Duẩn đối với Trung Quốc mới bắt đầu thay đổi[192]. Theo ông Trần Phương: "Năm 1972, khi Trung Quốc tiếp Nixon, Lê Duẩn nói, chúng ta đã bị bán rẻ cho Mỹ để người Trung Quốc thay Đài Loan ngồi vào chiếc ghế ở Hội đồng Bảo an Liên Hiệp Quốc. Năm 1954, Liên Xô có lợi ích khi hòa hoãn với Mỹ còn Trung Quốc thì muốn Việt Nam bị chia cắt để vĩnh viễn ở thế chư hầu".

Cũng năm 1973, ông Lê Duẩn kể với bà vợ Nguyễn Thụy Nga: "Khi Nixon thương lượng với Trung Quốc, nó ra điều kiện nếu Trung Quốc để cho Mỹ ném bom B52 ra miền Bắc thì Mỹ sẽ nhường hòn đảo Hoàng Sa cho Trung Quốc. Trước kia Trung Quốc có hứa nếu Mỹ đánh miền Bắc thì Trung Quốc sẽ can thiệp, nhưng sau chuyến đi của Nixon, Trung Quốc tuyên bố 'mi không đụng đến ta, ta không đụng đến mi'.

Do đó, Mỹ cho máy bay bắn phá liên tục mười hai ngày đêm ở Hà Nội, Hải Phòng, đánh các đê điều ở miền Bắc, với ý đồ đưa miền Bắc vào thời kỳ đồ đá. Mỹ dùng B52, dùng F111A, hai loại máy bay hiện đại nhất. Sau đó, Chu Ân Lai sang gặp anh ở Hồ Tây. Ông đi dưới bậc thang lên đưa tay, anh không bắt. Anh nói: 'Các đồng chí đã bán đứng chúng tôi. Các đồng chí lấy xương máu của dân tộc Việt Nam để trả giá với Mỹ. Chúng tôi biết nhưng chúng tôi không sợ, chúng tôi sẽ đánh đến cùng và nhất định chúng tôi sẽ thắng'"[193].

Sau cuộc gặp này với Lê Duẩn, Chu Ân Lai tới nhà khách Lê Thạch để gặp Hoàng thân Sihanouk, khi ấy cũng đang ở Hà Nội. Theo Sihanouk: "Chu trông mệt mỏi và có vẻ bị kích động bởi cuộc thảo luận mà ông vừa tiến hành với các đồng chí Bắc Việt Nam của ông. Hình như ông đang cáu"[194]. Theo Sihanouk thì đây là chuyến đi mà Chu Ân Lai muốn giải thích chính sách mới của Trung Quốc với người Mỹ. Chu đã nói với các nhà lãnh đạo Bắc Việt Nam "gay gắt và cứng rắn" rằng mối quan hệ mới đó sẽ dẫn tới hòa bình ở Đông Dương.

Không chỉ phản ứng trong hội đàm, khi đưa tiễn Chu Ân Lai, thay vì đi cùng thầy trò Chu ra tận chân cầu thang máy bay, Lê Duẩn đã dừng lại ngay cửa nhà ga sân bay Gia Lâm. Các quan chức Việt Nam tất nhiên cũng phải đứng lại. Chu Ân Lai và người phiên dịch, Lương Phong, gần như phải lủi thủi bước lên máy bay đi về. Lương Phong cho rằng hành động đó của ông Lê Duẩn là rất phản cảm[195]. Sau chuyến đi này của Chu, Trung Quốc bắt đầu "kiếm chuyện" trên vùng biên giới.

Ngày 05-06-1973, Chu Ân Lai lại đến Hà Nội khuyên ông Lê Duẩn nên thư giãn và xây dựng lực lượng, trong khoảng năm đến mười năm tới nên để miền Nam Việt Nam, Lào, và Campuchia hòa bình, độc lập, và trung lập. Trong số các nhà lãnh đạo Bắc Kinh thời bấy giờ, Chu Ân Lai được đánh giá là khá chân thành. Nhưng theo ông Trần Phương, về sau, khi kết nối các sự kiện, "anh Ba cay lắm vì Trung Quốc khuyên Việt Nam làm theo những gì mà họ đã thỏa thuận với Mỹ"[196].

Phó Thủ tướng Trần Phương nói tiếp: "Năm 1972, khi Mao Trạch Đông nói với Phạm Văn Đồng: Chổi ngắn không quét được xa, Lê Duẩn đã bắt đầu hiểu lòng dạ của người Trung Quốc. Họ chỉ muốn cung cấp vũ khí để Việt Nam chiến đấu giữ chân người Mỹ ở miền Nam thay vì có thể tiến gần họ. Năm 1973, khi Chu Ân Lai khuyên giữ trung lập miền Nam, Lê Duẩn biết, nếu cứ giải phóng miền Nam thì không thể nào tránh làm cho Bắc Kinh tức giận".

Hoàng Sa

Câu chuyện mặc cả giữa Mỹ và Trung Quốc về "phạm vi mười hai hải lý" được ông Lê Duẩn nói với vợ từ năm 1973, chứng tỏ tin tức tình báo mà Hà Nội nắm được là khá tốt.

Ngày 4-4-1972, khi quân đội miền Bắc đang tấn công dữ dội vào Quảng Trị, người Mỹ cần một áp lực từ phía Bắc Kinh với Hà Nội, Kissinger đã phái Winston Lord tới New York gặp Hoàng Hoa, đại sứ Trung Quốc tại Liên Hiệp Quốc, để trao một "bức điện miệng" nhắn Trung Quốc: "Hải quân Mỹ sẽ được lệnh ở lại tại khoảng cách mười hai dặm kể từ quần đảo Hoàng Sa"[197].

Hoàng Sa và Trường Sa là hai quần đảo mà các Chúa Nguyễn đã đưa người ra khai thác từ thế kỷ XVII. Năm 1816, vua Gia Long chính thức thiết lập chủ quyền của Việt Nam trên quần đảo này. Đại Nam Nhất Thống Toàn Đồ, bản vẽ năm 1838 của Nhà Nguyễn đã thể hiện hai quần đảo với tên gọi là Hoàng Sa và Vạn Lý Trường Sa.

Năm 1920, Chính quyền Pháp, với tư cách là nhà nước bảo hộ ở Đông Dương, đã tuyên bố chủ quyền và hiện diện liên tục trên cả Hoàng Sa và Trường Sa. Tháng 4-1946, quân Pháp đưa quân đội ra kiểm soát cụm phía Tây Hoàng Sa. Tháng 11-1946, quân Tưởng Giới Thạch đổ bộ lên đảo Phú Lâm thuộc Hoàng Sa, và tháng 12-1946 đổ bộ lên Itu Aba thuộc Trường Sa. Năm 1950, quân Tưởng rút khỏi hai quần đảo này. Một năm sau Chính quyền Mao Trạch Đông mới tuyên bố "bảo lưu chủ quyền của Trung Quốc".

Năm 1954, theo Hiệp định Geneva, Hoàng Sa ở phía Nam Vĩ tuyến 17 sẽ thuộc về chính quyền miền Nam Việt Nam. Nhưng đến tháng 4-1956, khi lực lượng Hải quân Việt Nam Cộng Hòa ra tiếp quản, hai đảo lớn nhất đã bị "quân giải phóng Trung Quốc" thừa cơ chiếm mất. Chính quyền Việt Nam Cộng Hòa trên thực tế cai quản liên tục bốn đảo chính: Pattle (Hoàng Sa), Robert (Cam Tuyền), Duncan (Quang Hòa Đông) và Drummond (Duy Mộng). Riêng trên đảo Pattle, Việt Nam còn có một đài khí tượng thuộc hệ thống quốc tế. Từ năm 1956, việc tranh chấp phần bị Trung Quốc chiếm đóng vẫn tiếp tục diễn ra giữa Việt Nam Cộng Hòa và Trung Quốc.

Sáng 16-1-1974, Hải quân Việt Nam Cộng Hòa phát hiện tàu cá Trung Quốc xuất hiện trong vùng đảo chủ quyền Việt Nam. Khi người nhái của hải quân Việt

Nam đổ bộ lên đảo Duncan và Drummond thì ở đó đã có một toán quân nhân Trung Quốc. Hôm ấy, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đang "kinh lý miền Trung". Trong bữa cơm tối tại một căn cứ của quân đội ở Mỹ Khê, Tổng thống được Đề đốc Hồ Văn Kỳ Thoại trình bày sơ bộ "biến cố Hoàng Sa". Theo Tướng Hồ Văn Kỳ Thoại: "Nghe xong, Tổng thống quyết định sáng hôm sau sẽ đến Vùng Một Duyên hải để xem xét tình hình".

Sáng 17-1-1974, Hạm đội HQ16 báo cáo tiếp: "Hai tàu đánh cá Trung Quốc không tuân lịnh ra khỏi lãnh hải. Ngoài ra, hai tàu khác chở quân Trung Cộng đang đến gần đảo và trên bờ có cắm nhiều cờ Trung Cộng". Hạm trưởng HQ16, Trung tá Lê Văn Thự, cho một toán đổ bộ lên đảo, nhổ cờ Trung Quốc thay bằng cờ Việt Nam Cộng Hòa. Toán đổ bộ gặp nhiều người Trung Quốc nhưng đôi bên đều kềm chế.

Bộ Tư lệnh Hải quân ở Sài Gòn sau khi nghe Tướng Thoại cập nhật tình hình đã phái Khu trục hạm Trần Khánh Dư của Trung tá Vũ Hữu San ra tăng cường. Toàn bộ tình hình được trình Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu lúc 8 giờ sáng cùng ngày khi ông trực tiếp tới Bộ Tư lệnh Vùng Một. Nghe xong, Tổng thống ngồi xuống lấy giấy bút trực tiếp viết "Chỉ thị cho Tư lệnh Hải quân Vùng Một: Tìm cách ôn hòa mời các chiến hạm Trung Quốc ra khỏi lãnh hải Việt Nam. Nếu họ không thi hành thì được nổ súng cảnh cáo trước mũi các chiến hạm này. Nếu họ ngoan cố thì toàn quyền sử dụng vũ khí để bảo vệ sự vẹn toàn lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa".

Ngày 18-1-1974, theo ủy nhiệm của Đề đốc Hồ Văn Kỳ Thoại, Đại tá Hà Văn Ngạc lên tuần dương hạm Trần Bình Trọng của Trung tá Phạm Trọng Quỳnh, trực chỉ Hoàng Sa. Vì là sỹ quan có cấp bậc cao nhất trong vùng chiến sự lúc đó, Đại tá Ngạc trở thành người chỉ huy cuộc chiến bảo vệ Hoàng Sa. Cùng đi có Hộ tống hạm Nhật Tảo của Thiếu tá Ngụy Văn Thà. Khi hải đội của Đại tá Ngạc đến Hoàng Sa, có ít nhất bốn chiến hạm của Trung Quốc có mặt. Trước thái độ khiêu khích của các tàu Trung Quốc, Đại tá Ngạc báo với Tướng Thoại qua bộ đàm, "việc chạm súng chắc là không sao tránh khỏi". Sáng 19-1-1974, các chiến hạm của đôi bên đều gây áp lực nặng nề lên nhau. Đại tá Ngạc đồng ý với Tướng Thoại "khi tình hình căng thẳng quá thì sẽ khai hỏa trước để giảm thiểu thiệt hại".

Khoảng 10 giờ 30 phút sáng 19-1-1974, Đại tá Ngạc báo cáo: "Bắt đầu khai hỏa". Máy vô tuyến vẫn để "on", Tướng Hồ Văn Kỳ Thoại nghe rõ những tiếng nổ chát chúa của cuộc chiến đấu. Khi chứng kiến tàu Trung Quốc bốc cháy, "toán đổ

bộ thuộc tàu HQ16 đang ngồi trên xuồng cao su đã cùng cất vang bài hát "Việt Nam, Việt Nam".

Trận đánh bất cân sức ấy diễn ra chỉ trong vòng ba mươi phút. Phía Trung Quốc: hai hộ tống hạm bị bắn chìm, hai trục lôi hạm bị bắn hỏng, một đô đốc, sáu đại tá và hàng chục sỹ quan cấp tá, cấp úy khác tử trận. Phía Hải Quân Việt Nam: hộ tống hạm Nhật Tảo bị chìm, Thiếu tá Ngụy Văn Thà cùng với hai mươi bốn chiến sỹ khác hy sinh, hai mươi sáu chiến sỹ mất tích; khu trục hạm Trần Khánh Dư bị hư hại, hai chiến sỹ hy sinh; tuần dương hạm Trần Bình Trọng bị hư hại, hai chiến sỹ hy sinh cùng với hai nhân viên người nhái; tuần dương hạm Lý Thường Kiệt bị trúng đạn, nghiêng một bên; mất liên lạc với toán đổ bộ gồm mười lăm thủy thủ (về sau, chiếc xuồng chở mười lăm thủy thủ này trôi dạt nhiều ngày về Quy Nhơn, được thuyền đánh cá cứu vớt, một người chết vì kiệt sức); hai mươi ba thủy thủ khác cũng trôi dạt trên biển, may mắn được tàu Skopionella của hãng Shell (Mỹ) cứu vớt.

Ngày hôm sau, 20-1-1974, mười chiến hạm Trung Quốc bắt đầu đổ quân lên hai hòn đảo Cam Tuyền và Hoàng Sa, bắt đi bốn mươi ba người, gồm hai mươi tám quân nhân và các nhân viên khí tượng. Một người Mỹ, Gerald Kosh, tình cờ theo tàu Lý Thường Kiệt ra Hoàng Sa chơi hôm 15-1-1974, cũng bị bắt. Trong thời điểm ấy, theo Tướng Thoại: "Các chiến hạm thuộc Đệ Thất Hạm Đội của Hoa Kỳ ở rất gần các vị trí chiến hạm Việt Nam". Trước khi trận chiến xảy ra, Bộ Tư lệnh Hải quân nói với Đề đốc Thoại là "yên tâm"; nhưng trong suốt cả quá trình sau đó, Hạm đội Bảy của Mỹ đã không làm gì kể cứu vớt các đồng minh lâm nạn. Hoàng Sa của Việt Nam bị Bắc Kinh chiếm đóng kể từ ngày 19-1-1974. Còn miền Bắc Việt Nam, khi ấy đang dựa vào Trung Quốc như một đồng minh để tiến hành cuộc chiến tranh ở miền Nam, cũng gần như im lặng.

Tướng Giáp nói rằng ông nhận được tin mất Hoàng Sa khi đang điều trị bệnh sỏi mật ở Liên Xô. Ngày 25-3-1975, sau "chiến thắng Buôn Ma Thuột", Tướng Giáp với tư cách là bí thư Quân ủy Trung ương kiến nghị Bộ Chính trị "tiến hành giải phóng các đảo và quần đảo quân ngụy đang chiếm giữ"[198]. Ngày 2-4-1975, Tướng Giáp trực tiếp chỉ thị cho Tướng Lê Trọng Tấn lúc bấy giờ đang ở Đà Nẵng: tổ chức tiến công giải phóng các đảo, đặc biệt là quần đảo Trường Sa. Trước đó, ngày 30-3, Quân ủy cũng điện cho Võ Chí Công và Chu Huy Mân yêu cầu chỉ đạo thực hiện. Chiều 4-4-1975, Quân ủy điện tiếp cho Quân khu V: "Kịp thời đánh chiếm các hòn

đảo vùng Nam Hải, đặc biệt là các đảo Nam Sa. Việc này phải chuẩn bị gấp và bí mật, chỉ để cán bộ có trách nhiệm biết”[199].

Ngày 9-4-1975, Cục Quân báo có tin quân đội Sài Gòn rút khỏi các đảo, Quân ủy gửi điện “tối khẩn” cho Võ Chí Công, Chu Huy Mân và Phó Tư lệnh Hải quân Hoàng Hữu Thái: “Các anh cho kiểm tra và hành động kịp thời… Nếu để chậm, có thể quân nước ngoài chiếm trước, vì hiện nay một số nước ngoài đang có ý đồ xâm chiếm”[200]. Ngày 13-4-1975, Tướng Giáp nhắc thêm: “Chỉ đánh các đảo quân ngụy miền Nam chiếm đóng”[201]. Từ ngày 14-4-1975 đến ngày 28-4-1975, Quân đội Nhân dân Việt Nam lấy xong những hòn đảo do quân đội Sài Gòn chiếm giữ, nhưng tránh đụng tới các đảo ở Hoàng Sa đang ở tay Trung Quốc.

Tháng 9-1975, trong chuyến đi đầu tiên đến Bắc Kinh, sau khi giành thắng lợi ở miền Nam, Bí thư Thứ nhất Lê Duẩn tới Trung Nam Hải. Ông Duẩn đã đến tận giường bệnh của Mao Trạch Đông để nói lời cám ơn với Mao Trạch Đông: “Nước chúng tôi chưa có bao giờ vui như hôm nay. Nếu chúng tôi không có Trung Quốc là hậu phương lớn bao la, không có đường lối của Mao Chủ tịch, không có sự viện trợ của các đồng chí cung cấp, chúng tôi không thể thành công được”[202]. “Với nụ cười khó nhọc trên gương mặt người mang bệnh, Mao Trạch Đông hơi vẫy tay, tỏ ra hiền hòa thân thiết… Người đã dùng những câu nói không được mạch lạc lắm để nói với Lê Duẩn: Nhân dân Việt Nam thắng lợi rồi, Nam Bắc đã thống nhất rồi, tôi rất phấn khởi, rất phấn khởi”.

Chắc hẳn là Lê Duẩn đã không chỉ xử sự theo phép tắc ngoại giao khi đến tận giường bệnh của Mao Trạch Đông để xác nhận: “Không có viện trợ của Trung Quốc, chúng tôi không thể thành công”. Không mấy người dân Việt Nam là không biết đến súng AK, nón cối, lương khô, gạo sấy, thịt hộp… được cung cấp từ Trung Quốc. Bộ đội miền Bắc thời chiến tranh có thể nói là đã được Trung Quốc trang bị đến từng “cái kim, sợi chỉ”. Nhưng ngoài chuyện ân nghĩa với đồng minh, ông Lê Duẩn còn phải chịu trách nhiệm trước quốc gia mà ông lãnh đạo. Trong chuyến đi Trung Quốc ấy, ngày 24-9-1975, khi gặp Đặng Tiểu Bình, ông Lê Duẩn đã yêu cầu Phó Thủ tướng Đặng Tiểu Bình đàm phán vấn đề Hoàng Sa nhưng đã bị Đặng Tiểu Bình từ chối. Bộ máy tuyên truyền của Bắc Kinh đã làm cho người dân Trung Quốc nghĩ rằng Hoàng Sa đã thuộc về Trung Quốc.

Ngày 5-5-1975, khi nghe Đài Tiếng nói Việt Nam công bố, "Ngày 11-4-1975, Hải quân Việt Nam đã giải phóng quần đảo Trường Sa", một phóng viên Tân Hoa Xã tên là Lăng Đức Quyền (Ling Dequan) - khi ấy đang chuẩn bị rời Hà Nội vào miền Nam - đã cảm thấy "như một cú sốc". Quyền giải thích với nhà báo Mỹ Nayan Chanda: "Vì trước đó họ đã công nhận chủ quyền của Trung Quốc trên những hòn đảo ấy".

Người Trung Quốc cho rằng: "Từ năm 1958, Thủ tướng Việt Nam Phạm Văn Đồng đã thông báo cho Thủ tướng Chu Ân Lai rõ ràng xác nhận hai quần đảo Tây Sa và Nam Sa thuộc lãnh thổ Trung Quốc. Nhưng hiện nay họ tiền hậu bất nhất ngang nhiên tuyên truyền đây là lãnh thổ của họ, sửa đổi bản đồ vẽ hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa vào bản đồ Việt Nam"[203]. Năm 1958, Thủ tướng Việt Nam Phạm Văn Đồng, trong vai trò đồng minh, có công hàm ủng hộ Tuyên bố của Chu Ân Lai về "hải phận mười hai hải lý kể từ đất liền của Hoa Lục"[204]. Tuyên bố này được đưa ra trong tình trạng chiến tranh với Mỹ bắt đầu leo thang, Hạm đội 7 của Mỹ hoạt động trên eo biển Đài Loan có dấu hiệu vi phạm vùng biển chủ quyền Trung Quốc.

Đây là một giai đoạn mà mối quan hệ quốc tế vô sản với Bắc Kinh được tin cậy hơn mối quan hệ giữa những người Việt Nam với nhau mà không có cùng ý thức hệ. Theo ông Dương Danh Di[205]: "Hai năm trước đó, Trung Quốc đã chủ động trả lại cho Việt Nam đảo Bạch Long Vĩ mà họ giữ giúp từ năm 1954 khi được trao trả từ tay người Pháp. Lúc đầu, Việt Nam chưa nhận vì than phiền là không có phương tiện ra đảo. Thế là Trung Quốc tặng luôn hai chiếc ca-nô. Niềm tin vào sự vô tư của Trung Quốc tăng lên, tâm lý để bạn giữ (đảo) cho còn hơn để trong tay 'Ngụy' không phải là không xuất hiện".

Ông Trần Việt Phương, người có hai mươi lăm năm làm thư ký riêng cho Phạm Văn Đồng, thừa nhận: "Lúc bấy giờ quan hệ Việt-Trung đang rất tốt. Việt Nam đang có quan niệm ngây thơ về chủ nghĩa quốc tế vô sản, quan niệm ngây thơ từ người cao nhất của ta chứ không phải ở cấp độ vừa[206]. Trung Quốc hiểu ra sự ngây thơ đó và đã có ý đồ không tốt. Tuy nhiên, dân tộc Việt Nam có trong máu hàng nghìn năm kinh nghiệm với Trung Quốc, cho dù có sự 'ngây thơ quốc tế vô sản' cũng không đến mức có thể dẫn tới sự nhầm lẫn hoàn toàn. Việt Nam đã có kinh nghiệm về sự lợi dụng của Trung Quốc trong Hiệp định Geneva. Nhưng ở thời điểm ấy, Việt

Nam đang cần họ". Cũng theo Việt Phương, trước khi ký công hàm này, Phạm Văn Đồng có bàn bạc với Hồ Chí Minh và vấn đề còn được đưa ra bàn ở "cấp cao nhất".

Về thực chất, không thể coi những tài liệu ấy có đủ giá trị pháp lý để công nhận chủ quyền của Trung Quốc trên hai quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa. Trước ngày 30-4-1975, miền Bắc không có thẩm quyền để nói về Hoàng Sa và Trường Sa, bấy giờ đang là phần lãnh thổ hợp pháp của Việt Nam Cộng Hòa, một quốc gia đang hiện diện ở Liên Hiệp Quốc.

Sợ "con ngựa thành Troy"

Trước ngày 30-4-1975, tại khu vực Sài Gòn-Chợ Lớn có một số đảng viên Đảng Cộng sản Trung Quốc hoạt động. Theo nguyên tắc của Quốc tế Cộng sản, đảng viên cộng sản bất cứ là người nước nào, đang sống ở đâu thì phải tham gia hoạt động với đảng nơi nước mình đang ở. Kể từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, đã có một số đảng viên cộng sản Trung Quốc ở Nam Kỳ hoạt động dưới quyền của Xứ ủy Nam Bộ.

Từ năm 1959, theo đề nghị của Bắc Kinh, những đảng viên thuộc Đảng Cộng sản Trung Quốc ở Sài Gòn như Lâm Lập, Trịnh Nam, sẽ chịu trách nhiệm xây dựng cơ sở trong giới "người Hoa lớp trên", còn đảng viên người Hoa thuộc quyền lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam thì xây dựng cơ sở trong giới "người Hoa là công nhân, lao động". Theo ông Nghị Đoàn, trưởng Ban Công Tác Người Hoa: "Nhóm Lâm Lập, Trịnh Nam, Trầm Nhan… từ Trung Quốc chạy sang Việt Nam hồi cuối thập niên 1940 sau khi bị Quốc Dân Đảng khủng bố". Ngay trong ngày 30-4-1975, Lâm Lập đã cho một lực lượng có vũ trang tới chiếm tòa Đại sứ Đài Loan nằm trên đường Hai Bà Trưng[207]. Thành ủy phải thuyết phục rất khó khăn, Lâm Lập mới chấp nhận giải giới. Ông Phạm Văn Hùng kể: "Họ có lực lượng, có những đảng viên của Lâm Lập có chân trong các quận ủy".

Khi ấy, những cơ sở đảng người Hoa thuộc Đảng Cộng sản Việt Nam như Ngô Liên, Nghị Đoàn, cũng phải đấu tranh với Lâm Lập. Lâm Lập không muốn bàn giao các cơ sở của mình cho Đảng Cộng sản Việt Nam mà muốn duy trì các hoạt động tại Sài Gòn-Chợ Lớn với tư cách là những cơ sở đảng nhận lệnh từ Trung Quốc. Đòi hỏi đó không được Việt Nam chấp nhận. Khi Lâm Lập đến 41 Tú Xương để gặp ông Võ Văn Kiệt, ông Kiệt giao thư ký Phạm Văn Hùng tiếp, với nhiệm vụ là làm sao phải

truyền được thông điệp cho Lâm Lập: “Hết nhiệm vụ, mời các đồng chí về”. Đến cuối năm 1976, nhóm Lâm Lập mới chấp nhận trở về Trung Quốc.

Những tổ chức cộng sản vẫn còn chân rết tại Sài Gòn là một trong những nguyên nhân khiến cho Hà Nội luôn trì hoãn việc cho phép Bắc Kinh mở lãnh sự quán tại Thành phố Hồ Chí Minh cho dù Trung Quốc đã cho Việt Nam lập ở nước họ tới ba tòa lãnh sự.

Mãi tới ngày 15-6-1978, khi sự kiện người Việt-gốc-Hoa nổ ra, Bộ ngoại giao Việt Nam mới gửi công hàm thông báo cho phía Trung Quốc biết: Chính phủ Việt Nam đồng ý để Trung Quốc đặt tổng lãnh sự quán tại Sài Gòn vào đầu quý 4-1978. Thông báo này chỉ còn giá trị lưu trữ. Ngay ngày hôm sau, 16-6-1978, Bộ Ngoại giao Trung Quốc gởi công hàm cho biết quyết định của Chính phủ Trung Quốc: “Đóng cửa ba tổng lãnh sự quán Việt Nam ở Quảng Châu, Côn Minh, Nam Ninh và yêu cầu toàn bộ cán bộ nhân viên Việt Nam ở ba tổng lãnh sự quán này rút về nước trong thời gian ngắn nhất”.

Theo ông Trần Phương, với mức độ cảnh giác quá cao đối với cán bộ gốc Hoa, năm 1978, Ban Bí thư có Chỉ thị 53, theo đó: “Những vị trí quan trọng không giao cho người gốc Hoa”[208]. Việc thi hành Chỉ thị 53 đã tạo ra một không khí chính trị vô cùng ngột ngạt, tổ chức đã rất mạnh tay với những cán bộ có cha ông đến từ Trung Quốc.

Ông Trần Phương, năm ấy là bộ trưởng, phó chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch, kể: “Phó Văn phòng Ủy ban là con ông Hoàng Mậu, bí thư Thành ủy Hải Phòng, nhưng bố Hoàng Mậu lại là người Hoa, dù ông cũng có tham gia cách mạng. Cậu ấy cùng ông Chánh Văn phòng đến gặp tôi nói: ‘Em xin anh, cho em chuyển về một vụ không quan trọng'. Tôi lấy chỉ thị ra nói: 'Cậu cứ ngồi đấy, cậu là ai, bố cậu là ai tôi biết’. Nhưng, cậu ấy vẫn khăng khăng: ‘Thôi, anh cứ cho em đi, em ngồi đây nhỡ có người nghi ngờ gì thì chết em’. Về sau tôi chuyển cậu ấy sang Vụ Văn xã. Nhiều địa phương, nhiều cơ quan làm rất rốt ráo. Ở trường con tôi học có một ông giáo gốc Hoa, mình khuyên ông ở lại nhưng ông vẫn đi Canada, ông nói: 'Em thấy, em đi thì nhẹ nhàng hơn là ở lại'”.

Thành phố Hồ Chí Minh đã làm nhẹ Chỉ thị 53 bằng cách giữ hầu hết cán bộ người Hoa ở cương vị cũ, trừ người đứng đầu các cơ quan nội chính. Tuy nhiên, lý lịch của hầu hết cán bộ đã bị lục tung, trong đó có cả lý lịch của ông Tư Kết, cựu

thư ký của ông Mai Chí Thọ. Tư Kết ngay lập tức bị buộc thôi chức trưởng Phòng An ninh Bảo vệ Nội bộ PA 25 về công tác ở Sở Văn hóa Thông tin Thành phố. Nghe tin thư ký cũ của mình là người Hoa, chính ông Mai Chí Thọ cũng phải kêu lên: "Tao có thấy thằng Tư Kết Hoa chút nào đâu!". Bản thân ông Tư Kết cũng chỉ biết rõ gốc gác của mình khi Chỉ thị 53 được thi hành. Ngày xưa, do nhà nghèo, bà ngoại đã phải gả mẹ ông, một cô gái hai mươi tuổi, cho ông La Đức, một tiểu chủ người Hoa chuyên luyện thuốc phiện, năm ấy đã sáu mươi tuổi, để giúp những người con trai khác của bà ngoại có việc làm. Ông La Đức mất khi Tư Kết hãy còn trong bụng mẹ.

Không có một chỉ thị thành văn nào nói rõ phải trục xuất người Hoa. Nhưng theo nhà nghiên cứu Dương Danh Di, các cấp ủy được triển khai: "Để người Hoa ở lại, đảng bộ phải chịu trách nhiệm về mọi hậu quả an ninh chính trị". Sự sợ hãi của những cán bộ gốc Hoa trong thời gian ấy lớn tới mức một trí thức cách mạng từng làm bộ trưởng Bộ Công Nghiệp Nhẹ như ông Kha Vạng Cân mà năm 1979, khi con trai ông sinh cháu, ông Cân đã khuyên con nên cho cháu mang họ Việt của mẹ để về sau nó không còn bị kỳ thị[209].

Chỉ thị 53 không chỉ ảnh hưởng tới người Hoa. Ông Hoàng Chính, người vào Đảng Cộng sản Đông Dương từ năm 1937, đã bị bắt năm 1978 khi đang công tác ở Văn phòng Chính phủ. Lý do theo ông Vũ Cẩm, phó chủ tịch Quảng Ninh: "Khi làm bí thư tỉnh Hải Ninh, ông Hoàng Chính đã chủ trương để Hải Ninh kết nghĩa với một tỉnh của Trung Quốc và có quan hệ với Triệu Tử Dương, thời ấy đang là bí thư tỉnh Tứ Xuyên".

"Nạn Kiều"

Tháng 8-1978 tại Ga Hàng Cỏ, và sau đó ở Lạng Sơn, đã nổ ra hai cuộc biểu tình của người Hoa. Chính quyền nhanh chóng dập tắt, tuy nhiên, chuyện "gián điệp Trung Quốc" được nói đến gần như vào mỗi tối thứ Bảy hàng tuần trong tiết mục "Kể chuyện cảnh giác" của Đài Tiếng nói Việt Nam.

Tướng Nguyễn Trọng Vĩnh thừa nhận: "Ban đầu phía Trung Quốc gây ra việc dụ dỗ ép buộc người Hoa ở Việt Nam về nước để tìm cớ xa lánh Việt Nam, bắt tay với Mỹ... Nhưng nói cho khách quan, phía lãnh đạo của ta cũng thành kiến và nghi ngờ người Hoa sẽ là đội quân thứ năm của Trung Quốc nên cũng muốn tống người Hoa đi cho rảnh". Ở một số địa phương, vấn đề người Hoa đã ngấm ngầm xảy ra từ trước đó.

Năm 1955, sau khi tiếp quản Quảng Ninh và Hải Phòng, Ban Hoa vận đã vận động người Hoa bỏ chữ "kiều" trong tên gọi các cộng đồng ngoại kiều khác để trở thành một dân tộc trong cộng đồng Việt Nam. Họ đã phải "bình đẳng" chịu "cải tạo" trong chiến dịch cải tạo công thương nghiệp tiến hành ở miền Bắc cuối thập niên 1950 và bắt đầu chịu áp lực nhiều hơn kể từ sau ngày Bắc-Nam thống nhất.

Từ cuối năm 1976, người Hoa ở Hải Phòng, Quảng Ninh, đã không được làm những nghề "có thể làm gián điệp" như thợ cắt tóc, thợ điện gia dụng, không được quan hệ với người nước ngoài… Ông Trịnh Văn Trọng có vợ, nhà thơ Dư Thị Hoàn, là người Hoa ở Hải Phòng. Ông Trọng kể khi chiến dịch "nạn Kiều" bắt đầu, người Hoa ở Quảng Ninh, Hải Phòng, ra đường thì bị kêu là "thằng Hán gian", về nhà thì gặp cán bộ phường tới phân tích: "Tình hình Việt Nam-Trung Quốc rất căng, nếu ở lại không biết điều gì sẽ xảy ra. Đảng và Nhà nước tạo điều kiện cho người Hoa trở về Tổ quốc".

Các chính sách áp dụng ở Quảng Ninh còn cứng rắn hơn bởi bàn tay của Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Đức Tâm. Giữa thập niên 1970, Quảng Ninh có hơn mười sáu vạn người Hoa nói các thứ tiếng khác nhau, mỗi dân tộc có một trường riêng để dạy con em họ. Người Hoa sống thành từng cộng đồng riêng biệt. Ông Vũ Cẩm, khi ấy là trưởng Ty Giáo dục Quảng Ninh, nói: "Tôi xuống các trường cũng phải cần phiên dịch". Năm 1976, theo ông Vũ Cẩm, Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Đức Tâm gọi ông lên yêu cầu: "Anh phải xóa hết trường Hán, tiếng Hán". Ông Cẩm đề nghị ông Tâm xem lại vì các trường sở này hình thành ở đây đã từ lâu đời, nhưng ông Tâm không chịu.

Ông Vũ Cẩm nói: "Tôi không rõ ông Tâm nhận chủ trương này từ ai nhưng ông nói như ra lệnh bằng một chỉ thị mồm chứ bản thân ông cũng không dám ra nghị quyết. Tôi nghĩ mãi và cuối cùng do ông Tâm thúc ép đành phải thảo một văn bản, không nói là giải tán các trường của người Hoa mà nói là thống nhất hệ thống giáo dục, một xã chỉ có duy nhất một trường phổ thông dạy bằng tiếng Việt. Soạn rồi, tôi không dám ký, giao cho các phó Ty, các phó của tôi cũng không anh nào chịu ký. Tôi lên báo cáo Bộ Giáo dục, Bộ bảo tùy địa phương nhưng cũng không dám ra văn bản. Cuối cùng, tôi phải ký. Tuy nhiên, để đảm bảo cuộc sống cho đội ngũ giáo viên người Hoa, tôi quy định: các giáo viên người Hoa được hưởng nguyên lương để đi học tiếng Việt".

Nhưng chỉ ít lâu sau, cũng như mười sáu vạn người Hoa khác, điều đe dọa đối với những giáo viên này không còn là vấn đề việc làm. Năm 1978, theo ông Vũ Cẩm: "Ông Nguyễn Đức Tâm gặp các tỉnh ủy viên người Việt nói, thái độ Trung Quốc đối với Việt Nam không tốt, chúng ta không nên bầu người gốc Hoa vào cấp ủy. Khi đó, trong tỉnh ủy Quảng Ninh vẫn còn hơn mười người gốc Hoa, có những người rất có công như anh Lý Bạch Luân đã từng là phó bí thư tỉnh Hải Ninh, sau khi nhập tỉnh, anh Luân làm phó chủ tịch tỉnh mới - tỉnh Quảng Ninh". Khi Trung Quốc rút các kỹ thuật viên giúp Việt Nam khai thác mỏ, họ vận động anh hùng lao động Voòng Nải Hoài, một kỹ thuật viên giỏi, bỏ Việt Nam về Trung Quốc. Theo ông Vũ Cẩm: "Nhân đấy, ông Nguyễn Đức Tâm có sáng kiến, anh rút về thì tôi cho người Hoa về hết luôn"[210].

Trong lịch sử di dân của loài người, cuộc di dân cưỡng bức của người Hoa năm 1978 ở Quảng Ninh có lẽ là một trong những chương bi thương nhất. Nhiều người Hoa đã đến đây từ nhiều đời, đã chọn Việt Nam làm quê hương; nhiều người không nói tiếng Hoa, không hề nhớ gốc gác mình từ đâu. Tất cả đều bị khép vào thành phần phải trở về Trung Quốc.

Bị ép quá, một phó chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Tỉnh, ông Voong Hổi, đã tự sát bằng cách tự mổ bụng. Theo ông Vũ Cẩm, ông Hổi sau đó được cứu sống, tuy không còn bị đuổi đi nữa nhưng phải chịu kỷ luật khai trừ Đảng. Ông Vũ Cẩm kể: "Một cán bộ của tôi, anh Lâm Anh Văn, đang là trưởng Phòng Giáo dục huyện Quảng Hà, cũng bị công an bắt phải trở về Trung Quốc. Anh ta gặp tôi nói, buộc đi thì đi chứ anh sẽ không sang Trung Quốc đâu".

Ở xã Hà An, huyện Yên Hưng, có một gia đình, chồng là Trần Vĩnh Ngọc, hiệu trưởng một trường phổ thông, vợ là Chu Thị Họa. Chị Họa quê ở Thái Bình, là người Việt Nam. Anh Ngọc sinh ở Việt Nam, có mẹ là người Việt, cha là người Hoa, nhưng ông chết từ khi anh còn nhỏ. Trần Vĩnh Ngọc được xếp vào diện người Hoa. Theo ông Vũ Cẩm: "Bị công an yêu cầu phải trở về Trung Quốc, Ngọc tới gặp tôi xin ở lại vì nó có biết quê quán ở đâu đâu, tiếng Hoa cũng không biết. Tôi gặp Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Đức Tâm báo cáo. Ông Tâm lạnh lùng bảo tôi đừng can thiệp vào, để cho công an người ta làm. Bế tắc, Ngọc về bắt ba đứa con quàng khăn đỏ đội viên thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, buộc nằm lên giường rồi lấy chăn bông đè lên cho tới chết. Xong, anh ta lấy búa đập vỡ đầu vợ rồi lấy dao tự đâm vào tim mình. Nghe

tin, tôi chạy xuống thì cả gia đình đều đã chết. Tôi bảo cậu Trưởng Phòng Giáo dục phải làm tang lễ tử tế rồi đi báo Nguyễn Đức Tâm. Tưởng Tâm sẽ phải suy nghĩ ai dè ông ta sắt đá nói 'kệ', gương mặt gần như vô cảm".

Ông Võ Văn Kiệt kể: "Năm 1978, tôi ra Quảng Ninh khi anh Nguyễn Đức Tâm đang ở Móng Cái trực tiếp chỉ đạo vấn đề người Hoa. Tôi có cảm giác như ở đây cũng có không khí 'cải tạo', rất nhiều người Hoa đã sống lâu đời ở Việt Nam bị đưa về Trung Quốc. Quảng Ninh, Móng Cái vắng ngắt". Theo cuốn Địa chí Quảng Ninh Tập 1, người Hoa vốn sống tập trung ở chín huyện trong tỉnh, nhưng sau năm 1978 chỉ còn lại 5.000 người; 160.000 người Hoa ở Quảng Ninh đã phải ra đi trong vụ "nạn kiều". Những anh hùng lao động một thời được báo chí ca ngợi tưng bừng như Voòng Nải Hoài, Mừu Nhịp Mùi cũng phải về Trung Quốc.

Người dân Quảng Ninh vẫn nhớ, ngay cả khi Trung Quốc đã đóng cửa khẩu, xe công an vẫn chở người Hoa đi về biên giới. Theo ông Vũ Cẩm, mỗi làng mỗi xã như vậy may ra chỉ còn sót lại một hai gia đình người Hoa. Khi vụ người Hoa xảy ra, ông Nguyễn Việt Lân, nguyên bí thư Tỉnh đoàn Hải Ninh[211], nguyên phó bí thư Móng Cái, tuy không bị đuổi nhưng bị buộc phải vào sâu bên trong. Ông Vũ Cẩm kể: "Cậu ấy vào Hạ Long làm nghề cán mì sợi. Tôi muốn giúp nên thỉnh thoảng lại mang bột mì đến cho cậu ấy gia công. Cậu ấy hỏi: 'Ông không sợ tôi bỏ thuốc độc à?'. Tôi biết cậu ấy bị o ép lắm. Công an rình rập kín, hở suốt ngày. Một đêm cậu ấy mở ti-vi oang oang trong nhà, bật đèn sáng để đánh lừa công an rồi đưa cả nhà xuống tàu vượt biên sang Úc".

Hải Phòng là địa phương tiếp theo áp dụng chính sách khá thẳng tay với người Hoa. Ông Đoàn Duy Thành, năm 1978 là phó chủ tịch Thành phố Hải Phòng, thừa nhận: Hơn ba mươi nghìn trong số ba mươi bảy nghìn người Hoa ở thành phố này đã phải ra đi. Đặc biệt, ở Cát Bà, trước có gần mười nghìn người Hoa, năm 1978 chỉ còn vài chục người ở lại. Nhà thơ Dư Thị Hoàn viết về cảnh ra đi ở Hải Phòng: "Tết thanh minh năm ấy, không ngờ lại là bữa tiệc cuối của sum họp đại gia đình, hình ảnh má và các em các cháu tôi chen lấn trong dòng người lũ lượt ra ga, leo lên tàu hỏa. Thê thảm nhất là đàn bà con trẻ, họ lếch thếch, hỗn loạn, và yếu ớt, họ giao phó nỗi hốt hoảng cho bất kỳ ai có mặt hôm đó, giao phó cho đoàn tàu chở họ tới một đất nước được gọi là tổ quốc trong muôn vàn bất trắc và mong manh? Họ trở

về quê hương và không hiểu tại sao, vì lẽ gì? Chị chồng tôi ra tận nhà ga ôm lấy ba mẹ con tôi đang gào khóc nhìn đoàn tàu mất hút trong đêm tối".

Ở Sài Gòn, theo Phó Bí thư Thường trực Thành ủy Trần Quốc Hương: "Chúng tôi không đuổi mà thông báo ai muốn rời Việt Nam thì đăng ký, hơn 90% người Hoa ở Thành phố đã đăng ký ra đi". Luật sư Nguyễn Đăng Trừng, năm ấy là phó Phòng chống phản động bành trướng bá quyền Công an Thành phố Hồ Chí Minh, thừa nhận: "Công an cũng đã mạnh tay cô lập những đối tượng tình nghi là còn quan hệ với Trung Quốc". Một trong những "đối tượng" mà ông Nguyễn Đăng Trừng trực tiếp thụ lý lúc ấy là ông Lý Ban.

Ông Lý Ban thuộc một trong số các đảng viên Việt Nam chạy sang Diên An sau cuộc khủng bố của Pháp năm 1930-1931. Sau Cách mạng tháng Tám, từ căn cứ của những người cộng sản Trung Quốc, Lý Ban cùng các đồng chí Việt Nam khác của ông ở Diên An trở về trong đợt đầu như Nguyễn Khánh Toàn, Nguyễn Sơn, Trương Ái Dân, Cao Tử Kiến. Ông đã từng là ủy viên dự khuyết Trung ương Đảng, thứ trưởng Bộ Ngoại thương.

Năm 1978, nhiều thông tin nói rằng ông Lý Ban có những mối liên hệ chặt chẽ với Trung Quốc. "Tinh thần chỉ đạo" là phải có "biện pháp đặc biệt, không để các đối tượng ở trong điểm nóng, khi tình hình xấu diễn ra thì phát huy tác dụng". Ông Lý Ban bị bắt. Sau một thời gian cách ly để điều tra, ông Trừng thừa nhận: "Té ra ông Lý Ban là một người rất trung thành với Đảng". Nhạc sỹ Lâm Âm đang là biên chế ở Sở Văn hóa Thông tin cũng bị bắt dù sau đó không tìm thấy bất cứ bằng chứng "phản động" nào. Một thời gian sau, Phòng chống phản động bành trướng bá quyền yêu cầu Sở Văn Hóa Thông tin "bảo lãnh", ông Lâm Âm được tha. Nhưng, theo ông Tư Kết: "Vừa có lệnh thả ra thì nhạc sỹ Lâm Âm bị tai biến và chết".

"Những tháng đầu năm 1978, thành phố phá năm mươi hai vụ nhen nhóm chính trị, phản động, bắt 1.106 tên (gấp ba lần năm 1977); số trốn đi nước ngoài cũng tăng gấp ba lần (2.130 vụ với 8.139 người)"[212]. Trong số 8.139 người bị bắt đầu năm 1978 có ông Lý Tích Chương, cha của Lý Mỹ - "tấm gương điển hình" trong chiến dịch "Cải tạo công thương nghiệp tư doanh".

Khi ông Lý Tích Chương bị bắt, Lý Mỹ đang được "Đảng và Nhà nước đưa đi Cuba" tham gia Liên hoan Thanh niên Thế giới. Theo Lý Mỹ: "Khi tôi ở Cuba, ba tôi ốm phải vào bệnh viện Saint Paul. Một chiều cô em út của tôi lúc ấy mới chín tuổi

mang cơm cho ba, vào tới nơi, gọi tên không thấy, nhân viên bệnh viện nói, trong phòng của ổng giờ toàn công an, hôm ấy họ vào và bắt đi nhiều bệnh nhân người Hoa đang điều trị trong bệnh viện". Sau một tháng ở Cuba, khi Lý Mỹ về, ông Mai Chí Thọ đưa xe đến Thành đoàn đón, nói là cho đi thăm ba nhưng vào trại giam thì ông Lý Tích Chương được thả. Ở tù ra, sức khỏe ông Chương suy sụp, gia đình quyết định "đi".

Trên các phương tiện truyền thông, Bắc Kinh gọi người Việt-gốc-Hoa là "nạn kiều"; Hà Nội nói Bắc Kinh "bịa đặt". Báo Tuổi Trẻ ngày 30-6-1978 viết: "Bị tác động bởi chiến dịch cưỡng ép di cư của phía Trung Quốc [người Hoa] đã kéo nhau hàng loạt đi Trung Quốc một cách bất hợp pháp". Cũng theo bài báo này: "Ta đã bắt quả tang một số tên thực hiện chiến dịch này dưới sự chỉ đạo của Đại sứ quán Trung Quốc tại Hà Nội như Lý Nghiệp Phu, Trần Hoạt, Tô Minh Nguyên, Ôn Thịnh Nàm, Lã Giang Đông, Quan Gia Nghĩa, Lý Đào Lê". Cũng theo Báo Tuổi Trẻ: "Ngày 30-4, chủ nhiệm Văn phòng công việc Hoa kiều thuộc Quốc vụ viện Trung Quốc, ông Liêu Thừa Chí, công khai lên tiếng, gián tiếp đổ trách nhiệm cho Việt Nam".

Ngày 4-5-1978, Bộ Trưởng Ngoại giao Xuân Thủy tuyên bố: "Đảng và Chính phủ Việt Nam trước sau như một, vẫn đối xử với bà con người Hoa như bát nước đầy. Có một số bà con người Hoa trốn đi Trung Quốc, đó là do bọn xấu tác động". Ngày 24-5-1978, người phát ngôn Văn phòng công việc Hoa kiều Quốc vụ viện Trung Quốc ra tuyên bố chính thức phản đối Việt Nam "bài xích, khủng bố, xua đuổi Hoa kiều".

Ngày 28-5-1978, Bộ Ngoại giao Việt Nam gửi công hàm cho Bộ ngoại giao Trung Quốc yêu cầu chấm dứt tuyên truyền kích động; đại diện hai nước gặp nhau càng sớm càng tốt, có thể vào đầu tháng 6-1978, để cùng nhau bàn bạc, giải quyết những bất đồng về vấn đề người Hoa ở Việt Nam, và bàn cả đề nghị của Trung Quốc đưa tàu sang Việt Nam đón người Hoa về Trung Quốc. Ngày 2-6, Bộ ngoại Trung Quốc gởi công hàm cho Bộ ngoại giao Việt Nam khước từ các đề nghị nói trên của Việt Nam, đồng thời tuyên bố Trung Quốc "đã quyết định" đưa tàu sang thành phố Hải Phòng và thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 8-6-1978 để đón người Hoa về nước. Bộ ngoại giao Việt Nam "phê phán thái độ ngang ngược nói trên của nhà đương cục Trung Quốc". Ngày 5-6, Bộ Ngoại giao Việt Nam một mặt "kêu gọi bà con người Hoa hãy yên tâm ở lại Việt Nam làm ăn bình thường", mặt khác đưa ra

cam kết: "Bà con nào muốn rời khỏi Việt Nam đi Trung Quốc thì sẽ được chính quyền Việt Nam giúp làm các thủ tục xuất cảnh để ra đi thuận tiện".

Trước tháng Giêng năm 1979, có khoảng 30.000 người Hoa chạy sang Việt Nam, chủ yếu là từ Campuchia. Ngoài ra còn có hơn 4.000 người Khmer khác. Số người Hoa về nước trên hai con tàu của Trung Quốc chỉ mang tính tượng trưng, theo ông Mai Chí Thọ, trong chuyến đầu họ chỉ chở được 2.400 người. Một dòng người khác đã phải gồng gánh về phía bên kia theo đường bộ[213].

Tại cuộc họp báo ngày 15-6-1978, Chủ tịch Thành phố Hồ Chí Minh Mai Chí Thọ nói: "Chúng ta tự hỏi, nếu họ thực tâm muốn chăm lo cho Hoa kiều, tại sao họ lại không lên tiếng đối với việc Hoa kiều bị bọn cầm quyền phản động Campuchia xua đuổi tàn ác, ngược đãi… Đáng lý những Hoa kiều họ cần phải rước trước hết là người Hoa đang sống đau khổ, tủi nhục dưới chế độ tàn bạo của bọn cầm quyền phản động Campuchia. Thái độ trái ngược của phía Trung Quốc không khỏi làm cho mọi người nghi ngờ việc họ tổ chức rước Hoa kiều về nước chẳng qua là nhằm thực hiện một ý đồ khác. Thực tế họ chỉ muốn gây khó khăn cho Việt Nam mà thôi"[214].

Câu chuyện của Tằng Dục Hính, đăng trên báo Tuổi Trẻ số ra ngày 23-6-1978, cho thấy tương lai trở về "tổ quốc" của người Hoa cũng khá tối tăm: "Chúng tôi đáp xe lửa Hà Nội đi Lào Cai, từ ga Lào Cai đến Cầu Kiều chúng tôi phải qua một trạm công an Việt Nam. Tại đây họ thu lại tất cả những giấy tờ mà chính phủ Việt Nam cấp cho người Hoa chúng tôi từ trước đến nay… Nhìn về phía Trung Quốc tôi nghe được rất rõ tiếng loa, tiếng nhạc quen thuộc của Đài Phát thanh Bắc Kinh và nhìn thấy rất đông người đang chờ đón tiếp… Ngày thứ ba ở trên đất Trung Quốc, 3-6-1978. Buổi chiều, sau khi nộp xong bản khai lý lịch, chúng tôi được một ông cán bộ người Trung Quốc nói giọng Bắc tiếng Việt Nam rất rành cho biết chúng tôi phải đăng ký đi nông trường trồng cao su Mông Xi, nếu ai chậm trễ thì phải đi Tây Tạng!".

Theo Tằng Dục Hính, vì sợ đi Tây Tạng, anh và người bạn Chí Tiền Thành cùng hai thanh niên Hải Phòng nữa đã lội qua sông Hồng ngay trước khi nước chảy rất xiết để trốn về Việt Nam vào ngày 7-6-1978, và được "các đồng chí công an Việt Nam giúp đỡ" cho về thành phố. Tằng Dục Hính nói tiếp: "Ở Hà Khẩu, tôi biết là có 80 đến 90% bà con muốn trở về lại Việt Nam nhưng không dám"[215].

“Phương án II”

Cũng trong những ngày ấy, ở miền Nam, công an bắt đầu triển khai “Phương án II”. Theo ông Nguyễn Đăng Trừng, phó Phòng chống phản động bành trướng bá quyền, Phương án II cũng là một trong những biện pháp “nghiệp vụ” nhằm đưa “đối tượng ra khỏi điểm nóng” - vấn đề là đối tượng của phương án này là cả triệu người Hoa đang sống ở Việt Nam.

Chỉ rất ít người được biết đến Phương án II. Tuy là phó bí thư thường trực Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, ông Trần Quốc Hương cũng chỉ được nghe giám đốc Sở Công an thành phố cho biết, Phương án II là một kế hoạch được “phổ biến miệng để giữ bí mật”, theo đó: Người di tản được đóng vàng để công an mua thuyền hoặc đóng thuyền cho đi mà không sợ bị bắt hay gây khó khăn. Việc thực hiện Phương án II chỉ do ba người là bí thư, chủ tịch và giám đốc công an tỉnh quyết định. Công an được giao làm nhiệm vụ đứng ra thu vàng và tổ chức cho người di tản.

Ngày 19-11-1978, ông Lý Tích Chương đưa gia đình rời Việt Nam theo Phương án II. Cuộc đấu tranh đi - ở bắt đầu diễn ra trong nhà Lý Mỹ khi cô đang học năm thứ nhất, khoa Lý, tại Đại học Sư phạm. Theo Lý Mỹ thì một trong những lý do cô không vượt biên cùng gia đình là vì khi sang Cuba và Liên Xô cô cảm thấy “nước ngoài” rất xa lạ với những gì mà cô đang sống. Nhưng Lý Mỹ cũng không phủ nhận một lý do quan trọng khác là khi ấy “Thành đoàn cũng tập trung giành giật cô”.

Bí thư Thành đoàn Phạm Chánh Trực và các “đồng chí” khác trong Thường vụ đã trực tiếp động viên; bạn trai khi ấy của cô cũng là một mẫu người cộng sản lý tưởng. Đích thân Chủ tịch Thành phố Mai Chí Thọ nhiều hôm cũng đưa Lý Mỹ về nhà ăn cơm. Bên cạnh Lý Mỹ lúc ấy còn có những bạn bè người Hoa không vượt biên cùng gia đình như Lai Kim, Đỗ Long. Họ cũng được ông Mai Chí Thọ quan tâm, ông nói: “Mấy chú cũng rất đau lòng khi tụi bây phải lựa chọn như vầy, nhưng, vì tổ quốc, vì tình thế”. Khi ấy, nếu những người như Lý Mỹ mà vượt biên thì cái thần tượng mà Thành đoàn dựng lên sẽ sụp đổ. Thành đoàn đã thắng, Lý Mỹ ở lại.

Đó là những ngày tháng mà Lý Mỹ nói là “nên quên đi trong cuộc đời”, nhưng những gì đã xảy ra cũng chưa phải là cay đắng nhất. Gia đình vừa đi được mấy hôm thì một tối, khi Lý Mỹ đi học về đến nhà, thấy khóa cửa bị đập, trong nhà có khá đông người. Lý Mỹ hỏi thì được nói họ có quyết định vào “chốt” căn nhà của Mỹ.

Nếu việc ông Lý Tích Chương bị bắt có thể vì lọt vào trong một chiến dịch "đại trà" thì "tịch thu nhà" lại là điều ít ai nghĩ Cách mạng sẽ làm với một "điển hình" như Lý Mỹ. Nó xảy ra trắng trợn và quá mau lẹ. Lý Mỹ cắn răng đi tìm đồ đạc thì thấy hầu như trong nhà không còn gì quý giá. Căn nhà 531A Cách Mạng Tháng Tám của gia đình Mỹ vốn là một cửa hàng bách hóa lớn và sang trọng, giờ ấy tan hoang. Cô báo Thành đoàn, báo ông Mai Chí Thọ. Những người đã từng ở bên Lý Mỹ khi cô nhiệt tâm "cải tạo" gia đình đến giờ đấy bỗng dưng im lặng.

Lý Mỹ đã mất nhiều năm để xin lại căn nhà của cha mẹ mình mà không kết quả. Năm 1985, Thành phố cấp một căn nhà khác cho cô ở Quận 5. Trường hợp của Lý Mỹ là rất đặc biệt, trong khi hàng ngàn người vượt biên theo Phương án II đã không đi được mà còn mất cả vàng lẫn nhà. Ông Nguyễn Thành Đệ, ngụ tại 21-23 Tô Hiến Thành, Quận 10 là một ví dụ.

Ngày 29-4-1975, khi người em rể - sỹ quan Việt Nam Cộng Hòa - kêu di tản, ông Đệ đã không đi. Ông nói: "Thôi, Cộng sản dù gì cũng là người Việt, qua bển toàn Mỹ". Cũng như nhiều người khác, ông Đệ đã trả giá đắt cho quyết định xuất phát từ quan niệm đồng bào. Cho dù không phải là người Hoa, nhưng năm 1979, ông Đệ vẫn được móc nối đăng ký "xuất cảnh bán chính thức". Gia đình ông chín người, phải đóng cho chủ "tàu 224" tổng cộng 200 lượng vàng thay vì chỉ đóng tám lượng một người theo quy định.

Ngày 17-6-1979, gia đình ông Đệ xuống Minh Hải để chuẩn bị lên tàu, nhưng không may cho ông, vừa xuống tới nơi thì có lệnh tạm ngưng thực hiện Phương án II. Nghĩ mình ra đi theo hướng dẫn của nhà nước hẳn hoi, gia đình ông cùng nhiều người khác ráng nán lại để đòi lại số vàng đã nộp. Nhưng, "bắc thang lên hỏi ông giời".

Sau gần hai tháng chờ vàng, gia đình ông quay lại Sài Gòn, mới biết ngày 23-6-1979, tức là chỉ sau sáu ngày ông Đệ về Minh Hải, căn nhà 21-23 Tô Hiến Thành đã bị Quận 10 "quản lý". Gia đình ông được "xét sử dụng tầng trệt nhà 23" và được "chiếu cố" không phải trả tiền thuê nhà… mình. Chính quyền Quận 10 "quản lý" căn nhà 21-23 là chiểu theo Chỉ thị 14 ngày 2-4-1977của Thành phố, theo đó: "Xử lý tạm thời tài sản của những người trốn đi nước ngoài bị bắt".

Tuy nhiên, gia đình ông Đệ không phải "trốn đi nước ngoài" cũng như chưa hề "bị bắt". Nhà ông cũng chưa thuộc diện "nhà vắng chủ" theo Thông tri số 201-BXD/

NĐ, ngày 23-6-1978 của Bộ Xây dựng. Ngày 4-8-1980, ông Đệ quay lại Minh Hải làm đơn xin xác nhận là ông "xuất cảnh đàng hoàng". Tính tổ chức của Phương án II được địa phương xác nhận rõ ràng bằng mực đen, giấy trắng[216].

Theo Báo cáo kiểm tra việc thực hiện Phương án II của Ban 69 thì ở thời điểm ấy, số người có hoàn cảnh như ông Nguyễn Thành Đệ ở các tỉnh miền Nam, tức là đã "làm nghĩa vụ" nộp tiền và vàng mà không đi được vì lệnh ngừng, lên tới 18.435 người. Từ cuối năm 1979, ông Nguyễn Thành Đệ bắt đầu hành trình đòi lại nhà và cũng kể từ năm đó, gia đình ông gồm mười hai người phải sống ở tầng trệt nhà 23 Tô Hiến Thành với diện tích tổng cộng 35m2.

"Ban 69"

Theo ông Trần Quốc Hương, khi Bộ Chính trị quyết định thành lập Ban 69, ông Trần Văn Sớm (Hai Sớm), ủy viên Trung ương Đảng, thành viên Ban 69 cho biết Ban đã có buổi làm việc với Chủ tịch Nước Trường Chinh để báo cáo tình hình cụ thể những địa phương "thu vàng nhiều và nộp lên trên ít". Chủ tịch Trường Chinh cho Ban biết: "Chủ trương này chưa bao giờ được đưa ra Bộ Chính trị để bàn và quyết định, cho nên khi vào Thành phố Hồ Chí Minh nghe được thông tin về Phương án II, Chủ tịch đã đề nghị họp Bộ Chính trị cho ngưng ngay và thành lập Ban Kiểm tra xem xét việc thi hành".

Ban 69 được Ban Bí thư quyết định thành lập ngày 20-3-1981 nhằm "kiểm tra các tỉnh Miền Nam" với ba nội dung: "Việc cho người Hoa đi nước ngoài (gọi tắt là Phương án II - PA2); việc buôn bán lậu với tàu nước ngoài của một số tỉnh; việc bắt giữ vượt biên trái phép". Tuy nhiên, Ban 69 chủ yếu xem xét việc thực hiện Phương án II.

Báo cáo ngày 20-10-1981 của Ban 69 phân tích: "Cay cú trước thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp cách mạng giải phóng Miền Nam, thống nhất tổ quốc của nhân dân ta, bọn bành trướng Bắc Kinh sử dụng bọn Pôn-pốt đánh phá ta từ phía Tây nam, đồng thời âm mưu dùng đội quân thứ năm để gây bạo loạn lật đổ từ bên trong phối hợp với hành động chiến tranh từ bên ngoài, gây ra vụ 'nạn kiều' tạo nguyên cớ cho cuộc chiến tranh xâm lược ở biên giới phía Bắc. Phối hợp với các thế lực đế quốc, phản động quốc tế, chúng mở chiến dịch tuyên truyền nói xấu ta; vừa kích động người Hoa chạy về Trung Quốc với cái chúng gọi là 'nạn kiều'. Để phá tan một nguy cơ có thể gây ra tình hình phức tạp về chính trị, Trung ương chủ trương giải quyết

đối với người Hoa với ba phương án: cho họ ra nước ngoài theo con đường Liên Hợp Quốc HCR (gọi tắt là PA1); cho họ ra nước ngoài làm ăn (gọi tắt là PA2); cho họ đi các địa phương sản xuất theo khả năng của họ (gọi tắt là PA3). Nhưng họ chọn con đường đi làm ăn ở nước ngoài, Trung ương giao cho Bộ Nội vụ trực tiếp tổ chức thực hiện PA2 này".

Theo Ban 69: "Có địa phương lúc đầu thấy thực hiện có nhiều khó khăn, dẫn đến do dự, lừng chừng, nhưng sau đều quyết tâm thực hiện. Theo chỉ đạo của Bộ Nội vụ thì các tỉnh được phép tổ chức thực hiện PA2 ngay từ đầu gồm có: Quảng Nam-Đà Nẵng, Nghĩa Bình, Phú Khánh, Thuận Hải, Đồng Nai, Bến Tre, Kiên Giang, TP. Hồ Chí Minh, Tiền Giang, Minh Hải; các tỉnh không được phép làm nhưng sau đó xin làm: Sông Bé, An Giang, Hậu Giang, Cửu Long, Long An". Cũng theo Báo cáo của Ban 69: "Sau 1 đợt ta tổ chức cho người Hoa đi có xảy ra tai nạn, bọn đế quốc và phản động quốc tế mở chiến dịch tuyên truyền nói xấu ta. Để tạo thuận lợi cho công tác chính trị ngoại giao đối với thế giới, Thủ tướng Chính Phủ đã có mệnh lệnh vào tháng 12-1978 ngưng việc cho người Hoa đi nước ngoài. Vì còn một số người và tàu đã đăng ký đóng nghĩa vụ bị kẹt lại chưa đi được gây ra những khó khăn phức tạp cho địa phương. Tháng 4-79 Thủ tướng cho phép tiếp tục đi đến hết tháng 5-79 phải chấm dứt. Một số nơi có xin phép cấp trên cho đi 13.000 người nhưng thực đi 7-8 vạn người mà vẫn còn đọng lại hàng vạn người và hàng trăm tàu thuyền".

Báo cáo của Ban 69 thừa nhận: "Là một công việc hệ trọng có quan hệ đến chính sách đối nội, đối ngoại của Đảng và Nhà nước, nhưng Ban Bí thư trung ương Đảng không có một văn bản nào về lãnh đạo và chỉ đạo các cấp ủy Đảng lãnh đạo và thực hiện PA2 này, các cấp ủy Đảng ở địa phương rất lúng túng. Bộ Nội vụ có kế hoạch 244 nhắc các giám đốc sở, trưởng ty công an các tỉnh, thành báo cáo ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy để xin ý kiến lãnh đạo, nhưng khi phổ biến trực tiếp thêm câu nói do yêu cầu bí mật nên công tác này chỉ có bí thư, chủ tịch và trưởng ty công an biết. Vì vậy, việc thực hiện PA2 này, hầu hết ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy đều không biết. Tỉnh ủy, thành ủy lại càng không biết, chỉ có ba đồng chí bí thư, chủ tịch, trưởng ty công an biết thôi".

Thư ký riêng của ông Võ Văn Kiệt thời điểm đó, ông Phạm Văn Hùng, nói: "Cũng như ông Mười Hương, ông Kiệt không đồng ý với nhận định của Trung ương, coi người Hoa ở Chợ Lớn là 'đạo quân thứ năm', nhưng khi chính sách cải tạo đẩy đến

chỗ người Hoa phải vượt biên thì ông Kiệt thấy rằng để họ ra đi có tổ chức vẫn tốt hơn là ra đi hoàn toàn bất hợp pháp, nên ông tán thành Phương án II".

Theo ông Võ Văn Kiệt, Thành phố cũng chỉ tổ chức rất hạn chế. Ông nói: "Tôi báo cáo là Thành phố không có khả năng đóng tàu, để các tỉnh thực hiện Phương án II thì tốt hơn". Báo cáo của Ban 69 cho biết: "Đồng chí Võ Văn Kiệt, ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị, bí thư Thành ủy Thành Phố Hồ Chí Minh, có lần mời các bí thư tỉnh ủy lên chỉ thị về việc tổ chức cho người Hoa ở Thành Phố Hồ Chí Minh đi nước ngoài". Chính vì cách làm này mà tuy con số người Hoa ở Thành Phố Hồ Chí Minh ra đi chỉ "phối kiểm" được trên 10.000 người, nhưng theo Ban 69, thực tế đi được "khoảng 70.000 người".

Kết quả kiểm tra của Ban 69 cho thấy có một sự khác biệt rất lớn giữa báo cáo của Bộ Nội vụ và thực tế thực hiện Phương án II. Báo cáo của Bộ nội vụ nói rằng: "Từ tháng 8-78 đến 6-79, mười lăm tỉnh, thành đã cho người Hoa đi nước ngoài bằng tàu, thuyền gồm 156 chuyến với số người là 59.329 người, đã thu 5.612 kg vàng, năm triệu đồng Việt Nam, năm mươi bảy ngàn đô la Mỹ, 235 ô tô, 1.749 nhà và gian nhà". Nhưng, số liệu sau khi Ban 69 kiểm tra cho thấy: "Số tàu đã cho đi: 533; Số người đã đi: 134.322; Thu vàng: 16.181kg; Ngoại tệ: 164.505 đô la; Tiền ngân hàng VN: 34.548.138 đồng; Một số tài sản khác: 538 ô tô, xe du lịch; 4.145 nhà và gian nhà"[217].

Báo cáo của Ban 69 nhận xét: "Tuy đối tượng cần đưa đi ở các tỉnh trước hết là Thành phố Hồ Chí Minh chưa giải quyết hết yêu cầu, việc phối hợp đưa 70 ngàn người Hoa ở Thành Phố Hồ Chí Minh trong tổng số gần 140 ngàn người Hoa đã đi là một thành tích lớn. Việc thu vàng và tài sản của PA2 cũng là một thành tích rất lớn". Tuy nhiên, qua kiểm tra, Ban 69 "đã rút ra được một số kinh nghiệp về nguyên tắc lãnh đạo, nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt nội bộ Đảng cũng như trong tổ chức thực hiện và công tác quản lý của chính quyền". Theo đó, "khuyết điểm bao trùm" gồm: "Về chính trị nhiều nơi xét duyệt danh sách không thẩm tra xác định để lọt người Việt, người không đối tượng cho đi mà kẻ địch đang tìm mọi cách tổ chức, sử dụng để thực hiện âm mưu lâu dài là đánh phá trở lại chúng ta. Các địa phương phối kiểm chưa chặt số người Hoa ở tỉnh khác đến đăng ký đi ở tỉnh mình".

Đặc biệt, theo Báo cáo của Ban 69: "Nhiều tỉnh vận động cho người đi nước ngoài, khi họ xuống tàu rồi tổ chức bắt thu tài sản (Bến Tre, Quảng Nam-Đà Nẵng). Nhiều tỉnh cho đi sau khi có lệnh cấm tháng 5-79 (Minh Hải, Đồng Nai, Bến Tre, Cửu Long, Nghĩa Bình, Phú Khánh, Long An, Sông Bé) do nặng vì lợi ích chính trị và kinh tế của địa phương... Về khách quan do địch tích cực phá hoại mua chuộc. Nhưng về chủ quan do ta quản lý không chặt chẽ về tư tưởng và do cán bộ hư hỏng. Một số cán bộ công an, cán bộ các ngành có liên quan đến PA2 có sai phạm. Trong lực lượng vũ trang ở mười bốn tỉnh đã có 105 sĩ quan từ thượng tá đến chuẩn úy vi phạm (kể cả chống bắt vượt biên)".

Theo Ban 69 thì Bộ Nội vụ "quy định chế độ, nguyên tắc, quyền hạn không chặt chẽ, làm cho một số cán bộ tham ô, hối lộ, xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, làm quỹ riêng địa phương, buôn bán với nước ngoài, gây thất thoát lớn". Báo cáo của Ban 69 cho biết: "Sau khi Bộ Nội vụ tổ chức rút kinh nghiệm và hướng dẫn mức đóng nghĩa vụ thống nhất vào ngày 20-11-1978, nhiều địa phương không chấp hành đúng. Người ra đi có khả năng đóng góp mà ta chưa tích cực thu cùng một quy định của Bộ Nội vụ, có địa phương thu đủ, có địa phương thu không đủ. Bọn trung gian, đầu mối, thu của người đi nhiều nhưng nộp cho ta ít. Tính hết các khoản trên đây thì chỉ số thất thoát cũng gần bằng số thu được. Con số thất thoát lớn chưa từng thấy… Là công cụ sắc bén của Đảng, của lực lượng chuyên chính vô sản, nhưng tính tổ chức kỷ luật của cán bộ công an làm Phương án II rất yếu: quá trình thực hiện PA2 cấp dưới không báo cáo đầy đủ lên cấp trên; không sơ tổng kết; báo cáo gian dối… Một số cán bộ chủ chốt ở các ty công an sai phạm, cán bộ và lực lượng ngành một số hư hỏng, thoái hóa, tham ô tập thể khá rõ, có nhiều dư luận xấu, nội bộ nghi ngờ nhau. Kẻ địch, phần tử xấu đả kích lực lượng chính quyền vô sản".

Một số "vấn đề nổi lên" khi thực hiện Phương án II, được Ban 69 chỉ ra trong Báo cáo: "Đối tượng cần đưa đi chưa đưa đi hết. Để lọt người Việt trốn đi, một số nơi đã kiểm tra cho thấy: Bến Tre có 81 người Việt; Phú Khánh có 466 người Việt; Thuận Hải, 29 người Việt; Nghĩa Bình có 32 người (mới kiểm tra ở hai phường); Quảng Nam-Đà Nẵng, 2; An Giang, 8; Cửu Long, 43; Sông Bé, 30. Thả can phạm đang bị giam để cho đi, không trao đổi để có sự nhất trí với các cơ quan tòa án và viện kiểm soát nhân dân cùng cấp: Hậu Giang, 17; Phú Khánh, 22; Đồng Nai, 63;

Minh Hải, 80; Bến Tre, 11; Quảng Nam-Đà Nẵng, 40. Danh sách không được thẩm tra kỹ, chủ yếu dựa vào tự khai của chủ tàu. Số ở TP Hồ Chí Minh đăng ký đi ở các tỉnh, các tỉnh không phối hợp thẩm tra: 70.000 người Hoa ở TP Hồ Chí Minh đã đi mới phát hiện được 10.000 người".

Đặc biệt, theo Ban 69, "nguy hiểm ở chỗ không xét duyệt kỹ để lọt đối tượng ra đi rồi trở lại hoạt động (ở Minh Hải, tháng 6-79 có 60 người xuất cảnh sang Mã Lai, sau 20 ngày lại trở về) cho đại diện móc tàu nước ngoài không quản lý hết để nó móc nối tổ chức đường dây đưa người vào, người ra (TPHCM), để lọt hộ của Hồ Thị Út có quan hệ đến chỉ đạo của bọn ở Hong Kong (Bến Tre). Việc miễn giảm không được tập thể Ban chỉ đạo PA2 thông qua, hầu hết các nơi đều miễn giảm cho trẻ em từ 4 tuổi đến 12 tuổi có nơi còn giảm cho người 15 tuổi. Sửa tuổi để miễn giảm đóng nghĩa vụ: Hậu Giang, 179 trường hợp; Bến Tre 102; Cửu Long 20… Công an đốt xé, sửa đổi sách vì gian dối số tàu, người, vàng, tiền: Hậu Giang, Kiên Giang, Ninh Hải, Bến Tre, Nghĩa Bình, Đồng Nai, Phú Khánh, Thuận Hải, Quảng Nam-Đà Nẵng. Dùng nghiệp vụ để đối phó với kiểm tra: bắt một số người để bịt đầu mối như Kiên Giang, Minh Hải".

Có nhiều trường hợp "giữ tiền Phương án II làm của riêng. Nghiêm trọng hơn, phòng bảo vệ chính trị Ty Công an tỉnh An Giang đã cấp biển xe, chứng nhận họ là nhân viên nhà nước, làm giấy ký hợp đồng với họ về việc tổ chức để cho người Hoa đi lại hoạt động. Cấp bao nhiêu giấy chưa rõ, hậu quả của nó chưa lường hết được". Theo Ban 69, "một số nơi có nhận văn bản 244, có được phổ biến nhưng không thu đúng quy định của Bộ Nội vụ gây thất thu như: Hậu Giang, 4.866 lượng; Minh Hải, 48.195 lượng; Bến Tre, 3.789 lượng; Cửu Long, 27.000 lượng; Nghĩa Bình, 27.000 lượng; Phú Khánh, 10.987 lượng; Thuận Hải, 1.220 lượng; An Giang, 1.445 lượng". Theo Báo cáo của Ban 69, Ban đã phát hiện ra một số cơ quan cấp tỉnh lập quỹ đen trái phép[218].

Vụ Cát Lái

Đặc biệt, báo cáo của Ban 69 cho biết: "Do kiểm tra không chặt chẽ về công tác bảo đảm an toàn, đã có chín tàu bị tai nạn chết 902 người: Đồng Nai, một tàu; Bến Tre, một tàu, chết năm mươi bốn người; Sông Bé, một tàu hư, tàu Liên Xô kéo vào; Tiền Giang, ba tàu, chết 504 người; Long An, một tàu, chết ba mươi tám người;

Thành phố Hồ Chí Minh, một tàu, chết 227 người; Nghĩa Bình, một tàu, chết bảy mươi tám người".

Vụ chìm tàu Phương án II chết hàng trăm người ở Thành phố xảy ra vào giữa năm 1979, gần bến phà Cát Lái, Thủ Đức, nhưng gần như rất ít người sống ở Sài Gòn vào thời bấy giờ nghe nói tới câu chuyện đau lòng này. Đại tá Phạm Ngọc Thế, khi ấy là phó Phòng Hậu cần Công an Thành phố, người đảm trách việc tìm xác và chôn cất các nạn nhân, kể: Hôm ấy là ngày thứ 7, đúng giờ G, chủ tàu bắc loa kêu những người đã có danh sách ra đi xuống tàu. Đêm hôm trước họ đã bí mật tập kết ở xung quanh đó, công an canh phòng cẩn mật cho họ ở vòng ngoài. Vì ai cũng sốt ruột chờ đón giây phút ấy nên hàng trăm người tranh nhau xuống tàu rất nhanh. Tàu có ba tầng, những người mua chỗ ở tầng dưới, rẻ hơn, khi tàu chưa chạy thấy ngột ngạt quá leo lên, ngồi cả trên mui, khiến cho con tàu chòng chành. Càng chòng chành, họ lại càng chạy qua, chạy lại, khiến cho tàu nghiêng hẳn và nhanh chóng bị chìm. Ông Thế nói, nếu con tàu ấy không chìm tại bến thì khi ra khơi nó cũng sẽ không chịu nổi vì nó vốn chỉ là một chiếc tàu kéo.

Trên thực tế, nói Phương án II là do công an tổ chức, nhưng gần như mọi việc từ thu tiền, mua tàu đều khoán hết cho "Ban liên lạc những người ra đi bán hợp pháp". Theo Đại tá Thế, họ nghĩ một con tàu có thể kéo được hàng chục chiếc ghe thì cũng có thể chở được hàng trăm người, nên họ mua và thiết kế lại trong ba tháng. Con tàu dài khoảng 30m, rộng 10m, khoang chứa đá giữ cân bằng được sửa lại để trữ nước, thay máy, thay cấu trúc các khoang. Đóng xong, nhìn con tàu có vẻ rất ngon, nhưng nó cứ như là một cái hột vịt. Khi chìm, tàu chúi xuống, cắm mũi xuống bùn, những người đã chui vô khoang không có cách nào để ra. Phần lớn những người đi trên chuyến tàu này, kể cả trưởng tàu, đều là người Hoa làm nghề buôn bán, không hề có chút kinh nghiệm sông nước gì.

Theo Đại tá Phạm Ngọc Thế thì khi ấy Thành ủy phải điều hai cần cẩu sáu mươi tấn từ Vũng Tàu vô để "kéo rị rị từng chút". Cũng phải tới ngày thứ ba thì mới đưa tàu lên được. Con số người chết theo báo cáo của Ban 69 là 227 người. Theo Đại tá Phạm Ngọc Thế: "Có khoảng hơn bốn mươi người sống sót. Cứ mỗi cái xác được đưa ra, chúng tôi chỉ dám để hai mươi phút để bộ phận nghiệp vụ lấy dấu tay rồi chuyển qua ngay cho bộ phận mai táng, vì đã bắt đầu nặng mùi. Cứ hàng chục xác

một được xếp lên xe, phủ bạt, rồi chạy từ Cát Lái về mai táng ở khu đất cách đấy chừng ba cây số”.

Đại tá Phạm Ngọc Thế kể: “Chúng tôi vét sạch hòm ở các quận. Khâm liệm xong vẫn còn dư mấy cái vì có bốn trường hợp phải chôn đôi bởi các bà mẹ trước khi chết ôm chặt lấy con mà chúng tôi thì không nỡ tháo khớp tay họ ra để chia lìa tình mẫu tử”. Ông Thế nói: “Thành ủy ra lệnh cho chúng tôi chôn cất họ rất chu đáo ở một khu vực cách cầu Giồng Ông Tố, Thạnh Mỹ Lợi, khoảng 500m”. Theo ông Thế thì những người sống sót cũng cứ như mất hồn vì chứng kiến xác người thân của mình đang trương lên, phải khó khăn lắm mới đưa ra được khỏi con tàu đã chìm ba, bốn ngày dưới nước.

Tuy gây ra những hậu quả như vậy nhưng Phương án II vẫn “là một chủ trương lớn của bộ chính trị, nhiệm vụ mới mẻ, phức tạp, có quan hệ đối nội, đối ngoại, tiến hành trong thời điểm có chiến tranh biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc. Thù trong giặc ngoài, bọn phản động quốc tế tìm mọi cách đánh phá ta trên mọi lĩnh vực, do tính chất bí mật, không phổ biến rộng, chỉ giao phó Bộ Nội vụ tổ chức thực hiện”. Vì thế, Ban 69 đề nghị “thành công và thiếu sót đều phải được đánh giá trong điều kiện lịch sử đó”. Ban 69 cũng lưu ý: “Việc thực hiện PA2 hầu hết đều thuộc các Đảng bộ Miền Nam. Nếu cứ có sai phạm là kỷ luật thì các đồng chí lãnh đạo chủ chốt, các cấp ủy ở Miền Nam phải chịu. Nếu việc xử lí kỷ luật nhiều cấp ủy, nhiều đồng chí chủ chốt ở các Đảng bộ Miền Nam thì trong lịch sử Đảng ta sẽ để lại một ấn tượng cho thế hệ mai sau. Vì vậy việc xử lý kỷ luật trong thực hiện PA2 cần được cân nhắc theo tính chất đặc biệt của nó”.

Chương V: Chiến tranh

Mặc dù từ giữa năm 1977, Pol Pot bắt đầu được nói tới như những bóng ma áo đen, đêm đêm cầm dao quắm lẻn sang giết chóc dọc biên giới Tây Nam, nhưng người dân Việt Nam vẫn sững sờ khi ngày 25-1-1978, tình trạng chiến tranh được Chính phủ công khai thừa nhận. Kể từ khi Hồ Chí Minh đọc tuyên ngôn độc lập, đất nước trải qua ba mươi năm chiến tranh liên tiếp chiến tranh. Chưa kịp hưởng một ngày thực sự yên vui, trai tráng lại phải khoác lên vai cây súng, lần này là đánh nhau với những "người anh em" Cộng sản.

Biên giới Tây Nam

Ngày 25-1-1978, tại Thành phố Hồ Chí Minh, ông Ngô Điền, vụ trưởng Vụ Thông tin Báo chí Bộ Ngoại Giao, chủ trì họp báo, cho biết nhà cầm quyền Campuchia đã huy động phần lớn lực lượng quân đội của họ đến đóng dọc biên giới, mở những cuộc tiến công quy mô tiểu đoàn, trung đoàn, rồi sư đoàn vào sâu trong lãnh thổ Việt Nam. Cuộc họp báo của ông Ngô Điền diễn ra bốn ngày sau khi Khmer Đỏ kết thúc một cuộc tấn công kéo dài trên vùng biên giới Tây Nam.

Từ ngày 11 đến 19-1-1978, ba trung đoàn Khmer Đỏ đã đánh vào vùng Tịnh Biên, Phú Cường ở bờ đông kênh Vĩnh Tế, sâu hơn 3km trong lãnh thổ Việt Nam. Ngày 18-1-1978, hai trung đoàn khác đã tiến công lấn chiếm khu vực Giang Thành, thuộc huyện Hà Tiên, Kiên Giang. Trong ngày 21-1-1978, ba tiểu đoàn Khmer Đỏ chiếm Rộc Xây, một khu vực ở sâu trong đất Việt Nam từ 10-12km. Ông Ngô Điền nói: "Nghiêm trọng là ngày 19-1-1978, lần đầu tiên họ (Pol Pot) dùng pháo tầm xa cỡ lớn đặt trên đất Campuchia bắn hàng trăm quả đạn vào thị xã Châu Đốc và vùng chung quanh thị xã Tây Ninh làm chết và bị thương nhiều người, phá hoại nhà cửa và tài sản của nhân dân Việt Nam"[219].

Ông Điền đặc biệt lưu ý: "Lực lượng vũ trang Campuchia không chỉ tàn sát người Việt Nam mà còn tàn sát một số người Campuchia dọc biên giới, mổ bụng, moi gan rồi quay phim chụp ảnh nhằm mục đích vu cáo Việt Nam". Hai tù binh Khmer Đỏ do ông Ngô Điền đưa đến cuộc họp báo đã "thừa nhận những hành động của Pol Pot" và tiết lộ: "Ban chỉ huy trung đoàn nói với chúng tôi rằng, Việt Nam muốn xâm lược

Campuchia, Việt Nam là kẻ thù số một”[220]. Khmer Đỏ đã khai chiến một ngày sau khi họ chiếm được Phnom Penh.

Ngày 18-4-1975, ngay sau khi Khmer Đỏ chiếm được thành phố Ta Keo, Soeun, chỉ huy trung đoàn 120, đã cho triển khai quân dọc biên giới Việt Nam. Seoun, con rể của Ta Mok, tư lệnh quân đội Khmer Đỏ, tuyên bố: “Chúng ta phải đánh Việt Nam vì mười tám tỉnh của chúng ta, kể cả Prey Nokor (Sài Gòn) đang ở đó”. Ngày 19-4-1975, một người con rể khác của Ta Mok, Khe Muth, đã cho hải quân đổ bộ lên đảo nhỏ thuộc vịnh Thái Lan và tấn công đảo Phú Quốc.

Quân đội Sài Gòn đã phải chiến đấu với quân của Khe Muth cho tới tận ngày 30-4-1975. Ngày 1-5-1975, Khmer Đỏ quấy rối nhiều nơi dọc theo biên giới từ Tây Ninh đến Hà Tiên. Ngày 4-5-1975, một lực lượng đổ bộ lên đảo Phú Quốc, nhưng đã bị Quân đội Nhân dân Việt Nam, vừa thay thế Quân đội Sài Gòn, đánh đuổi. Ngày 10-5-1975, Pol Pot cho quân đổ bộ lên quần đảo Thổ Chu, triệt phá làng mạc, bắn giết và bắt đi 515 người.

Ông Phạm Văn Trà, khi ấy là trung đoàn trưởng Trung đoàn U Minh, đơn vị trực tiếp đánh chiếm đảo Phú Quốc và Poulo Vai từ tay Khmer Đỏ, kể: “Hàng trăm ngư dân của ta sinh sống lâu nay ở trên đảo Phú Quốc, thấy tàu đổ quân Pol Pot lên bờ lại nghĩ là quân Giải phóng, không đề phòng và không kịp chạy, liền bị chúng bắt ngay lập tức. Chỉ những ai đi vắng mới thoát nạn. Lính Pol Pot tập trung tất cả thường dân vô tội, xả súng bắn chết rồi hất xác xuống biển”[221].

Ngày 2-6-1975, ông Nguyễn Văn Linh, đại diện cho Đảng Lao động Việt Nam tới Phnom Penh gặp Bí thư Pol Pot. Trong chiến tranh, hai người đã từng biết nhau và tại cuộc gặp này, Pol Pot nói: “Quân đội Campuchia do không nắm được địa lý nên đã để xảy ra va chạm đổ máu rất đau xót”[222]. Pol Pot nói vậy, nhưng mãi cho tới ngày 6-6-1975, khi Quân đội Việt Nam tiến đánh, bắt sống sáu trăm tù binh, Khmer Đỏ mới bỏ chạy và bị truy đuổi tới một hòn đảo mà phía Việt Nam gọi là Hòn Trọc, phía Campuchia gọi là Poulo Vai.

Một tuần sau, Pol Pot, Nuon Chea và Ieng Sary viếng thăm Hà Nội, đề nghị Việt Nam ký một “hiệp ước hữu nghị, tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau”. Do Pol Pot lồng vào vấn đề ranh giới trên vịnh Thái Lan nên lúc đó “hiệp ước” chưa được ký.

Từ trung tuần tháng 5-1975, Bộ Chỉ huy chiến dịch giải phóng các đảo mà phía Việt Nam gọi là Hòn Ông, Hòn Bà, phía Campuchia gọi là Poulo Wai, được thành lập. Poulo Wai nằm cách thị xã Rạch Giá 220km và cách An Thới, Phú Quốc 113km về phía tây. Hòn Ông cao năm mươi mốt mét, Hòn Bà cao sáu mươi mốt mét, nằm song song, cách nhau ba cây số, diện tích tương đương nhau. Mỗi đảo có một bãi cát vàng; còn lại bốn bề của đảo đều là vách đá dựng đứng. Quân đội Sài Gòn từng xây trên đảo Hòn Bà một cây đèn biển và một sân bay dã chiến, chủ yếu cho trực thăng và máy bay trinh sát L.19 đậu. Trung đoàn U Minh được giao đánh chiếm Poulo Wai trong vòng hai đến ba ngày. Mặc dù được trang bị tàu há mồm và có sự hiệp đồng tác chiến của máy bay ném bom A.37, trực thăng vũ trang và máy bay trinh sát L.19, nhưng do lực lượng Pol Pot chiếm đảo sử dụng hỏa lực mạnh nên chiến sự kéo dài từ ngày 5-6-1975 cho đến sáng 14-6-1975, Trung đoàn U Minh mới làm chủ hoàn toàn hai đảo, bắt sống 782 lính Khmer Đỏ[223].

Ngày 2-8-1975, đích thân Bí thư Thứ nhất Lê Duẩn đến Phnom Penh, ký với Pol Pot một bản thông cáo chung. Phía Việt Nam đồng ý trả lại Poulo Wai cho Campuchia. Ngày 4-8-1975, khi Nuon Chea, phó bí thư Trung ương Đảng Campuchia, tới Hà Nội, ông ta được Nguyễn Văn Linh thông báo: "Lực lượng vũ trang Việt Nam không còn ở đảo Trọc nữa". Nuôn Chea nói: "Vấn đề đảo Wai, thay mặt Đảng, chúng tôi xin cảm ơn sâu sắc". Nhưng khi ông Linh thắc mắc về số phận của 515 người dân Thổ Chu bị Khmer Đỏ bắt đi hôm 10-5-1975, Nuôn Chea chỉ hứa: "Sẽ giải quyết"[224]. Từ đây, sẽ không ai còn được nghe nói tới số phận của 515 người dân Việt Nam này.

Tháng 4-1976, hai đảng Campuchia và Việt Nam thỏa thuận sẽ có cuộc gặp vào tháng 6 năm đó giữa lãnh đạo cấp cao để bàn bạc giải quyết vấn đề biên giới, tạo tiền đề cho việc ký kết về mặt nhà nước một hiệp ước về biên giới[225]. Cuộc đám phán gần như không đạt được kết quả nào, nhưng ngày 23-5-1976 trong thư gửi Bộ Chính trị Đảng Lao động Việt Nam, Nuon Chea vẫn dùng những lời lẽ thắm thiết: "Công việc của hai đoàn chúng ta trong thời gian qua đã đạt được thắng lợi lớn, củng cố và phát triển hơn nữa tình đoàn kết chiến đấu… Hai đoàn chúng ta đã hiểu biết, thông cảm với nhau và hết sức chân thành trên tinh thần là bạn chiến đấu là anh em cách mạng"[226].

Khmer Đỏ cho đến lúc bấy giờ vẫn được gọi là đồng chí, và Hà Nội đã không phân tích đúng mức các báo cáo của bộ đội biên phòng lúc bấy giờ. Theo ông Ngô Điền: "Năm 1978, tôi đưa đoàn nhà báo nước ngoài đến vùng biên giới An Giang và Tây Ninh, bản thân tôi sững sờ, ghê tởm trước hành động dã man của bọn diệt chủng. Về Hà Nội, tôi gặp anh Phạm Văn Xô, ủy viên Trung ương Đảng. Khi ở Trung ương Cục miền Nam anh thường được giao liên hệ với bọn Pol Pot - Ieng Sary. Tôi thuật lại cho anh những điều mắt thấy tai nghe về tội ác của Pol Pot. Cho đến lúc đó, anh Hai Xô vẫn còn cho rằng những tội ác đấy có thể do chủ trương của lãnh đạo địa phương"[227].

Chỉ trong năm tháng đầu tiên sau ngày Pol Pot cầm quyền, đã có hơn 150 nghìn người từ Campuchia chạy sang tị nạn tại các tỉnh biên giới Việt Nam; trừ những người gốc Việt, hàng chục nghìn người Hoa và người Khmer đã bị buộc quay trở lại. Số phận của họ, cũng như của hàng triệu người Campuchia khác, được tin là đã bị các Angkars đặt dưới dao, dưới búa[228]. Hàng trăm người thân của những người Khmer Issarak tập kết ra miền Bắc Việt Nam, trở về gia nhập Khmer Đỏ từ năm 1970, cũng đã bị giết khi đến Campuchia tìm chồng, cha, sau ngày "Phnom Penh giải phóng".

Pol Pot

Cuối tháng 7-1976, lần đầu tiên một đoàn nhà báo nước ngoài được phép đến Campuchia. Đoàn do ông Trần Thanh Xuân, phó tổng giám đốc Thông tấn xã Việt Nam, dẫn đầu.

Tuy vẫn rất lịch lãm, thân thiện và tỏ rõ "tình hữu nghị giữa hai dân tộc", nhưng trong suốt quá trình làm việc, Pol Pot vẫn giữ tư thế nguyên thủ quốc gia với ông Xuân. Không ai biết, trong thời gian học đại học ở Paris, cũng như nhiều người Khmer cộng sản khác, Pol Pot thường xuyên đến nhà ông Xuân, có khi chỉ là để lục cơm nguội. Ở Paris, nhà ông Xuân được những người Khmer coi như một cơ sở của Đông Dương Cộng sản Đảng. Cử chỉ riêng tư duy nhất mà ông ta thể hiện là trước khi chia tay đoàn nhà báo, Pol Pot ghé tai ông Xuân hỏi nhỏ: "Chị có khỏe không anh?".

Thời thơ ấu, Pol Pot được mô tả là một cậu bé nghiêm túc học hành thay vì tham gia các trò chơi với bạn bè cùng lứa. Cha mẹ Pol Pot, một phú nông ở vùng Kongpong Thom, "có sáu con trâu và chín hecta ruộng". Pol Pot - đứa con út của

họ, sinh ngày 19-5-1925 với tên gọi là Saloth Sar - thay vì làm ruộng ở quê nhà, đã được đưa đến Phnom Penh, nơi chị gái đang là một cung nữ và anh trai đang làm việc trong ban nghi lễ Hoàng cung thời vua Monivong.

Sau một năm sống trong môi trường khép kín của Hoàng gia, cậu bé Saloth Sar bắt đầu sáu năm trong một trường dòng quý tộc. Năm mười sáu tuổi, Saloth Sar quay lại Kongpong Thom học trung học. Lúc ấy, Phnom Penh đang náo động bởi các phong trào đòi độc lập của giới thanh niên học sinh. Thành phố lớn nhất mà Saloth Sar đặt chân tới là Sài Gòn, chặng nghỉ trước khi xuống tàu sang Pháp sau khi nhận được học bổng học ngành vô tuyến điện. Năm 1949, tới Paris, Saloth Sar bắt đầu hoạt động cho dù được người anh trai làm việc ở Hoàng cung khuyên là không nên dính dáng tới chính trị. Tại đây, Saloth Sar gặp Yeng Sary, một sinh viên người Khmer sinh ra ở Việt Nam.

Trong đám cưới của Yeng Sary với Khieu Thirith - một sinh viên đang học về văn chương Anh tại Sorbonne - Saloth Sar đã gặp và sau đó cưới Khieu Ponnary, chị gái Thirith. Họ cùng tham gia phái bộ Campuchia trong Đảng Cộng sản Pháp. Trong thời gian đó, chàng sinh viên Saloth Sar vẫn được coi là một con người lịch lãm, khiêm tốn. Bạn bè có cảm giác cậu ta không giết nổi ngay cả một con gà.

Tháng 1-1953, Saloth Sar trở về Campuchia vì bị cắt học bổng sau ba năm liên tiếp thi rớt. Những ngày đó, Sihanouk vừa ra lệnh thiết quân luật, trấn áp phong trào đòi độc lập đã trở nên cực đoan ở Phnom Penh. Sar theo anh trai, Saloth Chhay, bắt liên lạc với tổ chức cộng sản tại Campuchia. Sau khi xác minh đúng Saloth Sar đang là đảng viên Đảng Cộng sản Pháp, Phạm Văn Ba - một đảng viên người Việt Nam - đồng ý cho anh ta sinh hoạt trong Đảng Nhân dân Cách mạng Khmer.

Sau Đại hội lần thứ II - tháng 2-1951, Đảng Cộng sản Đông Dương đổi tên thành Đảng Lao động Việt Nam - những người cộng sản Lào, Khmer trong năm ấy đã được giúp đỡ để lập ra đảng riêng. Ngày 21-9-1951, Lê Đức Thọ và Nguyễn Thành Sơn triệu tập các đảng viên người Khmer có mặt ở Việt Bắc tổ chức Đại hội thành lập Đảng Nhân Dân Cách mạng Khmer; Anchar Mean, người được biết nhiều với cái tên Việt Nam là Sơn Ngọc Minh, được cử làm chủ tịch.

Sơn Ngọc Minh là người sáng lập Phong trào Isarak năm 1948, một phong trào có ảnh hưởng trên địa bàn bốn tỉnh gần Việt Nam. Tuy nhiên, các tổ chức cộng sản

trên đất Khmer lúc ấy vẫn được lãnh đạo bởi những đảng viên người Việt. Saloth Sar và một số đảng viên đã từng du học ở Pháp về được đưa vào sinh hoạt trong một chi bộ phần lớn là đảng viên Việt Nam và do một người Việt làm bí thư. Những người Khmer này thường chỉ được các đàn anh Việt Nam giao những công việc tạp vụ; điều này đã để lại cho họ nhiều ấn tượng không tốt.

Người Pháp trao trả độc lập cho ông hoàng Sihanouk từ năm 1953. Chính phủ Hoàng gia đã ngăn cản việc Hiệp định Geneva dành cho những người Khmer Cộng sản có được một vùng "tập kết" như những người kháng chiến Issara của Lào. Hơn 1.000 đảng viên người Khmer được đưa ra miền Bắc Việt Nam vào năm 1954, trong đó có Sơn Ngọc Minh. Những đảng viên ở lại hoạt động bí mật dưới quyền của Sieu Heng và Tou Samouth, chịu sự truy lùng gắt gao của chính quyền Sihanouk. Năm 1959, Sieu Heng đầu hàng, nhiều cơ sở Đảng bị đàn áp.

Tháng 9-1960, Đảng Nhân dân Cách mạng Khmer tổ chức đại hội bầu Tou Samouth, một người có quan hệ tốt với miền Bắc Việt Nam, làm bí thư. Nhưng, năm 1962, Tou Samouth đã "mất tích" khi vừa từ Hà Nội về; Pol Pot, khi ấy đang là phó bí thư, đương nhiên trở thành bí thư. Thế hệ những người Khmer Cộng sản gốc nông dân và các Phật tử ủng hộ những người cộng sản Việt Nam bắt đầu được thay thế bởi những người đã từng du học ở Paris, nuôi tinh thần chống Việt Nam, cho dù khi ấy Khmer Đỏ phải dạt về vùng rừng núi giáp Việt Nam và phải dựa vào những người Việt Nam Cộng sản.

Đi dây

Norodom Sihanouk được coi là một "ông hoàng đi dây". Tuy nhiên, trong nửa cuối thế kỷ 20, không chỉ có ông - vị vua của một một quốc gia thờ thần bốn mặt - các bên dính líu đến cuộc chiến tranh Việt Nam đều có những mối quan hệ phức tạp với nhau. Trong khi trục lợi vai trò trung lập của Phnom Penh, tất cả đều để mặc cho Pol Pot phát triển nhanh phong trào Khmer Đỏ.

Kể từ khi người Việt mở mang bờ cõi xuống phía Nam, nhà Nguyễn bắt đầu nhìn thấy vị trí chiến lược của Lào và Campuchia đối với an ninh quốc gia. Hoàng đế Minh Mạng đã từng coi Campuchia là "phên dậu" trong thế chống lại quân Xiêm. Người Pháp cũng đã không dừng tham vọng thuộc địa của họ ở Việt Nam mà đưa quân ngược dòng Mekong, đến Lào, Campuchia, rồi gộp chung ba quốc gia khác biệt về văn hóa thành một xứ gọi là Đông Dương. Trong chiến tranh chống Pháp,

Đại tướng Võ Nguyên Giáp coi "Đông Dương là một đơn vị chiến lược, là một chiến trường". Khi miền Bắc xác định, "bạo lực" là "đường lối của cách mạng miền Nam", một con đường men theo lãnh thổ Lào, Campuchia - thường được gọi là đường mòn Hồ Chí Minh - bắt đầu được thiết lập.

Người Mỹ biết rất rõ miền Bắc Việt Nam sử dụng các căn cứ ở Hạ Lào và ở Campuchia như một bàn đạp cho các cuộc tấn công vào miền Nam Việt Nam. Khi chưa chính thức vào Nhà Trắng, Nixon đã yêu cầu "báo cáo chính xác về những gì kẻ địch có ở Campuchia", đồng thời đặt ra mục tiêu "phá hủy các căn cứ được xây dựng ở đó". Người Mỹ cũng biết khá chính xác việc miền Bắc sử dụng cảng Sihanoukville để nhận vũ khí từ Liên Xô.

Trong thập niên 1960, Sihanouk đã khá thẳng tay với Cộng sản, Chính phủ Hoàng gia tuyên án tử hình vắng mặt Saloth Sar; năm 1967, ba bộ trưởng cánh tả - Khieu Samphan, Hou Youn, Hu Nim - đã phải bỏ vào rừng với Khmer Đỏ. Nhưng Sihanouk lại là "bạn thân" với Bắc Kinh và Hà Nội. Ông làm ngơ cho miền Bắc Việt Nam lập căn cứ trên lãnh thổ của mình. Mối quan hệ khăng khít của Sihanouk với Hà Nội, Bắc Kinh và các quốc gia trong Phong trào không liên kết đã gây lo ngại cho Việt Nam Cộng hòa. Tổng thống Ngô Đình Diệm được nói là đã ủng hộ lãnh tụ đối lập Sam Sary và giúp đỡ cuộc nổi loạn của Tướng Dap Chuon. Đại sứ Việt Nam Cộng hòa Ngô Trọng Hiếu từng bị cáo buộc đứng sau lưng một vụ mưu sát Sihanouk bằng bom.

Tháng 8-1963, Sihanouk cắt quan hệ ngoại giao với miền Nam Việt Nam và sau đó từ chối viện trợ kinh tế, quân sự của Mỹ. Tháng 5-1965, Sihanouk cắt quan hệ với Mỹ và sang tháng 6-1965, ông công khai ủng hộ Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam.

Miền Bắc Việt Nam đánh giá cao vai trò của Hoàng thân Sihanouk tới mức, cuối năm 1964, khi Pol Pot theo đường mòn Hồ Chí Minh ra Hà Nội, ông ta đã được đề nghị ủng hộ chính sách "chống ngoại bang" của ông Hoàng. Pol Pot đã ghi điều này vào "sổ đen" như một bằng chứng các đồng chí Việt Nam đã không hết lòng với ông ta. Mục tiêu của Pol Pot không phải là chống Mỹ mà là cầm quyền, nhưng làm sao có thể cầm quyền khi Chính phủ Hoàng gia vững mạnh.

Từ Hà Nội, Pol Pot đến Bắc Kinh và ở lại đây năm tháng. Thời gian đó, Cách mạng Văn hóa đang ngự trị đất nước Trung Hoa. Pol Pot chia sẻ nhiều mục tiêu của

cuộc cách mạng này và nhận ra sự khác biệt trong con đường cách mạng của Pol Pot và Hà Nội. Từ đầu năm 1968, Khmer Đỏ bắt đầu tiến hành những hoạt động du kích lẻ tẻ, bắt cóc, phục kích nhắm vào các quan chức trong Chính quyền Sihanouk. Một số cuộc nổi dậy do Pol Pot tổ chức ở nông thôn bị Sihanouk khủng bố tàn khốc. Du kích Khmer Đỏ xin Việt Nam vũ khí để tự vệ, nhưng phía Việt Nam không thể đáp ứng vì khi ấy miền Bắc đang cần Sihanouk.

Sihanouk, tất nhiên, phức tạp hơn rất nhiều so với những gì mà các bên đánh giá. Một mặt, ông làm ngơ cho miền Bắc lập các căn cứ trên đất Campuchia; mặt khác, ngày 10-1-1968, khi gặp Chester Bowles, phái viên của Tổng thống Mỹ Johnson, Sihanouk nói: "Chúng tôi không muốn có người Việt Nam nào ở Campuchia. Chúng tôi sẽ rất vui mừng nếu các ngài có thể giải quyết được vấn đề này. Chúng tôi không phản đối việc truy tìm ráo riết ở những vùng bỏ hoang. Các ngài sẽ giải phóng chúng tôi khỏi Việt Cộng"[229].

Nhà Trắng đã "dịch" câu nói này theo nghĩa "Sihanouk mời Mỹ tấn công" vào những căn cứ ấy. Hai tháng sau đợt oanh kích bí mật của Mỹ, ngày 13-5-1969, trong một cuộc họp báo, Sihanouk nói: "Không có ai bị mất nhà cửa hay thiệt mạng trong đợt ném bom này, không có người Campuchia nào cả"[230]. Năm 1969, Sihanouk tìm cách nối lại quan hệ ngoại giao với Washington, nhưng trước khi việc thành, năm 1970, ông bị Lonnol đảo chính.

Ngày 7-1-1970, Sihanouk cùng bà hoàng Monique và tùy tùng gồm mười một người rời thủ đô Phnom Penh. Trong khi ông đang nằm "chữa bệnh béo phì, bệnh máu, và chứng tiểu tiện ra Anbumin" ở châu Âu, tại Phnom Penh, các tướng tá và chính trị gia - những người năm 1963 đã phản đối việc ông từ chối viện trợ kinh tế của Mỹ và sau đó, năm 1965, cắt đứt quan hệ ngoại giao - bắt đầu buộc tội ông bất lực khi để quân đội Bắc Việt Nam "tràn ngập ở vùng biên giới". Ngày 8-3-1970, tại Svay Rieng, một cuộc biểu tình chống Việt Nam nổ ra. Ngày 11-3-1970, khoảng 20.000 thanh niên Campuchia đã cướp phá tòa đại sứ của Bắc Việt Nam tại Phnom Penh.

Lẽ ra, ngày 13-3-1970, Sihanouk phải về Phnom Penh để kiểm soát tình hình, nhưng ông vẫn đến thủ đô Moscow (Liên Xô cũ) theo kế hoạch. Chủ tịch Xô-Viết Tối cao Nikolai Podgorny đã khuyên ông về nước ngay, nhưng Sihanouk đã ở lại đó năm ngày. Ngày 18-3-1970, Quốc hội Campuchia phế truất chức quốc trưởng của ông.

Sihanouk choáng váng khi Thủ tướng Liên Xô Kosygin cho hay tin trên đường tiễn ông ra sân bay. Không ai trong đoàn tùy tùng dám cả gan báo tin này cho ông cả.

Tất nhiên, miền Bắc Việt Nam có bị tổn thất sau cuộc đảo chính. Ông Nguyễn Nhật Hồng, người thanh toán các chi phí bí mật để vận chuyển vũ khí qua ngả Campuchia, xác nhận điều Kissinger viết trong cuốn Ending the Vietnam War: kể từ sau năm 1970, cảng Sihanoukville không còn được miền Bắc dùng để cung cấp vũ khí cho miền Nam nữa. Ông Hồng kể: "Khi Trung Quôć va`Liên Xô xung đột với nhau, đoń cưả biên giơí, hàng hóa từ Liên Xô không thể chuyển bằng tàu liên vâṇ qua biên giới Trung Quốc, miền Bắc phải thuê taù viễn dương chở vũ khí viện trợ của Liên Xô vê`caỉng Sihanoukville. Việc này đươc̣ cả Sihanouk va`Lonnol đồng ý". Đổi lại, một khoản "lót tay" bằng 20% trị giá hàng nhập cảng sẽ được chi cho hai người. Phòng Thanh toán Đặc biệt B29 mở cho Sihanouk và Lonnol mỗi người một tài khoản bí mật ở Thụy Sỹ[231]. Trong những năm 1966-1969, lượng hàng hóa mà miền Bắc Việt Nam chuyển qua cảng Sihanoukville gồm: 20.478 tâń vu˜khi,́ 1.284 tâń quân trang, 731 tâń thuôć men, 65.810 tâń gaọ, 5.000 tâń muôí, và 4.115 tâń thưc̣ phâm̉ hôp̣ va`khô.

Theo ông Nguyễn Nhật Hồng: "Từ năm 1969, Lonnol yêu cầu khoản 10% của ông phải được trả bằng vũ khí. Tôi nghĩ, các nhà phân tích tình báo của ta có thể đoán biết được ý đồ đảo chính của Lonnol khi ông ta lấy súng thay vì lấy tiền". Theo ông Hồng, "khoản thanh toán đặc biệt chi lót đường" này được bản "Báo cáo Tổng kết công tác ngoại hối đặc biệt" do ông Mai Hữu Ích ký ngày 25-11-1979, ghi là "chi phi ́vâṇ tải tuyệt mật", với tổng số tiền lên tới 36.642.653 USD.

Lịch sử dường như đã xếp đặt để ông Hoàng Sihanouk kết thúc một chặng đường chính trị của mình tại Bắc Kinh, nơi vẫn tổ chức đón tiếp ông theo nghi thức của một ông hoàng đang trị vì. Thủ tướng Chu Ân Lai đã ra tận cầu thang máy bay ôm hôn, và phía sau ông, "gần như toàn bộ ngoại giao đoàn" ở Bắc Kinh có mặt. Sau khi lên chiếc xe cắm cờ cả của Campuchia và Trung Hoa, Chu Ân Lai nói với Sihanouk: "Đêm qua, tôi đã cho tất cả các trưởng đoàn ngoại giao biết rằng Chính phủ Trung Quốc vẫn coi ngài là quốc trưởng hợp pháp duy nhất của Campuchia. Tôi cũng cho họ biết là tôi rất mong muốn tất cả các đại sứ có mặt để đón ngài tại sân bay"[232].

Sự tinh tế của người Trung Hoa không dừng ở đấy. Chu Ân Lai đã tặng Sihanouk một dinh thự vào loại đẹp nhất Bắc Kinh. Đồng minh thân cận nhất của Bắc Kinh là Bắc Triều Tiên, cũng chỉ trong vài tháng, xây cho ông Hoàng lưu vong một dinh thự kiểu cung điện nhìn ra mặt hồ. Tại đây, Sihanouk vẫn là một ông vua. Đích thân Kim Nhật Thành thường xuyên mời Sihanouk và thân quyến thịt nướng, trứng cá và rượu vang Pháp. Những phim phương Tây mới nhất mà cha con ông Kim nhập về sau khi xem xong đều chuyển cho Sihanouk mượn. Năm 1991, Sihanouk đã đưa đội sỹ quan cận vệ người Bắc Triều Tiên do Kim Nhật Thành "tặng" về Phnom Penh sử dụng.

Trong cuộc "hội đàm" ngày 19-3-1970, Chu chuyển lời của Mao Trạch Đông nhắn với Sihanouk: "Nếu Hoàng thân không chấp nhận việc đã rồi và quyết định lãnh đạo một phong trào kháng chiến chống Mỹ giải phóng Campuchia thì Trung Quốc sẽ ủng hộ và sẵn sàng trợ giúp những gì có thể"[233]. Tuy nhiên, cả Chu Ân Lai và Mao Trạch Đông khi ấy chưa ai nghĩ đến khả năng bắt tay giữa Pol Pot và Sihanouk. Ngày 21-3-1970, Thủ tướng Phạm Văn Đồng và Bí thư Trung ương Cục Phạm Hùng bí mật tới Bắc Kinh, cả hai thuyết phục Chu Ân Lai và Pol Pot cùng hợp tác.

Hai hôm sau, ngày 23-3-1970, Sihanouk đưa ra "tuyên bố năm điểm", bắt tay với Khmer Đỏ, những người đã từng bị chính ông ta "xử tử hình vắng mặt". Sihanouk cũng tuyên bố sẽ thành lập "quân đội giải phóng" và "mặt trận thống nhất dân tộc", ông đồng thời ca ngợi cuộc đấu tranh chống Mỹ của những người Cộng sản Việt Nam, Lào và Campuchia. Tại Bắc Kinh, "Chính phủ Sihanouk" được cung cấp vật chất và cá nhân ông được chăm sóc như một nguyên thủ quốc gia[234].

Ngày 24-4-1970, Sihanouk được đưa trở về vùng "ba biên giới" để tham gia Hội thảo Thượng đỉnh về các Dân tộc Đông Dương cùng với Thái tử Souvanouvon của Pathet Lào, Chủ tịch Nguyễn Hữu Thọ của Mặt trận Giải phóng Miền Nam, và Phạm Văn Đồng. Khi trở lại Bắc Kinh vào ngày 27-4-1970, Sihanouk ra một tuyên bố chung cam kết "hỗ trợ có đi có lại" trong "cuộc kháng chiến chống kẻ thù chung: Đế quốc Mỹ". Trước đó, lực lượng miền Bắc Việt Nam tại Campuchia đã tổ chức rải truyền đơn và phát lời kêu gọi của Sihanouk, tổ chức tuyển dụng và huấn luyện giúp Sihanouk một lực lượng gọi là Khmer Rumdo.

Kissinger cáo buộc miền Bắc Việt Nam nuôi dưỡng Khmer Đỏ và giúp đỡ để Pol Pot chiếm được chính quyền. Kissinger cho rằng: "Nếu có người nào đó gây ra cuộc chiến tranh ở Campuchia và biến sự diệt chủng của Khmer Đỏ thành hiện thực thì đó chính là Hà Nội"[235]. Tuy nhiên, bom đạn Mỹ đã đóng một vai trò quan trọng[236]. Bằng những chiến dịch tuyên truyền, vừa hù dọa, vừa kích động lòng căm thù Mỹ và chính quyền Lonnol, Khmer Đỏ đã tuyển được hàng trăm nghìn thanh niên tham gia lực lượng của họ[237]. Năm 1974, mọi thanh niên từ mười sáu tuổi trở lên bị buộc gia nhập lực lượng Khmer Đỏ, những người từ chối có thể bị Khmer Đỏ bắn chết. Những đứa trẻ bị buộc phải cầm súng trong giai đoạn này đã trở nên vô cùng hung hãn.

Khi đàm phán Hiệp định Paris, Lê Đức Thọ đã đòi loại bỏ các cơ cấu phi cộng sản ở Campuchia. Khi ấy, ông Thọ và các đồng chí của ông ở Hà Nội không thể nào ngờ, chính "ông anh" Trung Cộng không hề mong muốn một chiến thắng về ý thức hệ ở Campuchia. Tháng 6-1972, Chu Ân Lai nói với Kissinger: "Trung Quốc muốn ở Lào và Campuchia có một kết cục trong đó 'các nhân tố tư bản' có thể tham gia trong chính phủ và giới cầm quyền truyền thống có thể là người đứng đầu quốc gia"[238]. Chu nói thẳng với Kissinger: "Chúng tôi có thể tin rằng Thái tử Sihanouk là người đứng đầu nhà nước ở Campuchia và người đứng đầu nhà nước ở Lào sẽ là nhà vua"[239]. Tháng 2-1973, khi Kissinger thăm Bắc Kinh sau chuyến đi tới Hà Nội, ông nhận ra: "Các lãnh đạo Bắc Kinh bắt đầu hiểu rằng việc Hà Nội chi phối Đông Dương có thể là một thắng lợi về ý thức hệ nhưng là một thất bại về địa chính trị đối với Trung Quốc"[240].

Campuchia càng ngày càng trở thành một ván bài phức tạp, có quá nhiều người chơi mà không ai tin tưởng ai. Trung Quốc biết Khmer Đỏ là lực lượng chính nhưng cũng sợ Khmer Đỏ mạnh tới mức làm hỏng con bài Sihanouk.

Thật khó để định lượng trong chính sách thù địch với Việt Nam của Pol Pot có bao nhiêu lý do từ việc Hà Nội sốt sắng ủng hộ Hoàng thân Sihanouk. Tháng 4-1970, khi Bí thư Thứ nhất Lê Duẩn đề nghị thiết lập một lực lượng quân sự phối hợp giữa Khmer Đỏ và lực lượng ủng hộ Hoàng gia, Pol Pot lúc ấy đang ghé qua Hà Nội, đã thẳng thừng từ chối. "Con bài" Sihanouk không chỉ làm mất lòng Pol Pot mà còn khiến cho những người Khmer tập kết chạnh lòng. Kể từ khi lưu vong, năm nào Sihanouk cũng sang Việt Nam ăn Tết. Để làm đẹp lòng ông Hoàng, những khi

Sihanouk đến Hà Nội, những người Khmer Issarak, cựu thù của ông, sống ở Thủ đô đều được "mời" đi các tỉnh khác. Theo ông Ngô Điền: "Cố Thủ tướng Chăn Si, một cán bộ tập kết gắn bó với Việt Nam, khi tâm sự về điều này đã rơm rớm nước mắt, trách ta coi nhẹ những người cộng sản Campuchia mà đề cao quá mức vua chúa"[241].

Năm 1973, Việt Nam đã đưa Sihanouk trở về "vùng giải phóng", nơi về danh nghĩa ông là người đứng đầu nhưng trên thực tế đang do Khmer Đỏ nắm. Sihanouk đã nhiều lần đề nghị Chu Ân Lai thu xếp chuyến đi này nhưng Chu Ân Lai từ chối. Sau Hiệp định Paris, Sihanouk gặp trực tiếp Yeng Sary, đại diện của Khmer Đỏ tại Bắc Kinh, nhưng cũng bị Yeng Sary lảng tránh. Sau đó, Sihanouk đã cầu cứu Hà Nội và được Thủ tướng Phạm Văn Đồng sốt sắng nhận lời, ông đã nhờ Bắc Kinh tác động thêm để Pol Pot chấp nhận chuyến đi của Sihanouk[242]. Khmer Đỏ đã khai thác được triệt để uy tín của Sihanouk trong chuyến đi này để gây thanh thế đối ngoại, nhưng về đối nội, Pol Pot không cho phát bản tuyên bố của ông. Đặc biệt, Khmer Đỏ đã tranh thủ chuyến đi để nói xấu Việt Nam với Sihanouk[243].

Khmer Đỏ và Campuchia dân chủ

Người Mỹ tin rằng miền Bắc Việt Nam đã trang bị pháo binh hạng nặng và trợ giúp công binh cho Khmer Đỏ trong chiến dịch cuối cùng tiến vào Phnom Penh. Tướng Giáp xác nhận: "Lúc này, quân và dân Campuchia đã từng bước phá vỡ sức đề kháng của quân đội Lonnol ở ngoại vi thủ đô Phnom Penh. Được ta trợ giúp đạn súng lớn, bạn đã nã pháo vào trung tâm thành phố. Ngày 12-4, Mỹ tổ chức cuộc hành quân mang tên Diều Hâu, di tản cố vấn và binh lính Mỹ ra khỏi thủ đô bằng đường không. Ngày 17-4, Phnom Penh được giải phóng"[244].

Đêm trước khi được Khmer Đỏ "giải phóng", Phnom Penh gần như không ngủ, phần vì cả thành phố chìm trong tiếng súng, phần vì người dân chờ đợi một biến cố mới cho dù không ai lúc ấy có thể tưởng tượng được những điều mà Pol Pot sẽ làm.

Vào lúc 7 giờ 30 sáng 17-4-1975, Chính quyền Lonnol ra lệnh cho quân đội đầu hàng. Cờ trắng được nhìn thấy ở khắp nơi, trong khi hàng ngàn người dân, chủ yếu là thanh niên, học sinh, đã xuống đường chào đón Khmer Đỏ với niềm tin đã tới ngày hòa bình. Thoạt đầu, người dân tỏ ra yên tâm khi thấy những người lính Khmer Đỏ chỉ bắn chỉ thiên nhằm ngăn chặn nạn hôi của và vãn hồi trật tự. Khoảng 1 giờ trưa, khi lực lượng Khmer Đỏ từ Quân khu Bắc tiến về chiếm Đài Phát thanh Quốc gia, ra lệnh cho tất cả các bộ trưởng, tướng lĩnh, các viên chức cao cấp của

Chính quyền Lonnol ra trình diện vào lúc 2 giờ chiều, sách báo "của bọn đế quốc" bắt đầu bị ném ra đường và đốt.

Hoàng thân Sirik Matak và Thủ tướng Long Boret từ chối di tản theo đề nghị của Đại sứ Mỹ. Sirik Matak sau đó bị bắt khi tị nạn trong tòa Đại sứ Pháp còn Long Boret thì gọi điện thoại chỉ đường cho Khmer Đỏ tới tận nhà. Cả hai đều bị giết. Sáng sớm hôm sau, 18-4-1975, số phận của những người ra trình diện được định đoạt: các tướng lĩnh của Lonnol bị đưa đi hành quyết tại sân vận động Olympic, các quan chức dân sự bị giết ở Hội quán Thể thao. Hai anh em nhà Lonnol, Chủ tịch Quốc hội Ung Bun Hor, nhà sư Saundech Saugh, các tướng lĩnh và nhiều bộ trưởng cũng bị giết. Chính quyền ở các địa phương cũng bị đối xử tương tự. Ngày 23-4-1975, ở Battambang, các sỹ quan được Khmer Đỏ đưa lên sáu chiếc xe nói là đi đón Sihanouk nhưng kết quả là họ đã bị hành quyết ở một nơi hoang vắng.

Nhưng phải đến khi Pol Pot trục xuất toàn bộ dân chúng ra khỏi tất cả các đô thị trên cả nước thì người dân mới biết rõ trong số các nạn nhân của chế độ gồm có cả mình. Nếu như trong ngày 18-4-1975, dân chúng ở Phnom Penh còn có thể hỏi han khi nghe lệnh sơ tán thì ngày hôm sau, họ phải đối diện với những tên lính mười bốn, mười lăm tuổi lăm lăm súng trong tay: hoặc ra khỏi nhà, hoặc ăn lựu đạn. Không chỉ có cảnh cáo, những người phản đối đã bị bắn chết trước mắt người thân. Người dân chỉ kịp nhặt nhạnh vài thứ đồ đạc, nhà cửa bị buộc phải bỏ lại đằng sau. Chỉ vài ngày sau, họ sẽ nhận ra tài sản không đáng giá so với những gì sẽ mất.

Nhiều gia đình phải li tán, vợ chồng, con cái bị xé, mỗi người bị đưa tới một nơi. Họ đã phải đi bộ nhiều ngày, có người phải đi bộ năm, sáu tuần liên tục, về các vùng mà Pol Pot dự định xây dựng các hợp tác xã bậc cao. Những người ốm yếu bị vất lại. Người dân bắt đầu nhìn thấy tương lai của mình qua những xác chết nằm la liệt trên đường. Khoảng 0,53% số dân Phnom Penh đã bị chết trên đường đi[245]. Tính cả số các quan chức bị hành quyết và người dân bị bắn do không chịu chấp hành, hơn hai mươi nghìn người đã bị giết trong những ngày đầu "Phnom Penh giải phóng".

Pol Pot nhận được "tin chiến thắng" khi đang ở Oudong với Khieu Samphan. Khieu Samphan nhớ lại: "Khi ấy, chúng tôi tránh thể hiện cảm xúc. Không có tiếng súng chào mừng hay điều gì tương tự. Tôi không chúc mừng ông ta (Pol Pot). Ông ta nói đơn giản đây là một chiến thắng vĩ đại mà nhân dân Campuchia tự giành

được"[246]. Pol Pot lặng lẽ về Phnom Penh vào ngày 24-4-1975, sau khi ra lệnh đưa toàn bộ người dân thành phố về các vùng nông thôn.

Ngày 17-4-1975, Yeng Sary đang ở Quảng Trị. Thay vì theo đường Hồ Chí Minh đi Rattanakiri, Yeng Sary bay ngược trở lại Bắc Kinh để ngày 24-4-1975, được đưa trở về Phnom Penh bằng một chiếc Boeing 707. Sau ba ngày đại hội đặc biệt toàn quốc, khi được giao phát ngôn cho Chính quyền, Khieu Samphan cho rằng chính "máu xương của nhân dân" đã viết nên "trang sử chói lòa của dân tộc"[247].

Pol Pot, với một gương mặt được mô tả là tử tế, nụ cười luôn thường trực trên môi và rất kiệm lời, bắt đầu ban hành chính sách tám điểm: di tản toàn bộ dân chúng ra khỏi tất cả các thành phố; thủ tiêu tất cả chợ búa; ngưng lưu hành tiền tệ; buộc các nhà sư phải lao động tại các nông trang; hành hình các nhà lãnh đạo Lonnol; thành lập các hợp tác xã cao cấp trên toàn quốc, áp dụng chế độ nhà ăn tập thể; trục xuất toàn bộ người Việt Nam; triển khai quân dọc biên giới, đặc biệt là biên giới Việt Nam[248].

Trong số ra tháng 8-1975, Tung Padevat, tờ báo nội bộ của Khmer Đỏ, giải thích việc đưa hết dân chúng ra khỏi Phnom Penh là nhằm xóa sở hữu tư, bắt tư sản phải lao động chân tay như những người nông dân. Bài báo viết: "Sự thật là, chúng ta mạnh hơn và có ảnh hưởng hơn khu vực tư nhân khi chúng ta ở vùng nông thôn". Việc bãi bỏ sử dụng đồng tiền, theo bài báo này, không chỉ để đánh giai cấp tư sản, mà: "Tiền bạc sẽ dẫn đến sở hữu tư… Nếu chúng ta sử dụng tiền, nó sẽ rời vào tay tư nhân… Nếu đồng tiền rơi vào tay kẻ xấu hoặc kẻ thù, chúng sẽ dùng tiền để hối lộ, làm tha hóa cán bộ… Rồi, trong một năm, mười năm, hai mươi năm nữa, cái xã hội trong sáng của Campuchia sẽ trở thành Việt Nam"[249].

Khát vọng vượt các "đảng anh em" trong xây dựng chủ nghĩa cộng sản, tái lập đế chế Angkor, đã biến Pol Pot từ một kẻ trói gà không chặt trở thành một tên giết người điên rồ. Trong một tài liệu mật của Trung ương phát hành ngày 19-9-1975, nghĩa là sau vừa đúng năm tháng xây dựng chủ nghĩa xã hội, Khmer Đỏ khẳng định: "So sánh với cách mạng ở Trung Quốc, Bắc Hàn và Việt Nam, chúng ta đang đi trước họ ba mươi năm"[250]. Hàng triệu người bị buộc phải lao động nặng nhọc 12-15 giờ mỗi ngày, trong khi ăn không đủ no vì gạo phải để dành cho chỉ tiêu xuất khẩu hai triệu tấn trong năm 1977.

Trong tuyên bố của Khieu Samphan đưa ra vào ngày 27-4-1975, ngay sau Đại hội Toàn quốc Đặc biệt, Sihanouk vẫn được coi là "một nhà yêu nước vĩ đại" và vẫn được giữ vị trí đứng đầu nhà nước. Trong thời gian ấy, Sihanouk đang ở Bình Nhưỡng, nơi Kim Il Sung xây cho ông một tòa lâu đài nhìn ra mặt hồ Chhang Sou On. Tháng 9-1975, Pol Pot gửi Phó Thủ tướng Khieu Samphan và Bộ trưởng Thông tin Yeng Thirith, vợ Yeng Sary, tới Bình Nhưỡng mời Sihanouk trở lại Phnom Penh.

Khieu Samphan nói với ông: "Chúng ta đã có điều kiện để trở thành 100% cộng sản. Chúng ta có thể vượt qua thậm chí người anh Trung Hoa. Với bước đại nhảy vọt, chúng ta có thể tiến đến mục tiêu chủ nghĩa cộng sản bỏ qua giai đoạn chủ nghĩa xã hội"[251]. Họ cùng đi tàu trở lại Bắc Kinh, ở đó, Khieu Samphan tháp tùng Sihanouk và bà hoàng Monique đến thăm Mao Trạch Đông và Chu Ân Lai. Mao lúc ấy tám mươi hai tuổi "gần như trần truồng trên giường bệnh"[252] nhưng có vẻ như ông vẫn hình dung được những gì học trò ông đang làm ở Campuchia. Mao chỉ thị cho đại diện Khmer Đỏ: "Đừng đưa Hoàng thân Sihanouk và bà Hoàng tới công xã".

Những lời của Mao đã có giá trị cứu mạng Sihanouk. Chu Ân Lai, khi ấy cũng đang ở trên giường bệnh ung thư giai đoạn cuối, nói với Khieu Samphan và Yeng Thirith với giọng mà Sihanouk mô tả là khẩn nài: "Xin hãy đi từng bước lên chủ nghĩa cộng sản. Đừng đi theo mô hình đại nhảy vọt sai lầm của chúng tôi". Sihanouk nhớ lại là cả Khieu Samphan và Thirith đều "cười ranh mãnh". Khmer Đỏ không cho rằng họ có học tập ai đó, thậm chí cả Mao Trạch Đông; họ muốn xây dựng một xã hội chưa từng có trong lịch sử.

Ngày 9-9-1975, Sihanouk rời Bắc Kinh trong cờ hoa, Đặng Tiểu Bình gọi đây là "sự trở về trong vinh quang". Sự thật là Pol Pot chỉ cần uy tín của Sihanouk để lấy lại chiếc ghế của Campuchia tại Liên Hiệp Quốc. Ở Phnom Penh, khi ông Hoàng đề nghị Pol Pot cho gặp một người chú già và một người dì của ông bị đưa đi công xã từ hồi tháng 4-1975, ông đã bị từ chối. Đại diện Pol Pot nói với Sihanouk là ông sẽ được gặp họ sau chuyến đi đến Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc.

Trong suốt chuyến đi New York, Yeng Sary luôn cập kè bên ông. Khi họ chuyển tiếp tại Paris, không ai trong số những người bạn cũ của Sihanouk có thể lọt vào nơi ở của ông để được gặp ông trực tiếp. Sihanouk thừa nhận là khi ấy ông đã nhận ra không khí chết chóc ở Campuchia, nhưng vì "trách nhiệm và niềm kiêu hãnh" cá nhân, tháng 12-1975, Sihanouk cùng bà hoàng Monique, mẹ vợ và hai mươi hai

người con, cháu của ông đã trở lại Phnom Penh. Kết cục là trong hơn ba năm sống với Khmer Đỏ, Sihanouk đã trở thành một tù nhân; năm người con và mười ba người cháu của ông đã bị Angkar đưa đến các công xã để rồi không bao giờ nghe nhắc đến tên họ nữa.

Sihanouk khi mới trở về vẫn là quốc trưởng của Chính phủ Hoàng gia được lập ra ở Phnom Penh, nhưng ông và Thủ tướng Pen Nouth, người trung thành của ông, chỉ có hư danh. Ngày 20-3-1976, Quốc hội Campuchia được bầu với thành phần chủ yếu là các bí thư quân khu và chi khu của Khmer Đỏ. Theo hiến pháp mới, Campuchia sẽ có một hội đồng chủ tịch nhà nước do Quốc hội bầu lên. Sihanouk phải đệ đơn từ chức để cho Khieu Samphan làm chủ tịch. Hai phó chủ tịch thứ nhất và thứ hai là hai vị tư lệnh quân khu: So Phim, Quân khu Đông và Nhim Ros, Quân khu Tây Bắc. Ngày 12-4-1976, Pol Pot bắt đầu xuất hiện công khai với vai trò thủ tướng, Yeng Sary làm bộ trưởng Ngoại giao, Son Sen làm bộ trưởng Quốc phòng.

Ngày 22-7-1975, trước 3000 đại biểu của các đơn vị quân đội, Pol Pot nói: "Trên toàn thế giới, trong lịch sử đấu tranh cách mạng và kể từ khi nước Mỹ ra đời, không ai, không có quốc gia nào, lại có thể đánh đuổi đế quốc đến tên cuối cùng và giành thắng lợi hoàn toàn"[253] như Khmer Đỏ; còn Pol Pot cho rằng: "Đây là một thắng lợi mẫu mực cho nhân dân thế giới".

"Kẻ Thù Lịch Sử"

Từ ảo tưởng này, tại lớp chính trị tổ chức cho 700 cán bộ chủ chốt của Đảng trong hai tháng cuối năm 1975, Nuon Chea cho rằng Campuchia bấy giờ vừa là công trường lao động, vừa là chiến trường chống Việt Nam. Chính sách thù địch với Việt Nam mà Khmer Đỏ tiến hành không chỉ bằng định kiến lịch sử được dồn nén qua nhiều thế kỷ, mà còn bằng cả mối quan hệ ngắn ngủi giữa những người cộng sản khi cùng sinh hoạt trong Đảng Cộng sản Đông Dương.

Năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam được Trần Phú, theo lệnh Quốc tế Cộng sản, thay bằng một đảng của ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia. Tuy là Đảng Cộng sản Đông Dương, nhưng ngay cả những phái bộ ở Lào hay Campuchia đều có lượng đảng viên người Việt Nam chiếm số đông. Từ năm 1935, "Liên bang Đông Dương" bắt đầu được những người theo đường lối Quốc tế Cộng sản cực đoan tính tới. Tháng 7-1946, Hồ Chí Minh tới Fonteinebleau. Khi những người Việt Nam trong Đảng Cộng sản Pháp giới thiệu những đảng viên người Khmer với phái đoàn Việt

Nam và đề nghị họ "đi gặp Bác Hồ", Thiounn, người về sau là một bộ trưởng của Pol Pot, nói: "Chúng tôi trả lời, ông ta không phải là bác của chúng tôi. Họ lại bảo, chúng ta là anh em, các bạn nên thể hiện sự tôn trọng, nhưng chúng tôi cũng từ chối"[254].

Từ năm 1970, nhiều đơn vị Việt Nam đóng quân tại các căn cứ nằm dọc theo biên giới Campuchia đã bị tấn công mà thủ phạm về sau được xác định là lực lượng của Khmer Đỏ. Không chỉ hướng sự thù địch vào người Việt, từ năm 1973, Khmer Đỏ bắt đầu chống lại cả Khmer Rumdo, lực lượng ôn hòa, ủng hộ Sihanouk và từng được Việt Nam huấn luyện.

Ngày 4-11-1973, sau khi bắt cóc ba nhóm Khmer Rumdo, lực lượng Khmer Đỏ thuộc Khu 25 ở Kandal, gặp những người Khmer Rumdo ở Prey Veng, yêu cầu Khmer Rumdo hủy bỏ chủ trương hợp tác với các lực lượng miền Bắc Việt Nam. Những người Khmer Rumdo từ chối. Cuộc tranh cãi đã dẫn đến một cuộc đọ súng và với sự tham gia của các đơn vị Việt Nam, Khmer Rumdo đã tiêu diệt bốn mươi hai lính Khmer Đỏ, đẩy lui phần còn lại. Từ đó, các cuộc đụng độ giữa hai lực lượng gần như thường xuyên xảy ra.

Mấy tháng trước đó, khi di chuyển từ Khu IX lên Trung ương Cục, ông Võ Hồng Thắm, thư ký riêng của ông Kiệt, đã bị Khmer Đỏ giết khi vừa chạy xuồng qua biên giới Campuchia đoạn tiếp giáp với Hồng Ngự, Đồng Tháp. Cái chết của ông Thắm không phải là cá biệt. Đầu thập niên 1970, các đơn vị nhỏ lẻ của quân Giải phóng miền Nam Việt Nam vẫn thường bị tập kích. Chỉ sau khi các đơn vị miền Bắc Việt Nam tấn công trừng phạt, Khmer Đỏ mới tạm hạn chế quấy rối.

Năm 1970, hơn 800 cán bộ người Khmer tập kết ra miền Bắc Việt Nam được đưa trở lại Campuchia đã bị Khmer Đỏ dần dần thủ tiêu vì coi họ là những "người Khmer, đầu Việt". Một số chạy thoát sang Việt Nam, nhưng theo ông Võ Văn Kiệt: "Thoạt đầu, Trung ương Cục chủ trương trả lại cho Khmer Đỏ, kết quả là tất cả họ khi về tới cứ của Pol Pot đều bị giết. Về sau, Trung ương Cục thống nhất với Pol Pot, phía Việt Nam chỉ trao trả những cán bộ nào chấp nhận trở lại hàng ngũ Khmer Đỏ". Sau ngày 30-4-1975, Việt Nam cũng đang say sưa với chiến thắng, những chiến dịch gây hấn biên giới của Pol Pot đã không được đánh giá đúng mức và các nhà lãnh đạo, trong các chuyến đi tới Campuchia, cũng đã không đủ nhạy cảm để

nhận ra Khmer Đỏ là ai, và đã không có ấn tượng đầy đủ trước không khí chết chóc đang bao trùm quốc gia chùa tháp.

Ngày 2-6-1975, Phó Bí thư Trung ương Cục Nguyễn Văn Linh theo đường bộ từ Thành phố Hồ Chí Minh đến Phnom Penh gặp Pol Pot để giải quyết các vụ đụng độ ở các đảo Phú Quốc và Poulo Wai. Đường dài gần 200km qua ba tỉnh trước khi tiến đến thủ đô, nhưng ông đã không nhận thấy dấu hiệu khác thường gì. Đúng hai tháng sau, Bí thư Thứ nhất Lê Duẩn lại dẫn đầu đoàn đại biểu Đảng Lao động Việt Nam đến Campuchia trong một chuyến thăm đáp trả chuyến đi ngày 12-6-1975 của Pol Pot, Nuon Chea và Yeng Sary. Một thành phố Phnom Penh vắng tanh đã không trở thành mối băn khoăn của ông và tùy tùng.

Đúng một năm sau đó, Pol Pot cho phép một đoàn nhà báo Việt Nam đi đến nhiều nơi ở Campuchia, các nhà báo có nhận ra sự "vắng vẻ lạ thường" ở Phnom Penh nhưng rồi đã choáng ngợp khi Pol Pot trình diễn "tình anh em giữa hai đảng và hai dân tộc"[255]. Theo một thành viên của đoàn, nhà báo Tô Quyên, Chính phủ Pol Pot- Yeng Sary đã tái hiện "tình đoàn kết chiến đấu và hữu nghị tươi đẹp ấy" bằng một đêm trình diễn văn nghệ tại nhà hát lớn thủ đô Phnom Penh. Còn Thủ tướng Pol Pot thì tiếp đãi đoàn vô cùng nồng thắm[256].

Chỉ mấy tuần sau khi đoàn nhà báo Việt Nam rời Phnom Penh, cuộc thanh trừng những nhân vật Khmer Đỏ có dính líu tới Việt Nam bắt đầu được Pol Pot tiến hành. Năm ấy, một số nhà lãnh đạo Khmer Đỏ vốn là đảng viên từ thời Đảng Cộng sản Đông Dương như Keo Meas đề nghị tổ chức kỷ niệm lần thứ 25 ngày thành lập Đảng Campuchia, tính theo ngày 30-9-1951, ngày mà tại Việt Bắc, lãnh tụ Sơn Ngọc Minh tuyên bố thành lập Đảng Campuchia. Tuy nhiên, đó là một quá khứ mà Pol Pot không muốn dính líu.

Mười ngày trước sinh nhật Đảng, Pol Pot ra lệnh đình chỉ việc chuẩn bị lễ kỷ niệm, đồng thời ra lệnh bắt Keo Meas và Nay Sarang, một nhà lãnh đạo cao cấp khác. Họ bị đưa đến nhà ngục nổi tiếng, Tuol Sleng, bị tra tấn cho đến khi "nhận tội" rồi bị giết chết. Pol Pot đã viết lại lịch sử bằng cách ra một văn bản, xác định thời điểm thành lập Đảng không phải là năm 1951 mà là 1960, năm Đảng Campuchia tổ chức đại hội và, sau đó, bầu ông ta làm phó bí thư. Pol Pot giải thích: "Chúng ta cần đặt lịch sử Đảng vào trong những gì trong sạch và hoàn hảo, vạch ra đường lối độc lập và tự chủ cho chúng ta"[257].

Sihanouk nhận ra thái độ của Khmer Đỏ với Việt Nam từ trước khi ông trở về Phnom Penh. Theo Nayan Chanda: Nhân dịp Quốc khánh Việt nam, 2-9-1975, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã mời Sihanouk và Khiêu Samphan, khi ấy đang là khách của Việt Nam, dự "tiệc gia đình". Thành phần tham gia gồm Hà Nội, Chính phủ Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam, các nhà lãnh đạo Lào, và Khmer Đỏ. Khieu Samphan đã làm Sihanouk "mất tinh thần và ngạc nhiên" khi "lạnh lùng từ chối" và nói rằng Campuchia muốn một bữa tiệc song phương. Sau đó, Khieu Samphan giải thích với Sihanouk: "Chúng ta không bao giờ để rơi vào cái bẫy của người Việt Nam, kẻ đang muốn thống trị và nuốt chửng Campuchia bằng cách lôi kéo vào liên bang Đông Dương của họ"[258].

Tháng 12-1976, khi Việt Nam tổ chức Đại hội Đảng lần thứ IV, đại hội như một đại lễ mừng chiến thắng, Khmer Đỏ chỉ gửi điện mừng thay vì cử đại biểu đến Hà Nội như hai mươi chín "đảng anh em" khác[259]. Nhưng đến tận lúc ấy, Việt Nam vẫn coi biên giới Tây Nam là nơi tiếp giáp với một "người anh em". Trên toàn tuyến biên giới dài hơn 1.000km ấy, Việt Nam chỉ bố trí bốn mươi hai đồn biên phòng; trong khi đó, bốn sư đoàn Khmer Đỏ gấp rút hoàn thành tuyến công sự dày đặc kéo dài từ bờ Vịnh Thái Lan đến vùng Sông Bé.

Thất bại trong tấn công ngăn chặn (Pre-emptive War)

Ngày 14-1-1977, gần một trung đoàn Pol Pot tấn công các đồn, chốt Việt Nam ở khu vực Buprang, gây cho phía Việt Nam những thiệt hại nghiêm trọng. Dân tình lo lắng, cán bộ các cấp cũng bắt đầu hết sức băn khoăn. Chiến tranh bắt đầu leo thang trong năm 1977: 30-4-1977, Pol Pot cho quân tấn công trên tuyến biên giới thuộc địa bàn Quân khu IX; tháng 8-1977, tấn công trên địa bàn Quân khu VII; tháng 10-1977, tấn công trên địa bàn Quân khu V.

Ở Quân khu IX lúc ấy, chỉ một sư đoàn bộ binh được giữ ở trạng thái thường trực, trong khi hai sư đoàn bộ binh còn lại chuyển sang làm kinh tế - Sư 4 ở tứ giác Long Xuyên, Sư 8 ở Đồng Tháp Mười, chủ yếu đào kinh[260]. Tinh thần của bộ đội, vì thế, cũng có những "diễn biến khá phức tạp". Theo Tướng Trà: "Sau bao nhiêu năm chiến đấu liên tục, gian khổ, ác liệt, chính sách hậu phương quân đội chưa được giải quyết thỏa đáng; yêu cầu được nghỉ phép, phục viên của anh em chưa được giải quyết, nhất là số anh em quê miền Bắc, hàng năm, bảy năm, thậm chí cả chục năm biền biệt xa nhà; rồi tư tưởng 'xả hơi', nghỉ ngơi, bộ đội đang từ thành phố, thị xã…

nay lên vùng biên khai hoang, làm kinh tế, trần mình suốt ngày với cỏ dại, cây hoang, sình lầy, chua phèn; thiếu thốn cơ cực đủ bề"[261].

Toàn biên giới Tây Nam cũng hầu như không có bộ binh thường trực, nên khi Pol Pot tấn công thì ở vào thế bị động, đối phó lúng túng và chịu tổn thất lớn. Tướng Lê Đức Anh thừa nhận: "Các tỉnh, các quân khu phía Nam thiếu sẵn sàng chiến đấu, biên giới bỏ ngỏ; chỉ huy tác chiến nặng về đánh theo lối chính quy hiệp đồng binh chủng nên tiêu hao đạn dược thì lớn mà hiệu suất chiến đấu rất thấp. Tháng 9-1977, Thường vụ Quân ủy Trung ương họp đề nghị Bộ Chính trị có chủ trương giải quyết tình hình biên giới Tây Nam".

Đêm 30-4-1977, Khmer Đỏ đưa quân đánh lấn suốt một dải biên giới từ Tây Ninh đến Hà Tiên, Kiên Giang. Tang tóc lại bao trùm không chỉ ở nơi xảy ra chiến sự. Trên tuyến biên giới do Quân khu IX đảm trách, từ huyện Mộc Hóa, Long An đến Hà Tiên, Kiên Giang, Pol Pot dùng bảy tiểu đoàn quân chính quy cùng với lực lượng địa phương thuộc quân khu Tây Nam đánh thẳng vào khu vực Bảy Núi, Tịnh Biên-An Giang. Hàng trăm dân thường dân bị tàn sát, hàng trăm ngôi nhà bị đốt.

Các đơn vị đứng chân gần biên giới của Quân khu IX tuy đã nỗ lực tác chiến, nhưng theo ông Phạm Văn Trà: "Hầu hết đang làm nhiệm vụ sản xuất xây dựng kinh tế, chưa chuẩn bị đối phó với địch, nên có phần bất ngờ, bị động, lúng túng, thậm chí bị tổn thất". Ngay đêm 30-4-1977, Tướng Lê Đức Anh ra lệnh cho Sư đoàn 330 chuyển sang trạng thái sẵn sàng cơ động lên tuyến biên giới đánh địch, đồng thời, theo ông Trà, Quân khu cũng được trên đồng ý cho thành lập thêm Sư đoàn 339 làm nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu. Bắt đầu từ đây, chiến sự không còn xảy ra trên đường biên.

Một tháng rưỡi sau, Tư lệnh Quân khu IX Lê Đức Anh quyết định đưa một lực lượng gồm hai trung đoàn bộ binh có xe bọc thép M113, một trung đoàn tăng thiết giáp, hai phi đội máy bay tiêm kích, đánh hiệp đồng binh chủng ở quy mô sư đoàn từ hướng Kiên Giang, thọc sâu vào đất Campuchia, vòng về tiêu diệt phần lớn lực lượng Khmer Đỏ đang chiếm giữ Đầm Chích, xã Vĩnh Điện. Nhưng, theo Tướng Phạm Văn Trà, khi Sư đoàn 4 đang khôi phục tuyến biên giới Hà Tiên thì Khmer Đỏ tràn qua cửa khẩu Vịnh Bà, đánh sâu vào lãnh thổ tỉnh Đồng Tháp, chiếm một số khu vực, trong đó có khu vực tăng gia sản xuất tập trung của Sư đoàn 8. Tướng Lê Đức Anh lại phải lệnh: "Đưa ngay một trung đoàn lên Đồng Tháp"[262].

Sau khi Trung đoàn 1, Sư 330, bị điều lên lên Đồng Tháp theo lệnh của Tướng Anh, một hướng quan trọng là Tịnh Biên và Thất Sơn bị bỏ trống. Vừa lấy lại phần địa bàn của Sư 8 bị Khmer Đỏ chiếm giữ thì Ba Chúc, Tịnh Biên của An Giang lại bị Khmer Đỏ tập trung một lực lượng lớn đánh vào. Sư đoàn 4 buộc phải lùi về phía sau, Khmer Đỏ mặc sức tàn sát người dân vùng Ba Chúc. Tướng Lê Đức Anh lại phải điều Trung đoàn 1, sư 330, trở về giải vây rồi đẩy quân Pol Pot lùi qua bên kia kênh Vĩnh Tế. Không lâu sau, khi Trung đoàn 1 vừa rút đi, quân Pol Pot lại quay lại đánh Ba Chúc với quy mô cấp sư đoàn, lực lượng của Tỉnh đội An Giang không giữ được.

Trung tuần tháng 12-1977, Quân khu IX đã thi hành phương thức phòng thủ mà Tướng Trà gọi là học theo kế "tiên phát chế nhân" của Lý Thường Kiệt thời chống Tống. Sư đoàn 330, gồm ba trung đoàn bộ binh chính quy, cùng hai tiểu đoàn địa phương quân An Giang, được trang bị một số xe M-113, đánh thẳng vào khu vực cố thủ của Khmer Đỏ ở núi Tham Đưng và núi Som sâu trong đất Campuchia từ hai mươi đến ba mươi cây số. Toàn tuyến phòng thủ của Pol Pot từ Ki Ri Vông đến quận lỵ Rề Minh thuộc tỉnh Tà Keo bị chọc thủng không mấy khó khăn. Thật trớ trêu khi người dân Campuchia đã vui mừng khi thấy quân đội nước ngoài đánh tới[263]. Các lực lượng của Quân khu IX đã ở lại trên đất Campuchia tổng cộng hai mươi ngày.

Chưa đầy hai tuần sau khi quân Việt Nam rút về, giữa tháng 1-1978, quân Pol Pot tiến đánh ồ ạt vào các xã Nhơn Hội, Khánh Bình, thuộc huyện Châu Đốc, An Giang. Đặc biệt, ngày 15-1-1978, bảy tiểu đoàn của Trung đoàn 14 cùng với Trung đoàn 15 thuộc Sư đoàn 2 của Pol Pot đánh chiếm Ba Chúc và núi Phú Cường thuộc huyện Tịnh Biên.

Sư đoàn 4 và lực lượng địa phương của An Giang lại một lần nữa không giữ được địa bàn, để quân Khmer Đỏ tiến sâu vào lãnh thổ Việt Nam trên năm cây số, phá sập hai cây cầu trên trục đường từ thị trấn Nhà Bàng đi Ba Chúc, Chi Lăng. Đi tới đâu, lính Khmer Đỏ xả súng bắn giết tới đó, chúng bắt cả trẻ em, người già và ngang nhiên đập phá chùa chiền, tượng Phật. Sở chỉ huy tiền phương của Sư đoàn 330 đóng trên núi Trà Sư bị bao vây ba bề. Lính Khmer Đỏ lại mặc sức sát hại người dân Ba Chúc.

Lính Khmer Đỏ không chỉ ném lựu đạn, xả súng bắn chết hàng nghìn thường dân ở hai ngôi chùa, nhiều thường dân khác còn bị giải ra đồng, xả súng bắn chết[264]. Theo ông Trà: "Xác chết chất thành đống trong xóm ấp và ngoài đồng. Không khí

chết chóc bao trùm; quạ đen bay đầy trời". Theo Tướng Phạm Văn Trà, sau khi đánh tan lực lượng Khmer Đỏ ở Phú Cường và Ba Chúc, bãi chiến trường được giữ lại gần một tuần lễ để các nhà báo trong nước và quốc tế đến quay phim. Chiến tranh biên giới với Campuchia bắt đầu được công bố[265].

"Nhất Biên Đảo"

Hơn hai năm trước đó, trong lễ mừng chiến thắng, tổ chức vào ngày 15-5-1975 tại Hà Nội, Bí thư Thứ nhất Lê Duẩn đã làm cho hàng triệu con tim "sởn gai ốc" khi, với giọng Quảng Trị trầm ấm, ông tuyên bố: "Chào mừng tổ quốc vinh quang của chúng ta từ nay vĩnh viễn thoát khỏi ách nô dịch của nước ngoài, vĩnh viễn thoát khỏi họa chia cắt, chào mừng non sông gấm vóc Việt Nam liền một dải từ Lạng Sơn đến mũi Cà Mau, từ nay hoàn toàn độc lập, tự do và vĩnh viễn độc lập tự do"[266].

Bí thư Lê Duẩn nói tiếp: "Trong 4.000 năm lịch sử của dân tộc ta thì hơn 100 năm lại đây là chặng đường đấu tranh chống ngoại xâm gay go nhất, quyết liệt nhất, nhưng cũng thắng lợi vẻ vang nhất". Tại buổi lễ long trọng này, ông Lê Duẩn bày tỏ niềm tin: "Một dân tộc đã làm nên những chiến công hiển hách ấy xứng được hưởng hòa bình, tự do và hạnh phúc. Dân tộc ấy cũng nhất định có đủ tinh thần và nghị lực, sức mạnh và tài năng để vươn lên những đỉnh cao của thời đại, biến đất nước nghèo nàn lạc hậu, bị chiến tranh tàn phá nặng nề và trên đó, đế quốc Mỹ đã gieo biết bao tội ác, thành một nước văn minh, giàu mạnh, thành trì bất khả xâm phạm của độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội ở Đông Dương và Đông Nam Á"[267].

Ngay sau đó, Bộ Quốc phòng cho giải thể hàng loạt các đơn vị chiến đấu. Tháng 10-1976, Bộ Chính trị ra nghị quyết "về vấn đề quân đội làm kinh tế", xác định: "Cách mạng nước ta đã chuyển sang giai đoạn mới, giai đoạn làm cách mạng xã hội chủ nghĩa". Khẩu hiệu "Tất cả cho tiền tuyến" từ lúc ấy cũng bắt đầu được thay bằng khẩu hiệu: "Tất cả cho sản xuất, tất cả để xây dựng chủ nghĩa xã hội". Hà Nội gần như không có phản ứng chính thức ngay cả khi Pol Pot đã cho đánh tới quy mô cấp sư đoàn[268].

Áp lực từ các đơn vị quân đội và các địa phương tăng dần lên. Ông Nguyễn Thành Thơ kể: Cuối năm 1977, trong một lần đưa Tổng Bí thư Lê Duẩn thăm Cần Giờ bằng tàu quân sự, đến Văn phòng Huyện ủy đã khoảng 12 giờ, anh Ba nói, "Mệt quá cho tôi nghỉ một lát". Anh nghỉ một lúc rồi nói: "Các anh có gì hỏi, tôi giải đáp".

Anh em chúng tôi có khoảng ba mươi người, phấn khởi rộ lên: "Xin hỏi K nó quấy rối biên giới ta, tàn sát cướp phá rất dã man, sao ta đối phó rất lôi thôi, chúng tôi khó hiểu". Anh Lê Duẩn trả lời: "Các đồng chí hỏi đúng vào một tình hình cả nước đang quan tâm. Chúng tôi đau đầu lắm, ngủ không được. Không phải là vấn đề Khmer Đỏ, vấn đề Pol Pot mà là vấn đề ai ở đằng sau Khmer Đỏ, đằng sau Pol Pot. Ta đã đưa đại quân đâu, bọn nó làm sao chống ta nổi, nhưng ta đánh nó, Trung Quốc đánh ta thôi. Nếu ta không chiếm K, Trung Quốc cũng không chiếm ta".

Cuối năm 1977, khi đánh sâu vào đất Campuchia, theo ông Trần Phương, quân đội Việt Nam phát hiện nhiều tài liệu cho thấy Trung Quốc đứng sau lưng Pol Pot. Tháng 1-1979, khi tiến vào Phnom Penh, Quân đội Việt Nam còn thu được văn bản hiệp định viện trợ quân sự không hoàn lại mà Tướng Wang Shangrong, phó Tổng Tham mưu trưởng Quân Giải phóng Nhân dân Trung Quốc, ký với Son Sen tại Phnom Penh ngày 10-2-1976. Trong các năm 1977, 1978, Trung Quốc cung cấp cho Khmer Đỏ pháo binh, pháo phòng không, thuyền tuần tiễu… Đặc biệt, 500 chuyên gia quân sự Trung Quốc đã được gửi sang để huấn luyện Khmer Đỏ sử dụng những vũ khí, khí tài quân sự ấy. Cố vấn Trung Quốc thậm chí còn gặp cả người của lực lượng Fulro đang hoạt động chống Chính quyền Việt Nam ở vùng Tây Nguyên[269].

Làn sóng người Khmer tị nạn, nhất là những người tị nạn qua ngả Thái Lan, đã giúp thế giới biết được phần nào nội tình Campuchia. Trung Quốc sẽ không dám bất chấp dư luận quốc tế để ủng hộ một chế độ diệt chủng, nhất là ủng hộ những hành vi chiến tranh, nếu Việt Nam không để cơ hội bình thường hóa quan hệ với Mỹ rơi vào tay Trung Quốc.

Sau ngày "chiến thắng đế quốc Mỹ", theo ông Đậu Ngọc Xuân: "Cuba nhiều lần thiết tha mời anh Ba Lê Duẩn sang thăm. Fidel cứ giục mãi, nhiều đồng chí nhắc, anh Ba mắng: 'Các chú muốn dân đói à?'. Rồi, anh Ba nói với Bộ Ngoại Giao: 'Đúng là Fidel sang ta mấy lần, nhưng ta mới thắng Mỹ, sang Cuba không tuyên bố chống Mỹ thì Cuba không chịu, tuyên bố chống Mỹ thì, các chú thấy, sang cạnh nhà nó chửi nó, nó cấm vận mình suốt đời thì mình chết. Vì lợi ích quốc gia, tôi chưa thể đi được'. Rồi anh Ba cử Lê Đức Thọ đi, anh dặn: 'Nên nói với đồng chí Fidel, tôi rất muốn sang, nhưng sức khoẻ có vấn đề, bác sĩ không cho đi máy bay xa, đồng chí Fidel thông cảm".

Theo ông Đậu Ngọc Xuân, lúc ấy, nhiều người đã bất ngờ trước tư duy mềm dẻo này của ông Lê Duẩn. Cũng thời điểm ấy, theo ông Xuân: "Khi Bộ Chính trị bàn về vấn đề 'ta có thừa kế cổ phần IMF mà chính quyền Sài Gòn cũ có tham gia không?', có người nói: 'Ta mà kế thừa Nguỵ à?', có người lưu ý: 'IMF là tư bản đấy!', anh Ba quát: tại sao không!". Đặng Tiểu Bình đã đánh trúng mối lo của Lê Duẩn khi về sau sẽ ví Việt Nam là Cuba ở phương Đông trong bối cảnh Việt Nam đang có những nỗ lực bất thành nối lại bang giao với Mỹ.

Ông Trần Quang Cơ, năm ấy là vụ trưởng Vụ Bắc Mỹ, kể, chỉ hơn một tháng sau khi làm chủ Sài Gòn, Việt Nam có nhờ Liên Xô chuyển cho Mỹ một thông điệp miệng[270]. Tiếp đó, Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói trước Quốc hội: "Việt Nam mời gọi Hoa Kỳ bình thường hóa và yêu cầu chính quyền Mỹ chi tiền tái thiết như đã hứa". Các đại diện của hai ngân hàng Mỹ, Bank of America và First National City Bank, được mời họp về khả năng có thể giao thương, và các công ty Mỹ được thông báo rằng họ có thể ký kết tìm dầu ở thềm lục địa Việt Nam.

Đáp lại những tín hiệu này, ngày 7-5-1976, Tổng thống Gerald R. Ford đề nghị Quốc hội Mỹ tạm ngưng cấm vận Việt Nam trong sáu tháng để tạo điều kiện cho việc đối thoại giữa hai nước. Ngày 8-5-1976, Ngoại trưởng Kissinger gửi công hàm cho Quốc Vụ khanh Bộ Ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch, đề nghị thảo luận vấn đề "bình thường hóa". Ngày 6-1-1977, Bộ Ngoại giao Mỹ đưa ra lộ trình ba bước bình thường hóa quan hệ với Việt Nam và trước mắt có thể đặt quan hệ ngoại giao ở cấp đại sứ.

Tuy vậy, Tổng thống Mỹ Geral R. Ford có vẻ như vẫn chưa sẵn sàng khi đưa ra điều kiện để nối lại bang giao: Việt Nam phải làm đầy đủ hồ sơ về lính Mỹ mất tích (MIA), trong đó có việc trao trả hài cốt Mỹ. Phía Việt Nam cũng đòi bằng được Mỹ phải bồi thường chiến tranh, trong khi Mỹ cho rằng Việt Nam đã vi phạm Hiệp định Paris nên không thể bàn đến khoản tiền thỏa thuận trước khi ký Hiệp định Paris được. Theo ông Đậu Ngọc Xuân, sau những diễn tiến này, ông Lê Duẩn nói: "Bình thường hóa là thua trận lần thứ hai, họ không chịu đâu".

Năm 1977, khi Jimmy Carter nhậm chức tổng thống, ông đã giảm điều kiện "làm đầy đủ hồ sơ lính Mỹ mất tích" xuống còn "làm đầy đủ trong khả năng có thể". Tháng 3-1977, Carter gửi một phái đoàn sang Hà nội để bàn về việc nối lại bang giao. Ngày 17-3-1977, tại Hà Nội, Phó Thủ tướng Nguyễn Duy Trinh đã tiếp Đặc

phái viên của Tổng thống Mỹ Leonard Woodcock. Cùng ngày, Woodcock đến chào Thủ tướng Phạm Văn Đồng.

Những nỗ lực bình thường hoá dưới thời Carter là có thật. Chỉ ba mươi phút sau khi tuyên thệ nhậm chức, Tổng thống Jimmy Carter rời lễ đài đi vào bên trong tòa nhà Quốc hội, và trước khi sang Nhà Trắng, ông ký lệnh ân xá cho những người Mỹ đã từng chạy sang Canada trốn lính nhằm tránh cuộc chiến tranh Việt Nam. Ông Carter thừa nhận đó là "một quyết định khó khăn" và ông đã phải nhận những lời chỉ trích. Nhưng Tổng thống Carter nói: "Tôi nghĩ đó là một bước cần thiết để khởi đầu việc hàn gắn và đưa chúng ta ra khỏi nỗi ám ảnh Việt Nam để đi tới một kỷ nguyên mới tốt đẹp hơn"[271]. Ngày 4-5-1977, chính quyền của ông Carter đồng ý để Việt Nam vào Liên Hiệp Quốc.

Sau chuyến đi của ông Leonard Woodcock, Mỹ chủ trương bình thường hóa vô điều kiện. Ngày 3-5-1977, phiên đàm phán đầu tiên giữa hai phái đoàn Việt-Mỹ đã diễn ra tại Đại sứ quán Việt Nam ở Paris. Ông Trần Quang Cơ[272], người tham gia cuộc đoàn đàm phán này, nhớ lại: "Một trong những điều ngáng trở tiến trình đàm phán là do chúng ta cứ khăng khăng đòi Mỹ phải chi 3,2 tỷ đô-la bồi thường chiến tranh".

Số tiền viện trợ 3,2 tỷ đô-la được coi như là một "thành công kép" mà Cố vấn Lê Đức Thọ mang về từ những cuộc hội đàm ở Paris[273]. Khoản tiền này đã từng được những nhà hoạch định kế hoạch kinh tế hậu chiến của Việt Nam tính toán như một nguồn quan trọng để thực thi kế hoạch. Trước khi đoàn lên đường sang Paris đàm phán bình thường quan hệ Việt-Mỹ, theo ông Trần Quang Cơ, ông Lê Đức Thọ, theo cung cách xin viện trợ của Liên Xô, đã cung cấp cho đoàn cả một danh sách dài bao nhiêu máy cày, bao nhiêu máy kéo để đòi Washington phải trả. Ông Trần Quang Cơ nhớ lại: "Holbrook nói thẳng với ông Phan Hiền: thôi thì cứ đặt 'phòng quyền lợi' đi, cứ bình thường hóa cái đã rồi khoản tiền 3,2 tỷ chúng tôi sẽ tìm cách viện trợ sau. Trưởng đoàn lúc ấy là ông Phan Hiền lập tức bay về Hà Nội báo với ông Nguyễn Cơ Thạch, ông Thạch thuyết phục Bộ Chính trị nhưng không được".

Khi Biên giới Tây Nam gần như được đặt trong tình huống chiến tranh và Trung Quốc đã được Ban Chấp hành Trung ương coi là "kẻ thù", Việt Nam bắt đầu nhận thấy vai trò của việc quan hệ bình thường với một siêu cường như Mỹ. Đầu năm 1978, ở Tokyo (Nhật), Thứ trưởng Ngoại giao Việt Nam Phan Hiền tuyên bố: "Việt

Nam sẵn sàng bình thường hóa vô điều kiện với Mỹ". Lúc này, Jimmy Carter gần như đã nghiêng về chủ trương "chơi lá bài Trung Quốc để ngăn chặn Liên Xô" theo đề nghị của Cố vấn An ninh Quốc gia Z. Brzezinski. Tổng thống Jimy Carter thừa nhận: "Yêu cầu lúc đầu của phía Việt Nam là chúng ta phải bồi thường chiến tranh theo một số cách thức. Nhưng cuối cùng, tôi nhớ là năm 1978, họ rút lại đòi hỏi này. Điều phức tạp là cũng năm đó, tôi phải dồn tâm trí và đích thân đàm phán bình thường hoá với Trung Quốc. Những cuộc hội đàm giữa Israel và Ai Cập lúc ấy cũng đang diễn ra tại trại David. Tôi phải nói rằng, năm 1978, vấn đề Việt Nam không còn là ưu tiên hàng đầu của tôi nữa"[274].

Cùng thời gian này, FBI tung ra vụ "gián điệp" liên quan đến đại sứ Việt Nam tại Liên Hiệp Quốc, ông Đinh Bá Thi. Ronald Humphrey, nhân viên của Cơ quan thông tin Hoa Kỳ, cùng David Truong, người của Hội Việt-Mỹ, bị bắt vì lấy cắp mấy bức điện tín được coi là không quan trọng lắm của Mỹ. Đại sứ Đinh Bá Thi bị trục xuất.

19-5-1978, một ngày trước khi Brzezinski tới Bắc Kinh, Đặng Tiểu Bình tuyên bố: Trung Quốc là NATO phương Đông; đồng thời Đặng ví Việt Nam với Cuba, một "tiền đồn của Liên Xô" ở bên cạnh Mỹ. Ngày 23-8-78, Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ, Cyrus Vance đi thăm Bắc Kinh.

Ngày 21-8-78, bảy hạ nghị sĩ thuộc cả hai đảng Dân chủ và Cộng hòa do Hạ nghị sĩ Dân chủ G.V.Montgomery, chủ tịch Ủy ban POW/MIA, dẫn đầu vẫn đến Hà Nội. Việt Nam đã cố bày tỏ thiện chí bằng cách trao trả cho Mỹ một số bộ hài cốt và cử ông Trần Quang Cơ đích thân dẫn đoàn vào miền Nam, thăm thánh thất Cao Đài và một trại người Campuchia tị nạn chiến tranh ở biên giới Tây Ninh. Đoàn của Hạ nghị sỹ Montgomery là đoàn người Mỹ đầu tiên được phép thăm Sài Gòn kể từ sau 30-4-1975. Nhưng, theo ông Trần Quang Cơ, quyết định chấp nhận công thức do phía Mỹ đưa ra "bình thường hóa vô điều kiện" vào lúc ấy đã là quá muộn.

Cuối tháng 9-1978, Thứ trưởng Ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch tới Mỹ sau một thời gian ông nằm ở Đà Nẵng dự thảo Hiệp định Hợp tác Toàn diện với Liên Xô. Cuộc đàm phán giữa ông Thạch và Holbrooke diễn ra lạnh nhạt. Theo ông Trần Quang Cơ, người có mặt trong cuộc đàm phán này, Holbrooke nói: "Mỹ coi trọng châu Á, Mỹ cần bình thường hóa quan hệ giữa hai nước nhưng lo ngại Liên Xô đặt căn cứ ở Cam Ranh". Lúc đó, theo dự đoán của người Mỹ, có khoảng từ 3.500-4000 cố vấn Liên Xô đang có mặt ở Việt Nam[275].

Những ngày sau khi kết thúc chiến tranh, Lê Duẩn đã khá thận trọng trong mối quan hệ với Liên Xô và Trung Quốc, nhưng độc lập luôn bị thách thức trong mối quan hệ với những người "anh em cộng sản". Cả Liên Xô lẫn Trung Quốc đều đặt Việt Nam vào thế phải đứng hẳn về một bên.

Ngày 31-8-1975, trên đường đi dự Quốc khánh Việt Nam, Tướng Trần Tích Liên, ủy viên Bộ Chính trị, tư lệnh Quân khu Bắc Kinh, đã không đi thẳng tới Hà Nội mà dừng chân tại Khu Gang Thép Thái Nguyên. Tại Nhà máy đang được xây dựng bởi Trung Quốc này, Tướng Liên đọc một diễn văn kêu gọi "chống bá quyền" mà ai cũng biết là chống Liên Xô. Hà Nội đã khá mềm dẻo khi Thủ tướng Phạm Văn Đồng vẫn "ôm hôn thắm thiết" Trần Tích Liên, nhưng các báo xuất bản tại Việt Nam không nói gì tới bài diễn văn "chống bá quyền" của Trung Quốc.

Cuối tháng 9-1975, khi Lê Duẩn tới Bắc Kinh, Đặng Tiểu Bình, người mới được phục chức phó thủ tướng sau khi bị "bè lũ bốn tên" đưa ra khỏi Trung Nam Hải, nêu vấn đề "chống bá quyền" và ngầm khuyên nhủ Việt Nam liên kết với Bắc Kinh chống lại Moscow. Khi đáp từ, Lê Duẩn đã tránh đề cập tới "bá quyền" đồng thời "cám ơn sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em" tất nhiên là bao gồm Liên Xô. Sự né tránh đứng hẳn về phía Trung Hoa và vấn đề Hoàng Sa đã khiến cho chuyến đi của Lê Duẩn hoàn toàn thất bại: Trung Quốc từ chối viện trợ; Lê Duẩn từ chối thảo luận thông cáo chung; tiệc liên hoan bị hủy bỏ.

Trung Quốc càng ngờ vực Việt Nam hơn khi một tháng sau đó, trong chuyến đi tới Moscow, Lê Duẩn có một "Thông cáo chung", theo đó, Việt Nam nhất trí với Liên Xô trong đường lối đối ngoại. Đây là một thay đổi lớn. Tháng 3-1976, khi tham dự Đại hội XXV của Đảng Cộng sản Liên Xô, Lê Duẩn nhấn mạnh: Mỗi đảng cộng sản có thể theo đuổi một đường lối riêng, phù hợp với điều kiện của mỗi nước[276].

Liên Xô đã từng bất ngờ khi Việt Nam từ chối gia nhập khối Comecon[277] trong khi xin gia nhập IMF. Tháng 12-1976, khi đến Hà Nội dự Đại hội Đảng lần thứ IV, Suslov được mô tả là đã giận dữ khi lần thứ hai thất bại trong việc thuyết phục Việt Nam vào Comecon[278]. Nhưng để "tiến nhanh lên xã hội chủ nghĩa", Việt Nam lại rất cần tiền bạc. Trong khi đó, Trung Quốc cắt viện trợ, Liên Xô từ chối giúp đỡ, hy vọng vào 3,2 tỷ đô la "bồi thường chiến tranh" của Washington tiêu tan. Phạm Văn Đồng bị các nước lớn như Anh, Đức cự tuyệt và người Pháp thì lạnh nhạt. Ở trong

nước, từ năm 1977, chính sách "sản xuất lớn" áp dụng vội vàng lại gây ra đói kém, mất mùa.

Ngày 2-6-1977, trên đường từ Đông Âu trở về, Đại tướng Võ Nguyên Giáp ghé qua Bắc Kinh, nhưng người đối đẳng với ông là Bộ trưởng Quốc phòng Diệp Kiếm Anh đã không ra sân bay đón. Tướng Giáp gần như đã bị làm nhục trong suốt chuyến đi này[279]. Một tuần sau, khi Thủ tướng Phạm Văn Đồng dừng chân ở Bắc Kinh, Phó Thủ tướng Trung Quốc Lý Tiên Niệm chính thức cáo buộc Hà Nội "lật lọng đối với Công hàm 1958".

Sau những sự cố ngoại giao đó, Việt Nam càng cảnh giác cao với Bắc Kinh. Ngày 2-5-1978, Ủy ban Thường Vụ Quốc hội ra Quyết định đổi một đồng tiền dùng chung cho hai miền. Theo đó, một đồng ngân hàng miền Bắc được đổi bằng một đồng tiền mới; 0,80 đồng tiền miền Nam "ăn" được một đồng. Không có biến động đáng kể vì lần đổi tiền này không nhằm "cải tạo tư sản" dù được đưa ra ngay sau "cải tạo tư sản". Lý do công khai là "để thống nhất tiền tệ trong cả nước". Nhưng, theo ông Nguyễn Nhật Hồng, đồng tiền Chính phủ Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam phát hành tại miền Nam từ ngày 22-9-1975 là tiền thuộc lô "Hàng 65" được Trung Quốc giúp in. Tuy nhiên, sau khi in, bản kẽm bị "bạn" giữ lại, Việt Nam xin lại mấy lần không được. Năm 1978, nhằm tránh Trung Quốc sử dụng bản kẽm mà họ đang giữ để in tiền tung ra phá hoại, Chính quyền cho đổi "Hàng 65" bằng một loại tiền mới được in từ Tiệp Khắc.

Sự căng thẳng giữa Trung Quốc-Việt Nam càng thêm kịch tính sau cái chết của nữ nghệ sỹ Thanh Nga. Đêm 26-11-1978, vào lúc 23 giờ 30, xe của nghệ sỹ Thanh Nga rời rạp hát về đến trước nhà riêng ở số 114 Ngô Tùng Châu, Quận 1, thì bị một kẻ lạ mặt dùng súng khống chế người bảo vệ và chồng của nghệ sỹ Thanh Nga, luật sư Phạm Duy Lân. Cùng lúc, kẻ lạ mặt thứ hai dựng xe honda, nhảy vào bắt con của Nghệ sỹ Thanh Nga là bé Cúc Cu đang ngồi ghế sau với mẹ. Nghệ sỹ Thanh Nga chống trả quyết liệt, Luật sư Lân từ ghế lái xe quay lại hỗ trợ vợ, lập tức bị kẻ lạ mặt nổ súng bắn chết. Thanh Nga hét lên và đến lượt chị cũng bị bắn. Hai kẻ lạ mặt tẩu thoát.

Cái chết của vợ chồng nghệ sỹ Thanh Nga làm rúng động cả nước vì khi bị bắn, chị chưa kịp thay bộ đồ "Thái hậu Dương Vân Nga", một vai diễn hừng hực lửa chống "kẻ thù phương Bắc". Trước đó, Thanh Nga cũng đã nhận được một số thư từ

đe dọa khi chị diễn vai Trưng Trắc trong Tiếng Trống Mê Linh và đã từng bị ném lựu đạn khi đang diễn trên sân khấu Lux. Vụ án Thanh Nga vì thế lúc đầu được coi như là một chuyên án chính trị. Quan tài hai vợ chồng quàn tại 81 Trần Quốc Thảo thu hút hàng vạn người Sài Gòn[280].

Sự cự tuyệt của Trung Quốc và Mỹ cuối cùng đã đặt Việt Nam vào thế "nhất biên đảo". Từ tháng 7-1977, các phái đoàn quân sự của Liên Xô bắt đầu đến các căn cứ quân sự cũ của Mỹ ở miền Nam. Tháng 10-1977, chuyến thăm Việt Nam của phái đoàn quân sự Liên Xô được công khai trên các phương tiện truyền thông. Cùng lúc, Trung Quốc tăng cường viện trợ quân sự cho Pol Pot.

Giữa tháng 10-1978, ở New York, Nguyễn Cơ Thạch hối thúc các nhà đàm phán Hoa Kỳ ký thỏa thuận bình thường hóa. Có lẽ ông Thạch cũng muốn có một nỗ lực cuối cùng. Nhưng Hoa Kỳ đã từ chối vì ba "trở ngại" mới: sự thù địch của Việt Nam với Campuchia, mối quan hệ với Liên Xô, và tình trạng gia tăng thuyền nhân Việt Nam. Sau một tháng trời chờ đợi, Nguyễn Cơ Thạch phải rời New York tay không, ông chuyển tiếp ở Paris, rồi từ đó qua thẳng Moscow. Trước đó, sáng 30-10-1978, Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng đã rời Hà Nội trên một chiếc Ilyyushin-62 bay tới Liên Xô. Ngày 3-11-1978, Hiệp ước Hợp tác Toàn diện với Liên Xô trong vòng hai mươi lăm năm, bao gồm điều khoản cho Liên Xô sử dụng cảng Cam Ranh như một căn cứ quân sự, đã được ký kết.

Hiệp ước đã như một "món quà" đối với Đặng Tiểu Bình. Hai ngày sau, ông ta đến Thái Lan, bắt đầu chuyến công du ASEAN, thuyết phục các quốc gia ở đây coi Việt Nam và Liên Xô, thay vì Trung Quốc, là mối đe dọa chính. Trong khi đó, vững tin vào mối quan hệ với "siêu cường", Việt Nam bắt đầu xử lý mối bận tâm ở phía Tây Nam đất nước.

"Áo lính lại khoác vào ngay"[281]

Từ tháng 6 đến tháng 12-1978, Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức bốn hội nghị Bộ Chính trị, Quân ủy và Ban Chấp hành Trung ương để bàn về vấn đề Campuchia. Tính từ tháng 12-1977 đến ngày 14-6-1978, có 6.902 bộ đội Việt Nam bị hy sinh, 23.742 bị thương; ngoài ra, có 4.100 thường dân bị thương và bị giết. Trung ương xác định phải giải quyết cuộc chiến tranh biên giới Tây Nam càng nhanh càng tốt.

Ngày 13-12-1978, 10/19 sư đoàn của Pol Pot tấn công Việt Nam trên toàn tuyến biên giới. Ba sư đoàn đã đánh vào Bến Sỏi hòng chiếm Tây Ninh. Hai sư đoàn đánh

vào Hồng Ngự, Đồng Tháp. Hai sư đoàn đánh vào Bảy Núi, An Giang. Hai sư đoàn đánh vào Hà Tiên. Một sư đoàn đánh vào Trà Phô, Trà Tiến, Kiên Giang.

Ngày 23-12-1978, Lực lượng quân Việt Nam với nòng cốt là ba quân đoàn chủ lực cùng với lực lượng của các Quân khu V, VII, IX, dưới sự chỉ huy của Tướng Lê Trọng Tấn, bắt đầu tấn công trên toàn mặt trận, đẩy Khmer Đỏ lùi dần về phía Tây. Khmer Đỏ không bất ngờ trước những phản ứng này. Nhưng thay vì tập hợp lực lượng để đối phó với Việt Nam, Pol Pot đã tranh thủ thanh lọc quân đội, đảng và cả nhân dân, để có những "người Khmer thuần khiết" nhằm "bảo vệ đất đai và nòi giống"[282].

Những cuộc thanh trừng của Pol Pot đã đẩy hàng loạt sỹ quan của Khu Đông phải chạy vào rừng như Ouk Bun Xươn, Heng Somrin, Chea Sim, Hun Sen. Những người này về sau đã tới Việt Nam. Trong thời gian đó, ông Lê Đức Thọ bay vào Nam để chuẩn bị cho một giải pháp chính trị. Một nhóm lãnh đạo gồm bảy người do Lê Đức Thọ lựa chọn từ số những người Khmer tập kết còn sót lại và số vừa chạy sang từ Khu 203. Lê Đức Thọ cũng dựng lên một "Ủy ban Trung ương Mặt trận Đoàn kết Cứu nước" gồm mười bốn người rồi đưa về Campuchia tổ chức lễ ra mắt tại Mimot vào ngày 2-12-1978.

Một lực lượng đặc công cũng được giao nhiệm vụ đột nhập Hoàng cung để tìm Hoàng thân Sihanouk nhưng thất bại. Lá bài Sihanouk lần nào cũng được Trung Quốc khai thác hữu hiệu hơn Việt Nam. Ngày 5-1-1979, Pol Pot đã nghe lời khuyên của Bắc Kinh, đề nghị Sihanouk đến Liên Hiệp Quốc lên án "hành động xâm lược của Việt Nam". Ngày 6-1-1979, ông Hoàng đã lên chiếc Boeing 707 của Bắc Kinh bay sang BangKok.

Ngày 7-1-1979, Quân đội Việt Nam vượt phà Neak Lương tới Phnom Penh nhanh tới mức lực lượng Khmer Đỏ chỉ kịp rời thành phố trước khi đại quân tới khoảng một giờ. Ngày 11-1-1979, Yeng Sary mới chạy đến biên giới Thái Lan và được quân đội Thái đưa về BangKok để đi tiếp tới Bắc Kinh. Ngày 13-1-1979, Yeng Sary bị Đặng Tiểu Bình trách mắng. Trong khi đó, ở Liên Hiệp Quốc, Sihanouk đọc diễn văn lên án "hành động xâm lăng của Việt Nam" đồng thời tố cáo chế độ bạo tàn của Pol Pot.

Theo đề nghị của Sihanouk, Liên Hiệp Quốc đã đưa ra thảo luận nghị quyết buộc Việt Nam rút quân khỏi Campuchia. Tuy nhiên, nghị quyết này đã bị Liên Xô dùng

quyền lực Thường trực Hội đồng Bảo an phủ quyết. Từ phiên họp của Liên Hiệp Quốc, Sihanouk bí mật tìm gặp Đại sứ Mỹ Andrew Young, nhưng nước Mỹ đã đẩy Sihanouk trở lại tay của Đặng Tiểu Bình khi từ chối yêu cầu của ông xin tị nạn.

Chỉ hai ngày sau khi Việt Nam đưa quân vào Phnom Penh, 9-1-1979, Ngoại trưởng Mỹ Cyrus Vance tuyên bố với ông Trần Quang Cơ: "Các cuộc nói chuyện Mỹ-Việt về bình thường hóa đã tan vỡ do cuộc xâm lược Campuchia của Việt Nam"[283]. Ngày 15-12-78, Mỹ và Trung Quốc ra thông cáo chung, chính thức công nhận nhau và tuyên bố thiết lập quan hệ ngoại giao từ ngày 1-1-79. Ngày 29-1-1979, Jimmy Carter đón Đặng Tiểu Bình tại Washington bằng hai mươi phát đại bác. Đặng Tiểu Bình biết ảnh hưởng quốc tế của cuộc chiến tranh xâm lược Việt nam nên đã thông báo với Tổng thống Carter mức độ "giới hạn" của cuộc tấn công. Tuy khuyên Đặng "không nên có hành động xâm lược", nhưng trong cuộc họp riêng giữa hai người, Carter không cho Đặng thấy là cuộc tấn công sẽ ảnh hưởng đến bang giao của hai nước.

Vào lúc 5 giờ 25 sáng ngày 17-2-1979, Trung Quốc nổ súng trên toàn tuyến biên giới Việt Nam, đánh chiếm từ cực Tây Bắc (Phong Thổ, Lai Châu) đến cực Đông Bắc (địa đầu Móng Cái). Tiếng pháo chát chúa ở hướng Đồng Đăng và phía dốc Chóp Chài, Lạng Sơn đã dựng người dân dậy khi mờ sáng. Vào thời điểm ấy, Trung Quốc tập trung sát biên giới khoảng 450 nghìn quân[284] và sử dụng 200 nghìn quân trong ngày đầu xâm lược[285].

Việt Nam bị bất ngờ hoàn toàn[286]. Các lực lượng tự vệ ở khu vực Hữu Nghị Quan hầu hết bị quân Trung Quốc giết chết ngay từ những phút đầu tiên. Phụ nữ, trẻ em chỉ kịp chạy về phía sau hốt hoảng. Ở hướng Trà Lĩnh, Cao Bằng, hàng trăm người dân đã phải chạy vào hang núi tránh pháo và sáng ra, họ nhìn thấy quân Trung Quốc í ới gọi nhau ngay sát dưới chân.

Tháng 2-1979, ở biên giới, Trung Quốc có tới sáu mươi sư đoàn tinh nhuệ, trong khi ở phía Bắc, theo Tướng Lê Phi Long, cục phó Cục Tác chiến, lực lượng vũ trang Việt Nam tổng cộng chỉ còn khoảng mười một sư đoàn. Đội quân chủ yếu làm kinh tế ấy đã phải phản công trong điều kiện hết sức bất ngờ. Chỉ huy các đơn vị đóng tại Lạng Sơn, ngày 15-2-1979, còn được triệu tập để nghe nhận định: "Địch sẽ đánh ở cấp sư đoàn vào ngày 22-2"[287]. Ở Cao Bằng, sáng 16-2, tất cả các đồn trưởng biên phòng đều được triệu tập về thị xã Cao Bằng nhận lệnh. Sáng hôm sau,

khi họ cố tìm về đơn vị thì Trung Quốc đã tràn sang. Sáng 17-2, Đại đội 22 của thị xã Cao Bằng mới được trang bị thêm mười bảy khẩu súng chống tăng B41. Nhiều nơi, chỉ khi nhìn thấy chữ "Bát Nhất" trên xe tăng Trung Quốc, người dân mới hay đất nước lại chiến tranh.

Chỉ riêng ở Cao Bằng trong ngày 17-2, Trung Quốc đã sử dụng tới sáu sư đoàn, ở Lạng Sơn ba sư đoàn và Lào Cai ba sư đoàn. Hôm sau, 18-2, Trung Quốc tăng cường cho hướng Cao Bằng một sư đoàn và bốn mươi tăng; Lạng Sơn, một sư đoàn và bốn mươi tăng; Lào Cai, hai trung đoàn và bốn mươi tăng. Lực lượng Trung Quốc áp sát biên giới vào ngày 17-2 lên tới chín quân đoàn chủ lực[288]. Ngày 17-2, Trung quốc tiến vào Bát Xát, Lao Cai; chiều 23-2, Trung Quốc chiếm Đồng Đăng; 24-2, Trung Quốc chiếm thị xã Cao Bằng; ngày 27-2, ở Lạng Sơn, Trung Quốc đánh vào thị xã.

Tại Lào Cai, khu mỏ Apatit bị đập nát từ các nhà máy cho đến các thiết bị, máy móc; hai nhà ga gần nhất là Gốc Đa và Làng Pèng bị phá tan hoang; chiếc cầu nối đường sắt qua con suối chảy ra từ làng Cóc cũng bị lính Trung Quốc đánh sập. Sapa chỉ còn là một đống gạch vụn. Đồng Đăng, Lạng Sơn cũng bị tàn phá. Tại Cao Bằng, quân Trung Quốc lần lượt đập nát từng ngôi nhà, từng công trình và trước khi rút lui đã ốp mìn cho nổ tung từng cột điện.

Ở Bát Xát, Lào Cai, hàng trăm phụ nữ trẻ em bị hãm hiếp, bị giết một cách dã man ngay trong ngày đầu tiên quân Trung Quốc tiến sang. Tại thôn Tổng Chúp, xã Hưng Đạo, huyện Hòa An, Cao Bằng, trong ngày 9-3, trước khi rút quân, lính Trung Quốc đã giết bốn mươi ba người, gồm hai mươi mốt phụ nữ, hai mươi trẻ em, trong đó có bảy phụ nữ đang mang thai. Tất cả đều bị giết bằng dao như Pol Pot. Mười người bị ném xuống giếng, hơn ba mươi người khác, bị chặt ra nhiều khúc, thây vứt hai bên bờ suối.

Bằng một lực lượng nhỏ hơn rất nhiều, các đơn vị biên giới đã nhanh chóng tổ chức chiến đấu. Con đường tiến vào thị xã Cao Bằng đã được quân Trung Quốc gọi là những "khe núi đẫm máu"[289]. Đặc biệt, Tiểu đoàn Đặc công 45, được điều lên sau ngày 17-2, chỉ cần đánh trận đầu ở kilomet số 3, đường từ Cao Bằng đi về xuôi qua đèo Tài Hồ Sìn, cũng đã khiến cho quân Trung Quốc khiếp vía. Mãi tới ba tuần sau quân Trung Quốc mới chiếm được thị xã Lạng Sơn, trong khi đây là nơi mà Đặng

muốn chiếm được ngay trong tuần đầu tiên hòng gửi một thông điệp đe dọa tới Hà Nội.

Khoảng 25.000 lính Trung Quốc bị chết, 37.000 quân khác bị thương. Tổn phí chiến tranh hết khoảng 5.5 tỷ Nhân dân tệ trên tổng chi tiêu ngân sách năm 1979 của Trung Quốc là 22,3 tỷ. Cuộc chiến mà Đặng Tiểu Bình nói là để "dạy cho Việt Nam một bài học", theo các nhà phân tích quân sự phương Tây, "chính Việt Nam mới là người đã dạy cho Trung Quốc bài học" [290]. Những người dân Biên giới cho đến hôm nay vẫn nhớ mãi hình ảnh "biển người" quân Trung Quốc bị những cánh quân Việt Nam cơ động liên tục, đánh cho tan tác. Đầu tháng 3-1979, trong khi hai sư đoàn 346, Cao Bằng và 338, Lạng Sơn, thọc sâu đánh những đòn vu hồi, quân đội Trung Quốc đã bộc lộ là một đội quân đã quá lâu không ở trong tình trạng sẵn sàng tác chiến.

Ngày 2-3-1979, như để giải thích cho việc "án binh bất động" khi đồng minh của mình bị tấn công, tại Moscow, Tổng Bí thư Brezenev tuyên bố: "Đừng ai nghi ngờ việc Liên Xô trung thành với Hiệp ước Hữu nghị và hợp tác gắn bó Liên Xô với Việt Nam". Cùng ngày 2-3-1979, hãng thông tấn xã Tass của Liên Xô phát đi một tuyên bố: "Quân đội Trung Quốc phải rút ngay khỏi lãnh thổ Việt Nam... Những tên xâm lược Trung Quốc cần biết rằng chúng càng gây nhiều tội ác bao nhiêu, thì sẽ càng bị trừng phạt nghiêm khắc bấy nhiêu" [291].

Ngày 4-3-1979, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam ra lời kêu gọi "toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đoàn kết một lòng, anh dũng tiến lên". Lời kêu gọi cho rằng, "ngày nay, chúng ta có sức mạnh vĩ đại hơn bao giờ hết, sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc và của ba dòng thác cách mạng của thời đại". Ngày 5-3-1979, Hội đồng Chính phủ ra Nghị định số 83-CP, "quân sự hóa toàn dân, vũ trang toàn dân" nhằm "đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của bọn phản động theo chủ nghĩa bành trướng Trung Quốc". Cùng ngày, Chủ tịch nước ra lệnh "Tổng động viên". Trên báo Nhân Dân, Hoàng Tùng xã luận: "Cả nước đánh giặc, toàn dân là lính".

Cùng thời điểm đó, hai quân đoàn tinh nhuệ nhất của Việt Nam, sau khi đuổi Pol Pot khỏi Phnom Penh, được vận chuyển bằng máy bay ra phía Bắc: Quân đoàn II lên Đồng Mỏ, Lạng Sơn; Quân Đoàn III tới Na Rì, Bắc Kạn.

Ngày 6-3-1979, Trung Quốc tuyên bố "chiến thắng" rồi bắt đầu rút quân.

Chương VI: Vượt biên

Ngày 7-8-1987, khi Trần Minh Triết[292] lên thuyền, anh kể: "Tôi thấy chuyến vượt biên còn có hai thầy giáo và hai người bạn học cùng lớp của mình". Những năm ấy, người dân miền Nam nói: "Nếu cây cột đèn mà biết đi chắc nó cũng đã bứng đất mà đi mất". Nếu như những gì xảy ra trong các trại cải tạo có thể được giữ kín, thì vượt biên lại là vấn đề gây chú ý ngay sau khi có các thuyền nhân tới được vùng biển quốc tế. Những chiếc thuyền đánh cá nhỏ nhoi chở hàng trăm người đối chọi với sóng dữ, với cướp biển, với sự thờ ơ của các quốc gia lân bang đã gây rúng động dư luận.

"Vượt biên"

Vụ vượt biên đầu tiên bị bắt và bị đưa ra công khai do "đám chủ công ty vàng lá Kim Thành" tổ chức. Nhưng, do tính đơn lẻ của nó, chính quyền và dư luận chưa đánh giá vượt biên thực sự là một vấn đề. Báo chí Sài Gòn, kể cả tờ báo của của nhóm các dân biểu đối lập trước 30-4-1975 như Ngô Công Đức, Hồ Ngọc Nhuận, Dương Văn Ba, cũng coi những người vượt biên này như tội phạm.

Vụ việc được nhật báo Tin Sáng viết: "Lực lượng võ trang giải phóng quận Nhà Bè vừa tóm được trọn ổ bọn người định vượt biên trốn ra nước ngoài đem theo một số lượng lớn vàng và kim cương vào ngày 22-8 vừa qua. Được biết kẻ chủ mưu là đám chủ công ty vàng lá Kim Thành. Đám này đã đứng ra tổ chức cho một số tài phiệt Hoa kiều và một số sĩ quan chế độ cũ trốn ra nước ngoài. Hiện nay cả bọn đang bị câu lưu và chờ ngày ra tòa xét xử"[293]. Báo Sài Gòn Giải Phóng còn cho biết thêm: "Phần lớn số này là những sĩ quan nguỵ ác ôn, trốn tránh học tập cải tạo"[294]. Tờ Tin Sáng viết tiếp: "Sau khi cả bọn bị bắt, Ủy ban Quân quản đã đến tiếp thu căn nhà lầu hai tầng tại số 39 Phan Châu Trinh vào lúc 4 giờ 15 phút ngày 26-8. Đây là tiệm vàng Kim Đô, bán các loại nữ trang bằng vàng ở phía ngoài, nhưng phía trong là cả một cơ sở đúc vàng".

Biên bản họp Trung ương Cục do ông Hà Phú Thuận lập vào ngày 3-9-1975 cho biết chi tiết vụ vượt biên đầu tiên này: "Ta còn bắt giữ chín tên: La Quang, Sầm Hào Tài, Đặng Ngôn, Đào Hưng, Huỳnh Diệu Quang, Lê Văn Y và Nguyễn Văn Thôi.

Hai tên sau cùng là nhân viên hàng không, nhiều lần tổ chức mua bán vàng lậu từ Hong Kong - Sài Gòn và Sài Gòn – Hong Kong thời Ngụy. Khi bắt Lê Văn Y ta lấy được 200 lượng vàng. Sơ kết, ta đã lấy được 8.437 lượng vàng 24 cara; 70 hột xoàn từ một đến năm ly; 182 triệu tiền miền Nam; 10.550 đôla, 1.700 tiền Thái Lan. Toàn bộ tiền vàng đã kiểm kê và giao cho ngân hàng". Chính quyền quân quản đã tịch thu nhà của chủ tiệm vàng Kim Thành. Quyết định này về sau sẽ có giá trị như một án lệ.

Biên bản ngày 3-9-1975 còn nhắc đến một vụ vượt biên nữa do "chủ hãng Việt Hoa, công ty Kiến Trúc tổ chức" mà chính quyền biết được qua lời khai của "cơ sở". Những người vượt biên trong vụ này khi bị phát hiện đã "đổ vàng xuống sông và xé đô la". Đặc biệt, theo biên bản: "Cơ sở ta cho biết, nó nói đã hối lộ cán bộ hai triệu nên nó được thả. Được về, nó tỏ ra hối tiếc với số vàng và đôla. Nó nhận xét có thể mua chuộc được cán bộ, cán bộ ta cũng ăn hối lộ nhưng ăn ít mà hở hang - thua Ngụy, ăn nhiều mà kín, những vụ hối lộ lớn hai ba năm sau mới bị lộ. Hiện nay chúng chuyển tiền ra miền Bắc về Hong Kong qua trung gian cán bộ. Chúng chủ trương có hai hy sinh: hy sinh tài sản còn sinh mạng thì tìm mọi cách để trốn ra đi bằng mọi đường chủ yếu là hối lộ… Có mấy vụ liên quan đến cán bộ như sáu cán bộ Ban Thống nhất ở không đăng ký và sau đó trốn đi. Một cán bộ Thông tấn xã Trung ương tên Lương Mạnh ở đường Nguyễn An Ninh đã làm biên nhận lấy hai triệu bạc cho cơ quan Thông tấn xã".

Đến tháng 11-1977, cuộc họp Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh bắt đầu ghi nhận hiện tượng vượt biên. Nghị quyết 44/NQ-77 của cuộc họp này viết: "Trên lĩnh vực an ninh chính trị nổi lên các hiện tượng đáng chú ý như số vụ, số người bỏ Tổ quốc chạy trốn ra nước ngoài vẫn tiếp tục tăng trong đó có cả cán bộ, nhân viên đang công tác trong các cơ quan nhà nước... Đối với một bộ phận nhân dân, thậm chí cả một số ít cán bộ, đảng viên, trước khó khăn về đời sống kinh tế… đã xuất hiện tâm lý dao động, băn khoăn, hoài nghi, đặc biệt là giới trí thức và tầng lớp trung gian, thiếu tin tưởng ở tiền đồ của Cách mạng".

Ngày 7-5-1979, tại Hội nghị Cải tạo Công thương nghiệp Tư doanh diễn ra tại Thành phố Hồ Chí Minh với thành phần gồm lãnh đạo các tỉnh thành từ Bình Trị Thiên tới Minh Hải, ông Võ Văn Kiệt nói: "Tôi xin nêu vài con số về số người trốn ra nước ngoài: Từ tháng 10-1978 đến tháng 3-1979, có trên 20.000 người, không kể

số người Hoa ta cho họ đi sau khi cải tạo. Trong số này có trên 1.500 cán bộ, nhân viên, cán bộ khoa học, kỹ sư, bác sỹ… Đáng chú ý, có trên ba mươi vụ cướp tàu đánh cá trốn, mười lăm vụ cướp chúng ta ngăn chặn được"[295]. Nhưng ngay sau đó, ông Võ Văn Kiệt thừa nhận: "Những con số trên đây còn thấp so với sự thật".

Chỉ tính riêng những người may mắn được cứu vớt đưa tới các trại tị nạn, con số đã cao hơn nhiều số được báo cáo. Năm 1975 mới chỉ có 377 người; năm 1976 đã tăng đến 5.619 người; năm 1977 tăng lên 21.276 người; năm 1978, con số cao gấp tám lần so với mức thống kê của chính quyền, 106.489 người; năm 1979, chỉ tính đến tháng 7, đã là 292.315 người[296].

Không chỉ có vượt biên bằng thuyền, một số không nhỏ khác thậm chí còn đến Thái Lan qua ngả Campuchia trong những năm tháng Quân đội Nhân dân Việt Nam đang đánh nhau với Khmer Đỏ. Năm 1981, khi nhà văn Phan Nhật Nam đang ở trong tù, vợ và hai con ông, một chín tuổi, một mười bốn tuổi đã theo đường bộ qua ngả Campuchia. Ông Nam nói: "Không hiểu nhờ phép màu nào mà vợ con tôi trốn thoát. Ở biên giới Campuchia - Thái Lan có đêm giày lính Pol Pot gần như đạp ngay trước mặt".

Tháng 11-1985, sau chín lần vượt biên bằng thuyền bất thành, và sau khi gia đình được chính phủ Thụy Điển bảo lãnh nhưng không được Việt Nam cho phép, chàng trai hai mươi mốt tuổi Lê Phương Đông đã đi bộ suốt bốn tháng theo ngả Campuchia. Anh bị quân đội của Son Sann[297] bắt cùng bốn người Việt Nam khác. Cả bốn người bị giam giữ tại trại lính của Son Sann và bị buộc phải lao động khổ sai. Sau mấy tháng, Đông và ba người cùng đi được một người lính Thái Lan giúp trốn thoát. Tháng 4-1987, Đông được đưa sang Thụy Điển.

Lê Phương Đông là con trai của nữ nhà văn Nhã Ca và nhà thơ Trần Dạ Từ. Cả hai đều bị bắt, và cho tới khi Đông tới Stockholm, ông Trần Dạ Từ vẫn đang ở trong tù. Từ trường hợp của vợ chồng nhà văn Nhã Ca, năm 1981, chính phủ Thụy Điển và Hội Văn bút Quốc tế bắt đầu gây áp lực lên chính quyền Hà Nội yêu cầu thả những nhà văn bị giam giữ. Năm 1984, Thụy Điển cũng đã bảo lãnh cho hơn 700 người Việt Nam ra đi.

Trước đó, ca sỹ Mỹ Joan Baez, người đã từng phản đối cuộc chiến tranh Việt Nam, năm 1979 đã dẫn đầu một cuộc biểu tình lên tới 12.000 người, đốt nến và đi bộ đến Nhà Trắng, cho công bố một thư ngỏ "phản đối chính sách tàn bạo của

Chính phủ Việt Nam". Ngày 20-7-1979, Cao ủy Tị nạn Liên Hiệp Quốc triệu tập một hội nghị về thuyền nhân Việt Nam tại Geneva với sáu mươi quốc gia tham dự. Tại hội nghị, Quốc Vụ khanh Bộ Ngoại giao Việt Nam, ông Nguyễn Cơ Thạch, nói "thuyền nhân" chỉ là "những phần tử bất mãn của chế độ cũ, những kẻ có nợ máu với nhân dân, những thành phần đĩ điếm, trốn tránh lao động".

Khi về nước, ông Nguyễn Cơ Thạch lại có thái độ khác. Ông Trần Quốc Hương (Mười Hương), bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VI, kể: "Tôi ra Hà Nội, Nguyễn Cơ Thạch chửi: các anh làm ăn thế nào để người ta vượt biên. Trong khi đó, anh Lê Đức Thọ lại nói, các anh phục kích bắt vượt biên là không nên. Tội gì làm cho mang tiếng. Không thể giữ được họ đâu, ngày xưa vợ con lính sống bằng lương Mỹ, giờ họ sống bằng cái gì. Tôi biết quốc tế có Cao ủy Tị nạn Liên Hiệp Quốc (UNHCR), tôi chỉ thị cho công an, phối hợp với họ làm chương trình cho họ 'đoàn tụ' đi. Cho đi hết. Ta không giữ cái đó làm gì. Đây là tội chúng nó, phải để chúng nó gánh"[298]. Ở thành phố, những nhà lãnh đạo như ông Mười Hương biết, "thuyền nhân" không phải là "những kẻ nợ máu hay đĩ điếm".

Từ "trí thức yêu nước"

Nhiều trí thức Sài Gòn cũ, không phải vô cớ, đã trở thành thuyền nhân. Con đường để họ phấn đấu trở thành "con cưng" của chế độ mới không hề bằng phẳng. Họ vừa có thể bị khinh rẻ bởi các đồng nghiệp cũ, vừa bị kỳ thị bởi các "trí thức xã hội chủ nghĩa" vừa từ miền Bắc vô, vừa bị bế tắc bởi môi trường làm việc thiếu thốn và không được chế độ mới hoàn toàn tin cậy.

Khi tình hình kinh tế trở nên khó khăn, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh quan tâm tới các trí thức Sài Gòn cũ bằng cách trợ cấp thêm mỗi tháng mấy lít xăng, mấy chục ký gạo, một ít than củi, nhưng lại không thể giúp họ phá vỡ những bức bách để có thể làm những điều mà người trí thức mong muốn. Vậy mà theo ông Võ Văn Kiệt: "Một số trí thức từ miền Bắc vào hoặc đi tập kết về than phiền, 'Thành ủy nuôi mấy ông cũ, tụi này heo nuôi'. Anh em ở ngoài vô cũng đòi tái đánh giá để cấp bằng lại đối với những trí thức trong Nam, kể cả những người đã làm tiến sỹ ở Pháp, Mỹ".

Những ngày ấy, tiến sỹ học ở Liên Xô về được tính hệ số 1, tiến sỹ ở Pháp được tính hệ số 0,9, còn tiến sỹ ở Mỹ thì chỉ được tính hệ số 0,8. Trong đợt đầu, một người từng lấy bằng tiến sỹ ở Mỹ, từng được phong giáo sư trước năm 1975 như

ông Chu Phạm Ngọc Sơn cũng chỉ được nơi ông giảng dạy đề nghị phong phó giáo sư[299]. Ông Chu Phạm Ngọc Sơn kể: "Nhà tôi, năm 1954 di cư từ Bắc vô, rất sợ, vì đang là trưởng Phòng Xét nghiệm của Bệnh viện Nhân Dân Gia Định. Giải phóng vô nói bả là giai cấp áp bức phải giao lại chức cho người khác không có chuyên môn lên thay. Cái bàn cũng không có ngồi mà bả không dám kêu ca gì cả".

Sau ngày 30-4-1975, Chu Phạm Ngọc Sơn là một nhà chuyên môn hợp tác toàn diện với chế độ. Ông và một số nhà khoa học khác thường không câu nệ khi nhận các đơn đặt hàng thực hiện những công trình "khoa học" phục vụ nhu cầu chính trị. Theo Tổng thư ký Hội Trí thức Yêu nước Thành phố Hồ Chí Minh Huỳnh Kim Báu: "Những năm ấy, các trí thức Sài Gòn vẫn nhận được điện thoại từ Văn phòng Thành ủy hỏi xem: 'Có công trình khoa học chào mừng 3-2 hay 19-5 không?'. Những Giáo sư như Phạm Biểu Tâm, Lê Văn Thới thì mắng ngay: 'Không có thứ khoa học nào gọi là khoa học chào mừng cả'. Nhưng một số người khác thì có, người thì làm ra chất tẩy rửa 'pentonic', người chứng minh 'ăn mấy ký khoai mì bổ bằng một ký thịt bò', người thì 'ăn bo bo nhiều dinh dưỡng hơn cả gạo'. Nhưng ngay cả những 'nỗ lực' đó cũng không giúp kiến tạo được lòng tin".

Giáo sư Chu Phạm Ngọc Sơn kể: "Nhìn vào lý lịch, thấy trước đây năm nào tôi cũng đi Mỹ nghiên cứu hoặc đi dạy, người ta cứ thắc mắc sao đi Mỹ quá trời. Tôi nộp đơn xin vô Hội Trí thức Yêu nước, mấy lần bị từ chối". Năm 1980, trong thời gian Giáo sư Chu Phạm Ngọc Sơn đi Liên Xô, một người con của ông vượt biên không thành. Người con gái của ông cũng cảm thấy bế tắc khi thi không đậu vào dự bị y khoa. Biết chuyện, ông Võ Văn Kiệt thỉnh thoảng qua lại, trò chuyện, khi hiểu thêm nội tình, ông nói với Giáo sư Sơn: "Thôi, anh cứ để cho cô ấy và mấy cháu đi, đi chính thức. Bên đó có điều kiện cho các cháu học hành. Sau này nếu các cháu trở về thì tốt, nếu không, tôi với anh cũng được làm tròn bổn phận".

Ông Huỳnh Kim Báu kể: Sau giải phóng, Bí thư Thứ nhất Lê Duẩn vào Sài Gòn, sau khi nghe Mai Chí Thọ, Trần Trọng Tân báo cáo tình hình, ông nói: "Nãy giờ có một chiến lợi phẩm rất lớn mà các đồng chí không đề cập, đó là lực lượng trí thức được đào tạo từ nhiều nguồn. Lenin nói, không có trí thức là không có xã hội chủ nghĩa". Tuy nhiên, theo ông Huỳnh Kim Báu, cách mà chính quyền sử dụng trí thức chủ yếu là "làm kiểng".

Giáo sư Phạm Hoàng Hộ tuy ở thời điểm đó vẫn còn là hiệu phó Đại học Khoa học, nhưng theo ông Báu: "Đấy chỉ là một chức vụ bù nhìn, không có vai trò gì trong giáo dục". Giáo sư Hộ là hiệu phó nhưng không phải đảng viên, nên khi có vấn đề gì thì những người trong Đảng họp riêng, quyết định xong, có việc nói với ông, có việc ông không bao giờ được biết. Từ rất sớm, Giáo sư Phạm Hoàng Hộ đã phản đối cách đào tạo đưa thời gian học chính trị quá nhiều vào chương trình. Ông cảnh báo: "Nếu chính trị can dự quá mạnh, các nhà khoa học sẽ mất căn bản".

Giáo sư Phạm Hoàng Hộ nói lên điều này sau khi chính ông đã được trải nghiệm trong những ngày học chính trị. Năm 1977, một lớp học kéo dài mười tám tháng về "Chủ nghĩa xã hội khoa học" dành riêng cho các trí thức miền Nam đã được tổ chức tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Võ Ba, người tham gia tổ chức lớp học này, kể: "Chính quyền tưởng rằng sau lớp học sẽ có được một tầng lớp trí thức của chế độ cũ yêu mến và phụng sự chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, nếu như Marxism đã từng được các trí thức miền Nam quan tâm như là một môn khoa học thì giờ đây họ lại nghe những giảng sư miền Bắc nói về Marx hết sức giáo điều. Chưa kể, những người đứng lớp còn rao giảng với tư thế của người chiến thắng, tự tôn, tự đắc". Những đảng viên tham gia lớp học như ông Võ Ba cũng thừa nhận: "Trước giới trí thức Sài Gòn, chính quyền đã thất bại ngay trong lần trình diễn đầu tiên".

Chưa kết thúc lớp học, Tiến sỹ Nguyễn Văn Trung, một giáo sư triết học nổi tiếng của Sài Gòn, một người được coi là "hẳn học với Giáo hội", đã coi cộng sản cũng là "một giáo hội". Tiến sỹ Nguyễn Văn Trung cho rằng hình thức "kiểm điểm" mà cộng sản áp dụng trong sinh hoạt chính là một thứ "xưng tội man rợ". Về đường lối, ông cho rằng: "Có thể có những điều Lenin nói đã đúng vào năm 1916, nhưng sau bảy mươi năm mà ta áp dụng là không lý trí". Còn Giáo sư Châu Tâm Luân thì khi nghe các giảng sư miền Bắc say sưa nói về con đường "tiến lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển chủ nghĩa tư bản" đã mỉa mai: "Sao không tìm hiểu xem sau chủ nghĩa cộng sản là gì để nhân tiện bỏ qua, mình bỏ qua luôn hai, ba bước".

Giáo sư Châu Tâm Luân lấy bằng tiến sỹ về kinh tế nông nghiệp ở Đại học Illinois, Mỹ, năm hai mươi lăm tuổi, trở về dạy cùng lúc ở hai trường đại học Minh Đức và Vạn Hạnh. Ông là một trong những trí thức phản chiến hàng đầu, bị chế độ Sài Gòn bắt giam đầu năm 1975 cho tới những ngày cuối tháng 4-1975 mới được Chính quyền Dương Văn Minh thả ra. Giáo sư Châu Tâm Luân là một thành viên của

nhóm "sứ giả" được ông Dương Văn Minh phái vào trại Davis[300] và được giữ lại ở đây cho đến trưa ngày 30-4-1975. Sau giải phóng, chính quyền xếp ông vào diện "người của ta". Ông là đại biểu khóa I Hội đồng Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời là ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

Về phía mình, Giáo sư Châu Tâm Luân cũng là một trong những trí thức kỳ vọng nhiều vào chế độ mới. Mấy tháng "sau giải phóng", giá cả sinh hoạt tăng vọt lên, trong khi dân tình lo âu thì ông lại cho là giá tăng vì "tâm lý", giống như cách giải thích thời ấy của chính quyền[301]. Sau khi cho rằng nhà nước không thể dùng ngoại tệ để nhập hàng như trước đây, Giáo sư Châu Tâm Luân viết: "Giờ đây không còn bọn tay sai đem máu của con em nhân dân đổi lấy đô la nữa thì cần phải tiết kiệm tối đa số ngoại tệ mà dân phải lao động đổ mồ hôi mới đem về được cho quốc gia… Vì vậy ngoài sự tiếp tay chánh quyền kiểm soát gian thương, chúng ta cũng cần kềm hãm bớt kẻ địch ở ngay trong lòng mình…"[302].

Khi trao cho Giáo sư Châu Tâm Luân nhiều trọng trách, Chính quyền nghĩ đơn giản ông là người "dùng" được. Nhưng, cũng như nhiều trí thức Sài Gòn, ông đã không hành xử như là một công cụ. Từ năm 1976, Giáo sư Châu Tâm Luân không được đứng lớp vì kiến thức kinh tế của ông là "kinh tế tư bản", tuy nhiên, ông vẫn còn được để ngồi trong Hội đồng Khoa học của trường. Chỉ ít lâu sau, Đảng ủy trường nhận xét ông muốn "tranh giành lãnh đạo với Đảng".

Giáo sư Châu Tâm Luân kể: "Tôi ngạc nhiên, chế độ cũ hai lần giao chức cho tôi mà tôi có màng tới đâu". Nhưng té ra vấn đề không phải là "ghế", mà là những ý kiến của ông ở Hội đồng Khoa học luôn luôn khác với ý kiến của chi bộ. Trong một cuộc họp, khi nghe ông Đỗ Mười thao thao nói về "hợp tác hóa", về chủ trương phải đưa những người bần cố nông lên làm lãnh đạo hợp tác và "phải đào tạo họ", Giáo sư Luân hỏi: "Nhà nước định đào tạo trong bao lâu?". Ông Đỗ Mười nói: "Tình hình gấp rút, đào tạo ba ngày". Giáo sư Châu Tâm Luân nhớ lại: "Tôi bắt đầu ngao ngán vì muốn thay đổi thì phải bắt đầu từ cái đầu mà… những 'cái đầu' thì như thế". Sau lần gặp ông Đỗ Mười, nhà kinh tế nông nghiệp Châu Tâm Luân được đưa về Viện Khoa học Xã hội.

Không chỉ có những đụng độ tại cơ quan. Ở Hội đồng Nhân dân, Giáo sư Châu Tâm Luân là trưởng Ban Nông nghiệp. Trong một phiên họp toàn thể thảo luận về các chương trình khoa học của Thành phố, sau khi nghe ông Luân tranh luận, một

đại biểu trong Hội đồng mặc quân phục đứng dậy xin ngưng cuộc cãi vã, và lớn tiếng: “Các chuyên viên đã để ra rất nhiều thời giờ soạn thảo, đại biểu đó tư cách gì mà đòi sửa qua sửa lại”. Ông Luân cố dằn lòng: “Tôi xin ngưng cuộc thảo luận, bởi như vị đại biểu vừa nói, đã có các chuyên viên nghiên cứu cho chúng ta rồi thì chúng ta chỉ còn là chuyên viên giơ tay thôi”. Chủ trì phiên họp, ông Mai Chí Thọ không nói gì, chỉ yêu cầu biểu quyết. Nhìn thấy ông Luân không giơ tay, ông Mai Chí Thọ hỏi: “Ai không chấp thuận?”. Ông Luân cũng không giơ tay, ông nói: “Toàn thể chấp thuận, một phiếu trắng”.

Một số cán bộ cách mạng tốt bụng bắt đầu lo lắng cho vị giáo sư trẻ tuổi này, một trưởng Ban Đảng khuyên: “Tôi sáu mươi tuổi, người ta vẫn xem tôi như con nít, phải ăn nói thận trọng lắm. Anh nhớ, anh chỉ mới hơn ba mươi tuổi”. Giáo sư Châu Tâm Luân kể: “Tại diễn đàn của Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tôi đề nghị phải áp dụng ‘kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước’. Ông Xuân Thủy nghe, nói với tôi: ‘Anh phải có người đỡ đầu, anh về nói với Sáu Dân đi’. Tôi trả lời ông Xuân Thủy: ‘Nếu tôi nói đúng thì các anh phải nghe chứ sao lại cần người đỡ đầu?’. Sau đó, ông Mai Chí Thọ nhắc: ‘Cậu đúng, nhưng áp dụng như vậy thì phức tạp quá, làm sao chúng tôi quản lý được. Muốn làm phải có những người như cậu. Mà nói thật chúng tôi chưa thể tin hoàn toàn những người như cậu'”.

Theo ông Luân: “Những năm ấy, tôi chê ông Võ Văn Kiệt nhất, ‘xé rào’ là vá víu; phải ‘phá vỡ’ để áp dụng kinh tế thị trường chứ không thể phá những đoạn rào. Ông Mai Chí Thọ nghe, nhắc: ‘Phải giữ chính quyền trước hết, chính sách sai thì còn sửa được chứ mất chính quyền là mất hết’. Về sau tôi mới thấy ông Mai Chí Thọ đã nói rất thật lòng, họ đã ngủ rừng hàng chục năm để có chính quyền, làm sao họ để mất cái mà họ vừa giành được đó”.

Hai vợ chồng Giáo sư Châu Tâm Luân đều học ở Mỹ. Trước năm 1975, gia đình ông đã định cư ở một nước Bắc Âu, nhưng cả hai đều chọn con đường về nước. Sau năm năm cố gắng chòi đạp trong chế độ mới, ông không tìm thấy một cơ may thay đổi nào. Đầu năm 1979, ông vẫn còn được trả lời phỏng vấn các phóng viên nước ngoài, nhưng càng về sau thì không thấy nhà báo nào gặp ông nữa. Giáo sư Châu Tâm Luân nói: “Tôi bắt đầu có dự cảm bất ổn. Khi tình cờ gặp một vài phóng viên, nghe họ nói mấy lần đến Việt Nam xin gặp tôi đều được chính quyền trả lời là Giáo sư Châu Tâm Luân đang đi công tác xa. Tôi biết tôi đang dần dần bị cô lập”.

Dù từng hoạt động trong các phong trào chống đối dưới chế độ Sài Gòn, ông Huỳnh Kim Báu vẫn phải thừa nhận: "Trước 1975, mặc dù chính quyền bị coi là bù nhìn, nhưng trí thức vẫn được trọng dụng, họ có quyền thực sự trong chuyên môn. Sau giải phóng, chính quyền được nói là của mình nhưng trí thức gần như chỉ được dùng như bù nhìn, trong khi đa phần họ là những người khảng khái".

Năm 1977, có lần hệ thống nước máy của Thành phố bị đục, ông Võ Văn Kiệt mời các nhà trí thức tới hiến kế. Nhiều người phát biểu, riêng ông Phạm Biểu Tâm ngồi im. Ông Kiệt hỏi: "Sao vậy anh Tâm?". Ông Phạm Biểu Tâm nguyên là chủ tịch Hội Sinh viên Hà Nội trước 1945. Năm 1963, con gái Ngô Đình Nhu là Ngô Đình Lệ Thủy thi y khoa đã bị ông đánh rớt dù bị nhà Ngô gây áp lực. Ông là một nhà giáo được sinh viên kính nể. Ông Tâm được nói là rất quý ông Kiệt, nhưng có lẽ do quá bị dồn nén, ông đứng dậy nói: "Từ ngày mấy anh về, cái đầu trí thức khỏe, vì cái gì cũng đã có mấy anh nghĩ hết. Nước là chuyện mấy anh đâu phải chuyện tụi tui".

Một thời gian sau, Giáo sư Phạm Hoàng Hộ trả lại chức hiệu phó. Trường sợ mang tiếng không nhận, ông khóa phòng, giao chìa khóa, tự chấm dứt vai trò "chim kiểng" của mình. Theo ông Võ Văn Kiệt, Thành ủy vẫn để Giáo sư Phạm Hoàng Hộ hàng năm sang Pháp dạy học. Trong một lần đi Pháp, ông ở lại luôn bên đó rồi viết thư về cho ông Kiệt nói rằng, công việc nghiên cứu nhiều, ông cần phải ở nơi có phương tiện cho ông làm việc, khi nào đất nước thực sự cần, ông sẽ về.

Còn Giáo sư Châu Tâm Luân, nhân một buổi tối rủ ông Võ Ba tới nhà chơi, đã đưa cho Võ Ba coi một tập đánh máy hai mươi trang về "tình hình kinh tế nông nghiệp miền Nam", rồi nói: "Võ Ba ơi, mình rất mừng vì bản báo cáo này của mình đã được Mặt trận Tổ quốc đánh máy gởi đi. Hai lần trước thì họ không chịu đánh máy. Nhưng, Võ Ba ạ, họ đánh sai hết, những thuật ngữ như ma trận họ đánh thành mặt trận ông ạ". Mấy hôm sau, Võ Ba chạy qua nhà Giáo sư Luân thì thấy cửa đóng, bên trong thấp thoáng bóng mấy công an đến "chốt nhà". Cho dù, sang tới Thái Lan ông bị các thuyền nhân khác đánh rất đau, khi viết thư về, trả lời câu hỏi của ông Huỳnh Kim Báu, "liệu vượt biên có phải là một quyết định sai lầm", Giáo sư Châu Tâm Luân vẫn cả quyết: "Không, Báu! Dù phải trả giá đắt, mình vẫn thấy đi là đúng".

Trong số các trí thức miền Nam, ông Võ Văn Kiệt "xếp" Giáo sư Châu Tâm Luân vào hàng "khó tính". Tuy nhiên, ông kể: "Đến nhà Châu Tâm Luân mình rất thích vì

ảnh thẳng thắn, nghĩ sao nói vậy, có khi như búa bổ. Ảnh hy vọng khi đất nước hòa bình, với sự phì nhiêu của đất đai miền Nam, sẽ có dịp thi thố giúp phát triển nền nông nghiệp. Nhưng một thời gian sau, thấy cơ chế như thế thì không thể nào đóng góp được".

Một người khác từng quen biết Bí thư Thành ủy Võ Văn Kiệt nhưng cũng phải vượt biên là Kỹ sư Phạm Văn Hai, giám đốc nhà máy dệt Phong Phú. Ông Phạm Văn Hai là người đưa kỹ nghệ nhuộm vào miền Nam. Ông có hai người con, một người được đặt tên là Phạm Chí Minh, một người là Phạm Ái Quốc. Sau ngày 30-4, ông Phạm Văn Hai vẫn nhiệt tình tư vấn để phục hồi ngành dệt và nghiên cứu chất kích thích cây cỏ. Nhưng năm 1977 ông quyết định "đi". Vượt biên hai lần, cả hai lần đều bị bắt. Lần đầu bị bắt ở Kiên Giang, Thành ủy lãnh. Lần hai, bị bắt ở thành phố, ông Võ Văn Kiệt vào thăm, ông Hai nói: "Cho dù anh quan tâm nhưng như thế này thì không làm được". Ông Võ Văn Kiệt thừa nhận: "Những người như Kỹ sư Phạm Văn Hai, như Giáo sư Châu Tâm Luân…, nếu chỉ khó khăn về cuộc sống họ sẽ vượt qua, nhưng nếu bị đặt vào hoàn cảnh không thể đóng góp thì họ không chịu được. Tôi cũng không biết làm gì hơn, chỉ đề nghị mấy ảnh đừng vượt biên nguy hiểm".

Ông Võ Văn Kiệt nhớ lại: "Tôi tiếc đứt ruột khi để những anh em trí thức ấy ra đi, nhưng biết là nếu họ ở lại thì cơ chế hiện thời cũng chưa cho phép mình sử dụng họ". Trước khi vượt biên, ông Dương Kích Nhưỡng, một công trình sư cầu cống, thủy điện, nói với ông Võ Văn Kiệt: "Ước mơ của các anh rất đẹp, nhưng các anh làm như thế này là không được. Đi đâu cũng nghe nói tới nghị quyết, làm cái gì cũng chỉ theo tinh thần nghị quyết này, chủ trương kia thay vì theo pháp luật. Trị nước mà bằng nghị quyết và chỉ thị chung chung thì không được".

Tổng Thư ký Hội Trí thức Yêu nước Huỳnh Kim Báu nhớ lại: ông Kiệt biết là các trí thức bắt đầu vượt biên, ông gọi tôi lên và dặn "Nghe ngóng, nếu có anh em trí thức bị bắt ở đâu, anh phải lãnh về". Khi nhận được tin công an Bình Thuận bắt giam Kỹ sư Dương Tấn Tước, ông Kiệt cấp giấy cho ông Báu ra Bình Thuận xin "di án về Thành phố". Ông Báu kể: "Công an Bình Thuận thấy giấy của Thành ủy thì cho nhận 'can phạm'. Nhưng khi anh Tước thấy tôi mừng quá định kêu lên, tôi đã phải giả vờ làm mặt lạnh, bước tới, còng tay anh Tước. Dọc đường, tôi cứ phải làm thinh mặc cho Kỹ sư Dương Tấn Tước ngơ ngác. Qua khỏi Bình Thuận, tôi mới mở còng và giải thích: Công an Bình Thuận mà biết, người ta chụp đầu cả tôi".

Đích thân ông Kiệt cũng nhiều lần đến các trại giam để bảo lãnh các trí thức. Theo ông Phạm Văn Hùng và Nguyễn Văn Huấn, hai người giúp việc thời đó của ông, hình thức "xử lý" đối với những trí thức vượt biên của "Anh Sáu Dân" là kêu tụi tôi đích thân đi làm lại hộ khẩu và sổ gạo cho họ. Nhưng phần lớn các trí thức đã ra đi lặng lẽ. Giáo sư Châu Tâm Luân kể: "Tôi đi tất cả sáu lần. Lần bị giữ lâu nhất là ở Rạch Giá, cả tháng trời. Nhưng tôi không khai mình là ai. Như bốn lần trước, ở nhà cứ lo một cây vàng thì được thả".

Có những người không chịu nhờ Thành ủy, hoặc "lo" bằng vàng. Theo ông Huỳnh Kim Báu, khi vượt biên bị bắt, Giáo sư Lê Thước đã tự sát.

Đến "thường dân"

Sau ngày "giải phóng", dồn dập các sự kiện xảy ra trên khắp miền Nam: hết sỹ quan, công chức bị đưa đi "học tập", đến cải tạo tư sản, đến đổi tiền rồi đưa dân đi kinh tế mới. Người dân miền Nam vừa chịu cảnh gia đình ly tán, vừa bắt đầu phải đứng xếp hàng mua những thực phẩm vốn chưa bao giờ thiếu ở vùng đất màu mỡ này.

Bác sỹ Nguyễn Đức Tuệ[303] kể: "Ba tháng sau ngày 30-4, cha tôi mất sau khi nhìn cảnh đời thay đổi khác hẳn với những gì mà ông chờ đợi. Cảnh nhà đơn chiếc sau khi ông anh thứ hai của tôi di tản, hai ông anh còn lại bị đưa đi cải tạo. Mẹ tôi rơi vào khủng hoảng. Những người bà con từ Nghệ An vào đều hỏi tôi đúng một câu: chúng mày có ăn học tại sao lại không đi Mỹ. Những người giữ chức vụ lớn trong chính quyền dạy chủ nghĩa cộng sản, trước đám đông nói khác, nhưng ngồi trong gia đình thì không giấu được khi nói về một miền Bắc xã hội chủ nghĩa điêu tàn. Họ cảnh cáo tôi về những chuyện đấu tố sắp xảy ra. Trong tổ dân phố của tôi cũng bắt đầu ám chỉ việc gia đình có người đi Mỹ, nhà cho Mỹ mướn, con có liên hệ đến Nguyễn Văn Thiệu… Mẹ tôi nghe rồi trở bệnh".

Nhưng điều mà một bác sỹ như ông Nguyễn Đức Tuệ cảm thấy đụng chạm trực tiếp tới mình là khi chứng kiến chính trị chen vào mọi mặt. Những buổi học tập chính trị, những buổi họp tổ là dịp để các bác sĩ thiếu tay nghề bù đắp bằng cách cố tranh đấu được đứng vào "hàng ngũ Đảng". Phương châm "hồng thắm hơn chuyên" đã khiến cho trình độ y khoa của các bác sĩ ngày càng đi xuống. Bác sỹ Tuệ kể: "Trong những buổi sáng giao ban ở bệnh viện Bình Dân, chúng tôi đã phải ngồi chịu trận nghe các đồng chí y sĩ từ rừng ra răn dạy các thầy tôi như đại Giáo sư Phạm

Biểu Tâm, Giáo sư Trần Ngọc Ninh! Bệnh viện Bình Dân, nơi tôi làm việc, vốn là một bệnh viện nổi tiếng về giải phẫu, càng ngày càng thiếu thuốc men phương tiện, các cuộc mổ xẻ thiếu thuốc mê và thiếu dụng cụ".

Sau vụ "nạn kiều", chiến tranh lại xảy ra ở hai đầu đất nước. Giặc giã, đói kém, sự sợ hãi đến từ cả bên trong lẫn bên ngoài, khiến cho lượng người vượt biên tăng vọt trong khoảng cuối năm 1979, đầu năm 1980. Một trong những người bắt đầu vượt biên sau chiến tranh là Lục Phương Mai.

Cha Mai, ông Lục Văn Sáu, là một kỹ sư Tây học nổi tiếng trong ngành xây dựng, gia đình có nhiều người nắm những chức vụ có nhiều quyền lực trong chế độ Sài Gòn, nhưng vợ ông Sáu lại là Việt Cộng. Anh em Lục Phương Mai không thể nào di tản theo các thành viên khác của đại gia đình vì vào đúng chiều 28-4-1975 thì ông Lục Văn Sáu mất. Khi đó, mẹ Mai vẫn còn đang bị chính quyền Sài Gòn giam trong một nhà tù ở Thủ Đức. Sáng 30-4-1975, khi anh chị em Mai đang cúng "mở cửa mả" cho cha thì "Việt Cộng vô", mẹ Mai một mình lê lết đi bộ ra khỏi nhà tù. Mãi tới khoảng 3 giờ chiều mấy anh em mới tìm thấy mẹ.

Ba mươi tháng Tư, với gia đình Mai, không phải là một ngày đoàn tụ, và những ngày tiếp theo thì còn khốn khổ hơn nhiều. Trước đây, ngoài thu nhập của ông Lục Văn Sáu, gia đình còn có thể sống phong lưu nhờ vào khoản tiền mà cuối thập niên 1960 chính quyền ông Nguyễn Văn Thiệu trả cho ông nội Mai, địa chủ Lục Phương Giản, sau khi trưng mua ruộng đất của ông để thực thi chính sách "người cày có ruộng". Sau 30-4-1975, khoản tiền nằm trong ngân hàng Việt Nam Thương Tín ấy không còn giá trị.

Mẹ Lục Phương Mai dù có công nuôi giấu nhiều cán bộ cao cấp của Cách mạng, nhưng khi ra tù thì cũng không còn sức để nhận được bổng lộc, chức tước gì. Mấy cô tiểu thư họ Lục bắt đầu nhìn những "con phe" tới nhà khênh ra từng chiếc tủ lạnh, cây đàn. Năm 1979, anh rể Lục Phương Mai là Thượng sỹ Hải quân Việt Nam Cộng Hòa Trần Văn Ngọt, một "chuyên gia tổ chức vượt biên", thu xếp để mấy chị em ra đi.

Vượt biên khi ấy là lối thoát của những gia đình đã từng dính dấp tới "ngụy" như Thượng sỹ Trần Văn Ngọt. Trong khi những người vợ sỹ quan đi học tập phải son sắt đợi chờ thì con cái họ được gửi lên những chiếc "thuyền" của bạn bè. Theo ông Phan Lạc Phúc: "Khi tôi đi cải tạo, con gái út tôi mới có năm tuổi. Khi tôi về nó đã

mười lăm tuổi, bắt đầu thiếu nữ. Các chị nó vượt biên hết cả chỉ còn nó ở lại với mẹ cháu đợi tôi".

"Ra đi" cũng là một quyết tâm mãnh liệt của những người trở về từ các trại cải tạo. Mặc dù ai ra trại cũng được nhận xét trong tờ lệnh là "đã nghiêm chỉnh chấp hành chính sách cải tạo khoan hồng độ lượng của Đảng và Nhà nước", nhưng họ bắt đầu cảm thấy mình lại đang bước vào một nhà tù lớn hơn, bởi trên thực tế, họ vẫn không thực sự có tự do. Cả con cái và gia đình đều không nhìn thấy tương lai. Không có một chỗ đứng nào cho họ ở trong chế độ.

Năm 1977, ông Vượng[304] được ra khỏi trại cải tạo. Sau khi trình diện ở phường, ông được một sỹ quan an ninh "rất dễ thương" tới gặp và yêu cầu hợp tác. Công việc tưởng như đơn giản: Mỗi tuần một lần báo cáo gặp ai, đi đâu, có ai từng là tình báo của chế độ cũ mà trốn học tập không. Ông Vượng nói: "Tôi hợp tác một tháng để không gây nghi ngờ rồi trốn khỏi Sài Gòn và từ lúc đó bắt đầu tìm đường vượt biên". Không tính một lần có ý định vượt biên qua ngả Campuchia, bốn lần khác bị lộ trước khi lên thuyền nên chỉ kịp chạy thoát thân, đến lần thứ sáu ông Vượng mới tới được Malaysia.

Tháng 2-1985, họa sỹ Chóe trở về sau gần chín năm nằm sàn xi măng ở số 4 Phan Đăng Lưu và lao động giữa rừng Gia Lai, bệnh phong thấp và bệnh tiểu đường bắt đầu nặng thêm. Nhưng sức khỏe không phải là thứ có thể dễ dàng quật ngã con người khát khao làm việc của Chóe. Từ một cây cọ phản chiến, ông giờ đây phải "đeo" tờ giấy xác nhận thành phần là "văn nghệ sỹ phản động". Bà Kim Loan, vợ ông, nhớ lại: "Không có công ăn việc làm, ông ấy càng ngày càng phẫn uất rồi trở thành u uất". Một trong rất ít người tới thăm họa sỹ Chóe lúc bấy giờ là Huỳnh Bá Thành, nhưng Chóe từ chối tất cả những đề nghị giúp đỡ của Thành, kể cả việc nhập lại hộ khẩu[305].

Ngày 7-4-1976, khi an ninh tới tòa soạn tờ Lao Động Mới[306] bắt Chóe, ông Tổng Biên tập Tống Văn Công nói với người chỉ huy tên là Đô: "Tôi thấy Chóe làm bất kể giờ giấc, anh ấy muốn đóng góp, muốn hòa nhập. Tôi xin lấy sinh mạng chính trị của mình ra đảm bảo". Ông Đô liền nói: "Anh biết gì mà đảm bảo".

Năm 1985, Chóe đến nhà Tống Văn Công: "Bạn bè cũ tránh tôi như hủi, anh có dám tiếp tôi không?". Họ ngồi với nhau rất lâu, cho dù Chóe không nói ra nhưng ông Công biết người họa sỹ tài ba này đang bế tắc, ông nói: "Mình tự thấy không

đủ tư cách khuyên Chóe điều gì, vì chín năm trước mình đã không bảo vệ được bạn. Mình chỉ góp ý, nếu đi thì đi chính thức, vượt biên nguy hiểm lắm". Sau lần gặp ấy, Chóe biến mất. Gần hai năm sau, một ngày đầu tháng 8-1987, Chóe đột ngột xuất hiện trước mặt Tống Văn Công, áo quần nhếch nhác. Tống Văn Công chưa kịp hỏi, Chóe đã nói: "Mới ra tù. Hồi đó, tôi vượt biên, bị bắt".

Sau gần mười năm ở Khám Chí Hòa, năm 1985, nhà báo Đoàn Kế Tường cũng được ra tù. Mặc dù biết vợ ông đã bán nhà, vượt biên, quyết định tha của Trại vẫn trả ông về căn nhà ở đường số 2, làng Báo Chí Thủ Đức. Ông Tường về, bấm chuông, một người phụ nữ trung niên ra mở cửa nhìn ông ái ngại, nói: "Căn nhà này xui lắm, em tù tội, lại bị vợ bán nhà bỏ đi. Chồng chị đi kháng chiến về, chị mua nhà này ở chưa được bao lâu thì ổng bỏ chị đi lấy vợ khác. Thôi, nếu không có chỗ nào để về thì cứ ở đây với chị". Đọc được sự chia sẻ khá chân thành của người chủ mới, nhưng ông Đoàn Kế Tường chỉ cám ơn rồi về nhà chị gái mình.

Bà chị gái thương em, nhưng trong cái không gian chính trị ngột ngạt lúc đó, chứa trong nhà "một thằng tù phản động" như Tường là điều không phải dễ dàng, nhất là mấy đứa con của bà chị đã có mấy năm "hòa nhập vào chế độ mới". Bà chị dặn: "Cậu nên ra khỏi nhà lúc 5 giờ sáng và về sau 11 giờ, đừng để công an khu vực nó thấy thằng cậu đi tù về, khó cho mấy đứa".

Vào đúng rằm tháng Tám năm 1985, Đoàn Kế Tường nhảy xe Kamaz lên Đaklak. Trời tối, mưa như trút, Tường lang thang từng rẫy cà phê xin việc. Ông kể: "Tờ giấy tùy thân duy nhất mà tôi có là giấy ra tù, không ai dám nhận. Đến nửa đêm thì gặp rẫy của một thiếu tá cảnh sát đi học tập về, ông nhận. Ông cựu thiếu tá dựng cho tôi một cái chòi trên hai mẫu cà phê đang phục hóa. Cực nhọc nhưng dù sao cũng có việc làm. Được ít lâu thì anh Trần Hữu Thọ con trai Đại tá Việt Nam Cộng hòa Trần Hữu Dũng đi qua thấy tôi khổ quá, kêu về nhà ông ở cùng, ngày làm rẫy, tối dạy học cho mấy đứa con của anh". Làm được gần một năm thì, một buổi sáng, ông Thọ ra phố ăn sáng về kể, đội Cảng Sài Gòn lên đá ở Buôn Mê Thuột, ông gặp huấn luyện viên Tam Lang ở đó. Tường buột miệng: "Tam Lang là bạn tôi". Sáng hôm sau, ông Thọ lại ra phố thuật lại với Tam Lang, Tam Lang xác nhận: "Mai nếu anh lại ra thì đưa nó đi cùng cho tôi gặp". Gặp nhau, Tam Lang khuyên Tường: "Sài Gòn thiếu gì việc. Về đi, ở đây làm gì".

Sài Gòn đúng là có rất nhiều việc, nhưng tù phản động như Đoàn Kế Tường thì cho dù trình độ cỡ nào, lúc đó cũng chỉ có thể đạp xích lô. Một người bạn giới thiệu với Hội thánh Tin Lành để nơi này cho mượn một chiếc xích lô, Tường và một người bạn chia nhau đạp. Đoàn Kế Tường kể: "Sau đổi tiền, kinh tế càng xuống tận đáy, ăn còn không đủ lấy đâu tiền đi xích lô". Đấy là những năm Sài Gòn đầy những ông đạp xích lô trong khi ngóng khách ở các ngả ba, ngả tư, tranh thủ đọc các cuốn sách tiếng Anh, tiếng Pháp. Nhiều người trong số họ cũng vừa mới đi tù về.

Ông Tường kể: "Một bữa dong xe cả buổi mà không có người khách nào, tình cờ gặp thằng bạn thân chạy chiếc Honda tới. Tôi muối mặt hỏi: Tao đói quá, mày cho tao xin mười đồng. Thằng bạn nói đợi chút tao quay lại. Tôi đợi tới trưa không thấy. Về nhà, bà chị cho một lượng vàng, bảo vượt biên đi".

Đoàn Kế Tường xuống Cà Mau, tham gia vào chuyến vượt biên do một cựu tù cải tạo, ông Nguyễn Thụy Quế, tổ chức. Ông Tường kể: "Chúng tôi lên một chiếc ghe chở heo chạy từ Năm Căn ra Ngọc Hiển. Gặp con nước ròng, ghe phải tấp lại chờ. Trên bờ, từ một quán cà phê, bài hát Quê Hương[307] cứ được phát lặp đi lặp lại. Năm ấy, Quê Hương nổi như cồn, tôi ở Sài Gòn nghe, nghĩ: tào lao. Nhưng lúc chuẩn bị rời quê hương, tự nhiên xúc động quá. Tôi trốn ghe quay về, chị tôi chửi quá trời. Tôi chủ động tìm gặp Đỗ Trung Quân tính khen. Không ngờ Quân bảo: em mắc nợ anh, anh đi thì tốt hơn. Khi đó tôi chưa hiểu hết lời Quân nói".

Những ngày sau đó của Đoàn Kế Tường là ra ga Hòa Hưng xếp hàng để sau đó bán chỗ cho người đi tàu mua vé; đêm thì cho khách đợi tàu thuê chiếu và bán cho họ vài xô nước rửa mặt. Theo ông Tường, điều đó vẫn chưa phải là bi kịch. Một dịp trước ngày 30-4 năm 1987, như thường lệ, công an "truy quét tệ nạn xã hội", bắt tất cả về công an Quận 3. Sáng hôm sau, công an sàng lọc, ai có chứng minh thư, có hộ khẩu thành phố thì cho về, ông Tường chỉ có giấy ra trại thì bị giữ lại để chuẩn bị đưa đi tập trung cải tạo.

Ông Tường kể: "Đang đứng xớ rớ trong sân công an Quận 3 thì thấy Huỳnh Bá Thành[308] chạy xe Vespa vô. Anh ta dừng lại trước trước đám can phạm. Tôi cúi mặt xuống tránh. Lúc sau, ngẩng lên thấy ông vẫn nhìn trừng trừng, rồi hỏi: Đoàn Kế Tường à? Có lẽ thấy tôi tàn tạ quá, Huỳnh Bá Thành khóc, bảo công an tha tôi rồi cho tôi năm mươi đồng, dặn: mai mốt qua báo Công An gặp tao, có cả thằng Từ Kế Tường nữa. Tôi về, vào chùa Liên Trì gặp nhà sư Thích Không Tánh, hỏi nên không,

nhà sư gật đầu rồi nói: Tao đã phản động, thêm mày phản động nữa, cái chùa này sẽ không phật tử nào dám đến. Thầy Thích Không Tánh lúc ấy cũng chỉ mới ra tù".

Ông Tường kể tiếp: "Tôi lên, Huỳnh Bá Thành mua cho hai bộ quần áo rồi hỏi: 'Ông muốn đi thì tôi lo cho đi'. Tôi nói không, lúc này không vì bài Quê Hương nữa mà vì không muốn lại bị tù đày. Thành nói: 'Ông có một tuần để suy nghĩ'. Một tuần sau tôi cũng nói không đi. Thành hỏi: 'Muốn làm báo lại không, tôi đang cần những người có nghề'. Tôi nhận lời. Rồi Thành thu xếp dẫn tôi tới gặp ông Mai Chí Thọ[309], nhân một lần ông Thọ vào Sài Gòn. Sau khi ông Thành giải thích, ông Thọ hỏi: 'Chú mày dám bảo lãnh không?', ông Thành nói: 'Dám'. Ông Thọ kêu người đem giấy bút ra cho Thành cam kết. Thế là tôi trở thành người của Công an Thành phố Hồ Chí Minh, một tờ báo đang ăn khách lúc đó".

Bài báo đầu tiên đăng lên, tôi ký Đoàn Thạch Hãn nhưng bạn bè cũ vẫn biết đấy là tôi. Chị tôi mừng vì ngoài chuyện tôi có công ăn việc làm, từ một thằng tù phản động, tôi trở nên có thế ăn thế nói trong chế độ. Nhưng ngay sáng hôm báo ra, Đinh Viết Mâu, cựu thiếu úy biệt kích, là bạn thân trong Chí Hòa, đạp xe tới nhà chị tôi. Mâu lặng lẽ bước vào tát vào mặt tôi hai tát rồi nói: 'Thằng phản bội'. Rồi, giữa trời mưa như trút, Mâu đạp xe đi luôn. Tôi đưa bài báo cho ông Khai Trí[310], một bạn tù khác, ông nói: "Cậu viết không có gì xấu nhưng tôi đọc có cái cảm giác như cậu đang cầm quạt lông ngâm Kiều của Nguyễn Du trong động đĩ".

Ông Tường kể tiếp: "Có lẽ những người ca ngợi sự kiên cường của tôi khi còn ở trong Chí Hòa muốn tôi mãi mãi là người hùng trong mắt họ. Còn những người ở phía khác thì cũng nhìn tôi khinh miệt như nhìn một kẻ chiêu hồi. Khi nghe Đỗ Trung Quân nói 'em mắc nợ anh, anh nên đi', tôi chưa hình dung hết. Càng về sau, tôi càng hiểu vì sao phần lớn những người tù như tôi phải tìm lối thoát bằng cách vượt biên".

Năm 1982, ngay sau khi ra khỏi trại cải tạo, Trung úy Trần Quang Phước lo cho cả gia đình gồm mười bốn người vượt biên. Khi vừa ra cửa biển thì một lốc máy tàu bị hỏng. Chủ tàu đề nghị mọi người gom tiền để họ vào bờ mua phụ tùng sửa máy. Ai dè họ đi luôn. Mấy giờ sau thì tàu công an ra. Người tài công cố cho thuyền chạy bằng lốc máy còn lại. Trần Minh Triết, con trai ông Phước, năm ấy mười sáu tuổi, nhớ lại: "Một loạt đạn bắn thẳng vào buồng lái, xác người tài công văng xuống biển". Sau một thời gian chờ thanh lọc, vợ con ông Phước cũng như những đứa trẻ

khác, chỉ bị giam hai ngày rồi được tha về. Ông Phước bị giam tại trại giam Trần Phú.

Trần Minh Triết kể: "Một hôm, tôi đang thụt bida thì bà già sang, ngoắt ra, dắt đi ngay lên chùa Tĩnh Hội, Nha Trang. Đi không kịp mang quần áo. Mấy thầy chùa đưa về xóm Bóng gửi chờ bắt tàu vô Sài Gòn. Lúc đó mới hay, ông già trong khi được ra khỏi buồng giam đã tìm cách trốn trại. Từ đó, hai anh em tôi mỗi đứa được gửi một nơi, hai ông bà già cũng trốn chui, trốn nhủi. Cả nhà hiếm khi mới được gặp nhau. Dượng tôi đi tập kết về, là bác sỹ một bệnh viện lớn quen biết rất nhiều những người trong chế độ mới, nhưng cũng không thể giúp gì hơn. Một hôm ông bảo với ba má tôi: Anh nghĩ các em nên đi, ở đây sống không nổi đâu".

Nữ nhà văn Nhã Ca chỉ bị tù hơn một năm. Nhưng trong thời gian hai vợ chồng bà ngồi tù, chính quyền địa phương đã trục xuất ba người con của bà ra khỏi nhà. Căn biệt thự của ông bà trên đường Ngô Tùng Châu, Bình Thạnh, bị chính quyền lấy giao cho hợp tác xã mây tre lá. Ra tù, Nhã Ca đưa các con về nhà bà ngoại ở số 142 Tự Do. Bà chỉ định buôn bán làm ăn, nuôi con và chờ chồng - nhà thơ Trần Dạ Từ - đang bị đưa đi "cải tạo" trên trại Gia Trung. Nhưng áp lực đến với gia đình bà càng ngày càng thêm dồn dập.

Năm 1977, hai đứa con của bà, một mười bốn tuổi, một mười một tuổi, bị đuổi khỏi Nhạc viện Thành phố. Năm 1978, ngôi nhà dùng làm cửa hàng ở số 142, bấy giờ gọi là đường Đồng Khởi, bị niêm phong. Bị ép và lo sợ bị "xe cây" tới nhà "hốt đi kinh tế mới" như số phận của nhiều nhà tư sản khác, nửa đêm, Nhã Ca phải đưa các con về Cần Thơ ở nhờ nhà người thân. Bức bối và bế tắc, Nhã Ca đã phải để cho ba đứa con lên tàu vượt biên. Chuyến đi bất thành. Cả ba con của bà bị bắt.

Trước khi tới biển

Thời ấy, thường có hai dạng tổ chức vượt biển - tự túc, nghĩa là không dính líu gì đến công an, và mua bãi. Dạng thứ nhất thường gặp nguy hiểm hơn lúc xuống tàu rời đất liền. Mọi thứ đều lén lén, lút lút trong màn đêm. Những người này thường chọn những đêm không trăng, và chấp nhận bị bắt bất kỳ lúc nào. Dạng thứ hai, thường được mấy người tổ chức móc nối, sắp xếp ngày giờ trùng với ca trực của "tay trong" để đưa người xuống tàu. Không có dạng nào là chắc chắn, nhưng những người đã "móc nối" thì khả năng bị công an xông ra từ trong các lùm cây là ít hơn.

Không phải ai cũng có tiền có vàng để đóng cho các chủ tàu: "đĩ điếm" thì coi như đã hết thời sau ngày 30-4-75; những "gia đình ác ôn" không phải đi học tập thì trước đó không phải ai cũng có chức tước tiền bạc; những người mà chồng con đang ở trong trại thì còn phải mang gánh nặng thăm nuôi - đối với nhiều người vợ tù, nước có thể bỏ nhưng chồng trong trại giam thì không thể.

Trở lại câu chuyện của Thượng sỹ Trần Văn Ngọt và cô em vợ của ông, Lục Phương Mai. Ngày 7-6-1979, từ nhà, mấy chị em, dì cháu Mai đi xích lô máy ra bến xe miền Tây rồi đi xe đò xuống Tiền Giang. Họ "ém" trong nhà một nông dân, chờ đêm ập xuống thì nhảy lên một chiếc xuồng con chạy ra ghe lớn đang đậu chờ ngoài cửa sông. Theo dự kiến, 12 giờ đêm chiếc ghe lớn ấy sẽ bắt đầu hành trình. Nhưng khi vừa thấp thoáng thấy cửa sông thì bỗng từ trong bờ dừa nước, một chiếc bo bo xé nước phóng ra, ép sát con xuồng. Thượng sỹ Trần Văn Ngọt chưa kịp phản ứng đã ăn một báng súng khuỵu xuống. Tất cả trai tráng lẫn đàn bà con gái bị đưa về trại giam Tiền Giang. Ngay trong đêm, đoàn bị chia hai: nam một bên, nữ một bên. Và lập tức, quản giáo quát: "Cởi áo ra"; rồi, "Cởi quần ra"; rồi, "Cởi luôn quần lót". Quần áo, giày dép đều bị sờ nắn tới từng đường chỉ.

Trước khi ra đi, những người vượt biên đều đã dự liệu tình huống này nên khi chiếc bo bo vừa phóng ra, hạt xoàn, vàng, đô la đều đã bị ném không thương tiếc xuống nước. Với nhiều người, "thà để cá ăn, dứt khoát không để vàng bạc rơi vào tay Việt cộng". Nhưng Lục Phương Mai vẫn cố giữ lại hai lượng vàng. Trước khi cởi đồ, chị lén lút chuyển hai lượng vàng ấy cho cô cháu gái tên là Thùy, Thùy chuyền cho em gái là bé Tí Hương, năm ấy mới lên sáu tuổi không bị quản giáo để ý. Tí Hương nhét vàng vào bụng để rồi khi mấy dì cháu về buồng giam liền đưa lại cho dì giấu trong một tuýp thuốc đánh răng.

Chín anh em, dì cháu nhà Lục Phương Mai nằm khoảng hơn một tháng thì được mẹ viết thư lên Quận ủy "nhận lỗi là đã không giáo dục tốt con em để chúng nó làm điều sai quấy". Xét gia đình "có công với Cách mạng", mấy chị em Mai được tha, riêng Thượng sỹ Trần Văn Ngọt thì bị kêu án ba năm tù[311].

Nếu như chiếc thuyền vượt biên của Lục Phương Mai bị chặn ngay từ cửa sông thì thuyền của chị em nhà Ngô Hồng Ngọc[312] lại đã đi được nhiều giờ trên biển. Ngày 26-12-1983, Ngọc, lúc đó hai mươi ba tuổi, vượt biên cùng với một đứa em, hai người dì và bốn chị em họ khác. Ngô Hồng Ngọc kể: "Chúng tôi được đón bằng

xe buýt lớn, giống như một đoàn người hành hương, được đưa tới lăng Ngọc Hà - Bà Rịa, vào một nhà dân đợi tới đêm thì lên một thuyền nhỏ. Chiếc thuyền taxi này chạy khoảng một giờ thì tới địa điểm đón, từ đó chúng tôi được đưa vào một thuyền đánh cá.

Chiếc thuyền nhỏ này - ngang khoảng 2,5m, dài 15m - do sáu gia đình hùn tiền: Gia đình bác sĩ Vận cùng vợ và hai con trai nhỏ (bác sĩ Vận và vợ là y sĩ, họ có trách nhiệm lo sức khỏe cho mọi người cùng đi); một người hoa tiêu cùng gia đình; ông tài công cùng ba gia đình chúng tôi. Thế nhưng, khi được đưa vào thuyền lớn, một nhóm người đông hơn cả số đóng tiền, ém sẵn trước ở đấy, nhân lúc lộn xộn, cùng lên tàu. Thế là con tàu phải chở tới 126 người, lớn, bé, già, trẻ. Từ các tai mắt ở khu vực cho đến lực lượng thường xuất hiện ngoài "bến bãi" đều được "lo bao", lại đi vào dịp cận Tết, nên việc khởi hành diễn ra suôn sẻ".

Ngô Hồng Ngọc kể tiếp: "Hai chị em tôi được mẹ đưa cho một túi sâm cắt lát với lời dặn, lúc khát và mệt thì lấy ra ngậm. Mẹ cũng may lẫn trong gấu áo, gấu quần tôi 1 số tiền đô la Mỹ, trên tay đeo bốn nhẫn nhỏ loại một chỉ, với hi vọng khi tới đảo có thể dùng liên lạc về cho bố mẹ. Xuống thuyền, đàn bà và trẻ em được đưa vào dưới boong, chúng tôi nằm chen chúc lên những thanh gỗ đan vào nhau quét đầy nhựa đường. Mỗi đợt sóng đánh, ruột gan ai nấy quặn lên và ói. Em gái nhỏ của tôi đói và khát, những miếng sâm nhỏ mẹ cho chúng tôi đã nhấm hết mà vẫn không hết mệt. Anh Lê, một người bạn của gia đình tôi, phải đi 'ngoại giao' để mang về từng bát nước cháo cho chúng tôi chia nhau. Ngày thứ ba trên biển, lâu lâu anh Lê dìu hai chị em tôi lên boong để hít thở chút ít rồi phải quay lại hầm tàu".

Ngày thứ tư, thuyền bị cháy máy do tài công ngủ quên, cậu con trai châm nhớt không kịp. Một người em họ của Ngô Hồng Ngọc, Ngô Quang Hưng[313], năm ấy mới hơn mười tuổi, nhớ lại: "Trong mấy ngày đêm lênh đênh trên biển, mọi người cố lấy chăn mền căng ra làm buồm, cố ra được ngoài hải phận quốc tế. Có những đêm, nhìn thấy đèn tàu lớn ở phía xa, mọi người kêu gào, dùng đèn pin đánh tín hiệu SOS kêu cứu nhưng tàu lớn vẫn không vào. Có hôm, thấy máy bay bay ngang đầu, lại hò hét, lại hy vọng. Một chị đi tiểu trong cái 'toilet' được khoanh bằng một tấm bạt sát bên mạn thuyền, bị sóng đập rơi xuống biển… Cứ đêm đến là lại nghe tiếng sóng dập hòa lẫn với những lời cầu nguyện". Theo Hồng Ngọc: "Thuyền càng lắc mạnh tôi càng nắm chặt tay em gái, chúng tôi chỉ muốn sống chết có nhau. Xung

quanh, con gọi cha mẹ, vợ kêu chồng… Không ai còn hy vọng tới bến bờ tự do mà chỉ còn hy vọng sống".

Cuối cùng, mọi người thở phào khi nhìn thấy đảo. Nhưng khi con thuyền dạt vào cách đảo chừng 300m thì bị đâm vào đá ngầm, thủng đáy. Mọi người bò hết lên boong. Dân đánh cá và một số người bơi giỏi thì nhảy xuống để bơi vào bờ thoát thân. Ngô Quang Hưng kể: "Khi nhảy xuống, bác sỹ Vận bị bánh lái tàu đập vào đầu, chết. Cái chị đi toilet rơi xuống biển đêm trước, khi ở ngoài khơi thì cứu được, lần này lại bị chết khi cố bơi vào bờ". Theo Ngô Hồng Ngọc: "Hai mươi lăm người, cả nam lẫn nữ bị đập mạnh vào đá và bị sóng dập, chết ngay trước mắt chúng tôi: đàn ông nằm sấp, đàn bà nằm ngửa, xác họ nổi lên chỉ sau hai ba phút".

Con thuyền từ từ chìm. Một số người nhanh trí, lấy dây buộc vào các mỏm đá để phụ nữ, trẻ em bám vào, từng bước leo qua từng phiến đá lớn, quanh những xác chết. Thêm một số người chết do sóng đánh mắc kẹt vào kẽ đá. Ngô Hồng Ngọc kể: "Chừng một giờ sau, một đợt sóng lớn ập tới, từ đảo nhìn ra, thuyền của chúng tôi vỡ vụn thành những tấm gỗ mỏng trôi lênh đênh, cùng với xác người và một vùng loang của máu". Theo Ngô Quang Hưng: "Một ấn tượng cực kỳ khó quên là trên bờ có cơ man nào là dép Lào. Và nhiều mảnh gỗ không biết từ đâu dạt đến". Ngọc nói: "Có lẽ, không chỉ thuyền của chúng tôi lâm vào cảnh ngộ này".

Điều ám ảnh những người sống sót nhất, theo Ngô Quang Hưng: ""Khi các thuyền nhân đang đấu tranh với sóng, đá ngầm, bánh lái, để tìm cách lên bờ thì cũng là lúc thủy triều đang dâng. Cái mỏm đá mà chiếc ghe kẹt lại càng lúc càng xa bờ, chìm dần xuống. Không hiểu thế nào mà còn một cậu bé đứng trên mỏm đá đó khi những người còn sống sót đã lên hết trên bờ. Sóng thì quá mạnh. Vách đá dựng đứng. Ba bốn ngày đói khát. Khát khủng khiếp! Không ai có khả năng bơi ngược lại mỏm đá càng lúc càng xa bờ. Tất cả thẫn thờ đứng nhìn. Những cái xác bồng bềnh. Đàn ông sấp. Đàn bà ngửa. Biển ngập dần lên mỏm đá mà cậu bé đứng, lúc này chỉ còn là một cái chấm ngọ nguậy. Mọi thứ biến mất như chưa từng tồn tại trên đời: cái ghe, mỏm đá, cậu bé. Đoàn thuyền nhân quay lưng trèo lên đỉnh núi trước khi mặt trời lặn".

Gia đình Ngô Hồng Ngọc và gia đình người tài công may mắn còn nguyên vẹn. Vách núi, về sau mọi người mới biết là hòn Bảy Cạnh, dốc đứng, nhưng mọi người vẫn cố gắng trèo lên vì nước thủy triều. Ngô Hồng Ngọc nói: "Chúng tôi nắm tay

nhau cho qua cơn đói khát… Đau buồn nhất là gia đình bác sĩ Vận, ông chết trước mắt vợ con. Người vợ của ông giờ đó đã trở thành góa phụ lại bị gãy chân. Chị Thảo, em gái bác sĩ Vận, vừa dìu chị dâu vừa lo kéo hai thằng cháu nhỏ. Chúng vừa nhớ bố vừa đói khát, chốc chốc lại kêu: 'Bố ơi! Con đói quá. Bố ơi! Con lạnh quá'. Tối như đêm ba mươi. Không mấy ai để ý đến thời khắc giao thừa. Chúng tôi chỉ đợi trời sáng để leo qua đỉnh núi, hy vọng ở phía bên kia có người".

Nhưng ở phía bên kia vẫn chỉ là đảo hoang. Ngô Hồng Ngọc kể: "Chúng tôi bẻ củi, chất thành đống lớn, đợi trời tối để sưởi cho bớt lạnh và hi vọng tàu đi ngoài xa có thể nhìn thấy và tới cứu. Thêm một đêm ngóng trông. Khi đống lửa đã sắp tàn thì nghe có tiếng ca nô chạy vào bờ, tiếng súng bắn và sau đó tiếng loa phóng thanh: 'Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam… Công an nhân dân Côn Đảo… Yêu cầu bỏ vũ khí…đầu hàng!'. Vẫn là 'Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam'. Không gì có thể làm chúng tôi đau đớn hơn. Sáng mùng Ba Tết, chúng tôi được một xà lan lớn đưa ra biển và đưa vào núi lớn Côn Đảo".

Theo Hồng Ngọc: "Từ hôm đó chúng tôi được phát mỗi người hai bộ quần áo tù màu ghi đậm, vải thô xù xì rồi được đưa vào trong một phòng giam lớn, hai bên có hai bệ bê tông dài, ở giữa là lối đi. Chúng tôi nằm xếp lớp trên đó, không chăn, không gối. Hàng ngày, được phát hai lần cơm, lâu lâu mới có muối mè hay rau luộc. Sau giờ điểm danh sáng, cửa phòng mở, chúng tôi được đi lại, tắm rửa, hay lòng vòng quanh mấy hàng hiên. Một số người sẽ được gọi đi 'làm việc'. Đối diện với trại nữ là khu trại nam. Các tù nhân nam bị nhốt trong nhà, trừ những giờ ra ngoài đi lao động, trồng rau hay dọn vệ sinh. Khi chúng tôi tới, Côn Đảo không còn tù chính trị. Những người đang ở đây, phần lớn là dân vượt biên, những người bị giữ lâu nhất thường là dân 'có tóc' như chủ ghe, tài công".

Các thuyền nhân bị giữ ở Côn Đảo bốn tuần thì được đưa lên một xà lan lớn, chở vào trại giam Cỏ May, Vũng Tàu. Khác với Côn Đảo, trại giam Cỏ May giam đủ loại tù, tù chính trị hạng nặng bị nhốt riêng. Hồng Ngọc bị nhốt chung với các nữ tù chính trị và hình sự. Ngọc kể: "Trong phòng, có người tên là Dì Ba, nghe đâu từng làm sĩ quan tâm lý chiến thời Việt Nam Cộng Hòa, đã vượt biên sáu lần, cả sáu lần đều vô khám". Ngọc bị giam bảy tháng ở trại Cỏ May. Một người lính hải quân Việt Nam Cộng Hòa vì tội tổ chức vượt biên đã bị nhốt năm năm trong trại.

Năm 1985, Bộ Luật Hình sự của Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam lần đầu tiên ra đời, coi vượt biên là một tội hình sự, xếp chung vào nhóm tội "xâm phạm an ninh quốc gia". Trước đó, những người vượt biên bị bắt có thể bị giam mà không cần xét xử hoặc bị xử theo Pháp lệnh Trừng trị các tội Phản Cách mạng do Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành năm 1967. Theo Luật sư Trương Thị Hòa, người đã từng bào chữa cho một số bị cáo "vượt biên", tòa áp dụng khá linh hoạt các quy định trong Pháp lệnh 1967, tuy nhiên, phần lớn bị xử tù theo Điều 9: "Tội trốn theo địch hoặc vì mục đích phản cách mạng mà trốn ra nước ngoài".

Trại Gia Trung đã dạy cho Chóe những bài học dài ngày trong buồng biệt giam, để khi vượt biên bị bắt, anh thôi không "cãi" là mình vô tội nữa. Tại trại giam Công an Long An, anh đã rất "ngoan" nên "án" ba năm chỉ ở hai năm là được tha. Nhưng bị bắt ngày ấy vẫn được gọi là may.

Anh Phùng Văn Vinh[314] nhớ lại: "Mùa hè năm 1981, ở bãi biển Thanh Bình Đà Nẵng, có bốn người vượt biên bị bắn chết, xác trôi vào được xếp ngay hàng trên bờ chờ người tới nhận… Trên xác họ, đầy kín những lỗ đạn đen xỉn, ruồi vo ve bay… Một xác là của một người thanh niên lai Mỹ với mái tóc vàng óng, nằm dài ngoẳng so với những người còn lại. Nghe đâu sau đó có ba người được thân nhân tới nhận xác đưa về chôn, còn anh thanh niên lai Mỹ vì không có ai đến nhận, nên đã bị đưa đi mất vì dân chúng quanh đó không chịu nổi mùi thối… Tôi nghe những người lớn lúc đó thầm thì bàn tán, chính quyền cố tình để vậy để răn đe dân chúng trong vùng. Chẳng là dân Đà Nẵng có tiếng về chuyện liều mạng vượt biển". Nhưng đó chỉ là những cái chết được nhìn thấy.

Đường tới các trại tị nạn

Trong suốt một thập niên rưỡi sau 1975, vượt biên với nhiều người miền Nam là lối thoát duy nhất, nhưng cũng là lối thoát đắt giá nhất. Hàng nghìn người đã phải trả bằng chính sinh mạng của mình. Hàng ngàn người khác tuy "tới được bến bờ tự do" nhưng sự bình yên không bao giờ trở lại sau những nỗi kinh hoàng trên biển.

Ngày 24-10-1977, toán vượt biên của Bác sỹ Nguyễn Đức Tuệ[315] bước sang ngày thứ năm của hải trình thì xà lan bị hỏng máy. Họ phải gom hết "pông-sô" làm buồm lái về phía Thái Lan. Hai ngày sau, thực phẩm dự trữ mang theo bắt đầu cạn. Bác sỹ Tuệ kể: "Ban tổ chức cuộc vượt biên họp 'mở rộng' đưa ra 'chính sách công xã', gom thực phẩm của tất cả các nhóm trên xà lan, tập trung và chia đều khẩu phần

hàng ngày. Thùng nước trên xà lan được khử trùng bằng chlorine, đun nấu ăn và nước uống. Mỗi gói cơm sấy được nấu thành cháo chia cho gia đình mười người... Ngày thứ mười, có bốn chiếc thuyền buôn lớn đi qua, chúng tôi đốt lửa báo hiệu, chúng tôi vẫy tay, chúng tôi đánh cờ semaphore bằng quần áo… Nhưng những chiếc thuyền ấy đã bỏ đi mặc dù thấy nhóm người chúng tôi bơ vơ giữa biển trên chiếc xà lan nhỏ bé".

Chiều ngày thứ mười một của chuyến hành trình, theo Bác sỹ Tuệ: "Biển êm sóng lặng, chúng tôi chợt thấy một chiếc thuyền đánh cá neo lại từ phía xa chân trời. Hy vọng lại vươn lên trong buổi chiều trên biển. Chúng tôi vẫy tay, chúng tôi la hét, chúng tôi phất quần áo làm cờ ra hiệu nhưng không thấy những người trên thuyền đáp ứng. Cuối cùng, sự may mắn đã đến khi lưới đánh cá của chiếc thuyền đó trôi ngay gần chiếc xà lan! Hai người bạn trẻ tuổi, Đức và Thành, can đảm nhảy xuống biển, bơi đến, bám chặt lưới cho đến khi các ngư phủ Thái Lan kéo cả hai lên thuyền. Mọi người trên xà lan nhìn theo hồi hộp chờ đợi... Chiếc xà lan được những ngư dân Thái kéo vào thành phố Pattani ở bờ Đông Thái Lan vào ban đêm. Những ánh đèn thành phố nhìn từ ngoài biển là những ánh sáng hy vọng. Xà lan bị cô lập ở bến Pattani. Cảnh sát lên kiểm tra, chúng tôi không chánh thức được lên đất liền, nhưng được phép tiếp xúc với dân địa phương, được mua hàng và lần đầu tiên được uống Coca Cola sau hai năm kể từ ngày được giải phóng".

Toán vượt biên của bác sỹ Tuệ chỉ được ở lại Pattani hai ngày để mua thêm thực phẩm. Sửa chữa máy xong, xà lan của họ bị tàu Thái hộ tống đưa ra biển hướng về phía Songkhla nơi có trại tị nạn cho người Việt. Xà lan đi hai ngày, đến Songkhla, thấy bến nhưng bị tàu tuần Thái chĩa súng đuổi ra. Bác sỹ Nguyễn Đức Tuệ kể tiếp: "Một ngày sau, xà lan lại chết máy. 'Pông sô', áo mưa lại kết lại làm buồm, xà lan trôi nổi bảy ngày, cuối cùng nhờ có luồng nước kéo trở lại Songkhla. Xà lan tấp bến. Chúng tôi bồng bế nhau, già trẻ lớn bé lội xuống biển. Cùng lúc, dân Thái Lan tràn lên quăng hành lý xuống và cướp đi luôn, máy tàu bị họ phá và giật xuống biển. Cả đoàn phải ở ngoài bờ biển, màn trời chiếu đất, ban đêm chúng tôi đào những hố cát để làm giường tránh gió và canh chừng cho các bà các cô, sợ dân Thái Lan hãm hiếp. Ban ngày dân địa phương bu quanh nhìn chúng tôi bị rào bởi vòng rào dây thừng như đi xem sở thú. Họ quăng đồ ăn, quăng trái cây vào như cho khỉ ăn. Tự do chưa thấy chỉ thấy cướp".

Ba ngày sau, ông tỉnh trưởng Songkhla xuất hiện với lính cận vệ. Họ dẫn theo sáu mươi bảy thuyền nhân khác đi bằng thuyền từ Phú Quốc đến Songkhla. Chính sách Thái lúc bấy giờ không nhận người tị nạn. Những người này bị đuổi ra bãi để nhập chung với nhóm của Bác sỹ Tuệ. Ông Tuệ kể: "Tôi biết chút tiếng Mỹ, đứng nói chuyện với tỉnh trưởng Songkhla xin ở lại. Tỉnh trưởng Songkhla cầm gậy chỉ huy đánh vợ tôi đang bồng con trên tay, miệng thì la 'let's go'. Các con của những phụ nữ khác cũng bị giằng ra khỏi tay mẹ, ném từng đứa một lên xà lan, các bà mẹ đành phải theo con. Lính Thái đánh anh Hải chảy máu mũi. Tôi đứng bên cạnh ông tỉnh trưởng, nổi nóng tiến gần ngay cạnh ông ta, cận vệ sợ tôi đánh ông tỉnh trưởng, một người vội vàng rút khẩu súng Colt lên đạn chĩa vào đầu tôi. Một trung sĩ cận vệ tử tế, nói nhỏ: bác sĩ đừng chống cự, họ sẽ bắn ông thật đấy".

Bác sỹ Tuệ kể tiếp: "Ở trên xà lan hơn mấy tuần, khói dầu diesel đóng lên mặt mũi, thân thể chúng tôi đen như mọi, đầu tóc ngứa ngáy, chải thì thấy chí rận rơi xuống. Nhiều trẻ em da bị lở loét vì nắng và dầu. Con bé Ngọc của chúng tôi, ngày xuống xà lan ăn mặc tươm tất, quần áo đẹp đẽ tự tay bà ngoại may, khi bước ra khỏi khoang xà lan đã thành 'cô bé lọ lem', quần áo dính nước sét hầm xà lan đổi thành màu cháo lòng… Một tuần ở Narathiwat, vợ chồng tôi thân với vợ chồng một y tá trẻ ngành quân y Thái. Biết chúng tôi sẽ phải ra đi chứ không được đưa về trại tị nạn ở Thái Lan như chúng tôi tưởng, họ nói với tôi là họ không nghĩ chúng tôi sẽ có thể sống sót trong cuộc hành trình sắp đến nên xin cho bé Ngọc ở lại làm con nuôi, nếu chúng tôi may mắn đến được đất liền, qua Mỹ lúc ấy chúng tôi có thể làm giấy tờ hội ngộ. Đề nghị tử tế và thành thật này làm chúng tôi bâng khuâng và suy nghĩ. Em tôi, Hồng và Hiến họp lại đêm hôm ấy nói rằng: Sống chết có nhau, nay đã đi đến đây chỉ còn một quãng đường ngắn, anh em có xui xẻo thì xui xẻo cùng. Vợ chồng tôi đã quyết định để bàn tay Trời định đoạt".

Ngày 19-10-1977, nhóm vượt biên của Bác sỹ Tuệ đến Trengganu, Thái Lan, sau bốn mươi ngày lênh đênh. Cho dù có lúc sống chết chỉ còn trong gang tấc, chuyến đi của họ được coi là may mắn. Đoàn có 168 người, gồm sáu mươi phụ nữ và sáu mươi trẻ em, không bị nạn hải tặc, không có người bị bệnh nặng, không có người phải bỏ xác trên biển.

Chuyến vượt biên thứ sáu cũng đã đưa Thiếu úy Phan Ngọc Vượng tới được một trại tị nạn ở Malaysia. Nhưng trước đó, chuyến vượt biên thứ năm của ông vào cuối

năm 1978 đã bất thành dù có nhiều tình cờ may mắn. Chiếc ghe đưa họ ra khơi là loại ghe bầu chạy trên sông Tiền, thường được gọi là ghe cà dom. Đi được ba ngày, ba đêm thì chết máy, chiếc ghe trôi vô định ngoài hải phận quốc tế, gặp gần năm chục chiếc tàu chạy qua mà không có một chiếc nào cứu giúp. Ngày thứ tư, vào khoảng 5 giờ chiều, xuất hiện một chiếc tàu tên là Hegenburger, chạy gần. Ông Vượng quyết định nhảy xuống biển bơi ra chặn đầu.

Con tàu đồ sộ kéo còi giận giữ trong mấy phút rồi thả một chiếc ca-nô cùng một sỹ quan và ba người lính xuống. Ca-nô vừa chạm nước, viên sỹ quan rút súng, đạn găm ngay sau lưng ông Vượng. Rồi chiếc ca-nô chạy nhanh tới, trong tích tắc, ông Vượng được kéo lên. Viên sỹ quan hỏi: "Ông là ai?". Ông Vượng: "Tôi là người tị nạn Việt Nam! Còn các ông?". Viên sỹ quan: "Chúng tôi từ Đông Đức". Ông Vượng: "Sao ông bắn tôi?". Viên sỹ quan: "Ông không thấy hai con cá mập nó đang dí sau lưng à?".

Trước khi gặp thuyền trưởng, ông Vượng được đưa vô nhà hàng trên tàu, ông được đặt ngồi trước một đĩa thịt bò và một lon Coca. Đó là bữa ăn ngon nhất trong cuộc đời của ông Vượng. Những người trên tàu đã rất lịch sự nhưng không chịu đưa những thuyền nhân đến Hong Kong. Thoạt đầu, họ đã bỏ đi, nhưng sau khi biết cơn bão tới gần có thể nhận chìm con tàu hỏng máy chở các thuyền nhân Việt Nam, tàu Hegenburger đã quay trở lại và sau khi thương lượng, những người vượt biên chấp nhận quay trở vào bờ tránh bão.

Gần sáng thì họ nhìn thấy bờ biển Vũng Tàu. Thủy thủ tàu Hegenburger báo cho chính quyền rồi quay đầu. Khoảng 5 giờ sáng, tàu công an xuất hiện. Thuyền trưởng chiếc ghe vượt biên, nguyên là một trung úy hải quân vừa đi học tập về, nhảy xuống biển. Ông Vượng biết, nếu bị bắt lại, những người như ông và viên trung úy sẽ phải mục xương trong tù. Ông Vượng cũng nhảy xuống biển. Mới bơi được mấy sải thì một thằng nhỏ trên ghe ném cho ông miếng xốp khá lớn. Chính miếng xốp đó đã cứu mạng ông. Viên trung úy hải quân lần ấy đã không thể bơi vào bờ.

Vài giờ sau, ông Vượng được mấy người Nga kéo lên một chiếc cano nhưng thái độ của họ khiến ông Vượng e rằng sẽ bị giao cho công an nên khi thấy một chiếc ghe câu nhỏ đi qua, ông Vượng gọi: "Ơi! Cứu anh!". Hai thiếu niên trên ghe câu hỏi: "Vượt biên à? Nhảy đi!". Ông Vượng nhảy xuống. Ông Vượng được hai cậu bé đưa

về nhà trong một làng chài. Nghỉ ngơi, ăn uống xong, hai cậu bé đưa ông về Sài Gòn với giá một lượng vàng. Lúc đó, đi honda không hẳn là an toàn, nhưng đi xe đò thì chắc chắn không thoát vì công an sẽ xét, nếu không có giấy đi đường là bắt liền. Chập tối, họ lên đường, và tới 11 giờ đêm thì về tới nhà mẹ ông Vượng ở Gò Vấp. Bà mẹ già bật khóc: “Sao lần nào đi cũng không tới nơi vậy con?”.

Toàn bộ số người còn lại trên chiếc ghe cà dom bị đưa về Vũng Tàu, mọi người khai hết “tội” cho Phan Ngọc Vượng. Họ bị giam giữ tại trại Cỏ May hai tháng rồi được phóng thích. Câu chuyện Phan Ngọc Vượng một mình tổ chức vượt biên, tuy không trót lọt, nhưng với trình độ ngoại ngữ và khả năng ứng phó trong những tình huống hiểm nghèo khá tốt đã được dân vượt biên đồn thổi. Ông Vượng sau đó đã được những người giàu có chi tiền đề nghị ông chủ trì một cuộc vượt biên cho gia đình họ. Chuyến đi ấy tổng cộng bốn mươi chín người trong đó có năm người em của ông Vượng. Khác với năm lần trước, chuyến vượt biên thứ sáu của ông may mắn bất ngờ.

Chập tối ngày thứ tư, một tàu đánh cá Thái Lan cặp vào mạn của chiếc ghe vượt biên. Ông Vượng kể: “Tôi kêu tất cả phụ nữ chui xuống hầm, đề phòng. Phía tàu đánh cá cho một đại diện lên gặp thuyền trưởng nói chuyện. Vào, thấy trong phòng ông thuyền trưởng trang trí đầy tượng Phật, tôi đã thấy mình may mắn. Ông thuyền trưởng hỏi: ‘Các anh cần gì?’. Tôi nói: ‘Cần một ít nước uống và xin chỉ đường giùm’. Ông cho nước uống và chè đỗ xanh, rồi hỏi: ‘Còn dầu không?’. Tôi nói: ‘Thưa còn’. Ông chỉ tay và nói: ‘Cứ đi theo hướng này thì chiều mai mày sẽ tới Malaysia’. Khoảng bốn giờ chiều hôm sau, chúng tôi nhìn thấy một rặng dừa”.

Thay vì được chào đón, khi chiếc ghe vượt biên tới gần bờ, điều mà họ nhìn thấy là những họng súng đen ngòm trên tay mười hai cảnh sát mặc đồ rằn ri đang chĩa thẳng vào những người tị nạn. Ông Vượng, khi ấy chỉ mặc một chiếc quần jeans, quyết định nhảy xuống biển, vừa giơ hai tay, vừa đi vào. Cảnh sát quát: “Stop!”. Ông Vượng nói: “Refugees”. Cảnh sát: “Bao nhiêu người?”. “49”. “Có vàng, đô-la không?”. “Có”. “Ok, ra mang vàng vào đây tao cho vô”. Ông Vượng đi ra, chủ tàu lấy năm lượng cùng một ít nữ trang đưa ông Vượng mang vào bờ. Sau khi nhận vàng, cảnh sát nói: “Đục tàu đi rồi cho vô”.

Vào bãi, bốn mươi chín người phải chịu cảnh màn trời chiếu đất. Các viên cảnh sát thỉnh thoảng qua gặp nói đưa tiền, muốn mua gì họ mua cho. Bốn ngày sau, có

thêm một tàu của người Hoa "vượt biên bán chính thức" đến. Họ có 140 người đa số là người Việt. Thêm một tuần lễ sau đó, 189 người phải tự xoay xở trên bãi, đào giếng kiếm nước, lượm củi nấu ăn. Ngày thứ mười một, một người bận quân phục sỹ quan, đầu đội nón bê rê xanh đến, gặp ông Vượng, người duy nhất biết tiếng Anh, nói: "Tôi là người của Cao ủy Tị nạn Liên Hiệp Quốc". Không phải ai vượt biên cũng có cơ hội gặp được người của Cao ủy Tị nạn Liên Hiệp Quốc.

Ngày 27-5-1989, chỉ cần biên phòng khám xét lâu thêm vào tiếng nữa là Phạm Thanh Tùng[316] cùng chín mươi sáu người khác có thể bị đông cứng trong khoang chứa cá. Sau một hành trình dài từ Sài Gòn về Châu Đốc giống như những người đi vía Bà, nhóm vượt biên của Tùng lần lượt được xếp nằm trên những chiếc xuồng chở dừa. Chủ thuyền lấy lá dừa tươi tấp lên những người vượt biên rồi chở về hướng Bắc Mỹ Thuận. Bốn giờ sáng thì tàu cặp ghe lớn lúc đó đang neo đậu giữa dòng. Tổng cộng chín mươi bảy người, gồm cả vợ con người chủ tàu, được xếp vô khoang cá. Hàng chục cây đá được xếp chồng lên nhiều lớp để che. Ra tới cửa biển thì đụng tàu biên phòng, cuộc khám xét kéo dài cho đến khi da một đứa trẻ trên tàu đã bắt đầu tím tái. Chủ tàu cho chạy thêm khoảng một giờ, cầm chắc đã ra khỏi tầm truy đuổi, mới huy động những thanh niên còn khỏe liệng hết đá cây xuống biển. Khi đó nhiều người đã lịm đi vì rét cóng. Đó là chuyến vượt biên lần thứ mười một của Phạm Thanh Tùng. Ngày 1-6-1989, con tàu của Tùng vào tới đảo Talampuru (Philippines).

Chỉ đi sau chuyến tàu của Tùng một ngày, ngày 2-6-1989, có một chiếc tàu vượt biên khác cũng vào gần tới đảo Talampuru. Thay vì đậu ngoài xa chờ dẫn đường, khi thấy một cơn bão đến gần, con tàu tiến nhanh vào đảo. Tàu của họ bị kẹt vào bãi san hô và ngay sau đó, con tàu bị sóng lớn đánh vỡ ra từng mảnh. Khi bão tan, chỉ có năm người sống sót bơi được vào bờ. Họ nói, con tàu khởi hành với 117 người.

Ngày 7-8-1987, để tránh bị biên phòng phát hiện, ông Trần Quang Phước, một cựu trung úy hải quân Việt Nam Cộng hòa, quyết định ra đi khi Nha Khí tượng dự báo có bão cấp 7. Con tàu chở hai mươi bảy người trong đó có bốn người trong gia đình ông Phước. Con trai ông, anh Trần Minh Triết kể: "Con tàu đi tới khuya thì bắt đầu bão. Cả tàu say sóng nằm la liệt chỉ còn lại hai cha con. Ba tôi cầm lái. Đi tới trưa hôm sau thì ra tới ngoài khơi xa. Ba tôi giao tay lái cho tôi. Lần đầu tiên tôi

nhìn thấy những con sóng tiếp nối những con sóng, cứ ập tới con thuyền nhỏ bé như những ngọn núi. Tôi chỉ còn biết nghe lời cha tôi mà tiếp tục đi, chỉ biết trao thân cho đại dương, lúc nào cũng có cảm giác mình sắp bị những con sóng nhấn sâu xuống lòng biển". Như có phép màu, chỉ bốn ngày sau, con tàu nhỏ đi tới Malaysia. Trần Minh Triết nói: "Sau mười lăm lần vượt biên không thành kể từ năm 1982, cha con chúng tôi được đưa vào trại Sungeipesi".

Tại trại tị nạn Sungeipesi, cuối năm 1987, Trần Minh Triết ở chung nhà với một phụ nữ trẻ. Triết kể: "Chiều chiều, xuống cầu thang, tôi thấy chị ấy cứ nép người vào một góc tối, khóc lên rưng rức. Chúng tôi phải để cho chị ấy khóc bởi chỉ cần đụng vào là chị ấy hoảng lên, co rúm lại. Không ai dám hỏi han. Trên biển, chị ấy đã bị hải tặc hiếp dâm nhiều lần".

Khi chuyển vào trại Paulo Bidong, Triết gặp một cô gái khác trạc tuổi mình. Cô cùng một người khác được vớt lên và được coi là hai người sống sót trên một con tàu vượt biên bị hải tặc trên vùng biển Thái Lan. Cô gái bị hãm hiếp nhiều lần trong khi chứng kiến anh trai mình bị chặt làm ba khúc. Trần Minh Triết kể: "Chiều nào cô cũng rủ tôi ra biển. Nhưng chỉ khi ánh mắt chúng tôi chạm tới biển là cô lại lăn đùng ra đất, mắt trợn ngược lên, miệng cứng lại". Dung, tên cô gái, chỉ ở Paulo Bidong bốn mươi lăm ngày, thay vì ở gần hàng năm như những thuyền nhân khác. Cô được một tổ chức thiện nguyện bảo lãnh đưa đi chữa bệnh.

Ông Nguyễn Văn Mai[317] kể: "Trong thập niên 1980, tôi bay đến các trại tị nạn nhiều lần và chứng kiến hàng ngàn câu chuyện đau lòng. Ở một trại tị nạn ở Thái Lan, tôi gặp một phụ nữ bị hải tặc cưỡng hiếp nhiều lần, khi được Hội Chữ thập đỏ giúp chữa trị, những vết thương của chị đã mưng mủ. Mùi hôi thối lựng một góc lán. Các bác sỹ còn phát hiện ra là chị bị dính thai. Thai đôi và không bình thường. Theo các bác sỹ thì giữa các ngón tay của hai đứa trẻ có các màng dính, họ khuyên nên bỏ. Người chồng là một nông dân chất phác, đã có bốn đứa con, nói: đứa nhỏ này không có tội, ông trời định cho nó cái nghiệp ở trong vợ tôi thì không có lí do gì để tôi phá". Ông Mai kể tiếp: "Không ai có thể ngờ người chồng đã quyết định như thế. Khi người vợ bị hiếp, bọn hải tặc đã cầm mã tấu bắt anh và các con đứng xem". Không ai biết chắc có bao nhiêu nạn nhân của hải tặc Thái Lan trong những ngày tháng đó. Cho đến ngày 16-4-1989, tại vùng biển Malaysia, một thuyền chở 130 người tị nạn vẫn bị hải tặc tấn công. Theo Cao ủy Tị nạn Liên Hiệp Quốc, sau khi

hãm hiếp phụ nữ, hải tặc đã phóng lửa đốt tàu, chỉ có một người sống sót trên chuyến vượt biên xấu số đó[318].

Tại Hội nghị Quốc tế lần II về người Tị nạn Đông Dương, tổ chức trong hai ngày 13 và 14-6-1989, UNHCR cho biết: Chỉ trong vòng từ cuối năm 1988 cho đến tháng 6-1989 đã có hai mươi tám tàu cùng 590 thuyền nhân được ghi nhận là mất tích[319]. Theo số liệu của UNHCR, con số thuyền nhân Việt Nam đã từng cập bến các quốc gia lên đến gần một triệu người: Australia 1.750 người; Macau 7.128 người; Singapore 32.000 người; Philipines 51.722 người; Thái Lan 117.321 người; Indonesia 121.708 người; Hong Kong 195.833 người; Malaysia 254.495 người; một số không nhiều lắm cũng dừng chân ở Nhật Bản, Đài Loan, Đại Hàn[320]… Nhưng, biển mênh mông, những gì thống kê được chưa phải là toàn bộ sự thật.

Nhiều thuyền nhân còn nhớ, tại trại Palawan, Philippines, có chiếc thuyền gỗ được đặt trước cửa văn phòng Cao ủy Tị nạn Liên Hiệp Quốc. Khi chiếc ghe này bị tấp vào bờ, bên cạnh những xác chết trương phình, người ta thấy chỉ còn một phụ nữ mang thai sắp đến ngày sinh. Không ai hiểu bởi phép mầu nào, bà mẹ này cho đến lúc ấy vẫn còn thoi thóp. Bà đã sống sót cho đến khi sanh hạ đứa bé và kịp cho biết, con thuyền khi khởi hành có tất cả năm mươi người. Không phải chuyến vượt biên nào cũng có người sống sót để nói đến số phận của những nạn nhân còn lại. Vĩnh viễn không ai biết có bao nhiêu người Việt Nam vượt biên trong giai đoạn từ 1975 đến đầu thập niên 1990 đã bỏ mình trên biển, bao nhiêu con tàu đã bị biển nhận chìm, bao nhiêu con tàu đã bị hải tặc cướp và giết hết, bao nhiêu phụ nữ và trẻ em đã bị chúng hãm hiếp.

Lịch sử thuyền nhân Việt Nam bắt đầu khép lại từ năm 1996, khi Liên Hiệp Quốc quyết định đóng cửa các trại tị nạn trong khu vực và khi cuộc sống trong nước bắt đầu dễ thở hơn, chấm dứt một bi kịch kéo dài suốt hai thập niên trên biển.

Chương VII: "Giải Phóng"

Nhiều người Việt đã cầm súng với niềm tin họ chiến đấu là để giải phóng miền Nam. Trong suốt nhiều thập niên, truyền thông nhà nước đã lặp đi lặp lại điều này như là chân lý. "Giải phóng" là cách nói để mô tả sự kiện kết thúc vào ngày 30-4-1975. "Giải phóng" là từ không chỉ được dùng bởi những người đi từ trong các chiến khu mà còn được nói như một phản xạ tự nhiên của không ít người dân. Có hàng triệu người đã bỏ nước ra đi, nhưng hàng chục triệu người miền Nam vẫn chọn con đường ở lại, rồi chính họ sẽ có những trải nghiệm đáng nhớ về "giải phóng".

Sài Gòn thay đổi

Chiều 2-5, từ trường Petrus Ký, Ban Kinh tài Thành ủy đưa nhóm ông Võ Văn Kiệt sang "tiếp quản" nhà 222 và 224 đường Phan Thanh Giản[321]. Ngôi nhà này vốn là nơi ở của tùy viên quân sự Anh. Người giúp việc cho ông tùy viên lại cũng là một cơ sở bí mật của Cách mạng. Ông Võ Văn Kiệt tới, gia đình rất mừng, và từ hôm đó họ trở thành "cán bộ Thành ủy".

Lại nói về người lái chiếc xe GMC chở "đại quân" vô Sài Gòn chiều 30-4. Khi đưa ông Kiệt tới trường Petrus Ký, Tư Thạch kêu anh lái xe quay lại đón những anh em đi sau. Xong việc, Tư Thạch cho anh về. Tới chiều ông Kiệt hỏi: "Hai chú tài xế chiều nay đâu?". Anh em nói: "Ảnh về rồi". Ông Kiệt kêu: "Có hỏi tên tuổi, nhà cửa người ta không?". Không ai hỏi cả.

Trong ngày hôm đó, biết bao người đã "xuống đường", rất nhiều người trong số họ đã làm một việc gì đó rồi trở thành "cán bộ", lớp cán bộ về sau được gọi là "Cách mạng 30-4"; rất nhiều người khác, sau khi "phục vụ cách mạng", đã trở về nhà và đã vô danh như thế.

Chiều 2-5-1975, khi tình hình đã tạm ổn định, ông Kiệt kêu Chín Anh về Bình Thạnh kiếm gia đình ông Sáu Hoa. Gia đình ông Sáu Hoa là một cơ sở nuôi giấu "Việt Cộng" trong nội thành từ đầu thập niên 1950. Giữa năm 1956, ông Lê Duẩn được ông Nguyễn Văn Linh đón lên Sài Gòn và đưa về giấu trong nhà ông Sáu Hoa gần ba tháng. Năm 1963, từ Củ Chi, ông Võ Văn Kiệt cũng vào Sài Gòn trên một chuyến xe do Sáu Hoa lái ra đón. Cùng với nữ giao liên Sáu Trung, từ đó, theo yêu

cầu của ông Kiệt, Sáu Hoa sẽ còn đưa ông Kiệt đi lại công khai nhiều lần. Khi từ Trung ương Cục xuống Khu IX nhận chức bí thư khu ủy, ông Kiệt đã dùng xe của Sáu Hoa đi công khai từ Châu Đốc xuống Rạch Giá. Ông Kiệt cũng đã từng ở lại căn nhà 99/9 Nơ Trang Lơng, Bình Thạnh của Sáu Hoa. Từ đây, một người cháu của ông, Chín Anh, sẽ theo ông Kiệt ra "Khu".

Chiều 1-5-1975, Chín Anh về Bình Thạnh. Chiếc U-oat[322] đi tới đâu, người dân nghiêng ngó, xầm xì tới đó, và khi nó quẹo vô hẻm 99/9, bà con ngỡ ngàng. Mấy đứa con nhà Sáu Hoa kêu to: "Việt cộng! Việt cộng!". Có lẽ bọn trẻ cũng không biết đó là tiếng kêu mừng hay sợ. Cho đến lúc này, vợ chồng ông Sáu Hoa vẫn hết sức dè dặt, cái dè dặt của người hoạt động trong lòng đối phương quá nhiều năm và đã gặp quá nhiều bất trắc. Lúc đó, vẫn chưa có ai trong xóm biết rõ Sáu Hoa là "Cộng", kể cả mấy người con của ông. Nhưng lũ trẻ nhanh chóng nhận ra một trong mấy ông đi xe là Chín Anh. Bấy giờ thì chúng mừng rỡ thật.

Chưa kịp ngồi xuống, Chín Anh nói: "Chú Sáu Dân cho gọi bác lên gặp ổng gấp". "Ảnh ở đâu?", Sáu Hoa lập cập hỏi. "Thì bác thay đồ lẹ lên, sáng giờ ổng nhắc bác hoài", Chín Anh giục. Sáu Hoa khoác vội áo, ra xe. Tới nơi, ông Kiệt chạy ra tận cửa, hai người ôm lấy nhau: "Mạnh hả? Hết chết rồi hả?". Hai ngày sau, ông Kiệt về nhà Sáu Hoa ăn bữa cơm đoàn tụ. Ông ôm từng đứa con của vợ chồng Sáu Hoa, lòng lặng đi. Tính mạng của những thiếu niên này đã từng bị đe doạ ngay chính trong ngôi nhà đó, trong suốt những năm ông Lê Duẩn, ông Nguyễn Văn Linh và ông Kiệt sống bí mật ở đây. Ông Kiệt bước tới, bước lui, lên gác, nhìn căn phòng, sờ những đồ vật quen thuộc, những thứ đã từng che cho ông sống.

Năm 1957, trước khi ra Bắc, ông Lê Duẩn triệu tập Xứ ủy sang Phnom Penh và quyết định điều ông Võ Văn Kiệt về Sài Gòn thay ông Linh làm bí thư Khu ủy. Sài Gòn cuối năm 1958, khi ông Kiệt đặt chân trở lại, không còn bình yên. Chính quyền Ngô Đình Diệm đánh tróc từng cơ sở của những người cộng sản. Những cấp ủy viên mà ông Kiệt nhận bàn giao từ Phnom Penh lần lượt bị giết hoặc vô tù. Ông Kiệt đành phải tiếp cận Sài Gòn qua ngả Gia Định. Ông nhận thấy nếu có Gia Định thì Sài Gòn sẽ "tiến thoái" dễ hơn. Ông đề nghị sáp nhập Gia Định vào Khu ủy Sài Gòn và được Trung ương chấp thuận.

Sau ngày 30-4-1975, trước nhu cầu sắp xếp cho hàng loạt bí thư khu ủy, tỉnh ủy từ trong rừng ra, việc định lại địa giới hành chánh đã có nhiều bàn cãi. Theo ông

Nguyễn Thành Thơ[323]: "Ngày 3-5-1975, anh Mai Chí Thọ mời tôi tới truyền đạt chủ trương tách T4[324]: tôi làm bí thư Sài Gòn; anh Mai Chí Thọ làm bí thư tỉnh Gia Định. Rồi anh Mai Chí Thọ kêu tôi bàn giao hết". Sau khi "bàn giao gần hết cho ông Mai Chí Thọ", ngày 5-6-1975, ông Thơ lại nhận được thư mời tới số 7 Thống Nhất[325], nghe ông Võ Văn Kiệt phổ biến chính thức: "Trung ương Cục không tán thành tách Sài Gòn-Gia Định, vậy anh là phó bí thư Thành ủy, công việc cũ không thay đổi, nay mai sẽ giao việc mới cho anh".

Trong thời kỳ quân quản, ông Võ Văn Kiệt là bí thư Đảng ủy Đặc biệt, đồng thời được giới thiệu là bí thư Thành ủy Sài Gòn-Gia Định. Ngày 20-1-1976, Chủ tịch Hội đồng Chánh phủ Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam Huỳnh Tấn Phát ký Quyết định 03, thay thế Ủy ban Quân quản bằng Ủy ban Nhân dân Cách mạng, chức chủ tịch được giao cho ông Võ Văn Kiệt; chức bí thư Thành ủy được giao cho ông Nguyễn Văn Linh; ông Mai Chí Thọ lãnh chức phó chủ tịch Ủy ban kiêm giám đốc Công an Thành phố.

Trong buổi lễ bàn giao tổ chức vào sáng 21-1-1976 tại Dinh Độc Lập, Thượng tướng Trần Văn Trà cho rằng: "Chúng ta đã nắm chắc tình hình trong tay, chế độ cách mạng đã được bảo đảm vững chắc, trật tự trị an ngày càng ổn định. Thành quả ấy đạt được nhờ… nhân dân đã thực sự tham gia xây dựng chính quyền của mình"[326].

Tháng 12-1976, sau Đại hội Đảng lần thứ IV, ông Võ Văn Kiệt trở thành ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị; ông Nguyễn Văn Linh là ủy viên chính thức, được điều về Trung ương, chức bí thư Thành ủy giao lại cho ông Kiệt. Từ trước đó, ông Võ Văn Kiệt thừa nhận là chính ông đã thúc đẩy việc lấy tên Chủ tịch Hồ Chí Minh chính thức đặt cho Sài Gòn-Gia Định.

Mấy câu thơ: "Ai đi Nam Bộ / Tiền Giang, Hậu Giang / Ai về Thành phố Hồ Chí Minh / Rực rỡ tên Vàng…"[327], mà Tố Hữu viết tháng 8-1954, khi Hồ Chí Minh còn nắm quyền, được coi là "sáng kiến thành văn" đầu tiên về việc đặt tên mới cho Sài Gòn. Có lẽ vì Tố Hữu khi ấy không chỉ là một nhà thơ "anh cả" mà còn là trưởng Ban Tuyên huấn Trung ương, nên ý kiến của ông gần như được mặc nhiên thừa nhận. Lịch sử cũng không ghi nhận bất cứ một phản ứng nào từ Hồ Chí Minh. Các văn nghệ sỹ cách mạng cũng coi đó là "vinh dự" của Sài Gòn.

Trong tuần lễ trước ngày 30-4-1975, nhạc sỹ Cao Việt Bách đã đặt tên cho một bài hát của mình là Tiếng Hát Từ Thành Phố Mang Tên Bác. Bản Thông cáo ngày 3-5-1975 về việc thành lập Ủy ban Quân quản cũng nói: "Thành phố Sài Gòn, thành phố được vinh dự mang tên Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại". Ngày 6-5-1975, tờ Sài Gòn Giải Phóng ra đời. Sau đó, tờ Tin Sáng, tờ báo của những người thuộc "lực lượng thứ ba" của Sài Gòn trước 30-4-1975, trên nhiều chuyên mục cũng cho chạy những hàng tít lớn: Thành phố Hồ Chí Minh…

Tuy nhiên, tại kỳ họp đầu tiên của quốc hội thống nhất, khai mạc tại thủ đô Hà Nội ngày 25-6-1976, ông Trường Chinh đã không hoàn toàn đồng ý với cách đặt vấn đề của ông Võ Văn Kiệt. Khi ông Kiệt đề nghị Bộ Chính trị để Quốc hội "công nhận Sài Gòn mang tên Thành phố Hồ Chí Minh", ông Trường Chinh nói: "Quốc hội không phải công nhận mà là xem xét việc đặt tên cho thành phố, vì chỉ Quốc hội mới có thẩm quyền này".

Ông Võ Văn Kiệt nhớ lại: Đến giờ giải lao, ông vào phòng dành riêng cho chủ tịch đoàn ở phía sau Hội trường Ba Đình, nơi có mặt Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng và Trường Chinh, phản đối: "Tại sao Quốc hội lại còn phải đặt tên cho Thành phố trong khi chỉ là thừa nhận một sự thật lịch sử?". Ông Trường Chinh dứt khoát: "Lịch sử phải có văn bản, chưa có văn bản nào nói Sài Gòn đã được đổi tên". Ông Kiệt nói: "Lịch sử có nhiều điều không có văn bản". Ông Trường Chinh ôn tồn: "Thường người ta lấy tên lãnh tụ đặt cho thủ đô". Ông Võ Văn Kiệt cãi: "Thưa anh, tên của Lênin có phải đặt cho thủ đô đâu!". Ông Trường Chinh vẫn kiên định: "Quốc hội vẫn phải là cơ quan quyết định việc này". Ông Kiệt không thể thuyết phục ông Trường Chinh, đành đề nghị: "Nếu như các anh đưa ra Quốc hội quyết định thì các anh phải giải trình đầy đủ quá trình Thành phố mang tên Bác". Trước Quốc hội, ông Trường Chinh chỉ nói rất ngắn gọn về việc đổi tên Sài Gòn.

Nhiều năm sau, ông Võ Văn Kiệt mới hiểu ông Trường Chinh lưỡng lự không chỉ vì vấn đề thủ tục. Ông Kiệt nói: "Anh Trường Chinh muốn giữ tên Sài Gòn, một cái tên đã được biết đến suốt gần 300 năm". Tuy nhiên, trong suốt hàng chục năm, Hồ Chí Minh đã được cả hệ thống chính trị suy tôn làm "Cha Già Dân Tộc", nên khi có người muốn lấy tên ông đặt cho Sài Gòn thì không ai dám đứng ra ngăn cản. Quốc hội đã dễ dàng biểu quyết việc đổi tên Sài Gòn; cũng như, vào lúc 8:20 sáng ngày

2-7-1976, đã dễ dàng đổi tên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa thành nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Trước đó, tháng 8-1975, một loạt đường phố ở Sài Gòn cũng đã được Tuyên huấn Thành ủy cho đổi tên. Tên của các liệt sỹ cách mạng đã được dùng để thay cho tên của những vua chúa, danh nhân thời "đế quốc phong kiến": Lý Tự Trọng thay thế Gia Long, Võ Thị Sáu thay thế Hiền Vương, Lý Chính Thắng thay cho cụ Tam Nguyên Yên Đỗ,… Các sự kiện mà những người cộng sản đã ghi vào lịch sử cũng được sử dụng để đổi mới các tên đường như Cách Mạng Tháng Tám, Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Đồng Khởi… Người dân Sài Gòn tức cảnh: "Nam Kỳ Khởi Nghĩa tiêu Công Lý / Đồng Khởi lên rồi hết Tự Do". Những thay đổi của miền Nam, của Sài Gòn, không chỉ ở trên những tên đường, tên phố.

Kinh tế mới

Đầu năm 1977, cậu bé Thái Cẩm Hoàng[328] thấy nhà mình thường xuyên có khách. Ông tổ trưởng tổ dân phố cùng vài cán bộ ngày nào cũng tới vận động gia đình đi kinh tế mới. Ông nói với mẹ Hoàng: "Chị phải đi thì chồng chị mới được về sớm". Cha Hoàng, Đại úy Thái Tú Bình, đại đội trưởng đại đội chiến tranh chính trị thuộc tiểu khu Quảng Nam, giờ ấy đang là tù cải tạo. Ông Bình bị bắt ngay sau ngày 29-3-1975, ngày Đà Nẵng được "giải phóng".

Cuối tháng 3-1975, Hoàng - năm ấy lên bảy - theo mẹ di tản vào Sài Gòn. Ở bãi biển Đà Nẵng, Hoàng đã phải bước trên những xác chết để lên tàu. Kết thúc chiến tranh, Chính quyền Sài Gòn yêu cầu người dân trở về quê cũ, Thái Cẩm Hoàng và các em được mẹ đưa trở lại Hội An, mở một tiệm chạp-pô. Buôn bán khó khăn nhưng trong thời gian đó, mẹ Hoàng còn phải bỏ tiệm đi đắp đập Phú Ninh hơn ba tháng. Hoàng kể: "Một hôm, vừa đói, vừa nhớ mẹ quá, tôi đi bộ từ Hội An lên Đà Nẵng tìm đến nhà dì. Cả nhà hoảng hốt đi tìm. Khi trở về, ông chú đánh cho một trận. Đánh xong, ông ôm tôi vào lòng, khóc".

Mẹ Hoàng hình dung được điều gì chờ đợi gia đình ở khu kinh tế mới. Nhưng đấy không phải là lựa chọn của những người vợ lính. Hàng xóm chạy qua chạy lại, những người có cùng hoàn cảnh chỉ biết nhìn nhau gạt nước mắt. Biết không thể "chống chính quyền cách mạng", trước thời điểm rời Hội An, mẹ Hoàng nhờ bà nội qua sống cùng, hy vọng giữ lại được căn nhà. Bà nội tuổi cao, chính quyền không thể buộc bà đi kinh tế mới.

Ngày đi, từ sáng sớm, xe ca mấy chục chiếc đậu trên đường Phan Chu Trinh, nối đuôi nhau từ trường Bồ Đề đến sân Ty Thông tin Chiêu hồi. Thoạt đầu bọn trẻ con rất vui vì sắp được đi chơi xa, nhưng khi thấy người lớn khóc, bọn trẻ bắt đầu hiểu vấn đề nghiêm trọng hơn chúng tưởng. Xe chạy ba ngày hai đêm thì hết đường. Đoàn xe ca dừng lại, chờ xe ủi, ủi đường tới đâu thì tiến vào tới đó. Chập tối, đoàn xe dừng lại cho mọi người lấy đồ đạc rồi quay về, để lại hơn nghìn con người giữa rừng.

Hoàng nhớ lại: "Hôm sau, các gia đình được chia đất. Từ người lớn cho tới trẻ con đều phải đi chặt cây làm nhà". Mấy ngày tiếp đó, một đoàn xe tải khác đến, Chính quyền cấp cho dân kinh tế mới khẩu phần lương thực đủ ăn trong ba tháng. Hoàng kể: "Khi biết đoàn người mới đến dựng nhà là dân miền Nam, đồng bào ở buôn Chư Cà Ti, huyện Krongpak, Daklak, đã chủ động sang giúp. Đó là một khu vực đêm đêm Fulro vẫn quấy phá chính quyền nhưng Fulro để yên cho người Thượng và dân kinh tế mới. Chiều chiều, bọn trẻ vẫn cắt rừng đi lấy nước ở sông Ana, cách đấy hàng cây số".

Chính sách được thi hành ở mỗi địa phương thường có những điểm khác nhau. Không phải ở đâu vợ con những người đang ở trong các trại cải tạo cũng phải đi kinh tế mới. Nhiều địa phương coi đưa dân ra khỏi thành phố là để phân bố lại lao động và giải tỏa những áp lực xã hội nảy sinh sau ngày 30-4-1975.

Ông Nguyễn Văn Ly, tên thường gọi là Tư Kết, năm 1975 là thư ký riêng của ông Mai Chí Thọ[329], kể: "Mỗi đêm, vào khoảng mười một giờ, tôi lại cập nhật các báo cáo nhanh của công an và Bộ Tư lệnh Thành. Không có báo cáo nào là không nói về tình hình người tự tử. Thỉnh thoảng, anh trai của ông Mai Chí Thọ là Tướng Đinh Đức Thiện qua thành phố, ghé chơi. Thấy tôi loay hoay với mấy bản báo cáo, ông hỏi, 'Tình hình sao?'. Tôi kể cho ông tình trạng nhiều người cảm thấy bế tắc dẫn đến nạn tự tử ở Sài Gòn. Ông Đinh Đức Thiện nói: vậy là bỏ mẹ rồi, phải đưa đi kinh tế mới mới có công ăn việc làm cho người ta, chứ không còn chết nữa".

Không chỉ Tướng Đinh Đức Thiện nghĩ "kinh tế mới" có thể giải tỏa những bế tắc cho người dân miền Nam. Báo cáo của Bộ Chính trị tại Hội nghị Trung ương 24, họp từ ngày 13-8-1975, xác định: "Cấp bách nhất hiện nay là sắp xếp công ăn việc làm cho ba triệu người. Đây là một công việc khó khăn, nhưng ta có thuận lợi lớn là có thể mở thêm ngay vài triệu hecta canh tác đất tốt, dễ làm, nhiều vùng lại không xa

Sài Gòn lắm. Hướng sắp xếp là giảm bớt dân các thành thị, đưa 1,5 triệu đến hai triệu người về nông thôn, vừa sản xuất nông nghiệp, vừa sản xuất tiểu công nghiệp và thủ công nghiệp".

Chỉ sau Hội nghị Trung ương lần thứ 24 không lâu, ngày 14-9-1975, trong một cuộc làm việc với khoảng bảy mươi kiến trúc sư tại hội trường Đại học Kiến Trúc Sài Gòn, Giám đốc Sở Kiến trúc và Quản lý Nhà đất Huỳnh Kim Trương nói rằng Thành phố sẽ đưa khoảng 1,5 triệu dân "về quê lập nghiệp". Báo Tin Sáng ngày 16-9-1975 dẫn lời ông Trương: "Từ đây cho tới cuối năm 1975 chúng ta còn phải giảm bớt ba trăm ngàn dân ra khỏi Thành phố Hồ Chí Minh để đưa họ về các vùng lân cận tham gia vào công tác sản xuất. Và đến hết năm 1976 sẽ có thêm một triệu hai trăm ngàn dân về quê làm ăn theo đúng chương trình đã được ấn định".

Ông Trương cho biết: "Khoảng 600 kiến trúc sư và sinh viên sắp tốt nghiệp kiến trúc sẽ nắm giữ vai trò thiết kế các khu chỉnh trang, cũng như các loại nhà ở cho dân chúng. Ưu tiên này nhằm phục vụ cho các giới đồng bào lao động, những gia đình cách mạng, từ lâu đã hy sinh nhiều nhưng cho đến nay vẫn còn ăn nhờ ở đậu"[330]. Ông nhấn mạnh: "Công việc của chúng ta hiện này chỉ là một cách trả ơn, trả nghĩa cho những người đó".

Từ những ngày cuối tháng 8-1975, chính quyền cho xe chở hàng chục nghìn dân về quê. Tính đến đầu tháng 10-1975, có hơn 15.000 dân được đưa đi xây dựng các vùng kinh tế mới. Người thì lên Bình Phước, Tân Phú, Tây Ninh; người thì xuống Sóc Trăng, Kiến Tường, Vĩnh Long. Chỉ riêng tháng 10-1975, đã có "hơn 100.000 đồng bào Thành phố lên đường xây dựng vùng kinh tế mới. Tính cả gần năm tháng sau giải phóng, đã có gần 240.000 người phấn khởi trở về quê cũ làm ăn"[331]. Ngày 28-10-1975, hội nghị mở rộng của Thường vụ Thành ủy chính thức thông qua chủ trương "đẩy mạnh cuộc vận động chính trị sâu rộng trong quần chúng nhân dân nhằm đưa 1,5 triệu người không có công ăn việc làm đi xây dựng các vùng kinh tế mới".

Trước đó, theo "Bản Báo cáo về Thực trạng và Khả năng Kinh tế miền Nam" được ông Nguyễn Văn Nam, một quan chức của Ủy ban liên lạc công thương đọc tại "Nhà hát Tây"[332] ngày 4-8-1975: "Phân bố lại lực lượng lao động trong cả nước là yêu cầu khách quan cần thiết của đất nước". Bản Báo cáo cho rằng: "Nền kinh tế do Mỹ để lại chỉ là một sự phồn vinh giả tạo. Kẻ thụ hưởng chỉ là các tầng lớp tư sản

quan liêu còn đại đa số quần chúng vẫn sống một cuộc đời cơ cực, không có ngày mai"[333].

Không phải mọi người dân đi kinh tế mới đều bị ép buộc. Theo ông Nguyễn Thành Thơ: "Anh Phạm Văn Xô phụ trách vấn đề kinh tế mới, anh Kiệt giao cho tôi phục vụ anh Hai Xô. Nhiệm vụ của tôi là làm việc với từng địa phương để nắm các đối tượng phải đi kinh tế mới. Tôi thấy nhiều người dân ở trong những căn nhà chật chội, cạnh ao tù, nghèo đói. Chúng tôi vận động thì họ vui vẻ đi". Ngay cả ông Tư Kết, đang là thư ký riêng của một nhân vật quyền bính như ông Mai Chí Thọ, cũng tin tưởng vào chính sách này nên đã cùng với anh trai khuyên mẹ, một "bà má phong trào", bán căn nhà của bà ở Bùi Viện, Quận 1 để đi kinh tế mới. Các quận đoàn lúc ấy đã cử đoàn viên thanh niên, tiên phong phát hoang, mở đường, làm nhà, lập các làng mới trước khi đưa bà con lên.

Theo ông Nguyễn Thành Thơ, nhà nước cấp đất đai, nhà cửa, gạo và tiền để sống ba tháng đầu. Nhưng thực tế không như mơ tưởng, nhất là với những người dân trước đó quen sống ở thành phố có điện, có nước, chỉ biết ngồi bàn giấy hay buôn bán, nay bỗng nhiên phải cuốc đất, trồng khoai ở nơi thâm sơn. Ông Nguyễn Thành Thơ thừa nhận, ăn hết tiền, hết gạo do Nhà nước cấp, nhiều người dân lục tục bỏ về. Các thành phố lại phải gánh chịu thêm những áp lực mới, nhất là từ những người dân bỏ kinh tế mới về khi nhà cửa không còn, do đã bán đi trước đó hoặc do bị coi là nhà "vắng chủ" đã bị "Cách mạng 30-4" nhảy vào "chốt" mất.

Không phải khu kinh tế mới nào cũng cho dân quay trở về thành phố một cách dễ dàng. Mỗi khi người dân trong vùng kinh tế mới Krongpak, Daklak, muốn về thăm quê đều phải cắt rừng đi từ nửa đêm. Mỗi gia đình chỉ đi mỗi lần một hai người để tránh bị chính quyền để ý. Có rất ít người nghĩ tới việc bám trụ lại, nhưng những người vợ lính vẫn lo sợ, nếu trốn, chồng mình sẽ không sớm được về. Gần một năm sau, khi tình hình có vẻ yên yên, mẹ của Thái Cẩm Hoàng mới lén gửi Hoàng về Hội An đi học. Nhưng ngay trong năm kế tiếp, khi về thăm lại Hội An lần đầu tiên, mẹ Hoàng đưa hai đứa em về và mang Hoàng lên để chính quyền trên khu kinh tế mới khỏi nghi ngờ. Ba tháng sau, bà mới dám gửi Hoàng về lại.

Tháng 4-1979, ông Thái Tú Bình được tha. Ông viết thư nhắn vợ bỏ khu kinh tế mới về, dự định sẽ đưa cả nhà vượt biên theo Phương án II. Bức thư ông Bình gửi vợ ở khu kinh tế mới mà cứ như đang ở trong chiến khu: "Con ở trên đó ráng xây

dựng kinh tế mới, để chồng con sớm được về. Trong xóm có ông Giới đã được về rồi con ạ". Mẹ Hoàng nhận thơ, rơi nước mắt vì nhận ra nét chữ chồng mình. Giới cũng là tên ông Thái Tú Bình mà chỉ người trong nhà mới biết. Bốn tháng sau mẹ Hoàng mới bế được cậu em út về gặp cha sau khi tìm cách gửi một đứa con, một đứa cháu về trước. Khi ấy, Phương án II đã bị cắt.

Một lượng lớn người dân thuộc diện "hồi hương" hoặc đi kinh tế mới sau đó đã quay trở về Thành phố. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian 1975-1980, vẫn còn hơn 700.000 người dân đã từng sống ở Sài Gòn trước ngày 30-4-1975 không có cơ hội quay lại Sài Gòn sau khi bị buộc "hồi hương" hoặc bị đưa đi kinh tế mới[334]. Từ 1976-1995, có gần 4,5 triệu người từ các địa phương trên cả nước được đưa đi xây dựng vùng kinh tế mới[335].

Đốt sách

Năm 1953, khi từ Việt Bắc trở về, ông Võ Văn Kiệt được phân công trở lại Bạc Liêu làm phó bí thư Tỉnh ủy, bí thư là ông Ung Văn Khiêm. Cũng trong những ngày đó, ông Kiệt đã cùng với các đồng chí của mình xây dựng một "xã hội lý tưởng" trong "vùng giải phóng": Cách mạng cấp hàng trăm nghìn héc-ta đất cho nông dân, xoá bỏ chế độ tô tức của địa chủ, phát triển các mặt chính trị, văn hóa, y tế, giáo dục. Ông Kiệt nhớ lại: "An ninh tuyệt vời, nhà không phải khóa, vườn không phải rào; vệ sinh từ nhà ở đến xóm ấp đều sạch sẽ; dân chúng hát những bài ca cách mạng, xem văn công cách mạng".

Ông Võ Văn Kiệt thừa nhận, vào năm 1975, ông cũng mong muốn xây dựng ở Sài Gòn "một xã hội lành mạnh" như ông đã từng làm ở Bạc Liêu. Như nhiều địa phương lúc bấy giờ, một trong những công việc đầu tiên mà chính quyền quân quản Sài Gòn ra tay là "chiến dịch quét sạch những tàn dư văn hoá phản động và đồi truỵ". Thành đoàn Thanh niên Cộng sản đã đứng ra thực hiện chiến dịch này.

Ngày 23-5-1975, trên nhiều đường phố Sài Gòn, "khí thế ra quân" của chiến dịch vô cùng sôi nổi: "Đoàn thanh niên nam nữ đi qua các đường phố và hô to nhiều khẩu hiệu đả đảo văn hoá ngoại lai đồi truỵ mất gốc phản động. Đi đầu là xe phóng thanh với một biểu ngữ dài có ghi: 'Đội thanh niên sinh viên học sinh xung kích bài trừ văn hoá dâm ô phản động'. Theo sau là sinh viên, học sinh sắp hàng bảy, hàng tám xuất phát từ trụ sở của lực lượng thanh niên tự vệ Thành phố, số 4

Duy Tân. Đoàn diễu hành kéo dài có đến hàng cây số đường, tất cả mọi người đều có một tấm biểu ngữ trên tay…"[336].

Người dân đã đổ xô ra hai bên đường xem rất đông. "Bản hiệu triệu" mà "đoàn diễu hành" đã dùng loa phóng thanh phát oang oang, có đoạn: "Mỹ đã cút, ngụy đã nhào, Miền Nam đã hoàn toàn giải phóng… Tuy vậy, còn rất nhiều khó khăn phải khắc phục. Dù đế quốc Mỹ đã nhục nhã rút lui, bọn Ngụy quyền và tay sai đã tan rã, nhưng sau hơn hai mươi năm cai trị, chúng đã để lại một xã hội băng hoại, sa đoạ, đầy rẫy người ăn xin, cao bồi, gái điếm, nghiện ngập; một nền kinh tế ăn bám, thiếu sản xuất; một nền văn hoá nô dịch, mất gốc, đồi truỵ, phản động. Cùng với sự xâm lăng bằng súng đạn, xâm lăng kinh tế, chúng nó đã cho xâm nhập hàng loạt sách báo, phim ảnh dâm ô, cổ động chủ nghĩa khoái lạc vật chất, xô đẩy thanh niên vào hố sâu tội lỗi. Bọn tay sai bán nước, trí thức vong bản đã đầu độc quần chúng, thanh niên, học sinh sinh viên bằng những tư tưởng phản động, ru ngủ, bưng bít lịch sử, chống lại Cách mạng. Đứng trước những tàn dư do Mỹ Thiệu để lại, đứng trước yêu cầu của Cách mạng nhằm tạo dựng một nền sống mới, một con người mới từ suy nghĩ tới hành động, nhiệm vụ của đồng bào và thanh niên ta hiện nay là tẩy xoá tận gốc rễ nền văn hoá nô dịch mất gốc, đồi trụy, phản động để thay thế vào đó một nền văn hoá dân tộc, cách mạng và lành mạnh..."[337].

Ngay sau cuộc tuần hành trên đường phố của hàng chục ngàn thanh niên vệ binh, "đồng bào và các tiệm sách đã đem nộp cho đội Quận 7 một số lượng sách báo đồi trụy phản động, tất cả là mười ba xe ba gác. Ngoài ra các hàng sách bày bán trên hai lề đường Lê Lợi, Công Lý cũng tự nguyện dọn sạch và đem nộp. Trên đường Hai Bà Trưng cũng có ba nhà sách tự động đem nộp trên hai mươi cuốn. Đặc biệt, cùng ngày này, 22-5-1975, nhà sách Phúc Bài, 186 Nguyễn Thiện Thuật, Sài Gòn 3 đã tự nguyện đem nộp cho Hội Bài trừ Văn hoá đồi truỵ phản động bốn ngàn cuốn sách các loại"[338].

Ông Võ Văn Kiệt nhìn nhận, ngay từ ngày 28-5-1975, Quân quản đã cảnh báo thanh niên, sinh viên học sinh: "Chúng ta không bao giờ chủ trương đốt sách", và nói rõ "Chiến dịch chỉ thu hồi các sách báo mang nội dung đồi trụy, đầu độc tinh thần thanh thiếu niên, bóp méo xuyên tạc cuộc chiến dành độc lập tự do của dân tộc". Tuy nhiên, trong một không khí hết sức cách mạng được lãnh đạo bởi người mới từ trong rừng ra, sự "nhầm lẫn", sự "quá tay" là không tránh khỏi. Các đội

"thanh niên xung kích" nhiều khi đã không cần phân biệt những sách y học có vẽ cơ thể người với những tranh ảnh khỏa thân khiêu dâm, không phân biệt sách triết học với sách chống cộng. Nhiều trí thức đã tìm gặp ông Kiệt để phản ánh tình hình, nhưng, như ông Kiệt nhìn nhận: "Cả tôi và chính quyền đã phải mất khá lâu mới nhận ra những sai lầm đó"[339].

Điều khó khăn theo ông Dương Đình Thảo, giám đốc Sở Văn hóa Thông tin, là làm sao để xác định như thế nào là một văn hoá phẩm xấu. Một cơ quan tuyển chọn đánh giá văn hóa phẩm sau đó đã được ông Võ Văn Kiệt cho thành lập. Tuy nhiên, trước khi có những đánh giá cẩn trọng, các nhà báo cách mạng đã thỏa sức đưa ra các tiêu chí của mình.

Tư Cua, một cây viết "cà rỡn" trên mục Sài Gòn Đó Đây của báo Sài Gòn Giải Phóng đã mượn chuyên mục của mình để "tuyên ngôn" nhiều giá trị văn hóa đậm màu quân quản: "Một đồng bào và cũng là độc giả của báo Sài Gòn Giải Phóng đến toà soạn than thở: Trên một chuyến xe buýt Sài Gòn - Lăng Cha Cả, ngày 29-5, chiếc xe mang số EG 6198, đồng bào rất bực mình vì phải nghe chủ xe mở băng nhạc gồm những bản nhạc rã rời, rên rỉ, dã dượi như người mất hồn: "Khi biết em mang kiếp cầm ca / Đêm đêm phòng trà / Mang tiếng hát cho mọi người". Độc giả này than phiền rằng giữa lúc mọi người đang phấn khởi xây dựng một xã hội mới mà ông chủ xe buýt lại cho đồng bào nghe những thứ mà hồi Mỹ-Ngụy chúng nó dùng để ru ngủ tuổi trẻ, như thế có phải là trật đường rầy không?... Thời buổi này làm chi còn có cái "kiếp cầm ca", còn đâu có "đêm đêm phòng trà", làm chi có chuyện "chỉ còn anh thôi, chỉ còn em thôi"… Bây giờ là lúc ta có tất cả, còn tất cả, chớ đâu có cái lạc lõng bơ vơ, sờ soạng "chỉ còn anh, chỉ còn em" như thế"[340].

Tư Cua còn định nghĩa về "sách xấu": "Nghe nói, trong đám sách ngổn ngang đó, có những tác giả nay đã phủ nhận quê hương, xa lìa dân tộc, chuồn ra ngoại quốc, làm nô lệ đi xin cơm, xin áo ở xứ người! Họ biết không nhỉ! Nghe nói, trong số đám sách ngổn ngang đó, có những cuốn sách đã ru ngủ họ trong suốt hai mươi mốt năm dài chiến tranh và mất nước, ngược lại đã đánh thức những "con heo" trong lòng họ dậy và đã biến cả Sài Gòn thành một "ổ điếm khổng lồ"[341].

Ngaỳ 30-10-1975, trên báo Sài Gòn Giải Phóng, chính quyền công bố một danh sách năm mươi sáu tác giả có tác phẩm bị liệt vào hàng "phaỉn đôṇg, dâm ô, đâù đôc̣", bi ̣câḿ lưu haǹh, trong đó có Hoaǹg Ngoc̣ Liên, Ha ̀Huyêǹ Chi, Phan Nghi,̣ Vo ̃

Hưũ Hạnh, Nguyên Vu,̃ Lê Xuyên, Nha˜Ca, Văn Quang, Chu Tư,̉ Doañ Quôć Si,̃ Thanh Tâm Tuyêǹ, Mai Thaỏ, Dương Nghiễm Mậu.… Nhưng, ngay khi những cuốn sách đầu tiên bắt đầu được đốt ngoài đường bởi Thành đoàn, cũng như nhiều chủ nhà sách khác, chủ nhà xuất bản Cảo Thơm, ông bà Hồ Hải Trần Thế Nam[342], đã họp với cộng sự của ông là gia đình ông bà Nguyễn Đức Phong, bàn việc xử lý kho sách lưu trữ của Cảo Thơm.

Trước năm 1954, ông Hồ Hải đã từng có một tiệm sách ở Bờ Hồ. Khi rời Hà Nội di cư vào Sài Gòn, ông cho xuất bản Vang Bóng Một Thời, tập sách được coi là đẹp nhất thời bấy giờ. Chính quyền Sài Gòn thời Ngô Đình Diệm lúc đầu cấm vì tác giả của nó, nhà văn Nguyễn Tuân, đang sống ở Hà Nội, nhưng bộ máy kiểm duyệt sau đó đã chấp nhận. Cuối thập niên 1960, ông Trần Thế Nam cùng với ông Nguyễn Đức Phong thành lập nhà xuất bản Cảo Thơm. Do ông Phong đang là công chức nên ông Trần Thế Nam đứng tên.

Ngay sau khi quân Giải phóng vào Sài Gòn, cũng như các cơ sở in ấn khác, nhà in số 326/20 Võ Di Nguy[343] của Cảo Thơm bị chính quyền Quân quản quản lý. Số sách vở để bên nhà 326/18 bắt đầu được phân ra: Những tập sách khảo cứu của Nguyễn Hiến Lê, sách Lịch sử Triết học Đông phương của Giản Chi, thơ Nguyễn Nhược Pháp, Vang Bóng Một Thời của Nguyễn Tuân… thì được chia nhỏ, giao cho người già, trẻ em mang đi giấu hoặc gửi ở nhà người quen[344]. Những sách "thị trường" khác thì Cảo Thơm huy động toàn bộ nhân lực trong hai gia đình, xé ra rồi âm thầm bán cho các bà đồng nát[345].

Cạo râu

Từ "văn hóa phẩm", Cách mạng muốn thay đổi đến tận gốc rễ cuộc sống của người dân. Tháng 10-1975, đợt phát động thanh niên "hớt tóc ngắn, sửa quần áo lai căng" bắt đầu được triển khai. Ở Quận 10, Đoàn Thanh niên Cộng sản liên tục mở nhiều cuộc thảo luận về "tư cách tác phong của người thanh niên" và Quận Đoàn đã đi đến quyết định: "Hớt tóc ngắn, sửa lại áo, eo quần loe, quần bó, không mang áo hở ngực, không ăn mặc lố lăng, sặc sỡ… Quận đoàn đã liên hệ với một số tiệm hớt tóc và nhà may để giới thiệu anh em đến hớt tóc và sửa lại áo quần với giá rẻ và mở ba địa điểm hớt tóc miễn phí tại phường Nhật Tảo và tại trụ sở quận đoàn"[346].

Khi tường thuật một "phiên tòa quân sự", trước khi nói rõ tội trạng của các bị cáo, báo chí đã dành nhiều dòng để bày tỏ thái độ của Chính quyền Cách mạng về

lối sống: “Lúc ấy là 13 giờ15 ngày 23-12-1975. Mọi cặp mắt đều đổ dồn về phía vành móng ngựa khi Thượng tá Chánh thẩm truyền đưa hai can phạm vào. Cả hai đều để tóc dài phủ gáy, đều rất trẻ nhưng vẻ mặt hiện rõ nét ăn chơi, trác táng. Tên mặc áo sơ mi trắng bỏ ngoài quần, không cài nút cổ, là Đặng Vũ Trường, sinh viên năm thứ nhất. Tên mặc áo đen nâu phủ ngoài một chiếc áo sơ mi vàng sậm là Nguyễn Đắc Hy, quê quán ở An Cựu Đông, huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên. Cả hai đều bị bắt quả tang vào lúc 17 giờ 30 ngày 21-12-1975, ngay sau khi chúng nổ sáu phát súng vào người anh Nghiêm Mạnh Chu để đoạt chiếc Honda-50 kiểu nữ”[347].

Chuyện “hớt tóc ngắn, sửa quần ống loe” không chỉ do những phong trào tự phát của “Cách mạng 30-4”. Ngay từ ngày 3-5-1975, Ban Bí thư đã có Điện số 610: “Gửi: Trung ương Cục, anh Sáu, anh Bảy - Bộ Chính trị trao đổi ý kiến thấy rằng trong điều kiện ta thắng to và nhanh, gọn, thế ta mạnh, cho nên càng sớm ổn định mọi mặt càng tốt. Đối với quần chúng cơ bản phải giải thích chính sách, ổn định tư tưởng, làm cho họ tích cực hồ hởi tham gia bảo đảm trận tự an ninh… Đối với báo chí, nên có chủ trương rộng rãi, có cách lãnh đạo thích hợp, như vậy có lợi cho ta trên mặt trận dư luận rộng rãi. Đối với cách ăn mặc của dân, không nên dùng mệnh lệnh cấm đoán, làm phiền phức cho dân mà nên dùng giải thích thuyết phục, khuyên bảo để tránh những kiểu ăn mặc càn quấy, không để dân lầm lẫn rằng ta chống việc ăn mặc đẹp. (Lê Văn) Lương”.

Có những người dân Sài Gòn, khi thấy “quân Giải phóng” tràn về đã nhuộn đen quần áo của các thành viên trong gia đình. Trong những show diễn hiếm hoi sau ngày 30-4-1975, nhiều nghệ sỹ Sài Gòn lên sân khấu mà không dám trang điểm. Nhiều người nghĩ một cách chân thành, Cách mạng về là không còn son phấn và giày cao gót. Nhưng những thứ quần áo mà công điện của Ban Bí thư gọi là “lai căng” đó chỉ một thời gian ngắn sau lại trở thành sự thèm khát của những thanh niên “lớn lên dưới mái trường xã hội chủ nghĩa”.

Khi chiến tranh chưa kết thúc, ít có thanh niên miền Bắc nào có hơn hai bộ áo quần, chủ yếu bằng vải sợi xanh; ít có cô gái nào có được cái quần lụa và chiếc áo “Hong Kong” bằng vải “phin”. Sau ngày 30-4-1975, khi những cán bộ miền Nam tập kết được lần lượt về thăm quê, một số bộ đội cũng bắt đầu được xuất ngũ hoặc về phép thăm nhà. Trong cuộc họp ngày 16-6-1975, Ban Bí thư đã cho “một số ý

kiến” bổ sung Chỉ thị 181 của thủ tướng, theo đó: “Việc kiểm soát sự ra vào vùng mới giải phóng cần được tăng cường chặt chẽ nhằm thỏa mãn yêu cầu của cán bộ và nhân dân đi lại thăm viếng gia đình ở miền Nam, nhưng đồng thời để phòng bọn xấu lợi dụng cơ hội để buôn lậu và phá rối trị an. Việc mang theo hàng hóa từ miền Nam ra miền Bắc phải được kiểm soát chặt chẽ, ngăn cấm bọn buôn lậu đầu cơ; nhưng mặt khác, đối với cán bộ và nhân dân cần có những quy định rõ ràng cho phép họ được mua sắm và mang theo một số đồ dùng riêng cho bản thân họ, tránh tình trạng bắt giữ lung tung, gây căng thẳng không cần thiết”. Tuy nhiên, miền Bắc lúc đó đã phải rất vất vả để chống lại những biểu hiện “văn hóa lai căng” không chỉ lây lan từ miền Nam[348].

Ngay tại Sài Gòn, những người vừa được “giải phóng” đã biết dùng những biểu tượng của chế độ làm thơ ta thán về sự bất bình thường của Chế độ: “Các-mác (Karl Marx) mà đến Việt Nam / Râu dài róc rậm công an bắt liền / Các-mác cầu cứu Ăng-ghen (Angel) / Ăng-ghen cũng phải đóng tiền tóc râu / Truyền cho bốn biển năm châu / (Đến Việt Nam thì nhớ) Râu Mao Chủ tịch tóc đầu Lê nin (Lenin)[349]”.

Lúc đầu ông Võ Văn Kiệt cũng không hiểu tại sao người dân Sài Gòn lại không ủng hộ Cách mạng bảo vệ “thuần phong mỹ tục”. Tuy nhiên, vốn là một nhà lãnh đạo kháng chiến khá nhạy cảm trước các phản ứng của dân, ông Kiệt yêu cầu tổng biên tập Tuổi Trẻ, khi ấy là ông Võ Như Lanh, tổ chức làm sao để ông nghe được thanh niên nói thật.

Báo Tuổi Trẻ liền cho mời thanh niên thuộc các thành phần khác nhau, những người đã bị cưỡng bức cắt tóc, cắt quần, đến phòng họp của báo. Trước đó, ông Võ Văn Kiệt và Thư ký Nguyễn Văn Huấn đã đến sớm, ngồi “buông rèm” phía sau lắng nghe.

Những bức xúc, dồn nén đã được các thanh niên Sài Gòn nói ra. Họ không biết một ông “Việt Cộng gộc” cũng đang “tâm trạng” lắm khi nghe họ nói. Theo ông Võ Như Lanh, khi những thanh niên này về hết, kéo rèm ra, thấy ông Võ Văn Kiệt ngồi lặng, mặt rất đăm chiêu. Khi ấy, chưa phải là ông Kiệt đã đồng ý hoàn toàn với những “đòi hỏi” của thanh niên, nhưng ông nhận ra ngay là các giá trị văn hóa không thể được ứng xử bằng những đám đông nồng nhiệt.

Không chỉ có trong lĩnh vực chính trị, văn hóa, trên nhiều mặt của đời sống, người dân miền Nam chỉ mong có được những điều kiện sống mà họ đã có trước khi

được những người anh em "giải phóng". Ngay từ cuối thập niên 1960, trong khi ở miền Bắc xe đạp cũng rất hiếm người có mà đi, ở miền Nam người dân đã có thể sở hữu ô tô, còn xe máy hai bánh thì tới đầu thập niên 1970 đã trở thành phương tiện giao thông cá nhân phổ biến[350].

Trước khi "được giải phóng", xăng dầu phục vụ cho các loại xe có động cơ lúc nào cũng sẵn sàng. Nhưng, để thi hành Nghị định 18 của Chính phủ, ngày 12-9-1975, Ủy ban Quân quản Sài Gòn-Gia Định đã ra thông cáo về việc "cấm tồn trữ và bán xăng dầu trên thị trường tự do". Cùng ngày, Tổng cục Vật tư ra thông báo yêu cầu đến hết ngày 18-9-1975, những ai đang tồn trữ xăng dầu đều phải khai báo và tự bảo quản cho đến ngày 19-9-1975, ngày nhà nước trưng mua toàn bộ xăng dầu. Sau ngày đó, "tư nhân mua bán, đổi chác hoặc tồn trữ xăng dầu bị coi là phạm pháp"[351].

Bắt đầu ngaỳ 29-12-1975, xăng dầu bắt đầu được cung cấp theo chế độ tem phiếu. Người dân phải "mang theo tơ`khai gia điǹh, the ̉chu ̉quyêǹ, the ̉căn cươć, giâý giơí thiêụ cuả cơ quan hiêṇ đang công tać, mang theo tiêǹ lê ̣phi ́môĩ phiêú 0,04 đồng" để đăng ký lấy phiếu cung cấp xăng".

Chính sách tập trung quản lý các nguồn nhiên liệu và độc quyền xuất nhập khẩu vào tay nhà nước đã làm cho tình trạng khan hiếm xăng dầu trở nên nghiêm trọng. Từ năm 1976, một phần xe cộ bắt đầu bị xếp xó vì không có nhiên liệu hoặc không có phụ tùng thay thế. Ban liên lạc công thương đã phải "hướng dẫn môṭ sô ́nha `tư saň công nghiêp̣ aṕ duṇg nhiêù sańg kiêń co ́gia ́tri ̣trong saň xuâť, phuc̣ vu ̣đơì sôńg nhân dân". Sańg kiêń đańg chu ́y ́nhâť la `viêc̣ "chê ́taọ thaǹh công" môṭ loaị châť lơp̣ vơí gia ́thaǹh ha ̣đươc̣ đăṭ tên la `ca-rô-đa (viêť tăť tên nhưñg nguyên liêụ, vâṭ liêụ câú taọ ra no ́la `cao su, rơm, đâť) cuả môṭ sô ́nha `tư saň thuôc̣ ngaǹh chê ́biêń cao su va `nhưạ deỏ. Hợp châť naỳ co ́đăc̣ tińh mêm̀, không băť lưả, không hưť noń g, râť tiêṇ duṇg trong viêc̣ lơp̣ nha,̀ laм̀ măṭ bàn, măṭ giươǹg[352].

Đích thân Bí thư Thành ủy Võ Văn Kiệt cũng phải lăn lộn ở những cơ sở chế biến than quả bàng[353]. Các xươňg đuć gang thì tìm tòi chế tạo những lò nâú than qua ̉baǹg băǹg đâť co ́vo ̉băǹg gang. Còn các nha `tư saň thuôc̣ ngaǹh nông lâm cơ thì đã "cai ̉tiêń thaǹh công" xe ô tô chaỵ băǹg than va `cuỉ: "Bô ̣phâṇ lo `hơi cuả xe ô tô chaỵ than cuỉ co ́thê ̉sư ̉duṇg cho cać loaị maý bơm nươć, maý taù, maý điêṇ: Lâm trươǹg La Nga,̀ hañg kem Peć-lông đang sư ̉duṇg loaị xe cai ̉tiêń naỳ"[354].

Cùng với chính sách cải tạo trong lĩnh vực kinh doanh vận tải, sự khan hiếm nhiên liệu cũng làm thay đổi địa vị con người. Hình ảnh hành khách được các lơ xe đón tận nơi, nâng từng túi hành lý, đỡ lên những chiếc xe máy lạnh của các hãng xe đò tư nhân Liên Hiệp, Hiệp Thành, Đông Á, Đại Nam, Phi Long, Tiến Lực từng "chạy suốt" ra Bắc, chỉ mấy tháng sau ngày 30-4-1975 đã nhanh chóng biến mất.

Mỗi khi có việc đi xa, người dân phải xếp hàng từ nửa đêm ở bến xe, nhưng sáng ra cũng không chắc có thể mua được vé. Lên xe rồi còn phải chịu sự hành hạ của những chuyến xe già nua, cũ nát không có phụ tùng thay thế; đường sá xuống cấp không có kinh phí bảo trì. Vô phúc đi trên những chiếc xe "cải tiến thành công" từ chạy xăng sang chạy than, nếu may mắn tới đích, thì ngoại trừ hai con mắt, từ đầu đến chân của mọi hành khách đều bị bọc trong khói bụi.

Thêm nữa, không phải cứ có tiền là có thể đi lại. Từ ngày 4-1-1977, việc "đi lại của nhân dân và cán bộ" đều phải có giấy tờ. Đi lại trong phạm vi thành phố và các tỉnh thành phố đều phải xin phép, phải đưa giấy chứng nhận nhân khẩu thường trú và giấy căn cước hoặc giấy chứng nhận cải tạo nếu có, đến công an phường, xã trình bày lý do xin đi sẽ được xét cấp. Người đi đến các vùng bờ biển thì phải mất nhiều ngày và không chắc được cấp giấy đi đường vì chính quyền chống dân vượt biên[355]. Trong khi đó, trên các diễn đàn, chính quyền tiếp tục ngợi ca "những giá trị mới" mà người dân đang "được hưởng".

"Cách mạng là đảo lộn"

Tại Sài Gòn, kể từ sau 30-4, ông Trần Bạch Đằng, với danh nghĩa là Chủ tịch Hội Liên hiệp Thanh niên Giải phóng, thường xuyên nói chuyện tại Câu lạc bộ Thanh niên Thành phố. Quan điểm của Trần Bạch Đằng lúc ấy đóng một vai trò quan trọng trong việc "định hướng thẩm mỹ Cách mạng" cho người dân miền Nam.

Trong một bài phỏng vấn đăng trên Tuổi Trẻ, Trần Bạch Đằng cho rằng "không nên có chủ trương cho thiếu nhi ca vọng cổ". Ông nói: "Tuy vọng cổ phổ biến ở nước ta, đặc biệt ở Nam Bộ, nhưng đối với lứa tuổi nào đó, tỷ như các em nhi đồng và thiếu niên, thì vọng cổ chưa hẳn có lợi hoàn toàn trong mục đích giáo dục… Âm điệu vọng cổ thường khó gây phấn chấn và nhứt là hạn chế tập thể trong khi biểu diễn tập thể lại là hình thức biểu diễn cần khuyến khích hiên nay"[356].

Theo ông Trần Bạch Đằng: "Một trong những tội ác tày trời của đế quốc Mỹ và bọn tay sai" là "phủ nhận cái đẹp chân chính, cái đẹp về nội dung, cái đẹp tinh

thần” và “cổ vũ cho cái đẹp hình thức, cái đẹp giả tạo, cái đẹp vật chất đơn thuần”. Sau khi chỉ trích các mỹ viện đua nhau ra đời theo sau sự “triển khai ồ ạt của chủ nghĩa thực dân mới” tại miền Nam, ông Trần Bạch Đằng kết luận: “Nói cho cùng, chủ nghĩa thực dân mới mang đến cho một bộ phận thanh niên ta cái đẹp của người nô lệ, một cái đẹp vay mượn. Muốn giữ cái đẹp kiểu đó thì phải suốt đời mất nước, suốt đời ăn xin”. Rồi ông kêu gọi thanh niên “đi vào lao động, phát giương cái đẹp của lao động đối với thanh niên, định lại chân lý, định lại giá trị của con người”[357]. Ông Trần Bạch Đằng nhấn mạnh: “Đó là một cuộc cách mạng, một cuộc cách mạng rộng lớn, sâu sắc, một sự đảo lộn và là một sự đảo lộn cần thiết”[358].

Cùng thời gian đó, chính quyền cho phát hành tại Miền Nam một loạt sách báo cách mạng như: Học Tập Và Làm Theo Gương bác Hồ Vĩ Đại; Sống Như Anh (viết về liệt sỹ Nguyễn Văn Trỗi); Chuyện kể về Lý Tự Trọng, một người cộng sản chết trẻ với câu nói được cho là của anh và được Đoàn sử dụng như là một tuyên ngôn: “Con đường của thanh niên chỉ có thể là con đường cách mạng chứ không còn con đường nào khác”. Đặc biệt, cuốn sách gối đầu giường của nhiều thế hệ cộng sản - Thép Đã Tôi Thế Đấy - bắt đầu được đưa đến miền Nam. Đây là cuốn tiểu thuyết từng được dịch ra bảy mươi thứ tiếng do nhà văn Nga Nikolai Alexeevich Ostrovsky viết trong thời kỳ Stalin. Nhân vật chính của cuốn sách là Pavel Korchagin, được coi là “hóa thân” của Ostrovsky.

Phương châm sống của Pavel đã được chép lại trong hàng triệu cuốn sổ tay: “Đời người chỉ sống có một lần. Phải sống sao cho khỏi xót xa, ân hận vì những năm tháng đã sống hoài, sống phí, cho khỏi hổ thẹn vì dĩ vãng ti tiện và hèn đớn của mình, để khi nhắm mắt xuôi tay có thể nói rằng: tất cả đời ta, tất cả sức ta, ta đã hiến dâng cho sự nghiệp cao đẹp nhất trên đời, sự nghiệp đấu tranh giải phóng loài người”. Thời gian đó, không ít thanh niên ngoài đời và thanh niên là nhân vật của những tác phẩm văn học mới, mỗi khi thấy “dao động”, lại ghi vào Nhật Ký: “Đồng chí Pavel ơi!”[359].

Các đoàn nghệ thuật Cách mạng, số từ trong rừng ra, số từ ngoài Bắc vào bắt đầu chiếm lĩnh các sân khấu Sài Gòn. Nhân dịp 2-9-1975, ngày Quốc khánh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, 1.300 diễn viên từ các đoàn nghệ thuật đã tập trung ở Sài Gòn chuẩn bị cho những chương trình biểu diễn mới. Đặc biệt, Đoàn Văn công Tổng cục Chính trị, Đoàn Ca Múa Quân Giải phóng, Đoàn Ca Múa Phòng Không

Không quân, Đoàn Văn Công Hải quân, Đoàn Cải lương Giải phóng, Đoàn Kịch nói Nam Bộ, Đoàn Kịch nói Hà Nội… cũng bắt đầu đến Sài Gòn với các vở diễn như: Tiền Tuyến Gọi, Lam Sơn Tụ Nghĩa…

Sài Gòn cũng không còn "Nỗi Buồn Hoa Phượng" với tiếng hát Thanh Tuyền; không còn "Chuyện Một Chiếc Cầu Gãy" với Hoàng Oanh; không còn "Đêm Đông" với Bạch Yến; không còn "Tà Áo Xanh" với Lệ Thanh; không còn được "Ngậm Ngùi" với Lệ Thu và, cho dù đang bị kẹt lại, Thái Thanh cũng không còn được hát Phạm Duy, Phạm Đình Chương… Chỉ những "nghệ sỹ Ngụy" được xếp vào hàng "không chống đối cách mạng" và được Hội Văn Nghệ cho làm tự kiểm điểm mới bắt đầu được bước lên sân khấu.

"Vua vọng cổ" Út Trà Ôn tự kiểm điểm với Cách mạng: "Tôi chỉ có một khuyết điểm không sửa được là có 5 bà vợ; còn đối với Cách mạng thì tôi trong sạch"[360]. Chỉ một thời gian ngắn sau, Út Trà Ôn liên tục "lên sóng" với bài vọng cổ có tên "Đài Hoa Dâng Bác". Nhờ những mối quan hệ đặc biệt, nữ nghệ sỹ Bạch Tuyết, người từng tham gia ký tên lên trái bom mà các phi công Sài Gòn mang ném ra miền Bắc, cũng bắt đầu được diễn trở lại. Những người không thực sự được nâng đỡ thì chỉ có thể bước lên các sân khấu nhỏ. "Nhạc sĩ Trịnh Lâm Ngân lập đoàn gồm Duy Khánh, Nhật Trường, Thanh Lan… bữa đói, bữa no, ngủ đình, ngủ chợ, mong được hát nhiều hơn là kiếm miếng ăn dẫu rằng ai cũng đói"[361].

Ở các rạp chiếu bóng, những phim cũ cũng biến mất, nhường chỗ cho những phim của Liên Xô, Trung Quốc như: Bạch Mao Nữ, Cát Đỏ, Những Người Báo Thù Không Bao Giờ Bị Bắt… Lúc đầu, người dân Sài Gòn chưa quen những loại phim này, các rạp kêu rất dữ vì có những suất chiếu chỉ có 14-15 người xem. Người dân cũng đã phản ứng trước một số chương trình biểu diễn của các đoàn văn công miền Bắc. Theo Điện đề ngày 17-6-1975 của Ban Bí Thư, do "ông Lành" (Tố Hữu) ký gửi "anh Tư Ánh" (Trần Bạch Đằng): "Về việc các đoàn văn công biểu diễn gần đây bị quấy rối nhiều như điện anh đã báo, đề nghị các anh kiểm tra kỹ tình hình cùng cấp ủy địa phương có biện pháp tích cực ngăn chặn những hoạt động mất trật tự, phải giáo dục quần chúng".

Chính quyền cũng nhận thấy không thể buộc người dân miền Nam phải "cai" những nhu cầu tinh thần đã gắn bó với họ hàng thập kỷ. Tuy nhiên, theo giám đốc Sở Văn hóa Thông tin Sài Gòn sau 1975, ông Dương Đình Thảo: Khi cho các nghệ

sỹ diễn lại các vở cải lương ăn khách ở miền Nam như Lá Sầu Riêng, Đời Cô Lựu, lập tức có phản ứng: "Thành phố đang vui vẻ đi lên thế này sao cho diễn những tuồng rên rỉ ấy". Nhưng khi các nghệ sỹ Sài Gòn cố gắng diễn những vở "tráng ca", không chỉ "dư luận" mà ở bên hành lang Quốc Hội nhiều vị khá quan trọng đã than phiền, "Thành ủy TP HCM để cho 'nghệ sỹ Ngụy' đóng cả Hai Bà Trưng".

Ông Võ Văn Kiệt nhớ lại, đấy không chỉ là sự ganh tị trong giới mà còn là nhận thức ấu trĩ về chính trị của khá nhiều lãnh đạo. Ông đặt câu hỏi: "Ở Sài Gòn nếu đòi hỏi người xứng đáng theo tiêu chuẩn chính trị để đóng Hai Bà Trưng thì chỉ có Bà Định; đóng Lenin thì chỉ có Bác Tôn thôi. Các anh cứ mời các vị ấy đóng xem thử có ai đi coi không?"[362].

Dưới góc độ con người, những văn nghệ sỹ đến từ miền Bắc cũng có nhiều tâm trạng. Năm 1976, nhà thơ ba mươi sáu tuổi Vũ Quần Phương[363] khi từ miền Bắc vào thấy "Cô ca sĩ Sài gòn hát bài hát Trường Sơn", đã viết:

Cùng mắc võng trên rừng Trường Sơn
Bài hát viết từ rừng le, rừng khộp
Năm ấy Sài Gòn lô nhô cao ốc
Em chưa biết gì về rừng khộp, rừng le
Anh lên xe trời đổ cơn mưa
Mưa chưa ướt vai em khi ấy
Rau hết rồi, măng rừng anh hái
Hái măng rừng chưa có em đi
Trường Sơn đông gánh gạo rừng khuya
Cô gái ấy gánh đi, chứ em chưa biết gánh
Thuở cô ấy ở rừng em ngồi phòng máy lạnh
Cô gái ấy không về và em hát hôm nay.
Đêm Sài Gòn đỏ rực cờ bay
Trước sân khấu, tôi ngồi nghe em hát
Em tô đỏ môi son, em kẻ xanh mi mắt
Cô gái ấy ở rừng không có gương soi
Bài hát như bàn tay còn ấm mồ hôi
Em đang vịn và đi từng hồi, từng nhịp
Những vui buồn đã xa, hôm nay em mới biết

Cô gái ấy rất hiền sẽ dắt tiếp em đi.

Ông Vũ Quần Phương thừa nhận, bài thơ này đã được hình thành ngay từ những ngày đầu ông tới Sài Gòn, tháng 5-1975. Hôm ấy, tại Sài Gòn, có một cuộc gặp mặt giới văn nghệ của cả hai miền. Ông Phương, phóng viên Đài tiếng nói Việt Nam, được cử đi đón nghệ sỹ Kim Cương. Nữ sỹ Kim Cương khi ấy cũng tỏ ra giản dị, thay vì đi xe hơi riêng đã chấp nhận ngồi sau xe Honda do ông Phương chạy. Ông Phương nói với nữ sỹ: "Chị ngồi cẩn thận bởi tôi lái xe máy chưa quen". Nghệ sỹ Kim Cương đùa: "Anh yên tâm, nếu tôi có bị gì mai anh xách chiếc xe 'làm Kim Cương té' này ra chợ trời bán là được giá lắm". Ông Phương hiểu sức mạnh công chúng trong thông điệp như đùa đó của Kim Cương.

Đêm ấy, cho dù các nghệ sỹ Sài Gòn đã cố gắng ăn mặc giản dị, họ vẫn "sáng rực" hơn so với những người từ miền Bắc vào hoặc từ trong rừng ra. Nhà thơ Vũ Quần Phương nói: "Khi nghe cô ca sỹ hát bài 'Mắc võng trên rừng Trường Sơn', tôi nhớ tới Phạm Tiến Duật, tác giả lời thơ của bài hát đó. Khi ấy Duật đang bị kiểm điểm không biết số phận thế nào vì bài thơ Vòng Trắng. Nhưng bài thơ chỉ bật ra khi năm 1976, trong chuyến đầu tiên sau giải phóng, các văn nghệ sỹ Việt Nam được đi Liên Xô, người ta đã để ca sỹ Trường Sơn Tô Lan Phương ở lại lấy chỗ cho một ca sỹ miền Nam. Tôi hiểu cử chỉ chính trị của các nhà lãnh đạo nhưng vẫn không khỏi chạnh lòng cho những người đã hy sinh tuổi trẻ của mình. Tuy nhiên, khi viết cái kết của bài thơ, tôi vẫn theo chuẩn mực giáo dục lúc bấy giờ, ai sớm muộn gì rồi cũng phải đi theo con đường cách mạng". Khi ấy, không chỉ có ông Vũ Quần Phương nghĩ con đường "trở thành người tốt" cho các cô gái Sài Gòn là phải được dẫn dắt bởi các "cô gái Trường Sơn".

Lòng người

Nhanh chóng "xóa bỏ tình trạng lạc hậu và phản động" ở miền Nam là một nỗ lực mà những người Cách mạng tin là nhân đạo. Nhưng "đôi khi, con đường đi tới địa ngục lại được đắp bởi những ý định tốt"[364]. Đã mất hàng chục năm sống trong rừng hoặc sống trong một xã hội khép kín, bưng bít nhưng "Cách mạng" lại quá nồng nhiệt, nôn nóng giáo dục cho những người được học hành từ những xã hội cởi mở hơn, tiếp cận với thế giới đa dạng hơn. Niềm tin và sự nhiệt tình ấy lại được hỗ trợ một cách đắc lực bởi quyền lực tuyệt đối của cả một bộ máy. Cách mạng càng

hăng say, càng để lại nhiều tổn thương cả về thể chất lẫn tinh thần cho những người dân "trong vùng giải phóng".

Cái khí thế quần chúng nhìn thấy trên đường phố và được tường thuật trên báo chí nhà nước trong những ngày ấy không phải là những gì đang diễn ra trong lòng người dân Sài Gòn, người dân miền Nam. Bà Nguyễn Thị Hoàng Bắc, khi ấy, đang dạy học ở trường Hoàng Văn Thụ, Nha Trang. Năm học 1976-1977, trong lớp bà có một học sinh, khi ấy đang học lớp 10, đã khắc mấy câu thơ lên bàn học:

Không muốn ngồi yên để đợi trông
Thích làm Từ Hải giữa muôn lòng.
Cộng lại những gì trong quá khứ,
Sản khoái trong lòng thoả ước mong

Theo bà thì không phải là học sinh này đã viết sai lỗi chính tả chữ "sảng" thành chữ "sản" mà học sinh ấy có ý định ghép bốn từ đầu ở các câu lại thành cụm từ: không thích cộng sản. Thái độ ấy có lẽ đã qua mấy năm tích tụ, nhưng hành động viết ra thì chỉ là một phút bốc đồng. Có người đã báo cáo và học sinh đó đã bị bắt, bị điều tra và bị đuổi học. Bà Nguyễn Thị Hoàng Bắc kể: "Tôi và một cô giáo đồng nghiệp khác (về sau định cư ở Canada) đã cố hết sức giúp em. Hai chúng tôi đứng trước cửa lớp giờ tan học che cho một cô giáo khác lấy dao cố cạo cho hết những nét khắc sâu vào gỗ của bài thơ nhưng có người đã nhanh tay sao chép, gửi đi cho công an. Nét khắc còn lờ mờ nhưng vẫn là bằng cớ"[365].

Tôn Thất Thiện Nhân[366] năm 1975 đang là một học sinh cấp III. Anh nhớ lại: "Thay vì xách cặp tới trường, tôi đi lang thang. Tôi như một đứa trẻ không nhìn thấy một lối thoát nào trước mặt. Những khoảng sân trường thơ mộng trở thành chỗ cho những cô cậu con cái các gia đình tập kết hoặc được điều từ ngoài Bắc vào 'lên mặt' với con cái của những kẻ 'lầm đường'. Cũng những thầy cô giáo mà học trò ngưỡng mộ ngày nào giờ trở thành những con người khác, hoảng hốt, sợ sệt. Mặc dù mấy năm trước 1975, cuộc sống của Sài Gòn đã trở nên khó khăn, nhưng không phải như những gì mà người Sài Gòn đang đối diện. Hàng tuần từ trường trở về, tôi lại thấy một đồ đạc gì đó ở trong nhà biến mất. Tôi ngạc nhiên là tại sao trong suốt nhiều ngày mẹ tôi, một cô giáo, lại chỉ thay đổi một hai bộ đồ trong khi tủ quần áo của bà có hàng chục bộ đồ dài rất đẹp. Tôi chạy vào mở tủ ra thì thấy nó trống

hoác. Tôi có cảm giác sẽ không bao giờ có thể khép lại trong lòng cái cánh tủ trống hoác đó".

Cha của Nhân trước 1975 cũng là giáo viên. Do đã từng đi lính, tuy chưa phải sỹ quan nên không phải đi cải tạo, nhưng sau 1975 ông không còn được đi dạy. Ông đã phải bươn chải vô số nghề trong đó có nghề nhảy tàu lên Long Khánh mua than củi mang về Sài Gòn bán. Mấy anh em Nhân thỉnh thoảng lại ra ga đợi ông như chờ đợi một điều gì đó khác hơn ngày thường. Một hôm, hai anh em nhìn thấy cha mình, năm ấy chỉ mới gần bốn mươi tuổi, đu cạnh thành con tàu đang tiến dần vào ga, vứt bao than trước rồi nhảy xuống; không may, ông bị trượt chân. Nhìn gương mặt khắc khổ, tay chân đen đúa, bị những nhát cắt của những viên đá lót đường rày làm cho túa máu, Thiện Nhân nói: "Một cảm giác mất mát kinh khủng xâm chiếm con người tôi, hình như đó vừa là tình thương vừa là sự thất vọng về ông, về một thế hệ không còn có khả năng gượng lên được nữa".

Không chỉ có những đứa trẻ bồng bột phản ứng bằng những câu thơ, tình cảm học trò, sự trải nghiệm "Sài Gòn giải phóng" đã giúp Đỗ Trung Quân thai nghén những vần thơ cũng đau như những nhát cắt của dao, nhưng nó không được dại dột khắc xuống mặt bàn để bàn tay học trò phải nhận cây còng số 8. Năm 1982, Đỗ Trung Quân viết bài Tạ Lỗi Trường Sơn[367]. Bài thơ cho thấy một góc nhìn của người dân Sài Gòn với những người đã "giải phóng mình":

Một ngàn chín trăm bảy mươi lăm
Các anh từ Bắc vào Nam
Cuộc trường chinh 30 năm dằng dặc
Các anh đến
Và nhìn Sài Gòn như thủ đô của rác
Của xì ke, gái điếm, cao bồi
Của tình dục, ăn chơi
"Hiện sinh-buồn nôn-phi lý!!!"
Các anh bảo con trai Sài Gòn không lưu manh cũng lính ngụy
Con gái Sài Gòn không tiểu thư khuê các, cũng đĩ điếm giang hồ
Các anh bảo Sài Gòn là trang sách "hư vô"
Văn hóa lai căng không cội nguồn dân tộc
Ngòi bút các anh thay súng

Bắn điên cuồng vào tủ lạnh, ti vi
Vào những đồ tiêu dùng mang nhãn Hoa Kỳ
Các anh hằn học với mọi tiện nghi tư bản
Các anh bảo tuổi trẻ Sài Gòn là "thú hoang"
Nổi loạn / Là thiêu thân ủy mị, yếu hèn
Các anh hùa nhau lập tòa án bằng văn chương
Mang tuổi trẻ Sài Gòn ra trước vành móng ngựa!!!
…

Những người được sinh ra không đúng cửa

Năm 1975, Đỗ Trung Quân hai mươi mốt tuổi, anh đang học năm thứ hai khoa Sử-Địa, Đại học Văn Khoa. Khi Sài Gòn "giải phóng" anh phải nghỉ học vì Bộ Đại học và Trung học chuyên nghiệp cần thời gian để "sửa đổi chương trình, nội dung và phương pháp đào tạo, đặc biệt chú trọng các môn khoa học xã hội, sao cho phù hợp với phương hướng tiến lên thống nhất dần với hệ thống giáo dục xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc"[368].

Vì "công tác giáo dục ở miền Nam sau ngày giải phóng" được Ban Bí thư coi là "nhiệm vụ cấp thiết số một", nên ngay trong ngày 17-6-1975, Tố Hữu đã ký hai chỉ thị, 221 và 222; một đưa ra các quy định cho bậc học phổ thông, một cho bậc đại học và trung học chuyên nghiệp. Chỉ thị do Tố Hữu ký cho thấy Ban Bí thư coi giáo dục là "cấp thiết số một" và muốn "nhanh chóng xóa bỏ tình trạng lạc hậu do chính sách ngu dân và nô dịch của chế độ phản động Mỹ-Ngụy để lại".

Chỉ thị 221 về ý nghĩa chính trị đã thúc đẩy việc xóa nạn mù chữ cho không ít người dân, nhất là ở giai đoạn "hồ hởi phấn khởi" ban đầu của Cách mạng. Ngay khi vừa "giải phóng", Chính quyền Sài Gòn-Gia Định "hạ quyết tâm" trong năm 1975 sẽ xóa mù chữ cho 250.000/500.000 người mà Cách mạng ước tính là mù chữ. Công việc này "giữ được khí thế" cho tới tháng 9-1975 với 1.596 lớp bình dân và 53.498 học viên. Tuy nhiên, không chỉ là một chính sách với dân, chương trình "bổ túc văn hóa" này đã góp phần tạo ra một đội ngũ cán bộ sẽ đi rất xa trong Đảng.

Cũng kể từ ngày 17-6-1975, Ban Bí thư có chủ trương "đối với trường tư ở vùng giải phóng", theo đó: "Hạn chế và cải biến từng bước, tiến tới xóa bỏ hẳn các trường tư cùng với đà cải tạo xã hội. Từ đầu năm học 1975-1976 không cho phép các tôn giáo, các đoàn thể chính trị phản động, các ngoại kiều mở trường tư, không

cho phép các trường tư đào tạo giáo viên phổ thông. Các tư nhân muốn mở trường tư phải xin phép chính quyền cách mạng". Ngay trong năm học 1975-1976, 1.087 trường tư ở Sài Gòn-Gia Định đã bị "công lập hóa". Chỉ thị 221 cũng quy định: "Đối với đội ngũ giáo chức của Mỹ, ngụy đã đăng ký và xin làm việc với chính quyền cách mạng, nói chung đều được thu nhận, giáo dục và sử dụng, trừ những phần tử phản động mà cơ quan an ninh xác nhận không nên cho tiếp tục dạy, những phần từ có sinh hoạt đồi trụy bị học sinh và nhân dân phản đối"[369].

Những học trò miền Nam có lẽ đã khá phấn khởi khi Ban Bí thư chỉ thị: "Nay bỏ học phí trong tất cả các trường đại học và chuyên nghiệp của Nhà nước". Thế nhưng, học phí rồi chỉ là một phần vô cùng bé nhỏ. Hàng trăm nghìn sinh viên miền Nam đã phải "dở dang đèn sách" vì Ban Bí thư "sửa đổi cơ cấu ngành học". Theo đó: "Cần cải tạo về cơ bản các ngành khoa học xã hội (luật, văn, triết…) trước khi mở lại các khoa này. Đối với số học sinh đang học luật, văn, triết cần có kế hoạch chuyển sang học các ngành có yêu cầu lớn như sư phạm và kỹ thuật, kinh tế. Đối với các ngành khoa học xã hội, năm học 1975-1976 chưa tuyển sinh" (Chỉ thị 222). Ngay cả điều này cũng chỉ là những trắc trở tạm thời - nếu như sinh viên của các ngành khoa học xã hội có "lý lịch rõ ràng" thì họ cũng có thể xoay xở học xong nếu muốn.

Chỉ thị 222 của Ban Bí thư đặt ra yêu cầu: "Qua con đường bổ túc văn hóa và tuyển sinh mà cải biến nhanh chóng thành phần giai cấp trong học sinh đại học và chuyên nghiệp, tích cực tạo điều kiện cho các chiến sĩ quân giải phóng, cán bộ cách mạng, con em nhân dân lao động được vào học ngày một đông và chiếm đại đa số trong các trường đại học và chuyên nghiệp ở miền Nam. Cho các học sinh miền Nam đã tốt nghiệp lớp 10 ở miền Bắc và có gia đình ở trong Nam về học tại các trường đại học ở miền Nam. Giáo dục, bồi dưỡng và sử dụng các thầy giáo do chế độ cũ để lại, đồng thời đưa một số thầy giáo, nhất là các thầy giáo quê ở miền Nam đang công tác ở miền Bắc, có trình độ chuyên môn khá, có phẩm chất chính trị tốt, bổ sung vào đội ngũ các thầy giáo của các trường ở miền Nam để làm nòng cốt".

Trên tinh thần chỉ đạo đó, thanh niên được chia làm "13 đối tượng" để xét tuyển sinh vào đại học. Các đối tượng được ưu tiên nhận vào đại học và trung học chuyên nghiệp gồm "anh hùng dũng sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân, bộ đội, thương binh, thanh niên xung phong, cán bộ cách mạng, con của các liệt sĩ, con em các gia

đình có công với cách mạng, con em các dân tộc ít người, con em miền Nam đã tốt nghiệp lớp 10 ở miền Bắc về Nam học, công nhân và những người lao động chân tay khác…". Ngoài ra: "Trừ những phần tử phản động, tất cả nam nữ công dân, có lý lịch rõ ràng, có các điều kiện quy định về tuổi, bằng cấp và sức khỏe đều được quyền nộp đơn xin thi tuyển vào các trường đại học và trung học chuyên nghiệp".

Một số "đối tượng" được quyền nộp đơn, nhưng có được đi học ngay cả khi đã thi đỗ đại học hay không lại còn tùy thuộc vào quan điểm của các ban tuyển sinh về mức độ rõ ràng của lý lịch. Tính "giai cấp" thể hiện qua lý lịch đã làm tan vỡ biết bao giấc mơ của những thanh niên lớn lên sau năm 1975.

Nhiều gia đình miền Nam, trên thực tế, bị đặt ở thứ hạng 14, 15[370]. Nếu như các gia đình "Ngụy" coi sự phân biệt ấy là những gì phải chịu trong "cuộc bể dâu", thì đối với nhiều thanh niên, việc Cách mạng không cho vào đại học như là "một cái tát tai nghiệt ngã… Như một thân cây đang vươn lên khao khát đón ánh nắng cuộc đời thì bị bẻ cụt ngọn"[371].

Chỉ thị của Ban Bí thư từng được nhiều cơ sở Đảng thi hành theo hướng tùy tiện siết chặt hơn. Phan Vĩnh Hiệp, quê ở xã Nhơn Thọ, huyện An Nhơn, Nghĩa Bình, là học sinh giỏi vật lý cấp quốc gia nhưng vẫn bị chính quyền xã giữ lại không cho đi thi ở Tiệp Khắc. Năm sau, Hiệp thi đậu vào Đại học Bách Khoa với số điểm đủ đi học nước ngoài, địa phương vẫn không cho học chỉ vì cha Hiệp, ông Phan Vĩnh Long, đã bỏ Đảng trong đợt "tố cộng" năm 1954 của Chính quyền Ngô Đình Diệm.

Nguyễn Mạnh Huy, phường Lê Hồng Phong, Thành phố Quy Nhơn, tốt nghiệp cấp III năm 1981. Cũng năm ấy, Huy thi đỗ vào Bách khoa Đà Nẵng với số điểm 26,5 (Á khoa) trong khi điểm chuẩn chỉ cần 17 điểm. Thay vì có thể thực hiện ước mơ, Huy nhận được lời thông báo lạnh lùng ở Ban Tuyển sinh Tỉnh: "Không được đi học vì cha chết trận". Như hàng triệu thanh niên miền Nam khác, cha của Huy cũng đã bị "động viên" ngay sau khi "rớt tú tài". Năm 1965, khi Huy lên hai, cha anh, một trung úy bộ binh, đã dẫm phải mìn và chết. Mẹ Huy là thư ký đánh máy cho Sở Thông tin. Tuy là con "sỹ quan ngụy", nhưng kể từ năm hai tuổi, Huy chủ yếu lớn lên trong nhà ông nội, vốn là một đảng viên thời kháng Pháp, ngoài ra Huy còn có một người cậu và một người dì đi tập kết. "Cuộc đời tôi, việc học của tôi bị chặn ở đây sao?", nhật ký ngày 25-11-1981 của Huy viết.

Năm 1982, Nguyễn Mạnh Huy chọn một trường ít đòi hỏi về lý lịch hơn: Đại học Nông Nghiệp IV; kết quả: 22,5 điểm, vượt xa điểm chuẩn. Nhưng bức điện đánh từ Ban Tuyển sinh vẫn cứ lạnh lùng: "Không được đi học vì cha chết trận". Nhật ký ngày 6-1-1983 của Huy ghi: "Một người có quyền dự báo một tương lai đen tối, nhưng bất hạnh nhất khi tự khẳng định nó là một sự thật bất biến".

Chàng thanh niên nặng bốn mươi ký Nguyễn Mạnh Huy từ đó đi làm thợ mộc kiếm sống nhưng vẫn nhắc mình: "Đừng buông súng khi còn sức chiến đấu". Thế rồi cho đến sát ngày thi của năm 1983, vì quá "nôn nao, bứt rứt", Nguyễn Mạnh Huy lại nộp đơn thi vào Sư Phạm Quy Nhơn, được 18,5 điểm trong khi điểm chuẩn chỉ là 12. Lần này thì Huy không buồn đi xem kết quả nữa.

Ông Võ Văn Kiệt nhìn nhận: "Khắc phục những hậu quả do chế độ cũ để lại đã khó, nhưng khắc phục những cái do chế độ mới sinh ra lại còn khó hơn". Chuẩn bị Đại hội Đoàn Thành phố lần thứ Nhất, Ông Kiệt nói với nhà báo Thép Mới, lúc ấy đang cộng tác như một người viết diễn văn cho ông: "Tại sao hồi Đảng còn hoạt động bí mật mình không phân biệt, tại sao hồi đó mình vận động cả con em địa chủ, con em tư sản, con em các quan chức trong chế độ Sài Gòn… để giờ đây khi có chính quyền trong tay mình lại phân biệt! Nếu cứ kéo dài tình trạng này thì tới bao giờ thanh thiếu niên mới có thể hòa hợp được với nhau?". Theo ông Phạm Văn Hùng, thư ký của Võ Văn Kiệt: "Trong khi trao đổi, ông Võ Văn Kiệt gần như buột miệng nói, 'Không ai chọn cửa sinh ra', làm cho cả ông Thép Mới và chúng tôi đều rất thích thú".

Tuy nhiên, trong vấn đề "lý lịch", tư duy theo kiểu ông Kiệt là rất "thiểu số". Ông Kiệt nói: "Tôi suy nghĩ rất nhiều, nhưng biết thay đổi không phải là việc giản đơn vì đó là nhận thức và tính nguyên tắc của cả hệ thống". Ngày 3-7-1977, tại Đại hội Đoàn Thành phố lần thứ Nhất, Bí thư Thành ủy Võ Văn Kiệt phát biểu: "Thế hệ trẻ đang lớn lên ở Thành phố ta, ra đời từ những hoàn cảnh xã hội khác nhau, chịu ảnh hưởng tinh thần và tín ngưỡng khác nhau. Không ai chọn cửa mà sinh ra. Đối với mỗi người trẻ tuổi đang bước vào đời, chúng ta nhìn họ như nhau, cùng là những người chủ tương lai của Thành phố. Xã hội muốn tuổi thanh xuân không mặc cảm và rất thanh thản trong tâm hồn…". Ông kêu gọi: "Xã hội phải đối xử công bằng với tất cả lớp người trẻ đi lên với xã hội này, ai ai cũng có nghĩa vụ và quyền lợi như nhau… Chúng ta lấy thực tâm, thực học, thực tài làm tiêu chuẩn, không để quá khứ

ràng buộc tương lai mà hạn chế chí tiến thủ và hoài bão cống hiến của mỗi người trẻ tuổi".

Phát biểu này của ông Võ Văn Kiệt đã không được ngay cả báo chí dưới quyền của ông đăng tải. Mãi tới hai tháng sau, báo Tuổi Trẻ mới cho đăng lá thư của "bạn đọc" Nguyễn Kỳ Tâm, nói về những bế tắc của anh vì lý lịch[372] để sau đó, ngày 30-9-1977, báo Tuổi Trẻ cho đăng tuyên bố "không ai chọn cửa sinh ra" mà ông Võ Văn Kiệt đã nói tại Đại hội Đoàn vào ngày 3-7-1977. Tổng Biên tập Tuổi Trẻ từ năm 1977, ông Võ Như Lanh, thừa nhận: "Tòa soạn phải dành thời gian cân nhắc để chuẩn bị vì khi ấy không khí phân biệt lý lịch rất căng thẳng, mặc dù ông Kiệt nói vậy, nhưng Thành đoàn vẫn rất gay gắt. Thành ủy thì ngoài ông Kiệt, không có ai công khai nói gì". Ông Võ Văn Kiệt, với vai trò hạn chế của một nhà lãnh đạo địa phương, cũng chỉ có thể xử lý vấn đề lý lịch ở tầm vụ việc[373]. Biết bao trường hợp vì lý lịch mà không được tới trường khi cái đúng chỉ mới tùy thuộc vào ứng xử cá nhân chứ chưa trở thành chính sách.

"Cánh cửa" Thanh niên Xung phong

Từ tháng 8-1975, ông Võ Văn Kiệt đã giao cho Thành đoàn tổ chức một lực lượng thanh niên xung phong đi "thí điểm" khai khẩn đất hoang. Cuối năm ấy, ông Võ Văn Kiệt triệu tập Ban Thường vụ Thành đoàn đến nhà riêng ông Phan Minh Tánh, bí thư Trung ương Đoàn Thanh niên Cách mạng miền Nam. Vào họp, ông Kiệt giao nhiệm vụ: "Thành phố cần một lực lượng, lực lượng đó là thanh niên xung phong. Giao Thành đoàn đứng ra tổ chức, cần Thành ủy hỗ trợ gì, Thành ủy sẽ đáp ứng". Ông giải thích: "Phải tạo ra một môi trường để mọi thanh niên đều có thể tham gia lao động để có suy nghĩ tích cực và để hãnh diện về bản thân mình".

Ông Võ Ngọc An năm ấy ba mươi mốt tuổi, đang là ủy viên Thường vụ Thành đoàn phụ trách báo Tuổi Trẻ, nhớ lại: "Lúc đó, nghe ông Kiệt nói cảm thấy như đang nghe một điều gì đó thật thiêng liêng". Sau cuộc họp ấy, ông Võ Ngọc An lãnh trách nhiệm huy động tiền bạc để may hàng ngàn bộ đồng phục xanh.

Hàng chục năm sau, nhiều người dân Thành phố nhớ tới ngày 28-3-1976, không chỉ vì tính hoành tráng của cuộc biểu dương lực lượng ở sân vận động Thống Nhất với một "rừng người" áo xanh, tay cầm cuốc xẻng, mà ở cách mở đầu bài nói chuyện của một bí thư cộng sản. Thay vì, "các đồng chí" như cách xưng hô thống trị

thời bấy giờ ở trên mọi diễn đàn, ông Võ Văn Kiệt đã làm nhiều thanh niên ứa nước mắt khi nói: "Các em đoàn viên, thanh niên yêu quý!".

Trong số hàng vạn thanh niên có mặt hôm ấy không chỉ có con em Cách mạng. Theo yêu cầu của ông Võ Văn Kiệt, Thành đoàn đã vận động được cả những thanh niên nghiện xì ke, ma túy, có người đã từng là "đĩ, điếm", có người là "lính ngụy". Theo ông Võ Ngọc An, trong số ấy có một đại úy Sài Gòn, cha anh đã từng bị giết nhầm bởi "Việt Cộng". Những thanh niên ấy, từ sau ngày 30-4, thông qua cách cư xử của các cán bộ phường, thông qua những ngôn từ cao ngạo trên báo đài, biết được thân phận của mình, dám mong chi có ngày một ông bí thư gọi mình là "các em yêu dấu".

Với tư cách là một nhà lãnh đạo Đảng, ông Võ Văn Kiệt cũng nói về truyền thống theo cách của mình: "Tôi cũng xin phép được bày tỏ với lứa tuổi hai mươi của đất nước đã hết đau thương và từ đây thẳng đường đi tới chủ nghĩa xã hội với tất cả tấm lòng trìu mến và kỳ vọng thiết tha của những lớp thanh niên nối tiếp nhau đã từng tham gia khởi nghĩa Nam Kỳ, cách mạng Tháng Tám…". Ông nói tiếp: "Lý tưởng của họ, ước mơ của họ chính là hiện tại mà hôm nay các em đang sống. Nếu các em sau này có điều kiện ôn lại kỹ càng một giai đoạn cách mạng hùng vĩ đã qua của dân tộc, các em sẽ biết thương yêu vô hạn Tổ quốc Việt Nam nghìn lần yêu dấu. Các em sẽ mạnh lên gấp bội vì một niềm tin ở nhân dân và đất nước".

Bài diễn văn được chấp bút bởi nhà báo Thép Mới, một người viết tùy bút nổi tiếng, tác giả của bài "Tre Việt Nam" in trong sách giáo khoa được thuộc lòng bởi nhiều thế hệ. Tinh thần của ông Võ Văn Kiệt, có lúc, được ông Thép Mới thể hiện với giọng văn nồng nàn. Ông Võ Văn Kiệt, lúc này, vẫn để cho Thép Mới sử dụng hình tượng Pavel, hình tượng về một thế hệ quên mình để "tạo lập nên nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên". Tuy không hùng hồn như ông Trần Bạch Đằng, nhưng cái đẹp của thanh niên theo ông Kiệt vẫn là lao động[374]. Kết thúc bài diễn văn, ông Kiệt nói: "Chúng tôi xin nhiệt liệt chào mừng những lớp công dân xã hội chủ nghĩa của thành phố chúng ta từ đây nối tiếp nhau nẩy nở và trưởng thành trên những công trường lao động tình nguyện. Chúc các em thành công thắng lợi, trên trận tuyến mới, trận tuyến lao động vinh quang".

Không có mặt ở sân vận động Thống Nhất sáng 28-3-1976, nhưng giáo sư trung học Trần Ngọc Châu vẫn chịu ảnh hưởng bởi bài diễn văn. Năm ấy, ông Châu nằm

trong toán vận động thanh niên đi thanh niên xung phong của Quận đoàn I. Ông Trần Ngọc Châu kể: "Bài diễn văn của ông Võ Văn Kiệt được quay ronéo, chúng tôi cho họp dân ở phường, đọc những đoạn cảm động nhất".

Theo ông Trần Ngọc Châu thì khi ấy, phường đoàn cũng có chuyện, họ lập danh sách và thường xuyên bắt tập trung những thanh niên chưa có công ăn việc làm, khiến nhiều người bất mãn. "Cộng sản" và "đồng chí" là những khái niệm rất xa cách và có khi là ác cảm với thanh niên, cho nên theo ông Châu: "Nhiều người chỉ vì thấy ông bí thư cộng sản gọi họ là em mà đi. Có người học thuộc nhiều đoạn trong bài diễn văn của ông Võ Văn Kiệt". Ông Châu trước đó là giáo viên Anh văn, đã có bằng cao học triết, thế nhưng sau một thời gian đi vận động người khác, chính ông Châu cũng nhận ra con đường để trụ lại trong chế độ tốt nhất là phải "chọn cánh cửa" này[375].

Nguyễn Nhật Ánh[376] cũng đã chọn thanh niên xung phong như là một con đường để giải tỏa áp lực nặng nề của lý lịch. Sau ngày 30-4-1975, ông hàng xóm làm thợ mộc ở phường Nhật Tảo, Quận 10, bố của ba cô con gái khá xinh mà sinh viên Nguyễn Nhật Ánh dạy kèm, bỗng nhiên trở thành chủ tịch khóm, về sau là chủ tịch phường. Nguyễn Nhật Ánh, khi ấy vừa học xong chương trình đệ nhất cấp ở Đại học Sư phạm, được ông thợ mộc đưa lên phường lo việc giấy tờ. Theo "tinh thần Chỉ thị 222", năm 1976, anh được phép tốt nghiệp sau khi học thêm tám tháng "chính trị". Tuy nhiên, Ánh không được phân công công tác chỉ vì cha anh lúc đó đang phải đi "học tập" do từng là trưởng Ty Thông tin Chiêu hồi Tỉnh Quảng Tín[377].

Nguyễn Nhật Ánh trở về phường Nhật Tảo khi cô con gái ông chủ tịch đã trở thành bí thư Phường Đoàn. Cô bí thư chiếu cố thầy giáo cũ của mình, mỗi khi có "phong trào" lại gọi Nguyễn Nhật Ánh vác loa đi đọc bản tin hoặc kẻ lên tường những câu khẩu hiệu "xây dựng chủ nghĩa xã hội". Đổi lại, anh có thù lao mười ký gạo mỗi tháng. Nguyễn Nhật Ánh cũng tiếp cận bài diễn văn của ông Võ Văn kiệt thông qua những lần đi vận động thanh niên xung phong. Anh kể: "Khi mọi người đi hết, tôi chợt nhận ra, không lẽ mình cứ ăn bám bà dì hoài, năm 1977, tôi cũng lên đường".

Chỉ huy Lực lượng Thanh niên xung phong khi ấy là ông Võ Viết Thanh. Năm 1975, khi ông Võ Văn Kiệt cần một sỹ quan trẻ biệt phái sang thanh niên xung phong, Đại úy, Tiểu đoàn trưởng Võ Viết Thanh đã được chọn. Ông Thanh nhớ lại:

"Khi xuống U Minh, tôi cũng hơi suy nghĩ, đang là một sỹ quan được quân đội trọng dụng, giờ ra nằm giữa rừng, gian khổ không kém chi thời chiến".

Thanh niên xung phong thuộc nhiều thành phần, có người là tướng cướp, có người xuất thân là trí thức, sỹ quan, nhưng chủ yếu là thanh niên học sinh. Theo ông Võ Viết Thanh, họ chịu đựng gian khổ không thua gì những chiến binh. Giữa rừng U Minh, giữa Chiến khu Dương Minh Châu… mùa mưa thì nước ngập mênh mang, mùa khô thì phải chia từng giọt nước ngọt, ăn không đủ no, rồi thì đỉa, vắt và đủ thứ bệnh tật, nhưng chỉ có một thứ thuốc lá duy nhất để chữa là "xuyên tâm liên". Thế mà họ đã sống với nhau không câu nệ quá khứ. Đa phần đều trưởng thành. Ông Võ Viết Thanh thừa nhận, chính ông cũng phải dần dần mới "bắt được nhịp sống với họ". Ông Thanh nói: "Hơn sáu vạn con người không biết Cách mạng là gì, chỉ nghe lời ông Sáu Dân mà kiên gan, bền bỉ".

Một năm sau ngày phát động "phong trào thanh niên xung phong", tại cuộc gặp mặt những "đại biểu thanh niên xung phong tiên tiến", ngày 3-3-1977, ông Võ Văn Kiệt đã gọi thanh niên xung phong là một "trường đại học". Ông Kiệt cho rằng sở dĩ các chàng trai cô gái đã "trưởng thành trên nhiều mặt" là vì họ đã "thấy được tiền đồ tương lai của mình nằm trong tiền đồ, tương lai của đất nước, dân tộc… Nhiều đồng chí đã xác định với tình cảm và lý trí sâu sắc lao động là vinh quang"[378].

Môi trường thanh niên xung phong ở thời điểm ấy đúng là đã tạo ra không ít câu chuyện kỳ diệu[379]. Trước "giải phóng", Vũ Hoàng Vi là một tướng cướp. Lúc đầu, Vi chỉ định "trà trộn" vào lực lượng thanh niên xung phong như là một nơi để trốn. Nhưng tung tích của Vũ Hoàng Vi bị tổ chức phát hiện. Anh không những không bị bắt mà còn được vận động thuyết phục. Lần đầu tiên, Vi nhận ra có một nơi tôn trọng mình, anh lao động tốt, được tuyên dương, được cho đi học, được đưa lên làm đại đội trưởng và về sau còn được kết nạp Đảng.

Trong những bài phát biểu với thanh niên xung phong về sau, ông Võ Văn Kiệt vẫn tiếp tục gọi họ là "các em". Nhưng khi phát biểu với những "thanh niên tiên tiến", ông đã gọi họ là "đồng chí". Trong một đại hội thanh niên tiên tiến khác, ông Võ Văn Kiệt đã đưa một đội viên vốn là một tay anh chị nổi tiếng, "Bảy Đầu Bò", ngồi chung trên ghế chủ tịch đoàn với mình.

Nếu như trong những ngày đầu, nhiều thanh niên miền Nam hết sức dị ứng với cách Cách mạng xưng hô với nhau, thì ở thời điểm ấy "đồng chí" lại là một sự thừa nhận mà nhiều thanh niên tìm kiếm.

Năm 1977, Nguyễn Nhật Ánh đang tham gia đào kênh Ba Gia ở Hố Bò, Phú Hòa. Lúc này anh đã có nhiều tác phẩm đăng trên tờ Tuổi Trẻ, nhưng với lý lịch cha là trưởng ty "chiêu hồi", anh vẫn không được kết nạp Đoàn. Khi ấy, thanh niên xung phong ở trong những lán tranh, vách nứa, một bên là nơi ngủ của nam, một bên là nữ; phần giữa lán kê những bộ bàn ghế tạm do chính họ làm. Một buổi tối, chi đoàn nhóm họp nơi khoảng giữa lán có kê bàn ghế đó. Đang họp, một người trong Ban Chính trị Liên đội phát hiện ra Nguyễn Nhật Ánh đang nằm chèo queo trên giường, lập tức "phần tử chậm tiến" Nguyễn Nhật Ánh bị đuổi ra ngoài. Hôm ấy mưa, trời tối như bưng, Nguyễn Nhật Ánh phải đi ra, lang thang giữa rẫy khoai mì, mặt ướt đẫm vì nước mưa và nước mắt. Anh nhớ lại: "Tôi có cảm giác như bị đẩy ra khỏi đồng loại". Nhưng cho dù cảm giác về thời đại mới ra sao thì Nguyễn Nhật Ánh cũng không có lựa chọn nào khác là phải "quay vào", phải chứng tỏ mình là một thanh niên tiên tiến.

Ngày 26-3-1978, mười hai giờ đêm, ông Võ Văn Kiệt lên, Nguyễn Nhật Ánh, Trần Ngọc Châu và nhiều thanh niên khác được gọi dậy: bên ngoài, đuốc được đốt lên và nhiều thanh niên của chế độ cũ, trong đó có Trần Ngọc Châu, từ đêm ấy, "vinh dự được đứng trong hàng ngũ của Đoàn". Theo ông Trần Ngọc Châu: "Ông Võ Văn Kiệt đến, mặc bộ đồ thanh niên xung phong, đầu đội nón tai bèo, đứng lên đánh trống. Hình ảnh một ông Kiệt sừng sững đã đọng lại trong ký ức của lực lượng thanh niên xung phong". Ông Châu nói: "Khi ấy, vào Đoàn là thiêng liêng lắm".

Đoàn thiêng liêng lắm, nhưng "ánh đuốc" trong đêm ấy không thể rọi sáng đến tất cả mọi người. Cũng như Trần Ngọc Châu, Nguyễn Nhật Ánh đã dùng cuốc chim, cuốc đá ong đào kênh cho đến khi hai tay tóe máu mà vẫn không được vào Đoàn chỉ vì cha là "Ngụy". "Cánh cửa thanh niên xung phong" mà ông Kiệt thiết lập vẫn không đủ rộng cho các thanh niên miền Nam bước vào chế độ mới.

"Nổi loạn"

Nhiều thanh niên xung phong về sau vẫn nhớ về những ngày chặt cây rừng và hát tráng ca. Trong những ngày có quá nhiều người mất phương hướng ấy, phải

công nhận là ông Võ Văn Kiệt đã tìm được một phương thức hiệu quả để thu hút thanh niên.

Họ đã bước vào những chuẩn mực chính trị mới do Cách mạng thiết lập, ít nhiều bằng cảm hứng. Không phải tự nhiên mà những gót son Sài Gòn bị đưa đến chốn rừng thiêng, đạp gai rừng ấy đã không trách gì ông. Họ cũng đã đi bởi niềm tin. Nhưng bộ đồng phục thanh niên xung phong không thể che hết lòng mặc cảm, bởi mặc cảm không xuất phát từ nơi mà những người thanh niên đó được sinh ra. Sự mặc cảm xuất hiện do chế độ thiết lập quá nhiều hàng rào lý lịch. Khi mà những hàng rào ấy chưa được gỡ bỏ thì đồng phục cũng không tạo ra được cảm giác đồng đội, cho dù họ ngủ cùng lán, đứng cùng hàng, chưa kể những người khi ấy vẫn ở "ngoài xã hội"[380].

Sau "giải phóng", Cư xá Bắc Hải, Quận 10 trở thành nơi ở của những gia đình sỹ quan cao cấp của Cách mạng. Gia đình một số tướng, tá của "chế độ cũ" vẫn sống "xôi đỗ" ở đây. Con em các gia đình cách mạng đương nhiên là "nòng cốt". Nguyễn Thế Dũng là một thanh niên như vậy.

Dũng là con trai của Đại tá Nguyễn Thế Truyện, người được coi là "con hùm xám" khi còn là tư lệnh Sư 9. Đại tá Truyện hy sinh trong chiến dịch Mậu Thân khi tấn công đợt II vào Sài Gòn. Khi ấy ông Truyện là tư lệnh Phân khu I. Sau ngày 30-4-1975, vợ con của Đại tá Truyện được đưa về Sài Gòn sống trong căn nhà T10, Cư xá Bắc Hải. Trong những năm cuối thập niên 1970, Nguyễn Thế Dũng là phó bí thư phường đoàn, được giao đi vận động, cảm hóa con em sỹ quan "chế độ cũ".

Cô "tiểu thư" Lê Bích Thúy ở nhà T4, con gái Trung tá Lê Văn Dương, trưởng Phòng Quân sử, Quân lực Việt Nam Cộng hòa là một trong những "đối tượng" của Dũng. Nhưng cuối cùng người bị "cảm hóa" lại là Dũng. Hai người, một là con trai vị tư lệnh khét tiếng của cộng sản, một là con của một "ngụy quân" đang bị cải tạo trong tù, yêu nhau và kiên quyết lấy nhau. Mẹ Dũng khóc lên, khóc xuống. Phu nhân các đồng đội cũ của Đại tá Nguyễn Thế Truyện, lúc bấy giờ đa số đã là tướng, khuyên bà quả phụ phải phá bằng được cuộc hôn nhân. Nhưng Nguyễn Thế Dũng dứt khoát không chịu, anh sang nhà người yêu nói với bà mẹ: "Má chịu gả thì con cưới chứ nhà con không ai chịu sang đâu". Bà phu nhân Trung tá Lê Văn Dương chỉ biết gật đầu lặng lẽ.

Chị ruột của Nguyễn Thế Dũng là nhà báo Nguyễn Thế Thanh, sau là tổng biên tập báo Phụ Nữ Thành phố, chạy lên cầu cứu ông Võ Văn Kiệt. Nghe xong, ông Kiệt nói: "Mình dạy người khác không phân biệt, mình cố gắng để vợ con người ta đừng thù hận mà mình làm như thế sao người ta quên". Rồi ông bảo: "Kêu hai đứa lên đây tao gặp". Thế Thanh về kêu Dũng chở người yêu lên. Ông Võ Văn Kiệt tiếp hai người hết sức thân tình rồi, khi Dũng đi ra vườn, ông Kiệt hỏi Lê Bích Thúy: "Cháu có lường hết những khó khăn khi lấy Dũng không?". Bích Thúy: "Dạ thưa, cháu yêu Dũng, cháu biết nhưng cháu chọn anh ấy". Ông Kiệt: "Nhỡ khi đi học tập về, ba cháu không chịu thì sao?". Bích Thúy: "Dạ không, ba cháu rất thương cháu, cháu tin là không có chuyện đó, nhưng nếu ba cháu không chịu thì cháu sẽ đấu tranh". Ông Kiệt cho gọi Dũng vào hỏi: "Cháu có băn khoăn gì không?". "Không!", Dũng dứt khoát. Ông Kiệt nói: "Cháu lấy con một sỹ quan chế độ cũ thì không tránh khỏi bị nghi kỵ, bác không phải lúc nào cũng ở bên các con". Rồi ông nói với hai đứa trẻ: "Giờ bác Sáu thay mặt ba, bác ủng hộ tụi bây". Sau đó, ông Võ Văn Kiệt gặp bà quả phụ Đại tá Nguyễn Thế Truyện và ông chỉ dặn: "Thôi chuyện mấy đứa nhỏ chị cứ để cho tụi nó tính".

Năm 1982, khi Trung tá Lê Văn Dương được tha về, con gái ông đã có con với con trai một người cộng sản. Ông chủ động qua nhà T10 gặp bà đại tá nói: "Tôi đi học không biết là hai nhà chúng ta đã thành thông gia, âu cũng là số phận lịch sử. Tôi đi, cũng học được nhiều điều, bác trai đã hy sinh, hai gia đình gặp nhau trong tình thông gia thế này cũng là điều tốt". Rồi khi thắp hương cho Đại tá Nguyễn Thế Truyện, Trung tá Lê Văn Dương khấn: "Thưa bác, tôi là Lê Văn Dương cha của con dâu bác, xin thắp nén nhang này báo với bác, chúng ta giờ là thông gia của nhau".

Tình yêu tự thân nó không phân chia lý lịch. Nhiều cuộc tình thanh niên xung phong cũng chịu ngang trái, có người cũng may mắn như Nguyễn Thế Dũng và Lê Bích Thúy nhưng cũng có những cuộc tình trắc trở. Cuối năm 1978, Đại úy Quân y Sài Gòn, Bác sỹ Thiều Huỳnh Chí đi học tập trở về, ông lên trình diện Sở Y tế và được đưa về Duyên Hải làm trạm trưởng y tế cho một đơn vị thanh niên xung phong, Nông trường Đỗ Hòa.

Vốn là một bác sỹ ngoại khoa nhưng ở đấy ông Thiều Huỳnh Chí đã tự thiết kế từ chiếc ghế nhổ răng, cái hố xí hai ngăn và nổi tiếng khắp vùng với tài đỡ đẻ. Bác sỹ Chí đã quyết định ở lại trong khi vợ ông đưa các con đi vượt biên. Giám đốc Nông

trường lúc ấy là chị Võ Thị Bạch Tuyết, nguyên là một chỉ huy của phong trào đốt xe Mỹ, bị tra tấn và bị đày ra Côn Đảo nhiều năm. Những ngày làm việc bên nhau đã xích bác sỹ Thiều Huỳnh Chí và Giám đốc Võ Thị Bạch Tuyết lại gần nhau. Nhưng tình yêu của họ đã không được Thanh niên Xung phong ủng hộ.

Đảng ủy Thanh niên Xung phong kiên quyết không cho hai người lấy nhau vì Bác sỹ Chí không những là "ngụy" mà còn là một "người Việt gốc Hoa". Ông Phan Minh Tánh nói: "Tôi hay xuống làm việc với cô Tuyết, tôi hiểu hoàn cảnh của cô ấy. Thành ủy chúng tôi ủng hộ nhưng Thanh niên Xung phong không chịu". Sau đó, ông Mai Chí Thọ cho mời Thường vụ Đảng ủy Thanh niên Xung phong lên, hỏi họ theo cách rất Năm Xuân: "Nó (chị Bạch Tuyết) lớn tuổi lại bị tra tấn không sinh nở được, giờ không cho nó lấy chồng vậy trong tụi bây có ai lấy nó không?".

Nhà văn Nguyễn Đông Thức, thuộc lớp thanh niên xung phong đầu tiên của Nông trường Đỗ Hòa, kể: "Trước hôm đám cưới, ông Võ Văn Kiệt, khi ấy đã ra Hà Nội làm phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, đã về, xuống nông trường ngủ lại một đêm và chung vui với họ"[381].

Nhưng đám cưới của một nữ giám đốc nông trường và một "đại úy ngụy" đã không tạo ra tiền lệ. Năm 1982, Đảng ủy Thanh niên Xung phong lại ngăn cản cuộc hôn nhân của Nguyễn Nhật Ánh với Trần Thị Tiếng Thu. Tiếng Thu lúc ấy đang là phó Phòng Chính trị Lực lượng Thanh niên xung phong. Bốn ngày sau khi hội nghị chi bộ Cơ quan Lực lượng "biểu quyết khai trừ ra khỏi Đảng", "cô dâu" Trần Thị Tiếng Thu đã viết đơn gửi Ban Tổ chức Thành ủy. Đơn của Tiếng Thu khai: "Vào khoảng giữa năm 1981, tôi và đồng chí Nguyễn Nhật Ánh đặt vấn đề tìm hiểu nhau để đi đến hôn nhân. Sau đó đã chính thức báo cáo với Đảng ủy và chi bộ cơ quan (đồng chí Nhật Ánh là thanh niên xung phong hiện công tác tại Phòng Chính trị)". Đơn của Tiếng Thu cho biết: "Trong nửa năm qua, Đảng ủy và chi bộ đã nhiều lần thuyết phục tôi cắt đứt mối quan hệ này. Đồng chí bí thư Đảng ủy, hầu hết các đồng chí trong Đảng ủy đã lần lượt gặp tôi. Sau đó, trong phiên họp chi bộ thường kỳ vào tháng 2-1982, chi ủy đã mang vấn đề của tôi ra kiểm điểm, nội dung: đồng chí Nguyễn Nhật Ánh tuy là một đồng chí tốt, nhưng đồng chí có người cha trước đây làm việc cho chế độ cũ với mức độ như thế thì đứng về mặt lập trường giai cấp, một đảng viên không thể chung sống với một gia đình như vậy… Đồng thời, chi bộ

cũng kiểm điểm tôi về việc trước khi tìm hiểu đồng chí Nguyễn Nhật Ánh, tôi đã không xin ý kiến trước, để bây giờ đặt tổ chức vào một việc đã rồi".

Lá đơn của Trần thị Tiếng Thu viết tiếp: "Trong phiên họp tháng 2 và phiên họp tháng 6 vừa qua, chi bộ đã đặt tôi vào hoàn cảnh phải chọn lựa: một là Đảng, hai là tôi sẽ tiếp tục xây dựng gia đình với đồng chí Nguyễn Nhật Ánh. Tôi đã khẳng định là tôi sẽ tiếp tục xây dựng gia đình với đồng chí Nguyễn Nhật Ánh, nhưng điều đó không có nghĩa là tôi đã chọn lựa, tôi không bao giờ có ý định rời bỏ Đảng".

Quyết tâm của đôi lứa yêu nhau đã không dễ dàng để thành hiện thực. Cho dù là công dân, hai người có quyền đăng ký kết hôn, nhưng vì Trần Thị Tiếng Thu đang là người của lực lượng Thanh niên Xung phong, chính quyền địa phương chỉ cho phép đăng ký khi có xác nhận của lực lượng nơi chị đang đăng ký hộ khẩu tập thể. Trong khi đó, Phòng Tổ chức Lực lượng không chịu xác nhận thường trú một khi không có chấp thuận của Đảng ủy.

Tháng 10-1983, Trần Thị Tiếng Thu đành phải thực hiện quyền công dân của mình bằng cách: chị viết một lá đơn xin "xác nhận hộ khẩu" để "bổ túc hồ sơ xin đăng ký xe". Phòng Tổ Chức đã xác nhận cho chị. Nhưng, chữ "xe" đã được hai người yêu nhau âm mưu viết sao để sau khi ký về sửa thành chữ "kết" và "bổ túc" thêm chữ "hôn", đăng ký xe thành "đăng ký kết hôn". Sau đám cưới, ngày 30-5-1984, Trần Thị Tiếng Thu đã nhận được quyết định kỷ luật "cảnh cáo". Căn cứ để Phó Bí thư Thành ủy Phan Minh Tánh ký quyết định này là: "Xét thấy đồng chí Thu còn non kém về quan điểm lập trường và thiếu ý thức tổ chức kỷ luật trong việc xây dựng gia đình".

Không chỉ vượt qua những định kiến của chế độ mới dũng cảm bảo vệ tình yêu lứa đôi, rất nhiều người trong số họ đã chiến đấu để bảo vệ giang sơn vì tình yêu tổ quốc. Hàng ngàn thanh niên xung phong đã ra chiến trường khi Pol Pot giết thường dân ngoài biên giới. Theo nhà báo Trần Ngọc Châu, năm 1977-1978, khi chiến tranh Biên giới Tây Nam nổ ra, rất nhiều người xung phong ra tiền tuyến nhưng không phải ai cũng được chọn. Ngày 14-6-1978, 500 nam nữ thanh niên xung phong thuộc Liên đội 5 được điều ra biên giới, "phối thuộc" Sư đoàn 7, Quân đoàn IV, với nhiệm vụ cáng thương, tải đạn, làm đường, chống lầy, bốc xếp đạn dược, khâm liệm và chôn cất liệt sĩ. Đoạn đường mà Liên đội 5 đảm trách chỉ dài hơn

10km, nhưng lún, lầy rất nặng; thanh niên xung phong phải thường xuyên san lấp, chèn cây nhiều lớp, công việc vô cùng gian khổ.

Chiều 21-7-1978, Trung đội 3 được giao bám sát bộ đội đang vận động tấn công Khmer Đỏ. Trung đội có một tiểu đội nữ do Đại đội Trưởng Ngô Đức Minh trực tiếp chỉ huy, di chuyển lên chốt chặn gần ngã ba Koky Som. Rạng hôm sau, ngày 22-7-1978, một tiểu đoàn Khmer Đỏ, trên đường luồn sâu vào phía sau mặt trận, đã chạm trán Trung đội 3. Trận đánh - giữa một bên là những tên lính Khmer Đỏ hung hãn với một bên là những thanh niên chưa có một ngày được huấn luyện chiến đấu và vũ khí thì chỉ có vài người được trang bị - đã biến thành một cuộc thảm sát. Khi lực lượng Sư đoàn 7 kịp đến bao vây và tấn công, tiêu diệt toàn bộ chín mươi sáu tên Pol Pot, thì bọn chúng đã kịp giết chết hai mươi bốn người: Xác Đại đội trưởng Ngô Đức Minh bị đốt; bảy cô gái thanh niên xung phong bị hãm hiếp trước khi bị giết giã man. Chỉ có hai người - Nguyễn Thị Lý và Nguyễn Văn Tuấn - là sống sót, nhờ được xác của đồng đội đè che, sau khi cả hai đều bị thương rất nặng.

Tin hai mươi bốn đồng đội bị thảm sát được truyền đi trong toàn lực lượng. Cái chết của họ không làm các nam nữ thanh niên xung phong run sợ cho dù thanh niên xung phong phục vụ chiến trường khi ấy chưa được trang bị súng đạn hay bất cứ vũ khí gì để tự vệ. Họ ở phía sau. Nếu bộ đội phía trước bị bật chốt hay bị tiêu diệt thì số phận tiếp theo là chính họ. Khi nghe tin Trung đội 3 của Liên đội 3 bị thảm sát, nhà thơ Đỗ Trung Quân - khi ấy đã rời Tòa soạn báo Tuyến Đầu, nhận nhiệm vụ ở một đơn vị Thanh niên xung phong phối thuộc Trung đoàn Gia Định - đã viết "Những bông hoa trên tuyến lửa". Nhận được bài thơ, từ tòa soạn báo Tuyến Đầu, Cao Vũ Huy Miên viết thư tay gửi theo xe quân sự gửi Quân: "Lực lượng triệu tập, có hội diễn văn nghệ thanh niên xung phong. Ông xin phép rồi tìm xe bộ đội về thẳng Sài Gòn. Mong gặp ở Nhà Văn Hóa Thanh Niên".

Từ Campuchia, lúc này được gọi là "Chiến trường K", Đỗ Trung Quân theo xe bộ đội, về tới Thành phố sau ba ngày đường dò dẫm qua những Phum Sóc không còn bóng người và thỉnh thoảng lại gặp mìn gài lại của tàn quân Pol Pot. Sau gần hai năm nhìn lại những ánh đèn Thành phố, mắt cay cay, Quân chen qua đám đông, bước vào Nhà Văn Hóa Thanh Niên. Anh nhìn thấy ở đó những "chiến sỹ văn công Tổng đội": Ánh Hồng, Ánh Thu, Trương Tam Sa, Hoàng Tuấn, Kiều Nga, Kiều Giang... Cao Vũ Huy Miên đón Quân sau cánh gà: "Tôi tưởng ông không về kịp…".

Quân bước ra sân khấu, đặt chiếc ba lô xuống chân. Bộ đồng phục đã bị bụi đường nhuộn màu nâu đỏ. Đỗ Trung Quân năm ấy, một gã trẻ tuổi đeo kính cận, tóc tai bờm xờm, chỉ kịp giới thiệu mình bằng bài thơ vừa viết:

Ở giữa rừng đâu có gương soi
Làm sao em thấy được vết bầm trên má
Chuyến tải thương về mấy lần trượt ngã
Vì mùa mưa nào đã chịu dứt ở đây
Anh bộ đội thương binh vừa tỉnh lại sáng nay
Đã hỏi thăm em, người cáng thương đêm trước
Cô ấy ngã mấy lần tôi đếm được
Mà sao không khóc mới lạ lùng
Chắc anh hiểu rồi em ở tấm lòng
Nước mắt chỉ dành cho người ngã xuống
Nên dù té đau gai rừng tê chân buốt
Đâu để vết thương anh rỉ máu hai lần
Em là người thanh niên xung phong không-có-súng-chỉ-có-đôi-vai-cáng-thương-tải-đạn…

Theo ông Võ Viết Thanh, nếu ông Võ Văn Kiệt không kiên quyết thì lực lượng thanh niên xung phong đã không được trang bị súng. Sau những cái chết đau đớn của các đội viên, nhiều vị lãnh đạo vẫn sợ: "Giao vũ khí cho chúng à?". Ông Võ Viết Thanh kể, khi đưa Lực lượng lên rừng, nhiều người vẫn lo "cái đội quân xô bồ, ô hợp ấy mà tan ra thì hậu quả không biết thế nào". Tổng cộng đã có 5.000 lượt thanh niên xung phong tham gia phục vụ Chiến trường đánh Khmer Đỏ.

Ngoài ông Bảy Thanh, không phải nhà "lãnh đạo lực lượng" có "cầm cờ, đứng tên" nào cũng "có một ngày đi với anh em" để biết sự tàn bạo của quân Pol Pot. Khi được trang bị vũ khí, những thanh niên phục vụ chiến trường này đã chiến đấu như những đơn vị quân sự thật sự. Chính những đội viên thanh niên xung phong xuất thân từ những người lính chế độ cũ, từng được coi là "Ngụy", giờ ấy đã tổ chức huấn luyện cấp tốc cho đồng đội về chiến thuật, về cách sử dụng vũ khí để đánh lại kẻ thù. Nhiều người trong số họ đã hy sinh anh dũng. Ông Trần Ngọc Châu cho biết: "Công việc làm đường, tải thương và tiếp đạn đôi khi còn nguy hiểm hơn

những người chiến đấu. Trung đội tôi quân số 50 thanh niên xung phong, có 30 người chết".

Năm 1982, khi tờ Tuyến Đầu của Thanh niên Xung phong bị lực lượng giải tán, Nguyễn Nhật Ánh, Đỗ Trung Quân, Trần Ngọc Châu, Nguyễn Đông Thức… trở về. Bộ đồng phục xanh lá cây đã làm họ thay đổi rất nhiều sau khi thấm bằng mồ hôi và cả máu. Thanh niên xung phong là tấm giấy thông hành đem lại ít nhiều kiêu hãnh cho những người có nó. Chế độ mới đã coi những tấm giấy ấy như một chứng chỉ hoàn thành cuộc sát hạch vinh quang. Hơn sáu vạn giáo sư, bác sỹ, sinh viên, thanh niên lẽ ra có thể dành những năm đẹp nhất của cuộc đời mình để cống hiến cho xã hội những gì mà họ thành thạo nhất. Vậy mà, để được chế độ thừa nhận, họ đã phải xuống biển, lên rừng, bàn tay chai sần đi và kiến thức chuyên môn thì mai một.

"Sài Gòn lại bắt đầu ghẻ lở"

Nhiều thanh niên "ngụy" đã bước qua cánh cửa Cách mạng thanh niên xung phong rồi được trọng dụng hơn trong chế độ. "Nước sông công lính" đã giúp khai hoang phục hóa hàng vạn hecta đất trong các vùng chiến tranh; đào được hàng trăm kilomet kênh mương. Nhưng, không phải con kênh nào cũng thực sự có ý nghĩa về thủy lợi; không phải cánh rừng nào bị tàn phá cũng để phục vụ quốc kế dân sinh.

Ngày 3-3-1977, khi nói chuyện tại Đại hội Thanh niên Xung phong Tiên tiến, ông Võ Văn Kiệt biểu dương: "Trong năm qua các đồng chí đã cất được hàng chục vạn nhà, đào hàng ngàn giếng, đốn và chặt hàng triệu cây, phát hoang hàng trăm mẫu, đã góp công góp sức vào việc hoàn thành trên ba mươi xã trong số tám mươi xã kinh tế mới". Thế nhưng, đến cuối năm, ngày 12-12-1977, trong lễ ra quân trên "Đại Công trường Thủ công" xây dựng khu kinh tế mới Dương Minh Châu, ông đã cảnh báo họ: "Đất nước còn nghèo, sống hôm nay phải nghĩ tới ngày mai, các em cần bảo nhau hết sức quý trọng… từng tấc đất và mọi tài nguyên của tổ quốc! Phải rèn giữ cho nhau từ bỏ thói quen xả láng, phung phí rất xa lạ với con người mới... Tôi dặn các em chớ thấy cây rừng mà chặt bừa bãi. Cành cây chặt xuống đừng để vương vãi, các em chịu khó thu nhặt lại, dành dụm được ít củi cho thành phố".

Sau hai năm lên rừng để dọn sạch những "rác rưởi" của chiến tranh, mỗi lần trở về thành phố vẫn thấy "nhan nhản những đám thanh niên tiếp tục sống bám vỉa hè,

nhởn nhơ bên lề xã hội, giết thời gian bằng cách lê la tiệm quán, hết đi lượn phố lại tụ năm tụ ba ở những nơi công cộng", nhiều thanh niên xung phong đã không khỏi nhìn lại những năm tháng đi xa xây dựng chế độ mới của mình. Tại "Lễ mừng 46 năm thành lập Đoàn", 26-3-1978, ông Võ Văn Kiệt nói: "Nhiều em cũng viết thư cho tôi tỏ ý bất bình… Nhiều bạn trí thức sống lâu năm ở thành phố này cũng nói với chúng tôi: Cảnh đó trước đây nhìn mãi quen mắt, không ai để ý đến nữa, tưởng đời sống thanh niên thành phố vốn nó là như thế. Đến bây giờ không sao coi được. Tôi rất muốn gặp các anh em đó, hỏi các em nghĩ gì về cuộc đời này, nghĩ gì về cuộc đời bản thân của các em".

Ông Kiệt muốn những người "lê la tiệm quán" ấy phải tự đặt câu hỏi về tương lai của mình. Nhưng các "em thanh niên xung phong" viết thư cho ông Kiệt không chỉ để chất vấn những người "chậm tiến" ấy. Điều khiến họ hy sinh những năm tháng xa người thân, xa đèn điện là để kiến tạo một thành phố mới chứ không phải để thấy rồi những "tàn dư Mỹ Ngụy" lại vẫn cứ quay về. Sáu vạn thanh niên rời Thành phố đi xa, và sửa mình theo hướng mà Cách mạng cho là tích cực. Trong khi đó, bốn triệu thường dân khác vẫn có nhu cầu để sống một đời sống bình thường.

Nếu như năm 1975, 1976, những văn nghệ sỹ miền Bắc khi đến Sài Gòn vẫn thích đeo bên hông khẩu K54, thì những năm về sau, họ đã biết uống bia, biết áo phông, quần bò. Theo Đỗ Trung Quân, bài thơ Tạ Lỗi Trường Sơn, ngoài sự dồn nén sau bảy năm "giải phóng", còn lập tức "bật" ra thành chữ khi có một nhà văn miền Bắc, đến trước mặt anh chỉ đôi dép sa-bô, cái quần bò đang mặc và hỏi: "Ê Quân, thấy bọn này Sài Gòn chưa?".

Khi ấy, năm 1982, Đỗ Trung Quân viết:

Bảy năm qua đi với nhiều buồn vui đau xót
Một góc phù hoa ngày cũ qua rồi
Những con điếm xưa có kẻ đã trở lại làm người giã từ ghế đá công viên để sống đời lương thiện
Những gã du đãng giang hồ cũng khoác áo thanh niên xung phong lên rừng xuống biển
Tìm lại hồn nhiên cho cuộc sống của mình
Cuộc đổi thay nào cũng nhiều mất mát, hy sinh…
Và khi ấy

Thì chính "các anh"
Những người nhân danh Hà Nội
Các anh đang ngồi giữa Sài Gòn bắt đầu chửi bới
Chửi đã đời
Chửi hả hê
Chửi vào tên những làng quê ghi trong lý lịch của chính mình
Các anh những người nhân danh Hà Nội sợ đến tái xanh
Khi có ai nói bây giờ về lại Bắc!!!
Tội nghiệp những bà mẹ già miền Bắc
Những bà mẹ mấy mươi năm còng lưng trên đê chống lụt
Những bà mẹ làm ra hạt lúa
Những năm thất mùa phải chống gậy ăn xin
Những bà mẹ tự nhận phần mình tối tăm
để những đứa con lớn lên có cái nhìn và trái tim trong sạch
Bây giờ
Những đứa con đang tự nhận mình "trong sạch"
Đang nói về quê mẹ của mình như kẻ ngoại nhân
Các anh
đang ngồi giữa Sài Gòn nhịp chân
đã bờm xờm râu tóc, cũng quần jean xắn gấu
Cũng phanh ngực áo, cũng xỏ dép sa bô
Các anh cũng chạy bấn người đi lùng kiếm tủ lạnh ti vi, casette, radio…
Rượu bia và gái
Các anh ngông nghênh tuyên ngôn "khôn & dại"
Các anh bắt đầu triết lý "sống ở đời"
Các anh cũng chạy đứt hơi
Rượt bắt và trùm kín đầu những rác rưởi Sài Gòn thời quá khứ
Sài Gòn 1982 lẽ nào…
Lại bắt đầu ghẻ lở?
…
Tội nghiệp em
Tội nghiệp anh

Tội nghiệp chúng ta những người thành phố
Những ai ngổn ngang quá khứ của mình
Những ai đang cố tẩy rửa "lý lịch đen"
Để tìm chỗ định cư tâm hồn bằng mồ hôi chân thật
Xin ngả nón chào các ngài
"Quan toà trong sạch"
Xin các ngài cứ bình thản ăn chơi
Bình thản đổi thay lốt cũ
Hãy để yên cho hàng me Sài Gòn
Hồn nhiên xanh muôn thuở
để yên cho xương rồng, gai góc
Chân thật nở hoa
Này đây!
Xin đổi chỗ không kỳ kèo cho các ngài cái quá khứ ngày xưa
Nơi một góc (chỉ một góc thôi)
Sài Gòn bầy hầy, ghẻ lở
Bây giờ…
Tin chắc rằng trong các ngài đã vô số kẻ tin vào "thượng đế"
Khi sống hả hê giữa một thiên đường
Ai bây giờ
Sẽ
Tạ lỗi
Với Trường Sơn?

Phần II: Thời Lê Duẩn

Chương VIII: Thống nhất

Con gái ông Lê Duẩn, bà Lê Thị Muội, viết: "Gần trưa [30-4] tôi hay tin là ta đã chiếm Dinh Độc Lập… Tôi hấp tấp ra khỏi Viện Di truyền, phóng xe máy về nhà và lao thẳng vào phòng ba tôi. Ở đấy, một mình ba tôi đang ngồi lặng lẽ… Người ngước mắt cười với tôi, rồi nước mắt bỗng trào ra… Đột nhiên, tôi thấy thời gian như ngưng lại và ánh sáng trong căn phòng cũng không còn là thứ ánh sáng thông thường của trời đất nữa"[382]. Nếu như ngày 19-1-1974, Quần đảo Hoàng Sa không bị Trung Quốc chiếm đi, thì Việt Nam dưới thời ông Lê Duẩn đã bao gồm những gì mà Hoàng đế Gia Long mở mang và thâu tóm được. Thống nhất giang sơn đã khó nhưng còn khó hơn khi thống nhất lòng người. Nếu "thời gian ngưng lại" ở thời điểm 30-4-1975, lịch sử chắc chắn sẽ có một cách nhìn khác về vai trò Lê Duẩn.

Nước Việt Nam là một

Việc ông Lê Duẩn phải chờ ở Đà Nẵng cho tới ngày 9-5-1975 mới vào được Sài Gòn để chờ "Trung ương Cục chuẩn bị", theo ông Trần Quỳnh, khi ấy là trợ lý Lê Duẩn, "đã làm cho anh Ba thoáng có sự lo lắng".

Cho dù chiến thắng bắt đầu bằng những mệnh lệnh phát đi từ "Tổng Hành dinh", nhưng đoàn quân tiến về Sài Gòn trong ngày 30-4-1975 còn mang theo cả Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam và Chính phủ Lâm thời Cộng hòa Miền Nam. Chấm dứt sự tồn tại của một thực thể chính trị được công nhận bởi hai mươi ba quốc gia sao cho trong ấm, ngoài êm, cũng có nhiều điều lo nghĩ.

Theo Tướng Giáp, chủ trương thành lập Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam Việt Nam, ngày 20-12-1960, và Chính phủ Lâm thời Cộng hòa Miền Nam, ngày 8-6-1969, là của "anh Ba và Bộ Chính trị". Tuy nhiên, lá cờ sao vàng nửa đỏ nửa xanh của tổ chức này đã từng làm cho không ít người tin vào những tuyên bố trung lập của "Chính phủ Lâm thời". Không ít thanh niên, trí thức miền Nam đã hướng về "Mặt trận", nhất là khi họ bắt đầu bất bình với cung cách quan lại của chế độ Ngô Đình Diệm, khó chịu với sự có mặt của người Mỹ trên đường phố, trong quán bar và sự can thiệp càng ngày càng sâu của Mỹ vào chính trị.

Ảnh hưởng của Mặt trận có vẻ như tăng hơn khi lôi kéo được nhiều trí thức có uy tín bỏ Sài Gòn ra chiến khu, trong đó có cả những trí thức đã từng chống cộng như ông Lâm Văn Tết[383]. Đặc biệt, khi Liên minh các Lực lượng Dân tộc, Dân chủ và Hòa bình do Luật sư Trịnh Đình Thảo làm chủ tịch quyết định ra R thì nhiều người dân miền Nam bắt đầu nghĩ về Mặt trận như một ngọn cờ chống ngoại xâm thay vì quan tâm tới "bản chất Việt cộng" của tổ chức mà ai cũng biết là được lập ra từ Hà Nội.

Uy tín của những trí thức trong liên minh này đã giúp Mặt trận gây ảnh hưởng đến các tổ chức của "lực lượng thứ ba" như: Phong trào Dân tộc Tự quyết do Luật sư Nguyễn Long làm chủ tịch; Phong trào Bảo vệ Nhân phẩm và Quyền lợi Phụ nữ do bà Ngô Bá Thành đứng đầu; Lực lượng Bảo vệ Văn hóa Dân tộc của Giáo sư Lê Văn Giáp; Ủy ban Vận động đòi cải thiện chế độ lao tù gồm nhiều nhân sĩ, trí thức, linh mục, như Chân Tín, Nguyễn Ngọc Lan; Lực lượng hòa giải dân tộc; Tổ chức nhân dân đòi thi hành Hiệp định Paris của Luật sư Trần Ngọc Liễng.

Tính đến năm 1975, "Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam" do Kiến trúc sư Huỳnh Tấn Phát làm chủ tịch đã được hai mươi ba nước thuộc "phe xã hội chủ nghĩa" và "thế giới thứ ba" công nhận.

Việc thành lập các cơ quan của Chính phủ Lâm thời Cộng hòa Miền Nam đều được quyết định bởi Ban Bí thư Đảng Lao động Việt Nam. Các văn bản của cơ quan này nói rõ rằng những tổ chức nhân danh chính phủ lâm thời ấy được lập ra là "do sự cần thiết phải triển khai công tác trên mặt trận đấu tranh ngoại giao và hoạt động tranh thủ quốc tế trong giai đoạn chống Mỹ". Từ cuối năm 1972, chủ trương hình thành ở miền Nam một "chính phủ ba thành phần" đã gieo không ít hy vọng cho "lực lượng thứ ba". Bản thân Tướng Dương Văn Minh, trong tuần lễ vận động để thay thế ông Trần Văn Hương, cũng đã tính đến khả năng thành lập một "hội đồng quốc gia hòa giải và hòa hợp dân tộc".

Nhưng ngay trong ngày 1-5-1975, thái độ của Hà Nội đã được thể hiện dứt khoát trong Điện 601[384] do Tố Hữu thay mặt Ban Bí thư gửi cho ông Phạm Hùng, bí thư Trung ương Cục: "Xin báo để các anh biết: theo ý kiến anh Ba, về chính phủ, không còn vấn đề ba thành phần. Cấu tạo chính phủ không thể có bọn tay sai Mỹ, không để cho Mỹ có chỗ dựa và phải làm cho quần chúng thấy rõ sức mạnh, thế mạnh của Cách mạng". Số phận của Dương Văn Minh, người được coi là lãnh tụ của

"lực lượng thứ ba", cũng được Điện 601 nói rõ: "Những người đã đầu hàng ta như Dương Văn Minh chẳng hạn thì không bắt, nhưng cần có cách quản lý, giám sát".

Trong chiến tranh, lán của Mặt trận và Chính phủ Lâm thời luôn nằm bên cạnh "bản doanh" của Trung ương Cục, đó là những căn nhà mái lá dựng trên thượng nguồn sông Vàm Cỏ Đông ở vùng Sa Mát, Thiện Ngôn. Theo "Thứ trưởng" Lữ Phương thì "Bộ Văn hóa Thông tin" của ông chỉ gồm vài ba cán bộ đang làm việc trong Tiểu ban Văn nghệ của Ban Tuyên huấn Miền. "Bộ trưởng" Lưu Hữu Phước trước đó là người phụ trách tiểu ban này. Các quan chức của Chính phủ Lâm thời, kể cả "Chủ tịch" Huỳnh Tấn Phát, cũng chủ yếu giết thời gian bằng cách đánh cờ hoặc chơi bài tiến lên. Mọi phát ngôn của Mặt trận, dù lớn hay nhỏ, đều do Trung ương Cục chuyển sang để các quan chức Mặt trận đọc trước máy ghi âm của Đài Phát thanh Giải phóng[385].

Hầu hết những thành viên Mặt trận đều là đảng viên, kể cả những người như bà "Bộ trưởng" Dương Quỳnh Hoa, ông "Bộ trưởng" Trần Bửu Kiếm. Có người vào đảng từ trước rồi được "phân vai", có người vào rừng rồi mới kết nạp, nhưng khi đã vào R, nhận ra "đại cục" mà mình đang tham gia, hầu hết các thành viên đều để cho Cách mạng sử dụng tên tuổi của mình, đồng thời trực tiếp diễn xuất với tinh thần của người trong cuộc.

Trong thời điểm lôi kéo người dân trước lựa chọn sinh tử giữa Cách mạng và Quốc gia, những trí thức Mặt trận này ít nhiều đã tạo niềm tin vào hòa bình và hòa hợp dân tộc cho những người ở bên kia chiến tuyến. Khi chiến tranh hoàn toàn kết thúc, những trí thức có lương tâm cũng cắn rứt trước số phận của những người đã đi theo những lời tuyên bố đứng tên mình. Nhưng khi vừa về đến Sài Gòn, vai trò của họ cũng bắt đầu chấm dứt. Không mấy ai trong số họ có cơ hội để thực hiện với dân chúng những lời đã hứa.

Bản thân mỗi thành viên Mặt trận khi trở lại thành phố cũng đụng chạm không ít vấn đề cá nhân. Phần lớn biệt thự, điền trang, nhà máy của ngay cả các nhân vật lớn như Lâm Văn Tết, Trịnh Đình Thảo đã bị Chính quyền 30-4 "tiếp quản". Quan trọng hơn là khi cầm lấy ngọn cờ Mặt trận, động cơ của nhiều người là "chống Mỹ" thay vì "ý thức hệ". Họ không khỏi băn khoăn khi nhận thấy, ngay trong những ngày đầu tháng 5-1975, nhiều địa phương bắt đầu thống nhất cung cách điều hành theo miền Bắc. Có tỉnh, chính quyền mới buộc người dân phải xin cấp biển đăng ký

cả xe đạp. Có những chi tiết tưởng là vụn vặt nhưng cũng khiến không ít người miền Nam chạnh lòng: dân miền Nam đã quen cầm miếng sườn nung núc thịt nạc, nhưng sau "giải phóng", mậu dịch viên quốc doanh bán cho họ miếng "sườn" chỉ còn xương xẩu.

Không ai tiến hành một cuộc chiến tranh tiêu tốn hàng triệu sinh linh để kết quả cuối cùng Việt Nam vẫn tồn tại hai quốc gia, nhưng hình ảnh miền Bắc cũng làm cho không ít trí thức kháng chiến miền Nam băn khoăn. Nhiều người đã một vài lần được đưa ra miền Bắc, chứng kiến sự lạc hậu về văn hóa xã hội, sự tàn tạ về kinh tế sau gần hai thập niên xây dựng xã hội chủ nghĩa. Bên trong, các thành viên Mặt trận cũng có những ý kiến gay gắt. Trong phiên họp nội bộ của Hội nghị Hiệp thương Thống nhất, một số thành viên của Chính phủ Lâm thời đề nghị: đồng ý nguyên tắc là phải thống nhất, nhưng cần có thời gian để hai phần đất nước chia cắt có thời gian hòa hợp với nhau. Nhưng, lúc bấy giờ, tiếng nói và vai trò của Mặt trận có ảnh hưởng vô cùng giới hạn[386].

"Bắc hóa"

Không chỉ có các thành viên Mặt trận và Chính phủ Lâm thời, trong những ngày ấy, nhiều cán bộ Trung ương Cục trở về thành phố cũng có cảm giác bơ vơ vì chưa được phân công, trong khi làn sóng cán bộ "chi viện" từ miền Bắc vào lặng lẽ chiếm lĩnh dần các trụ sở và vai trò then chốt. Nhà báo Pháp Jean Lacouture, quan sát tiến trình này ở miền Nam, trong một bài báo đã chơi chữ tiếng Pháp "nordmalisation-Bắc hóa" để thay thế cho chữ "normalisation-bình thường hóa"[387].

Bản thân Hà Nội cũng bất ngờ trước các phản ứng ở miền Nam. Ngày 21-4-1975, với tinh thần chi viện mọi mặt cho nửa nước vừa "giải phóng", Ban Bí thư gửi Thông tri 316, ra lệnh cho "các ngành ở miền Bắc có trách nhiệm giúp đỡ xây dựng, kiện toàn ngành mình ở miền Nam". Điện 316 nhấn mạnh: "Vì tình hình khẩn trương nên việc điều động cán bộ cũng phải làm khẩn trương"[388]. Tuy nhiên, chỉ sau hơn một tháng, ngày 24-5-1975, chính Ban Bí thư đã phải điều chỉnh bằng Điện 733: "Nay căn cứ vào điện của các đồng chí cấp ủy miền Nam, căn cứ vào tình hình mới, chúng tôi định như sau: Kể từ nay việc điều động cán bộ vào miền Nam công tác, nhất thiết phải căn cứ vào yêu cầu của các cấp ủy miền Nam. Đối với những cán bộ, các ban, ngành Trung ương thấy cần thiết điều vào công tác ngắn hạn hay

dài hạn ở miền Nam cũng phải hỏi ý kiến Trung ương Cục, hoặc Khu ủy V, hoặc hai tỉnh Trị-Thiên, nếu trong đó đồng ý mới được đưa vào"[389].

Ngay từ sau 30-4-1975, theo ông Trần Quốc Hương: không rõ từ đâu, chính sách sắp xếp, sử dụng cán bộ ở Sài Gòn và các tỉnh phía Nam được đúc kết bằng công thức "nhất trụ, nhì khu, tam tù, tứ kết" - có nghĩa là: những cán bộ bám trụ tại chỗ được coi trọng, tin cậy, bố trí vào những chức vụ quan trọng được ưu tiên vào hàng thứ nhất; ưu tiên thứ hai là cán bộ đã chiến đấu ở "khu", còn gọi là R[390], mật danh chỉ Trung ương Cục, khu bộ, xứ bộ; ưu tiên thứ ba được dành cho những cán bộ đã từng bị đi tù được tha theo Hiệp định Paris, hoặc mới được cứu ra; ưu tiên cuối cùng mới dành cho những cán bộ miền Nam tập kết ra Bắc từ năm 1954 nay trở lại.

Không phải tự nhiên mà ông Lê Duẩn phải nhấn mạnh với các nhà lãnh đạo miền Nam: "Đây là chiến công của cả nước". Là một người Quảng Trị hoạt động ở Nam Bộ hàng chục năm, ông Lê Duẩn hiểu và rất nhạy cảm trước các vấn đề Nam-Bắc. Trước năm 1975, nhiều cán bộ miền Nam ra thăm miền Bắc đã hết sức ngỡ ngàng khi nhìn thấy cảnh nghèo nàn của "hậu phương lớn". Một lần, Ban Thống nhất thấy tâm trạng của các đại biểu miền Nam không vui, lãnh đạo ban nói với ông Đậu Ngọc Xuân, thư ký của "anh Ba" Lê Duẩn: "Các đồng chí ấy nói không tốt về miền Bắc, anh về nói anh Ba nên gặp họ".

Theo ông Đậu Ngọc Xuân: "Tôi về nói: 'Có đoàn ra thăm'. Anh Ba gật đầu: 'Tốt'. Tôi thưa: 'Kết quả ngược lại, các đồng chí bên Ban Thống nhất nhờ anh gặp làm công tác tư tưởng trước khi họ về'. Anh Ba cho mời họ tới, đoàn gồm hai phụ nữ và ba nam. Anh Ba hỏi: 'Các đồng chí ra thăm miền Bắc thấy gì?'. Họ thật lòng nói, đi thăm chợ Đồng Xuân mà không thấy hàng hóa gì cả, miền Bắc nghèo quá. Anh Ba nói: 'Các đồng chí không hiểu. Cái giàu có, cái vĩ đại của Miền Bắc là ở chỗ gia đình nào cũng có bàn thờ, con họ vào Nam là đi vào chỗ chết, thế mà họ vẫn đi, trong khi ở lại thì được đi Liên Xô, Trung Quốc'. Rồi anh Ba hỏi: 'Ở trong R, các đồng chí có được dạy, ta đánh được Mỹ là nhờ truyền thống 4000 năm của Việt Nam không? Các đồng chí người ở đâu? Việt Nam! Nếu nhận người Việt Nam, không năm đời, thì mười đời cũng là gốc Bắc. Ra đây là tìm về nòi giống, cội nguồn'. Khi đoàn ra khỏi phòng, ông Lê Duẩn bảo tôi: 'Chú xuống Viện Lịch sử, tìm một nhà sử học dẫn họ đi đến tận nơi thăm đền thờ Hai Bà Trưng, Bà Triệu'. Khi họ đi về, anh Ba hỏi: 'Đã

hiểu cội nguồn dân tộc chưa?'. Họ nói: 'Hiểu'. Anh Ba gật đầu: 'Bây giờ về được rồi'".

Tháng Giêng năm 1976, theo đề nghị của ông Lê Duẩn, ông Đậu Ngọc Xuân và ông Trần Phương, theo đường bộ, đi xe vào thẳng Sài Gòn. Ông Xuân kể, trước khi đi, Lê Đức Thọ dặn: "Vào Nam muốn làm việc được, người ta kêu uống rượu, phải uống". Tới Sài Gòn đã là cuối tháng Chạp, ông Lê Duẩn bảo: "Năm nay ta ăn Tết ở đây, chú nào muốn về thì về trước". Ông Đậu Ngọc Xuân đã ở lại.

Sáng mùng Một Tết Bính Thìn, bà Nguyễn Thị Thập bên Hội Phụ nữ mời tiệc, ông Lê Duẩn tới, mâm cỗ đã "bày la liệt" nhưng ông không ngồi vào bàn. Khi các nữ lãnh đạo hội mời, ông nói: "Ăn Tết làm gì, con cái miền Bắc chết ở Trường Sơn chưa ai nói tới đã nói là dân miền Bắc vào đây vơ vét hàng hóa". Theo ông Đậu Ngọc Xuân thì trước đó khi nghe bên công an báo cáo "miền Bắc vào đây vơ vét từ cái quạt máy, xe đạp", ông Lê Duẩn tức lắm nhưng ngay khi đó ông không nói gì.

Bà Bảy Huệ, phu nhân của ông Nguyễn Văn Linh, đỡ lời: "Thưa anh Ba, đấy chỉ là số ít. Chúng em không bao giờ nói thế". Ông Lê Duẩn tiếp: "Các chị không nói nhưng nghe ai nói phải vả vào mặt họ chứ. Có những việc ở trong này tôi đã phải giấu đồng bào miền Bắc, ví dụ như chuyện các chị để cho bộ đội chết đói ở Trường Sơn. Xương máu con người ta, người ta không tiếc, giờ mua cái quạt thì các chị kêu ca". Theo ông Đậu Ngọc Xuân, nghe ông Lê Duẩn nói đến đó, "các chị Nam Bộ khóc như mưa".

Trước đó, theo ông Nguyễn Thành Thơ[391]: Tại Hội nghị cán bộ toàn quốc do ông Lê Duẩn chủ trì, tổ chức sau Hội nghị Trung ương 24 tại trường Công An Thành phố ở Thủ Đức, Phó Bí thư Trung ương Cục Nguyễn Văn Linh nói: "Nên tiến hành ngay thống nhất lãnh thổ, thống nhất đảng, đoàn thể, mặt trận, nhà nước, quân đội. Nhưng về kinh tế, đề nghị để nó phát triển như nó có, ta xem ưu khuyết, cái gì phát huy, cái gì bỏ". Ít lâu sau, tại một hội nghị bàn về văn hóa diễn ra ở Hà Nội, Chủ tịch Quốc hội Trường Chinh nói: "Có một số cán bộ đảng viên không muốn thống nhất để hưởng thụ". Sau hội nghị đó, ông Nguyễn Thành Thơ cùng ông Trần Bạch Đằng tới nhà ông Lê Đức Thọ, trưởng Ban Tổ chức Trung ương Đảng. Theo ông Thơ, ông Đằng và ông Thọ cãi nhau đến mức, phải "đứng lên, ngồi xuống, quơ tay nhiều lần". Ông Lê Đức Thọ nói: "Kinh tế là nền tảng, không thống nhất kinh tế, tất cả vấn đề khác thống nhất không có ý nghĩa".

Cũng trong thời gian này, tại khu biệt thự của Trung ương ở Hồ Tây, ông Trường Chinh gặp ông Nguyễn Văn Linh và ông Phan Minh Tánh, lúc đó là phó bí thư Thành ủy Sài Gòn-Gia Định. Theo ông Tánh, ông Trường Chinh nói: "Linh ơi, người ta nói cậu không muốn thống nhất đấy". Đề nghị "thống nhất chính trị trước, thống nhất kinh tế sau" không phải là sáng kiến của ông Nguyễn Văn Linh. Ngày 13-8-1975, tại Hội nghị Trung ương đầu tiên sau ngày "giải phóng miền Nam", trong phát biểu của mình, ông Lê Duẩn cho biết là cả ông và ông Trường Chinh đều cho rằng nếu đưa mô hình kinh tế có "một số sai lầm" của miền Bắc "vào miền Nam thì sai lắm"[392].

Phát biểu của Lê Duẩn trước Trung ương vào ngày 13-8-1975 không phải là một diễn văn được chuẩn bị sẵn. Những ý kiến rời rạc, trùng lắp và mâu thuẫn liên tục trong bài nói chuyện "tay vo" này cho thấy Lê Duẩn có băn khoăn giữa ý thức hệ và thực tiễn miền Nam. Trực giác nhận thấy sự năng động của kinh tế tư nhân đã khiến Lê Duẩn có chút băn khoăn. Nhưng theo ông Trần Việt Phương: "Lê Duẩn chỉ băn khoăn đúng một tuần. Bản thân ông cũng không đủ sức thuyết phục chính mình, nên khi bị những thế lực bảo thủ cản trở thì ông nhượng bộ. Nhượng bộ không phải họ đúng hơn ông, mà do mô hình của ông chưa hoàn thiện để có thể thay thế cái đang tiến hành ở miền Bắc". Không đợi đến khi Lê Đức Thọ nói, lẽ ra ông Nguyễn Văn Linh phải nhớ, ngay trong ngày 13-8-1975, Lê Duẩn đã khẳng định, thống nhất phải đi liền với chủ nghĩa xã hội, bao gồm cả "nội dung chính trị và nội dung kinh tế"[393].

Những cuộc đối thoại trên đây giữa Lê Đức Thọ, Trường Chinh, với các thuộc cấp từ miền Nam diễn ra trong khoảng thời gian từ sau Hội nghị Trung ương 24, tháng 8-1975, cho đến trước Hội nghị Hiệp thương Thống nhất. Hội nghị Hiệp thương Thống nhất họp từ 15 đến 21-11-1975 tại Dinh Độc Lập. Trưởng đoàn miền Bắc là Ủy viên Bộ Chính trị Trường Chinh; trưởng đoàn miền Nam cũng là một ủy viên Bộ Chính trị khác, Bí thư Trung ương Cục Phạm Hùng. Để giải quyết sự khác biệt về kinh tế của hai miền, Trường Chinh đã dùng "phép biện chứng" Marx-Lenin phân tích: "Ý thức có tính độc lập tương đối với thực tiễn, cho nên không nhất thiết phải chờ thực tiễn phù hợp mới thống nhất mà có thể dùng ý thức để quyết định rồi thực tiễn bắt đầu điều chỉnh".

Đúng 12 giờ 10 phút ngày 21-11-1975, hội nghị "Hiệp thương Thống nhất giữa hai miền Nam Bắc" kết thúc. Trong tiếng quân nhạc oai hùng, Chủ tịch Mặt trận

Dân tộc Giải phóng Miền Nam Nguyễn Hữu Thọ đã lặp lại lời Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Nước Việt Nam là một". Hiệp thương giữa những người đồng chí với nhau chỉ là hình thức. Kể từ ngày 30-4-1975, đất đai, quyền lực đã ở trong tay Đảng Cộng sản Việt Nam. Thống nhất chỉ đồng nghĩa với việc "Bắc hóa" mô hình kinh tế. Cuộc lánh nạn của những người di cư, vì thế, chỉ có giá trị hai mươi năm. Những gì mà họ lo sợ và bỏ chạy hồi năm 1954, sau ngày 30-4-1975 lại ở ngay trước mặt.

Chủ nghĩa xã hội

Nhiều người vẫn trích dẫn nghị quyết Hội nghị Trung ương 24, "trong một thời gian nhất định, ở miền Nam còn nhiều thành phần kinh tế"[394], để phê phán các chiến dịch cải tạo tư sản. Trên thực tế, ngay sau khi các ủy viên Trung ương từ Hội nghị Trung ương 24 trở về, Chiến dịch X-2[395] được triển khai gần như ngay lập tức. Khi đưa cả hai miền "tiến lên chủ nghĩa xã hội", thay vì phải phân tích thực tiễn, các nhà hoạch định chính sách đã tuân theo những nguyên lý của Marx-Lenin - đã thiết lập "quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa" thì việc "xóa bỏ giai cấp tư sản" là không tránh khỏi[396].

Ngày 1-9-1975, tại Dinh Độc Lập, khi Thường Vụ Trung ương Cục làm việc với Thành uỷ Sài Gòn-Gia Định để thông qua kế hoạch "Chiến dịch X2", các thành viên chủ chốt như Nguyễn Văn Trân, Võ Văn Kiệt, Nguyễn Văn Linh đều thống nhất coi "giai cấp tư sản là đối tượng của cách mạng". Chủ trì buổi làm việc, Phó Bí thư Trung ương Cục Nguyễn Văn Linh thậm chí còn đòi "thanh toán hết giai cấp tư sản" và tỏ ra chưa thỏa mãn với con số "sáu mươi tên tư sản" bị đánh đợt đầu trong Chiến dịch X2. Ông Linh yêu cầu nghiên cứu thêm để "nói đánh sáu mươi tên nhưng thực tế sẽ lan ra cả ngàn tên"[397].

Sau khi phân tích "hoàn cảnh lịch sử" của Hội nghị Trung ương 24, người thư ký gắn bó nhiều năm nhất với Tổng Bí thư Lê Duẩn, ông Đống Ngạc, nói: "Mình ngồi ở đây, bây giờ, sau khi Liên Xô sụp đổ, mà bàn chuyện cũ, khó lắm"[398]. Một trợ lý lâu năm khác của Lê Duẩn, ông Đậu Ngọc Xuân[399], cho rằng: "Lúc đó, lợi ích giai cấp là mục tiêu quan trọng nhất"[400].

Trước khi về làm trợ lý cho Lê Duẩn, ông Đậu Ngọc Xuân là trưởng Khoa Kinh tế học Marx-Lenin của trường Nguyễn Ái Quốc. Ông Xuân nhớ lại: "Cho dù anh Ba đã rất trăn trở trước thực tế phát triển của miền Nam, nhưng khi ấy phải sáng tạo ghê gớm lắm mới có thể thoát ra khỏi sự giáo điều của cả phe cộng sản. Sáng tạo thì

phải trên cơ sở có sự trưởng thành về mặt lý luận, mà điều này thì ta chưa đủ. Những nhà lý luận của ta đều học từ Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác, trường đảng của chúng ta cũng bắt đầu từ các thầy Trung Quốc". Một trợ lý khác của ông Lê Duẩn, Giáo sư Trần Phương[401], người mà ông Đống Ngạc gọi là "một nhà kinh tế tự do" cũng phải thừa nhận: "Cho đến trước khi Liên Xô sụp đổ, đầu óc của chúng tôi vẫn bị cầm tù trong sự giáo điều của chủ nghĩa Marx"[402].

Rất nhiều nhà lãnh đạo Việt Nam vẫn cho rằng bộ Tư Bản của Marx là giáo khoa kinh tế học. Những người thực sự có được học về Marx một cách bài bản ở Đại học Phương Đông như Trần Phú, Nguyễn Thị Minh Khai, Hà Huy Tập, Lê Hồng Phong… thì đều đã bị người Pháp tử hình trước ngày "cướp chính quyền". Tác giả chính của các chính sách kinh tế áp dụng ở Việt Nam hơn hai thập niên, ông Lê Duẩn, chỉ học hết lớp bốn rồi đi làm nhân viên hỏa xa. Nhiều nhà lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ học Karl Marx qua các bạn tù. Nhiều người phải sau khi nắm quyền mới học với sự giúp đỡ của chính những người giúp việc[403]. Nhưng cho dù có học thì, theo ông Đậu Ngọc Xuân: "Bộ Tư Bản mênh mông, gần như không lãnh đạo nào đọc hết, nên nếu lấy 'Tư Bản' ra mà dọa thì một anh giúp việc có thể điều khiển được một ủy viên Bộ Chính trị". Ông Đậu Ngọc Xuân kể: "Mấy anh giúp việc ông Trường Chinh (trong thập niên 1960) là rất hay trích dẫn Marx-Lenin. Cái câu "sản xuất nhỏ hàng ngày, hàng giờ đẻ ra chủ nghĩa tư bản" làm cụ Trường Chinh rất sợ"[404]. Không chỉ bởi niềm tin giáo điều, tuân thủ Marx còn là vấn đề kỷ luật.

Theo ông Đống Ngạc: "Những lần đi Liên Xô, anh Ba thấy cách quản lý kinh tế của Liên Xô rất dễ làm mất đi sự sáng tạo của quần chúng. Nhưng lúc đó Liên Xô thường nghe ngóng xem Việt Nam có đi chệch đường không". Tháng 11-1957, Hội nghị các Đảng Cộng Sản và Công nhân Thế giới họp lần thứ nhất và tiếp theo đó, tháng 11-1960, đã họp lần thứ hai. Tại đây, "các đảng và các nước chủ nghĩa xã hội anh em" đã ký tuyên bố chung: "Kinh nghiệm của Đảng Cộng Sản Liên Xô trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản có ý nghĩa nguyên tắc đối với toàn bộ phong trào cộng sản quốc tế". Tại Hội nghị tháng 11-1960, các đảng cộng sản đã "nhất trí lên án hình thức Nam Tư", gọi mô hình Nam Tư là "chủ nghĩa cơ hội quốc tế", là "lý luận của bọn theo chủ nghĩa xét lại hiện đại".

Ngày 29-5-1958, tức là chỉ sau hơn nửa năm ra Hà Nội, trong một cuộc nói chuyện trước 1.000 cán bộ cao cấp, ông Lê Duẩn đã cực lực đả kích chủ nghĩa xét

lại Nam Tư[405]. Thật khó để đánh giá cuộc nói chuyện được đăng trên báo Nhân Dân này của ông Lê Duẩn là xuất phát từ nhận thức cá nhân hay chỉ để gửi một thông điệp chính trị đến Liên Xô. Lê Duẩn lúc ấy sắp trở thành tổng bí thư của một đảng vệ tinh, và Liên Xô thì rất cứng rắn với những "anh em" không chịu tuân theo "kinh nghiệm" của họ.

Cán bộ tuyên huấn trong các quốc gia cộng sản, đặc biệt là Việt Nam, có thể dựa trên niềm tin khi lặp đi, lặp lại rằng: "Một xã hội tổ chức trên cơ sở của học thuyết Marx-Lenin mở ra những khả năng vô tận để phát triển kinh tế và văn hoá, để đảm bảo cho mọi người một mức sống cao, một đời sống hòa bình và hạnh phúc". Nhưng những người nắm quyền thì biết rõ sự kiện Liên Xô đưa xe tăng vào nghiến nát cuộc biểu tình ở thủ đô Budapest vào tháng 11-1956 sau khi có những cải cách ở Hungary; biết rõ sự kiện Liên Xô bắt nhà cải cách, Bí thư Thứ nhất Tiệp Khắc Alexander Dubcek vào tháng 8-1968. Đêm 20-8-1968, khi cho xe tăng tiến vào thủ đô Prague, Liên Xô đã giam hãm những mầm mống cải cách trong khối xã hội chủ nghĩa suốt hai thập niên sau đó.

Cũng phải thừa nhận, cuối thập niên 1950, đầu 1960, Liên Xô đã tạo ra nhiều thành tựu: tháng 6-1954, khánh thành nhà máy điện nguyên tử đầu tiên trên thế giới; tháng 10-57, phóng vệ tinh nhân tạo đầu tiên vào vũ trụ; cũng trong năm 1957, thử nghiệm thành công tên lửa vượt đại châu, dùng tên lửa phóng vệ tinh, chụp được ảnh phía sau mặt trăng. Những thành tựu này được mô tả là đã làm cho "các nước trong phe xã hội chủ nghĩa nức lòng, các nước Phương Tây hốt hoảng". Tháng 11-1960, Liên Xô đưa người bay vào vũ trụ. Sự tuyên truyền về hệ thống xã hội chủ nghĩa mạnh mẽ đến mức có lúc, ở Việt Nam, ông Việt Phương, trợ lý Thủ tướng Phạm Văn Đồng, đã phải làm thơ than: "Trăng Trung Hoa tròn hơn trăng nước Mỹ / Đồng hồ Liên Xô tốt hơn đồng hồ Thuỵ Sỹ".

"Con đường của Bác"

Ông Đống Ngạc cho rằng, sẽ là không công bằng nếu nghĩ tác giả các chính sách cải tạo nóng vội đi lên chủ nghĩa xã hội là của Lê Duẩn. Theo ông Đống Ngạc: "Chính Bác Hồ là người ký luật hợp tác xã và chính sách cải tạo tư sản mà sau năm 1975 ta áp dụng".

Khi "cướp được chính quyền", trong Bản Tuyên ngôn Độc Lập đọc tại Ba Đình vào ngày 2-9-1945, thay vì trích dẫn Marx hay Lenin, Hồ Chí Minh đã mở đầu bằng

những "lời bất hủ" mà ông nói rõ là lấy trong bản Tuyên ngôn Độc lập 1776 của nước Mỹ: "Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc". Phần trích dẫn thứ hai của Hồ Chí Minh trong bản tuyên ngôn cũng từ cuộc cách mạng của giai cấp tư sản: Cách mạng Pháp năm 1791.

Cho dù từng sống ở Liên Xô trong thập niên 1930, thời kỳ huy hoàng nhất của chế độ cộng sản, Hiến Pháp năm 1946 - bản hiến pháp được coi là của Hồ Chí Minh - đã không hề có bóng dáng của nhà nước Xô Viết. Thật khó để biết đâu là sách lược, đâu là quan điểm chính trị của ông. Sau những nỗ lực tìm kiếm sự công nhận của phương Tây bất thành, năm 1948, cho dù vẫn bị Stalin khước từ[406], Hồ Chí Minh chính thức xác nhận mình là một người cộng sản[407]. Nhưng chiến thắng của Mao Trạch Đông ở Trung Quốc vào tháng 10-1949 mới là sự kiện ảnh hưởng mang tính bước ngoặt đối với những lựa chọn sau đó của Hồ Chí Minh.

Cho dù bị các đảng viên của mình gọi là một người "quốc tế giả danh", chính Mao Trạch Đông đã đích thân bào chữa cho Hồ Chí Minh. Trong một bức điện gửi Lưu Thiếu Kỳ ngày 27-1-1950, Mao Trạch Đông cho rằng: "Còn quá sớm để coi việc Hồ Chí Minh ngụy trang đảng của ông ấy và tuyên bố trung lập đối với Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là sai phạm mang tính nguyên tắc, bởi cuộc đấu tranh của người Việt Nam không hề chịu hậu quả trước hai quyết định đó". Năm 1949, cũng chính Mao Trạch Đông giải thích với Stalin: "Hồ Chí Minh là một người theo chủ nghĩa quốc tế. Việc ông ta giải tán đảng là một quyết định tình thế để cứu cuộc đấu tranh chống Pháp". Chính Mao đã thuyết phục Stalin công nhận và thiết lập quan hệ về đảng và nhà nước với Hồ Chí Minh, người trước đó đã bị ông ta ghẻ lạnh[408]. Quan hệ với Mao Trạch Đông và Stalin càng nồng ấm thì chuyên chính vô sản càng nhanh chóng được áp dụng ở Việt Nam.

Ông Hoàng Tùng, chánh Văn phòng Trung ương, kể: Năm 1950, khi tới Điện Kremlin, Hồ Chí Minh vẫn bị Stalin quy kết: "Không cải cách ruộng đất, không dựa vào nông dân, lại đoàn kết với địa chủ. Dân tộc chủ nghĩa thế này thì còn gì là đảng cộng sản nữa". Stalin đã chỉ hai chiếc ghế như là biểu tượng, một của quốc tế cộng sản; một là dân tộc chủ nghĩa, rồi hỏi Hồ Chí Minh: "Đồng chí chọn ghế nào?". Theo ông Hoàng Tùng thì khi ấy Hồ Chí Minh đã "đứng".

Cho dù Stalin và Mao tiếp tục thúc ép, tại Đại hội II, năm 1951, thay vì chủ trương cải cách ruộng đất, Tổng Bí thư Trường Chinh đã đưa ra "thuyết ba giai đoạn" theo đó, trước hết phải giảm tô, giảm tức rồi mới đi đến cải cách ruộng đất. Theo ông Hoàng Tùng: "Thuyết ba giai đoạn của Trường Chinh đưa ra ở Đại hội II là có ý kiến của Bác, nhưng Trường Chinh phân tích rất hay. Năm 1946, họp Xứ ủy tôi đã được nghe ông nói rằng, những cải cách nhỏ đều có ý nghĩa cách mạng, nhiều cải cách nhỏ cộng lại thành cuộc cách mạng lớn". Nhưng, sau đại hội, theo ông Hoàng Tùng: "Mao và Stalin đã gọi Bác sang, nhất định bắt phải làm. Mao Trạch Đông nói thẳng: nếu các đồng chí không cải cách ruộng đất, chúng tôi không viện trợ nữa". Để có viện trợ từ Liên Xô và Trung Quốc, Hồ Chí Minh đã chấp nhận "cuộc đấu tranh giai cấp ở một nước Phương Đông", điều mà ông đã từng cho là không thích hợp[409].

Thực ra, thuyết "ba giai đoạn" của Trường Chinh cũng đã thể hiện bước đi của một nhà nước công nông. Sau khi Chính phủ Đoàn kết Dân tộc tan vỡ, nhất là thời kỳ Chính phủ phải rời Hà Nội lên chiến khu Việt Bắc, các chính sách mang màu sắc giai cấp đã bắt đầu được hình thành[410]. Từ sau năm 1951, một số cán bộ, trong đó có Ủy viên Trung ương Hồ Viết Thắng, được Đảng Lao Động Việt Nam đưa sang Trung Quốc học tập cách cải cách ruộng đất rồi về nước phát động giảm tô, giảm tức. Năm 1952, việc đấu tố địa chủ được bắt đầu với sáu xã thí điểm ở huyện Đại Từ, Thái Nguyên rồi sau đó chính thức thực hiện vào giữa năm 1953.

Tại Hội nghị Trung ương 5, họp từ ngày 14 đến 23-11-1953, Hồ Chí Minh quán triệt: "Vấn đề mấu chốt là cải cách ruộng đất". Mở đầu bài phát biểu trước Hội nghị này, Hồ Chí Minh cho rằng: "Phe ta ngày càng mạnh, phe địch ngày càng yếu. Liên Xô, thành trì cách mạng thế giới, đang tiến mạnh từ chủ nghĩa xã hội sang chủ nghĩa cộng sản… Với sự giúp đỡ tận tâm của Liên Xô, các nước dân chủ nhân dân ở Đông Âu đang ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trung Quốc đã thắng lợi to trong cuộc chống Mỹ, giúp Triều, trong việc xây dựng năm đầu của kế hoạch năm năm, và đang thắng lợi trong công cuộc củng cố và phát triển dân chủ mới".

Chủ tịch Hồ Chí Minh nói tiếp: "Đó là tóm tắt tình hình của phe ta. Tình hình phe đế quốc do Mỹ cầm đầu thì thế nào? Mỹ và mười sáu nước phe Mỹ (trong đó gồm có Anh và Pháp) đã thất bại nhục nhã ở Triều Tiên. Từ cuối thế kỷ XIX đến ngày nay, Mỹ đã nhiều lần nhờ chiến tranh mà làm giàu và chiếm được địa vị anh chị. Lần này

là lần đầu tiên (nhưng chưa phải là lần cuối cùng) mà Mỹ thất bại to, đã hao người (hơn 397.500 binh sĩ Mỹ chết và bị thương), tốn của (hơn hai mươi ngàn triệu đôla), lại mất mặt với các nước. Thế của Mỹ ngày càng yếu ở Hội Liên hiệp quốc, phe Mỹ càng thêm lủng củng chia rẽ, kinh tế Mỹ ngày khủng hoảng thêm… Nói tóm lại: phe Mỹ là ba phe bảy mảng, thế ngày càng suy". Tuy nhắc nhở các ủy viên Trung ương, "chúng ta không được chủ quan khinh địch", nhưng ngay sau đó, Hồ Chí Minh đã nói: "Những hoạt động của địch không phải vì chúng mạnh, mà vì chúng yếu thế… Để phá tan âm mưu của địch, chúng ta phải ra sức đẩy mạnh kháng chiến. Để đẩy mạnh kháng chiến, chúng ta phải thực hiện cải cách ruộng đất".

Chính Hồ Chí Minh đã tự phê phán: "Chúng ta đã nặng về đoàn kết địa chủ để kháng chiến mà không xem trọng đầy đủ vấn đề nông dân và vấn đề ruộng đất". Theo Hồ Chí Minh: "Nông dân ta chiếm 95% dân số, mà chỉ được có 3/10 ruộng đất, quanh năm khó nhọc mà suốt đời nghèo nàn. Giai cấp địa chủ không đầy 5% nhân số mà chiếm hết 7/10 ruộng đất, ngồi mát ăn bát vàng. Tình trạng ấy thật là không công bằng. Nước ta bị xâm lược, dân ta lạc hậu và bần cùng cũng vì đó"[411].

Cũng trong trung tuần tháng 11-1953, một "hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng" được nhóm họp để "tán thành chính sách cải cách ruộng đất do Trung ương đề ra". Từ ngày 1 đến 4-12-1953, Quốc hội họp kỳ thứ III thông qua Luật Cải cách Ruộng Đất. Theo ông Hoàng Tùng: "Ngay sau khi Bác quyết định cải cách ruộng đất, Trung Quốc đã cử các đoàn cố vấn sang. Đoàn Cố vấn Cải cách ruộng đất do Kiều Hiểu Quang, phó bí thư Tỉnh ủy Quảng Tây, phụ trách".

Về phía Việt Nam, Ủy ban Cải cách Ruộng đất cũng được thành lập ở hai cấp trung ương và địa phương. Ở cấp trung ương có chủ tịch Ủy Ban, Tổng Bí thư Trường Chinh, phụ tá - hai ủy viên Bộ Chính trị Hoàng Quốc Việt, Lê Văn Lương, và một ủy viên Trung ương, Hồ Viết Thắng, người vừa đi Trung Quốc học về cải cách ruộng đất. Tại địa phương, mỗi tỉnh lập ra mười đoàn, mỗi đoàn có khoảng 100 cán bộ. Đoàn trưởng nhận lệnh trực tiếp từ Ủy Ban Cải cách, không qua hệ thống đảng và chính quyền địa phương. Mỗi đoàn lại chia ra thành nhiều đội. Đội trưởng được chọn trong số bần nông hay bần cố nông. Đội có quyền hành tuyệt đối, chỉ nhận lệnh từ Ban Cải cách.

Trước khi những cuộc đấu tố địa chủ diễn ra, các cán bộ cải cách được đưa về làng, thực hiện chính sách "tam cùng": cùng làm việc, cùng ăn, cùng ngủ. Vào làng, cán bộ thấy ai là thành phần nghèo khổ thì "tam cùng" để làm thân, rồi tiếp đó "thăm nghèo hỏi khổ". Ngoài việc thu thập thông tin để "xếp loại kẻ thù", đội còn khơi gợi người nông dân thổ lộ nỗi khổ, khơi gợi lòng căm thù và tìm kiếm những người có thể bồi dưỡng để tham gia đấu tố. Những phụ nữ đã từng có quan hệ với những người giàu trong làng sẽ được đội động viên, thúc ép, hoặc đe dọa để họ đứng ra tố là đã từng bị "cường hào cưỡng hiếp". Vợ, con cái địa chủ cũng bị lôi kéo để đấu tố cha, chồng. Cải cách ruộng đất không chỉ mang lại những tổn thất về mặt con người mà còn phá vỡ những nền tảng đạo đức làng xã, gia đình, những tôn ti, trật tự giữa cha mẹ, vợ chồng,… những giá trị mà người Việt phải mất hàng nghìn năm kiến tạo.

Kể từ cuối 1952 đến năm 1956, trên địa bàn của 3.314 xã miền Bắc Việt Nam diễn ra tám đợt "phát động quần chúng" giảm tô và năm đợt cải cách ruộng đất, tịch thu hơn bảy mươi vạn hecta, bằng 44,6% ruộng đất trong vùng. Số người bị quy oan lên tới 123.266 người, chủ yếu vì các biện pháp truy bức để "đôn" tỷ lệ địa chủ lên trên 5% dân số như một định mức bắt buộc, dùng nhục hình như đánh, trói, giam cầm, khi chưa có tòa án xét xử, kích động và hù dọa quần chúng để họ tố oan cho nạn nhân. Ở trên thì "phóng tay phát động"; ở dưới, những "đoàn", những "đội" cải cách thì tha hồ lộng quyền, "nhất đội nhì giời". Một quốc gia nghèo đói như Việt Nam lúc ấy mà các đội đã đưa được "định mức địa chủ" lên tới 5,68% dân số các địa phương tham gia.

Theo ông Hoàng Tùng, về sau chính Hồ Chí Minh đã phải than: "Mình nói để cho mình đánh Pháp xong đã rồi sẽ cải cách theo cách của Việt Nam nhưng mà cứ ép cho bằng được". Biết bao trí thức, địa chủ đã theo Việt Minh, đã đóng góp tiền bạc từ những ngày khó khăn, giờ đây, bị "hai ông anh lớn" ép phải chấn chỉnh lại, không để địa chủ, người có gốc "Tây" đứng trong tổ chức. Giữa thập niên 1950, những "địa chủ không kháng chiến" thì đã "dinh tê". Cải cách, đấu tố, theo ông Hoàng Tùng: "Coi như là đánh vào lực lượng của mình".

Ông Hoàng Tùng kể: "Khi ấy tôi thường dự họp Bộ Chính trị nên cũng biết một số việc, trong đó có việc thí điểm cải cách chọn bắn bà Nguyễn Thị Năm". Bà Năm nổi tiếng ở Hà Nội với tên gọi là Cát Hanh Long. Bà có hai con là cán bộ Việt Minh,

một người là cán bộ bậc trung đoàn trưởng làm việc ở Cục Chính trị của Văn Tiến Dũng. Từ năm 1945 đến 1953 bà Năm tham gia công tác ở Hội Phụ nữ. Trong "tuần lễ vàng", gia đình bà hiến 100 lượng vàng. Theo ông Hoàng Tùng: "Các anh Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Hoàng Quốc Việt, Lê Đức Thọ thường ăn cơm ở nhà bà và được bà Năm coi như con. Họp Bộ Chính trị, Bác nói: 'Tôi đồng ý người có tội thì phải xử, nhưng tôi cho là không phải đạo khi phát súng đầu tiên lại nổ vào người đàn bà mà người ấy lại giúp đỡ cho cách mạng'. Sau, Cố vấn Trung Quốc La Quý Ba đề nghị mãi, Bác nói: 'Thôi, tôi theo đa số chứ tôi vẫn cho là không phải".

Ông Hoàng Tùng nói: "Hồ Chí Minh bị nó coi là hữu khuynh. Khi ấy mà kháng cự thì nó cắt viện trợ". Để có viện trợ, theo ông Hoàng Tùng: "Mỗi ngày, đội cải cách thường phải tìm cho ra một người để bắn thị uy, nói là để cho nông dân phấn khởi. Tôi đi xem bắn một vụ, tôi thương quá, anh ấy chỉ có 7,5 mẫu ruộng". Chính Hồ Chí Minh và các ủy viên Bộ Chính trị đều biết các đội đã dùng nhục hình để quy sai địa chủ nhưng việc chấn chính chỉ dừng lại ở những lời răn dạy[412].

Ông Hoàng Tùng, ngay từ đầu cuộc nói chuyện đã gọi các "đồng chí Trung Quốc" là "nó", tiếp: "Không chỉ có địa chủ bị bắn, nhà thờ, nhà chùa, đền đài đều bị nó phá sạch. Đền thờ An Dương Vương thì nó dùng làm nơi để phân bón. Ông Trường Chinh thì có mặc cảm, vì nhà cũng có bảy mẫu ruộng, do ông chủ yếu làm nghề viết báo nên cho người ta cày rẽ lấy tô, rất dễ bị 'quy'. Ông Hoàng Quốc Việt thì không sâu sắc, ông Hồ Viết Thắng thì hăng hái quá. Bố ông Trần Quốc Hương, một ông thầu khoán, dành dụm mua được hai mươi mẫu ruộng, cũng bị 'đội' đem ra đấu. Khi ông Hương nghe, chạy về tới nơi thì bố ông đã chết. Ông Hương than: Thôi, ruộng đất thì không tiếc gì, nhưng không thể chịu được cảnh con đấu cha, vợ đấu chồng. Cách mạng cũng phải có đạo đức chứ. Bố ông Nguyễn Khắc Viện là Nguyễn Khắc Niêm, từng đỗ đầu tiến sỹ làng Giáp, Tây đưa lên hàng thượng thư. Kháng chiến, Hồ Chí Minh cũng có thư vận động ông Niêm. Khi cải cách, bị 'đội' bắt, ông Nguyễn Khắc Niêm đã tự tử chết".

Cùng với cải cách ruộng đất, chiến dịch "chỉnh đốn tổ chức Đảng và chính quyền" mà Hồ Chủ tịch ca ngợi trong báo cáo trước Hội Nghị Trung ương 5 cũng đã gây tổn thương nặng nề cho Đảng[413]. Ông Hoàng Tùng nuối tiếc: "Mình không hiểu thâm ý Trung Quốc là muốn sửa ta. Việc đầu tiên là họ sửa quân đội, lập ra chức chính ủy. Chính ủy là người bao trùm lên tư lệnh, ý họ muốn nhằm vào ông Giáp,

một vị tướng xuất thân từ trí thức và mới chỉ tham gia đảng cộng sản từ năm 1940. Trung Quốc cho rằng ông Giáp xuất thân không phải là công nông mà nắm quân đội là không ổn. Có người, mà tôi ngờ là Lý Ban, phó của Văn Tiến Dũng, đưa cho cố vấn Trung Quốc một danh sách những cán bộ xuất thân không phải công nông định để gạt ra khỏi quân đội. Ông Giáp đưa danh sách đó cho Bác, Bác bảo đốt ngay, thay bằng ấy người thì quân đội không còn cán bộ".

Có tới 71,66% phú nông bị quy sai là địa chủ. Theo ông Hoàng Tùng, Pháp và Mỹ chỉ phải chịu trách nhiệm một phần, chính cải cách ruộng đất, đánh thuế công thương nghiệp và cải tạo tư sản, là nguyên nhân chính khiến cho hơn một triệu người miền Bắc đã phải di cư vào Nam[414].

"Mỗi người làm việc bằng hai"

Nếu mô hình Stalin và Mao Trạch Đông được giới hạn ở những gì áp dụng trước năm 1956 thì miền Bắc vẫn còn cơ hội khôi phục. Chính sách cải cách ruộng đất của Hồ Chí Minh cũng đã đưa số ruộng đất "tước đoạt của giai cấp địa chủ" chia cho 72,8% số hộ nông dân Miền Bắc, chủ yếu là dân nghèo. Trước năm 1960, những người nông dân nhận đất này chưa phải vào hợp tác xã. Nhờ được tự do canh tác trên mảnh ruộng của mình, họ đã khiến cho nền nông nghiệp miền Bắc có một giai đoạn phát triển khá tốt đẹp. Tầng lớp tiểu thương, tiểu chủ cũng đạt mức tăng trưởng nhanh cả ở nông thôn và thành thị. Có lúc, lực lượng thợ thủ công miền Bắc đã lên tới hơn nửa triệu người. Đến cuối năm 1957, miền Bắc vẫn còn 78.456 cơ sở buôn bán. Cải cách ruộng đất đã không chỉ được nhớ đến như một sai lầm nếu những người nông dân được chia ruộng tiếp tục được làm chủ đất đai của họ.

Hội nghị quốc tế "các đảng anh em" lần I mà Hồ Chí Minh tham gia, họp tại Moscow tháng 11-1957, đã khẳng định nguyên lý xây dựng chủ nghĩa xã hội: "Thiết lập nền chuyên chính vô sản dưới hình thức này hay hình thức khác, thủ tiêu chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa và xây dựng chế độ sở hữu công cộng, cải tạo nông nghiệp theo chủ nghĩa xã hội, phát triển kinh tế có kế hoạch, thực hiện cách mạng tư tưởng văn hoá".

Ngay sau khi từ Moscow trở về, ngày 1-1-1958, Chủ tịch Hồ Chí Minh công bố trước quốc dân: "Thời kỳ khôi phục kinh tế đã kết thúc và mở đầu thời kỳ phát triển kinh tế một cách có kế hoạch". Trung tuần tháng 11-1958, Trung ương họp hội nghị lần thứ 14, quyết định: "Cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với kinh tế cá thể của nông

dân, thợ thủ công, người buôn bán nhỏ và kinh tế tư bản tư doanh…". Ngay trong mùa thu năm 1958, đợt thí điểm đầu tiên về hợp tác hóa nông nghiệp đã được tiến hành. Đến cuối năm 1960, 86% số hộ nông dân miền Bắc bị đưa vào 41.401 hợp tác xã. Cuối năm 1960, 97% hộ tư sản bị buộc phải "công tư hợp doanh".

Cho dù "giai cấp tư sản miền Bắc đã phản ứng, đôi khi khá gay gắt", tháng 4-1959, nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 16 tuyên bố: "Nếu trong hàng ngũ tư sản có người quyết chống lại sự cải tạo…, trong trường hợp ấy, đó là mâu thuẫn giữa ta và địch. Những phần tử tư sản kiên quyết chống lại cải tạo xã hội chủ nghĩa là những phần tử tư sản phản động".

Càng "tuân thủ mô hình Liên Xô", tình hình kinh tế miền Bắc càng trở nên bi đát. Ngay từ những năm đầu 1960, từ công nghiệp, thương nghiệp, cho đến tài chính đều bị đình đốn, đời sống cả nhân dân và cán bộ đều thiếu thốn khó khăn. Ở nông thôn, 80% thu nhập của các xã viên hợp tác xã có được nhờ vào đất "năm phần trăm", còn 95% diện tích ruộng đất đưa vào hợp tác xã chỉ để "làm qua loa, tính công, chia điểm…". Cuộc sống ở nông thôn trở nên u ám.

Ông Vũ Quốc Tuấn[415] kể: "Năm 1965, tôi đạp xe về làng, thấy tám giờ sáng nông dân mới ra đồng. Tôi nói: Làm thế này thì đói. Bà con bảo: Thì có cái gì ăn đâu mà không đói hở bác". Điều đáng nói, theo ông Tuấn, những người nông dân này đều vốn rất chí cốt với nghề nông, khi còn ruộng cá thể, họ thức dậy từ ba bốn giờ sáng ra đồng. Vào hợp tác xã thì mãi tới khi mặt trời treo ngọn tre, nông dân mới bắt đầu uể oải cầm liềm, vác cuốc. Ngay từ khi đó, nông dân miền Bắc đã nói: "Mỗi người làm việc bằng hai / Để cho chủ nhiệm mua đài, mua xe".

Khi còn là Bí thư Xứ ủy Nam Bộ, chính sách ruộng đất mà Lê Duẩn áp dụng ở miền Nam khá mềm dẻo. Nhưng khi trở thành Bí thư Thứ nhất, nhất là sau khi đi dự Hội nghị quốc tế lần thứ II[416], Lê Duẩn bắt đầu coi việc tuân thủ những "kinh nghiệm của Liên Xô" là "vũ khí sắc bén". Sau Hồ Chí Minh, "Lê Duẩn là nhà thiết kế chính, nếu không nói là duy nhất, của mô hình kinh tế miền Bắc suốt từ năm 1960 đến 1975, và sau đó ông cũng là nhà thiết kế chính của mô hình kinh tế cả nước từ 1975 cho tới giữa năm 1986"[417].

Lê Duẩn và mối tình miền Nam

Ông Lê Duẩn được những người giúp việc mô tả là "một người có cái đầu chỉ thích suy nghĩ". Chưa bao giờ ông thoả mãn với những mô hình kinh tế áp dụng ở

miền Bắc lúc bấy giờ. Ông thường xuyên đối thoại với những nhà lý luận hàng đầu[418] nhưng chưa có một ý tưởng nào tồn tại đủ lâu để có thể hình thành trong ông và trong nhóm chuyên gia một con đường rõ rệt.

Ông Đống Ngạc kể: "Một lần đi Hungary, thấy nông dân được canh tác tới năm mươi hecta ruộng, anh Ba rất thích nhưng khi trao đổi với một số nhà kinh tế, họ nói: 'Làm như thế lâu [lên chủ nghĩa xã hội] lắm anh ạ', anh Ba lại thôi". Theo ông Trần Phương thì nhiều lần, ông Lê Duẩn bàn với ông nghiên cứu áp dụng mô hình Bắc Triều Tiên nhưng khi ông Trần Phương nói rằng miền Bắc Việt Nam chưa đủ điều kiện làm như vậy thì "anh Ba im lặng". Đầu thập niên 1970, khi nhìn thấy những bất hợp lý của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, theo ông Nguyễn Đức Bình, ủy viên Bộ Chính trị khóa VII, ông Lê Duẩn đã tỏ ra thận trọng khi đưa ra khái niệm "bước đi ban đầu". Ông Bình nói: "Khái niệm này đã làm nức lòng giới lý luận đầu những năm bảy mươi". Tuy nhiên, cũng theo ông Bình: "Rất tiếc, khái niệm đó đã bị chìm đi tại Đại hội IV, 1976, trong không khí say sưa vì thắng lợi". Bài phát biểu trước Hội nghị Trung ương 24, ngày 13-8-1975, cho thấy mâu thuẫn khá rõ giữa một Lê Duẩn sắc sảo nhìn thấy vấn đề trong cuộc sống và một Lê Duẩn chưa có đủ lý luận để giải thích kinh tế thị trường. Trình độ của một nhà lãnh đạo có thể được khắc phục nếu như quy trình hình thành chính sách của Đảng cho phép tranh luận thay vì chỉ trông cậy vào sự anh minh lãnh tụ.

Ông Lê Duẩn sinh năm 1907 tại Triệu Phong, Quảng Trị, trong một gia đình thợ nghèo. Bà Lê Thị Muội, con gái của ông với người vợ đầu ở quê tên là Lê Thị Sương, kể: "Là con trai một, ba tôi rất được cưng chiều, ông nội bắt tránh sông nước nên sống ở nông thôn mà không hề biết bơi". Tuy nghèo, nhưng "cậu Nhuận", tên ông hồi nhỏ, vẫn được gia đình cố lo cho ăn học, nhưng ông học đến lớp bốn thì "tự ý bỏ". Theo ông Lê Kiên Thành, con trai của ông với bà Nguyễn Thụy Nga: "Ba tôi kể, trong một lần làm bài thi, thầy giáo ra đề 'hãy kể những gì mà nước Pháp đã mang lại cho An Nam'. Ba tôi viết 'nước Pháp chỉ mang lại sự áp bức'. Bài thi của ông bị đánh rớt, từ đó ông bỏ học". Học hành dở dang, nhưng lớp bốn ở quê thời đó vẫn được coi là "hay chữ", dân làng vẫn gọi ông là "cậu Thông Nhuận". Ở nhà ít lâu, ông Lê Duẩn kiếm được một chân thư ký cho Công ty Hỏa xa Bắc Kỳ.

Tham gia hoạt động từ thời Hội Thanh Niên Cách Mạng, ông Lê Duẩn trở thành một trong những đảng viên đầu tiên của Đảng Cộng sản Đông Dương. Năm 1931,

ông bị bắt tại Hải Phòng khi đang là ủy viên Ban Tuyên huấn Xứ ủy Bắc Kỳ, bị xử án hai mươi năm cầm cố, bị đưa qua các nhà tù Sơn La, Hỏa Lò, Côn Đảo. Năm 1936, nhờ thắng lợi của Mặt trận Bình dân Pháp, chính quyền Đông Dương trả tự do cho nhiều tù chính trị trong đó có Lê Duẩn. Năm 1937, ông được cử giữ chức bí thư Xứ ủy Trung kỳ, và chỉ hai năm sau được bầu làm ủy viên Thường vụ Trung ương Đảng.

Cũng trong năm 1940, Lê Duẩn bị bắt, bị đày ra Côn Đảo. Sau Cách mạng Tháng Tám, ông được đón về cùng với các ông Tôn Đức Thắng, Phạm Hùng và Nguyễn Văn Linh. Tại Đại hội II, Lê Duẩn không dự nhưng vẫn được bầu làm ủy viên Bộ Chính trị, tiếp tục làm bí thư Xứ ủy Nam Bộ. Đây là thời gian mà Lê Duẩn kiến tạo được uy tín rất cao ở trong Xứ ủy. Theo ông Võ Văn Kiệt, ngay cả những bậc trí thức kháng chiến như Phạm Văn Bạch, Phạm Ngọc Thuần, Nguyễn Thành Vĩnh, Phạm Ngọc Thạch, Huỳnh Tấn Phát đều quý mến ông Duẩn và gọi ông là "ông deux cents bougies", để diễn tả sức làm việc của ông như một "ngọn đèn 200 nến".

Cũng như cách mà Hồ Chí Minh thi hành trong các chính phủ ban đầu, ở Nam Bộ lúc ấy, các vị trí chủ chốt như chủ tịch, phó chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Nam Bộ, ông Lê Duẩn đều giao cho người ngoài Đảng. Ngay một sở quan trọng như Sở Công an, ông Duẩn cũng để Luật sư Diệp Ba - một người không phải đảng viên - làm giám đốc, còn xứ ủy viên như ông Phạm Hùng thì làm phó. Vị trí Tổng chỉ huy Lực lượng Vũ trang Nam Bộ ông Duẩn cũng giao cho Trung tướng Nguyễn Bình, nguyên là người của Quốc dân Đảng.

Hình ảnh ông Lê Duẩn trong những ngày lãnh đạo kháng chiến ở miền Nam được bà Nguyễn Thụy Nga, người vợ thứ hai của ông mô tả: "Anh mặc quần rách đít, áo rách cùi chõ, người anh lúc đó nặng bốn mươi bảy ký nhưng vì cao nên trông anh khô quắt, khô queo, áo quần thì nhuốn màu phèn Đồng Tháp Mười. Sinh hoạt của anh làm tôi xúc động. Những người như ông Phạm Văn Bạch, Phạm Ngọc Thuần, Lê Thành Vĩnh trong Uỷ Ban Kháng chiến Hành chánh Nam bộ, người nào cũng có nhà cửa, có người bảo vệ, người nấu bếp, tuy ở nhà lá nhưng cũng rất đàng hoàng. Còn anh, chỉ có một chiếc thuyền tam bản, đến cơ quan nào, đến nhà bà mẹ nào, anh em thư ký, bảo vệ leo lên nhà ngủ, còn anh ngủ dưới ghe. Anh nhường nhịn điều kiện tốt cho mọi người"[419].

Bà Nguyễn Thị Nga sinh năm 1925, con của một tri huyện cáo quan về viết báo và mở lò gạch tại Biên Hòa. Theo bà Nga thì cha bà đã từng là chủ bút tờ báo tiếng Pháp La Tribune Indigène. Năm mười hai tuổi, cô tiểu thư Nguyễn Thụy Nga đã từng phải khai tăng tuổi để thi. Năm mười bốn tuổi, Thụy Nga theo "mấy chú" đi hoạt động và cũng từ đây, cô "trót yêu một đồng chí đã có gia đình". Người tình "đồng chí" của bà Nga chính là "hung thần chợ Đệm" Nguyễn Văn Trấn, một trong những người cộng sản lãnh đạo "cướp chính quyền" ở Sài Gòn năm 1945. Đây là cuộc tình mà "cả hai người vừa duy trì, vừa kìm nén trong suốt mười một năm". Năm 1948, mối quan hệ của hai người bị lộ và bị Tỉnh ủy Cần Thơ họp kiểm điểm. Bà Nga bị buộc phải chuyển về Sài Gòn công tác.

Đúng lúc ấy, ông Lê Duẩn từ Đồng Tháp Mười xuống Cần Thơ, dự cuộc họp Tỉnh ủy, ông cũng được nghe câu chuyện tình của bà Nga, bấy giờ đang là nữ đoàn trưởng Phụ nữ Cứu quốc. Bà Nguyễn Thị Nga được Tỉnh ủy giao nhiệm vụ kiểm tra bữa ăn sáng mà Tỉnh tổ chức cho Bí thư Xứ ủy. Khi được ông Lê Duẩn hỏi thăm về việc bị buộc chuyển công tác, bà Nga nói: "Lên Sài Gòn, đối với tôi là một công tác mới và khó, nguy hiểm nữa, nhưng tôi vui vẻ chấp nhận, không băn khoăn gì. Nhưng bảo tôi thôi yêu người tôi đã yêu thì khó làm được. Xa nhau cũng được nhưng yêu là do trái tim tôi, đừng bắt buộc". Theo bà Nga thì khi ấy ông Duẩn không phát biểu gì nhưng khi trở về Xứ ủy, gặp Lê Đức Thọ, ông nói: "Nếu có cưới vợ thì tôi thích người có tình, chung thủy như chị Nga"[420]. Ít lâu sau, Lê Đức Thọ xuống Cần Thơ công tác, gặp bà Nga: "Anh Ba muốn hỏi chị làm vợ, chị nên ưng anh ấy đi. Anh xa nhà hai mươi năm không có tin tức gì, gia đình anh còn ở vùng địch. Nếu chị làm vợ anh ấy, chị chăm sóc anh để anh có sức khoẻ làm việc, đó cũng là một nhiệm vụ. Hiện nay trong lãnh đạo, anh ấy rất thông minh và sáng suốt, anh em thường gọi là ông 200 bougies, khi có người kề cận chăm sóc thì anh ấy sẽ trở thành 400 bougies. Sự sáng suốt của anh ấy rất có lợi cho cách mạng"[421].

Bà Nguyễn Thụy Nga nhớ lại: "Nghe anh Sáu Thọ nói, tôi chưng hửng, vì trong lòng tôi lúc nào anh cũng là một lãnh tụ mà mọi người kính yêu. Tôi lúc nào cũng ghi chép, đồng chí Lê Duẩn nói thế này, đồng chí Lê Duẩn nói thế kia. Tôi suy nghĩ mãi. Một lần tôi lấy hết can đảm hỏi anh: 'Nếu bây giờ anh lấy vợ, sau này về gặp gia đình, phải giải quyết sao đây?'. Anh nói: 'Anh cưới vợ trước kia là do cha mẹ cưới cho. Anh đi cách mạng, vợ ở nhà, sau có đưa ra Hà Nội ở một thời gian nhưng

anh thấy hai người không hợp nhau. Có hai lần anh về nhà, anh nói với chị ấy nên tìm người chồng khác, anh đi cách mạng không giúp được gì cho gia đình và không biết sống chết ra sao. Nhưng người phụ nữ miền Trung còn phong kiến hơn phụ nữ trong Nam, đã có chồng rồi thì ở nhà lo cho cha mẹ chồng, nuôi con. Chồng đi xa có lấy thêm vợ thì người phụ nữ miền Trung cũng dễ chấp nhận. Nếu sau này giải phóng chị cũng sẽ ở trong quê với cha và mấy đứa con, lâu lâu anh về thăm. Còn chúng mình đi hoạt động cách mạng, có điều kiện gần gũi nhau, chắc không có gì khó khăn”[422].

Năm ấy, ông Lê Duẩn bốn mươi mốt còn tuổi thực của bà Nga là hai mươi ba, có lẽ khi lấy nhau, họ cũng không ngờ ông Lê Duẩn rồi sẽ trở thành một nhà lãnh đạo quyền lực nhất, và cuộc hôn nhân rồi sẽ mang lại cho bà Nga nhiều rắc rối nhất. Bà Nguyễn Thụy Nga thừa nhận trong cuộc hôn nhân hơn ba thập niên của bà, chỉ có ba năm là thực sự hạnh phúc. Ông Lê Duẩn đã chọn vợ vì “đức thủy chung mà ông chứng kiến bà Nga dành cho người khác” và bà thì thừa nhận là đã chọn ông qua “đạo đức và tình cảm lớn lao mà ông đã dành cho đồng chí, đồng bào”. Đám cưới ông bà do Văn phòng Xứ ủy đứng ra tổ chức: ông Lê Đức Thọ làm “ông mai”, ông Phạm Hùng làm chủ hôn. Ông Lê Duẩn đã đọc thơ ca ngợi vợ trong một bữa liên hoan đơn giản được những người kháng chiến đứng ra tổ chức.

Bà Nga kể: “Trong tình yêu anh cũng như con nít, đi đâu anh cũng mang tôi theo. Họp hành xong, trở về nhìn thấy nhau là anh ôm chầm lấy tôi”. Họ vẫn thường di chuyển và ngủ trên một chiếc ghe tam bản có mui. Khi bà Nga mang thai người con đầu lòng tới tháng thứ bảy thì ông Lê Duẩn trở lại miền Đông. Bà Nga trở lại Sài Gòn sinh người con gái đặt tên là Lê Vũ Anh rồi gửi lại nhờ mẹ đẻ nuôi khi con mới ba tháng tuổi. Năm 1952, ông Lê Duẩn ra Bắc, kể từ đó, họ bắt đầu có rất ít thời gian ở bên nhau.

Đầu 1954, ông Lê Duẩn từ Việt Bắc về miền Nam. Thư ký riêng của ông, ông Đống Ngạc, kể: Tới Quảng Ngãi, theo lệnh của Bộ Chính Trị, ông ở lại mở lớp cho cán bộ cao cấp miền Trung Nam Bộ, một số cán bộ từ Nam Bộ cũng kéo ra Khu V tham gia lớp học này. Khi Hiệp định Geneva có hiệu lực, Bộ Chính trị chỉ thị ông trở lại Nam Bộ, đôn đốc việc thi hành, chủ yếu là lo tổ chức tập kết rồi ra Bắc. Nhưng ông Lê Duẩn đã điện ra xin “ở lại Miền Nam”. Khi những người giúp việc của ông thắc mắc, theo ông Đống Ngạc: “Anh Ba nói, anh biết rằng sẽ không có hiệp thương

và rồi tình hình miền Nam sẽ rất gay go, anh phải ở lại để tính làm sao chuyển sang đấu tranh chính trị và bảo toàn lực lượng. Anh Ba cho rằng phải làm lại cuộc cách mạng dân tộc dân chủ ở Miền Nam".

Từ Quảng Ngãi, ông Lê Duẩn theo đường bộ vào Quy Nhơn rồi từ đó đáp máy bay của quân đội Pháp xuống miền Tây để triển khai việc thi hành hiệp định. Ông Võ Văn Kiệt nhớ lại: "Tuy là một người rất hùng biện trước các vấn đề gai góc, ông Duẩn đã phải ấp úng khi giải thích Hiệp định Geneva, bởi bản thân hiệp định đã không thuyết phục được ông". Đó là những ngày mà theo bà Nguyễn Thụy Nga, ông Lê Duẩn rất băn khoăn, day dứt. Bà Nga kể: "Anh đi tới, đi lui, chắp hai tay phía sau, đốt thuốc hết điếu này đến điếu khác. Theo quyết định của Trung ương, sau khi sắp xếp tình hình xong, anh sẽ tập kết. Nhưng anh liên tục điện ra Trung ương, và tới lần thứ ba thì Trung ương và Bác Hồ đồng ý cho anh ở lại"[423].

Khi ấy, bà Thụy Nga đang mang thai người con thứ hai. Bà Nga xin ở lại, nhưng theo bà thì ông Lê Duẩn nói: "Tình hình miền Nam rồi sẽ phức tạp lắm, em ở lại không những sẽ khổ em, khổ con mà còn dễ bị lộ cho hoạt động của anh". Cuối tháng 3-1955, bà Nguyễn Thụy Nga cùng con gái được thu xếp tập kết trên chuyến tàu áp chót. Con tàu Ba Lan mang tên Kilinski, khi ấy đợi trên cửa Sông Đốc, Cà Mau, để chở hơn 2000 cán bộ miền Nam ra Bắc. Gia đình Lê Duẩn và Lê Đức Thọ được các "đồng chí Ba Lan" dành riêng cho hai cabin. Trước mặt báo chí và Ủy ban Giám sát, ông Lê Duẩn cùng vợ con đĩnh đạc bước lên tàu.

Khoảng mười hai giờ đêm, Kilinski nhổ neo. Ít giờ sau, một chiếc ca-nô âm thầm cập sát thành tàu. Ông Lê Duẩn hôn chia tay vợ con. Bà Thụy Nga kể: Nước mắt anh chảy xuống mặt tôi, anh nói: "Anh thương vợ con anh thế nào thì anh cũng thương vợ con đồng bào, đồng chí như thế, nên anh phải ở lại. Em ra Bắc ráng nuôi dạy hai con nên người". Khi Lê Duẩn lên boong, một số rất ít các đồng chí thân cận của ông biết kế hoạch đứng chờ. Ông Duẩn cũng ôm hôn từ giã từng người, trong đó có Lê Đức Thọ. Rồi ông lặng lẽ leo theo mạn tàu xuống chiếc ca-nô do ông Cao Đăng Chiếm và ông Văn Viên, người của Quốc Gia Tự vệ Cuộc, lái chạy ngược vào bờ, nơi ông Võ Văn Kiệt đang chống xuồng đợi rồi đưa Lê Duẩn về một căn cứ ở Bạc Liêu.

Ông Duẩn rất thích "căn cứ" mà ông Kiệt bố trí. Đó là một cái trại nằm giữa đồng, xung quanh mênh mông sông nước. Đêm ấy, bà chủ trại thấy ông Kiệt dẫn

khách về đã ngờ ngợ. Sáng, khi ông Kiệt ra phụ nhổ lông vịt làm cơm, bà hỏi: "Có phải ông Lê Duẩn?". Ông Kiệt giựt mình nhưng phản ứng mau lẹ: "Đâu có, ổng đi hồi hôm rồi". Bà dứt khoát: "Ông Duẩn! Cậu không tin, tôi lấy hình cho coi". Nói rồi bà lên trang thờ lấy hình ông Duẩn xuống. Ông Kiệt thấy khó giấu, bèn dặn: "Thì ông này giống ông Duẩn nhưng chị không được nói với bất cứ ai nhé".

Sáng hôm ấy ông Kiệt cứ phân vân, đến cuối buổi, ông rủ ông Duẩn ra vườn rồi nói thật: "Bà già phát hiện ra anh". Ông Duẩn hỏi: "Ai nói?". "Bà giữ hình anh trên trang thờ nên nhận ra". Ông Duẩn lắc đầu: "Lại thằng Trần Bạch Đằng!". Khi phụ trách thông tin Xứ ủy, ông Trần Bạch Đằng đã cho in hình ông Lê Duẩn treo khắp các cơ quan của Ủy ban Kháng chiến.

Ông Kiệt trấn an: "Nhưng bà già có ý thức lắm". Ông Duẩn suy nghĩ rất căng rồi nói: "Nhưng chỉ cần bả mừng, bả khoe với con bả là đủ lộ rồi". Ông lệnh: "Chuẩn bị, tối chuyển". Tối hôm đó, ông Kiệt đưa ông Lê Duẩn qua ở với ông Cao Đăng Chiếm và ông Mai Chí Thọ. Ở đây, ông Duẩn rất kỹ, cứ có khách là ông lại vô buồng. Trong khi Cao Đăng Chiếm và Mai Chí Thọ, đều là dân công an, lại cứ thản nhiên ngồi đánh bài ngay cả khi có người lạ tới. Chỉ một thời gian ngắn sau ông Lê Duẩn lo lắng quá lại phải quay về ở chung với ông Kiệt.

Đó là những ngày cực kỳ căng thẳng. Ở trong đất liền một thời gian, thấy cần phải hạn chế xuất hiện, Lê Duẩn chuyển ra Hòn Khoai, đóng giả ông thầy thuốc Nam chữa bệnh bằng lá cây. Xung quanh ông lúc đó có Võ Văn Kiệt, Phạm Văn Xô, có thuyền, ghe, có mấy chiếc xe ngựa, đảm bảo giao thông từ phía U Minh Hạ. Ông Phạm Văn Xô, một ủy viên Trung ương, được người dân quen gọi là "ông Hai xe ngựa".

Cuối năm 1955, ông Lê Duẩn nhận được mật báo: "Địch đã biết Lê Duẩn ở lại miền Nam và đang lần theo mọi dấu vết để truy tìm". Ông chuyển lên Bến Tre. Theo Năm Hoành, một người cận vệ của ông lúc đó: "Bốn tháng đầu, tình hình tương đối yên tĩnh. Sang đầu tháng 5-1956, địch bắt đầu đánh phá mạnh các cơ sở của ta, anh Ba cử tôi về Bạc Liêu liên hệ với Liên Tỉnh ủy Hậu Giang, chuẩn bị địa điểm để khi cần thì sẽ đưa anh Ba quay lại Khu IX". Người tiếp Năm Hoành khi ấy là ông Võ Văn Kiệt. Thu xếp xong, Năm Hoành trở lại Bến Tre, gặp khi chính quyền Ngô Đình Diệm đang bố ráp ở huyện Giồng Trôm, ông bị bắt khi còn cách nơi ở của ông Lê Duẩn chỉ vài trăm mét.

"Cách mạng miền Nam" có thể đã khác nếu như chính quyền Sài Gòn quật ngã được khí tiết của Năm Hoành. Nhưng, dù bị tra tấn, Năm Hoành đã không khai gì về Lê Duẩn[424]. Sau khi Năm Hoành bị bắt, thay vì trở lại Khu IX, nơi ông Võ Văn Kiệt đã chuẩn bị đón, Lê Duẩn quyết định trở lại Sài Gòn. Ngày 14-7-1956, ông được Sáu Hoa, một cơ sở của ông Nguyễn Văn Linh, đón lên Sài Gòn bằng xe hơi. Lê Duẩn về tá túc ở nhà ông Sáu Hoa một thời gian rồi chuyển lên nhà 29 Huỳnh Khương Ninh.

Tại ngôi nhà 29 Huỳnh Khương Ninh, Xứ ủy viên Lê Toàn Thư trước đó đã đưa các cán bộ của mình về, tạo ra một "gia đình bình phong". Bà Nguyễn Thị Loan, khi ấy là một phụ nữ trẻ, được Xứ ủy yêu cầu mang theo hai đứa con còn nhỏ về đóng vai vợ một sỹ quan có chồng chinh chiến xa. Anh Trịnh Long Nhi, một nhà giáo, đóng vai "anh Hai" của Loan. Chị Danh, một công chức thuế quan làm việc ở sân bay Tân Sơn Nhất, đóng vai vợ Nhi. Người lớn nhất trong nhà là "bà dì" Nguyễn Thị Một và ông Phan Phát Phước, vào vai "anh bếp". Từ cuối tháng 7-1956, ngôi nhà này có thêm "chú Chín".

Theo bà Nguyễn Thị Loan, trong cái đêm "chú Chín" Lê Duẩn được ông Lê Toàn Thư dẫn đến nhà 29 Huỳnh Khương Ninh, ông nom như một ông già bảy mươi với dáng gầy gò, râu dài chấm ngực, dù năm ấy ông chỉ mới chưa đầy năm mươi tuổi. Tại đây, sau khi được cắt tóc, cạo râu và thay quần áo cho giống một ông già Sài Gòn, ông Lê Duẩn bắt đầu viết Dự thảo Đề cương Cách mạng Miền Nam.

Bản Đề cương nổi tiếng này, theo bà Loan: "Chú Chín" viết tới đâu lại đem xuống hầm cất giấu, tới đêm mới mang lên để bà Loan và ông Phước chép lại giữa hai dòng của một cuốn tiểu thuyết, bằng một thứ mực hóa học do ông Phước tự chế từ những trái cây mà bà Loan gọi là trái "ngũ bội". Ông Lê Duẩn ở lại miền Nam cho tới đầu năm 1957, cho dù, theo bà Hồ Anh - người được Trung ương Đảng cử tìm cách liên lạc với ông - từ năm 1956 "Bác Hồ" đã quyết định gọi ông Lê Duẩn ra Hà Nội.

Ngày 3-9-1956, bà Hồ Anh đi Quảng Châu, Trung Quốc, định tìm đường từ Hong Kong tới Sài Gòn để đón ông Lê Duẩn, nhưng các "bạn Trung Quốc" cho là phương án này không thể thực hiện. Bà Hồ Anh liền liên lạc với một đảng viên cộng sản Trung Quốc, được gọi theo bí danh là Q.M., khi ấy đang ở Phnom Penh, và "đường Phnom Penh" đã được Trung ương đồng ý. Từ Hà Nội, Phạm Hùng viết cho Lê Duẩn

một lá thư đã được mã hóa để bà Hồ Anh cầm theo làm tin. Ông Q.M. nhận được lá thư, chuyển về Sài Gòn trao tận tay ông Lê Duẩn. Bà Loan dẫn "chú Chín" ra tiệm ảnh, chụp hình làm giấy thông hành còn "anh Hai" Trịnh Long Nhi thì dẫn ông đi cắt may một bộ đồ complet sang trọng.

Theo lệnh của ông Phan Văn Đáng[425], ông Lai Thanh, một cơ sở người Hoa của Xứ ủy, lo liệu giấy tờ và trực tiếp lái xe đưa ông Lê Duẩn thoát sang Phnom Penh. Chiếc xe Ford bốn chỗ, sơn màu đọt chuối của một cơ sở khác, tên là Nguyễn Văn Ninh, được trưng dụng cho "cuộc đào thoát lịch sử". Ngoài ông Lai Thanh lái xe, ông Ninh chủ xe, tùy tùng thứ ba là một bảo vệ do ông Lê Duẩn trực tiếp lựa chọn: ông Bảy Dự Nguyễn Võ Danh[426], vốn là một cán bộ binh vận mà ông Lê Duẩn biết rõ khi còn ở Đồng Tháp.

Khi ấy, lệnh truy đuổi Lê Duẩn đã được chính quyền Ngô Đình Diệm ban xuống gắt gao. Ở trạm kiểm soát Gò Dầu, Tây Ninh, Bảy Dự phán đoán có ít nhất năm loại tình báo đang rình rập. Ông Ninh cầm xấp giấy tờ chạy xuống trình, thấy trong bót gác có lệnh truy nã Lê Duẩn dán hình ông hồi kháng chiến. Nhưng mật vụ kiếng đen thò đầu nhìn vào trong xe không tìm ra được mối liên hệ nào giữa một ông "bận đồ lớn", mặt mũi phương phi, đeo kính trắng với ông Duẩn gày gò trên tờ truy nã. Cùng với khoản lót tay hậu hĩ, Lê Duẩn thoát sang Svay Rieng không mấy khó khăn. Tại đây, ông dừng lại để làm giấy tờ giả dưới danh nghĩa Việt kiều.

Tại Phnom Penh, ông Lê Duẩn triệu tập Xứ ủy Nam Bộ lên họp bàn về tình hình "cách mạng miền Nam" trước khi ông lên một tàu buôn Anh chạy tuyến Phnom Penh - Hong Kong, theo sông Tiền, trở lại miền Nam Việt Nam, lênh đênh bốn ngày, năm đêm trên biển. Trong những ngày ấy, Lê Duẩn phải đóng vai "ông già câm" để khỏi phải giao tiếp với những người trên tàu. Đi cùng ông là Q.M. Trong vai một "đứa cháu" người Hoa, Q.M. sẽ đưa ông Lê Duẩn về Quảng Châu, nơi đó họ gặp lại nữ đồng chí Hồ Anh cũng vừa bay từ Phnom Penh đến. Ngày 4-6-1957, máy bay chở Lê Duẩn từ Trung Quốc trở về đáp xuống sân bay Gia Lâm.

Năm 1955 bà Nga tập kết ra Bắc cùng với con gái Vũ Anh, khi ấy, bà đang mang thai người con thứ hai về sau được đặt tên là Lê Kiên Thành. Thoạt đầu, bà Nguyễn Thụy Nga được phân công làm việc ở báo Phụ Nữ Việt Nam.

Trong suốt mùa hè đầu tiên ở miền Bắc, bà được bố trí ở trong một gara ô tô mái lợp tôn nóng bức cùng với hai phụ nữ có con nhỏ khác. Về sau, bà Mai Khanh,

vợ của ông Phạm Hùng, đưa bà về ở chung trong một biệt thự trên đường Phan Đình Phùng. Tuy nhiên, ở đây mẹ con bà đã không khỏi chạnh lòng khi những người khách đến thăm ông Phạm Hùng tặng quà con cái chủ nhà mà không ai để ý đến những đứa trẻ, con của một lãnh đạo tối cao, khi ấy cũng đang khát khao quà cáp.

Một trong những việc đầu tiên mà bà Nga làm khi ra Bắc là viết thư về thăm người bố chồng mà bà chưa bao giờ gặp mặt. Khi ấy, bố ông Lê Duẩn đang sống ở Nghệ An với con dâu là bà Lê Thị Sương, người vợ đầu ở quê của ông. Thoạt đầu, bố chồng bà đã nhờ Khu ủy Khu IV gửi trả lại món quà của bà Nga, còn bà Lê Thị Sương thì chỉ khóc. Tuy nhiên, tình hình được cải thiện khi bà Sương chấp nhận trả lời thư của bà Nga[427]. Sau đó, trong một dịp Tết, bà Nga đưa con về Nghệ An thăm nhà chồng. Những đứa trẻ Vũ Anh, Kiên Thành đã chiếm được cảm tình của ông nội và bà "mẹ lớn".

Nếu không có sự "tham gia" của đoàn thể, có thể ông Lê Duẩn đã thu xếp được chuyện gia đình với hai người vợ. Nhưng, trước khi ông Lê Duẩn được điều ra Hà Nội, bà Nguyễn Thụy Nga kể: "Anh Phạm Hùng, chị Nguyễn Thị Thập nói với tôi, trước kia vì sự nghiệp của anh mà chị ưng anh ấy, bây giờ cũng vì sự nghiệp của anh, chị nên chủ động ly dị để anh làm tròn nhiệm vụ". Khi ấy Quốc hội vừa có Luật Hôn nhân và Gia đình quy định chế độ "một chồng, một vợ".

Ông Lê Duẩn ra, vui mừng gặp lại người vợ trẻ. Nhưng, theo bà Nga: "Một hôm anh nằm gần cửa sổ trên sàn nhà, đầu anh gối lên đùi tôi để tôi nhổ tóc bạc cho anh. Tôi nói: 'Các anh chị đề nghị chúng ta ly dị nhau'. Anh khóc và nói: 'Trong hoàn cảnh nào chúng ta lấy nhau, giờ trong hoàn cảnh nào chúng ta bỏ nhau? Có làm tổng bí thư đi nữa mà phải bỏ nhau trong lòng anh sẽ không bao giờ yên ổn. Người cộng sản thì phải có thủy, có chung, có tình có nghĩa'. Tôi khóc". Mấy hôm sau, ông Lê Duẩn dẫn vợ sang Trung ương Hội Phụ nữ để trình bày, nhưng theo bà Nga thì "nhiều chị phản đối kịch liệt". Từ đó, bà Nga nói: "Tôi trở thành đối tượng bị các chị ghét bỏ. Tôi là tỉnh ủy viên, khi ra Bắc còn chế độ nằm bệnh viện Việt Xô, nay Trung ương Hội cắt hết những quyền lợi đó, coi tôi như là một tội phạm chính trị"[428].

Những đồng chí của ông Lê Duẩn như Lê Đức Thọ, người đã mai mối bà Nga cho ông, giờ đây cũng im lặng. Bà Mai Khanh, vợ ông Hai Hùng, người chủ hôn, thì cùng với vài cán bộ khác vào tận Nghệ An vận động gia đình chống lại bà. Khi ông Lê

Duẩn ra Bắc, bà Nga cũng chỉ "thỉnh thoảng mới về số 6 Hoàng Diệu để thăm chồng". Bà kể: "Có đêm chúng tôi đang nằm bên nhau đùa giỡn với bé Thành thì con gái của anh, bé Hồng, từ ký túc xá trường đại học về đập cửa rầm rầm và la khóc. Anh khuyên tôi: 'Thôi em đi cho nó yên'. Đi đâu? Tối hôm đó bà Nga sang nhà bà Bảy Huệ, phu nhân của ông Nguyễn Văn Linh; đến nửa đêm, bà Bảy Huệ đưa bà về lại số 6 Hoàng Diệu. Bà Nga nhớ lại: 'Khi ấy Hồng đã vào trường, thấy tôi mắt anh mừng, sáng rỡ'"[429].

Tháng 12-1957, chỉ năm tháng sau khi đoàn tụ, ông Lê Duẩn phải thu xếp để cho người vợ trẻ sang Bắc Kinh công tác. Khi ấy bà đang có mang ba tháng, vừa nuôi ba đứa con vừa công tác, vừa học trong vòng năm năm. Thỉnh thoảng, trong những chuyến công du dừng chân ở Bắc Kinh, ông Lê Duẩn mới có dịp ghé thăm. Tháng 7-1962, bà Nga trở về Việt Nam nhưng không phải để đoàn tụ. Bà được phân công làm việc ở báo Hải Phòng. Bà Nga kể: "Thỉnh thoảng anh xuống thăm mẹ con tôi nhưng không một lần nào vui vẻ, vì thường anh phải đưa cô con gái của người vợ trước đi theo. Thấy anh và tôi thân mật với nhau là nó đập phá la khóc, anh lại phải buồn hiu ra về"[430].

Một lần lên Hà Nội họp, bà Nga về thăm chồng ở số 6 Hoàng Diệu. Bà kể: "Vào nhà thấy Hồng đang ăn cơm với ba, tôi vào trong thay áo ngoài. Vừa bước ra thì Hồng cầm chén cơm có chan canh đổ từ trên đầu xuống"[431]. Bà Nga viết: "Nhiều lần tôi muốn treo cổ tự tử ở cổng nhỏ nhà số 6 Hoàng Diệu. Nhưng tôi chết thì nhẹ cho tôi, còn anh, còn mấy đứa con tôi sẽ ra sao? Anh sẽ mất uy tín, sẽ đau khổ. Con tôi sẽ mất mẹ. Vì Đảng, vì tình thương mà tôi đã vượt qua"[432]. Tình riêng gác lại, từ đây Lê Duẩn được mô tả như là một người dành hết tâm, lực của mình cho đất nước.

Chấp chính và chuyên chính

Năm 1960, tại Đại hội Đảng lần thứ III, Lê Duẩn trở thành Bí thư Thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Thời gian này, thường các ủy viên Bộ Chính trị rất ít khi gặp nhau. Theo ông Đậu Ngọc Xuân, mỗi người ở một biệt thự riêng và sinh hoạt chi bộ ở nhà với thư ký, lái xe, bảo vệ. Ông Đậu Ngọc Xuân kể: "Nhiều cụ Bộ Chính trị vẫn giết thời gian bằng cách chơi tú-lơ-khơ với tổ phục vụ, nhưng anh Ba thì chủ yếu dùng thời gian đọc sách. Vốn tiếng Pháp không nhiều lắm nhưng ông vẫn cố dành cả ngày để đọc bộ Bách khoa Toàn thư bằng tiếng Pháp. Mỗi khi chúng

tôi rủ ông chơi tú-lơ-khơ, ông nói: tôi đọc sách cũng là giải trí". Các ủy viên Trung ương lại càng ít việc. Theo ông Nguyễn Văn Trấn, Phó Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng, vốn là một thợ cơ khí, nhiều hôm đã lật chiếc xe đạp của ông ra sửa để giết thời gian.

Theo ông Hoàng Tùng: Chủ tịch Hồ Chí Minh nhận thấy lề lối sinh hoạt của các thành viên trong cơ quan lãnh đạo tối cao là không ổn. Cụ Hồ nói: "Ta phải lập một chi bộ gồm tất cả ủy viên Bộ Chính trị, Bác làm bí thư để hàng tuần các đồng chí lãnh đạo còn ngồi lại với nhau chứ họp ở nhà thì coi như không làm gì cả". Thế rồi cuối tuần, Cụ Hồ làm cơm mời các ủy viên Bộ Chính trị tới ăn, nhiều người nghe hỏi: "Hôm nay có chuyện gì hay sao thế?". Tôi bảo: "Bác lập chi bộ". Vào bữa, Cụ Hồ nói: "Hôm nay họp chi bộ, các chú chuẩn bị kiểm điểm, họp ở nhà toàn cần vụ, lái xe thì ai kiểm điểm các chú". Thế nhưng, theo ông Hoàng Tùng, ăn thì họ vẫn tới ăn nhưng có khi vẫn không ai nhìn nhau cả. Có bữa ông Lê Duẩn nói "Tôi về nhà làm việc với lái xe, bảo vệ đây".

Khi Nguyễn Chí Thanh được cử vào Nam, cuộc gặp chiều thứ bảy bỏ. Theo ông Hoàng Tùng: "Nguyễn Chí Thanh nói với Cụ Hồ: 'Tôi đi Nam tôi rất phấn khởi, chỉ sợ ở nhà không ai chống xét lại'. Cụ Hồ cũng rất buồn, có dịp 19-5, Cụ bỏ lên Ba Vì, Bộ Chính trị kéo lên theo, Cụ bảo: 'Các chú lên làm gì?'. Mọi người nói: 'Lên chúc thọ Bác!'. Cụ Hồ mắng: 'Thọ thì có gì mà chúc, điều quan trọng là các chú phải từ bỏ chủ nghĩa cá nhân đi, các chú phải đoàn kết, có đoàn kết mới thống nhất Bắc-Nam được. Các chú mắc bệnh cá nhân chủ nghĩa, chú Lê Duẩn cũng cá nhân chủ nghĩa'. Năm 1967, Cụ Hồ bảo tôi và Tố Hữu thảo bài nói chuyện 'Nâng cao đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân', tôi viết chủ nghĩa cá nhân chung chung, Cụ bảo: 'Vấn đề là ở cấp trung ương chứ không phải ở cơ sở'".

Ông Trần Việt Phương, người cùng với Vũ Kỳ, Lưu Văn Lợi, sống bên cạnh Hồ Chí Minh tại Phủ chủ tịch từ năm 1954 đến 1969, kể: "Hồ Chí Minh nói: 'Chú Ba, chú Năm, chú Tô phải thống nhất ý kiến với nhau rồi mới đưa ra Bộ Chính trị'. Bộ Chính trị họp ngay nhà sàn, trước họp ở Phủ Toàn quyền cũ. Khi về Hà Nội, chính phủ lúc đầu ở 108 sau về Phủ Toàn quyền. Nhưng rồi Hồ Chí Minh xuống ở dãy nhà của những người phục vụ Toàn quyền Pháp. Hồ Chí Minh chọn nhà ở một tầng của một người thợ điện. Phạm Văn Đồng ở cách đấy mười mét, dãy nhà sau, tầng thứ hai. Chúng tôi ở trong một garage trước chứa mười chiếc ô tô nằm giữa nhà Hồ Chí Minh

và Phạm Văn Đồng. Phạm Văn Đồng nhiều lúc trở thành người trung gian giữa Trường Chinh và Lê Duẩn".

Vai trò của Bí thư Lê Duẩn càng trở nên nổi bật sau khi Hồ Chí Minh qua đời. Sau khi khiến dân chúng xúc động qua bài điếu văn đọc trong "Lễ tang của Bác", ông được mô tả như là một học trò xuất sắc nhất của "Cha Già Dân tộc".

Theo ông Đậu Ngọc Xuân, khi bệnh tình của Hồ Chí Minh đã chuyển sang giai đoạn khó lòng cứu chữa, Bộ Chính trị phân công ông Phạm Văn Đồng và ông Trần Quốc Hương chuẩn bị bài điếu văn để Bí thư Lê Duẩn đọc. Ngày 2-9-1969, Cụ Hồ đã qua đời, nhưng khi đọc bản dự thảo điếu văn vẫn không ai đồng ý. Ông Lê Duẩn nói với Đống Ngạc và Đậu Ngọc Xuân: "Tôi lo quá, hai chú nghĩ xem ta tự viết lấy được không". Xem bản thảo do bên chính phủ viết xong, ông Đậu Ngọc Xuân nói: "Anh Ba ơi, bài điếu văn này chỉ viết để dành cho cán bộ bình thường thôi, không phải cho lãnh tụ".

Ông Xuân kể tiếp: "Khi ấy, tôi sực nhớ có hai bài điếu văn mà khi học tiếng Nga ở Liên Xô tôi rất thích: bài điếu đọc trước mộ của Karl Marx và bài điếu do Stalin đọc trong lễ tang Lenin"[433]. Khi ấy đã chín giờ đêm, ông Đậu Ngọc Xuân lập tức yêu cầu Văn Phòng Trung ương lục tìm trong các tuyển tập hai bài điếu văn ấy. Đến mười hai giờ thì tìm ra, cả ông Xuân và ông Đống Ngạc viết luôn một mạch cho tới năm giờ sáng. Theo ông Xuân thì điểm nhấn mà ông học được từ bài điếu văn đọc trong lễ tang Karl Marx và Lenin là câu "Vĩnh biệt Người, chúng ta thề!".

Sáng hôm sau, ông Lê Duẩn xuống, hỏi ngay: "Ra không?". "Dạ có, không giống hai bài cũ". "Đưa tôi xem". Trong cuộc họp sau đó, các ủy viên Bộ Chính trị đã lần lượt nghe đọc qua năm dự thảo. Đến bài do nhóm giúp việc của ông Lê Duẩn trình thì ông Trường Chinh nói: "Đúng đây rồi!". Bộ Chính trị liền giao cho Tố Hữu phối hợp với các ông Đống Ngạc, Đậu Ngọc Xuân, hoàn chỉnh. Khi bài điếu văn đã hoàn thành, có một lo ngại khác đó là giọng Quảng Trị của ông Lê Duẩn. Ông Duẩn vốn rất dở khi đọc diễn văn, nhưng đến bài điếu văn này, theo ông Xuân, ông Duẩn nói: "Các chú đưa đây và yên tâm, mai tôi sẽ đọc được". Khi đứng cạnh linh cữu Hồ Chí Minh, như nằm ngủ trong cỗ quan tài bằng pha lê, trước sự chờ đợi của muôn dân, theo ông Đậu Ngọc Xuân: "Anh Ba khóc. Chưa bao giờ anh khóc, nhưng lần đó anh đã khóc".

Khi đã trở thành người "kế tục sự nghiệp của Bác", Lê Duẩn càng thăng hoa. Có thời gian ông kéo nhóm giúp việc xuống Đồ Sơn và ở lại đó khá lâu để "tư duy". Bộ Chính trị hầu như không biết ông đang làm gì ở đó. Một ủy viên quyền bính vào hàng bậc nhất như Bộ trưởng Nội vụ Trần Quốc Hoàn mà cũng mù tịt. Một lần, nhân khi Giáo sư Trần Phương từ Đồ Sơn trở về, ông Hoàn đã mời ông Trần Phương tới nhà dùng cơm. Ông Trần Phương nói: "Khi đó, tôi thấy lo lo, không biết có gì xảy ra mà bộ trưởng Nội vụ lại muốn gặp riêng. Nhưng trong bữa ăn, khi thấy ông Hoàn dò hỏi xem ông Lê Duẩn đã làm gì ở Hải Phòng, thì tôi thở phào nhẹ nhõm". Ông Trần Phương nhớ lại: "Ở Đồ Sơn, ông ra tắm biển. Mọi người không thấy ông bơi, ông nhìn trời, nhìn nước, nhìn mây và suy nghĩ. Thực ra ông không tắm trong nước biển mà tắm trong những dòng suy tưởng. Lắm khi đùng một cái, ông quay lại nói về một loạt những suy nghĩ mà ông mới nảy sinh qua sóng biển đó"[434].

Mỗi khi nói tới Đại hội Đảng lần thứ IV, ông Võ Văn Kiệt vẫn tự trách mình: "Chúng tôi ra Hà Nội mà ít ai ý thức được là mình đang tham gia quyết định vận mệnh, đường đi của dân tộc. Chúng tôi đặt niềm tin tuyệt đối vào sự anh minh của lãnh tụ còn mình thì đến đại hội như đến một đại lễ mừng chiến thắng". Đây có thể là sự nuối tiếc của một con người trách nhiệm. Nhưng, ngày 14-12-1976, khi Đại hội IV chính thức khai mạc ở Hội trường Ba Đình, mọi việc đã được Lê Duẩn và Trung ương quyết định[435]. Trước đó, trên chiếc chuyên cơ IL-19 chở đoàn đại biểu của Đảng bộ Thành phố bay từ Tân Sơn Nhất ra Hà Nội, ông Võ Văn Kiệt đã nhận được lời chúc mừng của các vị đi chung về việc tại Đại hội IV, ông sẽ trở thành ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị.

Tại Hội nghị Trung ương 24, tháng 8-1975, Bí Thư Lê Duẩn nói: "Việt Nam bây giờ, đi như thế nào để tạo ra được chủ nghĩa xã hội? Đây là một vấn đề khó, khó vì sao? Chưa bao giờ người ta nói đến một nước đi từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, trong lịch sử chưa có quy luật đó. Mác chưa nói, Lenin cũng chưa nói. Sở dĩ có chuyện đó là do ta có các nước lớn giúp đỡ thôi". Lê Duẩn đánh giá: "Các nước xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là Liên Xô và Trung Quốc đã lợi dụng sự sa lầy và suy yếu của Mỹ trong chiến tranh Việt Nam mà lớn lên", trong khi "đế quốc Mỹ và hệ thống thế giới của chủ nghĩa đế quốc đang ngày càng suy yếu và đang lâm vào một cuộc khủng hoảng toàn diện".

Hơn một năm sau, tại Hội nghị Trung ương 25, quan điểm của ông Lê Duẩn về "chỗ dựa" đã hoàn toàn thay đổi, ông nói: "Trước đây, chúng ta nghĩ rằng đi từ sản xuất nhỏ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa chủ yếu nhờ có sự giúp đỡ của phe ta. Nay ta thấy, nghĩ như vậy là không đúng… Việc tiến lên chủ nghĩa xã hội ở một nước trước hết là do quy luật bên trong của nền kinh tế nước ấy quyết định, do nước ấy tự làm, tự đi lên là chính"[436]. Theo ông Trần Phương: "Khi giải phóng miền Nam, chúng tôi đặt câu hỏi, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân rồi thì làm gì? Gần như mọi người đều tán thành: còn có thể làm gì hơn là tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội". Ông Trần Phương nói tiếp: "Tư tưởng đó là của của Lenin. Khi đó thì đầu óc của mình chỉ biết có Lenin, cái gì Lenin đã nói thì không tranh cãi".

Việc Đại hội Đảng lần thứ IV áp đặt mô hình kinh tế miền Bắc cho cả miền Nam là điều không thể tranh cãi. Đó là vận nước. Những điều được viết trong đường lối Đại hội IV[437] chưa phải là chính sách, chưa phải là những quy phạm, mà chỉ là những khái niệm mơ hồ thể hiện khát vọng của những người cộng sản. Những ngôn từ rất chung ấy có thể được suy diễn theo hướng tích cực bởi những người có đầu óc thực tế và có trách nhiệm với dân. Nhưng các nhà lãnh đạo khi ấy không chỉ so mình với "lịch sử 4.000 năm". Bí thư Trung ương Xuân Thủy, khi làm thơ, còn tưởng "Ta đang tới đỉnh cao nhân loại". Câu thơ ấy của Xuân Thủy minh họa phát biểu của Bí thư Lê Duẩn tại Hội nghị Trung ương 25 - người lãnh đạo cao nhất, khi ấy, cũng tưởng thế giới đang nhìn Việt Nam "khâm phục lắm"[438].

Ngay từ ngày 09-08-75, tức là chỉ hơn ba tháng sau khi giành được chiến thắng ở miền Nam, Bộ Chính trị đã ra nghị quyết "triển khai thăm dò dầu khí trên cả nước", với yêu cầu "nhanh chóng tìm ra và khai thác nhiều dầu, khí, vừa đủ dùng trong nước, vừa có thể xuất, tạo nguồn ngoại tệ quan trọng cho sự nghiệp công nghiệp hoá xã hội chủ nghĩa". Chưa đầy một tháng sau Hội nghị Trung ương 24, ngày 20-9-1975, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 245, sáp nhập hơn sáu mươi tỉnh thành của cả nước thành hai mươi chín tỉnh và bốn thành phố. Việc sáp nhập các tỉnh theo Nghị quyết 245 là "nhằm xây dựng các tỉnh thành những đơn vị kinh tế, kế hoạch và đơn vị hành chánh có khả năng giải quyết đến mức cao nhất những yêu cầu về đẩy mạnh sản xuất".

Nếu như ở Hội nghị Trung ương 24, ông Lê Duẩn còn thấy phải thận trọng khi áp dụng mô hình miền Bắc vào miền Nam, thì ở Hội Nghị Trung ương 25, tháng 9-1976, ông nói: "Ta có thể đem những hiểu biết (hợp tác xã ở miền Bắc) ấy vào làm ở miền Nam, làm trên cả 500 huyện trong cả nước để trong vòng năm năm tới, nông nghiệp cả nước sẽ lên chủ nghĩa xã hội như nhau"[439]. Ý tưởng của Tổng Bí thư Lê Duẩn về "pháo đài huyện" ngay lập tức trở thành đề tài nóng bỏng của cả bộ máy tuyên truyền, các địa phương đua nhau đi tiên phong. Nhiều nơi đòi "thay trời đổi đất, sắp đặt lại giang san"[440]. Ở huyện Quỳnh Lưu, Nghệ Tĩnh[441], chính quyền quyết định xóa bỏ làng xóm cổ truyền, đốn bỏ vườn cây ăn trái từ hàng trăm năm, dời các hộ nông dân lên đồi cao, để thổ cư cũ biến thành ruộng lúa[442]…

Cùng với mô hình kinh tế, bộ óc "200 bougies" của ông Lê Duẩn còn sáng tạo ra mô hình chính trị "Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ", và sáng tạo ra mô hình "làm chủ tập thể". Cho dù các nhà lý luận hàng đầu trong Đảng lúc ấy cũng không hiểu Tổng Bí thư Lê Duẩn thực sự nói gì[443], sau Đại hội Đảng lần thứ IV, làm chủ tập thể trở thành một môn học học bắt buộc trong các nhà trường. Ngày 13-3-1977, tại trường Nguyễn Ái Quốc, Tổng Bí thư Lê Duẩn nói: "Loài người cho đến nay đã có ba phát minh vĩ đại có ý nghĩa bước ngoặt của lịch sử. Thứ nhất là tìm ra lửa. Thứ hai là tìm ra cách sử dụng kim khí. Thứ ba là làm chủ tập thể"[444].

Đúng như ông Đậu Ngọc Xuân nhìn nhận, "phải sáng tạo lắm mới thoát ra khỏi sự giáo điều". Mà muốn sáng tạo thì cũng phải dựa trên khả năng tư duy của những con người cụ thể. Lê Duẩn vào thời điểm ấy cho dù vẫn cháy bỏng những khát khao cũng không tránh khỏi những hạn chế về học vấn và sức khỏe.

Từ đầu thập niên 1970, bệnh tiền liệt tuyến đã khiến cho Lê Duẩn không có một đêm nào ngủ yên[445] và không còn khả năng lắng nghe[446]. Ông Nguyễn Văn Trân[447] nhận xét: "Anh Lê Duẩn có thói quen hay cắt lời người khác. Trong các cuộc họp Bộ Chính trị, họp Ban Bí thư có khi anh nói gần suốt cả buổi, không mấy ai còn thời giờ nói ý của mình". Đại tướng Võ Nguyên Giáp viết: "Anh Ba là một con người giàu tình cảm cách mạng, có khi sôi nổi. Do đó, một mặt thì dễ gần gũi với cán bộ, quần chúng mặt khác lại có những phản ứng quá mức đối với những ý kiến khác mình. Điều đó đã hạn chế không khí dân chủ trong nội bộ, nhất là về những năm cuối đời"[448].

Lê Duẩn từng nhắc nhở thuộc cấp tránh hiện tượng "đảng là của tôi, nhà nước là của tôi, của một người"[449]. Nhưng ông đã không nhận thấy chính mô hình chính trị mà ông đặt ra đã mắc phải những gì mà ông cảnh báo: từ chỗ còn "có cái phải thuyết phục, có cái phải bắt buộc"[450] đến chỗ đối với những ý kiến khác, chỉ còn chuyên chính. Năm 1976, Bí thư Thứ nhất Lê Duẩn tuyên bố: "Chế độ ta là chuyên chính vô sản. Chuyên chính trước hết là đường lối của giai cấp vô sản… Đường lối đó là khoa học nhất, là đúng quy luật, là bắt buộc. Đường lối đó không hề nhân nhượng với ai, chia sẻ với ai và không hợp tác với ai… Đường lối đó là đường lối của giai cấp công nhân, không ai được chống lại. Ai chống lại những cái đó thì bắt"[451].

Chương IX: Xé Rào

Bí thư Thành ủy Võ Văn Kiệt từng nói trước Hội đồng Nhân dân: "Khác với tất cả các xã hội có giai cấp trước đây, nhà nước xã hội chủ nghĩa chịu trách nhiệm đầy đủ đối với đời sống của nhân dân, vì vậy nhà nước phải nắm toàn bộ khâu lưu thông phân phối, đặc biệt là những nhu cầu thiết yếu đối với đời sống, liên quan đến bữa ăn hàng ngày của nhân dân lao động"[452]. Chỉ mấy năm sau, những người như ông Kiệt nhận ra chính tham vọng tốt đẹp đó đã như những bức tường, những hàng rào, giam hãm sự năng động của toàn xã hội. Những nỗ lực "đục thủng" cơ chế "tập trung quan liêu bao cấp" đó về sau sẽ được gọi là "xé rào".

Bế tắc

Bên ngoài thì giặc dã, bên trong thì bức bối, đói kém, không khí càng trở nên ngột ngạt, nhất là từ giữa năm 1978. Lượng người bỏ nước ra đi càng lúc càng tăng, cỗ xe như đang lao xuống dốc mà không ai nhìn thấy chân phanh ở đâu.

Ông Võ Văn Kiệt quyết định gặp gỡ giới trí thức Thành phố. Với hy vọng có được sự chia sẻ từ những người Sài Gòn vốn được coi là có cảm tình với "Cách mạng", ông Kiệt đã nói khá chân thành: "Anh em cố gắng ở lại, trong vòng ba năm nữa, nếu tình hình vẫn không thay đổi, tôi sẽ đưa anh em ra phi trường". Cả hội trường im lặng. Rồi, giáo sư Nguyễn Trọng Văn đứng lên: "Chúng tôi sẵn sàng ở lại, nhưng nếu ba năm nữa mà tình hình không thay đổi thì tôi cho rằng người nên ra đi phải là các anh".

Câu nói của giáo sư Nguyễn Trọng Văn gây rúng động. Tối hôm ấy, tại số 56 Trương Định có một cuộc họp của Thường vụ mở rộng, Tổng Thư ký Hội Trí thức Yêu Nước Huỳnh Kim Báu được mời dự. Hầu hết ý kiến phát biểu đều phê phán Giáo sư Văn gay gắt, ông Mai Chí Thọ đề nghị: "Bắt!". Ông Báu kể, Võ Văn Kiệt làm thinh, nhưng cặp mắt đăm chiêu. Cuối cùng, ông nói: "Sau khi nghe anh Văn nói, tôi cũng bị sốc, rất sốc. Nhưng rồi suy nghĩ, tôi thấy, anh Văn đã phát biểu rất nghiêm túc. Tôi cho rằng, nếu ba năm nữa mà tình hình không thay đổi thì rõ ràng người ra đi không thể là các anh ấy". Kết luận của ông Kiệt khiến cho mọi người im lặng, và nhờ nó, Giáo sư Nguyễn Trọng Văn đã không bị bắt. Ông Huỳnh Kim Báu

nhớ lại: "Lúc đó, nếu ông Võ Văn Kiệt thiếu bình tĩnh, cứng với anh Văn thì tình hình sẽ diễn biến rất xấu".

Là người có kinh nghiệm với cả hai phía, ông Huỳnh Kim Báu nhận ra vấn đề không phải ai đúng ai sai mà sức chịu đựng của những nhà lãnh đạo đang nắm quyền tuyệt đối trong tay là rất giới hạn. Ông khuyên giáo sư Nguyễn Trọng Văn: "Anh phải kiềm chế, nếu tiếp tục phát biểu như thế, Sáu Dân không đỡ nổi đâu. Tôi không muốn trở thành người phải còng tay anh".

Trước "giải phóng", ông Huỳnh Bửu Sơn là chuyên viên của Ngân hàng Quốc gia. Sau khi bàn giao mười sáu tấn vàng cho cách mạng xong, ông về làm tại ngân hàng Bến Chương Dương. Tại đây, theo quán tính của một công chức chỉnh chu, ông Huỳnh Bửu Sơn vẫn mặc áo sơ mi, quần tây, đôi khi cà-vạt và thường xuyên mang giày đến sở. Điều đó làm cho những vị lãnh đạo ngân hàng từ Bắc vô nhận xét: "Thằng này chưa giác ngộ". Một hôm, ông Huỳnh Bửu Sơn bị gọi lên nói: "Giờ chúng tôi quyết định đưa anh về ngân hàng Củ Chi". Một cảm giác vừa chán chường vừa uất hận dâng nghẹn. Cho dù rất sợ vì chưa biết điều gì sẽ xảy ra nhưng ông Huỳnh Bửu Sơn vẫn nói: "Nếu đưa đi Củ Chi thì tôi nghỉ"[453].

Cuối thập niên 1960, khi vừa tốt nghiệp luật và văn khoa về làm tại Ngân hàng Quốc gia, ông Huỳnh Bửu Sơn được cấp một căn hộ trên đường Bà Huyện Thanh Quan. Năm 1970, khi ngân hàng xây một khu cư xá tại An Phú, Thủ Đức, ông được cấp bán một căn biệt thự xây dựng trên khuôn viên rộng 1.000m. Lương của ông Sơn khi ấy là 200.000 đồng, tương đương với sáu lượng vàng, ngoài ra cán bộ như ông còn được cấp một xe hơi hiệu Ladalat để đi lại. Là chuyên viên, ông không những có thể nuôi vợ con sung túc, mà đến tháng 4-1975, số dư trong tài khoản tiết kiệm của gia đình ông vẫn có hơn hai triệu đồng. Số tiền này đã trở thành giấy lộn sau khi đổi tiền và sau khi chính quyền "đình chỉ vĩnh viễn mười sáu ngân hàng tư nhân".

Để lo cho cuộc sống, cũng như nhiều gia đình khác, vợ chồng ông Huỳnh Bửu Sơn bắt đầu phải bán từ dàn máy nghe băng hiệu Akai, cái tivi, rồi hai chiếc xe gắn máy. Chuyện "ăn tiệm" diễn ra gần như hàng tuần trước đây trở thành cổ tích. Mỗi ngày đi làm, ông Huỳnh Bửu Sơn phải mang theo một lon guigoz cơm độn mì, vợ ông lấy củ hành kho tương với mấy lát khổ qua xắt. Nước mắm khi ấy vô cùng khan hiếm, người dân Sài Gòn phải lấy muối pha với nước rau để làm nước chấm. Nếu

như ông Phan Lạc Phúc đã mất “13 ký mỡ” sau khi chịu cải tạo qua các trại Suối Máu, Long Khánh, Sơn La, thì ở Sài Gòn, ông Huỳnh Bửu Sơn nhớ: “Giải phóng hai năm tôi cũng sụt mất mười ba ký”.

Không chỉ có cuộc sống của những người từng làm việc cho chế độ Sài Gòn như ông Huỳnh Bửu Sơn bị đảo lộn. Sự khốn đốn cũng không buông tha những người chiến thắng. Theo một ủy viên Trung ương Đảng, ông Nguyễn Thành Thơ[454]: “Một hôm, khoảng sáu giờ tối, vợ của một thiếu tướng, vốn là bác sĩ chăm sóc sức khỏe cho tôi khi tôi làm bí thư Chính ủy khu miền Tây, đến đá cửa nhà tôi ầm ầm rồi kêu: ‘Mười Thơ, gạo đâu ăn?’. Tôi chạy ra mở cửa, trước thái độ đói giận của chị, tôi vô nhà vác bao gạo mới được cấp, đem ra để trên xe. Chị cho xe rồ máy chạy về, đến cũng như đi, không có một lời chào hỏi”. Đó là bao gạo duy nhất còn lại trong nhà.

Ông Nguyễn Thành Thơ kể tiếp: “Hai anh em con tôi, sau những ngày ăn bo bo, khoai bắp, hôm có ít gạo nấu nồi cháo, em vào bếp múc tô cháo ăn. Anh vô bếp thấy em ăn, hỏi: ‘Mầy ăn gì?’. Người em lấy mặt che tô cháo. Anh nắm lỗ tai kéo lên: ‘Mầy ăn cháo gạo không chờ ai à?’. Nói xong, liền đẩy đầu em xuống tô cháo. Thằng em, mặt đầy cháo, ngước dậy lấy tô cháo vụt vào mặt anh, trúng mé mắt, máu ra lai láng. Vợ tôi vội chở đến bệnh viện Gia Định cầm máu, may lại. Dọc đường thằng anh nói với mẹ: ‘Đừng đánh em, tại con mấy ngày không được ăn cơm cháo gạo, thấy em ăn cháo gạo không kêu ai nên tức giận, có thái độ không phải với em”.

Mậu dịch quốc doanh

Ông Đỗ Mười đến Sài Gòn năm 1978 không chỉ tổ chức các lực lượng đánh thẳng vào “sào huyệt của giai cấp tư sản” mà còn triệu tập cán bộ dân chính Đảng tới nghe ông nói chuyện về lý luận. Ông Nguyễn Thành Thơ kể: “Anh Kiệt kêu tôi thay anh đi dự nghe”.

Tại hội nghị, theo ông Thơ, "Đỗ Mười nói: 'Ta cải tạo công thương thành quốc doanh, để nắm chặt, tránh cạnh tranh, tránh khủng hoảng thừa thiếu, đảm bảo yêu cầu nhân dân, tránh đầu cơ bóc lột. Về nông sản ta có trạm từ tỉnh, đảm bảo tự túc tự cung từ tỉnh, sản phẩm thừa nhà nước thu mua, có kho chứa và vận chuyển cho nơi thiếu, đảm bảo yêu cầu…'. Mỗi lần nói xong, anh Đỗ Mười nhìn lên mái nhà một lát rồi lại nói tiếp, cứ thế đến sáu giờ tối mới chấm dứt. Tôi nghe giải thích đó là xã

hội chủ nghĩa, là đảm bảo yêu cầu nhân dân, là không bị đầu cơ bóc lột, những cơ chế tôi hoàn toàn không thông, vì quá mới mẻ chưa từng qua cuộc sống".

Theo ông Võ Văn Kiệt: "Sau cải tạo, hệ thống thương nghiệp quốc doanh bắt đầu thay thế các cửa hàng tư nhân. Ngay cả những cửa hàng tư nhân đang làm ăn trước chợ Ông Lãnh, chợ Cầu Muối, cũng phải dẹp bỏ để nhường chỗ cho thương nghiệp quốc doanh đến trưng bảng hiệu". Trước khi cải tạo công thương nghiệp tư doanh, báo chí nhà nước liên tục đổ lỗi cho "gian thương"[455]. Sau ngày cải tạo, các hộ kinh doanh bị chính quyền truy quét triệt để tới cả vỉa hè, nơi trao đổi từng chiếc quạt máy, vài cái đồng hồ mà dân Sài Gòn bắt đầu phải bán đi vì túng quẫn.

Báo chí "cách mạng" gọi những tụ điểm mua bán đồ cũ đó là "những hang ổ của bọn lưu manh trộm cướp, đầu cơ, bọn áp phe buôn lậu, bọn bán hàng giả, hàng ăn cắp của nhà nước, tiêu thụ của cướp giật, là những điểm hội tụ của tất cả những bọn làm ăn bất chính, phá rối trật tự trị an, làm hại đến đời sống nhân dân lao động"[456]. Công an thường xuyên phối hợp với các lực lượng thanh niên bảo vệ, "đồng loạt truy quét bọn lưu manh côn đồ tại mười ba tụ điểm chợ trời lớn trong thành phố, trong đó có xa cảng miền Tây, khu Huỳnh Thúc Kháng-Hàm Nghi-Nguyễn Huệ, khu chợ trời Trần Quốc Toản".

Ông Kiệt không phải chờ quá lâu để chứng kiến những gì mà chủ nghĩa xã hội mang lại cho Sài Gòn. "Toàn Đảng" và không ít người dân đã từng tin vào một tương lai tươi sáng sau khi thực hiện "kế hoạch 5 năm", 1976-1980. Đại hội Đảng lần thứ IV đề ra mục tiêu: "Năm 1980 đạt ít nhất hai mươi mốt triệu tấn lương thực quy thóc, một triệu tấn thịt hơi các loại". Vậy mà thực tế là, ngay trên vựa lúa Đồng Bằng Sông Cửu Long, sau khi "cưỡng bức tập thể hóa", sau khi máy cày, máy kéo của tư nhân bị đưa vào hợp tác xã, tập đoàn đã trở nên tàn phế, mặc kệ các chỉ tiêu Đại hội, sản lượng lương thực, thực phẩm giảm mạnh sau các "năm năm kế hoạch"[457]. Nếu như chỉ có thất bại của chính sách hợp tác hóa, người dân vẫn có thể xoay xở với một lượng lương thực chỉ giảm đi vài trăm nghìn tấn. Nhưng gạo lại để ẩm mốc ở Long An trong khi dân Sài Gòn vẫn đói. Chế độ bao cấp lương thực theo định lượng và chính sách cấm chợ ngăn sông đã trói buộc cả chính quyền lẫn người dân.

Ngay sau ngày 30-4-1975, chính quyền mới nhanh chóng thiết lập một chế độ công hữu các dịch vụ như y tế, giáo dục, biến hàng trăm ngàn thầy cô giáo, y tá,

bác sỹ trở thành công chức ăn lương. Không dừng lại ở mức độ "ưu việt" đó, Bộ Lương thực đã điều hơn 3.000 mậu dịch viên vào Thành phố, thiết lập một hệ thống phân phối gạo bao cấp với hơn 1.000 cửa hàng ở khắp Sài Gòn-Chợ Lớn. Chính quyền dự định cấp sổ gạo cho hơn bốn triệu người dân ở Sài Gòn với mức bình quân chín ký mỗi người với giá lúc đầu là bốn mươi đồng một ký; sau đổi tiền, chỉ còn năm mươi xu một ký, trong khi giá gạo trên thị trường năm 1975 là hai đồng rưỡi. Nhưng niềm hân hoan của người dân Sài Gòn chỉ kéo dài vài tháng.

Cửa hàng lương thực là một trong những điểm tiếp xúc đầu tiên của dân chúng với chế độ. Theo bà Ba Thi, người dân vừa than phiền thái độ hách dịch cửa quyền của mậu dịch viên vừa thất vọng về chất lượng gạo. Lượng người xếp hàng ở mậu dịch đông, trong khi các mậu dịch viên thì thủng thẳng vô sổ, cân đong và ca cẩm. Để mua được đủ tiêu chuẩn gạo, nhiều người phải xếp hàng cả ngày.

Gạo mậu dịch khi ấy được gọi là "gạo tổ", thứ gạo mà trước khi nấu phải đãi sạn và gạo mục, trước khi đãi phải nhặt thóc và bông cỏ. Thế nhưng vì giá bán rẻ hơn rất nhiều so với thị trường, nên những nhà không ăn tới vẫn cho người ra xếp hàng mua hết tiêu chuẩn về cho heo, cho gà ăn, hoặc bán lại. Bà Ba Thi Nguyễn Thị Ráo[458] giải thích: "Nhà nước mua lúa của nông dân với giá rẻ mạt nên người nông dân bán cho tròn bổn phận chứ không hề băn khoăn phải lựa chọn thứ lúa tốt phơi khô, rê sạch. Người ta không nói ra nhưng vẫn thấy nhà nước thật lạ, nông dân làm một nắng hai sương mới ra hột lúa, củ khoai mà thu mua như giựt"[459].

Năm 1978, khi đồng bằng sông Cửu Long mất mùa, Nhà nước phải dùng hàng vạn tấn khoai lang, sắn và hạt lúa mạch, dân tình quen gọi là bo bo để bán ra thay "tiêu chuẩn gạo". Trong tình hình đó, Nghị quyết về "Công tác giá trong tình hình mới" của Bộ chính trị lại "đổ thêm dầu vào lửa" khi quy định giá thu mua lương thực, thực phẩm của nông dân thấp hơn rất nhiều so với giá thành[460]. Tình hình lương thực càng căng thẳng vì không thu mua được. Ngay trên địa bàn Thủ đô, cho dù Ban bí thư đã trực tiếp điện yêu cầu các địa phương đưa gạo về[461], nhưng tháng 3-1978, người dân Hà Nội chỉ mua được 30% gạo trong khẩu phần lương thực; tháng 4-1978, tỷ lệ gạo mua được còn thấp hơn tháng 3. Trong khi đó, các thực phẩm thông thường như rau, đậu phụ, mỡ, cá cũng không đủ để bán theo tem phiếu[462].

Khan hiếm lương thực, thực phẩm và các nhu yếu phẩm bắt đầu tác động mạnh mẽ lên các thị dân, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, công nhân sống dựa vào tem phiếu và những gì được cung cấp ở các cửa hàng mậu dịch. Kể từ đầu thập niên 1960, tại Hà Nội, cán bộ cao cấp có cửa hàng phục vụ riêng tại phố Tôn Đản, cán bộ trung cấp có cửa hàng tại phố Nhà Thờ, Vân Hồ, Đặng Dung và Kim Liên, còn cán bộ, công nhân, viên chức bình thường và nhân dân mua ở các cửa hàng rải rác trong thành phố. Dân tình có thơ: Tôn Đản là chợ vua quan / Vân Hồ là chợ trung gian nịnh thần / Bắc Qua là chợ thương nhân / Vỉa hè là chợ… nhân dân anh hùng!

Những người hưởng chế độ tem phiếu A1, thuộc thứ bậc thấp nhất trong hàng hưởng lương nhà nước, thì mỗi tháng chỉ được ba lạng thịt. Cán bộ, công nhân thường mỗi năm được cấp phiếu mua năm mét vải, mỗi tháng được từ 0,3 đến 0,5 ký thịt, bốn lít dầu… Thường dân thì được mua bốn mét vải một năm. Lao động gián tiếp, làm việc ở văn phòng, mỗi tháng được bán mười lăm ký gạo; giáo viên được mười ba ký; sinh viên được mười bảy ký; còn những người "lao động trực tiếp" như công nhân thì được hai mươi mốt ký gạo. Trong bài văn nộp cho cô giáo, con gái một công nhân làm việc ở Nhà máy Dệt 8-3 ước mơ: "Ngày Tết em mong sao có một nồi cơm trắng và một bát thịt kho".

Mỗi tháng, theo tiêu chuẩn, các gia đình được phân phối thịt. Gọi là thịt nhưng toàn mỡ vụn, bạc nhạc và lại chia làm hai lần nên phải bốc thăm. Ai trúng thì lĩnh trước, không trúng thì chờ đợt sau. "Có bị cân hụt mất cả lạng thì cũng phải cố mà cười. Thịt mang về, rán cho cùng kiệt mỡ, cẩn thận đổ vô liễn rồi mới cho muối, kho mặn chát để ăn dè. Các nhu yếu phẩm khác như xà phòng, mì chính, chất đốt cũng vậy, có khi năm ba tháng liền chỉ được lĩnh vải mà không có xà phòng, có người ở nhà toàn phụ nữ nhưng khi lĩnh đồ lót phân phối thì toàn quần đùi, áo may ô và… dao cạo râu. Trong những ngày chia thịt, ở các khu phố, có không ít tiếng chì chiết của các ông chồng vì vợ bốc không trúng thăm thịt trong khi mùi mỡ cứ bay từ nhà hàng xóm sang"[463].

Trong khi đó, ở Tôn Đản, theo ông Nguyễn Văn Huy, giám đốc Bảo tàng Dân tộc học: "Bố tôi là bộ trưởng Bộ Giáo dục. Ông mất ngay sau khi đất nước được thống nhất, nhưng mẹ tôi vẫn được hưởng chế độ cung cấp như khi bố tôi còn sống. Đại gia đình chúng tôi, mẹ tôi và bốn gia đình anh chị em chúng tôi, cùng chung sống dưới một mái nhà, góp tiền lương ăn chung một nồi… Tất cả chúng tôi đều là những

cán bộ trung cấp, là tiến sỹ, giáo sư, phó viện trưởng hoặc tương đương nhưng tiền lương không đủ để mua hết tiêu chuẩn thực phẩm vốn đã ít ỏi cấp cho một bộ trưởng"[464].

Hơn hai thập niên, người Hà Nội đã phải sống chung với các mậu dịch quốc doanh, các cửa hàng gạo như là một biểu tượng của Hà Nội thời bao cấp: Người dân phải dậy từ nửa đêm để xếp hàng. Người bận quá thì đặt cục gạch, cục đá hay cái nón, cái rổ rá ở đấy để giữ chỗ. Gạo mua về mà ngửi không có mùi mốc là lâng lâng sung sướng.

Ước mơ của người Hà Nội trong thập niên 1970 là một chiếc xe đạp Thống Nhất, một cái quạt tai voi hay một đôi dép nhựa Tiền Phong. Tiêu chuẩn của các cô gái Hà Nội cũng thật là đơn giản: Một yêu anh có may ô / Hai yêu anh có cá khô ăn dần / Ba yêu rửa mặt bằng khăn / Bốn yêu anh có chiếc quần đùi hoa[465]. Một đôi dép nhựa Tiền Phong bán chợ đen thời ấy đủ mua một vé máy bay bao cấp từ miền Nam ra Bắc[466]. Chỉ những người đạt các danh hiệu thi đua mới có thể được phân phối xe đạp. Xe đạp muốn lưu hành cũng phải đăng kí xin cấp giấy chứng nhận sở hữu và biển số xe[467]. Cho đến cuối thập niên 1970, người dân miền Bắc muốn sở hữu radio cũng cần giấy phép[468]. Trong khi nhu cầu hàng hóa để phân phối càng ngày càng tăng, chính sách kinh tế kế hoạch hóa đã làm hoang phế máy móc và triệt tiêu khả năng sản xuất kinh doanh của cơ sở.

Máy bỏ không, công nhân cuốc ruộng

Hầu hết các hãng, nhà máy lớn ở Sài Gòn do có "xuất nhập cảng" nên gần như đã bị quy là "tư sản mại bản" và bị "đánh" vào tháng 9-1975. Những hãng xưởng nhỏ hơn thì từ đó cho tới tháng 3-1978 bị "đánh" hoặc bị "vận động công tư hợp doanh". Điều xót xa hơn, theo ông Vũ Đình Liệu: "Máy móc thu được của các nhà tư sản không những không tiếp tục làm ra của cải mà bị vất vào kho để cho tới khi hư hỏng".

Theo ông Trần Hồng Quân[469]: "Khoảng cuối năm 1978, đầu năm 1979, trung ương nhờ trường Đại học Bách Khoa cho sinh viên vào kho "hiện vật cải tạo", để xem những máy móc trong đó có cái gì còn dùng được. Nhưng sinh viên thì chỉ biết mấy cái máy tiện, máy phay, những máy móc dùng trong công nghiệp nhẹ thì chưa bao giờ được tiếp xúc, nên không thể làm gì. Cuối cùng, trung ương ra lệnh, tháo rã những chiếc máy đó ra, thu hồi những vòng bi làm phụ tùng, còn phần lớn thì dùng

như phế liệu". Đây là những máy móc mà "trước giải phóng" đã giải quyết việc làm cho hàng vạn công nhân và làm ra biết bao của cải cho xã hội.

Không chỉ có "tư liệu sản xuất", nhà cửa của "giai cấp tư sản" đưa vào "quỹ nhà cải tạo" đã được phân chia như chiến lợi phẩm. Theo ông Đỗ Hoàng Hải: "Những căn nhà mà tư sản dùng làm cơ sở thương nghiệp, rất tiện cho việc buôn bán, được chia cho những người lao động. Ngôi nhà đang một chủ, giờ chia ra mỗi hộ giữ một phòng hoặc một tầng lầu, hộ có toa-let thì không có bếp, hộ có bếp thì không có nơi phơi phóng". Không những trong nội bộ 'giai cấp công nhân' bắt đầu tranh chấp, gây gổ với nhau, mà cấu trúc của ngôi nhà cũng bắt đầu bị hủy hoại. Một phần lớn nhà cửa khác được giao lại cho các đơn vị thương nghiệp quốc doanh thì phần lớn bỏ không hoặc sử dụng không hiệu quả.

Các cán bộ miền Bắc cũng được các bộ, ngành điều vào để nắm giữ các nhà máy của tư sản miền Nam. Một trong số họ là ông Nguyễn Quang Lộc. Tháng 9-1975, khi được giao tiếp quản hãng Bột giặt Viso của nhà "tư sản mại bản" Trần Văn khôi, ông Lộc đã đề nghị chính quyền "áp dụng chính sách nhân đạo", hoãn đưa ông Khôi đi cải tạo hai năm để ông Khôi "truyền kinh nghiệm quản lý nhà máy cho Cách mạng". Đây không phải là một may mắn cho ông Trần Văn Khôi, vì năm 1977 ông vẫn phải đi tù ba năm, mà là may mắn cho chính quyền, vì trong hai năm ấy ông Khôi đã giúp những người như ông Lộc khôi phục được phần lớn khả năng hoạt động của nhà máy.

Ông Nguyễn Quang Lộc kể: "Khi tôi vào, ông Khôi nói, mời anh làm giám đốc, tôi đề nghị để tôi làm 'phụ tá' thôi. Rồi tôi nói với công nhân, quý vị yên tâm, ông Khôi dùng được quý vị thì tôi dùng được. Nhưng điều tôi lo nhất là những cán bộ từ miền Bắc vào". Cán bộ miền Bắc, kể cả ông Lộc là kỹ sư, chưa bao giờ nhìn thấy một giây chuyền sản xuất như vậy. Chưa kể, từ miền Bắc thiếu thốn, vào thấy cái gì trong nhà máy cũng có giá, không tránh khỏi thèm thuồng. Thế nhưng, thay vì học hỏi, không ít người lại tự cao, tự đại. Ông Lộc đã phải nói với họ: "Các anh vào đây, chuyên môn chưa làm được thì phải lo mà giữ đạo đức, đừng có đi mót của, người ta khinh mình".

Khác với ông Trần Văn Khôi, tháng 8-1976, khi bà Nguyễn Thị Đồng được Liên hiệp Dệt cử vào "tiếp thu" Tái Thành Kỹ Nghệ thì chủ nhà máy, bà Đoàn Thị Mỹ, đã bị đi cải tạo rồi. Quan điểm của bà Đồng là "phải có chi bộ mới đề ra chủ trương

lãnh đạo nhà máy được". Đảng ủy cấp trên đồng ý cho bà lập một chi bộ có mười ba người do bà làm bí thư.

Bà Nguyễn Thị Đồng kể: "Tôi phân công từng đồng chí đảng viên chịu trách nhiệm từng khâu. Khẩu hiệu là không làm thịt máy chết" - tức là không tháo phụ tùng từ máy cũ sang thay vào máy mới. Tái Thành Kỹ Nghệ sau năm 1975 đã hoạt động cầm chừng. Nhà máy có 130 máy dệt, một máy hồ mới đem về và mười bốn máy nhuộm mà "Cách mạng vô không ráp được". Theo bà Đồng thì những người thợ giỏi đã bị chủ cũ đuổi đi. Từ danh sách những người bị đuổi, bà Đồng mời được năm mươi hai thợ giỏi vào nhà máy, lúc bấy giờ được gọi là Dệt Thành Công, làm việc.

Cũng như ông Nguyễn Quang Lộc, bà Nguyễn Thị Đồng cũng phải dặn các đảng viên: "Nghèo thì nghèo, tuyệt đối không được lạng quạng". Thoạt đầu, bà Đồng phân công các đảng viên làm tổ trưởng. Nhưng vì những người này, theo lời bà Đồng, đều là "bộ đội quăng qua, không có nghề nghiệp gì", nên "tôi phải gọi họ lên làm công tác tư tưởng để họ xuống làm tổ phó cho thợ giỏi lên làm tổ trưởng".

Những năm tháng đầu sau khi tiếp quản, bà Đồng tích cực "phát triển Đảng trong giai cấp công nhân". Bà nói: "Mục tiêu là mỗi tổ sản xuất phải có một đảng viên, tiến tới một 'ca' phải có một chi bộ". Khát vọng khi đó của bà Đồng là xây dựng "mô hình xã hội chủ nghĩa hoàn chỉnh" trên quê hương mình. Bà nói với những công nhân cũ bỏ việc: "Chị nói thật với các em, chị cũng là người miền Nam, ra Bắc ráng học để trở về xây dựng ở miền Nam một xã hội tốt đẹp, cớ gì các em lại bỏ đi". Khi ấy bà Đồng chưa nhận ra rất nhiều khó khăn xuất hiện ở miền Nam là bởi xã hội đang phải đi theo những điều mà những người như bà tin là "tốt đẹp".

Những khó khăn mà bà Đồng và ông Lộc phải đối diện không chỉ là những gì xảy ra ở bên trong. Ông Nguyễn Quang Lộc nhớ lại: "Nhà máy đã bị cơ chế quản lý xé nhỏ, các bộ cắt dọc, địa phương cắt ngang: sáu mươi xe tải của Viso bị bắt bàn giao cho Bộ Giao thông Vận tải quản lý, hai máy phát điện giao Bộ Điện lực, khu liên hợp sản xuất nguyên liệu hóa chất giao cho Tổng cục Hóa chất, dây chuyền đóng gói bột giặt giao cho Bộ Công nghiệp nhẹ". Trước 1975, nhà máy Viso có năm kỹ sư nước ngoài, nguyên liệu thiếu, phụ tùng hết chỉ cần gọi điện ra là người ta đưa sang. Theo ông Lộc: "Cách làm đó ta gọi là lệ thuộc vào ngoại bang nên khi tôi đề

nghị học cách làm của tư sản, tiếp tục hợp tác với nước ngoài không được ai chấp nhận".

Để có thể duy trì hoạt động của nhà máy, ông Nguyễn Quang Lộc đưa những người cũ, giỏi nhất về cơ khí làm quản đốc phân xưởng. Những vị quản đốc cũ này được trả lương cao, hơn hai ngàn đồng một tháng, trong khi lương ông Nguyễn Quang Lộc chỉ có 117 đồng. Ông Lộc kể là khi ông trả lương bậc bảy cho một thợ cơ khí không biết chữ, Vụ Kỹ thuật của Bộ Công nghiệp nhẹ kịch liệt phản đối khiến cho ông đã rất nao núng. Nhưng khi ông muốn làm mấy cái bồn để dự trữ nhiên liệu, kêu thợ bậc bảy ngoài Bắc vào làm không được. Ông đành phải gọi một ông thợ người Hoa, ông thợ người Hoa trả lời: "Ngộ làm được". Ông Lộc hỏi cần điều kiện gì, ông thợ người Hoa nói: "Cho ngộ năm thợ phụ, hai thợ hàn, hai thợ gò, mỗi ngày cho thêm hai bữa phụ bằng xôi và cho mấy két nước ngọt". Rồi chỉ mười lăm ngày sau là dựng được bốn bồn đứng.

Cách mạng đã rất tự tin khi đổi tên Tái Thành Kỹ Nghệ thành nhà máy Dệt Thành Công. Nhưng chỉ chưa đầy hai năm sau, Thành Công đứng trước nguy cơ phải đóng cửa, máy móc để cho tơ nhện giăng. Công nhân một nhà máy có công nghệ dệt hiện đại nhất lúc ấy phải sống bằng cách tận dụng vải vụn, tơ rối để khâu găng tay, nhồi búp bê, đan mũ, đan tất và làm thú nhồi vải vụn. Những công việc bằng tay đó cũng chỉ giải quyết được một phần lao động. Một phần lớn khác, kể cả đội ngũ công nhân dệt lành nghề, kỹ sư, thợ điện đều phải đi gặt thuê ở Long An, mở trại nuôi bò ở Long Thành, xuống Cà Mau làm ruộng, lên Đồng Nai, Sông Bé khai hoang trồng sắn, lập trang trại nuôi bò. Bí thư Dệt Thành Công, bà Nguyễn Thị Đồng, cho biết thêm: "Chủ trương đi sản xuất lương thực là từ Bộ Công nghiệp nhẹ, Liên Hiệp Dệt triển khai. Các ông ấy bị ám ảnh bởi cái đói từ thời chống Pháp".

Không chỉ công nhân trong nhà máy, theo ông Tư Kết Nguyễn Văn Ly, thư ký riêng của ông Mai Chí Thọ: "Mấy ngày sau giải phóng, ông Mai Chí Thọ chuyển từ trường Petrus Ký về cư xá Lữ Gia, ở nhà của Đại tá Đỗ Kiến Nhiễu (đô trưởng Sài Gòn cũ), sau ông thấy bất tiện nên viết giấy kêu tôi sang tiếp quản nhà 21 Duy Tân[470]". Nhà 21 đường Duy Tân vốn là tư dinh của tổng giám đốc hãng Esso, có hồ bơi riêng, có máy phát điện riêng. Khi tình hình khó khăn, ông Tư Kết kể: "Tôi và Mười Lù, bác sỹ riêng của ông Mai Chí Thọ, phải phá vườn bông trồng rau muống còn hồ bơi thì nuôi cá rô phi".

Tư duy "tăng gia sản xuất để tự cung tự cấp" không phải xuất phát từ địa phương mà từ Chỉ thị 306-TTg mà thủ tướng ban hành ngày 18-11-1980. Theo đó, các cơ quan xí nghiệp trong cả nước phải tổ chức cho công nhân viên thay phiên nhau về nông thôn mượn đất của các hợp tác xã để trồng trọt. Kỹ sư, bác sĩ và những công nhân lành nghề bắt đầu được huy động đi vác cày, vác cuốc. Một thành phố như Đà Lạt cũng bị chỉ đạo, thay vì trồng hoa, phải phát triển diện tích trồng khoai sắn.

Cũng có đơn vị không "chấp hành chủ trương" này như nhà máy Bột giặt Viso. Ông Nguyễn Quang Lộc kể: Ông Mười Hương, phó bí thư thường trực hỏi: 'Tại sao mày không đưa người đi trồng lúa để tự túc lương thực?'. Ông Lộc bảo: 'Việc của chúng em không phải là trồng lúa'. Ông Mười Hương: 'Chủ trương của Trung ương là sẽ cắt hai tháng lương thực, không trồng lấy gì ăn?'. Ông Lộc: 'Người ta chỉ công nhân hóa nông dân, không ai nông dân hóa công nhân cả. Làm ruộng cũng là một nghề, không phải làm phong trào'. Ông Mười Hương: 'Tại sao người ta làm được mà mày không làm được?'. Ông Lộc: 'Thưa anh chúng nó lếu láo, lấy xăng dầu đổi sắn, đổi gạo hết chứ không trồng cấy gì ra thóc ra lúa đâu'. Ông Mười Hương: 'Tao không cãi với mày, tao vẫn bảo bên Lương thực cắt hai tháng của Viso đấy'.

Tháo gỡ

Tác giả của mô hình kinh tế này, Tổng Bí thư Lê Duẩn, cũng rơi vào bế tắc. Theo ông Đỗ Phượng, tổng giám đốc Thông tấn xã Việt Nam: "Không ít lần tôi báo cáo thông tin với đồng chí Tổng bí thư, nhưng có lẽ đây là lần đầu tiên tôi thấy anh Ba ngồi yên, nghe mà như không nghe, không hỏi lại mà cũng không ngắt lời"[471]. Khi ông Đỗ Phượng nói "muốn được nghe ý kiến của anh", ông Lê Duẩn đứng dậy, nói bằng một giọng nhẹ nhàng mà ông Đỗ Phượng nói là ông chưa từng nghe bao giờ: "Thế anh bảo Trung ương phải làm gì đây, tôi phải làm gì đây! Các đồng chí lãnh đạo có trách nhiệm bên Đảng và bên chính phủ đều có mặt tại chỗ. Khó khăn thì phải tìm cách tháo gỡ, ngồi mà kêu cực trông chờ ai cứu mình".

Ở cấp địa phương, theo ông Võ Văn Kiệt: "Hàng ngày lãnh đạo Thành phố phải họp để nghe chi tiết thương nghiệp thu mua được mấy tấn thịt, mấy tấn rau mà vẫn không sao làm tốt bằng tư nhân được. Dân kêu: ngay cả khi chiến tranh ác liệt nhất, Sài Gòn vẫn có rau xanh, cá tươi, thịt ngon bán chứ không khan hiếm thế này". Ông Kiệt thừa nhận bản thân ông lúc ấy cũng chưa nhìn thấy nguyên nhân

chính nằm ở chế độ bao cấp vừa được nhanh chóng áp dụng ở miền Nam. Ông nói: "Mình có biết gì về cách mạng xã hội chủ nghĩa đâu, Trung ương bảo làm thì ráng làm. Làm rồi mới thấy không phù hợp". Ông Kiệt cố gắng xoay xở để làm sao có cá, có rau và có thịt. Ông chỉ thị: "Không được để một người dân chết đói".

Thoạt đầu, ông Võ Văn Kiệt dự định "tháo gỡ" từ trên. Theo ông Nguyễn Thành Thơ: "Một hôm anh Kiệt đi công tác Cần Thơ, nghe anh Bảy Máy[472], bộ trưởng Bộ Lương thực, đang đi đôn đốc cất kho trữ lúa, anh Kiệt mời anh Bảy Máy gặp bàn về lưu thông nông sản, chủ yếu là lương thực. Anh Bảy Máy nói: 'Tôi chỉ biết nghe ý kiến chính thống, chớ không nghe ý kiến ai cả'. Anh Kiệt xếp tập sổ lại: 'Hết làm việc rồi'".

Ông Kiệt trở lại Thành phố gặp Sở Lương thực, và khi bà Ba Thi đề xuất để bà chủ động về đồng bằng sông Cửu Long tổ chức thu mua lúa gạo đem về Sài Gòn, ông Kiệt đồng ý. Ngay sáng hôm sau, ông Võ Văn Kiệt cho mời giám đốc Ngân hàng Thành phố, ông Lữ Minh Châu, giám đốc Sở Tài chánh, ông Nguyễn Ngọc Ẩn, chánh Văn phòng Thành ủy, ông Nguyễn Văn Nam và bà Ba Thi đến nhà riêng "ăn sáng".

Sau bữa điểm tâm, ông Kiệt nói: "Hiện nay, dự trữ gạo Thành phố chỉ còn vài ngày. Theo nguyên tắc thì Bộ Lương thực có trách nhiệm cung cấp mỗi tháng bốn mươi đến bốn mươi lăm nghìn tấn gạo nhưng nhiều lắm thì bộ chỉ cung cấp được khoảng ba mươi nghìn tấn thôi. Bộ không có đủ gạo vì dân không muốn bán lúa cho nhà nước theo giá quy định. Sở Lương thực thì không được phép tự ý thu mua với giá thỏa thuận. Người dân Thành phố cũng không thể tự đi mua gạo với giá hợp lý cho nông dân vì không thể vận chuyển gạo ra khỏi tỉnh. Tại sao ta không ráp hai mối này lại?".

Ở thời điểm đó, "ráp" khả năng cung ứng lúa gạo của nông dân với nhu cầu lương thực của thị dân là phạm luật. Theo ông Lữ Minh Châu, nếu bà Ba Thi lấy danh nghĩa Sở Lương thực đi mua thóc thì bà không được quyền mua theo giá thỏa thuận; nếu bà lấy danh nghĩa cá nhân thì bên tài chánh không thể cấp vốn, ngân hàng không thể cho vay; mua được thóc cũng khó mà vận chuyển thóc từ các tỉnh về cũng khó. Ông Châu cho rằng muốn làm được thì phải "xé rào", ông Võ Văn Kiệt lập tức đồng ý.

Một mô hình làm việc ngay buổi sáng hôm đó đã được hình thành: tài chánh cử kế toán đi cùng, ngân hàng cử người mang tiền mặt theo, bà Ba Thi quyết định

mua ở đâu thì kế toán làm giấy tờ, ngân hàng chi tiền. Mô hình có tên gọi là "tổ thu mua lúa gạo" do bà Ba Thi làm tổ trưởng.

Mặc dầu đã được ông Kiệt với tư cách là ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị, bí thư Thành ủy ra "chủ trương" nhưng bà Ba Thi vẫn lo lắng: "Chúng tôi làm được nhưng trung ương biết là đi tù đó". Ông Võ Văn Kiệt nói: "Đừng tham ô thôi, còn nếu chỉ làm thế này mà các anh chị phải đi tù thì tôi đưa cơm!". Rồi đích thân ông Kiệt cùng bà Ba Thi về làm việc với Tỉnh ủy Bạc Liêu và Huyện ủy Giá Rai, thuyết phục các địa phương bán gạo cho Thành phố. Khi ấy, nhiều tỉnh ban hành lệnh cấm mang lúa gạo ra khỏi địa phương. Các trạm kiểm soát được lập trên gần như tất cả mọi tuyến đường, ai đi qua cũng có thể bị khám xét, mua năm bảy ký gạo, đưa ra khỏi huyện, khỏi tỉnh là có thể bị tịch thu. Vì thế có nơi để gạo thóc ẩm mục, phải cho heo gà ăn hoặc làm phân bón, có nơi đói mà không thể lưu thông. Các sở lương thực chỉ có quyền ngồi chờ khoai sắn từ Bộ Lương thực cấp về rồi phân phối.

Để có thể mua được lúa gạo và đưa trót lọt về Sài Gòn, bà Ba Thi vừa phải dựa vào uy của ông Võ Văn Kiệt vừa phải khai thác các mối quan hệ của chính mình. Thời gian đầu, bà phải dùng xe biển số đỏ của Bộ Tư lệnh Thành với bộ đội mang súng đi theo áp tải gạo qua địa bàn các tỉnh.

Cái cách mà bà Ba Thi mua lúa ở miền Tây cũng "du kích" không khác gì phương thức mà bà đã hoạt động ở đồng bằng trước ngày giải phóng[473]. Ông Nguyễn Thành Thơ viết: "Một hôm chị Ba Thi ra Hà Nội tặng quà những ai giúp đỡ chị, quà là năm gói mì ăn liền do nhà máy chị sản xuất. Chị đưa tặng tôi, tôi nói: 'Chị cho tôi biết tôi đã giúp đỡ gì tôi mới dám nhận quà'. Chị nói: 'Bận tôi mua lúa gạo không có anh, nhưng tôi tìm anh, nhờ anh nói các tỉnh, giúp tôi mua lúa gạo dễ dàng, đồng thời một chuyến ghe tôi mua lúa gạo ở Rạch Giá, bị bắt, anh em chạy đến nhờ anh giúp đỡ, anh giúp có kết quả'. Tôi nói: Vậy tôi nhận quà"[474].

Một cán bộ thu mua lương thực của bà Ba Thi, bà Út Hiền, kể: "Ở nông thôn, nông dân cần dầu lửa thắp đèn, cần vải đen may quần áo đi làm ruộng, cần thuốc uống trị bệnh lúc ốm đau. Nhưng, nhiều người cầm xấp tiền mới mà không có gì để mua". Khi đó, mới đổi tiền, 500 đồng tiền chế độ cũ đổi một đồng tiền mới. Mệnh giá đồng tiền quá lớn trong khi hàng hóa không còn. Bà Út Hiền nói tiếp: "Chúng tôi không còn mua gạo bằng đồng tiền nữa"[475].

Bà Ba Thi đề nghị Thành ủy mang hàng hóa về đổi lương thực, thuật ngữ kinh tế khi đó gọi là "hàng hai chiều". Dầu lửa, thuốc tây, vải đen,… bắt đầu được chở xuống. Bà Ba Thi lập ra các điểm thu mua, nông dân mang lúa tới, đổi lấy những tờ phiếu lãnh hàng rồi cầm phiếu này đi nhận dầu, nhận vải, nhận thuốc. Gạo của bà Ba Thi mua về được bán theo giá "đảm bảo kinh doanh": tính đủ chi phí mua lúa, vận chuyển, xay xát, hao hụt. Từ năm 1979, khoảng một triệu rưỡi dân Thành phố đã được mua mỗi người sáu ký gạo mỗi tháng với giá bảy đồng; năm 1982, chín ký mỗi tháng với giá mười hai đồng, rẻ hơn so với gạo của tư nhân cùng loại.

Cùng với những "tháo gỡ" trong việc "thu mua lương thực", cuối năm 1978, đầu năm 1979, ông Võ Văn Kiệt xuống làm việc ở nhà máy dệt Việt Thắng, một nhà máy có hàng ngàn công nhân được trang bị máy móc hiện đại. Thoạt đầu, ông Kiệt đến đây như một nhà lãnh đạo Đảng đến với giai cấp công nhân. Ông muốn chuyến đi của ông đánh tan mối nghi ngờ của một số nhà lãnh đạo lúc đó cho rằng lực lượng công nhân ở những nhà máy do giai cấp tư sản để lại như Việt Thắng đã bị chi phối bởi "công đoàn vàng". Tuy nhiên, sau một tuần làm việc ở nhà máy, ông Võ Văn Kiệt nhận ra điều mà "giai cấp công nhân" cần không phải là "phẩm chất chính trị" mà là công ăn việc làm. Vật tư, nguyên liệu do nhà nước cung cấp theo kế hoạch chỉ đủ cho nhà máy sản xuất được vài ba tháng. Trong khi đó, nhà máy lại không được quyền tự tìm kiếm vật tư nguyên liệu. Phần lớn công nhân phải nghỉ hưởng 70% lương.

Ngoài Việt Thắng, ông Võ Văn Kiệt đã cùng với các ủy viên Thường vụ khác đến làm việc tại mười lăm nhà máy. Từ thực tế đó, Ban Thường vụ Thành ủy đã chủ trương "mở rộng quyền chủ động cho các cơ sở sản xuất", cho xí nghiệp thực hiện "ba phần kế hoạch". Theo đó, ngoài kế hoạch nhà nước giao, xí nghiệp còn được thực hiện kế hoạch 2: khai thác nguồn nguyên liệu từ tận dụng phế liệu, phế thải; kế hoạch 3: liên kết với các xí nghiệp và các địa phương để sản xuất. Thành ủy còn cho phép các xí nghiệp áp dụng chế độ "ba lợi ích", theo đó, ngoài "lợi ích của nhà nước", "lợi ích tập thể", xí nghiệp còn có phần để quan tâm đến "lợi ích của người lao động".

Đồng thời, ông Kiệt cho phép Ủy ban Nhân dân Thành phố mở các kho chứa tài sản thu được từ các chiến dịch cải tạo tư sản ra sử dụng. Thành ủy cũng kiến nghị với trung ương cho phép Thành phố được sử dụng nguồn phế liệu trong các kho do

quân đội và các ngành trung ương quản lý. Đặc biệt, Thành phố kiến nghị để cho các xí nghiệp xuất nhập khẩu được trực tiếp giao dịch với khách hàng sau khi đã hoàn thành chỉ tiêu xuất đại ngạch cho trung ương theo kế hoạch.

Nghị quyết Trung ương 6

Việc dự trữ lương thực của một Thành phố như Sài Gòn có lúc chỉ còn đủ ăn vài ngày đã được ông Võ Văn Kiệt đưa vào chương trình nghị sự của Bộ Chính trị. Cuối năm 1978, không chỉ có Thành phố, hầu như địa phương nào cũng ở trong tình trạng cực kỳ khó khăn. Đầu năm 1979, Ban Bí thư đã tiến hành điều tra thực tế miền Nam. Báo cáo của đoàn kiểm tra là cơ sở để ngày 18-5-1979, Bộ Chính trị ra Thông báo số 10, điều chỉnh một số chỉ tiêu và biện pháp kinh tế hai năm còn lại của "Kế hoạch 5 năm". Thông báo của Bộ Chính trị thừa nhận: "Một số biện pháp tưởng là đúng đắn trước đây tỏ ra không hiệu quả, ngược lại những ý kiến bị quy kết là sai lầm nay cần được lắng nghe và xem xét một cách nghiêm túc". Thông báo số 10 không chỉ ra "những ý kiến bị quy kết sai lầm" bao gồm chuyện thu mua lương thực của Thành phố và chuyện mua đường và đậu phộng giá cao của Long An. Tuy nhiên, nhận xét của Bộ Chính trị đã gỡ bỏ được không ít "án treo", đặc biệt là những cái "án" lơ lửng trên đầu lãnh đạo Long An.

Năm 1977, tỉnh Long An cũng đã mua đường và đậu phộng của nông dân theo giá thị trường rồi bán giá cao tại các cửa hàng thương nghiệp. Phần nghĩa vụ, Long An thay vì nộp theo "giá chỉ đạo" lại đòi Trung ương phải trả theo giá đã thu mua. Trung ương không chịu. Tỉnh đem bán cho Công ty Xuất Nhập khẩu Thành phố Hồ Chí Minh rồi mua hàng công nghiệp về bán lại. Bằng cách đó, Long An không chỉ thu hồi được nguồn tiền bỏ ra thu mua mà còn tích lũy được khá nhiều cho ngân sách. Tuy nhiên, cách làm "trái nguyên tắc" này đã được Bộ Nội thương báo lên chính phủ. Phó Thủ tướng Phạm Hùng đã ra lệnh cho Long An dừng lại.

Tháng 8-1979, Trung ương Đảng họp Hội nghị lần 6. Không còn sự lạc quan, say sưa của ba năm trước đây, Trung ương thừa nhận: "Lẽ ra thắng lợi vĩ đại của sự nghiệp chống Mỹ cứu nước cùng những thắng lợi mấy năm qua phải tạo nên một sự phấn khởi to lớn và một sức vươn lên mãnh liệt của nhân dân lao động. Nhưng sự phấn khởi và sức vươn lên đó đã bị hạn chế và gần đây phát sinh tâm lý bi quan, xao xuyến, thiếu tin tưởng trong một bộ phận dân cư".

Theo chương trình toàn khóa, Hội nghị Trung ương 6 dự định sẽ nghe Chủ nhiệm Ủy Ban Kế hoạch Nguyễn Lam báo cáo về chương trình sản xuất hàng tiêu dùng. Nhưng "tháng 7-1979, khi Bộ Chính trị họp chuẩn bị cho hội nghị trung ương, ông Võ Văn Kiệt đã đề nghị Bộ Chính trị dành thời gian để nghe tình hình kinh tế-xã hội đang khó khăn ở mức đáng báo động trong cả nước. Bộ Chính trị đồng ý, và chỉ trong một thời gian ngắn, Văn phòng Trung ương cùng với Viện Kinh tế Trung ương đã khẩn trương chuẩn bị một văn kiện đưa ra các giải pháp nhằm 'giải quyết những vấn đề cấp bách' của đất nước"[476].

Hội nghị Trung ương 6, tuy vẫn cho rằng có nguyên nhân "kẻ địch lợi dụng tình hình để chống phá", nhưng đã nhận ra nguyên nhân đất nước khó khăn là vì "những khuyết điểm chủ quan"[477] và chủ trương xóa bỏ ngay những chính sách chế độ bất hợp lý, gây trở ngại cho sản xuất, khuyến khích việc phát triển sản xuất, mở rộng "quyền chủ động hợp lý" của các ngành, các địa phương và cơ sở nhằm làm cho sản xuất bung ra để có nhiều hàng hóa cho xã hội. Đặc biệt, Nghị quyết Trung ương 6 cho phép "các địa phương được mua bán với nhau và được quyền quyết định giá".

Ông Võ Văn Kiệt coi Nghị quyết Trung ương 6 là một thắng lợi. Sau hội nghị này, Thành ủy càng đẩy mạnh xé rào trên nhiều mặt. Đại hội Đại biểu Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh lần thứ II, tổ chức tháng 10-1980, được xác định là "Đại hội chấp hành sự chuyển hướng chính sách kinh tế của Ban Chấp hành Trung ương".

Ngày 14-10-1980, trên diễn đàn đại hội có ông Lê Duẩn tham dự, Võ Văn Kiệt đã phê phán "những khuyết điểm của công tác cải tạo công thương nghiệp tại miền Nam" đồng thời chỉ ra "những sai lầm trong chính sách" mà theo ông "đang dẫn đến những nguy cơ triệt tiêu động lực của chế độ làm chủ tập thể". Sau phát biểu này của ông Võ Văn Kiệt, các ý kiến thảo luận trong đại hội đã phân tích thêm: do không nắm được đặc điểm tình hình miền Nam, nhất là Sài Gòn, cải tạo ở miền Nam đã được áp dụng như đã làm ở miền Bắc nên dẫn đến nhiều sai lầm và đã phải trả giá đắt[478].

Bù giá vào lương

Tình trạng kiệt quệ ngân sách và thiếu hụt lương thực nghiêm trọng cuối năm 1979 đã buộc trung ương phải tham chiếu thực tiễn "xé rào" thành công của Thành phố Hồ Chí Minh. Đầu năm 1980, Hội đồng Chính phủ, "dưới ánh sáng Nghị quyết

Trung ương 6", đã ra Quyết định 09-CP, áp dụng chế độ cung ứng lương thực giống như Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, những người nằm trong biên chế Nhà nước tiếp tục được mua giá cung cấp. Những cư dân đô thị khác được mua theo giá tính đủ chi phí.

Tại Long An, ngày 22-9-1980, Ủy ban Tỉnh ra quyết định: "Giá thu mua heo con loại một là 6,5-7,5 đồng/kg thay vì 5 đồng như trước nay". Kết quả, theo ông Bùi Văn Giao, khi ấy là trưởng Ty Thương nghiệp: "Trước đây mậu dịch quốc doanh xuống tận nhà dân truy mua, bắt trói sưng chân, heo bỏ ăn, xuống ký. Áp dụng giá mới, nông dân tự bắt heo bỏ xe chở lên giao cho nhà nước, con heo sống khỏe, thịt heo ngon, các công ty trung ương cũng hoan nghênh Long An". Người đưa ra các sáng kiến cải cách ở Long An là ông Bùi Văn Giao.

Năm 1954, ông Bùi Văn Giao tập kết ra Bắc. Sau khi tốt nghiệp Đại học Thương nghiệp Hà Nội, ông về làm ở Bộ Nội thương, nơi "đẻ" ra tem phiếu. Ông Giao từng làm trưởng Phòng Kế hoạch, từng chứng kiến xe đạp Favorite, vải viện trợ của Thụy Điển bán giá rẻ như cho, chủ yếu là vợ con cán bộ mua rồi mang ra chợ trời bán. Khi về Long An làm trưởng Ty Thương nghiệp, ông Giao kể: "Hết ban ngành, đoàn thể trong tỉnh, đến các đoàn khách đến thăm đều xin mua đồ cung cấp vì giá nhà nước bán rẻ gấp năm, gấp sáu lần thị trường; tôi phải ký duyệt hàng ngàn đơn do Tỉnh ủy, Ủy ban và các ngành chuyển sang".

Thay vì chỉ mua đường, mua thịt theo giá cao, đầu năm 1980, ông Bùi Văn Giao nghiên cứu một bước đi táo bạo: bù giá vào lương. Giá cả năm 1979 đã tăng gấp ba lần so với năm 1976. Chênh lệch giá tem phiếu và giá thị trường cũng rất cao, ví dụ giá cung cấp thịt heo là ba đồng trong khi giá thị trường là 70 đồng/kg. Ông Giao đã lấy chín mặt hàng cung cấp, tính chênh lệch giá giữa tem phiếu và thị trường tự do rồi, thay vì cấp tem phiếu và tổ chức cửa hàng quốc doanh, ông đề nghị trả bằng tiền khoản chênh lệch ấy để viên chức nhà nước tự ra chợ mà mua.

Bí thư Tỉnh ủy Long An lúc bấy giờ là ông Nguyễn Văn Chính, thường được gọi là ông Chín Cần, ủng hộ ông Giao thực hiện đề án táo bạo này. Ngày 26-6-1980, Thường vụ Tỉnh ủy họp. Sau khi nghe Ty Thương Nghiệp trình bày đề án, theo ông Bùi Văn Giao, một đại tá là ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy đập bàn cái rầm: "Ai đề xuất cái này, lập trường đâu?". Một số ủy viên từ miền Bắc và từ các trường đại học ở Đông Âu về cũng phản đối. Hội nghị kéo dài sang ngày hôm sau thì ra được Quyết

định số 03-ĐB về "Biện pháp thực hiện chủ trương mua bán hàng theo giá thỏa thuận".

Sau khi có nghị quyết, ông Chín Cần lên Thành phố gặp ông Nguyễn Văn Linh, khi đó là ủy viên Bộ Chính trị được phân công theo dõi việc thực hiện nghị quyết ở các tỉnh phía Nam. Ông Linh nói: "Vấn đề liên quan đến tiền lương phải báo cáo anh Lê Đức Thọ". Trưởng Ban Tổ chức Lê Đức Thọ nghe xong "cho làm thử". Ông Linh, sau khi nghe báo cáo là đã có ý kiến "anh Sáu Thọ" và cho trợ lý xuống Long An kiểm tra, đã đồng ý cho Long An làm thử.

Tuy nhiên, từ đó cho tới tháng 9-1980, Ủy ban Tỉnh không ra được văn bản nào để triển khai Quyết định 03-ĐB. Theo ông Bùi Văn Giao: "Ông Chín Cần bảo tôi, nếu anh không qua Ủy ban thì không làm được đâu". Tháng 9-1980, ông Giao được đưa qua Ủy ban, làm phó chủ tịch phụ trách phân phối lưu thông. Việc đầu tiên của ông là thảo ra Chỉ thị 31 để thi hành đề án.

Mặt hàng đầu tiên được triển khai bán ra là vải. Trong ngày đầu tiên, theo quán tính, người dân đổ xô, tranh nhau mua. Ông Bùi Văn Giao kể: "Ở huyện Đức Huệ, bí thư Huyện ủy cấm xe của thương nghiệp chở hàng về bán giá cao. Khi thấy dân mua nhiều quá, những người lúc trước không tán thành chủ trương bù giá đề nghị cho ngưng lại. Tôi xin ba ngày. Hôm sau, tôi cho xe chở hàng tới nhiều nơi trong tỉnh bán lưu động. Người dân chợt nhận ra hàng bán với giá như chợ bán, xếp hàng mua làm gì". Khi người dân không còn mua hàng tích trữ nữa, thị trường ổn định trở lại, tỉnh bắt đầu cho giảm giá từ từ. Theo ông Giao: "Chúng tôi không những tiết kiệm được rất nhiều tiền in tem phiếu mà Phòng Tem phiếu có chín người từ đó bắt đầu hết việc làm".

Cũng trong năm 1980, tại An Giang, những hoạt động trao đổi lương thực của bà Ba Thi trong vùng đã như một gợi ý để An Giang thực hiện phương thức "mua cao bán cao" với nông dân. Từ đầu năm 1980, An Giang quy định giá mua phần lúa "vượt mức nghĩa vụ" của nông dân lên sát giá thị trường, đồng thời cũng cho bán phân bón, vật tư theo sát giá thị trường. Đặc biệt, từ năm 1980, An Giang bắt đầu xóa bỏ các trạm kiểm soát hàng hóa. Đến năm 1982 thì tỉnh không những "cấm gây phiền hà cho việc đi lại của nhân dân, phân biệt người buôn bán với nhân dân đi lại có mang theo ít hàng hóa để dùng hoặc để làm quà" mà quyết định ngày 29-

6-1982 của Ủy ban Tỉnh còn "cho phép nhân dân đem lúa gạo ra khỏi tỉnh để bán. Mỗi người mỗi lần được chở không quá hai tấn gạo hoặc ba tấn lúa".

Cắm cờ xé rào

Sau Hội nghị Trung ương 6, trở lại Sài Gòn, nơi bức tường rào cơ chế ghi dấu vết "xé" đầu tiên, ông Võ Văn Kiệt tiếp tục sử dụng ảnh hưởng của một ủy viên dự khuyết Bộ Chính trị thúc đẩy sự bung ra ở cả những xí nghiệp thuộc quyền quản lý của trung ương nhưng đóng trên địa bàn Thành phố.

Ông Kiệt xuống nằm nhiều ngày trong các nhà máy như Bột giặt Viso, Dệt Việt Thắng, Dệt Thành Công, Thuốc lá Vĩnh Hội,… tận mắt nhìn thấy máy móc bị vất lăn lóc, trực tiếp lắng nghe từng kỹ sư, từng người thợ bậc cao nói về cách mà những người chủ cũ của họ đã điều hành những nhà máy này, lắng nghe những ràng buộc mà cơ chế đang trói tay, trói chân các doanh nghiệp. Theo ông Phạm Văn Hùng, thư ký riêng của ông Kiệt: "Những khi ông ở lại nhà máy, chúng tôi phải mang cơm cho ông vì ông không cho nhà máy tiếp đón".

Xuống Viso, ông Võ Văn Kiệt nói: "Không có cuộc chiến tranh nào kết thúc mà bên chiến thắng tiếp quản được một thành phố nguyên vẹn hoàn toàn như Sài Gòn. Những cái khó, ách tắc còn lại chỉ là tự mình gây ra, tự mình trói mình. Chúng ta phải tháo gỡ, tháo không được thì phải chòi đạp". Giám đốc Viso, ông Nguyễn Quang Lộc, nói với ông Kiệt: "Ta phải học cách làm của tư bản thôi. Nếu muốn học tư bản thì không ở đâu tốt hơn Sài Gòn". Ông Nguyễn Văn Kích, khi ấy là trưởng phòng Tổng hợp, Ban Thi đua Thành phố, tháp tùng ông Kiệt xuống các "điển hình", nói: "Đến Viso, ông Kiệt trở nên cởi mở hơn, vì ở những nơi mà ông đi qua, không ai trình bày vấn đề một cách có hệ thống và chỉ ra được những ách tắc và lối ra rõ ràng như ông Lộc".

Được ông Võ Văn Kiệt khích lệ, thay vì đưa công nhân đi cấy lúa, trồng khoai, ông Lộc đã dùng "sức mạnh công nghiệp" làm ra sản phẩm đem đổi "thực phẩm, lương thực" về cho nhà máy. Ông Nguyễn Quang Lộc được coi là người đầu tiên nghĩ ra "tam giác" xuất khẩu: dùng sản phẩm công nghiệp đổi nông sản, dùng nông sản đổi ngoại tệ, dùng ngoại tệ mua nguyên liệu cho công nghiệp. Ông Lộc kể: "Tổng Cục không còn hóa chất cấp cho Viso, tôi đành xuống Minh Hải mua dầu dừa về nấu thành xà bông. Dùng xà bông đó đổi gạo, đổi heo. Tỉnh Minh Hải rất phấn

khởi, họ cấp giấy, rồi lấy cờ Văn Phòng Tỉnh ủy cắm trên xe chở heo, chở gạo để chúng tôi có thể chạy phăng phăng về Thành phố".

Cũng như Viso, Dệt Thành Công không có quyền đi mua sợi về dệt vải, đồng thời không có quyền tự ý đem vải mình dệt đem bán ra thị trường. Nhà nước, thông qua Liên Hiệp Dệt, đầu năm giao kế hoạch rồi giao sợi, nếu sợi ít thì cuối năm rút bớt kế hoạch xuống. Số sợi theo kế hoạch đó dệt được bao nhiêu lại giao cho Liên Hiệp để Liên Hiệp giao lại cho Thương nghiệp. Thương nghiệp dùng vải đó phân phối theo chế độ, trong đó có phần dùng làm hàng trao đổi cho nông dân trên cơ sở nhà nước thu lại nông sản với giá "mua như cướp".

Để thoát ra khỏi cơ chế này, các nhà máy Viso, Dệt Thành Công và Thuốc lá Vĩnh Hội, nơi ông Lê Đình Thụy làm giám đốc, đưa ra sáng kiến tự vay ngoại tệ mua nguyên liệu sản xuất. Sản phẩm làm ra, thay vì giao cho Liên hiệp để bán cho Thương nghiệp, nhà máy tự bán trực tiếp cho các công ty xuất nhập khẩu để thu ngoại tệ. Vấn đề là khi đó chỉ có Vietcombank mới có ngoại tệ, và ngân hàng này chỉ xuất ngoại tệ theo lệnh của chính quyền chứ không có chuyện cho doanh nghiệp nào vay USD cả.

Giám đốc Vietcombank Thành phố Hồ Chí Minh, ông Nguyễn Nhật Hồng, và Giám đốc Sở Ngoại Thương, ông Mười Phi, không phải là những cán bộ quan liêu. Hai ông đã từng quan hệ với giới ngân hàng ở Hong Kong trong thời gian làm kinh tài chuyển tiền mua vũ khí vào Nam. Hiểu cách làm của các giám đốc năng động, hai ông đã cùng với Bí thư Thành ủy Võ Văn Kiệt xuống tận nhà máy để nghe giải trình, và khi ông Võ Văn Kiệt "bật đèn xanh", Vietcombank đã cấp ngoại tệ cho các nhà máy mua nguyên liệu. Sau đó, đích thân ông Võ Văn Kiệt xuống tận các nhà máy "phát động chiến dịch". Báo Sài Gòn Giải Phóng cử người đi theo Bí thư Thành ủy và cho đăng các bài xã luận gọi những hành động "xé rào" này là những "trận đánh táo bạo"[479]. Cứ mỗi lần ông Võ Văn Kiệt xuống các nhà máy "cắm cờ" là lại thêm một đoạn "tường rào cơ chế" được "xé".

Ông Võ Văn Kiệt thừa nhận là lúc ấy ông chỉ nhận ra thực tiễn có điều gì đó thậm sai nhưng không đủ lý luận để tìm ra nguyên nhân. Ông Kiệt chỉ biết số phận chính trị của những giám đốc dám nghe ông "xé rào" còn có một "tròng" nằm trong tay các ban ngành trung ương. Giống như hồi 1973, cứ sau khi đẩy lui được một "thành trì", ông lại cho "cắm cờ' thi đua, khen ngợi. Sự xác nhận của một ủy viên

dự khuyết Bộ Chính trị như ông ít nhiều sẽ làm cho những “đặc phái viên” quan liêu được cử từ Hà Nội vào lúng túng mà chùn tay. Họ không thể “xử trảm” một cách làm ăn mà cấp ủy địa phương đã đóng dấu “điển hình tiên tiến”.

Sau một thời gian làm việc chung với “giai cấp tư sản” miền Nam, ông Nguyễn Quang Lộc cho rằng không phải những người được đưa từ miền Bắc vào dốt hơn, kém khả năng hơn chủ cũ của các nhà máy. Sở dĩ chỉ một thời gian ngắn sau khi tiếp quản, nhà máy đi đến chỗ suy sụp, công nhân đói là vì họ tuân thủ các nguyên tắc mà họ mang từ miền Bắc vào. Ông Lộc nói: “Những người xé rào như chúng tôi không phải giỏi hơn, đơn giản chỉ vì chúng tôi không phản lại thực tế”. Ở Viso, ông Nguyễn Quang Lộc giữ nguyên bộ máy cũ, chỉ sử dụng 2% cán bộ tăng cường từ miền Bắc. Một trong những lý do khiến sáu tháng sau khi ông Lộc nắm Viso, nhà máy khôi phục được mức sản lượng trước ngày “giải phóng” là nhờ ông giữ được 90% thợ kỹ thuật giỏi người Hoa (thời kỳ “nạn kiều” không có ai ở Viso bỏ đi).

Nhưng rồi ông Võ Văn Kiệt sẽ thấm thía ý kiến của Kỹ sư Dương Kích Nhưỡng: “Điều hành một đất nước phải bằng pháp luật chứ không thể bằng nghị quyết và những sáng kiến cá nhân”. Những câu chữ như “bung ra” hay “quyền chủ động hợp lý” không phải là một quy phạm để người thực thi xác định được ranh giới đúng sai; chúng chỉ là những khái niệm mơ hồ, áp dụng tới đâu là tùy thuộc vào ý chí và nhận thức. Hồ sơ tố cáo “xé rào” liên tục được gửi ra Hà Nội. Khi nghe Viso thay vì chờ Bộ cung cấp phụ tùng lại xoay xở tự tìm lấy ngoài thị trường, ông Đỗ Mười, khi ấy là phó thủ tướng, quát: “Bọn này tiếp tay cho gian thương”. Ở nhà máy dệt Thành Công, từ chỗ không có một đồng dính két, từ khoản vay 120.000 USD đầu tiên trong năm 1980, Thành Công lãi được 82.000 USD; năm 1981, tích lũy ngoại tệ của Dệt Thành Công lên đến 1,3 triệu USD. Nhưng như thế là sai phạm. Ông Đỗ Mười ra lệnh thanh tra.

Bí thư nhà máy, bà Nguyễn Thị Đồng, nhớ lại: “Chúng tôi buồn quá, khi mình đang làm giàu được cho nhà nước thì bị nhà nước đòi xử lý”. Theo bà Đồng: “Đầu tiên, một đoàn trên tám mươi cấp tá của công an cả nước vô, nghe tôi trình bày. Ông Kiệt dặn trước: liệu ăn nói thế nào để họ nghe được thì nói, không thì thôi. Nghe lời ông Kiệt dặn, khi họ hỏi những câu chọc tức, khiêu khích, tôi nín thinh hoặc kiếm cách nói sang chuyện khác”.

Với đoàn thanh tra, bà Đồng nói: “Tôi lấy lý luận của Đảng tôi cãi lại. Tôi bảo, các anh không giao sợi, lẽ ra tôi để nhà máy dẹp. Tôi tự xoay xở, nhà nước thu tiền mệt nghỉ sao anh bắt tôi?”. Trưởng đoàn thanh tra hỏi: “Tại sao theo quy định, tiền ăn công nhân là 700 đồng, chị dám chi 1.000?”. Bà Đồng bảo: “Ngoài giờ, lẽ ra người ta ở nhà, tôi bồi dưỡng họ chút ít rồi vận động họ làm thay vì vui chơi với gia đình, họ ăn thêm 300 đồng để làm cho nhà nước chứ có làm cho nhà họ đâu”. Ông Đức nói: “Như vậy là phá rào”. Bà Đồng nói thẳng: “Không phá rào không làm được gì hết”.

Sau khi thanh tra hết sổ sách không những không thấy thâm thủng mà còn thu về nhiều, ông Đức trưởng đoàn thanh tra nói: “Dệt Thành Công ăn nên làm ra như vậy là rất đáng mừng. Nhưng trước khi tôi đi, anh Đỗ Mười dặn: ‘Chú vô Nam, thằng nào phá rào là phải bắt. Chú không bắt được thằng nào, tôi bắt chú’. Chắc chuyến này về tôi để ông Đỗ Mười bắt”. Khi trở ra Hà Nội, Thanh tra Đức đã không bị bắt. Tại thời điểm ấy, không chỉ có Thành phố Hồ Chí Minh xé rào. Ở Côn Đảo, Xí nghiệp Đánh cá Vũng Tàu - Côn Đảo cũng đã thành công khi áp dụng cơ chế ăn chia với từng thuyền, với từng ngư dân như cách mà tư nhân đã làm trước ngày “giải phóng”. Ở miền Bắc, nhà máy Dệt Lụa Nam Định, cũng đã sử dụng công thức “tam giác xuất khẩu” khá thành công để thoát ra khỏi tình hình bế tắc.

Thành công của những “kẻ phá bĩnh” lúc ấy chưa làm cho các nhà hoạch định chính sách đánh giá lại niềm tin của mình vào “tính ưu việt” của nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung. Tuy nhiên, trong một chừng mực nhất định, trung ương bắt đầu công nhận một vài “lỗ thủng” được cơ sở “xé” trên bức tường cơ chế[480].

Khoán chui

Cùng thời gian ấy, trên một “mặt trận” khác, nông dân đã tạo ra một cuộc “đồng khởi” lần hai, xé toạc bức tường rào hợp tác xã. “Đồng khởi” lần một diễn ra ở Vĩnh Phúc từ năm 1966, với chủ trương về sau được gọi là “Khoán Kim Ngọc”. Tuy nhiên, khoán hộ thời Kim Ngọc đã bị dập tắt sau đó hai năm và bức tường rào cơ chế trong nông nghiệp đã “nhốt” nông dân gần hai thập niên sau đó.

Hợp tác xã được các nhà lý luận cộng sản coi là “giai đoạn đầu của chủ nghĩa xã hội”, nên ngay từ tháng 4-1959 tại Hội nghị Trung ương 16, vấn đề “hợp tác hóa” bắt đầu được “nghị quyết hóa”. Việc nông dân phải vào hợp tác xã là không bàn cãi - chỉ có “những phần tử phản động” mới có thể đứng ngoài.

Nói là "hợp tác", nhưng sau khi đưa ruộng đất, trâu bò, cày bừa, mương máng vào, nông dân sẽ trở nên trắng tay, đi tát nước hay đi cày đều theo kế hoạch, có phân công, có chỉ đạo điều hành của ban chủ nhiệm. Lao động của họ được tính thành công và điểm; thu nhập của hợp tác xã sau khi nộp thuế, nộp các nghĩa vụ, trừ chi phí quản lý, sẽ tính theo công điểm để chia cho xã viên. Việc "ăn chia" phải dựa trên định mức do Bộ Nông nghiệp và Ban Nông nghiệp Trung ương hướng dẫn.

Cách tổ chức này khiến cho mỗi người lao động không thấy lợi ích cụ thể của mình, người làm tích cực cũng có số điểm như người chây lười, ỷ lại. Trong khi đó, chủ nhiệm hợp tác xã lên huyện "đánh chén" cũng được tính công, cán bộ hợp tác xã cầm dùi ra gõ kẻng cũng "ăn" hai điểm. Tình trạng gian dối, "dong công, phóng điểm", trở nên phổ biến. Từ thập niên 1960, Bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Phúc, ông Kim Ngọc, nhận ra ban quản trị các hợp tác xã "ăn rồi chỉ có ngồi họp và uống rượu, cả tháng không ra đồng ngày nào, thế mà công điểm lại nhiều hơn tất cả những người nai lưng ra làm ở ngoài đồng?"[481]. Trong khi đó, "nông dân cũng ngồi ở gốc đa để chờ nhau"[482]. Năm 1966, Bí thư Kim Ngọc chấp nhận thí điểm khoán ruộng tới hộ nông dân, kết quả đạt được rất cao, nhưng chính sách này bị ông Trường Chinh phê phán[483]. Ông Kim Ngọc "tự kiểm" và bỏ khoán. Ông tiếp tục làm bí thư Tỉnh ủy cho tới khi về hưu, năm 1978, nhưng chén cơm của người nông dân đã bị vơi đi vì ruộng đất lại phải đưa vào hợp tác[484].

Khoán xuất hiện lần đầu ở Hải Phòng vào năm 1962 trong vài hợp tác xã ở hai huyện Tiên Lãng, An Lão. Thấy phương thức làm ăn này hiệu quả, Bí thư Thành ủy Hải Phòng lúc bấy giờ là ông Huỳnh Hữu Nhân đã đề nghị trung ương cho mở rộng[485]. Tuy nhiên, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, khi đó là trưởng Ban Công tác Nông Thôn, đã không đồng ý vì cho rằng "khoán hộ là con dao hai lưỡi"[486]. Hải Phòng, năm 1974, cũng là nơi đầu tiên khôi phục khoán, nhưng chưa đầy hai năm sau thì bị cấm[487].

Năm 1976, cho dù chịu đói kém, cả xã có tới sáu mươi hộ có người đi ăn xin, nông dân Đoàn Xá, Hải Phòng, đã thà mò cua bắt ốc chứ nhất định không xuống làm ở ruộng hợp tác xã. Sau khi có biểu quyết của 90% cán bộ, xã viên, ngày 10-6-1977, "Ban thường vụ Đảng ủy xã họp phiên bất thường và ra 'nghị quyết miệng', cho phép khoán sản phẩm"[488]. Cả xã nắm chặt tay nhau thề tuyệt đối giữ bí mật để "bảo vệ sự nghiệp và bảo vệ cán bộ". Năm 1978, ở huyện Ứng Hòa, Hà Sơn Bình,

để bảo vệ "khoán chui", chủ nhiệm hợp tác xã Sơn Công đã phải cho gỡ bỏ một số ván trên cây cầu độc đạo dẫn vào xã, sao cho xe cải tiến chở phân, chở lúa của nông dân thì qua được nhưng xe hơi lãnh đạo về thì không qua được.

May mắn cho Đoàn Xá, từ Bí thư Huyện ủy Nguyễn Đình Nhiên, Bí thư Thành ủy Bùi Quang Tạo, Chủ tịch Thành phố Đoàn Duy Thành đều đã cùng "đội nón, xắn quần lội xuống thăm đồng, nói chuyện chia sẻ với nông dân", nên ngày 27-6-1980, Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng đã ra Nghị quyết 24, cho "áp dụng khoán trên 100% đất nông nghiệp"[489]. Toàn bộ nghị quyết này được ông Tạo cho đăng tải trên đài, báo Hải Phòng. Nhiều địa phương miền Bắc đã khăn gói về đây học tập[490]. Nhưng trong Thành ủy Hải Phòng, có bốn ủy viên không đồng ý khoán. Hai tỉnh láng giềng là Hải Hưng và Thái Bình cấm cán bộ nghe theo Hải Phòng. Một cơ quan lý luận của Trung ương đặt vấn đề: "Nếu cứ khoán như thế thì đốt hết sách Marx-Lenin đi à".

Trước tình hình đó, Bí thư Thành ủy Bùi Quang Tạo đã trực tiếp báo cáo với Ban Bí thư Trung ương Đảng. Trong Ban Bí thư chỉ có một nửa tán thành. Ban Nông nghiệp Trung ương, đặc biệt là Trưởng Ban Võ Thúc Đồng, quyết liệt phản đối, coi khoán là "chệch hướng, mất lập trường, mất chủ nghĩa xã hội". Một số cán bộ của Ban ủng hộ khoán đã bị kỷ luật, Vụ trưởng Nguyễn Thái Nguyên bị khai trừ Đảng. Nhưng Hải Phòng vẫn không nao núng. Ở nhiều huyện, nạn đói vẫn còn nghiêm trọng. Ông Bùi Quang Tạo yêu cầu bí thư các huyện tiếp tục triển khai, đồng thời Thành ủy Hải Phòng "tổ chức lực lượng tiến công vào từng thành lũy quan điểm lập trường", từ Tổng Bí thư Lê Duẩn, Chủ tịch nước Trường Chinh, đến Thủ tướng Phạm Văn Đồng.

Một thuận lợi cho Hải Phòng là có khu nghỉ mát Đồ Sơn, nơi các nhà lãnh đạo thường xuyên về nghỉ ngơi hoặc tổ chức hội nghị. Đặc biệt, năm 1962, sau khi từ Trung Quốc trở về, bà Nguyễn Thụy Nga, người vợ miền Nam của ông Lê Duẩn, đã về công tác tại báo Hải Phòng cho đến ngày trở lại Khu IX. Mối quan hệ của ông Lê Duẩn với Hải Phòng, vì thế, còn có cả tình riêng. Tổng Bí thư Lê Duẩn đã nghe Chủ tịch Đoàn Duy Thành "báo cáo tình hình Hải Phòng" trong suốt ba giờ liền: nông nghiệp được báo cáo là sa sút, "người trồng lúa mà không có gạo ăn, lúa chín ngoài đồng mà không ai muốn gặt, vì gặt về mà chẳng được hột nào".

Ông Thành, một người cởi mở và ăn nói trôi chảy, lại rất được ông Lê Duẩn và bà Nguyễn Thụy Nga cảm tình, đã phân tích "nhiều yếu tố không hợp lý của hợp tác xã". Ông Thành còn đọc cho ông Lê Duẩn nghe câu ca dao: "Mỗi người làm việc bằng hai, để cho cán bộ mua đài, mua xe. Mỗi người làm việc bằng ba, để cho chủ nhiệm xây nhà lát sân". Theo ông Đoàn Duy Thành thì ông Duẩn nghe tới đó liền đứng phắt dậy: "Tôi đồng ý! Làm ngay! Làm ngay! Không phải hỏi ai nữa. Cứ làm ngay đi!".

Ngày 2-10-1980, tổng bí thư xuống thăm Hải Phòng, từ Đồ Sơn đến Kiến An, ông thấy quả là trên các thửa ruộng khoán lúa xanh tốt, nông dân phấn khởi, đời sống nhân dân đi lên khác hẳn những nơi còn duy trì lối làm ăn tập thể. Trợ lý tổng bí thư, ông Đậu Ngọc Xuân tháp tùng, gợi ý với Hải Phòng: "Nếu anh Ba đã nói cho phép làm thì phải làm thật nhanh, để đến khi ở trên có ai phản ứng thì ở dưới đã có kết quả thực hiện rồi, lúc đó có ai muốn 'bẻ ghi' cũng không kịp nữa"[491].

Sau khi tổng bí thư ra về, Chủ tịch Đoàn Duy Thành lại đi Hà Nội xin gặp Thủ tướng Phạm Văn Đồng. Ông Thành đã không quên "thưa với thủ tướng" rằng Tổng Bí thư Lê Duẩn đã xuống thăm và "rất ủng hộ khoán". Ngày 12-10-1980, thủ tướng xuống nghỉ mát ở Đồ Sơn, Hải Phòng lại báo cáo, và giọng của Chủ tịch Đoàn Duy Thành lại lâm ly như khi báo cáo với tổng bí thư. Thủ tướng Phạm Văn Đồng xót xa: "Làm lấy cái để ăn mà cũng còn khó như thế đấy". Trước khi rời Đồ Sơn, thủ tướng dặn: "Các đồng chí phải cố sức thuyết phục anh Năm (tức Chủ tịch nước Trường Chinh) để sớm đi tới thống nhất"[492].

Cuộc tiếp cận với "anh Năm" mất nhiều thời gian hơn, không chỉ vì ông là người đã tuyên ngôn chống khoán thời Kim Ngọc. Trường Chinh là một con người làm việc có nguyên tắc, và nguyên tắc quan trọng nhất của ông là chủ nghĩa Marx-Lenin. Theo ông Phan Diễn, khi đó là trợ lý của Chủ tịch Trường Chinh: "Mùa hè năm 1980, bác Thận (tức Trường Chinh) đang nghỉ ở Đồ Sơn. Anh Bùi Quang Tạo ra thăm bác, nhưng chỉ nói qua loa về chuyện khoán hộ, coi như việc làm tự phát ở một vài nơi. Bác Thận biết ý cũng không hỏi sâu thêm". Một cán bộ của Văn phòng Trung ương, ông Hà Nghiệp, khéo léo hé tin với Trường Chinh: "Anh Ba và anh Tô (tức tổng bí thư và thủ tướng) cũng mới xuống xem các cơ sở và tỏ ý đồng tình với khoán". Rồi ông Hà Nghiệp gợi ý với Hải Phòng: "Thành phố nên mời chủ tịch nước

xuống thăm bà con nông dân ở các hợp tác xã có khoán. Tất nhiên phải chọn địa điểm nào thật thuyết phục"[493].

Năm 1981, nhân dịp xuống nghỉ ở Đồ Sơn, Chủ tịch Trường Chinh đồng ý là sẽ "dành nửa tiếng để tiếp lãnh đạo Hải Phòng". Các nhà lãnh đạo Hải Phòng rất lo nhưng quyết định tốt nhất là cứ nói ra sự thật. Bí Thư huyện ủy Đồ Sơn Nguyễn Đình Nhiên, lại bắt đầu bằng câu chuyện "năm mươi, sáu mươi hộ xã viên của Đoàn Xá" đã từng phải đi ăn xin, do đói mà tệ nạn ăn cắp trong nông thôn phát triển. Ông Nhiên thưa với chủ tịch: "Cả gà, cả chó, cả lợn, rồi cả trâu của hợp tác xã người ta cũng giết trộm ngay ngoài đồng để ăn".

Thấy "cụ chau mày", ông Nhiên khá lo nhưng rồi "cụ" bảo tiếp tục, ông nói tiếp: "Thưa Chủ tịch, lên quy mô lớn còn có cái tệ nữa là chè chén ghê lắm. Cái gì cũng liên hoan. Chỉ xây dựng một cái cống con chừng độ bốn, năm mét mà cũng phải có khai mạc, bế mạc. Chẳng qua là để đánh chén thôi. Ngày tổ chức đặt vòng cũng đánh chén! Cán bộ đánh chén như thế thì dân đói là phải"[494]. Người thư ký nhắc nhở giờ, nhưng Chủ Tịch Trường Chinh vẫn cho tiếp tục. Thay vì nửa giờ, hôm đó nhà lãnh đạo vào hàng kiên định nhất của Đảng này đã nghe nói về "xé rào" hết hơn một giờ rưỡi.

Trước đó, tháng 8-1980, ông Lê Thanh Nghị, khi ấy làm thường trực Ban Bí thư, tổ chức một cuộc họp, mời ông Lê Duẩn cùng bốn bí thư tỉnh ủy: Trương Kiện, bí thư Nghệ Tĩnh, Hoàng Văn Hiều, bí thư Thanh Hoá, Bùi Quang Tạo, bí thư Hải Phòng, Ngô Duy Đông, bí thư Hải Hưng, bàn về hợp tác xã.

Theo ông Trần Đức Nguyên, thư ký của ông Lê Thanh Nghị: Buổi sáng hội nghị nghe Ban Nông nghiệp trình bày một bản đề án mà trước đó ông Nghị đã cho là "không thoát khỏi tư duy cũ". Đầu giờ chiều, Văn phòng Trung ương gửi tới những người dự hội nghị bản kiến nghị khoảng ba trang do một chuyên viên, ông Nguyễn Minh Chương, tranh thủ viết trong buổi trưa, nêu hai vấn đề: 1-Tổ chức lại các hợp tác xã quá to theo quy mô hợp lý, phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế, kỹ thuật và trình độ cán bộ. 2- Cho hợp tác xã khoán sản phẩm cuối cùng đến nhóm lao động và đến người lao động.

Hội nghị đã thảo luận sôi nổi, đa số tán thành kiến nghị này. Ông Lê Duẩn nói: "Thêm vấn đề huyện vào đây nữa". Còn ông Ngô Duy Đông thì bác bỏ thẳng thừng: "Nếu có thể dùng dây thép gai rào lại để ngăn việc khoán sản phẩm ở Hải Phòng

không tràn được sang Hải Hưng thì tốn mấy tôi cũng làm". Trưởng Ban Nông nghiệp Trung ương Võ Thúc Đồng không phát biểu gì. Nhưng một phó ban của ông Đồng là ông Nguyễn Công Huế nói sau cùng: "Nếu khoán theo kiểu này, thì ba năm nữa, nước ta phải làm lại cuộc cải cách ruộng đất lần thứ hai!".

Ngay sau cuộc họp này, Thông báo 22, đã được ông Lê Thanh Nghị ký vào ngày 14-8-1980, cho phép: "khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động trong hợp tác xã". Do có khoảng cách với quan điểm của Ban Nông nghiệp Trung ương, theo ông Đinh Văn Niệm: "Thông báo này không được đăng báo, không được phát hành xuống cơ sở; tuy nhiên, nó cứ được truyền tay mà lan ra".

Từ ngày 27 đến 29-10-1980, tại Côn Sơn, ông Hoàng Tùng, bí thư Trung ương Đảng kiêm tổng biên tập báo Nhân Dân, đã lấy uy báo Đảng tổ chức một cuộc hội thảo với sự tham gia của gần 100 đại biểu, gồm lãnh đạo các tỉnh, những người chủ chốt trong ngành nông nghiệp, các nhà nghiên cứu, đại diện của các viện khoa học và đại điện của nhiều tờ báo lớn. Theo ông Hoàng Tùng, tại hội thảo này, Trưởng Ban Nông nghiệp Trung ương Võ Thúc Đồng tiếp tục chống lại chủ trương khoán. Phát biểu trước Hội nghị Côn Sơn, ông Đồng tuyên bố: "Học tập Đoàn Xá tức là học tập những kẻ ăn mày, lười biếng". Nhưng ý kiến của ông Đồng đã khá lạc lõng, vì ông Hoàng Tùng đã bố trí để cho tiếng nói ủng hộ khoán trở nên áp đảo trong Hội nghị.

Tiếp theo đó, ông Võ Chí Công chủ trì một hội nghị về khoán ngay tại Đồ Sơn. Theo ông Đinh Văn Niệm thì ông Ngô Duy Đông đã không cho Hải Hưng sang, nhiều tỉnh đến Hội nghị Đồ Sơn phải đi chui. Ông Võ Chí Công là người mà trước khi khoán được đưa ra công khai bàn đã từng phê phán phương thức khoán việc quan liêu. Ông nói: "Khoán việc có phải là cái bàn thờ đâu mà ta không dám đụng đến". Ông cũng là người đã từng khuyến khích ông Hoàng Quy, người kế nhiệm ông Kim Ngọc làm bí thư Tỉnh ủy Vĩnh Phú, tổ chức thí điểm mô hình khoán ở huyện Vĩnh Tường[495]. Theo ông Đinh Văn Niệm, "anh Năm" nói với anh Hoàng Quy: "Biểu cứ làm đi, thành công thì cho phát triển ra toàn tỉnh. Các đồng chí đừng sợ chi hết. Nếu khoán có làm cho trời sập thì tôi cũng xin chịu trách nhiệm". Sau đó, ông Võ Chí Công xuống Hải Phòng thăm gặp Bí thư Đồ Sơn Nguyễn Đình Nhiên và Bí thư Thành ủy Bùi Văn Tạo. Khi trở về, ông báo cáo tình hình lên Ban Bí thư.

Tại Hội nghị Đồ Sơn, Võ Chí Công đã nói “tay vo” trong vòng ba mươi phút. Ông nhấn mạnh: "Ta áp đặt cách làm dẫn tới các hợp tác xã thiếu ăn, có nơi đói trầm trọng. Dân đói quá phải tìm cách có được cơm no áo ấm thì ta lại cấm để dân phải “chui”, bắt dân trở lại với khoán việc, với cái đã làm dân đói. Chiến tranh cũng như hòa bình, lãnh đạo mà quan liêu, xa dân, không lắng nghe dân, quen từ trên áp đặt chủ trương thì chỉ làm cho dân đau khổ"[496]. Bài phát biểu của ông Công được Đài Hải Phòng ghi âm, phát thanh, sau đó được các địa phương xin sang băng đưa về địa phương mình phát lại. Ở Hội nghị Đồ Sơn, ông Võ Chí Công được mô tả như một vị tướng phát lệnh cho nông dân “đồng khởi”.

Hơn một tháng sau, tại Hội nghị Trung ương 9, ngày 10-12-1980, Tổng Bí thư Lê Duẩn thay mặt Bộ Chính trị kết luận: “Việc làm thử cách khoán mới trong hợp tác xã nông nghiệp của miền Bắc… có tác dụng tốt…, phong trào lao động sản xuất bắt đầu có khí thế. Tình trạng trì trệ trong sản xuất bắt đầu chuyển biến theo hướng tốt”[497]. Trong khi đó, theo ông Trần Đức Nguyên, Văn Phòng Trung ương thấy rằng, vì khoán chỉ mới được nêu trong Thông báo 22 - một văn bản không có tính bắt buộc - nên có nhiều địa phương vẫn không thi hành. Ông Vũ Quang[498] đã thúc đẩy để khoán được xác định trong một văn bản có tính ràng buộc hơn.

Sau Hội nghị Trung ương 9, Ban Bí thư đã ra “Chỉ thị 100” về khoán. Tuy nhiên, trong Đảng lúc ấy nhiều người còn băn khoăn. Chủ tịch Trường Chinh tuy trong lòng đã ủng hộ nhưng vẫn còn lo “mất chủ nghĩa xã hội ở nông thôn”. Trưởng Ban Tổ chức Lê Đức Thọ thì chấp nhận khoán vì cho rằng đây chỉ là “một bước lùi để tiến”. Chỉ thị 100 vì thế vẫn phải né tránh từ “khoán hộ” mà Kim Ngọc đã dùng bằng khái niệm “khoán đến nhóm lao động và lao động”.

Theo ông Đinh Văn Niệm: “Khi được Ban Bí thư giao soạn thảo Chỉ thị 100, anh Năm đòi chỉ ‘khoán hộ’ hoặc ‘người lao động’ thôi. Nhưng ông Nghị không đồng ý, hai ông rất căng với nhau. Về sau, do không thể kéo dài thời gian ban hành Chỉ thị 100, anh Năm thỏa hiệp, để ngày 13-1-1981, ông Lê Thanh Nghị ký cho ‘mở rộng khoán sản phẩm đến nhóm lao động và người lao động’. Tuy nhiên, anh Năm bảo lưu ý kiến là không có nhóm”.

Mặc dù không phản đối Chỉ thị 100 nhưng Trường Chinh vẫn tỏ ra rất thận trọng. Đầu năm 1981, ông xuống Hải Hưng. Theo ông Nguyễn Thái Nguyên, người được Ban Nông nghiệp Trung ương cử tháp tùng ông Trường Chinh: Bí thư Hải Hưng

Ngô Duy Đông là một người chống khoán, ông cố tình đưa Trường Chinh tới những mảnh ruộng bị chia nhỏ cho xã viên bằng những cành phi lau cắm làm ranh giới và nói: "Xã hội chủ nghĩa thế này thì còn manh mún hơn xưa". Ông Trường Chinh lo lắng lắm. Khi về, ông nói với thư ký Phan Diễn và ông Nguyễn Thái Nguyên: "Lần tới, bác cháu ta lên Vĩnh Phú xem Hoàng Quy khoán thế nào".

"Đi Vĩnh Phú thì chết", Thái Nguyên bàn với Phan Diễn là nên vận động phu nhân Trường Chinh để thay vì đi Vĩnh Phú ông đến Hà Nam Ninh. Khi ấy đã giáp tết, ông Trường Chinh đồng ý về Hà Nam Ninh, nhân thể thăm quê. Đến huyện Xuân Thủy, tỉnh bố trí để ông ở nhà khách, nhưng Trường Chinh đã về ngủ đêm ở xã Xuân Hồng.

Đêm ấy, theo ông Nguyễn Thái Nguyên, người dân kéo đến rất đông, ai cũng xưng là cháu Trường Chinh nên bảo vệ không thể nào ngăn cản. Mấy người bà con của Trường Chinh "vô tư" khoe: "Bác ạ, nhờ giải tán hợp tác xã, khoán ruộng mà chúng cháu không còn đói nữa". Thái Nguyên nghe sợ quá nói với Phan Diễn: "Gay rồi". Phan Diễn cũng sợ, nhưng không ngờ, nhờ những lời nói thật của những người cậy thế cháu chắt ấy mà sáng hôm sau, thay vì trở lại Xuân Thủy, ông Trường Chinh triệu tập một cuộc nói chuyện ở xã Xuân Hồng. Tại đây, lần đầu tiên ông nhắc đến Chỉ thị 100 và công khai ủng hộ khoán.

Năm 1982, khi trở thành phó chủ tịch trường trực Hội Đồng Bộ trưởng, ông Tố Hữu xuống thăm và tặng Hải Phòng mấy câu thơ: "Bốn cống ba cầu, năm cửa ô / Đào sông lấn biển dựng cơ đồ". Người dân Hải Phòng lập tức họa lại: "Có cống có cầu lại có ô / Phi thương bất phú dựng cơ đồ".

Ông Kiệt xé rào, ông Linh lãnh đạn

Việc "xé rào" mà ông Võ Văn Kiệt cho làm ở Thành phố Hồ Chí Minh quả là có gây tiếng vang, nhưng đồng thời cũng bị một số người quy kết là "đi chệch mục tiêu xã hội chủ nghĩa". Theo ông Võ Văn Kiệt, điều đó khiến ông Lê Đức Thọ lo lắng.

Ở Đại hội lần thứ IV, năm 1976, ông Võ Văn Kiệt được đưa vào Bộ Chính trị với vai trò ủy viên dự khuyết cùng với hai nhân vật khác là Tố Hữu và Đỗ Mười. Cả ba được chuẩn bị để trở thành lực lượng kế cận trong thập niên tiếp theo. Ông Võ Văn Kiệt kể: "Anh Sáu Thọ muốn đưa ngay tôi ra Trung ương. Anh Ba Lê Duẩn nói cứ để Kiệt làm ở Thành phố, làm được ở Thành phố rồi thì giữ cương vị gì cũng được.

Nhưng anh Sáu Thọ nói cũng phải tập và cũng phải cho va chạm. Về sau, tôi biết thêm là anh Sáu Thọ sợ tôi sa lầy bởi vụ xé rào”[499].

Tháng 3-1982, sau Đại hội Đảng lần thứ V, cả ba ông Võ Văn Kiệt, Tố Hữu, Đỗ Mười đều trở thành ủy viên chính thức Bộ Chính trị, cùng với hai ủy viên mới là Tướng Lê Đức Anh, tư lệnh Quân Tình nguyện Việt Nam tại Campuchia, và Nguyễn Đức Tâm, trưởng Ban Tổ chức. Hai nhân vật bị đưa ra khỏi Bộ Chính trị trong thời gian này là ông Nguyễn Văn Linh và Tướng Giáp. Sau đại hội, ông Kiệt ra Hà Nội giữ chức phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng kiêm chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, ông Linh được điều trở lại Thành phố làm bí thư.

Đúng như Lê Đức Thọ dự đoán, ngay trong Đại hội V, thực tiễn xé rào ở Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh miền Nam chỉ nhận được rất ít hoan nghênh, trong khi lại bị rất nhiều nơi phê phán. Ông Phạm Văn Hùng, thư ký của đoàn đại biểu Thành phố tại Đại hội V, kể: “Tôi đi dự các phiên họp, nghe thư ký các đoàn phản ánh, thấy các đoàn tuy có đánh giá mặt tích cực của “bung ra”, nhưng những tín hiệu này không những không được nâng niu, mà mặt trái của nó đã bị phê phán vô cùng gay gắt”. Đại hội V vì thế lúc đầu định bỏ chế độ hai giá trong “lưu thông phân phối”, cuối cùng vẫn phải duy trì. Nghị quyết đại hội tuy có ‘chống tập trung quan liêu bao cấp” nhưng cũng đã nhấn mạnh chống “tùy tiện, vô tổ chức vô kỷ luật” hơn. Theo ông Phạm văn Hùng: “Cuộc đấu tranh trong Đảng là vô cùng phức tạp”.

Nửa năm sau, ngày 10-8-1982, Bộ Chính trị vào làm việc với ban lãnh đạo mới của Thành phố Hồ Chí Minh. Ngay trên máy bay chuyên cơ, theo nhà báo Hữu Thọ, Tố Hữu nói: “Chưa tới Tân Sân Nhất đã ngửi thấy mùi Nam Tư”[500]. Tại phiên họp ở “Hội trường 10” cơ sở tại Thành phố Hồ Chí Minh của Văn phòng Trung ương (T78), kéo dài đến hết ngày 19-8-1982, chính các nhà lãnh đạo từng ủng hộ “xé rào” trong nông nghiệp ở Đồ Sơn đã phê phán gay gắt tình trạng bung ra trong Thành phố. Nghị quyết của Bộ Chính trị tại đợt làm việc này, được gọi là “Nghị quyết 01”, đánh giá: “Những nhận định về cách mạng xã hội chủ nghĩa, về thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội chưa thật rõ và có phần buông lơi chuyên chính vô sản trên mặt trận phân phối lưu thông, mặt trận nóng bỏng nhất trong cuộc đấu tranh giữa ta với tư sản thương nghiệp và các thế lực chống đối khác”.

Tổng Bí thư Lê Duẩn và Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng đã chủ trì cuộc “làm việc” này, và ông Nguyễn Văn Linh, vừa mới về làm bí thư, là người “chịu

trận". Nhà báo Hữu Thọ, người có mặt ở Hội trường 10 trong phiên họp này, nhớ lại: "Ông Lê Duẩn nói: bí thư nên từ chức, chủ tịch cũng không nên làm nữa!". Theo ông Trần Đức Nguyên, chuyên viên có mặt trong phiên họp, bị phê bình quá căng, ông Nguyễn Văn Linh nói: "Tôi về thì tình hình đã như thế này rồi".

Ông Nguyễn Thành Thơ, người vừa bị Lê Đức Thọ loại ra khỏi Ban Chấp hành Trung ương Khóa V, là một trong rất ít người khi ấy đến chia sẻ với ông Nguyễn Văn Linh. Thấy ông Mười Thơ và ông Năm Vận tới thăm, "anh Nguyễn Văn Linh rất mừng". Hôm ấy, ông Nguyễn Văn Linh đã thuật lại cho ông Mười Thơ và ông Năm Vận nghe về cuộc làm việc tại Sài Gòn của Bộ Chính trị. Ông Linh nói: "Trước một số tình hình, anh Đồng không ngồi, đi giày lọc cọc quanh bàn họp nói: 'Phá hoại, phá hoại, từ chức, từ chức'. Tôi giận quá muốn nói: 'Làm cho nền kinh tế đất nước suy sụp thế này lẽ ra tổng bí thư và thủ tướng phải từ chức'. Nhưng vừa mới nhóng lên, thấy thành phần hội nghị có bộ trưởng, thứ trưởng rất phức tạp, đành ngồi dựa ghế lặng im, hút thuốc hết điếu này đến điếu khác. Chiều tôi cử đồng chí trưởng Ban kinh tế Thành ủy trình bày, đồng chí này trình bày được"[501]. Trưởng ban Kinh tế Thành ủy khi ấy là ông Nguyễn Ngọc Ẩn[502]. Ông Nguyễn Văn Linh kể: "Năm Ẩn nói xong, thấy các anh há hốc, chứng tỏ họ không hiểu gì thực tế"[503].

Nghị quyết 01, ban hành sau phiên họp này của Bộ Chính trị, được công bố vào ngày 14-9-1982, tuy cho rằng Thành phố "buông lỏng chuyên chính vô sản trên mặt trận lưu thông phân phối" nhưng đã không đòi phải xử lý cụ thể những gì. Tuy vẫn khẳng định rằng "trong chặng đường đầu của thời kỳ quá độ phải hoàn thành cơ bản về cải tạo xã hội chủ nghĩa", nghị quyết vẫn nhấn mạnh "kết hợp chặt chẽ cải tạo và xây dựng, xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa và lực lượng sản xuất mới".

Như một động thái chính trị nhằm triển khai Nghị quyết 01 của Bộ Chính trị, ngày 30-9-1982, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh họp, dưới sự chủ trì của Bí thư Thành ủy Nguyễn Văn Linh, phân tích nguyên nhân của tình trạng tăng giá, buôn lậu, trốn thuế… không thể ngăn chặn là do "Thành phố còn tồn tại năm thành phần kinh tế". Nghị quyết 17, ngày 30-9-1982, của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh cho rằng: "Chuyên chính vô sản trên mặt trận phân phối lưu thông là mặt trận nóng bỏng nhất trong cuộc đấu tranh giữa ta và tư sản thương nghiệp và các lực lượng chống đối khác".

Năm tháng sau, ngày 4-3-1983, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh ra tiếp Nghị quyết 19, đòi: "Tiếp tục cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh… triệt để xóa bỏ tư sản thương nghiệp, từng bước cải tạo các tầng lớp tư thương… Truy mua toàn bộ phương tiện của tư sản kinh doanh ngành vận tải, nhất là phương tiện vận tải chuyên dùng"[504].

Nghị quyết 17 và 19 có thể dùng để bổ sung vào nhận xét ông Nguyễn Văn Linh "không phải là người chống cải tạo tư sản"[505]. Tuy nhiên, đây là một thời điểm mà không khí cải tạo đang được tái lập. Tháng 12-1982, Ban Chấp hành Trung ương ra Nghị quyết 03, yêu cầu: "Lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa, trước hết trong nội bộ kinh tế quốc doanh và cơ quan nhà nước". Sau khi Nghị quyết 01 phê phán "chuyên chính vô sản bị buông lỏng" ở Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21-1-1983, Bộ chính trị làm việc với Hà Nội, lại ra Nghị quyết 08, phê phán gay gắt hiện tượng xé rào và yêu cầu Hà Nội "mau chóng xiết chặt kỷ cương của nền kinh tế xã hội chủ nghĩa".

Đầu tháng 5-1983, nhiều địa phương miền Bắc nhận được một "điện mật" của Trung ương chỉ thị thi hành một chiến dịch mang mật danh "Z-30". Theo đó, chính quyền được phép "tiến hành điều tra, khám xét" những gia đình được gọi là có "tài sản bất minh". Chỉ thị "Z-30" gần như chỉ được tiến hành ở Hà Nội[506]. Tại đây, những gia đình có nhà mới xây từ hai tầng trở lên, hoặc những gia đình mà xóm giềng tố cáo có vẻ giàu có, khá giả, đều bị đưa vào diện nghi vấn "làm ăn bất chính". Hàng trăm ngôi nhà đã bị khám xét, một số nhà được gọi là bất minh đã bị tịch thu. Năm 1983, người Hà Nội nói thơ: "Ti vi, tủ lạnh, Honda / Có ba thứ ấy khám nhà như chơi"[507].

Ở Nam Định, khi công an lập một danh sách 200 hộ có "tài sản bất minh" cần kiểm tra, ông Nguyễn Văn An, khi ấy là bí thư Tỉnh ủy Hà Nam, đã cho ngăn lại. Theo ông Nguyễn Văn An, khi ấy ở Hà Nội ông thấy "có gia đình cả nhà thắt khăn tang khi bị tống lên xe, kêu khóc ầm ĩ". Bí thư Thành ủy Hải Phòng lúc bấy giờ là ông Đoàn Duy Thành nhận ông là người đầu tiên và duy nhất lên Trung ương "phản đối chiến dịch Z-30".

"Ai thắng ai"

Đường lối đi lên "sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa" của Đại hội IV chủ yếu được hình thành trong thời gian ông Lê Duẩn cùng nhóm giúp việc "thả mình tư duy" trên bãi tắm Đồ Sơn, trước lâu đài Vạn Hoa. Nhà nghiên cứu Đặng Phong đã dùng

khoảng cách một "kế hoạch 5 năm" để "đo" quãng đường từ Vạn Hoa xuống những cánh đồng Đoàn Xá. Chính vì sự nôn nóng "sản xuất lớn", dồn hợp tác xã ngày một to ra, mà người dân Đoàn Xá, Đồ Sơn, ở cách đó không bao xa, đã phải đi ăn xin. Chỉ khi tự "xé" bỏ con đường duy ý chí ấy, nông dân mới bắt đầu hết đói.

Lẽ ra, Đoàn Xá phải được nghiên cứu như một điển hình về quy trình ban hành chính sách. Cấp ủy xã đã chỉ ra "nghị quyết khoán" khi có 90% dân chúng yêu cầu. Khi không được cấp thẻ Đảng vào đúng ngày thành lập Đảng 3-2, Bí thư Phạm Hồng Thưởng đã nói với các đảng viên của ông: "Bây giờ cái cấp bách là cuộc sống của dân chứ chưa phải là thẻ đảng. Có thẻ đảng mà dân đói thì mang thẻ đảng càng thêm xấu hổ. Cứ làm sao lo cho hợp tác xã lên, đấy mới là cái thẻ quý nhất"[508].

Không phải đợi đến năm 1980, khi nghe báo cáo của Hải Phòng, Tổng Bí thư Lê Duẩn mới biết vai trò khoán hộ. Theo ông Trần Phương, người năm 1968 là trợ lý của ông Lê Duẩn: Buổi sáng mà tạp chí Học Tập cho đăng bài của ông Trường Chinh phê phán Kim Ngọc, ông Lê Duẩn đã bước vào phòng của những người giúp việc ở Nhà khách Tây Hồ, "ném tờ Học Tập xuống bàn" với nét mặt không vui. Sau đó, theo ông Đậu Ngọc Xuân, ông Lê Duẩn đã xuống Vĩnh Phú để thăm và an ủi ông Kim Ngọc. Khi nói chuyện với Kim Ngọc, Lê Duẩn đã hết sức phân vân trước thực tế nông dân đã được nuôi sống chủ yếu bằng 5% đất được chia chứ không phải 95% đất bị đưa vào hợp tác xã.

Khi kể lại câu chuyện này, những người thân cận của ông Lê Duẩn muốn đưa ra những ví dụ cho thấy "Anh Ba" của họ đã không phê phán Kim Ngọc như ông Trường Chinh. Nhưng điều này cũng cho thấy là từ năm 1968, ông Lê Duẩn đã biết hạn chế của cơ chế "cha chung" khi dồn ruộng của nông dân vào hợp tác. Vậy mà đến năm 1976, khi lựa chọn đường lối kinh tế, ông vẫn đẩy hợp tác xã lên một quy mô lớn hơn, và hậu quả gây ra đã nghiêm trọng hơn thời gian trước đó.

May mà cho dù các nhà hoạch định chính sách cứ loay hoay "giữa hai con đường" và cứ đắm mình trong những "cuộc đấu tranh", người dân chỉ có một con đường là phải tự thoát ra mà kiếm sống. Sự thay đổi của Việt Nam không bắt đầu từ một cá nhân, cũng không phải bắt đầu từ một luồng tư duy. Khi nền kinh tế xuống tận đáy và cuộc sống của nhân dân bị dồn vào chân tường, người dân đã buộc chính quyền xoay xở. Công cuộc phá bỏ cơ chế kế hoạch hóa tập trung của

Việt Nam thành công cũng một phần nhờ viện trợ Liên Xô đã chưa bao giờ đủ nhiều để xóa sạch kinh tế tư nhân ở cả hai miền Nam - Bắc.

Quan trọng hơn, cuộc chiến tranh được nói là "giải phóng miền Nam" đã nối nền kinh tế bị nhốt kín suốt hai mươi năm của miền Bắc với nền kinh tế thị trường ở miền Nam. Cuộc "Bắc tiến" ngoạn mục của những chiếc quạt bàn, tủ lạnh, xe máy Honda đã phần nào giải phóng tư duy cho chính những người đã lãnh đạo chiến tranh. Phần lớn những người che chở cho người dân "xé rào" sau năm 1975 đều là những người ít được học lý luận Marx-Lenin[509]. Họ vừa mới đi qua chiến tranh, đụng chạm tới cơ chế như những chiếc "xe tăng" vẫn nồng nặc mùi khói đạn. Họ không còn đơn độc như thời Kim Ngọc và không sợ ai quy kết quan điểm lập trường.

Chương X: Đổi mới

Từ chỗ tập trung vào tay nhà nước ruộng đất, nhà máy và tất cả các quyền sản xuất, kinh doanh, từ tháng 12-1986, Đảng Cộng sản Việt Nam bắt đầu cho phép "các thành phần kinh tế" được làm ăn một cách có giới hạn. Đồng thời, nhà nước cũng từng bước cho tự do lưu thông hàng hóa trong nước, để thị trường điều tiết giá cả thay vì lên kế hoạch và quyết định bằng các mệnh lệnh hành chánh. Việc chấp nhận nền kinh tế vận hành theo các quy luật gần giống như nó vốn có được Đảng gọi là "đổi mới". Để đi tới quyết định đó, các nhà khởi xướng cũng đã phải mất rất nhiều thời gian để thuyết phục các đồng chí trong Đảng và thuyết phục chính mình.

Hội nghị Đà Lạt

Giữa năm 1983, khi đến làm việc tại nhà máy Viso, một trong những những điển hình xé rào ở Sài Gòn, ông Trường Chinh nói với Giám đốc Nguyễn Quang Lộc: "Nay tôi đến đây để nghe. Chú như một chuyên gia cứ báo cáo hết chứ không phải lễ lạt gì". Ông Lộc báo cáo xong thì đã mười một giờ trưa. Bác sỹ riêng yêu cầu Trường Chinh nghỉ, nhưng ông nói: "Tôi phải xuống xem nhà máy đã". Năm ấy Trường Chinh bảy mươi lăm tuổi.

Sau khi trở lại sân chính, mọi người nhìn thấy ông, vây quanh. Theo ông Lộc thì họ là những công nhân đã làm việc ở đây từ trước 1975, là những người mà "cơ quan chức năng" từng nghi ngờ là "địch". Trường Chinh nói: "Phải chụp ảnh với giai cấp công nhân". Chụp ảnh xong, ông ôm vai ông Lộc ngay giữa sân: "Hôm nay bác chỉ dặn cháu một điều, làm gì thì làm cũng phải xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội". Ông Lộc nhớ lại: "Tôi có cảm giác đó là lời thầm thì của một papa".

Sở dĩ những người như ông Trường Chinh và đa số trong Ban Bí thư lúc ấy đồng ý với "Khoán 100", theo ông Trần Đức Nguyên, là vì nó chưa đụng đến chế độ sở hữu tập thể về tư liệu sản xuất. Khoán ruộng cũng như "xé rào", để được chấp thuận thì điều quan trọng nhất là phải làm cho các "Papa" tin rằng chúng không hề thách thức con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Ông Trường Chinh đến Viso từ một gợi ý của ông Võ Văn Kiệt. Theo ông Đặng Xuân Kỳ, con trai ông Trường Chinh: "Anh Sáu Dân giúp ông cụ hiểu thêm nhiều về

thực tế, đặc biệt là từ Hội nghị Trung ương 6, giữa năm 1979. Anh khuyên cụ đi cơ sở nhiều hơn để trực tiếp nắm bắt tình hình". Tháng 9-1982, Bộ Chính trị vào làm việc tại Sài Gòn, phê phán xé rào hết sức nặng lời, có người còn quy thành phố là "phản động". Tại hội nghị, theo ông Nguyễn Văn Huấn, thư ký của ông Kiệt: "Ông Tố Hữu bóng gió: Sáu Dân định làm vua Sài Gòn".

Cũng như ông Nguyễn Văn Linh, trong cuộc "làm việc" này, ông Kiệt chọn con đường im lặng. Ông Kiệt và Thành ủy Thành phố nhận ra phải tìm một con đường khác để từng bước thuyết phục trung ương thừa nhận nhận xé rào. Con đường đó, theo ông Nguyễn Văn Huấn, khi ấy là thư ký riêng của ông Kiệt, là: "Mời các anh Bộ Chính trị đi thực tế, xuống cơ sở, để các anh ấy tự nhận ra làm ăn theo cách cũ là không được nữa".

Trước đó, tháng 4-1983, ông Trường Chinh đã đến Tây Nguyên để tìm hiểu cách "đồng bào Tây nguyên đi lên chủ nghĩa xã hội". Tại đây, ông giật mình khi biết trên văn bản nói là có 93% hộ dân Tây Nguyên đã vào tập đoàn, hợp tác xã, nhưng hoạt động của mô hình "kinh tế xã hội chủ nghĩa" đó chỉ là hình thức. Đồng bào vẫn du canh, phá rừng, làm rẫy với cách canh tác lạc hậu như cũ; hợp tác xã vẫn phân phối theo lối bình quân vì chưa biết tính toán định mức, cộng điểm. Theo ông Đặng Xuân Kỳ, người tháp tùng chuyến đi này: "Anh Y Ngông Niek Đam, bí thư Daklak, nhờ tôi giúp báo cáo sự thật này vì anh ngại". Nghe xong, ông Trường Chinh hỏi: "Chả nhẽ ở dưới người ta nói dối Bộ Chính trị và Trung ương?". Y Ngông thật thà: "Dạ, nói dối".

Theo ông Trần Đức Nguyên, thư ký của Trường Chinh, ngay trong chuyến đi đó, ông Trường Chinh đồng ý cho Daklak tiếp tục chính sách giao đất, giao rừng cho các hộ đồng bào dân tộc. Đồng thời, khi trở lại Hà Nội, ông Trường Chinh đã "văn bản hóa" quan điểm này trong một chỉ thị của Ban Bí thư do ông ký. Tháng 5-1983, sau nhiều chuyến "vi hành" trở về, họp Bộ Chính trị, ông Trường Chinh phát biểu: "Chúng ta đang ở trong tình hình nói dối phổ biến mà mọi người làm như là không nói dối".

Sau chuyến đi đến nhà máy Viso, ông Trường Chinh muốn chia sẻ những vấn đề ông ghi nhận được từ hiện tượng xé rào mà ông Võ Văn Kiệt nhen nhúm và cắm cờ điển hình từ năm 1979. Tháng 7-1983, nhân khi có một số vị trong chính phủ khác đang cùng ông nghỉ tại Đà Lạt, Trường Chinh đã liên hệ với Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu có báo cáo chính thức về "xé rào".

Bí thư Thành ủy lúc ấy là ông Nguyễn Văn Linh xuống Viso nói với ông Lộc: “Lộc ơi, ta phải đi Đà Lạt. Các anh lãnh đạo đang nghỉ trên đó”. Ông Lộc hỏi: “Làm gì anh Mười?”. Mười Cúc: “Tôi cho rằng anh Trường Chinh muốn các anh ở ngoài kia hình dung được công việc của các cậu. Các cậu cũng phải gặp để các anh ấy biết một tầng lớp cán bộ mới”. Ngoài Nguyễn Quang Lộc, giám đốc Viso, “tùy tùng” ông Linh bao gồm những “điển hình xé rào” của ông Võ Văn Kiệt: Lê Đình Thụy, giám đốc Thuốc lá Vĩnh Hội; Nguyễn Thị Lý, giám đốc Dệt Việt Thắng; Trần Tựu, giám đốc Dược phẩm 2-9.

Ông Lộc nhớ lại: Lê Đình Thụy vào phòng họp vừa nhìn thấy các “papa” liền khóc rống lên. Ông Phạm Văn Đồng mắng: “Làm sao anh khóc?”. Ông Thụy mếu máo: “Chúng tôi khổ quá, được giao kế hoạch mà trên không cân đối vật tư, phải tự chạy vạy để hoàn thành kế hoạch trên giao và nuôi sống công nhân. Vậy mà không được động viên lại còn nay đòi thanh tra, mai đòi bắt”. Ông Đồng lại mắng: “Khi người ta giao kế hoạch người ta phải cân đối chứ. Tại sao có thể thế được?”. Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Võ Chí Công nói: “Nó giao đại thể thế chứ không có cân đối đâu anh ơi”. Ông Đồng nói: “Tại sao không báo Đỗ Mười?”. Ông Công: “Trên nó còn thứ trưởng, bộ trưởng làm sao nó lên tới phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng mà báo cáo được”.

Cũng tại Hội nghị Đà Lạt, ông Trường Chinh đã nghe ông Phan Văn Khải, phó chủ tịch Thành phố Hồ Chí Minh, và ông Mười Phi, giám đốc ngoại thương, nói về “xé rào” trong hoạt động của khối phân phối lưu thông. Theo ông Nguyễn Quang Lộc: “Sau bốn ngày lắng nghe, ông Trường Chinh ra ôm vai chúng tôi, nói: Các chú gặp khó khăn nhưng đã rất dũng cảm. Phàm là một người cộng sản, chúng ta đừng sợ khó khăn, đừng sợ sai lầm, sai thì sửa. Nhưng gì thì gì, phải kết hợp tốt giữa lý luận với thực tiễn”.

Từ cuối tháng 12-1981, ông Võ Văn Kiệt ra Hà Nội làm chủ nhiệm Ủy Ban Kế hoạch Nhà nước. Sau hai năm ngồi ở trung ương, ông nhận ra nếu không “tháo gỡ được cách nhìn thì sẽ không tháo gỡ được cơ chế”. Ông Kiệt gặp Bùi Văn Long, tổng giám đốc Liên hiệp Dệt, đề nghị tổ chức hội nghị ngành dệt để các giám đốc nói hết những ách tắc của mình. Ông Kiệt dặn: “Mời được càng nhiều lãnh đạo trung ương về nghe càng tốt”.

Tháng 4-1984, tại khuôn viên công ty Dệt Phước Long, hơn hai mươi giám đốc trong và ngoài ngành dệt đã báo cáo trước 200 đại biểu gồm lãnh đạo các tỉnh, thành phố, các bộ, ban ngành và gần như đầy đủ các vị trong Hội đồng Bộ trưởng. Tuy hội nghị khá dài, kéo tới ba ngày, nhưng không khí càng về sau càng cởi mở.

Trả lời một chất vấn về chính sách "hạch toán hai sổ", Tổng Giám đốc Bùi Văn Long nói thẳng: "Đúng là tôi có hai sổ: một sổ ghi thu chi các sản phẩm đầu vào theo giá nhà nước, hợp pháp nhưng không hợp lý; một sổ ghi thu chi theo giá thật trên thị trường, hợp lý nhưng không hợp pháp. Sổ hợp pháp để báo cáo cấp trên, sổ hợp lý để điều hành doanh nghiệp. Ví dụ: Tôi mua cây tre, người ta chỉ bán với giá 1,5 đồng một cây nhưng Ủy ban Vật giá chỉ cho phép mua với giá một đồng một cây. Tôi đành nói anh em mua một cây tre rồi chặt ra làm đôi, tính hai cây để ghi vào sổ cho hợp pháp"[510].

Những hội nghị như Đà Lạt hay Dệt Phước Long đã giúp các nhà lãnh đạo nghe được trực tiếp những gì đang diễn ra thay vì nghe qua các báo cáo mà, theo ông Trần Nhâm, thường không phản ánh đúng thực tế, cho dù được đóng dấu "mật" và chỉ lưu hành trong nội bộ. Nếu như những người như ông Võ Văn Kiệt không tạo ra thực tiễn xé rào thì những người như ông Trường Chinh sẽ không nhìn thấy sự bức bối của cơ chế. Nhưng nếu như ông Trường Chinh không đủ bản lĩnh chính trị và năng lực tư duy để giải thích thực tiễn và chuẩn bị cơ sở lý luận thích hợp với môi trường chính trị lúc bấy giờ thì ông cũng khó mà thuyết phục được các đồng chí của ông trong Đảng.

Nhóm giúp việc mới

Sau chuyến đi Tây Nguyên, ông Trần Đức Nguyên bị điều đi khỏi văn phòng Trường Chinh. Ông Trần Nhâm, một đồng nghiệp của ông Nguyên, cho biết: "Lý do công khai để Ban Tổ chức thay anh Nguyên là vì anh Nguyên có một người chị định cư ở Pháp. Thời ấy lý lịch như thế là ghê lắm". Nhưng, cũng theo ông Nhâm, nguyên nhân sâu xa là do trong các cuộc làm việc chung của nhóm, ông Trần Đức Nguyên hay "nhận xét về các nhà lãnh đạo khác". Một người trong nhóm giúp việc đã ghi lại đầy đủ các phát ngôn này và sau đó đi báo với Ban Tổ chức.

May mắn là chỗ trống của ông Nguyên đã được "điền" bằng ông Hà Nghiệp, một nhà nghiên cứu xuất sắc của thập niên 1980. Ông Hà Nghiệp lúc ấy đang làm vụ trưởng Vụ Tổng hợp Văn phòng Trung ương Đảng. Ông có bằng đại học và phó tiến

sỹ về cơ khí ở Liên Xô, về nước giảng dạy ở trường Đại học Bách khoa. Năm 1975 ông được trưng tập vào Nam tiếp quản các cơ sở kinh tế, rồi về công tác ở Văn phòng Trung ương Đảng. Khi ấy, ông Trần Đức Nguyên cũng được điều từ Ủy ban Kế hoạch Nhà nước về Văn phòng Trung ương. Ông Nguyên kể: "Hai chúng tôi thường làm việc với nhau, rất thân nhau, hiểu nhau vì Vụ của anh Nghiệp đảm nhiệm chính công tác nghiên cứu, biên tập phục vụ Ban Bí thư, Bộ Chính trị. Tôi đặc biệt quý anh Hà Nghiệp ở cách nghĩ không bị gò vào khuôn khổ thông thường mà luôn luôn tìm tòi cái mới phù hợp với thực tế. Hồi đó, những người có tư tưởng đổi mới rất dễ bị phê phán. Anh Hà Nghiệp nói vui: những người này phạm sai lầm vì đúng quá sớm".

Theo ông Đặng Xuân Kỳ, chính ông Trường Chinh đã yêu cầu Ban Tổ chức chọn đích danh ông Hà Nghiệp. Tháng 7-1983, khi đang ở miền Nam để chuẩn bị cho Hội nghị Đà Lạt, Trường Chinh đã cho gọi Hà Nghiệp vào dù khi ấy thủ tục Ban Tổ chức làm vẫn chưa hoàn chỉnh. Ở Văn phòng Trung ương, Hà Nghiệp nổi tiếng luôn "nói ngược". Theo ông Trần Nhâm: "Một vị lãnh đạo trong Văn phòng Trung ương cũng muốn đẩy đi, vì nghĩ kiểu Hà Nghiệp chỉ có thể làm việc với cụ Trường Chinh không quá ba tháng. Không ngờ, ở càng lâu Hà Nghiệp càng trở thành một trợ lý mà ông Trường Chinh tâm đắc nhất".

Ông Đặng Xuân Kỳ cho rằng: "Sẽ không có Trường Chinh của năm 1986 nếu như đầu thập niên 1980 ông không tự mình lựa chọn những người giúp việc". Ông Đặng Xuân Kỳ kể: "Tôi học ở Nga tới năm 1965. Sau hai năm về nước, tôi nhận ra bộ máy của mình có vấn đề. Tôi đề nghị cha tôi bắt đầu từ việc đổi mới bộ máy giúp việc cán bộ chủ chốt. Nhiều người trong số họ xa rời thực tế, chỉ dựa dẫm vào tiếng tăm các nhà lãnh đạo để hưởng bổng lộc. Nhưng năm ấy cụ không nghe tôi. Phải tới năm 1972, cha tôi mới thừa nhận là cần phải thay người Trợ lý số Một. Nhưng khi thay xong, tôi nói với ông: 'Người này cũng không khác những người trước'. Cha tôi bảo: 'Đây là người Ban Tổ chức đưa về mà?'. Tôi nói: 'Nhưng vẫn không phải là người ta cần'. Cha tôi ngạc nhiên: 'Tổ chức thì làm sao sai được?'". Quyền lực của Ban Tổ Chức Trung ương dưới thời Trưởng Ban Lê Đức Thọ có mặt gần như ở khắp nơi. Nhưng theo ông Kỳ: "Từ năm 1980, cha tôi không để cho ông Lê Đức Thọ can thiệp nữa. Cụ tự chọn lấy những người giúp việc, và nếu Ban Tổ chức không đồng ý ai, cụ yêu cầu phải giải thích".

Cuối năm 1983, ông Trường Chinh nói với ông Hà Nghiệp và Trần Nhâm: “Tình hình cấp bách, nếu cứ tiếp tục như thế này, đất nước sẽ bế tắc”. Ông yêu cầu lập một nhóm nghiên cứu tư vấn. Ông dặn: “Phải chọn những người có đầu óc mới mẻ, hiểu chính sách kinh tế mới”. Nhóm nghiên cứu ngay sau đó được hình thành. Ngoài Hà Nghiệp và Trần Nhâm, nhóm còn gồm Đào Xuân Sâm, chủ nhiệm Khoa Quản lý Kinh tế của Học viện Nguyễn Ái Quốc; Lê Xuân Tùng, phó chủ nhiệm khoa của học viện này kiêm thư ký của ông Lê Đức Thọ; Võ Đại Lược, viện trưởng Viện Kinh tế Thế giới; Dương Phú Hiệp, phó viện trưởng Viện Triết học; Lê Văn Viện, giảng viên Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội, đang làm chuyên gia giúp tổng bí thư Đảng Nhân dân Cách mạng Lào; một phó Ban Cơ yếu Trung ương và ba chuyên viên cao cấp Ban Kinh tế Trung ương, Nguyễn Thiệu, Trần Đức Nguyên và Nguyễn Văn Đào nguyên thứ trưởng Bộ Ngoại thương.

Giáo sư Dương Phú Hiệp nói: “Trước đó đã có tiền lệ Tổng Bí thư Lê Duẩn lập ra nhóm nghiên cứu về Làm Chủ Tập Thể, nên ông Trường Chinh cũng có cơ sở để báo cáo với Bộ Chính trị về việc hình thành nhóm nghiên cứu của ông”. Theo Giáo sư Hiệp, trong buổi gặp đầu tiên, ông Trường Chinh nói: “Tôi biết các đồng chí là những nhà khoa học, những người yêu nước, muốn đóng góp. Tuy nhiên, nếu phát biểu ra ngoài những ý kiến mạnh mẽ bây giờ rất dễ bị quy chụp. Nhưng ở đây, chúng ta cứ nói thẳng, nói hết, để tôi tìm cách nói lại trong Bộ Chính trị, để Bộ Chính trị tìm biện pháp khắc phục những thiếu sót của đất nước”.

Trong các cuộc họp của nhóm nghiên cứu, ông Trường Chinh chỉ nghe và hỏi thêm chứ không phát biểu ý kiến hay kết luận. Theo ông Trần Đức Nguyên: “Ông muốn chúng tôi thật sự phát huy tự do tư tưởng, không bị trói buộc bởi những quan điểm giáo điều, bảo thủ”. Trường Chinh nói với nhóm nghiên cứu: “Tôi lắng nghe các đồng chí, nhưng vì tuổi cao, ghi chậm nên việc ghi chép xin nhờ mấy đồng chí thư ký của tôi giúp”. Nhưng khi các chuyên gia phát biểu, ông không chỉ lắng nghe mà còn mở sổ, cặm cụi ghi chép với một thái độ trân trọng và khiêm tốn. Phương pháp của ông Trường Chinh đã tạo ra một không khí làm việc hết sức cởi mở trong nhóm.

Một lần, khi ông Trường Chinh hỏi Giáo sư Dương Phú Hiệp: “Khi nào thì ta có thể kết thúc chặng đường đầu? Khi nào thì ta có thể kết thúc thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội?”. Giáo sư Hiệp trả lời: “Thưa bác cháu chưa biết”. Ông Trần Nhâm

và ông Hà Nghiệp nói: "Anh là chuyên gia về phân kỳ đi lên chủ nghĩa xã hội mà?". Ông Dương Phú Hiệp chậm rãi: "Để trả lời câu hỏi này, cho phép cháu kể một câu chuyện ngụ ngôn Nga". Mặc dầu ông Trường Chinh nói: "Đang làm kế hoạch mà nói chuyện dân gian Nga à?". Nhưng ông có vẻ thích thú, bước tới đứng sát nơi ông Hiệp ngồi, lắng nghe.

Giáo sư Hiệp kể: Một người đi đường, khi ra tới bìa rừng thì gặp một bác tiều phu, ông dừng lại hỏi: "Bác ơi, khi nào tới bến sông?" Người tiều phu trả lời: "Không biết". Người đi đường thất vọng bước tiếp và sau khi đi được chừng mươi bước, bác tiều phu gọi giật lại bảo: "Còn bốn giờ nữa". Người đi đường ngạc nhiên: "Sao nãy bác không nói?" Bác tiều phu: "Khi nãy anh đứng tôi không biết, giờ anh đi tôi mới biết". Rồi ông Dương Phú Hiệp quay về phía ông Trường Chinh: "Thưa bác, hiện nay ta chỉ dẫm chân tại chỗ chứ không đi nên thật khó trả lời là đến khi nào thì đi hết thời kỳ quá độ".

Ông Trường Chinh nghe xong, cười và nói: "Đồng chí văn nghệ thì để tôi cũng góp chút văn nghệ". Ông đọc bài Tiết Lập Xuân của Cao Bá Quát: "Khứ nhật xuân lai phá cựu hàn / Kim chiêu hồng tử đấu thiên ban / Hà đương thế sự như hoa sự? / Phong vũ giang sơn tận cải quan", rồi đọc phần dịch thơ của ông: "Hôm trước xuân về tan giá lạnh / Sáng nay muôn tía đấu ngàn hồng / Việc đời ví được như hoa nhỉ / Mưa gió qua rồi đẹp núi sông". Ông nói với anh em giúp việc: "Giờ ta đang khó khăn nhưng đừng bi quan quá. Mây tan, gió tạnh sẽ về thôi".

Không bi quan không có nghĩa là mũ ni che tai, ông Trường Chinh tìm cách để hiểu những gì đang diễn ra trong cuộc sống. Một hôm, Giáo sư Dương Phú Hiệp tới trễ. Ông Trường Chinh hỏi thăm, ông Hiệp nói: "Đêm qua cháu phải thức đêm xách nước bác ạ". Ông chép miệng: "Vất vả nhỉ". Ông Hiệp nói: "Không phải mình cháu. Các khu tập thể ở Hà Nội đều thiếu nước, người dân phải xếp hàng tới khuya mới hứng được vài xô nước mang về dùng. Bác ạ, bên ngoài người ta đang hát: Đêm đến cả nhà lo việc nước / Sáng ra cả nước lo việc nhà". Theo ông Trần Nhâm, từ đó, Trường Chinh yêu cầu thu thập những câu nói trong dân gian, đặc biệt là những chuyện tiếu lâm chính trị như là một phần giúp ông hiểu tâm tư nguyện vọng của dân chúng.

Thập niên 1980 có lẽ là giai đoạn để lại nhiều chấn thương cả về thể chất lẫn tinh thần cho người Việt nhất. Những người lính tham gia hai cuộc chiến tranh ở

biên giới phía Bắc và Campuchia không còn có cái hào hùng của những người lính trên đỉnh Trường Sơn năm xưa. Không còn những bộ quân phục vải Tô Châu xanh bền, phải lăn lộn trên các chiến trường giá rét ở phía Bắc, gay gắt ở Tây Nam, bộ ka ki Vĩnh Phú của người lính nhanh chóng rách gối, thủng đít. Bộ đội có sáng kiến cắt ống, quay phần lành lặn từ phía sau lên thay cho đầu gối và gọi đấy là "ưu tiên phía trước".

Cuộc sống của những người dân ở hậu phương cũng trăm bề khó khăn: Cây đinh phải đăng ký / Trái bí cũng sắp hàng / Khoai lang cần tem phiếu / Thuốc điếu phải mua bông / Lấy chồng phải cai đẻ / Bán lẻ chạy công an / Lang thang đi cải tạo / Hết gạo ăn bo bo / Học trò không có tập… Đầu thập niên 1980, ở Sài Gòn có khoảng năm vạn sỹ quan, công chức được tha về từ các trại cải tạo. Họ đương nhiên là không thể xin việc làm, chỉ có thể kiếm sống qua ngày bằng cách ra đường. Các sỹ quan cách mạng, những người hùng ngày nào giờ đây cũng: Đầu đường đại tá bơm xe / Giữa đường trung tá bán chè đỗ đen / Cuối đường thiếu tá buôn kem… Cho dù bộ máy tuyên truyền hoạt động hết công suất nhưng tinh thần của dân chúng dường như không còn có khả năng gượng dậy[511].

Mãi cho tới gần cuối thập niên 1980, ngay tại những thành phố lớn như Hà Nội, Sài Gòn, người dân vẫn phải xoay xở bằng cách nuôi heo, nuôi cá trê phi để sống. Nhiều người "sống chung với heo" trong những căn hộ chật chội trên tầng năm, tầng tám. Ở Hà Nội, cán bộ viên chức cũng phải xoay xở. Có một giai thoại nổi tiếng về Giáo sư Văn Như Cương: Ông bị người dân trong một khu tập thể ở Hà Nội kiện vì nuôi lợn trong căn hộ của ông ở tầng hai làm mất vệ sinh. Chính quyền khu phố tới nhà phê bình và ghi vào biên bản: "Giáo sư Văn Như Cương nuôi lợn ở tầng hai". Ông không phản đối nhưng trước khi ký nhận chỉ xin sửa lại: "Lợn nuôi Giáo sư Văn Như Cương ở tầng hai".

Bằng nhiều kênh khác nhau, có khi qua nhóm nghiên cứu, qua những người giúp việc, có khi qua những người trong gia đình hoặc những cán bộ cương trực nói lại, ông Trường Chinh nghe được khá đầy đủ sự ta thán của dân tình. Người dân gọi những năm đầu thập niên 1980 là thời kỳ "Ba-Đồng-Chinh"[512]. Có những câu đồng dao được mọi người đọc cho nhau: "Anh Đồng, anh Duẩn, anh Chinh / Ba anh có biết dân tình sao không / Rau muống nửa bó một đồng / Con ăn bố nhịn, đau lòng thằng dân".

Theo ông Đặng Xuân Kỳ thì cha ông còn dũng cảm để nghe cả những tiếu lâm chính trị nói trực diện tới mình. Một trong những tiếu lâm đó được kể: Một hôm, ba nhà lãnh đạo cao nhất của đảng đi chung một chuyến chuyên cơ, ngó xuống hạ giới thấy dân tình nheo nhóc, đói khát, mặt mũi thểu não. Bỗng một người hỏi: "Bây giờ mình ném cái gì xuống thì đám dân ấy mới tươi tỉnh lên được nhỉ?". Bác Đồng nói trước: "Chắc họ đang đói. Hãy ném cho họ mấy bữa cơm không độn". Bác Chinh cho rằng: "Điều họ thiếu là lý tưởng. Hãy ném cho họ lý luận về thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội". Bác Duẩn lắc đầu: "Không phải! Không phải! Họ cần làm chủ tập thể". Trong khi ba bác còn chưa thống nhất được nên ném gì cho dân thì anh phi công lái chuyến chuyên cơ rụt rè đề nghị: "Dạ thưa, cháu có ý kiến được không ạ?". Ông Lê Duẩn nói ngay: "Tại sao không? Cứ phát huy dân chủ". Bấy giờ anh phi công mới nói: "Dạ, muốn cho đám dân tình dưới đó reo vang hạnh phúc thì chỉ có cách là ném cả ba bác ra khỏi máy bay thôi ạ".

Người của những khúc quanh lịch sử

Trong những thời khắc khó khăn nhất của lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, ông Trường Chinh đều đã có mặt: có khi là để lãnh đạo Việt Minh cướp chính quyền như hồi năm 1945, có khi đứng ra chịu trách nhiệm cá nhân về sai lầm của Đảng trong cải cách ruộng đất năm 1956, và trong thập niên 1980 là tự thức tỉnh và dẫn dắt Đảng thoát ra khỏi sự bế tắc bởi chính những đường lối của mình[513].

Tháng 1-1941, Nguyễn Ái Quốc về Pác Bó, Cao Bằng, sau ba mươi năm "bôn ba". Tại đây, tháng 5-1941, ông chủ trì Hội nghị Trung ương 8: Trường Chinh chính thức được bầu làm tổng bí thư Đảng Cộng sản Đông Dương, kiêm trưởng Ban Tuyên huấn. Từ đầu năm 1942, Nguyễn Ái Quốc đã trở lại Trung Quốc và tháng tám năm ấy bị Quốc dân Đảng Trung Hoa bắt giam. Mọi công việc tuyên truyền chuẩn bị đều do Trường Chinh tổ chức thực hiện. Đại tướng Võ Nguyên Giáp cho rằng: "Bác Hồ là linh hồn của cuộc kháng chiến chống Pháp. Nhưng đề ra đường lối cụ thể, chỉ đạo cụ thể về lý luận với cuốn "Kháng chiến nhất định thắng lợi", là do anh Trường Chinh". Đặc biệt, trong giai đoạn "tiền khởi nghĩa", vai trò quyết định là của Trường Chinh. Công cụ cách mạng sắc bén nhất của Trường Chinh giai đoạn này là ngòi bút[514].

Ngày 8-3-1945, sau khi phân tích các nguồn tin, Trường Chinh nhận định: "Nhật sắp lật Pháp", rồi lập tức triệu tập Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương mở rộng tại

chùa Đồng Kỵ. Chập choạng tối 9-3-1945, trong cuộc họp có mặt Trường Chinh, Nguyễn Lương Bằng, Lê Đức Thọ, Lê Thanh Nghị, Nguyễn Văn Trân…, khi Tổng Bí thư vừa tuyên bố lý do họp thì tiếng chó rộ lên, đồng thời có người đập cửa dồn dập. Sư cụ cho chú tiểu ra mở cửa, thấy hai bóng người tay cầm đèn pin bước vào. Sư cụ liền: "chào thầy phó, thầy trương" thật to để báo động.

Cuộc họp Ban Thường vụ Trung ương phải chuyển sang "phương án hai". Các nhà lãnh đạo Đảng nhanh chóng thu xếp giày dép, khăn áo, chui qua bụi tre sau chùa, theo hướng nam, đi sang làng Đình Bảng. Vừa vượt qua đường xe lửa, tới địa phận Đình Bảng thì nghe tiếng súng nổ dữ dội phía Hà Nội. Ông Trường Chinh reo lên: "Nhật, Pháp bắn nhau rồi anh em ơi!". Lúc đó là đúng 8 giờ 25 phút tối ngày 9-3-1945. Sau Hội nghị, Trường Chinh lánh sang chùa Dận, viết Chỉ thị: "Nhật Pháp đánh nhau và hành động của chúng ta", bản chỉ thị ngay sau đó, được bí mật in ấn để phát đi toàn quốc[515].

Trước khi Hồ Chí Minh từ Trung Hoa trở về Pac Bó, Trường Chinh đã triệu tập và chủ trì Hội nghị Quân sự Cách mạng Bắc Kỳ, chủ trương lập "bảy chiến khu cách mạng" và "thống nhất các lực lượng vũ trang". Theo ông Trần Quốc Hương, trước khi lên Tân Trào, biết Hồ Chí Minh đang bệnh, Trường Chinh quay lại ATK ngoại thành, gọi Mười Hương ra nói: "Tôi phải lên chiến khu ngay. Trung ương cần một bác sĩ và một số thuốc để đưa lên ấy phục vụ cách mạng". Bác sỹ Lê Văn Chánh được Mười Hương tiến cử đã theo ông Trường Chinh mang theo dụng cụ y tế và thuốc men lên Việt Bắc.

Theo dặn dò của ông Trường Chinh, tối 15-8-1945, sau khi biết chắc Nhật xin đầu hàng Đồng Minh, ông Nguyễn Khang triệu tập Hội nghị Xứ ủy gồm: Lê Liêm, Trần Tử Bình, Nguyễn Văn Lộc… Tại làng Vạn Phúc, chỉ thị ngày 12-3-1945, "Nhật Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" của Trường Chinh lại được đưa ra thảo luận. Sau khi phân tích những điều kiện "tất yếu cho cuộc tổng khởi nghĩa" mà Trường Chinh chỉ ra, các ủy viên dự họp đã reo lên: "Thế này là đúng rồi. Ta phải lãnh đạo quần chúng nổi dậy, tổng khởi nghĩa ngay lập tức!". Hội nghị quyết định thành lập Ủy ban Quân sự Cách mạng Bắc Bộ để lãnh đạo quần chúng nổi dậy khởi nghĩa trong phạm vi mười tỉnh ở vùng Đồng bằng Bắc Bộ.

Trong khi các đại biểu đang ở Tân Trào để dự đại hội do Hồ Chí Minh chủ trì, các địa phương đã theo chỉ thị của xứ ủy, lần lượt nổi dậy chiếm phủ, huyện rồi tiến vào

chiếm tỉnh lị. Ở Hà Nội, Ủy ban Quân sự Cách mạng được thành lập do Ủy viên thường vụ Xứ ủy Nguyễn Khang trực tiếp làm chủ tịch để lãnh đạo cuộc khởi nghĩa. Lấy danh nghĩa Kỳ bộ Việt Minh, Xứ ủy ra một bản thông báo cho các địa phương tiến hành khởi nghĩa dành chính quyền. Ngày 19-8-1945, lực lượng của Nguyễn Khang chiếm Phủ Khâm sai[516].

Khi Hà Nội đã rực trong cờ đỏ sao vàng, các đại biểu đi dự Đại hội Quốc dân ở Tân Trào vẫn chưa rời căn cứ. Xứ ủy Bắc Bộ và Thành ủy Hà Nội lập tức cử đại diện lên chiến khu "mời Bác và trung ương" về, các đại diện này đi đến Thái Nguyên thì gặp ông Trường Chinh, cũng đã nghe tin, đang trên đường từ Tân Trào xuôi về. Chiều ngày 25-8-1945, Hồ Chí Minh và tùy tùng theo đường sông Hồng về đến Chèm. Các cán bộ thuộc "Công tác Đội" đón và bố trí ông ở nhà bà Chánh Hai ở Phú Thượng, một cơ sở của xứ ủy nằm trong ATK[517]. Sẩm tối ngày 26-8-1945, Hồ Chí Minh được ông Trường Chinh đón bằng một chiếc xe hơi hiệu Citroen. Chiếc Citroen mang biển số T.A.20 này, hôm 19-8-1945, đã được ông lái xe tên là Nền lái đưa ông Nguyễn Khang đi khắp Hà Nội chỉ huy khởi nghĩa. Sau khi đón ông Trường Chinh từ Phù Đổng về, ông Nguyễn Khang đã giao chiếc xe lại cho tổng bí thư.

Trường Chinh đưa Hồ Chí Minh về 35 Hàng Cân, mặt sau nhà 48 Hàng Ngang của ông bà Trịnh Văn Bô, một nhà tư sản có tiếng ở Hà Nội. Hàng ngày, sau khi ăn sáng tại nhà Trịnh Văn Bô, Hồ Chí Minh làm việc tại nhà hoặc ra Bắc Bộ phủ. Còn ông Trường Chinh thì từ hôm 26-8 đã tạm dời sang số 6 phố Hàng Đào.

Khi Hồ Chí Minh thành lập Chính phủ Liên hiệp, ông Trường Chinh không nắm giữ chức vụ nào. Trong thời gian Đảng Cộng sản Đông Dương rút vào hoạt động bí mật, ông làm hội trưởng "Hội Nghiên cứu Chủ nghĩa Mác ở Đông Dương". Tại Đại hội Đảng lần II, ông chính thức trở lại làm tổng bí thư, lúc này, Đảng đã đổi tên thành Đảng Lao động Việt Nam.

Năm 1953, khi Cụ Hồ đồng ý với Stalin và Mao Trạch Đông thi hành cải cách ruộng đất, Trường Chinh là "trưởng Ban Cải cách Trung ương". Ba năm sau, tháng 9-1956, khi Trung ương "sửa sai", ông phải đứng ra nhận lãnh trách nhiệm bằng cách từ chức. Chức vụ nhà nước đầu tiên mà ông được giao là phó thủ tướng chính phủ kiêm chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Nhà nước (năm 1958). Tháng 7-1960, ông được cử làm chủ tịch Quốc hội, và nắm giữ chức vụ này hơn hai mươi năm. Tháng 7-1981, ông chuyển sang làm chủ tịch Hội đồng Nhà nước. Thời kỳ này, theo ông

Trần Nhâm: "Văn phòng đồng chí Trường Chinh nhận được hàng trăm, hàng ngàn báo cáo, kiến nghị của các cơ quan, các cấp, các ngành và địa phương cùng với thư từ của cán bộ, đảng viên và nhân dân khắp nơi tới tấp gửi về"[518].

Từ chính sách Kinh Tế Mới

Ông Trường Chinh cùng nhóm nghiên cứu của ông đã chọn điểm bắt đầu bằng cách "nhận thức lại những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Marx-Lenin". Mô hình "xã hội chủ nghĩa" mà Liên Xô buộc các nước phải tuân thủ[519] đã được chính thức giảng dạy trong hệ thống các trường đảng của Việt Nam[520]. Kinh qua những khóa học ở trường đảng là tiêu chuẩn bắt buộc để một người có thể đảm đương các cương vị lãnh đạo chủ chốt[521]. Tính đến đầu thập niên 1980, có hơn một triệu người Việt Nam đã được giáo dục về mô hình Stalin ở trong các trường của Đảng. Chỉ có nhân danh chủ nghĩa Marx-Lenin mới có thể làm thay đổi nhận thức của đội ngũ cán bộ đó.

Lúc này, các nhà nghiên cứu như Hà Nghiệp, Đào Xuân Sâm, Trần Đức Nguyên đã có một thời gian tiếp xúc với "chính sách kinh tế mới của Lenin", thông qua những khóa học do các chuyên gia Liên Xô giảng dạy. Năm 1978, khi nhận ra những hạn chế về lý luận của đội ngũ cán bộ các cấp, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã thay mặt Bộ Chính trị làm việc với Học viện Chính trị Quốc gia và Viện Quản lý Trung ương, đặt vấn đề phải dạy quản lý kinh tế cho cán bộ cao cấp.

Thời gian này ở Trung Quốc, Đặng Tiểu Bình đang "dò đá qua sông", chấp nhận cả "mèo trắng lẫn mèo đen miễn là bắt được chuột". Vận nước thật trớ trêu - Việt Nam đã không ít lần lệ thuộc Trung Hoa, nhưng đã không "lệ thuộc" những khi Trung Quốc có những bước đi tích cực. Khi ấy Việt Nam đang coi người láng giềng phương Bắc này của mình là "kẻ thù truyền kiếp". Những thay đổi ở Trung Quốc vào thời điểm đó nếu có xuất hiện trên các diễn đàn của Việt Nam thì cũng chủ yếu để đả kích và phê phán. Trong hoàn cảnh ấy, Hiệp định Hợp Tác Toàn Diện giữa Việt Nam và Liên Xô được ký kết. Theo đó, Liên Xô không chỉ mang đến cho Việt Nam một tỷ rúp mỗi năm mà còn đem theo một đội ngũ chuyên gia hùng hậu.

Đội ngũ chuyên gia Liên Xô đến Việt Nam trong giai đoạn này bao gồm các cố vấn quản lý và các chuyên gia nghiên cứu. "Tổng Cố vấn" là ông Paskar, nguyên chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng của Nước Cộng hòa Xô viết Moldavia. Theo Giáo sư Đào Xuân Sâm, nếu như các cố vấn quản lý như Paskar mang theo não trạng cũ, càng

"cố vấn" càng làm cho bộ máy nhà nước Việt Nam vận hành "quan liêu bao cấp" hơn, thì các chuyên gia lý luận lại có công giúp đội ngũ cán bộ Việt Nam tìm được lối thoát về tư duy một cách tích cực. Ngoài hàng ngàn cán bộ đã được đưa đi đào tạo từ dài hạn, trung hạn đến ngắn hạn ở Liên Xô, từ tháng 3-1979, đoàn giảng viên đầu tiên đã đến Việt Nam, mang theo "chính sách kinh tế mới của Lenin", chính sách được biết đến với tên viết tắt là NEP[522].

Chính sách kinh tế mới được Lenin đưa ra chỉ một thời gian ngắn ngay sau khi chính sách "cộng sản thời chiến" xóa hết tư hữu mà ông áp dụng ở nước Nga thất bại. Theo ông Đào Xuân Sâm: Khi áp dụng NEP, Lenin không nói rõ đây là một sách lược tạm thời hay lâu dài. Sau khi Staline lên nắm quyền, NEP không chỉ bị kết liễu mà nó gần như không được nhắc tới ngay cả trong nhà trường. Ở Liên Xô, chỉ những chuyên gia lý luận cao cấp mới có quyền được nghiên cứu NEP.

Cuối thập niên 1980, sau những bế tắc của mô hình cũ, các nhà lý luận Liên Xô bắt đầu đề cập đến Lenin thông qua chính sách kinh tế mới. Tới Việt Nam, Viện trưởng Kinh tế học Liên Xô Abalkin, người về sau trở thành phó chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô đã cho rằng sai lầm của mô hình cũ là "phủ nhận thị trường, xây dựng kế hoạch một cách duy ý chí". Viện sỹ Viện Hàn lâm Nông nghiệp Liên Xô Igor Tikhonov thì coi căn bệnh hợp tác xã cao cấp ở Việt Nam cũng giống như bệnh ở các nông trang tập thể Liên Xô. Một chuyên gia trẻ khác là Kulikov thì viện dẫn Lenin ủng hộ việc sử dụng kinh tế cá thể, tư bản tư doanh và tư bản nước ngoài: "hãy bắt giai cấp tư sản làm nốt sứ mệnh của nó".

Bài giảng của các chuyên gia Liên Xô táo bạo và mới mẻ tới mức chính Tổng Cố vấn Paskar cũng đã nhiều lần tỏ thái độ không đồng tình. Tuy nhiên, Paskar không thể làm gì vì bản thân các vị viện sỹ hàn lâm này cũng đều là những người thế lực. Igor Tikhonov là em ruột của Nicolas Tikhonov, người lúc đó là chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô. Theo Giáo sư Đào Xuân Sâm thì Tikhonov đã nói với ông về các cố vấn quản lý như Paskar: "Bọn này ở bên kia cũng làm khổ tụi tao nhiều lắm".

Về phía Việt Nam, một số học viên "kiên định lập trường" đã báo cáo lên trung ương. Giới lý luận trong nước cho rằng "Liên Xô sang giảng bài chống lại lý luận của đảng ta". Ông Lê Duẩn, ông Trường Chinh, ông Phạm Văn Đồng cho người đi nghe về báo lại nhưng cả ba ông đều không có ý kiến gì. Theo Giáo sư Đào Xuân Sâm: "Lúc đó niềm tin với Liên Xô vừa được khôi phục trở lại. Những lý luận đó lại được

dẫn từ NEP của Lenin. Nên cho dù trái với Marx, các nhà lý luận cấp tiến ở trung ương đã tự an ủi rằng, đây là sách lược tạm thời, bước lùi tạm thời, khi khá lên lại tập trung hóa, lại xóa tư hữu như Marx nói".

Hơn 1000 cán bộ Việt Nam đã tham gia các lớp nghiên cứu về NEP trước khi Trung ương bắt đầu có những sửa đổi ở Hội nghị Trung ương 6 vào giữa năm 1979. Đặc biệt, các chuyên gia Liên Xô đã tổ chức năm lớp học cho các cán bộ cấp bộ trưởng, thứ trưởng, bí thư, chủ tịch tỉnh. Hội nghị Trung ương 6 có cơ sở lý luận hơn để phân tích "những vấn đề kinh tế cấp bách" để "cởi trói" dần cho sản xuất. Theo Giáo sư Trần Đình Bút, phân hiệu trưởng của trường Quản lý Kinh tế Trung ương tại Thành phố Hồ Chí Minh, các viện sỹ Liên Xô tham gia giảng dạy NEP ở Việt Nam đã tới tìm hiểu giải pháp "bù giá vào lương" ở Long An và "khoán" ở xí nghiệp đánh cá Côn Đảo - Vũng Tàu. Các vị viện sỹ đã rất đồng tình ủng hộ.

Khác với hai ông Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng, chỉ tiếp cận với các lớp giảng dạy về chính sách kinh tế mới của Lenin thông qua báo cáo, ông Trường Chinh thường xuyên thảo luận với các chuyên gia của mình về những nội dung của NEP. Đặc biệt, từ đầu năm 1983, Trường Chinh liên tục đi tới các địa phương: ngày 10 đến 14-4-1983, ông đi Đak Lak; ngày 15 đến 19-4-1983 ông tới Gia Lai- Kon Tum; ngày 18 đến 22-7-1983, ông làm việc ở Lâm Đồng; ngày 21 đến 22-8-1983, ông đến khu công nghiệp Biên Hòa; ngày 23 đến 25-8-1983, ông xuống Đặc khu Vũng Tàu-Côn Đảo; ngày 11 đến 15-8-1984, sau khi dự Quốc khánh Campuchia, ông về Thành phố Hồ Chí Minh rồi đi khảo sát chính sách "bù giá vào lương" ở Long An[523].

Chuyến đi Long An có ấn tượng tốt. Theo ông Trần Nhâm: "Chưa bao giờ tôi thấy vẻ mặt ông rạng rỡ và tinh thần ông phấn chấn đến như thế". Trong năm 1985, Trường Chinh tiếp tục nghiên cứu thực tế để củng cố tư duy đổi mới của mình: ngày 16 đến 19-1-1985, ông trở lại Thành phố Hồ Chí Minh cùng Nguyễn Văn Linh thăm một số nhà máy, xí nghiệp có cách làm ăn mới mẻ; ngày 20 đến 23-1-1985, ông trở lại Long An rồi từ đó đi An Giang, Đồng Tháp; chuyến đi kéo dài ba tuần lễ này kết thúc ở Cần Thơ vào ngày 5-2-1985. Cho dù, tháng 8-1985, Trường Chinh còn đi Thanh Hóa, Nghệ Tĩnh và tới tháng 11-1985, ông xuống Hải Phòng, theo ông Trần Nhâm, thực tế sinh động ở miền Nam đã "khắc họa tư duy đổi mới của Trường Chinh".

Đến chọc thủng thành trì bao cấp

Kết quả nghiên cứu từ thực tiễn tới lý luận của Trường Chinh bắt đầu được ông tung ra tại Hội nghị Trung ương 6, họp từ ngày 3 đến 10-7-1984. Bài phát biểu của ông đã để lại một khoảng cách khá lớn giữa Trường Chinh và các đồng chí của mình. Khoảng cách đó càng bộc lộ rõ khi ý kiến của ông được đặt bên cạnh bài phát biểu của Tổng Bí thư Lê Duẩn.

Ông Lê Duẩn mở đầu Hội nghị Trung ương 6 bằng một bài phát biểu được chuẩn bị công phu. Tình hình kinh tế lúc ấy đã lâm vào tình cảnh "tiến thoái lưỡng nan", nhưng bản báo cáo của tổng bí thư vẫn "kiên định": ưu tiên phát triển công nghiệp nặng; đưa ngay nông nghiệp lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa; lấy kế hoạch làm trung tâm của hệ thống quản lý kinh tế; làm chủ tập thể trong phân phối lưu thông,... Ông cho rằng, kế hoạch "đặt lên hàng đầu giá trị sử dụng bằng cách cân đối hiện vật"[524].

Ngay sau báo cáo chính trị của tổng bí thư, ông Trường Chinh trình bày một bài phát biểu dài khoảng ba mươi trang, yêu cầu trung ương "nhìn thẳng vào những sự thật trong đời sống kinh tế". Trường Chinh nói: "Chế độ bao cấp trong những năm qua làm cho bức tranh kinh tế của chúng ta trở thành giả tạo". Ông cho rằng: "Trên quan liêu nên dưới phá rào… tình trạng báo cáo sai sự thật đang lan tràn ở mọi ngành mọi cấp". Trước hai hiện tượng tiêu cực, "quan liêu, bao cấp, bảo thủ, trì trệ" và "tự do chủ nghĩa, vô tổ chức, vô kỷ luật", theo ông Trường Chinh, tình trạng "quan liêu, bao cấp, bảo thủ, trì trệ" nguy hiểm hơn.

Ngay tại Hội nghị Trung ương này, ông Trường Chinh đã yêu cầu Đảng, dù muốn hay không "cũng phải thừa nhận sự tồn tại khách quan của giá thị trường, đó là giá thực tế mà cả xã hội dang phải sống hàng ngày với nó". Trường Chinh kêu gọi "khôi phục tính chân thật của các hoạt động kinh tế". Theo ông, bao cấp không những làm cho nhà nước "sa vào công việc sự vụ hàng ngày, làm thay công việc của các doanh nghiệp và các đơn vị kinh tế, can thiệp sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, bận bịu, tất bật đến nỗi không còn thời gian để suy nghĩ đến việc mình phải cầm lái như thế nào", mà còn dẫn tới "một hệ thống giá cứng nhắc và quá thấp, gây thiệt hại lớn đến lợi ích quốc gia và người lao động"[525].

Có không ít ủy viên trung ương ngạc nhiên khi "papa" Trường Chinh đưa ví dụ có nơi "lương giáo viên được trả bằng phân bón". Ông nói trước hội nghị: "Giáo viên

mang phân được trả với giá 7 đồng/kg bán ra thị trường với giá 50 đồng/kg để lấy tiền chi cho sinh hoạt". Theo ông: "Tiền lương của người lao động hiện nay chỉ đủ sống trong mười ngày và đang có xu hướng giảm hơn nữa, kể cả khi được cung cấp các mặt hàng định lượng. Vậy còn hai mươi ngày nữa phải sống sao đây!".

Khi nghe Trường Chinh nhấn mạnh: "Giải quyết tiền lương lúc này, chính là giải quyết sản xuất, đồng thời cứu lấy giai cấp công nhân", những người có mặt ở Hội nghị Trung ương 6 đã đứng dậy vỗ tay nhiệt liệt. Trước đó, khi ông Trường Chinh nhắc đến cụm từ "tự động xé rào", cả hội trường cười ầm lên. Bài phát biểu tại Hội nghị Trung ương 6 của Trường Chinh làm cho nhiều ủy viên trung ương "sửng sốt". Ông Phạm Văn Đồng thừa nhận: "Anh Thận nói làm tôi rợn người". Ngay sau hội nghị, các ngành, các địa phương đã phổ biến, truyền tụng những quan điểm chính yếu trong bài phát biểu này.

Theo ông Hà Nghiệp, quan điểm của ông Trường Chinh tại Hội nghị Trung ương 6 rất khác với bản báo cáo của ông Lê Duẩn, nhưng đấy không phải là một cuộc đụng độ. Cho dù uy tín của Trường Chinh là rất lớn trong dân, trong Đảng, nhưng trước khi đưa ra Trung ương, ông vẫn thường trực tiếp cầm bài phát biểu của mình sang trao đổi với ông Lê Duẩn[526]. Vào thời điểm ấy, sức khỏe của ông Lê Duẩn đã bắt đầu giảm sút. Có lẽ điều ông quan tâm lớn nhất là hệ thống hóa tư duy lý luận của mình, nên thay vì nắm bắt những gì đang diễn ra, bản báo cáo dài hơn bảy mươi trang của ông chủ yếu xoay quanh "mười quy luật kinh tế rường cột" đậm chất kế hoạch hóa xã hội chủ nghĩa mà mà ông đã nghiên cứu từ thời viết Dưới Ngọn Cờ Vẻ Vang Của Đảng[527].

Giá-Lương-Tiền

Sau Hội nghị Trung ương 6, nhiều địa phương bắt đầu áp dụng thử chính sách "bù giá vào lương và tính đủ giá thành vào sản phẩm". Kết quả trên thực tế diễn ra tích cực không ngờ. Năm tháng sau đó, tại Hội nghị Trung ương 7, họp từ ngày 10 đến 17-12-1984, Trường Chinh kêu gọi: "Dứt khoát bãi bỏ cơ chế quan liêu bao cấp. Phải mổ xẻ và loại bỏ cái ung nhọt này càng sớm càng hay. Không một chút gì đáng để chúng ta luyến tiếc". Hội nghị Trung ương 7 đã nhất trí với đề nghị của ông Trường Chinh, cho thành lập Tiểu Ban Nghiên cứu Giá-Lương-Tiền, chuẩn bị đề án trình Hội nghị Trung ương 8.

Hội nghị Trung ương 8, tháng 6-1985, đã coi việc giải quyết giá-lương-tiền là "khâu đột phá có tính quyết định để chuyển hẳn nền kinh tế sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa". Hai tháng sau khi có nghị quyết, số lượng các địa phương làm thử bù giá vào lương lên đến hai mươi tám tỉnh, thành; mười hai tỉnh, thành khác cũng tích cực chuẩn bị. Người đứng đầu "Bộ Tham mưu" cải cách Giá-Lương-Tiền là Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Trần Phương, một chuyên gia hàng đầu của bộ máy kế hoạch hóa tập trung; giúp việc ông là sáu bộ trưởng và tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước. Ông Hà Nghiệp gọi ông Trần Phương là người "cấp tiến nhất trong phe bảo thủ". Còn ông Trần Phương thì thừa nhận: "Khi đó bọn mình nghĩ về giá còn ngây thơ lắm".

Sở dĩ các địa phương như Long An, Hải Phòng,… thí điểm bù giá vào lương thành công là nhờ mức bù giá căn cứ trên giá bán được "những hiện vật tính thành lương" như xà bông, vải, gạo, thịt,… Trong khi, để thực hiện Nghị quyết 8, ngày 10-8-1985, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 28: phê chuẩn mức giá mua thóc từ 15-18 đồng/kg, ở vùng thuận lợi từ 26-28 đồng/kg ở vùng khó khăn; phê chuẩn mức lương tối thiểu cho cán bộ công nhân viên 2.200 đồng/tháng… Mức giá mua thóc lên đến từ 26-28 đồng/kg là dựa trên ý kiến của chính ông Trương Chinh trong khi mức giá được đề nghị là 10 đồng/kg. Ông Trường Chinh đã đúng khi cho rằng nếu mua thóc với giá mười đồng thì vẫn theo tư duy bao cấp. Tuy nhiên, theo ông Trần Phương, từ chuẩn giá thóc như vậy, các loại vật tư hàng hóa khác cũng phải điều chỉnh tăng lên khoảng mười lần.

Theo ông Trần Phương: "Đầu thập niên 1980, Việt Nam có một triệu rưỡi quân, hai triệu cán bộ công nhân viên chức và mười triệu dân thành phố. Để cung cấp lương thực, thực phẩm cho lực lượng này, Bộ Nội thương đã phải ép nông dân để mua thóc và lợn với giá chỉ bằng một nửa giá mà người dân trao đổi với nhau ngoài chợ. Với tư cách một nhà nghiên cứu, tôi chống lại điều phi lý đó. Ngay từ năm 1981, khi làm bộ trưởng Bộ Nội thương, tôi đã yêu cầu phải sửa giá chuyển sang giá thỏa thuận, sửa giá toàn bộ và sửa lương. Đề án của tôi trình ra như một quả bom, các bộ ai cũng run. Lê Duẩn kết luận: phải theo kế hoạch nhưng giá phải theo thị trường".

Đề án "Giá-Lương-Tiền" năm 1985 của Trần Phương "dè dặt hơn" Đề án 1981 vì theo ông: "Quỹ hàng hóa năm 1985 eo hẹp hơn". Thời gian này, ông Lê Duẩn ốm,

vài tháng phải sang Liên Xô điều trị một lần. Theo thường lệ, "nhân vật số hai" Trường Chinh thay thế chủ trì các hội nghị Bộ Chính trị. Trường Chinh kết luận: Làm ngay một bước, không làm từng bước, theo đề án của mình. Nhưng, khi ra Hội đồng Chính phủ, bộ trưởng Bộ Cơ khí tuyên bố nếu giá bán vật tư như vậy thì các xí nghiệp cơ khí sẽ phải đóng cửa, các bộ trưởng khác cũng nói, nếu làm ngay một giá hàng công nghiệp không bán được. Ông Phạm Văn Đồng kết luận: "Vật tư công nghiệp lấy bằng 70% giá thị trường". Thực tế cho thấy nhà nước nắm hai khối hàng và trong khi hàng công nghiệp bán ra chỉ bằng 70% giá thị trường, phải mua lại nông sản với giá bằng 100% thị trường. Chưa làm đã thấy quỹ hàng hóa công nghiệp bán sẽ không đủ bù mua quỹ hàng nông nghiệp.

Mất cân đối về lý thuyết lại xuất hiện thêm khi ông Võ Chí Công chủ trì một hội nghị của Ban Bí thư với các địa phương. Đề án bỏ lương hiện vật bằng tiền lương, nhưng theo tính toán thì chỉ có thể tăng lương lên 20%. Các tỉnh nói mức lương đó chỉ đủ ăn một tuần, các tỉnh miền Nam đề nghị tăng lương lên bằng 100%. Trần Phương phản đối thì Võ Chí Công nói: "Tôi thật không hiểu anh Phương. Mức lương này sao sống được?". Trần Phương: "Thưa anh, tôi hiểu mức lương này sống rất khốn nạn, nhưng nhà nước đang không có tiền". Cho dù ngân sách không có, Võ Chí Công vẫn kết luận: "Chấp nhận đề án do các tỉnh miền Nam đề nghị, tăng lương tối thiểu lên 100%". Chính hai quyết định trên đây đã dẫn tới lạm phát.

Theo mức giá mới, Hội đồng Bộ trưởng tính toán nền kinh tế cần phải có một lượng tiền mặt lên tới 120 tỷ đồng để lưu thông. Nhưng lượng tiền phát hành trên thực tế chỉ mới có khoảng sáu mươi tỷ đồng, lấy đâu ra thêm sáu mươi tỷ đồng tiền giấy? Theo ông Trần Phương, tháng 8-1985, nhân có mười hai tỷ đồng tiền mới được in từ Đông Đức đưa về, Hội đồng Bộ trưởng tính toán nếu in thêm cho đủ lượng tiền cần thiết thì không thể kịp và tốn kém nên quyết định nâng mệnh giá đồng tiền mới này lên mười lần rồi đổi tiền để biến mười hai tỷ đồng thành 120 tỷ đồng, thỏa mãn nhu cầu lưu thông theo "Giá-Lương-Tiền" mới.

Ông Trường Chinh không đồng tình với cách làm này. Ngày 29-8-1985, ông gửi thư tới Tổng Bí thư Lê Duẩn, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng và các phó của ông Đồng, Võ Chí Công, Đỗ Mười, Tố Hữu. Thư Trường Chinh viết: "Riêng về tiền, sắp tới có mười hai tỷ đồng tiền mới, tương đương với 120 tỷ đồng hiện nay. So với lương mới và giá mới sắp tới thì số tiền đó là chưa đủ, tiền sẽ tiếp tục

căng thẳng. Nên chăng đề nghị các anh tính lại, không đổi tiền mà cho lưu hành song song hai đồng tiền với tỷ lệ một đồng mới ăn mười đồng cũ. Như vậy, có thêm hơn sáu mươi tỷ đồng hiện nay cứ cho tiếp tục lưu hành, lặng lẽ thu hồi và hủy dần khi có tiền mới về tiếp, tránh được căng thẳng về tiền mặt, bảo đảm yêu cầu của sản xuất, thu mua, kinh doanh đang chuyển theo cơ chế mới, không gây xáo trộn về tâm lý"[528]. Thư gửi đi chưa được trả lời, ngày 1-9-1985, khi họp Bộ Chính trị, Trường Chinh lại nhắc lại đề nghị trên. Phạm Văn Đồng giải thích: "Ý kiến Anh Năm cũng hợp lý, nhưng mọi việc đã chuẩn bị hết cả rồi. Chúng ta đang cưỡi lên lưng hổ, không thể xuống được nữa". Theo Trần Nhâm: "Ông chấp hành quyết định của Bộ Chính trị và sáng ngày 3-9-1985, nhân danh là chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Trường Chinh đặt bút ký sắc lệnh đổi tiền mà trong lòng rất áy náy".

Tuần lễ sau đó, tiền mặt được vận chuyển vào Nam qua sân bay Tân Sơn Nhất; các cửa hàng thương nghiệp quốc doanh không bán các mặt hàng cao cấp; các ngân hàng không nhận tiền nộp vào. Ngày 11-9-1985, phần lớn nhân viên ngân hàng bị giữ lại trụ sở. Tin tức đổi tiền bắt đầu lọt ra. Trong khi đó, ngày 12-9-1985, báo Tuổi Trẻ vẫn chạy tít lớn trên trang nhất: "Bẻ gãy thủ đoạn tung tin đổi tiền của gian thương". Bài báo đanh thép tuyên bố: "Với sự tăng cường hiệu lực của bộ máy chuyên chính vô sản mọi hậu quả tin đồn phải được thanh toán triệt để".

Để rồi, sáng 14-9-1985, hệ thống loa truyền thanh giăng mắc khắp các góc phố bắt đầu thông báo lệnh đổi tiền. Chính báo Tuổi Trẻ, trong số kế tiếp, ra ngày 14-9-1985, cũng đăng quyết định của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm văn Đồng về việc "phát hành tiền ngân hàng mới, thu đổi tiền cũ". Chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh Phan Văn Khải lên báo giải thích: "Đổi tiền là vì lợi ích của nhân dân lao động".

"Quyết định đổi tiền không phải là hoàn toàn bất ngờ đối với mọi người dân. Ấy thế mà lúc sáu giờ sáng thứ bảy, ngày 14-9, khi nghe loa truyền thanh trên đường phố tiếp âm Đài Tiếng nói Việt Nam bắt đầu thông báo chương trình phát thanh đặc biệt kéo dài đến 7 giờ 15 thì những người ra đường sớm đều dừng lại, đứng chụm nhum thành từng nhóm để nghe cho hết từng quyết định, thông báo. Và từ đó, tin đổi tiền thành đề tài số một ở tất cả mọi nơi, của tất cả mọi người"[529].

Không sững sờ sao được khi cả thành phố gần bốn triệu dân, chính quyền chỉ thiết lập 900 bàn đổi tiền và chỉ cho "nhân dân lao động" có một khoảng thời gian

rất ngắn, trong vòng từ sáu đến mười hai giờ trưa ngày 14-9, để kê khai; người dân chỉ được kê khai một lần và chỉ được đổi ngay một phần. Theo quyết định do Phạm Văn Đồng ký ngày 13-9-1985: mỗi hộ gia đình được đổi ngay tối đa 2.000 đồng tiền mới; mỗi hộ độc thân và mỗi người trong hộ tập thể (bộ đội, công an, cơ quan nhà nước) được đổi ngay tối đa 1.500 đồng; mỗi hộ kinh doanh có môn bài bậc cao được đổi ngay tối đa 5.000 đồng tiền mới. Đối với số vượt mức đổi ngay thì nộp cho bàn đổi tiền, lấy biên nhận, Ban Chỉ đạo Thu Đổi Tiền cấp tỉnh, thành phố, quận huyện sẽ xem xét và giải quyết sau. Đặc biệt: "Số tiền mặt do đầu cơ, buôn lậu, nhận tiền phân tán và do nguồn thu nhập bất chính khác đều bị tịch thu, nhập vào tài khoản của ngân sách".

Hàng nghìn câu chuyện dở khóc dở cười đã xảy ra do cách mà nhà nước đối xử với tiền bạc của người dân theo kiểu đánh úp này. Do có hộ chỉ có bốn mươi đồng tiền cũ để đổi nên "dịch vụ" đổi tiền giúp đã phát sinh giữa những người không có lượng tiền mặt vượt quá mức 2.000 đồng tiền mới với các gia đình giàu có. Bằng kinh nghiệm lần đổi tiền thứ nhất trong "Chiến dịch X3", biết trước tương lai mất giá của những đồng tiền "vượt mức đổi ngay" nộp cho ngân hàng rồi chờ "xem xét giải quyết sau", nhiều người đã tung tiền ra mua hàng.

Theo Sài Gòn Giải Phóng, ngay trong sáng 14-9-1985, ở chợ An Lạc, giá một con vịt lên tới 3.000 đồng tiền cũ; một ký thịt heo lên tới 2.000 đồng, trong khi một ký thịt heo nạc bán trước ngày đổi tiền chỉ là 325 đồng tiền cũ. Trước chín giờ sáng ngày 14-9-1985, các đội kiểm soát đã bắt "một gian thương" mua gom chín tấn gạo. Cũng trong buổi sáng, Quản lý Thị trường đã "phát hiện" tại Quận 10 "một hộ đầu cơ phụ tùng xe đạp; một hộ chứa vải bất hợp pháp; một hộ buôn vàng và đá quý, tịch thu một khối lượng tiền mặt lên tới 380.000 đồng tiền cũ".

Bi kịch cũng không tha các cơ quan nhà nước. Ngân hàng biết trước chuyện đổi tiền từ trước đó, không những đã không chịu thu tiền về mà còn tìm cách dí tiền mặt xuống cho các cơ quan, đơn vị. Ông Trần văn Thêm, giám đốc Dệt Bình Minh kể: "Sáng 13-9-1985, ngân hàng ấn cho chúng tôi gần một triệu đồng, bây giờ chúng tôi phải vất vả giải trình"[530]. Ngay trong ngày 15-9, nhiều xí nghiệp đã phải ngưng hoạt động vì tiền cũ nộp, đi tiền mới chưa được cầm, không có tiền lo bữa ăn giữa ca cho công nhân. Dệt Bình Minh có 900 công nhân, chỉ nhận được 5.000 đồng. May Hòa Bình nhận được 2.500 đồng. Tình cảnh của nhiều cá nhân, đặc biệt

là với những người đang bị xếp vào diện "khách vãng lai", thì lại còn bi kịch hơn gấp bội.

Vài ngày sau đổi tiền, ông Võ Văn Kiệt gửi thư báo cáo Phạm Văn Đồng và ông Trường Chinh: "Kết quả của việc đổi tiền cho thấy tiền nằm trong nhân dân tương đối ít, số hộ có số tiền đổi thấp là khá đông, cho chúng ta một kết luận đáng suy nghĩ và day dứt về mức sống của nhân dân lao động hiện nay. Một kết quả khác cho thấy tiền nằm trong tay tư sản không đáng kể, chúng ta đã 'đánh hụt' vì để cho bọn chúng quá nhiều thì giờ để chuẩn bị đối phó, thẳng tay thu gom, vơ vét hàng của nhà nước và chuyển tài sản từ tiền ra những giá trị khác"[531].

Cũng theo ông Võ Văn Kiệt: "Chúng ta có nhiều sơ hở trong vụ đổi tiền, gây nên những hậu quả bất lợi đáng quan tâm. Sự thiếu bảo mật đã làm cho hàng của nhà nước tuồn hết về người có tiền, tiền của các hộ buôn bán lớn chuyển hết cho các xí nghiệp, công ty nhà nước, và thương nghiệp bị rút hết hàng nhanh chóng, suy yếu khả năng chống đỡ trên thị trường. Chúng ta không thực sự chuẩn bị cho một vụ đổi tiền, một đồng mới ăn mười đồng tiền cũ, không chuẩn bị một cơ cấu giấy bạc của tiền mới thích nghi với nhu cầu thanh toán nhỏ. Giả dụ rằng chúng ta chỉ phát hành đến mức năm mươi đồng tiền mới và nhiều đơn vị tiền lẻ, tình hình có lẽ đỡ xấu hơn".

Sau khi tiền mới được tung ra, giá cả tăng còn nhanh hơn ngựa chạy. Ngay trong ngày 15-9-1985, Thành đoàn Thành phố Hồ Chí Minh đã phải tổ chức hội thảo và sau đó cho lập các "đội thanh niên kiểm tra giá". Ủy ban Nhân dân Thành phố tuyên bố "Rút giấy phép kinh doanh những ai bán phá giá". Nhưng giá cả đã tỏ ra không hề sợ hãi chính quyền. Nhiều người dân khi nhận được đồng tiền mới, sức mua đã giảm hàng chục lần khi họ giao tiền cũ cho nhà nước. Tình hình xấu đi trông thấy: ngân hàng thiếu tiền, thương nghiệp thiếu hàng, công nghiệp thiếu vật tư, công nhân đói vì cầm đồng tiền mất giá, nông dân khóc vì phải bán nông sản với giá thấp hơn chi phí bỏ ra. Sản xuất giảm. Đầu tư nhà nước giảm. Chỉ số giá bán lẻ trên thị trường tự do năm 1986 tăng 587,2% so với năm 1985.

Lạm phát chưa phải là thảm họa duy nhất của nền kinh tế. Như ông Kiệt phân tích, mệnh giá thấp nhất của đồng tiền mới tự dưng bị nâng lên gấp mười, một đồng tiền mới có sức mua theo lý thuyết bằng mười đồng tiền cũ. Cho dù loại giấy bạc từ mười đồng tiền cũ trở xuống vẫn còn được lưu thông, nhưng nếu dùng một

đồng tiền mới để mua một que kem thì phải nhận thối về một ôm tiền lẻ. Sự bất mãn tăng nhanh trong xã hội.

Tháng 12-1985, Quốc hội khóa VII triệu tập kỳ họp thứ 10. Trước khi ra Hà Nội, đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Cửu Long quyết định phải "nã pháo" vào Giá-Lương-Tiền. Người nhận lãnh trách nhiệm này, bà Đào Thị Biểu, với biệt danh là bà Sáu Trầu, kể lại: "Trước khi đi họp, anh Trịnh Văn Lâu, trưởng đoàn hỏi: ai dám phát biểu? Nhiều người xung phong. Nhưng anh nói, vấn đề gay gắt lắm, phải có giọng nữ nhẹ nhàng, nói năng từ tốn, thành tích kháng chiến tốt, phải dũng cảm, có thể 'hy sinh'. Tôi nghĩ mình phát biểu là đem ý dân gửi cho Đảng, để dân mất lòng tin vào Đảng là mình có tội. Thế là tôi nhận".

Bài phát biểu đã được chuẩn bị sẵn từ ở nhà và đã nộp cho chủ tịch đoàn Quốc hội đăng ký tham luận theo nguyên tắc của thời kỳ đó. Nhưng, theo bà Sáu Trầu, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Đỗ Mười, khi đọc "Báo cáo Tình hình Kinh tế Xã hội" trước Quốc hội, đã "đổ thêm dầu vào lửa" bằng cách phê bình các địa phương "không biết phát huy thế mạnh đổi tiền". Lúc đó, theo bà Sáu Trầu: "Giá tăng cao gấp mười lần. Lương người sản xuất thấp lẹt đẹt, còn lương kinh doanh cao ngút trời. Tiền thì không có tiền lẻ; mua thuốc, ăn hủ tiếu... phải thế lại giấy chứng minh. Giá vé xe đò tăng cao gấp năm đến bảy lần, nhiều người về xa không đủ tiền phải nằm lại bến. Cuộc sống xã hội đầy khó khăn như phơi bày ra đó, cử tri cực kỳ bức xúc. Phải chăng đó là ưu thế!".

Bà Sáu và đoàn đại biểu Quốc hội Cửu Long quyết định viết lại bài phát biểu, nói thẳng vào vấn đề hơn. Trước khi lên diễn đàn, bà Sáu Trầu dặn các đồng chí của mình: "Gia đình tôi năm người tham gia cách mạng, hy sinh hết bốn rồi, giờ dẫu có 'hy sinh' thêm nữa thì cũng chẳng sao. Nếu tôi có bị sao thì nhớ chăm sóc con tôi và giáo dục nó sống tốt, xứng đáng như mẹ nó".

Ngày cuối cùng của kỳ họp, trước giờ bế mạc, bà Sáu - với hình ảnh được gần 500 đại biểu ghi nhớ: "một phụ nữ miền Nam phúc hậu, ăn trầu bỏm bẻm" - bước lên diễn đàn, chất vấn thẳng vào vấn đề: "Chúng tôi cho rằng mười năm qua chưa lần nào dân xôn xao, bất bình, thậm chí phẫn nộ bằng đợt phá giá-lương-tiền vừa qua. Chúng tôi đã chứng kiến biết bao cảnh các cửa hàng ách tắc, bao nhiêu cuộc cãi vã xô xát, bao nhiêu tiêu cực: vo tròn giá hay nâng giá vì thiếu tiền lẻ và mua bán tiền lẻ... Trung ương nói địa phương không biết phát huy ưu thế sau đổi tiền,

nhưng ưu thế gì mà phát huy? Giá cả tăng năm, bảy lần so với trước, có thứ gấp mười, mười lăm lần, đội rất xa giá thị trường. Chúng tôi chứng kiến cảnh bắt và tịch thu hàng của người tự sản, tự tiêu vì bán giá thấp hơn giá nhà nước quy định, đạo lý gì phải làm như vậy? Đồng chí Đỗ Mười nói rằng tỷ giá công nông hiện nay đã rất hợp lý, thậm chí nông dân còn có lợi nhiều hơn trước. Chúng tôi chưa nhất trí với nhận định đó". Bà Sáu Trầu nói tới đâu "cả hội trường vỗ tay rần rần" đến đó. Hôm ấy, khi bà Sáu về phòng, nhiều đoàn đại biểu Quốc hội gõ cửa và tặng bà rất nhiều... trầu cau. Bà Sáu Đào Thị Biểu nói: "Họ đồng cảm vì khó khăn ở đâu cũng vậy nhưng chưa dám nói".

Sau kỳ họp này, ông Trần Phương nhớ lại: Tôi quyết định phải từ chức nhưng khi chia sẻ điều này với Đồng Sỹ Nguyên, Bộ trưởng Bộ Giao thông Đồng Sỹ Nguyên nói: "Nếu từ chức, phải từ chức cả Hội đồng Bộ trưởng". Tôi bảo: "Đằng nào cũng phải có người chịu trách nhiệm. Nếu mình tôi chịu trách nhiệm được với dân thì không nhất thiết phải kéo thêm nhiều người". Trần Phương bị kỷ luật, nhưng ngay từ lúc đó, dân gian đã nói: "Đổi tiền là chuyện Triều đình / Cớ sao chịu tội một mình Trần Phương".

Sự nghiệp chính trị của ông Trường Chinh có những tình huống thật éo le. Phản đối đổi tiền, nhưng khi không thuyết phục được Bộ Chính trị, sáng 3-9-1985, ông vẫn nhân danh chủ tịch Hội đồng Nhà nước ký sắc lệnh đổi tiền. Là một trong những nhà lãnh đạo cao nhất của Đảng, Trường Chinh đồng thời cũng phải phục tùng cái tập thể mà ông lãnh đạo đó. Là người đưa ra "thuyết ba giai đoạn" trong Đại hội II, năm 1951, theo đó trước hết phải giảm tô, giảm tức rồi mới đi đến cải cách ruộng đất, nhưng khi Chủ tịch Hồ Chí Minh chấp nhận sức ép của Mao Trạch Đông và Stalin, vội vàng cải cách ruộng đất, Trường Chinh vẫn nhận trách nhiệm chủ tịch Ủy ban Cải cách Ruộng đất. Để rồi khi Hồ Chí Minh "sửa sai", ông lại một mình mất chức.

Ông Trần Nhâm viết: "Sau khi Trường Chinh ký Sắc lệnh Đổi tiền, khắp nơi gửi thư đến phàn nàn, nhiều cán bộ cách mạng lão thành gặp ông trách cứ: sao quan điểm của anh đổi mới thế mà việc làm của anh lại khác như vậy? Ông cười xòa nói: đó là quyết định của Bộ Chính trị, chứ không phải của một cá nhân nào. Ông thà chịu đựng trước búa rìu của sự phê phán đối với cá nhân ông, chứ không bao giờ vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ. Hồi Cải cách ruộng đất cũng vậy, ông tự phê

bình nghiêm khắc, tự nguyện rút khỏi cương vị tổng bí thư. Ông thường tâm sự với chúng tôi: làm cách mạng không phải lúc nào cũng suôn sẻ, có việc muốn làm thì không làm được, có việc không nên thì lại cứ làm, người ta ai nói gì thì tùy họ, miễn là không thẹn với lòng. Việc đổi tiền ông đã làm hết sức mình để ngăn không cho nó xảy ra, nhưng cuối cùng nó vẫn xảy ra"[532].

Sau "Giá-Lương-Tiền", có ý kiến cho rằng thất bại của tổng điều chỉnh Giá-Lương-Tiền có nguyên nhân từ Nghị quyết Trung ương 8. Tại Hội nghị Trung ương 9, họp từ ngày 9 đến 16-12-1985, Trường Chinh cho rằng Nghị quyết Trung ương 8 là "nghị quyết đi vào cuộc sống nhanh nhất và có hiệu quả cao nhất. Song, điều đáng tiếc là trong chỉ đạo thực hiện, chúng ta đã phạm một loạt sai lầm, khuyết điểm... Chúng ta đã nặng về điều chỉnh mặt bằng giá và lương mà coi nhẹ đổi mới cơ chế quản lý... Nghị quyết Trung ương Tám chưa được triển khai thực hiện tốt, cơ chế quản lý mới chưa kịp hình thành thì đùng một cái chúng ta đã tiến hành đổi tiền trong thế bị động. Lẽ ra có thể giải quyết việc thiếu tiền theo cách khác"[533].

Quan điểm của Trường Chinh tiếp tục có thêm thành viên trong Bộ Chính trị đồng tình ủng hộ. Ngày 19-2-1986, Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch phát biểu trong một phiên họp của Bộ Chính trị[534]: "Sức mạnh của chủ nghĩa xã hội và sức mạnh của nền chuyên chính vô sản cũng không thể đi ngược lại với những quy luật kinh tế...". Ông Thạch cho rằng: "Một chính sách của nhà nước vừa ban hành là người dân cần phải tính toán ngay để quyết định sản xuất cái gì, mua cái gì. Nhưng bộ máy tính giá của Ủy ban Vật giá phải mất một năm mới tính toán xong. Hệ thống giá cả đó gửi đi mỗi tỉnh tốn mỗi năm bốn mươi tấn giấy". Ông Thạch nêu ví dụ điển hình về tính phi lý của giá: "Giá báo Nhân Dân rẻ quá đưa đến tình trạng con buôn mua gom báo để làm giấy gói hàng còn người cần đọc báo thì không còn báo".

Trước thềm Hội nghị Trung ương 10, Trần Phương gửi tới các ủy viên Ban Chấp hành Trung ương một bản giải trình dài chín mươi hai trang, tiếp tục bảo vệ quan điểm "quy tội" cho Nghị quyết 8. Nhóm chuyên gia của Trường Chinh, trực tiếp là Trần Đức Nguyên, lập tức làm việc suốt ngày đêm chuẩn bị cho Trưởng Ban Kinh tế Trung ương Nguyễn Lam một bài phát biểu ba mươi trang, lần lượt phản bác lại "giải trình chín mươi hai trang" của Trần Phương. Tháng 6-1986, Hội nghị Trung

ương 10 kết luận chính thức: “Nội dung cơ bản của Nghị quyết Trung ương và các Nghị quyết 28, 31 của Bộ Chính trị về Giá-Lương-Tiền là đúng đắn”.

Nã pháo vào bộ tổng

Kết luận của Hội nghị Trung ương 10 cho thấy khuynh hướng đổi mới mà Trường Chinh khởi xướng đang thắng thế, cho dù từ đầu năm 1986, Trường Chinh bắt đầu gặp phản công. Có lẽ do uy tín của Trường Chinh trong Đảng quá lớn, và do ông đã rất chặt chẽ khi bắt đầu tiến trình đưa ra các quan điểm của mình, nên không ai dám có phản ứng đích danh.

Nhưng đầu năm 1986, khi Giáo sư Đào Xuân Sâm, một chuyên gia trong nhóm Trường Chinh, công khai đưa ra khái niệm “thị trường có tổ chức”, nó đã bị coi như là một “quả bom” vì động đến nơi linh thiêng nhất của nền kinh tế kế hoạch hóa. Sau khi cho rằng không thể “lẩn trốn thị trường” nếu muốn thoát ra khỏi “quan liêu bao cấp”, Đào Xuân Sâm đã dẫn câu nói của Lenin: “Đi với chó sói thì phải gào lên”. Tháng 3-1986, Ban bí thư tổ chức hội thảo, giáo sư Đào Xuân Sâm được mời và ông có bài phát biểu: “Kinh doanh xã hội chủ nghĩa và quyền tự chủ của người kinh doanh”. Một số nhân vật trong Ban Bí thư khen phát biểu ấy nên báo Nhân Dân lấy đăng ở mục Diễn đàn liên tiếp ba số báo từ ngày 17 đến 19-3-1986. Nhưng theo giáo sư Đào Xuân Sâm: “Đúng lúc ấy Bộ Chính trị họp, Đỗ Mười, Tố Hữu phê phán rất căng. Đỗ Mười nói: thằng này nã trọng pháo vào bộ Tổng”.

Ngày 20-3-1986, Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá Nhà nước Phan Văn Tiệm nhận xét trong một cuộc giao ban của ủy ban: “Những biện luận của vị giáo sư trên báo Nhân Dân mấy ngày qua chỉ là một suy nghĩ ngông cuồng”. Báo Nhân Dân sau đó cũng liên tiếp viết bài phê phán quan điểm của Đào Xuân Sâm, cùng lúc, các tạp chí như Nghiên cứu Kinh tế, Thông tin Lý luận đăng nhiều bài lên án. Các “nhà lý luận kiên định” coi Đào Xuân Sâm như là một “Otar Sik[535] của Việt Nam”. Cho dù ông không có được một hệ thống lý thuyết hoàn chỉnh về “tự do hóa nền kinh tế xã hội chủ nghĩa theo cơ chế thị trường” như Otar Sik, giới nghiên cứu chính thống và Học viện Nguyễn Ái Quốc vẫn muốn xếp ông vào diện “xét lại”.

Bài viết của Đào Xuân Sâm còn bị các chuyên gia Liên Xô phê phán, nhất là sau khi Trưởng đoàn Paskar có buổi làm việc trực tiếp với Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Đỗ Mười. Ngày 8-5-1986, sau hơn một tháng trở lại Việt Nam, đoàn Chuyên gia Kinh tế Cao cấp Liên Xô đã gặp Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng,

các Phó Chủ tịch: Võ Chí Công, Tố Hữu, Đỗ Mười, Võ Văn Kiệt. Phía Liên Xô, ngoài Đại sứ Sepplin, Cố vấn trưởng Paskar, còn có ba tiến sỹ, trong đó có viện trưởng Viện Nghiên cứu kinh tế toàn Liên Bang, ba phó tiến sỹ khoa học kinh tế và những chuyên gia có kinh nghiệm khác.

Sau khi ghi nhận những "chuyển biến quan trọng", Paskarđã chỉ ra nhiều "thiếu sót nghiêm trọng" trong phát triển kinh tế[536]. Về công nghiệp, Paskar cho rằng: "một số ngành sản xuất đang đi chệch những chỉ tiêu kế hoạch; nhiều nhà máy được xây dựng chỉ sử dụng 50% công suất". Về tình trạng cung cấp vật tư, Paskar phê phán những thành quả "xé rào". Paskar cho rằng "khó khăn của xí nghiệp, nhà máy là ở chỗ, các xí nghiệp có quyền mua bán vật tư theo giá thỏa thuận". Sau khi cảnh báo hiện tượng "chưa tập trung đúng mức quyền lực vào trung ương", ông nói: "Chúng tôi theo dõi cuộc tranh luận trên báo chí ở Việt Nam; hình như có những người phê phán trung ương tập trung quan liêu làm cho địa phương không hoạt động được".

Sau khi nhấn mạnh "quyền lực của nhà nước trung ương", cố vấn Paskar nói: "Chúng tôi cảm thấy Việt Nam hiện đang có hai trào lưu: trào lưu phi tập trung hóa, giao thêm quyền lực cho địa phương và giao lưu thông phân phối cho thị trường tự do; trào lưu thứ hai là tập trung quyền lực và kế hoạch". Dừng lại một chút, Paskar tuyên bố: "Chúng tôi gia nhập trào lưu thứ hai này!". Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng phụ họa: "Không thể khác được đồng chí Paskar ạ!". Võ Chí Công bổ sung: "Trào lưu thứ nhất chỉ có một ít thôi. Bài báo của Đào Xuân Sâm là sai. Chúng tôi đã cấm và kiểm điểm tòa soạn". Paskar phấn khởi: "Chúng tôi muốn nói tới bài báo đó. Không thể có chủ nghĩa xã hội nếu giao lưu thông phân phối cho tư thương. Không thể có chủ nghĩa xã hội nếu sản xuất không có kế hoạch. Từ bỏ kế hoạch thì chủ nghĩa xã hội chỉ còn khẩu hiệu, không ai thừa nhận đó là chủ nghĩa xã hội". Paskar kết thúc cuộc họp: "Bây giờ phải tăng cường kỷ luật lập lại trật tự". Khi ấy, Liên Xô đang cấp cho Việt Nam mỗi năm một tỷ rúp.

Khép lại trang sử Lê Duẩn

Cho dù ở trường Nguyễn Ái Quốc, quy trình phong hàm giáo sư cho ông Sâm bị trì hoãn sau nhận xét của Đỗ Mười và Cố vấn Paskar, Đào Xuân Sâm tiếp tục được mời tới các cuộc thảo luận trong nhóm nghiên cứu của Trường Chinh. Tình hình đất nước vào thời điểm ấy đã vô cùng nguy ngập. Trường Chinh biết rõ Đảng đang ở

trong tình thế "đổi mới hay là chết". Trong cuộc đời của làm cách mạng của mình, đây chính là cơ hội để Trường Chinh khắc phục những sai lầm không chỉ là của Đảng mà cả của chính cá nhân ông nữa.

Theo ông Trần Nhâm: "Sáng 29-9-1988, một ngày trước khi ông Trường Chinh mất, khi làm việc với ông, tôi có hỏi, tại sao khi đó bác lại làm lớn chuyện 'khoán Vĩnh Phú' lên vậy? Ông điềm tĩnh trả lời tôi rằng có lẽ lúc bấy giờ nhận thức của mình không bắt kịp thực tế, trong khi những thông tin được báo cáo lên lại không chính xác"[537].

Ông Trần Phương cho rằng: "Trường Chinh đổi mới như thế là quá chậm, sau hai mươi lăm năm thôi chức tổng bí thư, có thời gian nghiên cứu hơn, nhưng cũng phải tới gần cuối đời, ông mới giác ngộ được. Nếu khi giải phóng miền Nam mà Trường Chinh cũng nhìn được như Lê Duẩn thì tình hình đã khác. Khi đó, Lê Duẩn nhận ra không thể áp dụng chính sách kinh tế ở miền Nam giống như những gì đã làm ở miền Bắc. Nhưng nhìn qua nhìn lại không có ai đồng tình, Trường Chinh thì im lặng". Ông Trường Chinh không chỉ bỏ qua cơ hội sau năm 1975. Cuộc cải cách lần thứ nhất ở Hội nghị Trung ương 6, khóa IV năm 1979, cũng không có ông.

Nghị quyết Trung ương 6 năm 1979, cho dù đã kích thích sự "bung ra" ở nhiều nơi nhưng cũng chỉ là một "tháo gỡ" nửa vời thay vì thay đổi trên nền tảng tư duy, nên từ sau Đại hội V, khi tình hình tiếp tục khó khăn, xu hướng quay lại đã xuất hiện. Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5, tháng 12-1983 và Hội nghị Trung ương 6, tháng 7-1984, vẫn còn đánh giá nguyên nhân của tình hình khó khăn là do "chậm cải tạo xã hội chủ nghĩa và cải tạo thị trường tự do". Tháng 1-1983, Trường Chinh vẫn ký Nghị quyết 8 của Bộ Chính trị chuyên đề về Hà Nội. Nghị quyết được nói là có thêm những "tình tiết tăng nặng" để "Chiến dịch Z-30" tiến hành "cải tạo lần hai".

Tới năm 1986, Trường Chinh đã đi được một quãng đường khá dài, đã ra khỏi "tháp ngà", đã đến tận cơ sở để lắng nghe thay vì tin vào các báo cáo mà ông nhận ra là dối trá. Từ năm 1982 cho đến năm 1986, trên diễn đàn các hội nghị trung ương, Trường Chinh thẳng thắn và đầy sức thuyết phục, đấu tranh không khoan nhượng, từng bước xác lập nền tảng lý luận để giải thích thực tế và bắt đầu đổi mới. Thủ tướng Phan Văn Khải, khóa V là ủy viên dự khuyết Trung ương, nhớ lại:

"Khi đó, những bài phát biểu của Trường Chinh liên tục nhận được nhiều tràng pháo tay. Ý kiến của ông rất mới mẻ và thực sự làm thay đổi tư duy của Đảng".

Sức khỏe của Tổng Bí thư Lê Duẩn cũng đã đóng một vai trò quan trọng trong những diễn biến chính trị trước Đại hội VI. Theo bà Nguyễn Thụy Nga, người vợ thứ hai của ông Lê Duẩn: "Đầu năm 1986, những vết sẹo phổi có từ hồi nằm Côn Đảo bị đánh bầm dập nay phát sinh nước trong phổi. Anh đi Liên Xô điều trị... Khi từ Liên Xô trở về, anh nằm dưỡng bệnh ở Biệt thự số 7 Hồ Tây. Tôi ra thăm, anh bắt tay tôi, bàn tay nóng hôi hổi, môi anh đỏ mọng. Chú Hiền, bác sỹ riêng của anh nói, anh thường xuyên sốt 38°, 39° nhưng vẫn dự họp Trung ương hoặc gặp đồng chí này, đồng chí kia để lo nội dung và nhân sự đại hội"[538].

Theo ông Việt Phương và bà Lê Thị Muội, con gái Lê Duẩn, những ngày bệnh Lê Duẩn nằm ở Biệt thự số 7 Hồ Tây, mỗi lần nghe có ông Trường Chinh sang là ông lại bắt dìu từ gác hai xuống phòng khách, cho dù ông Trường Chinh đề nghị ông sẽ ngồi bên giường bệnh để nói chuyện với ông Lê Duẩn. Trong khi đó, cứ thấy Lê Đức Thọ đến là Lê Duẩn lại "phẩy tay đuổi đi".

Ông Hoàng Tùng nói: "Càng về sau, ông Lê Duẩn càng nhận ra sự thao túng của Lê Đức Thọ, đặc biệt là sự thao túng nhân sự trong Đại hội V năm 1982". Trần Nhâm, thư ký riêng của Trường Chinh, kể: Trong một phiên họp Bộ Chính trị, cụ Duẩn đã ốm lắm nhưng vẫn dự. Ông chỉ mặt Lê Đức Thọ: "Có phải có những trung ương ủy viên anh rút từ trong tay áo ra?" Lê Đức Thọ tái mặt. Cụ Trường Chinh cầm tay áo cụ Duẩn kéo ông ngồi xuống: "Anh đừng làm anh em người ta sợ". Trong một phiên họp Bộ Chính trị, ông Lê Duẩn nói với Lê Đức Thọ: "Anh đừng họp Bộ Chính trị nữa". Một thời gian sau, Lê Đức Thọ đi họp lại, Lê Duẩn lại nói: "Tôi đã bảo anh không họp nữa mà. Lê Đức Thọ phải ra về"[539].

Tại Hội nghị Tổ chức chuẩn bị cho Đại hội Đảng lần thứ VI, diễn ra vào tháng 4-1986, ông Lê Đức Thọ gián tiếp chỉ trích Lê Duẩn: "Lâu nay nói đường lối đại thể đúng, cụ thể sai. Nói như vậy không đúng. Kế hoạch năm năm 1976-1980 là duy ý chí, phiêu lưu. Đáng lẽ làm hai, ba năm khôi phục rồi mới đi vào xây dựng kinh tế thì tốt hơn". Về nhân sự, ông Lê Đức Thọ nói: "Lãnh đạo của ta già quá, từ năm 1980 tới nay không có phê bình và tự phê bình. Lúc Hồ Chủ tịch già không làm việc thường xuyên nhưng phải báo cáo công việc hàng ngày với Bác. Mấy năm nay, tổng bí thư không làm việc, anh Trường Chinh, tôi, không có phê bình. Năm năm Bộ

Chính trị không có tự phê bình và phê bình. Ủy viên Bộ Chính trị của ta thấp nhất là sáu mươi lăm tuổi, cao nhất là tám mươi nên rất hẫng. Dư luận nhiều nhưng cho đến nay chưa thống nhất về nhân sự. Tình hình kinh tế phức tạp. Đồn đại anh Ba chết, tiền, giá, kẻ địch lợi dụng nhiều". Rồi ông Lê Đức Thọ chỉ đích danh: "Anh Trường Chinh làm tổng bí thư mười tám năm; anh Ba làm tổng bí thư hai mươi lăm năm. Cả hai đều già trên tám mươi tuổi. Theo tôi, điều lệ nên ghi, một người không giữ chức tổng bí thư quá hai nhiệm kỳ"[540]. Ông Lê Đức Thọ được nói còn có một nỗ lực tái lập chức chủ tịch đảng để tăng thêm cơ hội[541].

Năm 1985, ông Trường Chinh giới thiệu Nguyễn Văn Linh vào Bộ Chính trị lần hai. Tháng 6-1986, ông Linh được đưa ra Hà Nội giữ chỗ thường trực Ban Bí thư, một vị trí mà khi đó ông Tố Hữu đang chờ đợi. Tại Hội nghị Trung ương 10, chính ông Trường Chinh đã điều khiển phiên họp theo hướng để Nguyễn Văn Linh nắm giữ cương vị này. Ông Linh bàn giao ở Thành phố Hồ Chí Minh xong, ra tới Hà Nội ngày 1-7-1986. Ngày 10-7-1986, ông Lê Duẩn qua đời. Ngày 14-7-1986, Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp phiên bất thường, chính thức bầu Trường Chinh giữ chức tổng bí thư, sau đúng ba mươi năm gián đoạn.

Vai trò của Mikhail Gorbachev

Từ tháng 6-1986, Trường Chinh đã được giao làm trưởng Tiểu Ban Chuẩn bị Văn kiện, nhưng công việc soạn thảo cho đến khi ấy vẫn do Tố Hữu phụ trách[542]. Khi ông Lê Duẩn mất, điều ông Trường Chinh lo lắng nhất là "cương lĩnh". Theo ông Đặng Xuân Kỳ: "Tôi kiến nghị, có hai việc phải chấn chỉnh ngay: một là báo cáo chính trị, hai là vấn đề nhân sự". Ông Trường Chinh băn khoăn: "Thời gian còn ngắn quá". Ông Kỳ bảo: "Nếu biết cách tổ chức, ba tháng xong, nhưng cái khó là nhân sự".

Ngày 13 và 14-5-1986, phát biểu tại hội nghị Bộ Chính trị, Trường Chinh nói: "Cách nghĩ cách làm cũ đã cản trở chúng ta phát hiện và bồi dưỡng nhân tài, làm cho nhân tài bị mai một". Nguyên nhân của tình hình đó được ông phân tích do quan niệm phong kiến, hẹp hòi theo kiểu gia trưởng "sống lâu lên lão làng" đã "ràng buộc, hạn chế tầm nhìn của chúng ta, khiến ta không thấy đầy đủ vốn quý báu đó".

Trong bài phát biểu này, Trường Chinh cảnh báo tình trạng "chọn người rồi mới tìm việc để ấn vào" thay vì từ nhu cầu của công việc mà chọn người thực hiện. Lê

Đức Thọ không những không đồng ý với bài phát biểu mà còn truy hỏi gay gắt: "Ai viết cho Trường Chinh?". Chỉ khi vấn đề được phát biểu trước Hội nghị Trung ương 11 và được Ban Chấp hành Trung ương bày tỏ sự đồng tình, Lê Đức Thọ mới thôi phản ứng. Theo ông Hà Nghiệp: "Đại hội VI tuy thành công về mặt đường lối, đã thất bại về nhân sự".

Trước khi ông Lê Duẩn mất không lâu, ngày 2-6-1986, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Trường Chinh ký quyết định miễn nhiệm những cán bộ liên đới trách nhiệm trong vụ Giá-Lương-Tiền. Hai trong số đó là các Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Trần Quỳnh và Trần Phương[543]. Hạ tuần tháng 7-1986, Trường Chinh quyết định thay thế nhóm biên soạn báo cáo chính trị làm việc dưới thời Lê Duẩn, đứng đầu là Tố Hữu, Trần Quỳnh. Theo ông Việt Phương, một thành viên trong nhóm soạn thảo văn kiện thời kỳ Tố Hữu, thì cho tới lúc ấy, nhóm chỉ mới soạn thảo đề cương và đề cương này chưa bao giờ được trình lên tổng bí thư vì lúc ấy tình hình sức khỏe của Lê Duẩn đã rất xấu.

Tổ Biên tập Báo cáo Chính trị Đại hội VI được thành lập mới, gồm mười người, tổ trưởng là Hoàng Tùng, tổ phó là Đào Duy Tùng; nhóm chuyên gia tư vấn của ông Trường Chinh có ba người tham gia, Hà Nghiệp, Lê Văn Viện và Trần Đức Nguyên. Lê Văn Viện khi ấy đang ở Lào, làm chuyên gia tư vấn giúp Kay-Sỏn Phôm-Vi-Hẳn, tổng bí thư Đảng Nhân dân Cách mạng Lào. Người cuối cùng được đưa vào nhóm này là Lê Xuân Tùng. Theo Việt Phương: "Trong nhóm dự thảo Văn kiện Đại hội VI, Lê Xuân Tùng là người đóng góp ít nhất vào việc viết ra đường lối đổi mới, nhưng về sau là người đạt được cương vị cao nhất trong thời kỳ đổi mới: ủy viên Bộ Chính trị".

Chấn chỉnh việc chuẩn bị văn kiện đại hội xong, đầu tháng 8-1986, Trường Chinh đi Liên Xô. Đây là một chuyến đi bất thường, nhưng là lệ thường. Các nước "xã hội chủ nghĩa anh em" mỗi khi thay đổi đường lối hay người lãnh đạo đều phải đến "ông anh cả" Moscow trình diện. Ông Trường Chinh ở lại Moscow một tuần, và ngày 12-8-1986, ông gặp Tổng Bí thư Gorbachev lần đầu tiên.

Chuyến đi thứ hai của ông Trường Chinh diễn ra vào tháng 11-1986, khi công việc chuẩn bị đại hội đã tới giai đoạn hoàn tất. Trường Chinh tới Moscow lần này là để dự cuộc gặp các Tổng bí thư, các Bí thư Thứ nhất các Đảng Cộng sản và các nước thuộc Hội đồng Tương trợ Kinh tế. Thực tế là ông đi với một sứ mệnh quan

trọng là tìm kiếm sự ủng hộ của Liên Xô cho công cuộc cải cách của mình. Theo Chánh Văn phòng Trung ương Đảng khóa V Nguyễn Khánh: "Theo lệ xưa nay, mỗi khi Đảng Cộng sản Việt Nam đại hội thì đường lối phải được Đảng Cộng sản Liên Xô và Trung Quốc đồng tình. Nếu họ không đồng tình thì đường lối sẽ không thực hiện được. Lúc bấy giờ, quan hệ Việt Nam - Trung Quốc còn gay gắt nên chỉ phải đi Liên Xô".

Trường Chinh đến Moscow ngày 9-11-1986, cuộc gặp Gorbachev được sắp xếp vào ngày 12-11-1986. Theo ông Hà Nghiệp: "Chúng tôi đã rất lo lắng". Trước ngày lên đường đi Moscow không lâu, tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ Hà Nội, ngày 19-10-1986, Trường Chinh tuyên bố: "Chúng ta đang ở thời kỳ quá độ, có thể bỏ qua tư bản chủ nghĩa đi lên chủ nghĩa xã hội, nhưng dứt khoát không thể bỏ qua sản xuất hàng hóa". Ở thời điểm ấy, nếu Gorbachev "bác" đường lối đổi mới của Việt Nam thì ở trong nước, Trường Chinh chắc chắn sẽ gặp khó khăn với những người bảo thủ.

Sau khi Trường Chinh nhấn mạnh vai trò của kinh tế thị trường tại phiên họp ngày 18-5-1986 của Bộ chính trị, ông Phạm Văn Đồng nói: "Anh thì khi nào cũng hàng hóa". Trường Chinh nhẹ nhàng nhấc chén trà trước mặt: "Tôi hỏi anh, cái chén này bán ở ngoài cửa hàng không phải hàng hóa thì là cái gì?". Phạm Văn Đồng: "Đất nước đang nước sôi lửa bỏng mà anh lúc nào cũng lý luận". Trường Chinh: "Đúng là tôi đang tư duy lý luận. Nhưng, khi nhà cháy mà chúng ta không trước hết nghĩ cách, cứ lao hết vào lửa thì cháy hết cả nhà lẫn người"[544]. Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Đỗ Mười thì không ít lần công khai dẫn lời Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Liên Xô Baibakov: "Chủ nghĩa xã hội là Sông Đà chứ không phải là chợ Đồng Xuân".

Tháp tùng chính thức Trường Chinh tới Moscow có Hà Nghiệp, Trần Nhâm và Chánh Văn phòng Nguyễn Khánh. Giáo sư Dương Phú Hiệp cũng có mặt. Ông Dương Phú Hiệp kể: Theo lịch, cuộc gặp Gorbatchev sẽ diễn ra lúc ba giờ chiều. Một giờ, ông Trường Chinh cho gọi chúng tôi sang trao đổi. Trường Chinh tỏ ra lo lắng.

Mọi lo lắng hóa ra lại không cần thiết. Theo Hà Nghiệp thì cuộc gặp Gorbachev diễn ra suôn sẻ. Gorbachev đánh giá những dự định cải cách của Việt Nam là sáng tạo, ông đồng ý với những đề nghị của Trường Chinh và nhận xét: "Có những điều các đồng chí còn đi xa hơn cả chúng tôi". Gorbachev nói điều đó không chỉ để làm vui lòng Trường Chinh. Trong khi Việt Nam bắt đầu công nhận "kinh tế hàng hóa

nhiều thành phần”, thì một tuần sau, vào ngày 21-11-1986, Xô Viết Tối Cao Liên Xô, trong một nỗ lực cải cách, chỉ đưa ra được luật cho phép lập các “xưởng cá nhân và gia đình”, theo đó người dân chỉ được sản xuất “dựa vào chính sức mình và của những người trong gia đình”.

Ngày 28-7-1986, khi tới thăm vùng Viễn Đông Liên Xô, Gorbachev tỏ ra quan tâm tới Việt Nam khi tuyên bố: “Mong muốn biên giới Việt - Trung trở thành một biên giới hòa bình, láng giềng và thân thiện”. Cũng trong chuyến đi đó, Gorbachev bắt đầu đề cập tới cải tổ. Ngày 31-7-1986, ông tuyên bố ở Vladivostock: “Đảng Cộng sản Liên Xô và toàn thể đất nước Xô Viết hoàn toàn hiểu rằng cần phải tìm kiếm câu trả lời cho những vấn đề mà cuộc sống đặt ra ngay trong khuôn khổ của hệ thống xã hội chủ nghĩa”. Ông nhấn mạnh: “Dù thế nào đi nữa, chúng ta cũng không được sống theo lối cũ”. Báo chí Việt Nam thời gian đó bắt đầu dành nhiều tin bài để nói về Liên Xô. Từng bước đi của Gorbachev đều được báo chí Việt Nam, đặc biệt là tờ Tuổi Trẻ, tường thuật[545].

Cho dù đổi mới ở Việt Nam là một tiến trình diễn ra với sự hối thúc từ bên trong, nhưng sự thay đổi của Liên Xô đã đóng một vai trò quan trọng. Cái chết của Brezhnev vào ngày 10-11-1982 đã chấm dứt kỷ nguyên trì trệ kéo dài suốt mười tám năm kể từ khi Brezhnev ngồi lên ghế tổng bí thư Liên Xô. Người kế vị ông, Andropov, thì nằm trên giường bệnh nhiều tháng trước khi qua đời trong thời gian ở ngôi tổng bí thư mười lăm tháng. Người kế nhiệm Andropov chưa phải là Mikhail Gorbachev như ông ta muốn mà là một ủy viên Bộ Chính trị ốm yếu khác: Chernenko. Cái chết của Chernenko sau đó mười ba tháng đã đưa Gorbachev lên vị trí tổng bí thư. Ngày 11-3-1985, ngày Gorbachev nhậm chức, đã đánh dấu một kỷ nguyên mới của lịch sử thế giới[546].

Trường Chinh từ Moscow trở về, tưởng mọi chuyện đều trôi chảy. Nhưng khi bắt đầu đại hội, các đại biểu đã rất hoang mang. Trần Quỳnh, sau khi cùng Võ Chí Công đến Hungary dự cuộc họp của Hội đồng Tương trợ Kinh tế về, nói rằng: “Thủ tướng Liên Xô nói Liên Xô không tán thành Việt Nam đi theo khuynh hướng chủ nghĩa xã hội thị trường”. Nhiều người nghe Trần Quỳnh tỏ ra rất sợ; hầu hết đại biểu đều đã học qua Nguyễn Ái Quốc, đều biết số phận của Tiệp Khắc khi dám qua mặt Liên Xô làm “chủ nghĩa xã hội thị trường”.

Nhưng, theo Giáo sư Dương Phú Hiệp, Trường Chinh là một người làm việc hết sức chặt chẽ. Ông hỏi văn phòng: "Anh Trần Quỳnh nói có kèm theo văn bản không?". Văn phòng trả lời "không". Ông nói: "Thế thì không được. Tôi có văn bản. Tôi và Gorbachev có ký chung một văn bản nhất trí với nhau đây". Biên bản được phát ra, những người ủng hộ Trường Chinh mới thở phào nhẹ nhõm khi thấy "Liên Xô không ngăn cản ta đổi mới". Khi ấy, Trường Chinh mới nhắc lại bài viết của viện trưởng Viện Chính trị Kinh tế Thế giới mà Gorbachev đã rất thích: "Ở Liên Xô cũng có những kẻ hay dọa thế"[547].

Tuyên ngôn đổi mới

Đó là những ngày sôi động. Sau khi Trường Chinh nhận chức tổng bí thư, ông cùng Hoàng Tùng, tổ trưởng Tổ Biên tập Báo cáo Chính trị Đại hội VI, và các thành viên của Tổ Biên tập, xuống nhà nghỉ Vạn Hoa, tòa lâu đài ở Đồ Sơn, nơi mà Tổng Bí thư Lê Duẩn đã từng thai nghén Nghị quyết Đại hội IV. Tại đây, theo ông Hoàng Tùng: "Chúng tôi lần lượt trả lời hai mươi câu hỏi mà tình hình đặt ra và quán triệt tinh thần của báo cáo chính trị chỉ trong hai chữ: đổi mới".

Tổ Biên tập sau đó làm việc chính ở Hồ Tây. Mỗi phần của báo cáo được phân cho một nhóm biên soạn, Trường Chinh trực tiếp đọc và sửa. Khi đánh giá những sai lầm sau 1975, theo ông Đặng Xuân Kỳ: tôi đề nghị ghi rõ sai lầm của ta là sai lầm về đường lối chứ không chỉ chủ trương chính sách lớn. Ông Lê Phước Thọ cũng đề nghị: "Đảng ta trước sau phải thừa nhận thời kỳ đó là sai lầm về đường lối". Nhưng cha tôi nói: "Anh Ba vừa mới mất, nói sai lầm đường lối là đánh giá tổng bí thư. Cũng phải coi hoàn cảnh lịch sử lúc đó để đánh giá như thế nào là vừa mức". Tuy nhiên, trước áp lực "nhìn thẳng vào sự thật", Trường Chinh cũng đã phải tự tay ghi vào văn kiện: "Trong nhiều năm qua, Đảng đã phạm những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương chính sách lớn". Ngày 19-10-1986, phát biểu tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ Hà Nội, Trường Chinh phân tích thêm: "Đó là sai lầm tả khuynh, ấu trĩ, duy ý chí, làm trái quy luật khách quan… khi đã mắc sai lầm lại bảo thủ, trì trệ, không dũng cảm sửa chữa".

Tổ biên tập phân công Phan Diễn viết "Đổi mới tư duy về cơ cấu kinh tế", Hà Đăng viết phần "Chấp nhận nền kinh tế nhiều thành phần", Trần Đức Nguyên viết "Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế". Với sự thận trọng truyền thống, từng vấn đề một, Trường Chinh đều cho chuẩn bị kỹ, đưa ra Bộ Chính trị thảo luận rồi thông qua từng

phần trước khi đưa vào "Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương trình Đại hội"[548].

Thế nhưng, theo ông Trần Đức Nguyên: "Một buổi sáng sát ngày đại hội, tôi vừa tới nơi làm việc của Tổ biên tập ở Hồ Tây thì được anh Đào Duy Tùng chuyển cho hơn mười điểm mà các anh ủy viên Bộ Chính trị trong Chính phủ (gồm Phạm Văn Đồng, Đỗ Mười, Võ Chí Công) thấy cần sửa. Tôi xem ngay và sau đó gọi điện thoại cho anh Năng, thư ký của anh Tô (Phạm Văn Đồng), nhờ báo cáo với anh Tô cho tôi được trình bày lại, vì nếu sửa văn kiện theo ý bên chính phủ thì khác với kết luận của Bộ Chính trị về ba quan điểm đã bàn. Chỉ ít phút sau, tôi được anh Năng gọi điện lại truyền đạt ý kiến anh Tô là viết như kết luận của Bộ Chính trị".

Sau khi tạo được sự thống nhất trong nội bộ, Tổng Bí thư Trường Chinh đã chọn Đại hội Đại biểu Đảng bộ Hà Nội để công bố với nhân dân. Ngày 19-10-1986, tại Hà Nội, ông phát biểu: "Đối với cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa, đổi mới là con đường vươn lên đáp ứng đòi hỏi của thời đại, đáp ứng những nhu cầu chính đáng và ngày càng cao của nhân dân. Đối với nước ta, đổi mới cũng là yêu cầu bức thiết, là vấn đề có tầm quan trọng sống còn. Yêu cầu đó vừa là đòi hỏi bên trong của nước ta, vừa phù hợp với xu thế đổi mới của thời đại". Bài phát biểu được các phương tiện truyền thông chính thức trích dẫn ngay trong ngày, ngay sau đó nó được đón nhận như một Tuyên Ngôn Đổi Mới.

Bàn tay Lê Đức Thọ

Trước Đại hội VI, theo ông Hoàng Tùng: "Lê Đức Thọ không thèm quan tâm đến báo cáo chính trị mà tập trung những nỗ lực cuối cùng để cấy nhân sự vào nhiệm kỳ kế tiếp". Có thể nói, chưa bao giờ bản lĩnh Lê Đức Thọ thể hiện kiên nhẫn và sắt đá như giai đoạn này - giai đoạn mà uy tín của ông xuống đến mức những người thân tín nhất của ông lần lượt bị "phế truất" thông qua lá phiếu bầu từ các đại hội địa phương và ngành, đặc biệt là từ quân đội.

Đúng như Lê Đức Thọ nhận xét trong Hội nghị Công tác Tổ chức, tháng 4-1986: "Đời sống khó khăn gây nhiều chuyện tiêu cực, kể cả quân đội cũng tiêu cực ghê gớm". Ông Thọ thừa nhận: "Năm mươi sáu năm nay lúc này phẩm chất trong Đảng ta là sa sút nhất. Trong Đảng hình thành một tầng lớp đặc quyền, đặc lợi, nên không muốn rời chỗ đứng của mình vì nếu rời đi thì mất nhiều quyền lợi. Có người thắc mắc, nghỉ hưu chết có được quốc tang không? Được mấy vòng hoa khi chết,

đem nhiều vòng hoa để biết người chết cách mạng to hay nhỏ, rồi chôn ở nghĩa trang nào?”. Lê Đức Thọ đã nói đến những tiêu cực này như một người ngoài cuộc. Thế nhưng, từng vị chỉ huy quân đội biết rõ nguyên nhân đến từ đâu.

Sự kiện Võ Nguyên Giáp bị xếp sau Lê Đức Thọ theo thứ bậc trong Bộ Chính trị sau Đại hội IV đã khiến các tướng lĩnh cảm thấy bị xúc phạm. Liền sau đó là sự ra đi của Tướng Trần Văn Trà. Người thay thế Đại tướng Võ Nguyên Giáp là Văn Tiến Dũng, một vị tướng có nhiều đóng góp. Tuy nhiên, Tướng Dũng đã đánh mất khá nhiều uy tín của mình khi cho xuất bản cuốn hồi ký Đại Thắng Mùa Xuân, gần như bỏ qua vai trò của Tướng Giáp trong Chiến dịch Hồ Chí Minh.

Ngày 13-10-1986, Đại hội Đại biểu Đảng bộ Toàn Quân IV, diễn ra tại Hà Nội. Ngay trong lễ khai mạc, các đại biểu đã bày tỏ thái độ. Đại hội, trong khi chỉ dành vài tràng vỗ tay lẹt đẹt cho Đại tướng Văn Tiến Dũng, đã nhất loạt đứng lên vỗ tay như sấm khi Đại tướng Võ Nguyên Giáp bước vào hội trường. Tướng Giáp chỉ là một đại biểu được mời dự, nhưng đã được quân đội đón chào bằng cả những tiếng hoan hô và nước mắt. Những tiêu cực trong quân đội, tình trạng thiếu thốn, khổ sở của người lính trên các chiến trường được các tướng lĩnh phê phán gay gắt. Tham luận của Thiếu tướng Lê Phi Long, người vừa trực tiếp đốc chiến trên chiến trường Vị Xuyên trở về, mô tả đời sống khó khăn, chết chóc hàng ngày của người lính trên biên giới Việt-Trung; đối lập với tình trạng lợi dụng phương tiện quân sự buôn lậu, thu vén cá nhân của gia đình một vài tướng lĩnh.

Ngày 18-10-1986, đại hội đã “cách chức” hai đại tướng Chu Huy Mân và Văn Tiến Dũng bằng cách gạch tên hai nhân vật cao nhất của quân đội ra khỏi danh sách bảy mươi mốt đại biểu toàn quân đi dự Đại hội Đảng Toàn Quốc. Duy nhất chỉ có hai ý kiến bảo vệ Văn Tiến Dũng và Chu Huy Mân. Một trong hai người đó là Tướng Lê Ngọc Hiền, phó tổng tham mưu trưởng. Tướng Hiền đã bị phản đối quyết liệt khi đề nghị đại hội bầu cử lại.

Do Văn Tiến Dũng và Chu Huy Mân đang là ủy viên Bộ Chính trị khóa V nên theo Điều lệ Đảng, đương nhiên có mặt tại Đại hội VI. Tuy nhiên, cả hai vị đã không còn uy tín và không đủ điều kiện để được giới thiệu tiếp vào Ban Chấp hành Trung ương. Đại tướng Hoàng Văn Thái thì cũng vừa chết khá đột ngột ngày 2-7-1986. Trong quân đội, người được coi sẽ ở vào vị trị kế tiếp là Đại tướng Lê Trọng Tấn[549].

Tuy nhiên, một tháng là thời gian đủ dài để Trưởng Ban Tổ chức Lê Đức Thọ chuẩn bị. Ngày 5-12-1986, khi Đại tướng Lê Đức Anh từ Campuchia về Nhà khách T66 của Bộ quốc phòng, khi đại biểu từ khắp các tỉnh thành trong cả nước đã tập trung về Hà Nội để dự đại hội, Tướng Lê Trọng Tấn từ một cuộc họp ở Trung ương đi thẳng đến số 6 Nguyễn Cảnh Chân gặp Lê Đức Thọ. Không ai biết rõ những gì đã xảy ra trong cuộc gặp chóng vánh này. Từ Nguyễn Cảnh Chân, Tướng Tấn lên xe về nhà riêng, 36C Lý Nam Đế. Ở nhà, Tướng Lê Ngọc Hiền đang chờ ông về cùng ăn cơm.

Tướng Lê Ngọc Hiền là em vợ của Tướng Tấn, nhưng anh em có những bất đồng vì ông Hiền, trước đó, "phù thịnh", đứng hẳn về phía Văn Tiến Dũng, Chu Huy Mân. Giữa Lê Trọng Tấn và Lê Ngọc Hiền có nói với nhau vài câu ngắn. Bỗng nhiên, Tướng Tấn gục xuống bàn. Bà Lê Thị Minh Sơn, phu nhân Đại tướng Lê Trọng Tấn từ nhà dưới chạy lên. Tướng Giáp từ 30 Hoàng Diệu, chạy đến đầu tiên. Người thứ hai là Tướng Đinh Đức Thiện. Trong khi Tướng Giáp cắn chặt răng, đau đớn, Tướng Đinh Đức Thiện, em ruột Lê Đức Thọ kêu lên: "Tấn ơi, đứa nào hại mày?". Khi được dìu lên giường, Tướng Tấn chỉ kịp tháo chiếc đồng hồ Titoni mà ông đã đeo cả đời, đưa cho cháu nội trai là Lê Đông Giang, dặn: "Con cố trưởng thành".

Ngay lập tức, ông được đưa ra khỏi nhà. Đến đêm, gia đình được thông báo là ông đã mất. Mãi tới sau ngày 7-12-1986, ngày tang lễ của ông, các báo mới đăng thông cáo của Ban Chấp hành Trung ương: "Đại tướng Lê Trọng Tấn từ trần hồi 18 giờ 50 phút ngày 5-12-1986, thọ bảy mươi hai tuổi, sau một cơn đau cấp tính vì đồng chí đã mắc bệnh tim mạch nặng từ lâu". Hiếm có một cáo phó nào lại phải "vòng vo" như vậy về nguyên nhân của một cái chết và điều này càng làm tăng thêm hoài nghi.

Khi Tướng Lê Trọng Tấn mất, Lê Đức Thọ vừa là người phụ trách công tác tổ chức, vừa phụ trách Ban Bảo vệ Sức khỏe Trung ương, cơ quan quyết định tới từng viên thuốc của các nhà lãnh đạo. Cái chết của Đại tướng Lê Trọng Tấn ngay bên thềm Đại hội Đảng, cũng như cái chết trước đó của Đại tướng Hoàng Văn Thái, rất có thể chỉ là do tuổi tác và bệnh tật như "thông cáo của Ban Chấp hành Trung ương", nhưng lịch sử phi chính thống đã xếp những cái chết này vào hàng "nghi án".

Hơn một tháng sau cái chết của Tướng Lê Trọng Tấn, ngày 20-1-1987, trong một chuyến đi săn, khi ông Đinh Đức Thiện lấy khẩu súng từ trong xe ra thì đạn nổ, viên đạn xuyên từ cằm lên đỉnh đầu, đục thủng trần xe. Vị tướng đã xông pha biết bao chiến trường ấy cuối cùng đã chết vì "súng bị cướp cò".

Ở hành lang Đại hội Đảng, các đại biểu xì xầm, nhưng cái chết đột ngột của Tướng Lê Trọng Tấn, người lẽ ra sẽ giữ chức bộ trưởng quốc phòng sau đại hội này, đã không được công khai nói đến. Cho đến lúc đó, công tác nhân sự vẫn được ông Lê Đức Thọ kiểm soát gần như tuyệt đối. Quy trình công tác cán bộ của Quốc tế III vốn đã có vấn đề lại càng trở nên "quái gở", như nhận xét của ông Việt Phương, sau khi mang thêm dấu ấn cá nhân của những con người như Stalin, Mao Trạch Đông, Beria, Khang Sinh, và được Lê Đức Thọ mang về Việt Nam, và theo Việt Phương, trở thành "một cách làm sai hỏng đã được quy tắc hóa".

Theo quy trình này, nhân sự của nhiệm kỳ mới, về lý là do đại hội bầu, nhưng danh sách đưa ra để đại hội bầu với một số lượng sít sao lại do Ban Chấp hành Trung ương khóa cũ, tức là những người sắp rời nhiệm sở, đề nghị. Nếu có ai đó được đại hội đề nghị mà Ban Chấp hành Trung ương không tán thành thì chính họ sẽ được Tiểu Ban Nhân sự yêu cầu "tự nguyện rút". Cũng có nhiều trường hợp, người được đề cử không rút, và mỗi đại hội, Tiểu Ban Nhân sự đều nhân nhượng đưa vào danh sách bầu cử một số ứng cử viên. Nhưng lịch sử các đại hội của Đảng Cộng sản Việt Nam kể từ khi cầm quyền, hầu như không có ứng cử viên nào đắc cử trung ương nếu như không nằm trong danh sách chính thức được đề cử bởi Ban Chấp hành cũ. Nói là Ban Chấp hành nhưng, người đóng vai trò quyết định vẫn là Lê Đức Thọ.

Ông Việt Phương cho rằng cả Lê Duẩn và Phạm Văn Đồng đều phó thác toàn bộ công tác nhân sự cho Lê Đức Thọ. Trường Chinh tuy có quan tâm nhưng ông lại chỉ thường chú trọng các vấn đề nguyên tắc. Ông Việt Phương xác nhận: "Những năm cuối đời, anh Lê Duẩn ác cảm ra mặt bởi sự lộng quyền của Lê Đức Thọ trong công tác cán bộ. Ông nhiều lần nói với nhóm giúp việc chúng tôi: Ban Chấp hành Trung ương có 150 người, may ra tôi chỉ biết hai mươi người, còn lại do anh Thọ sắp xếp. Tuy rằng anh ấy có báo cáo, nhưng rồi Bộ Chính trị, Trung ương cũng chủ yếu quyết định theo trình bày của anh ấy". Cũng theo Việt Phương, chính Hồ Chí Minh

cũng từng phải than rằng: "Công tác cán bộ của ta đều do chú Thọ cả. Chú thích ai thì chú báo cáo tốt, ghét ai báo cáo xấu, chứ Bộ Chính trị có biết hết đâu".

Trong suốt ba mươi hai năm làm thủ tướng, cứ mỗi nhiệm kỳ, ông Phạm Văn Đồng lại "trình quốc hội" một danh sách chính phủ mới. Bản danh sách ấy không phải của ông Phạm Văn Đồng mà là của ông Lê Đức Thọ, cả về thành phần lẫn văn vẻ. Theo ông Việt Phương: "Trước mỗi lần đọc, Thủ tướng Phạm Văn Đồng lại rị mọ ngồi sửa lại chữ nghĩa trong bản danh sách nội các trình Quốc hội phê chuẩn. Ông Phạm Văn Đồng sửa vì ông là một người trí thức thận trọng chữ nghĩa, ông không thể đọc trước Quốc hội một văn bản mà ông than: họ viết câu bất thành cú. Tuy nhiên, ông chỉ có thể chữa lại ngữ pháp, chính tả, chứ nội dung của nó thì thủ tướng cũng không có quyền thay đổi". Nhiều nhân vật, cho đến khi được ông Lê Đức Thọ đưa lên làm "thành viên chính phủ", Thủ tướng Phạm Văn Đồng chưa hề gặp mặt lần nào[550].

Nhân sự cho Đại hội VI vẫn do Lê Đức Thọ điều khiển cả về quy trình và con người cụ thể. Theo người kế nhiệm của ông Thọ, ông Nguyễn Đức Tâm: "Trong quá trình chuẩn bị, anh Thọ luôn nhắc nhở chúng tôi phải chú ý phương châm: thận trọng, dân chủ. Trong từng trường hợp một, với cương vị là trưởng Ban Nhân sự Đại hội, anh Thọ đều bố trí thời gian nghe một cách chăm chú và hỏi lại cặn kẽ những chi tiết còn chưa thật rõ"[551]. Tuy nhiên, giữa những lời dặn dò và cách mà ông Lê Đức Thọ làm nhân sự, theo trải nghiệm của nhiều ủy viên trung ương là rất khác nhau và có khi vô cùng "hình sự"[552].

Đối với các trường hợp được giới thiệu vào Bộ Chính trị, theo ông Nguyễn Đức Tâm: "Anh Thọ càng thận trọng xét đi xét lại kỹ lưỡng, báo cáo Bộ Chính trị rồi trao đổi lại với từng người một, cứ như vậy cho đến khi có sự nhất trí trong Bộ Chính trị rồi mới giới thiệu ra trung ương. Đến Đại hội VI về cơ bản cũng làm theo phương pháp trên, nhưng đặc biệt ở đại hội này, việc lựa chọn tổng bí thư gặp khó khăn nhất. Qua nhiều lần trao đổi riêng với từng đồng chí ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư vẫn chưa nhất trí"[553].

Phút 89

Chính vì nhân sự chủ chốt chưa nhất trí được trong Bộ Chính trị mà ở hai kỳ hội nghị trung ương - Hội nghị 11, họp từ 17-25 tháng 11-1986; Hội nghị 12, họp trước và trong khi bắt đầu "Đại hội Nội bộ", từ 5-12-1986 - nói là để "bàn nhân sự",

nhưng theo ông Lê Văn Triết, khi ấy là ủy viên trung ương dự khuyết, các cuộc thảo luận ở trung ương chỉ bàn về nguyên tắc chứ không được bàn về nhân sự cụ thể.

Việc không để các ủy viên trung ương và các đại biểu thảo luận nhân sự cụ thể đã tạo ra một khoảng trống ở đại hội. Trước khi về Hà Nội, các đoàn đại biểu, đặc biệt là các đại biểu miền Nam, những người hiểu rõ Nguyễn Văn Linh và đang kỳ vọng to lớn vào Trường Chinh đã có một cuộc vận động để Trường Chinh tiếp tục làm tổng bí thư khóa VI. Theo ông Trần Nhâm, thoạt đầu, ông Trường Chinh nói trong Bộ Chính trị: "Tuổi tôi lớn rồi. Tôi xin thôi". Nhưng về sau, có lẽ ý thức trước sứ mệnh mà các đảng viên muốn giao phó cho ông và khó chịu trước cách làm của Lê Đức Thọ, ông Trường Chinh giữ im lặng.

Lê Đức Thọ đủ kinh nghiệm để thấy vào thời điểm ấy, ông không còn uy tín để tìm kiếm cơ hội cuối cùng cho mình[554], nhưng vẫn rất "thao lược' để cài cắm trong bộ máy mới nhân sự của mình. Ông Trần Nhâm cho rằng việc không đưa nhân sự cụ thể ra thảo luận công khai là "động cơ cá nhân" của ông Lê Đức Thọ. Trong Đại hội Nội bộ, có hơn 900 đại biểu trong số 1.129 đại biểu về dự Đại hội VI ghi vào phiếu thăm dò đề nghị ông Trường Chinh tiếp tục làm tổng bí thư. Các đoàn đại biểu, đặc biệt là các đoàn từ miền Nam ra liên tục xin gặp Trường Chinh để thuyết phục.

Theo lịch Đại hội Nội bộ, sáng ngày 13-12-1986, các đại biểu tập trung ở Hội trường Ba Đình. Nhưng, chờ mãi tới chín giờ, Ban Tổ chức mới thông báo: "Mời đại biểu về nghỉ. Chiều nay ba giờ lên hội trường để thống nhất nhân sự kết thúc đại hội trù bị". Vài giờ trước đó, theo ông Trần Nhâm: Tôi đến số 3 Nguyễn Cảnh Chân, nhà riêng Tổng Bí thư Trường Chinh, lúc sáu giờ. Sáu giờ ba mươi, Chánh Văn phòng Trung ương Nguyễn Khánh tới hỏi: "Cụ dậy chưa?". Tôi bảo: "Đêm qua họp Bộ Chính trị khuya, giờ cụ chưa dậy". Nguyễn Khánh về, tới 7 giờ 30 thì "một lô một lốc kéo tới", gồm Phạm Hùng, Lê Đức Thọ, Phạm Văn Đồng, Nguyễn Đức Tâm, Võ Chí Công. Lê Đức Thọ ép ông ký vào lá đơn "xin không ứng cử". Khi ông Trường Chinh chưa kịp trả lời, Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng kiêm Bộ trưởng Nội vụ Phạm Hùng nói: "Anh không rút thì rất căng"[555]. Ông Trường Chinh đã phải gật đầu, nhưng ông đã không ký vào lá đơn "xin rút" do Chánh Văn phòng Trung ương Nguyễn Khánh chuẩn bị.

Ba giờ chiều ngày 13-12-1986, các đại biểu lại lục tục lên hội trường, Phạm Hùng, người có thâm niên trong Bộ Chính trị chỉ sau ba vị trưởng lão sắp rời chính trường, thông báo với đại hội các vị Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Lê Đức Thọ đã 'xin rút tên" rồi Phạm Hùng đọc bản "tuyên dương công trạng to lớn" của "ba cụ"[556].

Xếp theo thứ bậc trong Đảng thì Phạm Hùng sẽ là nhân vật số một còn tham gia Ban Chấp hành Trung ương. Ông trở thành ủy viên Bộ Chính trị năm 1956, khi ông Nguyễn Văn Linh chưa là trung ương ủy viên. Từ năm 1967-1975, ông là bí thư Trung ương Cục miền Nam trong khi ông Linh là phó. Nhưng lúc ấy, những nhân vật mạnh nhất trong Đảng đều vận động cho Nguyễn Văn Linh. Ông Nguyễn Đức Tâm kể: "Anh Thọ vẫn kiên trì giữ ý kiến để anh Nguyễn Văn Linh làm tổng bí thư"[557]. Ông Hoàng Tùng nhận xét: "Phạm Hùng là người nghiên cứu kinh tế không sâu nên ít đưa ra sáng kiến. Trong thời gian làm 'phó', Phạm Hùng cũng không phải là một người mềm mỏng với cả ông Phạm Văn Đồng".

Ông Đồng vốn có cảm tình hơn với Nguyễn Văn Linh vì trong thập niên 1930 khi cùng ở tù Côn Đảo với nhau, Nguyễn Văn Linh - khi ấy mới chỉ là một cậu thiếu niên mười sáu tuổi - say mê đọc những tài liệu về chủ nghĩa Marx-Lenin do Phạm Văn Đồng dạy và dịch từ tiếng Pháp. Ngày 13-11-1986 khi ở Viên Chăn dự Đại hội Đại biểu Đảng Nhân dân Cách mạng Lào, trước các nhà lãnh đạo các "đảng anh em", Phạm Văn Đồng đã cố gắng giới thiệu Nguyễn Văn Linh như một thế hệ lãnh đạo kế tục ông thay vì chỉ tháp tùng trong chuyến đi đó.

Vào giờ chót, như một lá phiếu bỏ trước cho Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng đã chuyển bài phát biểu khai mạc Đại hội VI mà Hội nghị Trung ương 11 đã giao cho ông và đã được người giúp việc của ông là Việt Phương viết cho Nguyễn Văn Linh. Theo ông Việt Phương, Nguyễn Văn Linh đã chỉ sửa một vài từ có tính "nhân xưng" rồi đọc trong phiên khai mạc Đại hội Nội bộ ngày 5-12. Ông Linh còn diễn đọc lại bài này trong phiên khai mạc Đại hội Công khai vào ngày 15-12-1986. Bài phát biểu về sau đã góp phần giúp báo chí gọi Nguyễn Văn Linh là tổng bí thư đổi mới.

Chương XI: Campuchia

Giữa trưa 7-1-1979, khi nghe con rể là Giáo sư Hồ Ngọc Đại đánh thức báo tin, "Quân ta đã vào Phnom Penh", ông Lê Duẩn chỉ "ừ" rồi ngủ tiếp. Ông Hồ Ngọc Đại nói: "Tôi rất ngạc nhiên. Khi nhận được điện thoại từ Cục Tác chiến tôi cũng không ngờ chuyện long trời lở đất như thế mà ông vẫn ngủ". Đưa đại quân đến thủ đô một quốc gia khác tưởng nhẹ tựa giấc ngủ trưa của một đấng quân vương nhưng phải mười năm sau Quân đội Việt Nam mới rút được chân ra khỏi đó. Cho dù câu chuyện xảy ra bên ngoài lãnh thổ, mười năm ấy sẽ trở thành một phần lịch sử Việt Nam, lịch sử can thiệp vào một quốc gia khác.

"Pot ở đầu phum ta cuối phum"

Theo Tướng Lê Đức Anh: "Khi đánh Campuchia, trong lãnh đạo Đảng ta có hai ý kiến: một là đánh xong giao lại cho bạn rồi rút về ngay, hai là đánh xong phải giúp bạn xây dựng cho vững rồi mới bàn giao và rút về nước… Anh Lê Duẩn bảo đánh xong giao cho bạn rồi rút cho bộ đội về Nam Bộ làm ruộng"[558]. Ông Ngô Điền xác nhận, khi mới lên Phnom Penh, ông Lê Đức Thọ có nói đại ý, "ta cố làm tốt một thời gian, ba tháng, sáu tháng rồi giao cho bạn". Nhưng làm sao trong ba hoặc sáu tháng những người lính Việt Nam có thể "trở về Nam Bộ làm ruộng" khi Khmer Đỏ chỉ mới bị đánh đuổi chứ chưa bị đánh tan.

Chưa đầy một tháng sau khi khởi binh, ngày 17-1-1979, bộ đội Việt Nam đã đánh đổ chính quyền cuối cùng của Pol Pot ở thị xã Ko Kong. Nhưng, như Cục trưởng Cục Tác chiến Lê Hữu Đức thừa nhận, "chúng ta chiếm được Phnom Penh và các thành phố, thị xã, nhưng chúng ra không diệt được sư đoàn nào của Pol Pot. Sinh lực địch bị tiêu hao không đáng kể". Trung tướng Lê Hữu Đức cho rằng: "Chúng ta đã dùng búa tạ diệt ruồi, sử dụng binh chủng hợp thành như đánh Pháp, đánh Mỹ, để đánh với một đội quân du kích".

Khmer Đỏ bỏ chạy nhưng chúng không phải là một tàn quân. Tướng Đức nói: "Chúng được các cố vấn Trung Quốc dạy rất kỹ, cứ thấy xe tăng là chạy rồi gài mìn lại. Mìn Trung Quốc không giết chết mà chỉ sát thương. Cứ một người trúng mìn, quân ta lại phải mất bốn người để cáng". Khi tiến quân vào Phnom Penh, thế Việt

Nam như "chẻ tre", nhưng khi tới những vùng biên giới xa, các đơn vị Việt Nam lập tức bị Khmer Đỏ đặt trong tầm phục kích. Đây là giai đoạn quân đội Việt Nam bắt đầu chịu hy sinh lớn nhất.

Mùa khô năm 1980-1981, Khmer Đỏ mở cuộc phản kích lần thứ nhất. Khi ấy, lực lượng Quân Tình nguyện Việt Nam tại Campuchia vẫn ở mức cao. Không giành lại được đất, nhưng Pol Pot cũng đã kéo Quân Tình nguyện và Quân đội của Heng Samrin vào một cuộc chiến khốc liệt không chỉ bởi mức độ thương vong.

Mùa mưa năm 1983, ông Phạm Văn Trà, lúc bấy giờ là phó tư lệnh Tham mưu trưởng Mặt trận 979, trực tiếp lên vùng biên giới Ko Kong chỉ đạo Sư đoàn 4. Ông Trà kể: "Suốt mùa mưa, từ tháng 5 đến tháng 10, hầu như tuyến trước bị cắt đứt hoàn toàn liên lạc với tuyến sau; đặc biệt là việc tiếp tế, vận chuyển tê liệt hoàn toàn. Trong khi đó, địch sử dụng pháo đất từ Thái Lan bắn dai dẳng, ngày này qua ngày khác vào khu vực có bộ đội ta, các trận địa, bãi mìn của địch bủa giăng khắp nơi; anh em mình cứ đi ra khỏi địa bàn quen thuộc là vướng mìn, thương vong rất nhiều. Xuống các bệnh xá, trạm phẫu của sư đoàn, bắt gặp nhiều chiến sĩ trẻ trung, khôi ngô bị mìn nổ tiện mất chân, có đồng chí cụt cả hai chân, tôi không cầm được nước mắt, thấy mình chưa làm tròn trách nhiệm với anh em. Và cũng thật đớn đau, sau một mùa khô, một mùa mưa, giật mình thấy hàng ngũ của anh em mình thưa thớt, trống vắng mất một phần"[559].

Ở nơi hòn tên mũi đạn, bữa cơm người lính, theo ông Trà, chỉ gạo mục, cá khô mục, thịt ôi. Động viên anh em cũng chỉ tăng gia được một ít rau xanh để cải thiện bữa ăn, có thêm tí chất rau. Khí hậu thì khắc nghiệt, sốt rét, sốt rét ác tính cứ như "thần chết cầm lưỡi hái" đứng chờ mỗi ngày. Người lính cần vụ của Tướng Trà đã bị sốt rét, chết khi mới mười tám tuổi.

Ông Phạm Văn Trà kể: "Riêng tôi, mặc dù không bị sốt rét quật ngã, nhưng cũng đã nếm trải những cơn sốt kinh khủng. Sợ nhất là đang xuống đơn vị, cắt rừng kiểm tra trận địa phòng ngự của bộ đội, bất thần cơn sốt ập đến, người run lên bần bật, mắt hoa lên, bước đi lẩy bẩy, anh em không kịp dìu thì khuỵu xuống giữa đường, giữa rừng. Bộ đội ốm đau, bị thương do pháo, mìn, nhiều trường hợp bình thường, nếu cấp cứu kịp, chữa trị chu đáo sẽ qua khỏi, nhưng vì không chuyển được về tuyến sau nên đành nằm lại chịu chết". Đặc biệt trong mùa khô, theo Tướng Phạm Văn Trà, nước uống thiếu "là nỗi đe dọa kinh hoàng". Ông Trà kể: "Tôi đã

nghe cán bộ, chiến sĩ đơn vị kể lại những chuyện rất thương tâm: bộ đội khát nước bò lê trên đất, gặp cây gì xanh, mềm đều dùng răng gặm, may chăng kiếm được giọt nước. Khi đó, mọi phản xạ của con người gần như là bản năng. Cũng có trường hợp bộ đội chết khát, rất đau lòng"[560].

Mùa khô cũng là mùa tác chiến quan trọng nhất. Trận đánh ngày 25-5-1984 của Sư đoàn 330 mở màn đợt tấn công mùa khô 1984 được coi là thắng lợi, nhưng theo ông Phạm Văn Trà, để có chiến thắng đó, Sư đoàn đã phải trả giá rất đắt: 103 cán bộ, chiến sĩ hy sinh, 485 bộ đội bị thương. Bốn căn cứ của Khmer Đỏ bị chiếm, thu giữ hơn 300 khẩu súng. Nói là "loại khỏi vòng chiến đấu 700 tên Khmer Đỏ" nhưng trong những trận đánh như thế, Khmer Đỏ đều chủ động bỏ chạy để bảo tồn lực lượng, số sinh lực địch bị tiêu hao là rất ít.

Mùa khô 1983-1984, Khmer Đỏ tổ chức "cuộc phản kích thứ hai" nhưng thất bại. Mùa khô 1984-1985, quân đội Việt Nam mở một chiến dịch lớn đánh thẳng vào căn cứ địa của "ba phái Khmer phản động" nằm trên đường biên giới, trong đó có những phần nằm sâu vào đất Thái Lan, phá hủy mười sáu căn cứ của "ba phái Khmer". Sau đó, Tướng Lê Đức Anh chủ trương đưa "quân đội và nhân dân bạn" ra làm chủ biên giới bằng cách cho xây dựng Công trình K5: phát quang hơn 800km đường biên làm tuyến tuần tra, sau đó cho trồng tre, đào hào, gài mìn, dựng lên một hàng rào ngăn Pol Pot thâm nhập từ các căn cứ trên phần đất Thái Lan sang.

Theo tướng Mai Xuân Tần, trưởng Đoàn Chuyên gia 478: "Làm K5 có ý nghĩa rất rõ và thiết thực. Một là, có công trình phòng thủ biên giới thì các đơn vị vũ trang của bạn mới cảm thấy vững tâm hơn, từ đó mới dám tự lực bảo vệ tuyến đường biên, và như vậy quân tình nguyện của ta mới rảnh ra thực hiện nhiệm vụ của đơn vị chủ lực cơ động chiến lược. Hai là, nếu lúc đó bảo bạn đứng ra tổ chức những trận đánh lớn hoặc một chiến dịch lớn, một cuộc vận động cách mạng lớn thì bạn chưa làm được. Nhưng bảo bạn đứng ra tổ chức cho dân cò cây, đào hào, trồng tre làm thành đường tuần tra biên giới thì bạn làm được và dần dần làm tốt"[561].

Rào biên giới để ngăn giặc là một kế hoạch táo bạo. Nhưng Thái Lan và Campuchia có một đường biên dài hàng nghìn cây số, núi cao, rừng thiêng; Khmer Đỏ cũng không phải là con nai hay con trâu mà là những chiến binh áo đen. Từ những Preah Vihear, Dangrek, Pailin, Poi Pet, Phnom Malai, Anlong Veng,… những

bóng đen ấy vẫn thoắt ẩn, thoắt hiện, qua lại biên giới như con thoi; Pol Pot tiếp tục lập căn cứ sâu bên trong lãnh thổ Campuchia sau khi có K5.

Tướng Mai Xuân Tần giải thích: "Việc tổ chức Công trình K5 là nơi thực tế để tập dượt cho bạn biết làm công tác vận động và tổ chức quần chúng". Nhưng không phải tự nhiên mà "hồi đó và cả bây giờ vẫn có một số đồng chí thắc mắc và cho rằng K5 là tốn kém và không cần thiết"[562]. Trên thực tế, "K5" đã từng là nỗi sợ hãi của người Campuchia. Để làm K5, theo ông Ngô Điền: "Ta đã thúc đẩy bạn huy động khoảng bảy triệu ngày công của quần chúng từ các tỉnh hậu phương đi xây dựng phòng tuyến biên giới".

Hàng chục vạn dân công, phối hợp với bộ đội của Heng Samrin trên Công trường K5 không chỉ là những mục tiêu sống của Khmer Đỏ mà còn là của sốt rét, bệnh tật. Phần thì bị phục kích, đánh úp, phần bị sơn lam, chướng khí, không thể tính hết con số thường dân Campuchia bị thương bởi mìn, bị chết bởi súng đạn và đau ốm, trong cuộc "tập dượt làm công tác vận động quần chúng" này.

Sau K5, chiến sự càng ác liệt, nhất là khi hơn năm vạn quân tình nguyện Việt Nam được rút đi. "Từ năm 1983, bạn đảm đương được nhiệm vụ bảo vệ ấp, xã, thị xã, thị trấn, trừ hai thành phố Phnom Penh và Kongpong Som; năm 1984, bạn tự đảm đương hoàn toàn bốn tỉnh, Svey Rieng, Prey Veng, Kongpong Cham, Kandal; năm 1985, bạn tự đảm đương được một phần biên giới Campuchia-Thái Lan"[563]. Tuy nhiên, lực lượng Việt Nam đã phải dàn mỏng trên những vùng chiến trường rộng lớn. Những người lính trực tiếp ở đơn vị chiến đấu cảm nhận rất rõ điều đó và đây là trường hợp của Thượng úy Long.

Tháng 5-1986, Thượng úy Trần Hữu Long, đang là giáo viên quân sự ở trường Quân chính Quân khu VII, được điều sang chiến trường Campuchia làm đại đội trưởng Đại đội 11, Trung đoàn 4, Sư 5, Mặt trận 479. Long kể: "Đơn vị đóng ở nơi ác liệt nhất, nhưng vũ khí vẫn rất thiếu thốn. Đại đội tôi có 110 người mà chỉ còn chín mươi khẩu súng; theo lý thuyết thì hỏa lực phải được trang bị tới tận phân đội nhưng tiểu đội thì có B40, trung liên, tiểu đội không".

Đóng quân ở bìa rừng, nơi lực lượng Khmer Đỏ thường từ Thái Lan vượt biên giới vào bên trong đất Campuchia. Long kể: "Chiến tranh như trò đùa, chúng tôi thì cứ phơi mặt ra, trong khi Khmer Đỏ lại lẩn khuất trong bóng đêm, trong dân. Từ biên giới luồn qua, tụi lính Pol Pot lại dừng lại đánh nhau với tụi tôi một chặp, sau đó đi

về lại bắn nhau thêm một chặp nữa. Chúng tôi phải đắp tường và đào hào vây quanh doanh trại theo kiểu pháo đài. Loại pháo đài tường đất với những ngôi nhà tranh tre chỉ cần một phát B40 là cháy rụi".

Sự ác liệt mà những người lính ở Campuchia đã phải trải qua là không thể định lượng. Đánh chiếm một căn cứ của Khmer Đỏ thì có vẻ như rất dễ, nhưng tiêu diệt lực lượng Pol Pot thì rất khó. Có những đơn vị Quân Tình nguyện Việt Nam đã từng bị "xóa sổ". Thượng úy Long kể: Đầu mùa khô năm 1986, trung đoàn tổ chức truy lùng địch, đại đội tôi được giao ở nhà giữ cứ. Tối, tôi qua Đại đội 13, anh em kêu ngồi vào uống ly rượu tiễn. Đang ăn, Đại đội trưởng Thụ hỏi: "Còn đạn K54 không?". Tôi rút nguyên băng đạn từ khẩu K54 bên hông đưa cho Thụ. Trưa hôm sau ra phum, thấy mấy người già Khmer ngồi khóc, nói: "Bộ đội ông Thụ chết hết rồi".

Toàn bộ lực lượng Đại đội 13 tham gia trận đánh bị hy sinh, chỉ còn một người lính vác chân đại liên sống sót. Đêm ấy, gần 300 lính Khmer Đỏ bị Trung đoàn 4 bao vây, dồn đánh. Chúng buộc phải mở đột phá khẩu. Nơi chúng chọn nằm trong phạm vi chốt chặn của Đại đội 13. Những tên lính Khmer Đỏ hung hãn nã B40 như vãi xuống những người lính đang phơi lưng giữa đồng trống. Người lính sống sót về kể rằng, trước khi chúng đến, anh kịp nằm sấp xuống, kéo xác đồng đội đè lên. Lính Khmer Đỏ lần lượt bắn bồi vào những cái xác bộ đội Việt Nam, nhưng không hiểu sao anh sống sót. Sáng hôm sau, người dân đưa xe bò vào rừng chở về bốn mươi xác bộ đội trong đó có cả "Đại đội trưởng Thụ".

Sau trận ấy, Thượng úy Long triệu tập đơn vị nói, lực lượng mỏng, chúng ta có thể bị đánh bất cứ lúc nào. Rồi ra lệnh mở kho đạn, nâng cấp báo động, đặt đơn vị trong tư thế sẵn sàng chiến đấu. Đầu năm 1987, một tiểu đoàn Pol Pot xuất hiện trong khu vực đại đội Long đóng quân. Lúc này, Long đã chuyển sang chỉ huy Đại đội 12. Người dân trong phum nói: "Ông Long ơi, nó chuẩn bị đánh bộ đội 12 đó".

Nguôn, tiểu đoàn trưởng Khmer Đỏ, nhắn qua dân: "Nói ông Long chỉ cần ra khỏi doanh trại, bước qua bìa phum là tôi bắn". Thượng úy Long nhắn lại: "Nói ông Nguôn có giỏi thì cứ đưa quân về đây". Khmer Đỏ không đánh ngay mà cứ dấm dứ hàng tháng trời hòng đặt bộ đội của Thượng úy Long trong trạng thái căng thẳng kéo dài cho đến khi mệt mỏi. Bộ đội của Long vẫn thường nghêu ngao hát: "Pot ở

đầu phum / Ta cuối Phum / Uống chung dòng nước thối um um / Lên đây đã trải bao mùa lúa / Pot vẫn đầu phum ta cuối phum”[564].

Thượng úy Long kể: “Đêm Campuchia tối tới mức ngửa lòng bàn tay ra đưa lên trước mặt cũng không nhìn thấy. Khi hành quân đêm, chúng tôi phải bắt con sâu đất có ánh lân tinh quệt lên ba lô của người lính trước mặt để bám theo nhau. Đêm đi qua trảng trống, nếu lỡ tụt lại phía sau phải nằm sát mặt đất may ra mới nhìn thấy bóng những người lính hành quân in trên nền trời”. Những khoảnh khắc hay bị phục kích nhất là ở thời điểm trăng vừa lên, Khmer Đỏ phục sẵn chỉ chờ có ánh sáng nhận rõ mục tiêu là bắn. Khi tiểu đoàn Khmer Đỏ của Nguôn vẫn thập thò ngoài rừng, Long kể: “Cứ hai tiếng một lần, tôi lại phải dậy đi một vòng đốc gác. Tiền đồn tối như mực mà không có lấy một trái hỏa châu. Khmer Đỏ áp sát hàng rào cũng khó lòng nhìn thấy”.

Sau bốn ngày bị bao vây, “bộ đội 12” căng như dây đàn nhưng đám lính Khmer Đỏ vẫn chưa khởi chiến. Trung đoàn 4 lúc đó cũng không còn khả năng chi viện vì lực lượng đã bị dàn mỏng. Tiểu đoàn nhắn xuống: “Tập trung phòng thủ cho tốt”. Khoảng 4:30 sáng, Thượng úy Long đi đốc gác lần cuối, thấy anh em chấp hành nghiêm, anh trở về lán. Long kể: Vừa đặt lưng, tôi nghe tiếng AK nổ phát một bụp, bụp. Chưa kịp nhảy ra thì quả B40 thứ nhất nổ sát nóc nhà sở chỉ huy. Tôi phóng xuống hầm.

Nghe đạn của tụi Pol Pot bắn hết cỡ mà không thấy tiếng súng bắn trả của anh em mình. Tôi nói với cậu liên lạc: không ra đánh là chết hết. Vừa dợm chân ra thì một trái B40 nổ ngay cửa hầm hất mình trở lại. Nhìn thấy miệng cậu liên lạc mấp máy, tôi hét lên: “Tao còn sống, đánh!”. Ra khỏi hầm, thấy hàng chục nóc nhà đang bốc lửa. Một nhóm bộ đội đang vác khẩu cối 82 chạy ra phía sau. Long hét: “Dựng nòng, bắn cấp tập”. Hô xong vẫn không nghe tiếng cối, Long quát: “Không bắn, tao bắn tụi bây bây giờ”. Quát xong nhìn lại, thấy miệng khẩu cối chớp liên tục, anh em không kịp gá chân, cứ thế dựng nòng, thả đạn. Khi ấy, Long mới biết tai mình đã điếc.

Chạy xuống Trung đội 1, thấy một chiến sỹ bị thương lòi ruột, anh em đang lấy bát úp bụng băng lại. Ở Trung đội 2, Trung đội trưởng Nê bị một viên đạn xuyên qua ngực, chết trong khi tay ôm chặt một chiếc gối hồng. Đại đội trưởng Long giật mình. Chỉ hai ngày trước, khi nhìn thấy chiếc gối, Long đùa: “Ai tặng đây?”. Nê tự

hào: “Người yêu em tặng. Có chết em cũng sẽ ôm theo chiếc gối”. Người yêu của Nê là một cô gái người Khmer mới quen. Người lính có mặt trong giờ phút trung đội trưởng Nê hy sinh kể: “Anh ấy đang chỉ huy thì khựng lại, máu rỉ ra từ một vết nhỏ trên ngực. Ngay lập tức anh ấy bảo em vào hầm lấy chiếc gối, rồi ra lệnh: Bắn! Anh ấy ôm chặt chiếc gối cho đến khi mặt tái lại và lịm dần”.

Trời sáng, lực lượng Khmer Đỏ rút lui. Ở Trung đội 3, hai người lính đang cố gắng để nâng xác một đồng đội bị B40 xé nát một mảng lưng. Lửa vẫn cháy ở gần như tất cả những ngôi nhà của đại đội. Ba người lính hy sinh, ba người khác bị thương. Xác anh em được đưa về Sở Chỉ huy. Long lấy khăn lau mặt cho từng tử sỹ rồi đợi xe bò của người Khmer vào đưa xác những bộ đội xấu số lên trung đoàn. “Đêm khô như tiếng mõ trâu / Rừng khô như tờ bánh tráng / Trời không một tia gió thoảng”[565]. Mùa khô ở Campuchia, đất sắt lại, phải hai ba người đào một ngày mới được một cái huyệt để chôn đồng đội.

Ngay cổng chính, xác một lính Khmer Đỏ bị bắn chết khi đang vác khẩu B40 với viên đạn đã sẵn sàng nhưng chưa kịp bắn. Trên lưng hắn ta còn sáu quả đạn. Tiếng AK “bụp” phát một mà Long nghe khi vừa trở về chỗ nằm là của người lính mà anh vừa gặp khi đi đốc gác. Nếu anh bộ đội để cho tên lính Khmer Đỏ mang bảy quả B40 ấy lọt qua hàng rào thì thế trận có nguy cơ vỡ. Đêm ấy, lực lượng Pol Pot chỉ tấn công ba mặt, chừa một mặt để, nếu “bộ đội 12” bỏ chạy, sẽ rơi trọn vào bẫy phục kích của chúng. Đấy là trận tập kích khốc liệt nhất của Khmer Đỏ vào nơi đóng quân của “bộ đội 12” nhưng không phải là trận đánh duy nhất. Thượng úy Long đến Mặt trận 479 tháng 5-1986, từ đó cho tới giữa năm 1987 anh chỉ huy đơn vị phản công, phục kích và truy kích Khmer Đỏ tổng cộng sáu mươi tám trận.

Cùng thời gian ấy, có tin đồn ở Sài Gòn rằng Long hy sinh. Mẹ Long, bà Đỗ Thị Bích Hà, đến Phòng Cán bộ Quân khu nhiều lần để hỏi thăm. Nhưng thông tin liên lạc tới chiến trường, nhất là tới những đơn vị đóng sát biên giới Thái Lan như đơn vị Long là hết sức khó khăn. Sau ba tháng hỏi han, mẹ Long chỉ được cho biết: Vào thời gian ấy tại Mặt trận 479 có ba thượng úy tên Long chết.

Tháng 8-1987, Trần Hữu Long có lệnh rời chiến trường. Nghe tin Long về nước, Tuân, người nhận bàn giao chức đại đội trưởng Đại đội 11 từ Long, cho liên lạc cắt rừng, gửi anh một lá thư ngắn: “Mình được tin Long về nước mà không gặp được.

Chỉ mong Long về nhà, hạnh phúc”. Tuân và Long đã từng mắc võng nằm trò chuyện với nhau suốt đêm ngoài rừng. Đấy là lá thư cuối cùng giữa hai người.

Khi Long về tới Bộ Chỉ huy Sư đoàn 5, xác của Tuân và một người phó của anh cũng vừa được đưa về Sư đoàn bộ. Ở chiến trường có những cái chết không thể nào lường trước. Tuân không chết bởi Khmer Đỏ mà chết bởi đạn của một chiến sỹ, trong cơn kích động do chịu đựng căng thẳng kéo dài, đã mất trí bắn vào đồng đội.

Cho đến nay, người dân vẫn không được biết chính xác có bao nhiêu “quân tình nguyện” đã hy sinh ở Campuchia. Con số bộ đội Việt Nam bị chết, bị tàn phế bởi mìn zip và mìn K58 trong mười năm ở đây lên đến hàng trăm nghìn[566]. Các văn kiện của Đảng và Nhà nước Việt Nam lúc đó mô tả: “Đất nước vừa có hòa bình vừa có nguy cơ xảy ra chiến tranh”.

Nhưng không chỉ là nguy cơ. Đưa quân sang Campuchia là để giữ cho không gian chiến tranh ở xa biên giới Tây Nam, vậy mà ở những quân y viện Sài Gòn, Cần Thơ vẫn tấp nập thương binh. Những người lính ở “Chiến trường K” lâu ngày bặt tin đã đưa không gian chiến tranh tràn về những làng quê, góc phố.

“Xuất khẩu cách mạng”

Năm 1978, Ouk Bun Xươn, bí thư một vùng ở Quân khu Đông, cầm đầu một nhóm Khmer Đỏ chạy sang Việt Nam. Ouk Bun Xươn đề nghị Việt Nam giúp xây dựng một “khu giải phóng” dọc biên giới, giúp xây dựng lực lượng vũ trang, từ đó, những người Khmer sẽ tự chiến đấu để “giải phóng Campuchia” khỏi chế độ Khmer Đỏ. Theo ông Ngô Điền, phó Ban B68, “đề nghị hợp lý này đã không được chấp nhận”.

Bắt đầu từ tháng 6-1978, ông Lê Đức Thọ vào Sài Gòn lập ra Ban B68, ban chỉ đạo “giải quyết chiến tranh biên giới Tây Nam và làm nhiệm vụ quốc tế giúp bạn”. Theo Tướng Lê Đức Anh: “Ông Lê Đức Thọ là người thiết kế từ đầu, là người quyết định những vấn đề lớn như xây dựng lực lượng, phương thức tiến hành, phương án chiến đấu, điều binh khiển tướng”.

Khi chính quyền Khmer Đỏ tháo chạy, người dân Campuchia đang ở trong các công trường giống như những trại tập trung thời Đức Quốc xã, run rẩy, đói khát, hôi hám. Công việc của bộ đội Việt Nam trong mấy ngày đầu chủ yếu là cứu đói và cứu sống hàng vạn người Khmer đang thoi thóp. Những hố chôn người tập thể, những

giếng nước đầy xương người có thể tìm thấy tại hàng ngàn phum, sóc của đất nước nhỏ bé này.

Sau hơn ba năm chín tháng sống dưới bàn tay Pol Pot, Campuchia thực sự trở thành những "cánh đồng chết". Hàng triệu người bị hành quyết hoặc bị hành hạ cho đến chết trong các công xã và trên những đại công trường[567]. Bộ đội Việt Nam đã giúp từng người dân tìm lại nhà, tìm lại những người sống sót trong gia đình, mang từng hạt bắp, hạt đậu từ Việt Nam sang để người dân Campuchia khôi phục công việc đồng áng. Những "hạt giống cách mạng" cũng đồng thời được mang tới, hình thành ở Campuchia một chế độ theo đúng mô hình Việt Nam.

Các đơn vị quân tình nguyện Việt Nam đứng chân ở đâu có nhiệm vụ giúp lập nên chính quyền ở đấy. Tiểu đoàn, đại đội, "giải phóng huyện" thì giúp lập ra chính quyền cấp huyện, tiểu đội "giải phóng xã" thì giúp từng xã lập nên chính quyền tạm thời gọi là "ủy ban tự quản". Những người "thù Pol Pot, không có nợ máu với dân, đoàn kết với Việt Nam" có thể được cơ cấu vào các ủy ban này.

Những người lính Việt Nam trong độ tuổi hai mươi chưa từng lập gia đình, chưa từng một ngày "làm quan" bỗng nhiên trở thành "chuyên gia" ở xã và có khi ở huyện. Ông Lê Đức Thọ muốn dựng lên ở Campuchia một bộ máy hoàn chỉnh, theo mô hình Việt Nam, mặc dù ông chỉ tập hợp được vẻn vẹn sáu mươi mốt cán bộ người Khmer trước khi "Phnom Penh giải phóng".

Cuối năm 1978, báo chí Việt Nam dồn dập đưa tin về các lực lượng nổi dậy, về "Mặt trận Đoàn kết Dân tộc Cứu nước Campuchia", liên tục phát thanh những "lời kêu gọi" của Heng Somrin, Chea Sim. Nhưng cho tới lúc đó, trên lãnh thổ Campuchia không hề có nổi dậy, chỉ có những cuộc đào thoát của người Campuchia đến Việt Nam. Tháng 9-1978, những người đào thoát này mới được tập hợp lại thành "đoàn đại biểu lực lượng nổi dậy đến thành phố Hồ Chí Minh" yêu cầu Việt Nam giúp đỡ.

Theo ông Ngô Điền[568]: "Lãnh đạo Việt Nam lúc đó rất khó mà đánh giá các nhóm từ Campuchia sang nên điều dễ hiểu là phải dành sự tin cậy của mình cho những nhóm cán bộ năm 1954 tập kết ra Bắc. Oái oăm là những cán bộ tập kết có tầm cỡ đã lần lượt được đưa về lại Campuchia từ 1970 và đã lần lượt bị bọn Pol Pot thủ tiêu. Những người còn sót lại tới năm 1978 là những cán bộ rất khó sử dụng. Anh Lê Đức Thọ đã dùng cụm từ 'vơ bèo, vạt tép' nhưng cũng chỉ kiếm được khoảng bốn

mươi người"[569]. Ông Ngô Điền thừa nhận: "Thực tế là ta dựng lên nhóm lãnh đạo bảy người; ta dựng lên Ủy ban Trung ương Mặt trận Đoàn kết Dân tộc Cứu nước mười bốn người; ta viết cương lĩnh Mặt trận 11 điểm; ta tổ chức lễ ra mắt của Mặt trận ở vùng Mimot ngày 2-12-1978".

Chỉ có khoảng hai mươi cán bộ trong "lực lượng nổi dậy" được quân đội Việt Nam mang theo khi tiến vào Phnom Penh. Theo ông Ngô Điền: "Ta tuyên truyền như là một cuộc tổng tiến công và nổi dậy của bạn, có sự giúp đỡ quân sự của Việt Nam. Sự thực, sau khi Phnom Penh giải phóng rồi, đội quay phim quân đội của ta đã bố trí quay cảnh một cánh quân Cách mạng Campuchia, thực ra là chiến sĩ Việt Nam mặc quân phục Campuchia, ngày 7-1-1979, tiến nhanh dưới lá cờ đỏ năm tháp vàng xông vào chiếm hoàng cung giống như cảnh đánh chiếm Cung điện Mùa đông trong Cách mạng tháng Mười"[570].

Tối ngày 8-1-1979, thế giới nghe được tuyên bố thành lập "Hội đồng Nhân dân Cách mạng Campuchia" của những người nổi dậy. Nhưng sự thực thì vài giờ trước đó, theo ông Ngô Điền: "Tại Bộ Tư lệnh Quân khu VII, ông Lê Đức Thọ mới chủ trì một cuộc họp gồm lãnh đạo B68 và Tiền phương Bộ Quốc phòng để xem xét lần cuối danh sách chính phủ mới của Campuchia trước khi công bố. Cuộc họp không có bạn Campuchia tham dự. Ta đã quyết định không gọi là 'chính phủ' mà gọi là 'Hội đồng Nhân dân cách mạng'. Việc lớn mà ta quyết định nhanh như vậy và mọi người xem như bình thường"[571].

Mãi tới ngày 20-1-1979, tại Nhà khách 14 Võ Văn Tần, ông Lê Đức Thọ mới làm tiệc tiễn hơn bốn mươi cán bộ người Campuchia còn lại về Phnom Penh chấp chính. Trong số đó có bảy nhân vật chủ chốt: Pen Sovan, Chea Xim, Heng Samrin, Van Xôn, Bou Thong, Nan Xarin tức Chan Kiri và Hun Sen.

Tư tưởng nước lớn

Từ cuối tháng 1-1979, ông Đỗ Mười cùng một số chuyên viên đã được đưa sang Phnom Penh. Ngày 11-2-1979, toàn bộ "Trung ương bạn" có mặt ở Hoàng cung dự họp với Lê Đức Thọ, Đỗ Mười và các thành viên B 68. Ông Đỗ Mười trình bày một dự thảo hiệp định theo đó, Việt Nam sẽ viện trợ cho Campuchia 400 triệu đồng, tương đương với 60-70 triệu USD theo thời giá. Một tuần sau, Thủ tướng Phạm Văn Đồng bay sang, ký với Chủ tịch Heng Samrin một hiệp ước có giá trị trong vòng hai mươi

lăm năm gọi là “Hiệp ước Hòa bình Hữu nghị và Hợp tác”, theo đó, “Campuchia yêu cầu Việt Nam để quân tình nguyện ở lại”.

Một năm sau khi đánh sang Campuchia, ông Lê Đức Anh được thăng quân hàm từ trung tướng lên thượng tướng. Ngày 20-5-1981, Quân ủy Trung ương quyết định thành lập Bộ Tư lệnh Quân Tình nguyện Việt Nam tại Campuchia, lấy phiên hiệu là “Bộ Tư lệnh 719”. Ông Lê Đức Anh, khi ấy đang là tư lệnh kiêm chính ủy Quân khu VII, được bổ nhiệm làm tư lệnh Quân Tình nguyện.

Vừa làm tư lệnh 719, ông Lê Đức Anh vừa trực tiếp làm trưởng Đoàn Chuyên gia quân sự 478, cơ quan giúp hình thành Bộ Quốc phòng và xây dựng lực lượng vũ trang Campuchia. Bên cạnh lực lượng “Quân Tình nguyện” còn có một “Đoàn Chuyên gia” giúp xây dựng hệ thống chính quyền dân sự, có mật danh là B68, do ông Trần Xuân Bách, ủy viên Trung ương Đảng phụ trách. Tháng 3-1982, tại Đại hội Đảng lần thứ V của Việt Nam, ông Trần Xuân Bách vào Ban Bí thư trở về Hà Nội làm chánh Văn phòng Trung ương; ông Lê Đức Anh được bầu vào Bộ Chính trị, trở lại Campuchia, thống lĩnh cả Đoàn Chuyên gia B68 và Quân Tình nguyện.

Những năm ấy ở Việt Nam, kinh tế thì kiệt quệ, kinh nghiệm thì chỉ có cơ chế quan liêu, bao cấp. Vậy mà mô hình chính trị, kinh tế, văn hóa mà chính Việt Nam cũng đang cần phải đổi mới ấy lại được đưa sang áp đặt ở Campuchia, một quốc gia vốn rất khác biệt về văn hóa và đã quá hoảng sợ chính quyền vô sản từ thời Khmer Đỏ.

Những người Việt Nam làm “nhiệm vụ quốc tế” ở Campuchia, theo tướng Lê Đức Anh, còn mắc phải “tư tưởng nước lớn”. Từng cán bộ Việt Nam, đặc biệt là đội ngũ “chuyên gia giúp bạn”, biết rõ nguồn gốc lý lịch của từng cán bộ người Campuchia. Thật khó để bỗng chốc họ có được thái độ đúng mực với những người vừa được đưa lên lãnh đạo ở tầm quốc gia ấy.

Những người thực sự có năng lực và đã từng nắm giữ những chức vụ cao trong hàng ngũ Khmer Đỏ chạy sang Việt Nam thì chưa được tin cậy. Trong giai đoạn 1979-1981, nhóm “tập kết” được ông Lê Đức Thọ giao nắm giữ các chức vụ tổng bí thư, chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, bộ trưởng Bộ Quốc phòng; 3/8 ủy viên Bộ chính trị; 8/17 bộ trưởng; 7/29 chủ tịch, bí thư tỉnh, thành.

Những người tập kết từ miền Bắc Việt Nam đưa về trình độ rất giới hạn. Người được chọn “cầm cờ” là Pen Sovan cũng chỉ vốn là trưởng Phòng tiếng Khmer ở Đài

Tiếng nói Việt Nam. Người sau đó thay Pen Sovan giữ chức chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, ông Chan Si, khi ở Việt Nam chỉ là trưởng một phân xưởng của nhà máy nhiệt điện Việt Trì, Vĩnh Phú. "Tư lệnh Binh đoàn I" và sau đó là chủ tịch thành phố Phnom Penh, Khang Sarin, nguyên là một thượng úy ở Thị đội Sơn Tây. Khi được Lê Đức Thọ kêu, Khang Sarin đã về hưu, đang đi cọ rửa thùng phuy với tiền công hai đồng một cái. Men Som Ol, từ một nữ y tá hai mươi sáu tuổi ở Quân khu VII, được ông Lê Đức Anh đưa về làm cục phó Cục Cán bộ Bộ Quốc phòng. Som Sosor, người gác cổng một nhà máy, được ông Lê Đức Thọ bố trí làm bí thư tỉnh Kongpong Speu.

Mọi quyết định về nhân sự cao cấp của Campuchia đều do một tay ông Lê Đức Thọ. Sau ngày 20-1-1979, "Ban Xây dựng đảng", chỉ mới hình thành trước đó mấy ngày, được ông Thọ gọi là "Trung ương Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia" và theo ông Ngô Điền, Pen Sovan được ông Lê Đức Thọ gọi là tổng bí thư, cùng với Chia Xim, Van Xon hợp thành Ban Thường vụ. Nói là trung ương, là ban thường vụ, nhưng theo ông Ngô Điền: "Trên thực tế chẳng mấy khi họp, mọi quyết định lớn đều do phía ta làm rồi truyền đạt cho Pen Sovan, Pen Sovan nêu ra với Trung ương như là ý kiến của Ban Thường vụ. Cái đầu thực sự là Đảng Cộng sản Việt Nam, cụ thể là Lê Đức Thọ. Làm giúp chỉ là cách nói thôi, trên thực tế là làm thay"[572]. Từ thực tế này, ông Ngô Điền thừa nhận tâm lý coi thường của cán bộ Việt Nam là không tránh khỏi.

Ông Ngô Điền là đại sứ kiêm cố vấn cho Bộ Ngoại giao Campuchia. Bộ trưởng là Hun Sen, năm ấy mới hai mươi bảy. Ngô Điền là người hướng dẫn cho Hun Sen từ cách cầm từng cái ly, cái nĩa. Khi đã được đưa lên làm chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, năm 1985, giữa công khai, Hun Sen vẫn giới thiệu ông Ngô Điền với mọi người: "Đây là người thầy vĩ đại của tôi". Bộ Ngoại giao Campuchia trong những ngày đầu chỉ có một bộ trưởng, một chuyện gia, mọi văn kiện, từ thư của Chủ tịch Heng Samrin gửi các nguyên thủ quốc gia, đến các tuyên bố quốc tế quan trọng đều do một tay ông Ngô Điền thảo. Ông Điền thừa nhận: "Có lúc phải viết bằng tiếng Pháp cho kịp thời gian". Ngay cả khi Đại sứ Ngô Điền "trình quốc thư" lên "Quốc trưởng" Heng Samrin, mọi hoạt động, kể cả việc "Quốc trưởng tiếp thân mật đại sứ" đều do chính ông Ngô Điền sắp đặt[573].

Hun Sen thuộc trong số những người khi về Phnom Penh là ý thức được vai trò "chủ thể của nước Cộng hòa Nhân dân Campuchia". Từ một người không biết gì về

ngoại giao, nhờ thông minh, năng động và chịu khó học, Hun Sen đã trở thành một nhà ngoại giao thực sự. Ông Ngô Điền kể: "Mỗi lần tôi gặp đều tranh thủ giải thích thêm những vấn đề có liên quan. Hun Sen chăm chú lắng nghe, chỗ nào không rõ thì hỏi lại, không giấu dốt".

Ngược lại, cũng có những người, theo ông Ngô Điền: "Thoắt cái nhảy lên địa vị mới, nắm trong tay nhiều quyền lực, họ sống như trong giấc mộng… Quên mất mình vốn chỉ là những bình vôi vô danh, được đưa đặt dưới gốc cây đa, do có hương đèn cúng vái mà thành thần… Rất nhanh chóng, họ trở thành những người lạm dụng chức quyền, sống buông thả theo tiền, theo gái"[574]. Điển hình trong số đó là Pen Sovan. Theo ông Ngô Điền: "Pen Sovan thường lên mặt lãnh tụ thông thạo, đôi lần còn giảng giải lại cho tôi… Và, chẳng mấy chốc, đã bộc lộ tham vọng làm một lãnh tụ độc tài"[575]. Cho dù nói là "giúp bạn chân thành và vô điều kiện", nhưng những người thực sự nắm quyền lúc đó ở Campuchia cũng không thể chấp nhận cung cách của Pen Sovan. Ngày 2-12-1981, Pen Sovan bị bắt[576].

Không ai phủ nhận Khmer Đỏ là một chế độ diệt chủng, và cho dù lên án Việt Nam "xâm lược", chính Sihanouk cũng phải thừa nhận Việt Nam đã cứu nhân dân Campuchia thoát khỏi bàn tay Pol Pot. Trong hơn mười năm ở lại Campuchia, những người lính Việt Nam đã làm nhiều việc để ngăn cản Pol Pot quay trở lại. Họ hy sinh rất nhiều xương máu. Nhưng đồng thời họ cũng can thiệp vào không ít quyết định của Chính quyền Campuchia. Chính "tinh thần quốc tế vô sản" này đã dẫn đến khá nhiều sai lầm, trong đó có "sai lầm Seam Riep".

Mùa khô năm 1982-1983, Khmer Đỏ dùng thủ đoạn "phản tình báo", cho một trung đoàn phó ra trá hàng. Kẻ trá hàng này khai có hàng loạt cán bộ trong chính quyền Campuchia vừa làm việc cho Phnom Penh vừa làm cho Pol Pot. Ở Campuchia lúc ấy, không chỉ có một số cá nhân, một số chính quyền địa phương cũng ngày thì làm việc cho Heng Samrin, tối thì làm cho Pol Pot. Kiểu như vậy gọi là "chính quyền hai mặt". Không phải ai tham gia "chính quyền hai mặt" cũng là để chống Việt Nam. Trong một tình thế mà đêm đêm Khmer Đỏ vẫn từ trong rừng lẻn ra, sẵn sàng dùng dao quắm chặt đầu những người Khmer trung thành với Việt Nam, thì "hợp tác" chỉ là lựa chọn để tồn tại. Theo ông Lê Đức Anh: "Căn cứ vào lời khai của thằng trung đoàn phó trá hàng, anh em đã bắt và xét nhà một số cán bộ của bạn".

Khoảng bốn mươi cán bộ người Campuchia đã bị bắt vì âm mưu của một kẻ trá hàng, hầu hết đều là cán bộ chủ chốt của chính quyền Seam Riep. Bí thư Tỉnh ủy Seam Reap đã tự sát khi "các đồng chí Việt Nam" của ông đến bắt. Theo ông Ngô Điền: "Việc bắt bớ, truy bức, tra tấn đã làm cho nhiều người dân và cán bộ chết oan, bị vùi dập. Chua xót biết bao khi nghe dư luận cán bộ bạn đặt câu hỏi: cán bộ Việt Nam sao lại ác như vậy". Một không khí hoang mang, lo sợ và oán giận Việt Nam bao trùm Seam Reap rồi nhanh chóng lan ra khắp đất nước Campuchia.

Trước khi tiến hành "vụ Xiêm Riệp", Bộ tư lệnh 719 đã "xin ý kiến cấp trên" ở Hà Nội[577]. Nguồn gốc của những sai lầm kiểu như vụ Seam Riep, theo ông Ngô Điền, đều có căn nguyên từ "tư tưởng dân tộc nước lớn". Ông Điền nói: "Biểu hiện rõ nhất của tư tưởng nước lớn là việc ta mặc nhiên tự cho mình cái vai trò làm lại cuộc cách mạng Campuchia, sắp xếp từ đầu đến chân bộ máy Campuchia". Ông Lê Đức Thọ có thể vẫn ung dung trong buồng tắm trong khi một vị "nguyên thủ" Campuchia ngồi đợi bên ngoài. Còn Tổng Bí thư Lê Duẩn thì đối xử với tổng bí thư của "bạn" không hề theo nghi lễ[578].

Bị cô lập

Khi đến Liên Hiệp Quốc, trong khi tố cáo "Việt Nam xâm lược", Sihanouk đồng thời cũng tố cáo "tội ác diệt chủng" của Khmer Đỏ. Tuy nhiên, thế giới dường như chỉ chú ý đến sự hiện diện của gần hai trăm nghìn quân Việt Nam tại Campuchia, khía cạnh cứu "nhân dân Khmer" của cuộc chiến tranh thì không ai thừa nhận.

Người Mỹ khôi phục lại lệnh cấm vận thương mại, nhiều nước ASEAN quay qua hậu thuẫn cho các lực lượng Khmer chống Việt Nam. Sau năm 1975, khi ông Nguyễn Cơ Thạch sang Bangkok, các bộ trưởng ASEAN được nói là sắp hàng đứng chờ bắt tay ông. Sau ngày Việt Nam có mặt ở Campuchia, khi ông Thạch tới Bangkok, những người biểu tình gọi ông là "dog eater-kẻ ăn thịt chó".

Tháng 4-1984, khi quân đội Việt Nam mở chiến dịch đánh vào căn cứ địa của "ba phái Khmer phản động" nằm trên đường biên giới, trong đó có những phần nằm sâu trong đất Thái Lan, một máy bay trinh sát L19 của Thái đã bị trúng đạn phòng không Việt Nam, một trực thăng khác bị bắn hỏng. Tháng 5-1984, pháo của quân tình nguyện Việt Nam bắn sâu vào lãnh thổ Thái Lan, phần thuộc tỉnh Surin làm chết và bị thương một số dân làng. Quan hệ với Thái Lan càng thêm căng thẳng. Theo ông Trần Quang Cơ, đại sứ Việt Nam tại Thái Lan đầu thập niên 1980, chính

quyền Thái Lan lúc đó gắn bó rất chặt với Trung Quốc trong việc nuôi dưỡng Pol Pot chống Việt Nam nên, hầu như không có tháng nào là không có những đám đông biểu tình trước sứ quán hò hét phản đối Việt Nam "xâm lược Campuchia", xâm phạm lãnh thổ Thái.

Sự căng thẳng giữa hai quốc gia đã dồn thêm nhiều áp lực lên cộng đồng Việt Kiều. Các tỉnh Đông Bắc Thái Lan là nơi có nhiều người Việt từ hai tỉnh Hà Tĩnh và Nghệ An tới làm ăn. Họ đã từng được Thái Lan chào đón. Cuối thập niên 1920, Nguyễn Ái Quốc thường dừng chân tại đây để gây dựng cơ sở, truyền bá chủ nghĩa cộng sản trong cộng đồng và liên lạc với các phong trào trong nước. Đây cũng là vùng có hàng ngàn người Thái cảm tình với chủ nghĩa cộng sản, nuôi ý đồ làm cách mạng.

Năm 1947, chính phủ có thiện cảm với Hồ Chí Minh của Thủ tướng Bridi Banomyong bị thay thế bởi một chính phủ thân Mỹ. Lo sợ chủ nghĩa cộng sản nảy nở, chính quyền mới ban hành luật cấm tuyên truyền cộng sản, cấm lập hội và không cho tự do ngôn luận. Vùng biên giới Đông Bắc Thái Lan bị thiết quân luật. Người Việt ở đây, tuy vẫn được lưu dung, nhưng bị coi là "tị nạn bất hợp pháp".

Theo ông Trần Quang Cơ: "Họ không được cấp 'tàng-đạo' - giấy chứng nhận ngoại kiều - cũng không được nhập quốc tịch Thái. Mặc dù đã làm ăn sinh sống trên đất Thái hàng chục năm, hàng chục vạn người Việt vẫn bị quản thúc, muốn ra khỏi nơi cư trú, muốn đến sứ quán ở Bangkok những dịp Tết Nguyên đán hay ngày Quốc khánh, đều phải xin giấy phép. Đại sứ Việt Nam cũng không thể tới những tỉnh Đông Bắc để thăm người Việt"[579].

Năm 1979, khi đến Liên Hiệp Quốc, ông Hoàng Sihanouk đã dừng lại ở New York khá lâu để chờ chấp thuận tị nạn. Nhưng sự im lặng của người Mỹ đã đẩy ông trở lại tay Trung Quốc. Tất cả các dinh thự mà người Trung Quốc và Bắc Triều Tiên tặng ông ở Bắc Kinh và Bình Nhưỡng vẫn chờ đợi ông. Thoạt đầu, Sihanouk tuyên bố "không bao giờ hợp tác với Pol Pot". Sihanouk đã từng nói với Đặng Tiểu Bình: "Ngài có thể mở tiệc chiêu đãi tôi, nhưng chúng ta đừng thảo luận về Pol Pot và Khmer Đỏ, nếu không, cuối cùng chúng ta sẽ ném cốc chén và bát đĩa vào mặt nhau". Nhưng, khi Trung Nam Hải để Đặng Dĩnh Siêu, bà quả phụ Chu Ân Lai, người mà ông rất quý trọng, tiếp, ông Hoàng đã không còn khăng khăng nữa. Đặng Dĩnh Siêu đã nói với ông: "Hãy quên những nỗi đau riêng của ngài đi".

Liên Hợp Quốc vẫn giữ chiếc ghế của Campuchia cho Pol Pot. Ngày 22-6-1982, tại Kualalumpur, Đảng Funcinpec của Hoàng thân Norodom Sihanouk đã ngồi lại với Khmer Đỏ - những kẻ đã giết mười tám người thân của ông - cùng với Mặt trận Giải phóng Dân tộc Nhân dân Khmer (KPNLF) của Son Sann, lập "Chính phủ Liên hiệp Ba phái Campuchia Dân chủ" do Sihanouk làm chủ tịch. Lại một lần nữa Sihanouk đánh cờ cho "Trung Hoa", củng cố vị thế chính trị cho lực lượng chủ yếu là Khmer Đỏ.

Phương Bắc

Sau khi ký Hiệp định Paris, Kissinger đã đến Việt Nam. Có nhiều giai thoại nói rằng khi đó, Kissinger cảnh báo: từ nay, mối đe dọa của Việt Nam sẽ đến từ phương Bắc. Tuy nhiên, khi trả lời phỏng vấn tác giả cuốn sách này, Cựu Ngoại trưởng Henry Kissinger đã cười và giải thích: "Khi tới Hà Nội, Lê Đức Thọ dẫn tôi đến bảo tàng lịch sử, ở đó chưa nói gì về chiến tranh với người Mỹ trong khi mô tả khá chi tiết những lần xung đột với Trung Hoa. Anh nghĩ, Hà Nội còn cần tôi nói với họ điều mà họ đã thuộc làu qua lịch sử!".

Cảnh giác với người Trung Hoa là điều có từ trong máu người Việt Nam. Nhưng, trong lịch sử nghìn năm kháng cự để tồn tại với "Thiên Triều", chưa có triều đại nào lại công khai xác định Trung Quốc là "kẻ thù truyền kiếp và lâu dài" trong các văn kiện chính thức như thời Tổng Bí thư Lê Duẩn. Trong suốt thập niên Trung Quốc đánh Việt Nam, Hà Nội vẫn giữ đại sứ tại Bắc Kinh và Bắc Kinh vẫn giữ đại sứ của mình tại Hà Nội. Nhưng đó là một mối quan hệ không bình thường.

Theo Tướng Nguyễn Trọng Vĩnh, đại sứ Việt Nam tại Trung Quốc giai đoạn 1974-1987, ngay từ khi mới xảy ra vấn đề người Hoa, ông đã rất "vất vả với các trò trẻ con của Trung Quốc". Tướng Vĩnh kể: "Trung Quốc bố trí hai chiếc xe ô tô con luôn luôn chầu chực ở hai cửa của sứ quán ta, cán bộ mình đi đâu nó theo đấy, ngay đại sứ đi nó cũng đi theo. Có lần tôi ngồi xe có cắm cờ Việt Nam đi từ sứ quán ta ra, đi được một đoạn, mặc dù đồng chí Quảng đang lái rất nghiêm chỉnh, đúng luật, thế mà cảnh sát Trung Quốc lại thổi còi bắt dừng xe, rồi bắt lái xe xuất trình giấy tờ. Giấy tờ đủ cả! Rồi họ cũng phải cho đi tiếp vì không biết làm cách nào, không tìm ra cái gì để bắt bẻ nữa. Chủ yếu là họ làm chậm hành trình để tôi sai hẹn với đối tác hoặc với đại sứ nước nào đó". Nhân viên sân bay Bắc Kinh cũng từng bắt Tướng Vĩnh đi vào cửa kiểm tra hành lý, cho dù ông được quyền "miễn trừ ngoại giao".

Tướng Vĩnh dọa "họp báo tố cáo Bắc Kinh vi phạm công ước quốc tế" và dọa sẽ áp dụng biện pháp tương tự với đại sứ Trung Quốc tại Hà Nội theo "nguyên tắc đối đẳng" họ mới để ông đi theo cửa không kiểm tra hành lý.

Sau khi Trung Quốc rút hết quân vào ngày 18-3-1979, hai bên đã có hai vòng đàm phán - vòng 1, từ 18-4 đến 18-5-79 tại Hà Nội và vòng 2, từ 28-6-79 đến 6-3-80, tại Bắc Kinh - chủ yếu là giải quyết vấn đề tù binh. Theo ông Trần Quang Cơ: "Từ năm 1980 đến cuối năm 1988, ngót hai chục lần Việt Nam gửi thư hoặc công hàm cho Trung Quốc đề nghị nối lại đàm phán nhưng đều bị Trung Quốc bác. Trung Quốc nâng cao dần điều kiện lên: về quân sự đòi Việt Nam rút quân khỏi Campuchia, về chính trị đòi Việt Nam chấp nhận sẽ lập chính phủ liên hiệp ở Campuchia, bao gồm cả Khmer Đỏ".

Chỉ hơn một năm sau khi tuyên bố rút quân, Trung Quốc bắt đầu gây chiến tranh trở lại[580]. Duy trì chiến sự trên biên giới phía Bắc không chỉ làm suy kiệt Việt Nam mà còn là nơi để Trung Quốc phối hợp tấn công khi các phái Khmer chống Việt Nam bị đánh đuổi trên vùng biên giới Thái[581]. So với thời điểm tháng 2-1979, cuộc tiến công năm 1984 của Trung Quốc có trình độ tác chiến cao hơn hẳn. Ngày 16-5-1984, chỉ sau mười tám ngày điều quân, Trung Quốc đã chiếm và chốt giữ hai mươi chín điểm dọc biên giới Việt Nam.

Cuộc phản công đầu tiên của Quân đội Nhân dân Việt Nam bắt đầu từ ngày 11-6-1984, đánh vào các cao điểm 233, 685 nhưng không thành công. Cuộc phản công quy mô hơn vào ngày 12-7-1984 cũng bị coi là thất bại. Chiến sự ở thế dằng co kéo dài cho tới tháng Giêng năm 1985. Có những nơi, chốt của quân đội Việt Nam cách chốt của quân Trung Quốc chỉ từ sáu đến tám mét; có những điểm cao, đôi bên liên tục giành giật, chiếm đi, chiếm lại ba bốn chục lần. Do địa hình phía Việt Nam hiểm trở, tháng 3-1985, Trung Quốc chiếm lại được bốn điểm cao quan trọng thuộc khu vực Quân khu II, đặc biệt là các khu vực thuộc vùng biên giới Hà Giang. Đây là giai đoạn chiến tranh có tỉ lệ thương vong cao nhất ở vùng biên giới[582].

Tháng 2-1979, khi Đặng Tiểu Bình đánh Việt Nam, Liên Xô đang có năm mươi sáu sư đoàn ở vùng biên giới với Trung Quốc nhưng đã không có bất cứ một động thái quân sự nào. Trước "thông điệp" này, Đặng Tiểu Bình quyết định "đi đêm" ngay với Moscow, và mặc dù nhận ra sự yếu kém của quân đội, Đặng quyết định không cần vội vã chi tiền hiện đại hóa quân sự[583]. Tuy nhiên, Đặng vẫn duy trì chiến tranh

quy mô nhỏ trên vùng biên giới, một mặt giữ chân thường xuyên hơn 800 nghìn quân Việt Nam[584], mặt khác, biên giới trở thành chiến trường thật để quân đội Trung Quốc có nơi huấn luyện. Trong thập niên 1980, gần hết lực lượng bộ binh Trung Quốc ở trên cả nước đã được luân chuyển đến tác chiến ở vùng biên giới Việt Nam[585].

Chiến cuộc đã giữ chân đội quân bảo vệ biên giới phía Bắc Việt Nam lên tới ba quân đoàn, mười một sư đoàn, mười ba trung đoàn trung đoàn và bảy mươi tiểu đoàn độc lập, góp phần đưa lượng quân thường trực ở cả hai đầu đất nước lên tới 1,6 triệu người. Sau khi Gorbachev nhận chức tổng bí thư, viện trợ của Liên Xô cho Việt Nam bắt đầu bị cắt giảm. Người lính trên biên giới phía Bắc vừa rất khổ về vật chất, vừa rất căng thẳng về tinh thần. Hà Nội nhận ra không thể tiếp tục duy trì tình trạng đó.

"Giải pháp chính trị cho vấn đề Campuchia" liên quan đến "bình thường hóa quan hệ Việt - Trung" được Bộ Chính trị đặt ra trong Nghị quyết 32/BCT21, ngày 9-7-1986, một ngày trước cái chết của Tổng Bí thư Lê Duẩn. Hội nghị do Trường Chinh chủ trì. Nghị quyết 32 ra đời, theo Thứ trưởng Ngoại giao Trần Quang Cơ, "không phải là ngẫu nhiên". Gần hai mươi ngày sau đó (28-7-1986), tại Vladivodstock, Gorbachev công bố chính sách đối ngoại mới, theo đó, Liên Xô sẽ: "Xích gần lại với Trung Quốc, giải quyết 'ba trở ngại' mà Trung Quốc nêu ra: rút quân khỏi Afghanistan, chấm dứt xung đột biên giới Trung-Xô, giải quyết vấn đề Campuchia". Gorbachev tuyên bố: "Vấn đề Campuchia không thể giải quyết ở các thủ đô xa xôi, kể cả ở Liệp Hiệp quốc mà phải giải quyết giữa Việt Nam và Trung Quốc là hai nước xã hội chủ nghĩa láng giềng".

Vấn đề "Việt Nam rút quân khỏi Campuchia" đã từng được Trung Quốc đề cập tại vòng một, đàm phán Xô-Trung, tháng 10-1982. Sau chiến dịch pháo kích và tập kích quy mô lớn trên toàn tuyến biên giới miền Bắc - kéo dài từ tháng 4 đến tháng 6-1984 - Trung Quốc tuyên bố: chỉ cần Việt Nam hứa rút quân khỏi Campuchia thì hai bên sẽ bắt đầu đàm phán. Ngày 21-1-85, trong thư gửi Bộ Ngoại giao Việt Nam, Bộ trưởng Ngoại giao Trung Quốc Ngô Học Khiêm viết: "Quan hệ Trung-Việt xấu đi, vấn đề cốt lõi là quân đội Việt Nam xâm chiếm Campuchia... Sau khi Việt Nam công khai cam kết và thực hiện rút quân thì đàm phán mới có ý nghĩa thực tế"[586].

Ngày 7-3-1987, chưa đầy ba tuần sau khi ông Lê Đức Anh nhận chức bộ trưởng Quốc phòng, Bộ Chính trị tổ chức một hội nghị hẹp, Tướng Lê Đức Anh cho rằng: "Trung Quốc gây xung đột vũ trang ở biên giới không phải có ý định xâm lược mà vì một mục đích khác"[587]. Sau Hội nghị đó, Tướng Lê Đức Anh đã cho: "Điều chỉnh tạm thời lại thế bố trí chiến đấu ở biên giới phía Bắc: Các đơn vị chủ lực cơ động lui xuống phía sau, tuyến thứ hai; đưa dân lên sống và sản xuất, đưa dân quân, bộ đội địa phương và bộ đội biên phòng lên tuyến một". Theo ông thì sự điều chỉnh này "là bước thăm dò đầu tiên với phía bên kia"[588].

Đầu năm 1987, Việt Nam bắt đầu "giảm tuyên truyền chống đối Trung Quốc". Theo Thứ trưởng Trần Quang Cơ: "Ngày 20-5-87, Bộ Ngoại giao làm tờ trình lên Bộ Chính trị kiến nghị sửa Lời nói đầu của Hiến pháp, bỏ chỗ nói Trung Quốc là "kẻ thù trực tiếp và nguy hiểm nhất" như đã sửa Điều lệ Đảng. Mãi tới 26-8-88 Quốc hội mới có nghị quyết thông qua việc sửa này"[589].

Ngày 20-5-1988, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 13, xác định: "Bình thường hoá quan hệ với Trung Quốc là một quá trình gay go, phức tạp, đòi hỏi có thời gian. Sau khi bình thường hóa, quan hệ hai nước khó trở lại ngay như những năm 1950, 1960… Cần phòng ngừa, khắc phục những tư tưởng lệch lạc, chỉ thấy giới hạn Trung Quốc là bá quyền, không thấy Trung Quốc là xã hội chủ nghĩa; hoặc chỉ thấy Trung Quốc là xã hội chủ nghĩa mà không thấy bá quyền, bành trướng"[590].

Lúc này, cả Hà Nội và Phnom Penh đều nhận thấy không thể trì hoãn việc rút quân đội Việt Nam ra khỏi Campuchia. Càng ngày, Phnom Penh càng chịu nhiều sức ép quốc tế và các nhà lãnh đạo Phnom Penh biết rõ: Không có quân đội Việt Nam thì Pol Pot có thể cướp lại chính quyền, nhưng nếu vẫn còn quân đội Việt Nam thì vai trò chính trị của Phnom Penh vẫn bị coi là lệ thuộc. Họ nhận thấy cơ hội của mình và chấp nhận tác chiến độc lập với một đối thủ đã từng tàn bạo.

Ngày 5-1-1989, khi Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đến Phnom Penh dự lễ kỷ niệm "ngày 7 tháng Giêng", trong cuộc hội đàm lúc mười sáu giờ chiều cùng ngày, theo đề nghị của Chủ tịch Heng Samrin, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh đã sửa bài diễn văn chuẩn bị từ Việt Nam. Để chiều 6-1-1989, hai nhà lãnh đạo cùng tuyên bố: "Việt Nam rút hết quân chậm nhất là tháng 9-1989 nếu có giải pháp chính trị"[591]. Trước ngày rút hết quân, Việt Nam cho lập năm tổng lãnh sự quán ở những

vùng nguy cơ Khmer Đỏ cao. Những người giữ chức tổng lãnh sự này đều là sỹ quan cấp tá dày dạn chiến trường chứ không phải là các nhà ngoại giao.

Ngày 30-9-1989, bốn ngày sau khi Việt Nam rút quân đợt cuối, lực lượng Son Sann đánh chiếm Thmar Ponk. Ngày 22-10-1989, Khmer Đỏ đánh chiếm Pailin và uy hiếp thị xã Battambang. Bộ đội Campuchia ở Pailin bỏ chạy. Phnom Penh cầu cứu và Việt Nam đã đưa một lực lượng đặc biệt lên giúp bộ đội Phnom Penh tái chiếm. Quân đội Campuchia thấy Việt Nam chưa bỏ rơi mình, Khmer Đỏ cũng ý thức rõ hơn điều đó nên về sau, đã không còn có chiến dịch nào uy hiếp mạnh hơn[592].

Tuyên bố rút hết quân khỏi Campuchia vào năm 1989 của Việt Nam đã phá vỡ nhiều bế tắc, các diễn đàn mới về Campuchia được khai thông. Trung Quốc không còn có thể gây sức ép với Việt Nam và ASEAN như trước, cho dù vẫn tìm cách chống phá Việt Nam, và gây xung đột vũ trang ở Trường Sa vào tháng 3-1988[593].

Hội nghị Thành Đô

Ngày 7-10-1989, khi tiếp Tổng Bí thư Lào, ông Kayson Phomvihan, Đặng Tiểu Bình đã dùng sáu mươi phút trong toàn bộ bảy mươi phút nói chuyện để nói về Việt Nam. Trong khi phê phán nặng nề Lê Duẩn, Đặng đã ca ngợi Nguyễn Văn Linh là "người sáng suốt". Một thông điệp bình thường hóa giữa Đặng Tiểu Bình và Nguyễn Văn Linh đã được truyền đi. Tuy nhiên, theo ông Trần Quang Cơ, Bắc Kinh vẫn tiếp tục lạnh lùng sau khi Nguyễn Văn Linh phản hồi tích cực.

Con đường đến với Bắc Kinh còn qua một kênh khác mà cả Tướng Lê Đức Anh lẫn Bộ Ngoại giao đều hoàn toàn không biết. Tháng 9-1989, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước Phan Văn Khải sang Nhật gặp chủ tịch Đảng Tự do Dân chủ, ông Michio Watanabe[594]. Cuộc gặp tại trụ sở đảng của ông Watanabe diễn ra thân mật, đôi bên bàn một số vấn đề chiến lược về hợp tác kinh tế, bàn những công việc có thể bắt đầu ngay sau khi Mỹ bỏ cấm vận. Theo ông Phan Văn Khải, cuối cuộc gặp, ông Watanabe gợi ý: "Tôi có nhiều bạn bè quốc tế, liệu tôi có thể giúp được gì không?". Được lời, ông Khải nói: "Việt Nam muốn bình thường hóa với các nước, đặc biệt là với Trung Quốc và Mỹ".

Giữa năm 1990, ông Michio Watanabe đi Bắc Kinh gặp Giang Trạch Dân. Sau chuyến đi đó, ngày 7-5-1990, Watanabe lặng lẽ bay tới Sài Gòn. Ông được đưa tới biệt thự 261 Điện Biên Phủ, nơi Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh, Chủ nhiệm Ủy ban Kế

hoạch Phan Văn Khải, Bộ trưởng Bộ Nội vụ Mai Chí Thọ và người trung gian, ông Charles Đức[595] đang đợi. Ông Phan Văn Khải thừa nhận, ông Watanabe chuyển tới Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh những tín hiệu tích cực. Sau khi ông Watanabe rời Sài Gòn, Bắc Kinh gửi Thứ trưởng Ngoại giao Từ Đôn Tín đến Hà Nội.

Trước khi Từ Đôn Tín đến Hà Nội, ngày 5-6-1990, ông Nguyễn Văn Linh mời Đại sứ Trương Đức Duy đến Nhà khách Trung ương Đảng "nói chuyện thân mật". Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh nói với Trương Đức Duy là ông sẵn sàng đến Bắc Kinh. Ông Nguyễn Văn Linh thừa nhận: "Trong quan hệ hai nước, mười năm qua có nhiều cái sai. Có cái đã sửa như việc sửa đổi Lời nói đầu của Hiến Pháp, có cái sai đang sửa"[596]. Sáng hôm sau, ngày 6-6-1990, Bộ trưởng Quốc phòng Lê Đức Anh cũng mời cơm Đại sứ Trương Đức Duy. Trương Đức Duy vốn là thông dịch, rất thạo tiếng Việt nên cuộc gặp chỉ có hai người. Bộ Ngoại giao chỉ biết thông tin về cuộc gặp này vào chiều 10-6-1990 từ Bí thư Thứ nhất sứ quán Trung Quốc Hồ Càn Văn[597].

Ngày 29-8-1990, Đại sứ Trương Đức Duy xin gặp gấp Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh và Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Đỗ Mười, chuyển thông điệp của Bắc Kinh mời Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười và Cố vấn Phạm Văn Đồng sang Thành Đô - thủ phủ tỉnh Tứ Xuyên, Trung Quốc - vào ngày 3-9-1990 để "hội đàm bí mật về vấn đề Campuchia và vấn đề bình thường hoá quan hệ hai nước". Chuyến đi Thành Đô vào ngày 2-9-1990 gồm Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười và Cố vấn Phạm Văn Đồng, được tháp tùng bởi Hồng Hà, chánh Văn phòng Trung ương, Hoàng Bích Sơn, trưởng Ban Đối ngoại và Thứ trưởng Ngoại Giao Đinh Nho Liêm. Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch không có trong thành phần cuộc gặp.

Hội nghị Thành Đô đóng vai trò quyết định trong tiến trình bình thường hóa quan hệ Việt Nam-Trung Quốc. Nó là cơ sở để thiết lập hòa bình trên biên giới Việt-Trung, một biên giới chiến trường bắt đầu có cơ hội chuyển sang biên giới thị trường. Tuy nhiên, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh không chỉ muốn cuộc gặp gói gọn trong vấn đề hai nước.

Ngày 5-6-1990, trong cuộc gặp Đại sứ Trương Đức Duy, tổng bí thư Việt Nam đã sốt sắng ngỏ ý muốn sang gặp lãnh đạo Trung Quốc để "bàn vấn đề bảo vệ chủ nghĩa xã hội". Ông Nguyễn Văn Linh nói với Trương Đức Duy: "Chúng tôi muốn cùng những người cộng sản chân chính bàn vấn đề bảo vệ chủ nghĩa xã hội... Tôi sẵn sàng sang Trung Quốc gặp lãnh đạo cấp cao Trung Quốc để khôi phục lại quan

hệ hữu hảo. Các đồng chí cứ kêu một tiếng là tôi đi ngay... Trung Quốc cần giương cao ngọn cờ chủ nghĩa xã hội, kiên trì chủ nghĩa Mác-Lênin”[598]. Thay vì bắt đầu một kỷ nguyên Việt Nam thiết lập quan hệ với Trung Quốc bằng tư thế độc lập của một quốc gia và chỉ vì quyền lợi quốc gia, Trung Quốc vẫn được coi là đàn anh trong mối tương quan của hai quốc gia cộng sản. Điều này còn ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa Hà Nội và Phnom Penh.

Trong cuộc gặp Trương Đức Duy ngày 5-6-1990, tổng bí thư tiếp tục đề cập đến “giải pháp Đỏ”, giải pháp chấp nhận Khmer Đỏ trong thành phần chính phủ mới ở Phnom Penh. Ông Nguyễn Văn Linh giải thích: “Không lý gì những người cộng sản lại không thể bàn với những người cộng sản; họ gặp Sihanouk còn được huống chi là gặp lại nhau”[599]. Ngày 6-6-1990 Tướng Lê Đức Anh nói với Trương Đức Duy: “Sihanouk sẽ chỉ đóng vai trò tượng trưng, danh dự, còn lực lượng chủ chốt của hai bên Campuchia là lực lượng Heng Somrin và lực lượng Pol Pot, Trung Quốc và Việt Nam mỗi bên sẽ bàn với bạn Campuchia của mình, và thu xếp để hai bên gặp nhau giải quyết vấn đề. Đây là gặp nhau bên trong, còn bên ngoài hoạt động ngoại giao vẫn như thường... Ngày xưa Pol Pot là bạn chiến đấu của tôi”[600].

Tại Hội nghị Thành Đô, sáng kiến “giải pháp đỏ” mà lãnh đạo Việt Nam đưa ra đã bị Lý Bằng và cả Giang Trạch Dân bác bỏ. Giang Trạch Dân đã giảng giải cho phía Việt Nam: “Tình hình quốc tế hiện nay nếu để hai đảng cộng sản bắt tay nhau là sách lược không lợi cho chúng ta”. Theo ông Trần Quang Cơ, trong bảy điểm về Campuchia thống nhất ở Hội nghị Thành Đô, có hai điểm có tính chất chung, năm điểm còn lại hoàn toàn là đáp ứng yêu cầu của Trung Quốc, không có điểm nào theo yêu cầu của Việt Nam[601].

Campuchia thời hậu Việt Nam

Đất nước Campuchia may mắn đã không rơi trở lại vào tay của Khmer Đỏ sau khi Việt Nam rút quân như trường hợp Afganistan rơi vào tay Taliban thời kỳ hậu Liên xô. Và cũng thực sự may mắn cho người dân Campuchia khi những người được Hà Nội đưa lên nắm quyền ở Phnom Penh, đặc biệt là Hun Sen, đã không nghe theo Hà Nội một cách mù quáng. Khi đứng trước thời cuộc mới, họ đã biết quyết định dựa trên quyền lợi của dân tộc mình.

Ngay sau Hội nghị Thành Đô, ngày 5-9-1990, Nguyễn Văn Linh, Đỗ Mười, Nguyễn Cơ Thạch và Lê Đức Anh, bay sang Phnom Penh thuyết phục Phnom Penh

chấp nhận thỏa thuận Thành Đô, coi Trung Quốc là một đồng minh. Nhưng điều này chỉ làm cho Phnom Penh càng xa hơn với Hà Nội. Theo Đại sứ Ngô Điền: "Về công khai, bạn cố tránh tỏ ra bị lệ thuộc vào Việt nam. Trên cơ sở tính toán về lợi ích của mình, bạn tự quyết định lấy đối sách, không trao đổi trước với ta, hoặc quyết định trái với sự gợi ý của ta trên nhiều việc".

Nguyễn Văn Linh, Lê Đức Anh, muốn Phnom Penh chọn "giải pháp Đỏ" nhằm để "hai phái Khmer cộng sản" hợp tác với nhau. Nhưng, hơn ba năm sống dưới triều đại Pol Pot, các nhà lãnh đạo Campuchia đã mất đủ máu xương để biết sợ cái gọi là "cộng sản". Năm tháng trước khi Việt Nam rút hết quân, ngày 30-4-1989, Phnom Penh quyết định đổi tên nước "Cộng hòa Nhân dân Campuchia" thành "Nhà nước Campuchia".

Ngày 18-10-1991, khi Việt Nam không còn can thiệp được vào các quyết định của Phnom Penh, Campuchia đã sửa đổi hiến pháp theo hướng từ bỏ chủ nghĩa xã hội: chấp nhận kinh tế thị trường tự do và hệ thống chính trị đa đảng. Tên nước, quốc kỳ, quốc ca, ngày quốc khánh thời Sihanouk được đưa ra dùng trở lại. Hai chữ "cách mạng" trong tên gọi Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia, đảng mà Việt Nam giúp dựng lên, đã được bỏ đi.

Năm 1985, khi tổng kết một lớp tập huấn chuyên gia, Tướng Lê Đức Anh cho rằng lực lượng Quân Tình nguyện sẽ rút trước sau khi giúp Phnom Penh tự đảm đương được về quân sự, nhưng đội ngũ chuyên gia thì phải ở lại Campuchia cho tới năm 2000. Trên thực tế, khi Việt Nam ngỏ lời rút chuyên gia, "bạn" sốt sắng đồng ý và thúc đẩy tiến trình này diễn ra nhanh hơn. Đoàn Chuyên gia đã được giải thể từ ngày 30-12-1988.

Trừ một số không nhiều cán bộ Việt Nam thực sự có năng lực, phần lớn chuyên gia chỉ là những người năng nổ, nhiệt tình, sốt sắng áp đặt những kinh nghiệm, lề lối làm việc máy móc từ chế độ quan liêu bao cấp Việt Nam. Sau Hội nghị Cán bộ Đảng toàn quốc lần thứ II, tháng 4-1989, Hun Sen đã khen ngợi Bí thư tỉnh Takeo, Pol Saroeun, khi ông này đã biết "báo cáo láo" để qua mặt chuyên gia về thành tích xây dựng "hợp tác hóa" trong nông nghiệp. Nhờ không hình thành mô hình tổ đoàn kết sản xuất theo yêu cầu của chuyên gia Việt Nam, trong khi vẫn báo cáo "có" lên chuyên gia, sản xuất nông nghiệp của Takeo đã khá hơn các tỉnh khác.

Cũng tại Hội nghị Cán bộ Đảng toàn quốc lần II, Campuchia đã thay căn bản thành phần nhân sự mà chuyên gia Việt Nam trước đây áp đặt. Giai đoạn 1979-1981, nhóm "tập kết" được ông Lê Đức Thọ đưa về gần như thống lĩnh Phnom Penh. Từ tháng 4-1989, nhóm từ lực lượng Quân Khu Đông (khu 203) chạy sang Việt Nam, cầm đầu bởi Chea Sim, Hun Sen, Ouk Bun Sươn, Heng Samrin, bắt đầu thâu tóm dần quyền bính[602].

Đây không hẳn là sự kỳ thị. Theo ông Ngô Điền, ngay từ đầu chuyên gia Việt Nam đã không tin những người thuộc phái Khu 203. Ở Bộ Nội vụ, những người thực sự có năng lực như Sin Song được cả Heng Samrin lẫn Chea Sim đề cử nhưng vẫn không được chuyên gia chấp nhận; trong khi đó, Khang Sarin, một người "năng lực có hạn, đạo đức kém, sinh hoạt bừa bãi", lại được đưa lên làm bộ trưởng (1981). Khi thấy Khang Sarin không hoàn thành nhiệm vụ, "chuyên gia" lại đưa Nay Pena, một người năng lực không khá gì hơn lên thay. Phải đến khi chuyên gia rút, "bạn" mới đưa được Sin Song lên làm Bộ trưởng.

Yim Chhay Li, vốn là y tá, chỉ bổ túc nghề ở Việt Nam một thời gian ngắn, cũng được "chuyên gia" đưa lên làm bộ trưởng Y tế. So Niet, theo ông Ngô Điền, "dốt nát và thường say rượu", cũng được cử làm thứ trưởng Bộ Nội vụ. Đặc biệt, nữ y tá Quân khu VII Mel Sam Ol đã được Tướng Lê Đức Anh và các chuyên gia Trần Xuân Bách, Đỗ Chính, Phạm Bái đưa lên giữ chức trưởng Ban tổ chức Trung ương Đảng thay cho Xại Phuthong, một kháng chiến quân kỳ cựu[603]. Ngay từ khi chuyên gia chưa rút, các quyết định lớn về nhân sự, Heng Samrin, Chea Sim và Hun Sen đã phải làm thay. Sau tháng 4-1989, tuy chưa tiện đưa Mel Sam Ol ra khỏi Bộ Chính trị nhưng nữ ý tá này chỉ còn giữ chức chủ tịch Công đoàn. Hun Sen càng ngày càng tỏ ra bản lĩnh, tách khỏi các ảnh hưởng của Việt Nam và đưa ra những quyết định thích hợp hơn với thời cuộc.

Tối 23-10-1991, Hội nghị hòa bình về Campuchia kết thúc. Một hiệp định đã được ký kết tại Paris, theo đó, Liên Hiệp Quốc sẽ gửi tới Campuchia một lực lượng gìn giữ hòa bình gọi là UNTAC. UNTAC sẽ cùng với Hội đồng Dân tộc Tối cao SNC điều hành chính quyền Campuchia và tổ chức bầu cử. Mặc dù, theo ông Trần Quang Cơ, ngày 24-2-1991, khi gặp Heng Samrin ở Hà Nội, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh vẫn cố ép "thực hiện tốt chính sách hòa hợp dân tộc, không nên nhấn mạnh vấn đề

diệt chủng, SNC nên gồm mười ba thành viên do Sihanouk làm chủ tịch". Nhưng Phnom Penh đã không nghe theo lời khuyên ấy.

Trong khi đó, Hà Nội đã không bắt kịp tình hình, vẫn giữ "ông thầy" Ngô Điền của Hun Sen ở lại Phnom Penh sau khi Hiệp định Paris về Campuchia đã có hiệu lực, "nguyên thủ" mới là Sihanouk chứ không còn là Heng Sarin. Chính phủ Hun Sen có nhu cầu thiết lập một trật tự mới trong chính sách đối ngoại, áp dụng sách lược tách khỏi Việt Nam để tranh thủ sự ủng hộ quốc tế và tránh bị các phái Khmer khai thác. Một chỉ lệnh đã được bí mật truyền đi trong nội bộ Đảng Nhân dân Campuchia lúc đó, yêu cầu các cấp tiêu hủy các tài liệu liên quan đến Việt Nam, tránh công khai nhắc đến Việt Nam.

Mặc dù giữa năm 1991, cả Hun Sen và Sihanouk đều không tỏ thái độ gì về phương án ông Ngô Điền tiếp tục ở Phnom Penh làm đại sứ, nhưng ngày 3-9-1991, khi tới thăm Ngô Điền tại Phnom Penh, phóng viên tờ báo Pháp Le Monde, J.C. Pomonti đã hỏi: "Liệu Sihanouk có vừa lòng khi một người đã được ông ta gọi là thái thú (proconsul) lại là đại sứ bên cạnh SNC?". Tháng 10-1991, tại Hội nghị Paris, Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam Nguyễn Mạnh Cầm hỏi Sihanouk về việc Ngô Điền kiêm nhiệm đại sứ bên cạnh SNC, Sihanouk đã viện cớ Son Sann không đồng thuận để ngầm từ chối. Khi ông Cầm hỏi Hun Sen, Hun Sen đã trả lời: "Có lẽ là phải làm như vậy".

Từ giữa tháng 9-1991, Hun Sen bốn lần từ chối tiếp "người thầy vĩ đại của mình" nhưng chính sách của Hà Nội đối với Phnom Penh phải nhiều tháng sau mới thay đổi[604]. Ngày 5-11-1991, khi Ngô Điền liên hệ, Hun Sen đã cáo bận. Ngày 6-11-1991, một ủy viên Bộ Chính trị Campuchia là Sok An, gặp đại sứ Ấn Độ, Cu Ba và một số nước đã từng là "cộng sản", thông báo, các nước nên rút đại sứ trước ngày 14-11-1991, ngày Sihanoul về Phnom Penh, một cách "lặng lẽ, lịch sự và không tuyên bố"; vì, Hun Sen sẽ nói với Sihanouk, tất cả các đại sứ bên cạnh chính phủ của ông đã rút.

Khi ấy, các lãnh đạo Việt Nam như Đỗ Mười, Võ Văn Kiệt, Nguyễn Mạnh Cầm lại đang ở thăm Trung Quốc. Mãi tới ngày 10-11-1991, ông Ngô Điền mới được lệnh rời khỏi Campuchia. Ông chỉ có hai ngày để chia tay bạn bè và thu xếp hành trang. Sau mười ba năm làm "thái thú" ở Campuchia, ông Ngô Điền phải rời Phnom Penh mà không được một quan chức Campuchia nào đưa tiễn.

Sáng 13-11-1991, trong khuôn viên đại sứ quán Việt Nam, hai người nấu bếp của sứ quán vốn là người Khmer Krom đã phải quấn xà-rông, ôm hoa tặng ông Ngô Điền để chụp hình. Ít phút sau, ông cùng vợ lên xe, theo đường bộ, rời khỏi Phnom Penh mãi mãi. Hun Sen khi đó đã lên đường đến Bắc Kinh đón Hoàng thân Sihnouk.

Từ 1987, Hun Sen đã gặp Sihanouk nhiều lần, Đảng Nhân dân Campuchia biết vai trò của ông Hoàng trong cộng đồng quốc tế và biết rõ lòng sùng kính của nhân dân dành cho ông. Trưa 14-11-1991, chiếc Boeing 737 của Hàng không Trung Quốc hạ cánh xuống sân bay Pochentong. Ông Hoàng xuất hiện trước cửa máy bay giữa tiếng hò reo nồng nhiệt của đám đông. Kế bước theo ông là Hun Sen. Các thiếu nữ choàng lên cổ Sihanouk và Hun Sen những vòng hoa nhài.

Trước đó, chính quyền Phnom Penh đã lùng mua được một chiếc Chevrolet mui trần, loại xe ông Hoàng ưa dùng khi đang ở trên đỉnh cao quyền lực. Một người lái xe cũ của Hoàng gia cũng đã được tuyển chọn để lái chiếc xe đón Hoàng thân Sihanouk. Trên con đường dài gần 8km, chạy từ sân bay về Hoàng Cung, người dân Campuchia đứng chen nhau trong cờ hoa để đón chào ông Hoàng của họ. Trên chiếc Chevrolet mui trần ấy, Hun Sen đứng bên cạnh ông Hoàng, chia sẻ những vinh quang mà người dân Campuchia dành cho ông. Trước đó, Đảng Nhân dân Campuchia cũng đã chi một khoản tiền lớn để tu bổ Hoàng cung, mua sắm phương tiện cho ông hoàng Sihanouk[605].

Trước bầu cử, UNTAC cho phép lập ở Campuchia hai mươi đảng chính trị, bốn tổ chức nhân quyền và cấp phép cho ra đời nhiều tờ báo đối lập. Theo đại sứ Việt Nam tại Phnom Penh, ông Trần Huy Chương: "Việc giết hại người Việt xảy ra ở nhiều nơi do một số báo tuyên truyền, kích động. Trong các cuộc họp của P5, Trung Quốc luôn có thái độ có hại cho lợi ích của Việt Nam".

Các tổ chức chính trị còn cáo buộc quân đội Việt Nam chưa rút hết khỏi Campuchia. Ngày 25-01-1992, Sihanouk phải xác nhận không còn quân đội Việt Nam. Nhưng con trai ông, Hoàng thân Ranaridh, ngày 12-05-1992 lại nói là đang có 40.000 quân Việt Nam và một triệu Việt kiều ở Campuchia. Hơn hai tuần sau, ngày 28-05-1992, ông Akashi đại diện đặc biệt của tổng thư ký Liên Hợp quốc đã phải làm dịu tình hình bằng cách tuyên bố "không có bằng chứng về sự hiện diện của quân đội Việt Nam ở Campuchia" nữa.

Trước khi UNTAC tới Phnom Penh, chính quyền Hun Sen cũng đã đưa ra khỏi các cơ quan nhà nước một số người có thể "bị nghi ngờ là Việt Nam". Chính UNTAC, khi giám sát và kiểm soát năm bộ của Chính phủ Hun Sen cũng đã loại bỏ thêm một số người bị cho là lai Việt.

Theo Đại sứ Trần Huy Chương: "Ngày 1-3-1993, sau nhiều lần điều chỉnh định nghĩa, khái niệm 'lực lượng nước ngoài', UNTAC phát hiện ba người đã từng ở trong quân đội Việt Nam nhưng sau khi giải ngũ lấy vợ sanh con và ở lại. UNTAC đòi đưa ba người này ra khỏi Campuchia. Ta giải thích rằng, việc trục xuất họ, chẳng những sai trái về mặt pháp luật, mà còn là tội ác vô nhân đạo, vi phạm nhân quyền. Cuối cùng UNTAC không nêu lại vấn đề này và cũng không dẫn độ ba người nói trên ra khỏi Campuchia"[606].

Các lực lượng đối lập với Hun Sen phối hợp với Khmer Đỏ tiến hành nhiều cuộc khủng bố để xua đuổi Việt kiều. Cuối năm 1992, một lực lượng mà Chính phủ Hun Sen nói là Khmer Đỏ đã sát hại chín mươi hai người Việt Nam ở Đầm Be. Đây là số lao động do Công ty Miền Đông, một công ty được Quân Khu VII lập ra thời kỳ hậu Campuchia, đưa sang khai thác gỗ theo một thỏa thuận ký giữa quân đội Việt Nam và Chính phủ Phnom Penh.

Ngày 15-3-1993, Hoàng thân Shihanouk "khuyên người Việt nam về nước vì ở Campuchia không có an ninh". Theo Đại sứ Trần Huy Chương: "UNTAC đã làm ngơ trước hành động khủng bố, làm cho hàng vạn người Việt đã phải rời khỏi Campuchia về nước, mặc dù họ đã sống qua nhiều thế hệ ở Campuchia. Tính đến khi cuộc vận động bầu cử chấm dứt vào ngày 18-5-1993, có 131 người bị Khmer Đỏ giết, 250 người bị thương, năm mươi ba người bị bắt cóc; đặc biệt 25.000 người Việt đã phải rời Campuchia chạy qua biên giới lánh nạn, phần lớn về định cư tại một số tỉnh miền Nam Việt Nam. Hơn 4000 người đã bị kẹt lại ở Korthum, biên giới Việt Nam-Campuchia".

Trong cuộc bầu cử diễn ra vào ngày 23-5-1993, Đảng Funcinpec của Ranaridh dẫn trước với số phiếu chiếm 45%, Đảng Nhân dân Campuchia của Hun Sen chỉ được 38%, Mặt trận KNLF của Son Sann được 4%. Nhưng trước áp lực của Hun Sen, Sihanouk phải thuyết phục con trai nhượng bộ[607]. Ngày 15-6-1993 Hội đồng Bảo an Liên Hợp Quốc công nhận kết quả bầu cử và đề cao vai trò lãnh đạo của Shihanouk. Hôm sau, ngày 16-6, Sihanouk đề cử Ranaridh và Hun Sen làm đồng

thủ tướng của chính phủ liên hiệp lâm thời, cho phép các đảng có chân trong quốc hội được tham gia chính phủ.

Ngày 8-8-1993 chính phủ tấn công vào các khu vực Khmer Đỏ đã lấn chiếm trong thời kỳ UNTAC như Kongpong Thom, Preah Vihear, Siem Riep, Ban Tây Miên Chây nhằm xóa bỏ thế da báo. Cuộc tấn công có sự phối hợp của ba phái cầm quyền thu được kết quả lớn. Khmer Đỏ phải rút về khu vực mà chúng kiểm soát trước khi có Hiệp định Paris.

Ngày 24-9-1993 Hiến pháp Campuchia được công bố chính thức. Nhà vua với tư cách là quốc trưởng chỉ định Ranaridh làm thủ tướng thứ nhất, Hun Sen làm thủ tướng thứ hai; Sihanouk tuyên thệ làm vua, Monique trở thành hoàng hậu. Ngày 25-10-1993, Quốc hội Campuchia họp phiên đầu tiên và hôm sau, lễ trao quyền cho Chính phủ được thực hiện.

Các lực lượng UNTAC rút khỏi Campuchia vào ngày 15-11-1993. Quyền lực trên thực tế vẫn nằm trong tay Hun Sen. Tuy phải chia sẻ một số ghế ở chính quyền trung ương, nhưng chính quyền địa phương về cơ bản vẫn nằm trong tay Đảng Nhân dân Campuchia. Hun Sen còn bị thách thức ba lần trước khi ông thâu tóm gần như hoàn toàn quyền lực[608].

Cho dù Hun Sen rồi sẽ bị chỉ trích như một nhà độc tài, quyền lực của ông càng được củng cố ở Campuchia càng làm cho các nhà lãnh đạo Việt Nam cùng thời yên tâm. Phía Tây Nam từ đây là một quốc gia láng giềng. Phần tiếp giáp với Trung Quốc cũng bắt đầu trở thành một đường biên mậu dịch. Chiến tranh chính thức kết thúc đối với Việt Nam. Hà Nội trở về với những vấn đề lợi quyền muôn thuở.

Phụ lục 1. Sự thật lịch sử về tăng 390 và tăng 384

Trong suốt hơn hai mươi năm kể từ ngày 30-4-1975, truyền thông trong nước đã mặc nhiên thừa nhận chiếc xe 843 của Bùi Quang Thận đã húc đổ cổng Dinh trong khi sự thật chính là xe 390. Theo Trung tá Bùi Văn Tùng: "Sau khi biết Thận là người cắm cờ, báo chí vây lấy cậu ấy. Chắc thẳng Thận không nói, nhưng các nhà báo suy ra Thận cắm cờ thì 843 của Thận phải là xe vào trước. Khi về tới Long Bình, anh em đã báo cáo lên, xe 390 húc đổ cổng Dinh, nhưng khi nghe báo nói xe 843 anh em cũng cho qua. Về sau, do vụ "ai cắm cờ" đã khá bầm dập nên nhiều người nghĩ, cải chính làm chi cho phức tạp. Sau đó, Việt Nam lại xung đột với Trung Quốc mà chiếc 390 là T59, viện trợ của Trung Quốc, trong khi chiếc 843, T54, viện trợ của Liên Xô nên càng không ai nghĩ tới việc làm rõ sự kiện này".

Lữ đoàn 203 có bốn chiếc tăng bị bắn cháy trước khi vào đến Dinh Độc Lập. Vào lúc 9 giờ sáng, những chiếc tăng của Lữ 203 đã bị chặn lại trong một trận đọ sức ác liệt giữa các chiến xa của hai bên. Tiểu đoàn trưởng Tiểu Đoàn 1, Ngô Quang Nhỡ, mở nắp tháp pháo nhô người ra chỉ huy đã bị bắn xuyên qua trán, chết khi chiến tranh kết thúc chỉ còn trong gang tấc. Chiếc tăng 866 khi chạy tới Thị Nghè cũng bị trúng đạn, một người chết ngay tại chỗ, một người bị thương nặng rớt xuống đường. Những người lính vào giờ phút ấy nhận ra sống sót là tấm huân chương quan trọng nhất. Trong suốt hai mươi năm, bốn người lính trên chiếc tăng 390 tiếp tục chiến đấu ở Campuchia, ở phía Bắc rồi lầm lũi mưu sinh chứ không hề tìm kiếm vinh quang. Khi coi phim tài liệu, thấy Bùi Quang Thận cầm một lá cờ rất to, loại cờ không chứa trong những chiếc xe tăng tiến vào Dinh trong ngày 30-4, Thiếu úy Lê Văn Phượng lại tặc lưỡi nghĩ rằng, "lịch sử đôi khi được làm bằng báo chí".

Sáng 1-5-1975, khi rút về căn cứ Long Bình, Lê Văn Phượng đã viết tường trình đúng như những gì xảy ra. Anh không biết cấp trên báo cáo ra sao để "lịch sử thành văn" chỉ nhắc đến chiếc xe của Bùi Quang Thận. Những thước phim, những bức ảnh "húc đổ cổng Dinh Độc Lập" được phục dựng đã thế chỗ sự thật và số phận của những người được nói đến thật cách biệt với những người im lặng. Bùi Quang Thận sau ngày 30-4 được điều về Bộ chỉ huy, còn Thiếu úy Lê Văn Phượng và ê-kíp xe

390 được điều lên biên giới Tây Ninh, chuẩn bị cho cuộc chiến ở Campuchia, rồi tháng 3-1979 lại được điều ra tham gia cuộc chiến tranh phía Bắc. Ba người trên chiếc xe tăng 390 xuất ngũ năm 1981, một người, Lê Văn Phượng, xuất ngũ năm 1986. Kể từ đó, bốn anh em không có điều kiện gặp nhau.

Thượng úy Lê Văn Phượng ra quân, về quê; năm 1992 anh học hớt tóc, rồi dựng lều hành nghề ở bờ hào bên thành nhà Mạc, bị công an đuổi chạy lên, chạy xuống. Sau, người lính đã cho xe tăng nghiến lên cổng Dinh Độc lập ấy đã phải chạy về mở lán cắt tóc gần cổng Trường Sĩ quan Lục Quân ở Sơn Tây. Tuy không tranh dành quyền lợi ở chốn quan trường, nhưng trong thẳm sâu, người lính ấy cũng tự hào về những gì mà mình đã làm cho đất nước. Anh đem câu chuyện "húc đổ cổng Dinh Độc Lập" ra kể với các con. Nhưng, ở trường, lịch sử được dạy không giống như những gì đã xảy ra. Đứa con gái học tiểu học về khóc: "Bố nói bố chỉ huy xe 390 vào Dinh Độc lập trước tiên, con khoe với bạn học và cô, nhưng bài học dạy, bác Bùi Quang Thận lái xe vào trước và cắm cờ trên Dinh. Chúng bạn trêu con nói phét. Con xin nghỉ học". Lê Văn Phượng chỉ biết phân trần với chính quyền địa phương nhưng nào ai biết là anh đúng hay sách đúng.

Mãi tới năm 1995, khi nữ ký giả Pháp có tên là Francoise De Mulder đến Việt Nam, những người lính tăng trên chiếc xe làm nên lịch sử ấy mới có dịp gặp nhau. Francoise De Mulder là người phụ nữ mà sau khi tăng 390 cán qua cổng Dinh đã chụp được tấm hình Lê Văn Phượng nhô đầu ra khỏi tháp xe và nhìn thấy bà trong một khoảng thời gian rất ngắn. Francoise De Mulder sinh năm 1944, sang Việt Nam làm phóng viên ảnh từ năm 1963, lúc mười chín tuổi. Năm 1976, bà có mặt ở Lebanon, nơi có hàng trăm người tị nạn Palestine bị hành quyết bởi lực lượng vũ trang cánh hữu Phalang. Tại trại tị nạn ở quận Quarantaine - Beirut, bà chụp được cảnh một phụ nữ đang van xin các binh lính tha chết cho chồng trên một đường phố đang bốc cháy, ngay giữa thủ đô Beirut. Tấm hình này đoạt giải nhất của Giải WPPA lần thứ 20, là ảnh báo chí xuất sắc nhất thế giới năm 1976. Bà cũng là nữ ký giả ảnh đầu tiên đoạt giải này. Năm 2003 De Mulder bị bệnh bạch cầu và liệt người. Năm 2005, bà mất tại Paris, thọ 61 tuổi.

Năm 1995, tại Paris, bà Francoise De Mulder tổ chức triển lãm những tấm ảnh bà chụp được trong ngày 30-4-1975. Những bức ảnh đã gây chú ý cho một sỹ quan khi ấy đang làm tùy viên quân sự tại Pháp, anh đã giúp đỡ để đầu tháng 3-1995, bà

Francoise De Mulder về đến Việt Nam. Người đầu tiên mà bà gặp là anh Nguyễn Văn Tập, lái tăng 390, khi ấy đang lái xe ba gác ở Thái Bình. Rồi bà gặp anh Vũ Đăng Toàn, chính trị viên đại đội, khi ấy đang nuôi heo ở Hưng Yên. Bà không tìm ra anh Ngô Sỹ Nguyên, pháo thủ I, vì khi ấy anh Nguyên không sống ở địa phương. Cuối cùng, bà đến Sơn Tây gặp Lê Văn Phượng đúng khi anh đang hành nghề cắt tóc. Sau cuộc gặp đó, ngày 22-6-1995, Thiếu úy Lê Văn Phượng được mời dự lễ kỷ niệm ngày thành lập Lữ đoàn 203, bấy giờ đã phiên thành Trung đoàn xe tăng 203. Ở đó, Lê Văn Phượng gặp lại Nguyễn Văn Tập và Vũ Đăng Toàn rồi cả ba được vào tham quan Dinh, bấy giờ đã có tên là Dinh Thống Nhất. Khi đó, họ mới biết chiếc tăng 843 "hiện vật" vẫn được trưng bày tại Bảo tàng Tăng Thiết Giáp, Hà Nội, còn chiếc "843" sau này trưng bày trong Dinh chỉ là một chiếc tăng cùng loại được sơn và ghi số hiệu vào. Trong khi chiếc xe của Bùi Quang Thận được sơn phết, bảo dưỡng, lau chùi, nâng niu từ sau 30-4-1975 đến nay, tăng 390 vẫn rong ruổi trên chiến trường Campuchia, mãi đến sau 1995 mới được đem về Bảo tàng Tăng Thiết Giáp.

Chuyến đi của Bà Francoise De Mulder được phát trên VTV và sau đó được thể hiện lại trong một cuốn phim xúc động. Bốn chiến sĩ xe tăng 390 cũng trở nên nổi tiếng nhưng là dưới một biệt danh mới do người xem đặt ra: *Ông gác đầm cá* Vũ Đăng Toàn; *Ông đánh giậm* Nguyễn Văn Tập; *Ông lái xe lam* Ngô Sĩ Nguyên; *Ông cắt tóc bị công an đuổi ở Bờ Hào* Lê Văn Phượng. Các học viên Lục Quân sau khi biết Lê Văn Phượng qua bộ phim "Bốn chiến sĩ xe tăng 390" thường để dành tóc "đem đầu" đến tiệm cắt tóc của ông; bảo vệ trường sỹ quan cũng thương tình không đuổi. Sau một thời gian chạy xe lam, Ngô Sĩ Nguyên được một anh bạn thanh lý cho một chiếc xe Gát 69 làm phương tiện vận chuyển hàng hóa cho các chủ hàng trên tuyến Hà Nội-Thường Tín. Nhằm giúp Nguyễn Văn Tập giải quyết khó khăn, Bưu điện huyện Gia Lộc, Hải Dương, đã nhận anh vào làm bưu tá xã. Năm 2003, khi xem một chương trình giao lưu với bốn chiến sĩ xe tăng 390, một trí thức và là một nhà doanh nghiệp đã liên lạc với bốn chiến sĩ xe tăng 390, viết thư cho từng anh, tự giới thiệu mình là chủ tịch hội đồng quản trị một công ty, mời các anh lên thăm. Từ tháng 11-2003, Vũ Đăng Toàn được công ty này mời về phó giám đốc một xí nghiệp sản xuất sơn giao thông và ông Nguyễn Văn Tập cũng được mời về

đây vừa làm thủ kho, vừa điều khiển xe nâng hàng. Những "người hùng" kể về sự tiếp nhận của nhà doanh nghiệp này như một sự hàm ơn.

Phụ lục 2. Tướng Big Minh sau 1975

Tướng Dương Văn Minh đã từng quyết định ở lại để "làm dân một quốc gia độc lập", nhưng cho dù được ông Võ Văn Kiệt đối xử trân trọng, cuối thập niên 70 ông vẫn quyết định rời Việt Nam. Không chỉ do cuộc sống có những khó khăn mà có lẽ những gì xảy ra lúc ấy ở miền Nam cũng khiến lòng ông giằng xé. Tuy nhiên, ông tỏ ra hết sức cẩn trọng trong mọi ứng xử. Trước khi sang định cư ở Pháp, ông Minh hỏi bà Năm Mè (Bùi Thị Mè), "thứ trưởng" Bộ Y tế của "Cộng hòa Miền Nam" và là bạn từ thiếu thời của ông: "Tổng Lãnh sự Pháp mời cơm tôi, theo chị tôi có nên nhận lời không?". Bà Mè đem chuyện hỏi ông Võ Văn Kiệt, ông Kiệt nói: "chị kêu ảnh cứ gặp và chị nhớ đừng nói gì để anh ấy nghĩ là tôi dặn dò. Con người như thế mình nói gì thêm với họ là không cần thiết". Trong bữa cơm với Lãnh sự Pháp, ông Tổng Lãnh sự hoan nghênh vợ chồng ông Minh đã chọn Pháp làm nơi cư trú, ông nói: "Ngài Đại sứ gửi lời thăm và muốn tôi nói với ông là Chính phủ Pháp sẽ lo hết chuyến đi của ông". Ông Dương Văn Minh đã đáp lại: "Tôi xin cám ơn, Chính phủ của tôi đã lo hết". Trước khi ông Minh đi Pháp, ông Kiệt kêu Thư ký Phạm Văn Hùng bố trí ở nhà bà Năm Mè một "bữa cháo gà", theo lời ông Hùng thì hai người đã nói chuyện với nhau suốt nhiều giờ tâm đắc.

Năm 1984 khi dự Quốc khánh Cộng hòa Dân chủ Đức, sau đó đi thăm chính thức Algeria, trên đường về, ông Võ Văn Kiệt có ghé qua Pháp thăm ông Dương văn Minh, hai người đã trò chuyện khá lâu và theo ông Kiệt là rất cởi mở. Trong những ngày ở Pháp, Tướng Dương Văn Minh vẫn liên lạc với bà Năm Mè. Trong một bức thư viết tay đề ngày 28-8-1988, ông tâm sự: "Ở Montheny được cái yên tĩnh như ở làng bên mình nên tôi và "nhà tôi" rất khỏe. Cũng nhờ không khí ở đồng nên sức khỏe tốt. Đau ốm thì có bác sĩ và thuốc men đầy đủ, mỗi hai tháng đi khám sức khỏe một lần, về cả thử máu (thử đủ chuyện). Tất cả đều được miễn phí nên được

yên tâm phần nào. Nhưng dẫu sao cũng nhớ nhà lắm chị Năm ơi! Nhớ bạn bè, nhớ bà con thân thuộc. Nhớ người nầy, nhớ người kia, nhất là nhớ mẹ tôi năm nay đã già mà tôi ở xa quá. Ở nhà còn hai đứa em trai và một đứa em gái nhưng tôi thấy tụi nó không biết lo cho mẹ già đúng mức…" Trong thập niên 90, khi tình hình trong nước đã khá dần lên, bản thân ông Võ Văn Kiệt cũng muốn ông Dương Văn Minh trở về Việt Nam như một minh chứng cho "Đổi mới". Năm 1994, khi ông Hồ Ngọc Nhuận đi Pháp, có đến thăm ông Minh và tất nhiên là có chuyển lời mời của ông Võ Văn Kiệt.

Một bức thư của bà Năm Mè gửi cho ông Dương Văn Minh vào giữa thập niên 90 cho thấy việc xúc tiến đón ông trở lại Sài Gòn đã được làm khá tích cực. Bức thư viết: "Anh Hai kính mến! Năm mới chúng tôi xin chúc Anh: sức khỏe, hạnh phúc. Tôi có nhận 2 fax của cháu Đức. Chưa trả lời được cho cháu vì tôi bị cấp cứu về tim. Được fax anh, tôi vội trả lời để anh yên tâm. Tôi đã chuyển lời chúc tết của anh đến các anh em. Về chuyện nhà của anh Hai đừng bận tâm, anh em đã lo. Lài đã xây xong nhà, qua tết gia đình Lài sẽ dọn đi. Anh Hai cứ lo việc về, anh em dặn tôi viết thư cho anh để anh yên tâm… Không có gì trở ngại, anh Hai đừng lo. Anh cứ xúc tiến việc về. Mọi người đều kiểm tra nhà Lài. Bà Bảy cũng đã hứa. Sáng nay anh em cho biết sau tết là gia đình Lài sẽ dọn về nhà mới. Trong việc Anh sẽ không có gì khó khăn, mọi người đều mong Anh. Kính chúc anh sức khỏe và được đón anh một ngày rất gần đây. Các cháu rất mong cậu Hai. Nhà cửa sữa xong rồi. Kính mến". Kèm theo bức thư của bà Năm Mè, Luật sư Trần Ngọc Liễng viết: "Kính anh Minh thân mến! Tôi hoàn toàn đồng ý với chị Năm Mè về việc yên ổn cho Anh khi trở về đây. Riêng tôi thấy có sự lưu ý giúp đỡ của các bạn của chị Năm thì trăm việc không có sơ sẩy điểm nào. Điều cần thiết là vấn đề sức khỏe của anh và sự bình yên về tâm trí thì đâu cũng là hạnh phúc cho cá nhân và cho mọi người xung quanh. Kinh chào thân mến. Liễng".

Trong bức thư gửi bà Năm Mè đề ngày 10-4-1996, ông Dương Văn Minh đã rất nôn nóng. Ông viết: "Tôi có nhận được thơ của chị. Mỗi lần đọc thơ và tin tức ở quê hương là tôi muốn, phải chi có cánh bay về ngay thì vui biết mấy. Nếu bữa nay tôi viết chữ không được ngay ngắn, khó đọc xin chị thứ lỗi cho. Vì tôi vừa mổ xong mắt trái đến nay mỗi tuần phải đi bác sĩ khám. Có lẽ đến tháng septembre (tháng 9) họ mới mổ con mắt thứ nhì. Phải đợi lâu vì bên này họ quá kỹ và đông người mình phải

đợi đến phiên mình. Tôi rất nóng lòng, lúc nào cũng mong đâu đó cho mổ để về sớm mà cứ bị kẹt chuyện này chuyện nọ hoài bực quá. Có điện nhờ chị thưa với anh Sáu để anh Sáu được rõ lòng tôi. Viết đến đây, cay mắt quá nghĩ chút sẽ viết tiếp nghe chị… Tội nghiệp Đức, lúc nào nó cũng cố gắng tìm đủ cách để giúp tôi về nước đến với quê hương. Lúc nào nó cũng đặt hết hy vọng nơi anh Sáu và chị. Nó tính là sẽ thành công. Theo những câu chuyện của nó, tôi thấy nó và Đạo (con trai bà Năm Mè- HĐ) rất hợp ý nhau. Thấy vậy tôi rất mừng. Tôi về được quê hương gặp lại mấy cháu chắc là vui lắm. Hy vọng sớm gặp nhau. Thương nhớ".

Về sau, Bà Năm Mè có sang Pháp để gặp ông Dương Văn Minh, không rõ câu chuyện ra sao mà từ đó ông Minh bắt đầu suy nghĩ lại. Sau khi ông Minh mất tại Mỹ (6-8-2001), Dân biểu Nguyễn Hữu Chung, người đã đọc Điếu văn trong Lễ tang Tổng thống Dương Văn Minh, có gửi email cho ông Hồ Ngọc Nhuận. Email, đề ngày 29-1-2004, viết: "Có mấy chuyện tôi muốn nói để anh rõ. Chuyện ông Tướng Dương Văn Minh: Sau khi bà Minh mất, ông Minh rất buồn, nhất là vì hai con dâu đối đãi với ông Minh không được đàng hoàng lắm. Trước tình trạng đó, ông Minh muốn về Việt Nam sinh sống, ông có hỏi ý tôi và tôi đã OK, chỉ cho ý kiến là về Việt Nam không nên ở "Hồng Thập Tự" (Dinh Hoa Lan) mà nên lên Thủ Đức ở vì Thủ Đức là nhà của ông trong khi nhà đường Hồng Thập Tự là nhà của Nhà nước. Ông cũng không nên có một hoạt động gì cả (Tôi cảnh giác ông Minh điều này vì thấy ở Việt Nam có nhiều phe quá, chưa chi đã có phe chửi bới ông, họ nói Nhà nước cho ông về vì xưa kia ông đã được Cách mạng móc nối…Công việc của ông Minh càng phức tạp hơn khi Đức (con trai của ông) đi về Việt Nam vận động cái gì đó và có gặp ông Võ Văn Kiệt. Ông Kiệt có gửi cho ông Minh một cái thư mời ông Minh về, lời lẽ rất dễ thương (mà ông Minh có gửi cho tôi bản sao). Trong thời gian đó lại có bà Mè, chị vợ của anh Lý Chánh Trung hay tới lui thăm viếng, tạo một bầu không khí cách mạng náo nhiệt chung quanh ông Minh khiến nhiều người thân với ông (trong đó có mấy người bạn ông và chị Mai con gái lớn của ông) không bằng lòng. Tới một lúc nào đó, ông Minh thấy mình không chịu nổi cái ồn ào ở Paris nên ông đi Mỹ ở với chị Mai. Sau vài lần đi về như thế, ông thấy có thể ở yên bên Mỹ nên ông quyết định ở luôn".

Cũng năm 2004, khi xem lá thư nói trên của Dân biểu Nguyễn Hữu Chung, ông Võ Văn Kiệt cho biết là cá nhân ông Đỗ Mười cũng cho người tiếp xúc, với ý định

mời ông Dương Văn Minh về tham gia Mặt trận Tổ quốc. Theo ông Hồ Ngọc Nhuận, vị sứ giả mà ông Đỗ Mười phái đi gặp ông Dương Văn Minh là cựu Chủ tịch Thượng viện, bà Lê Phước Đại. Ông Nguyễn Hữu Chung tâm sự tiếp với ông Hồ Ngọc Nhuận trong email đề ngày 29-1-2004: "Tôi có thể nói rằng nếu tôi khuyên ông Minh về Việt Nam thì ông đã về vì rất nhiều lần ông hỏi ý, và còn có ý rủ tôi cùng về. Nhưng tôi cảm thấy có một sự bất ổn nào đó nên đã không khuyên ông về. Tội nghiệp ông đã phải sống những năm chót trong sự cô đơn, về Việt Nam sống thì chắc vui hơn. Tôi hơi mệt nên xin phép anh tạm ngưng bút. Hẹn thư sau. Về bài Điếu văn hôm đám ma ông Minh, tôi có nhờ anh Trần Văn Sơn chuyển cho anh. Hy vọng anh đã nhận được. Chung". Đây chính là bức thư cuối cùng của ông Nguyễn Hữu Chung gửi cho ông Hồ Ngọc Nhuận. Ông Chung sau đó đã mất ở Canada vì bệnh ung thư.

Theo ông Nguyễn Hữu Chung, ông Hồ Ngọc Nhuận và những người thân khác, Tướng Dương Văn Minh đã lặng lẽ ra đi mà không hề để lại một dòng hồi ký. Ông Minh có lẽ đã khôn ngoan quyết định cứ để cho người đời bàn cãi về việc ai đã ra lệnh giết hai anh em nhà Ngô Đình Diệm; về việc vì sao lại chọn cách đi vào lịch sử như một kẻ đầu hàng.

###

HẾT CUỐN I

(Tìm đọc Bên Thắng Cuộc, CUỐN II: QUYỀN BÍNH)

Tác giả

Huy Đức - Trương Huy San
sinh năm 1962 tại Hà Tĩnh
nhập ngũ tháng 3-1979
học viên trường Sỹ quan Hoá Học (1980-1983)
chuyên gia quân sự ở Campuchia (1984-1987)
phóng viên báo Tuổi Trẻ, Thanh Niên, Thời báo Kinh Tế Sài Gòn, và Sài Gòn Tiếp Thị (1988-2009)
blogger của trang Osinblog (2006-2010)
Humphrey Fellow về phân tích chính sách tại Đại học Maryland (2005-2006)
Nieman Fellow về phân tích chính trị tại Đại học Harvard (2012-2013)

Liên hệ tác giả qua thư điện tử osinbook@gmail.com
Facebook: https://www.facebook.com/BenThangCuocBook

Danh mục sách tham khảo

1. Archimedes L. A. Patti, Why Vietnam, Nhà xuất bản Đà Nẵng, 2007

2. Ba mươi năm Công giáo Việt Nam dưới chế độ Cộng sản 1975 – 2005, Nguyệt san diễn đàn giáo dân và phong trào giáo dân Việt Nam hải ngoại cơ sở Đức quốc, 2005

3. Báo cáo thường niên Kinh tế Việt Nam 2001, Nền Kinh tế trước ngã ba đường, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội, 2011

4. Ban Tuyên giáo Thành ủy – Cục Chính trị quân khu 7 Viện nghiên cứu xã hội thành phố Hồ Chí Minh, Sài Gòn Mậu Thân 1968, Nhà xuất bản Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2008

5. Ban nghiên cứu của Thủ tướng Chính phủ, Kỷ yếu Thủ tướng Phan Văn Khải làm việc với Ban nghiên cứu và tổ kinh tế đối ngoại của Thủ tướng Chính phủ, Bản thảo ngày 13 tháng 2 năm 2004

6. Bản thảo Hồi ký Ngô Công Đức 1936 – 2007

7. Bộ Ngoại giao, Phạm Văn Đồng và Ngoại giao Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2006

8. Bùi Diễm, Gọng kìm lịch sử, cơ sở xuất bản Phạm Quang Khai, 2000

9. Carl Bernstein, Hillary Rodham Clinton người đàn bà quyền lực, Nhà xuất bản Công an nhân dân, 2008

10. Chính Đạo Việt Nam niên biểu 1939 – 1975, Văn hóa xuất bản và phát hành, 2000

11. Chương trình Khoa học Công nghệ cấp nhà nước KX.01, “Quá trình phát triển nhận thức của Đảng về con đường XHCN qua cuộc đổi mới”, Bản thảo năm 1994

12. Chuyện kể về chị Ba Thi nữ anh hùng lao động, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Vĩnh Long, 1992

13. Chuyện thời bao cấp tập 1, Nhà xuất bản Thông tấn, 2011

14. Christopher E. Goscha, Courting Diplomatic Disaster? The Difficult Intergration of Vietnam into the Internationalist Communist Movement (1945-1950), “Vietnam Studies” Conference April 6, 2006, UC Berkeley.

15. Duyên Anh, Nhà tù hồi ký, Nhà xuất bản Xuân Thu, 1987

16. Dương Đức Dũng, Nhà doanh nghiệp cần biết Những gương mặt tỷ phú Sài Gòn trước năm 1975, Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh, 1992
17. Đại tướng Phạm Văn Trà, Đời chiến sĩ hồi ký, Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, 2009
18. Đại tướng Văn Tiến Dũng, Đại thắng mùa xuân, Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, 1976
19. Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Tổng Hành Dinh trong Mùa Xuân Toàn Thắng, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2000
20. Đại Việt Sử ký toàn thư, Nhà xuất bản Văn hóa – Thông tin, 2003
21. Đào Xuân Sâm, Viết theo dòng đổi mới tư duy kinh tế, Nhà xuất bản Thanh niên, 2000
22. David G. Marr, Vietnam 1945, The Regents of the University of California, 1995
23. Đặng Phong, “Phá rào” trong kinh tế vào đêm trước đổi mới, Nhà xuất bản Tri thức, 2009
24. Đây là Đài Phát thanh Giải phóng, Nhà xuất bản Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 1997
25. Egon Krenz, Mùa thu Đức 1989, Nhà xuất bản Công an nhân dân, 2010
26. Ezra F. Vogel, Deng Xiaoping and the Transformation of China, the Belknap Press of Harvard University Press, 2011.
27. Giáo giới trong đấu tranh đô thị qua hai thời kỳ Nam Bộ kháng chiến (1945 – 1975), Bản thảo tháng 6 năm 2004
28. GS. Trần Nhâm, Trường Chinh – Một tư suy sáng tạo, một tài năng kiệt xuất, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2009
29. Hà Văn Thư – Trần Hồng Đức, Tóm tắt Niên biểu Lịch sử Việt Nam, Nhà xuất bản Văn hóa – Thông tin, 1996
30. Henry Kissingger, Ending the Vietnam War, Simon & Schuster, 2003
31. Henry Kissinger, Những năm bão táp (Cuộc chạy đua vào Nhà Trắng), Nhà xuất bản Công an Nhân dân, 2003
32. Hoàng Dũng, Chiến tranh Đông Dương III, Văn Nghệ xuất bản, 2000
33. Hoàng thân Norodom Shihanouk cùng Bernard Kriser, Hồi ký Shihanouk, Nhà xuất bản Công an Nhân dân, 1999
34. Hoàng Minh Thắng, Nơi ấy tôi đã sống, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2003

35. Hoàng Ngọc Thành và Trần Thị Nhân Đức, Tài liệu Sử: Những ngày cuối cùng của Tổng thống Ngô Đình Diệm
36. Hoàng Tùng, Những kỷ niệm về Bác Hồ
37. Học viện Chính trị Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Đồng chí Trường Chinh – Nhà lãnh đạo kiệt xuất của Cách mạng Việt Nam, Nhà xuất bản Lý luận Chính trị, 2007
38. Hồ Ngọc Nhuận, Bản thảo Đời hay Chuyện về những người tù của tôi
39. Hồ Ngọc Nhuận, Bản thảo Tình bạn hay Những là thư tâm tình về tình hình chính trị tại miền Nam Việt Nam trước 1975
40. Hồi ký của Nguyễn Kỳ Nam 1945 – 1954, Xuân Giáp Thìn 1964
41. Hồi ký Trần Văn Giàu 1940 – 1945
42. Hồi ức Mai Chí Thọ, tập 2 Theo bước chân lịch sử, Nhà xuất bản Trẻ, 2001
43. Hội nghị Genève năm 1954 về Đông Dương
44. Hội thảo Khoa học Lịch sử phát triển Kinh vĩnh tế, Sở Khoa học Công nghệ môi trường An Giang, 1999
45. Huỳnh Bá Thành, Vụ án Hồ Con Rùa, Phụ bản báo Tuổi trẻ, 1983
46. Lê Duẩn, Thư vào Nam, Nhà xuất bản Sự Thật, 1985
47. Lê Hoài Nguyên, Vụ Nhân văn – giai phẩm từ góc nhìn Một trào lưu tư tưởng dân chủ, một cuộc Cách mạng văn học không thành
48. Lê Xuân Khoa, Việt Nam 1945 – 1995, Tiên Rồng xuất bản, 2004
49. Lịch sử Phong trào đấu tranh của học sinh sinh viên Sài Gòn – Gia Định và các thành thị Nam Bộ trong kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ (1928 – 1975), Bản thảo tháng 9 năm 2004
50. Liên đoàn Lao động thành phố Hồ Chí Minh, Phong trào đấu tranh của công nhân Nam Bộ 1945 – 1975, Bản thảo tháng 6 năm 2004
51. Lưu Văn Lợi – Nguyễn Anh Vũ, Các cuộc thương lượng Lê Đức Thọ - Kissinger tại Paris, Nhà xuất bản Công an Nhân dân, 2002
52. Mao Trạch Đông ngàn năm công tội, Thông tấn xã Việt Nam, 2008
53. My life Bill Clinton, William Jefferson Clinton, 2004
54. Ngã ba Đồng Lộc – Ngã ba anh hùng, Bản thảo năm 1971
55. Nghiêm Xuân Hồng, Cách mạng và hành động (1789 – 1917 – 1933 – 1949), Quan điểm xuất bản

56. Ngô Điền, Campuchia nhìn lại và suy nghĩ, Bản thảo ngày 30 tháng 7 năm 1992
57. Ngô Thảo, Dĩ vãng phía trước, Nhà xuất bản Hội Nhà văn, 2011
58. Nhớ về anh Lê Đức Thọ, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2000
59. Nhà Ngoại giao Nguyễn Cơ Thạch, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2003
60. Những tên biệt kích của chủ nghĩa thực dân mới trên mặt trận Văn hóa – Tư tưởng, Nhà xuất bản Văn hóa, 1980
61. Những sự kiện lịch sử Đảng Bộ thành phố Hồ Chí Minh (1975 – 1995) tập 1
62. Những sự kiện lịch sử Đảng Bộ thành phố Hồ Chí Minh (1975 – 1995) tập 2
63. Những sự kiện lịch sử Đảng Bộ thành phố Hồ Chí Minh (1975 – 1995) tập 2
64. Nguyễn Đình Đầu, Tìm hiểu Thềm lục địa – biển Đông hải đảo Việt Nam, Ủy ban đoàn kết Công giáo thành phố Hồ Chí Minh, 2009
65. Nguyễn Duy Oanh, Chân dung Phan Thanh Giản, Tủ sách Sử học Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên, 1974
66. Nguyễn Khánh, Phong cách Võ Văn Kiệt, Bản thảo ngày 20 tháng 10 năm 2009
67. Nguyễn Thế Anh, Việt Nam dưới thời Pháp đô hộ, Lửa thiêng xuất bản, 1970
68. Nguyễn Thị Ngọc Hải, Chuyện đời Đại sứ, Nhà xuất bản Văn hóa - Văn nghệ, 2012
69. Nguyễn Thị Ngọc Hải, Trở lại xứ Ka Đô, Nhà xuất bản Công an Nhân dân, 2011
70. Nguyễn Nhật Lâm, Trở lại, Nhà xuất bản Văn học, 2012
71. Nguyễn Văn Trung, Chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt Nam, Nhà xuất bản Nam Sơn, 1963
72. Nguyễn Văn Linh, Đổi mới để tiến lên, Nhà xuất bản Sự Thật, 1991
73. Nguyễn Văn Linh, Thành phố Hồ Chí Minh 10 năm, Nhà xuất bản Sự thật, 1985
74. Nguyễn Văn Linh, Hành trình cùng lịch sử, Nhà xuất bản Trẻ, 1999
75. Nguyễn Văn Trấn, Viết cho mẹ và Quốc hội
76. Nguyễn Tiến Hưng, Tâm tư Tổng thống Thiêu, Cơ sở xuất bản Hứa Chấn Minh, 2010
77. Nguyễn Xuân Oánh, Đổi mới vài nét lớn của một chính sách kinh tế Việt Nam, Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh, 2001
78. Nguyễn Văn Xương, Lược dịch và chú giải Sắc lệnh điền thổ 21 tháng 7 năm 1925, in lần thứ nhì, 1971
79. Peter Braestrup, Big Story, Presidio, 1977

80. PGS Đào Công Tiến, Nguyên Hiệu trưởng Đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, Giáo dục và đào tạo – mấy cảm nhận và đề xuất, Bản thảo tháng 6 năm 2009
81. PGS Đào Công Tiến, Với các Dự thảo văn kiện trình Đại hội Đảng XI – Mấy trao đổi, đóng góp, Bản thảo năm 2005
82. Phạm Khắc Hòe, Từ triều đình Huế đến chiến khu Việt Bắc, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2007
83. Phạm Sơn Khai, Hồi ký
84. Phan Lạc Phúc, Bè bạn gần xa, Nhà xuất bản Văn nghệ, 2000
85. Philip Short, Polpot, John Murray, 2004
86. Phong trào đấu tranh của phụ nữ Sài gòn – Gia Định trong Nam Bộ kháng chiến (1945 -1975), Bản thảo tháng 5 năm 2004
87. Quốc triều Hình luật, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 1995
88. Stanley Karnow, Vietnam A History the first complete account of Vietnam at War, WGBH Educational Foundation and Stanley Karnow, 1983
89. Sophie Quinn-Judge, Ho Chi Minh: The Missing Years 1919-1941, University of California Press, 2002.
90. Tạ Chí Đại Trường, Sử Việt đọc vài quyển, Nhà xuất bản Văn Mới, 2004
91. Tạ Chí Đại Trường, Người lính thuộc địa Nam Kỳ (1861 – 1945), Nhà xuất bản Tri thức, 2011
92. Tạ Chí Đại Trường, Một khoảnh Việt Nam Cộng hòa nối dài
93. TGM F. X Nguyễn Văn Thuận, Chứng nhân hy vọng, Công đoàn Đức Mẹ La Vang ấn hành, 2000
94. Thành ủy - Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh Viện lịch sử Quân sự Việt Nam, Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Mậu Thân 1968, Nhà xuất bản Quân đội Nhân dân, 1998
95. Thành ủy thành phố Hồ Chí Minh Ban Tư tưởng – Văn hóa Thành ủy, Biên Niên sự kiện (1986 – 1995), Bản thảo năm 2000
96. Thụy Khuê, Nói chuyện với Hoàng Xuân Hãn và Tạ Trọng Hiệp, Nhà xuất bản Văn Nghệ, 2002
97. Thượng tướng Trần Văn Trà, Những chặng đường của “B2 – Thành đồng” tập V Kết thúc chiến tranh 30 năm, Nhà xuất bản Văn nghệ thành phố Hồ Chí Minh, 1982

98. Trần Công Tấn, Nguyễn Chí Thanh sáng trong như ngọc một con người, Nhà xuất bản Văn học, 2009
99. Trần Quang Cơ, Hồi ức và suy nghĩ, Bản thảo năm 2003
100.Trần Quốc Hương, Những năm tháng làm việc bên anh Trường Chinh, Bản thảo tháng 5 năm 2002
101.Trần Quỳnh, Những kỷ niệm về Lê Duẩn (trích)
102.Trần Trọng Kim, Việt Nam Sử lược, Nhà xuất bản Đà Nẵng, 2002
103.Trần Trọng Kim, Một cơn gió bụi, Nhà xuất bản Vĩnh Sơn, 1969
104.Tuyển tập Đào Duy Tùng tập 1, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2008
105.Tuyển tập Đào Duy Tùng tập 2, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2008
106.Tướng Nguyễn Văn Vịnh – Như anh còn sống, Nhà xuất bản Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2003.
107.Trần Huy Chương, Campuchia Hậu UNTAC, Hồi ký – bản thảo 2002.
108.Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Đề án Quy hoạch, phát triển hạ tầng giao thông đô thị, khắc phục tình trang ùn tắc giao thông, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội thành phố Hồ Chí Minh và vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Bản thảo tháng 11 năm 2007
109.Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh Viện kinh tế, Báo cáo đề tài nghiên cứu khoa học "Kinh tế vỉa hè" tại thành phố Hồ Chí Minh: Hiện trạng và các giải pháp, Bản thảo tháng 1 năm 2005
110.Văn phòng Quốc hội, Quốc hội Việt Nam 60 năm hình thành và phát triển, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2006
111.Văn kiện Đảng toàn tập 1 (1924 – 1930), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 1998
112.Văn kiện Đảng toàn tập tập 36 (1975), Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, 2004
113.Văn phòng Chính phủ, Hội thảo Khoa học Tuyển tập các báo cáo toàn văn, Hà Nội tháng 9 năm 2000
114.Viện lịch sử quân sự Việt Nam, Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Mùa Xuân 1975, Bản thảo tháng 4 năm 2005
115.Viện nghiên cứu Xã hội thành phố Hồ Chí Minh, Đô thị hóa ở Sài Gòn – thành phố Hồ Chí Minh từ góc nhìn Lịch sử - Văn hóa, Nhà xuất bản Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2008

116.Viện nghiên cứu Xã hội thành phố Hồ Chí Minh, Khoa học Xã hội thành phố Hồ Chí Minh Những vấn đề nghiên cứu, Nhà xuất bản Tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, 2009
117.Việt Nam cộng đồng người Việt tị nạn trên thế giới 1975 – 2004, Nhóm nghiên cứu lịch sử Việt Nam cận và hiện đại, 2004
118.Vĩnh Sính, Nhật Bản cận đại, Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh Khoa Sử trường Đại học Sư Phạm, 1991
119.Võ Nhơn Trí, Việt Nam cần đổi mới thật sự, Đông Á xuất bản, 2003
120.Võ Văn Kiệt, Quyết thắng trên mặt trận Văn hóa và Tư tưởng, Nhà xuất bản thành phố Hồ Chí Minh, 1981
121.Vũ Đình Hòe, Hồi ký Thanh Nghị tập 1, Nhà xuất bản Văn học, 1997
122.Vũ Đình Hòe, Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Trẻ, 2008
123.Vũ Mão, Ngọn cờ tiên phong, Bản thảo năm 2005
124.Vũ Quốc Thông, Pháp Chế Sử Việt Nam, Tủ sách Đại học Sài Gòn, 1971
125.Zhao Ziyang, Prisoner of the State, Simon & Schuster, 2009
126.Yoshiharu Tsuboi, Nước Đại Nam đối diện với Pháp và Trung Hoa 1847 – 1885, Nhà xuất bản Tri thức, 2011

[1] Tiểu thuyết cách mạng của Trung Quốc.
[2] Tiểu thuyết cách mạng của Liên Xô.
[3] Đạo diễn điện ảnh.
[4] Tổ chức cho người Hoa nộp vàng để được vượt biên bán chính thức (1978-1979).
[5] Cải tạo những người giàu lên bất thường (1983).
[6] Ngày 14-4-1975.
[7] Trước năm 1973, Daisy Cutler và CBU vẫn được dùng để dọn bãi cho trực thăng.
[8] Trần Văn Trà, 1982, trang 254.
[9] Trần Văn Trà, 1982, trang 255.
[10] Sđd, trang 258.
[11] Sđd. Trang 261.
[12] Kissinger, 2003, trang 536.
[13] Kissinger, 2003, trang 543.
[14] Văn Kiện Đảng, tập 36-1975, 2004, trang 167.
[15] Trần Văn Trà, 1982, trang 281-282.
[16] Larry Berman, 2001.
[17] Năm 1964 khi bị "chỉnh lý" bởi Tướng Nguyễn Khánh, "Quốc trưởng" Nguyễn Khánh phong cho ông hàm đại tướng, nhưng ông Minh và những người của ông không thừa nhận nên về sau có người gọi ông là đại tướng có người vẫn gọi ông là trung tướng.
[18] Sau khi ông Dương Văn Minh rời Việt Nam, Mười Ty đã có những báo cáo với tư cách là Đại tá Dương Thanh Nhựt, nói rằng anh mình đã biến chuyển rất nhiều bởi "binh vận".
[19] Về sau, ông Nguyễn Văn Thiệu sang Mỹ, ông sống lưu vong lặng lẽ suốt phần đời còn lại cho đến ngày 29-9-2001, mất tại Boston, Mỹ.
[20] Trong cuốn Kết Thúc Chiến Tranh 30 Năm, Tướng Trần Văn Trà đánh giá: "Còn Minh, có lẽ do bản chất có phần thật thà, tin vào phù phép của tả phò Martin và hữu trợ Mérillon, nên đã bị chúng gạt ra rìa từ lâu mà đến giờ chót còn cố vươn vai gánh chịu cái đầu hàng vô điều kiện"(trang 283).
[21] Là một nhà nghiên cứu lịch sử có nhiều công trình khảo cứu hết sức giá trị, ông Nguyễn Đình Đầu cho đến tận cuối đời vẫn giữ được tờ Sự Vụ lệnh do cụ Hồ Chí Minh ký, cử ông vào Nam mua gạo cứu đói năm 1945. Về sau, ông theo những người Công giáo di cư vào Nam. Hành động gợi ý và nhận lãnh vai trò "đi sứ" vào trại Davis của ông có lẽ nhờ sự mẫn cảm thời cuộc hơn là được giao nhiệm vụ. Về sau khi có tờ báo nói ông là tình báo viên của miền Bắc, ông Nguyễn Đình Đầu nói ông cảm thấy như là bị xúc phạm.
[22] Tuyên bố ngày 26-4 gồm hai nội dung chính: "Mỹ phải thực hiện nghiêm chỉnh Hiệp định Paris (ngừng bắn), tôn trọng quyền dân tộc căn bản và quyền tự quyết của nhân dân miền Nam Việt Nam; xóa bỏ chính quyền Sài Gòn, công cụ của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ, xóa bỏ bộ máy chiến tranh và bộ máy kìm kẹp, đàn áp nhân dân miền Nam Việt Nam".
[23] Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa IX, X, Thứ trưởng Bộ Giáo dục.
[24] Sau 1975 là phó giám đốc Sở Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh.
[25] Văn Kiện Đảng, tập 36-1975, 2004, trang 176.
[26] Xem Phụ lục 1: Sự thật lịch sử về tăng 390 và tăng 384.
[27] Tiến sỹ Huỳnh Văn Tòng, sinh viên Nguyễn Hữu Thái và nhà báo Cung Văn đến Dinh Độc Lập sau khi nghe ông Dương Văn Minh tuyên bố ngừng bắn trên đài phát thanh. Họ là những người hoạt động bí mật hoặc hoạt động trong các phong trào do phía Cách Mạng lập ra trước năm 1975.
[28] Theo Đại tá Bùi Văn Tùng: "Những ngày đầu đài báo của mình không nói rõ ai là người cắm cờ, nên đã xảy ra tranh chấp giữa Bùi Quang Thận và đại úy Phạm Xuân Thệ. Trung tá Lữ đoàn trưởng 203 Nguyễn Tất Tài, lúc này đã trở thành Phó Bảo Tàng Quân đội, hỏi anh Thệ: 'Vậy anh có giữ lá cờ Ba que không?'. Anh Thệ đưa ra một lá, anh Thận đưa ra một lá, cả hai cùng rách diềm. Ông Tài, trong ngày 30-4 đã cẩn thận leo lên nóc Dinh, gỡ diềm 'cờ Ba Que' còn vướng lại rồi lặng lẽ cất đi. Ông Tài cho trải cả hai lá cờ ra, ráp diềm vào mới xác nhận được lá cờ anh Thận giữ là lá cờ cuối cùng được Chính quyền Sài Gòn treo trên nóc Dinh Độc Lập".
[29] Tạp chí Xưa & Nay, số 258, tháng 4-2006, và số 264 tháng 7-2006
[30] Sau chiến tranh là công nhân Phòng Thị chính, Thị xã Thanh Hóa.
[31] Xưa & Nay, số 258 và 264, 2006.
[32] Giữa năm 1985, ông Phạm Xuân Thệ, lúc này đã đeo quân hàm thiếu tướng lên tiếng trên báo Quân đội Nhân dân nhận rằng chính ông là người bắt sống nội các Dương Văn Minh và tự tay thảo lời tuyên bố đầu hàng cho Dương Văn Minh đọc. Ngày 19-10-2005, tại Thành phố Hồ Chí Minh, Viện Lịch sử Quân sự đã tổ chức "Tọa đàm khoa học xung quanh sự kiện đánh chiếm Dinh Độc lập ngày 30-4-1975" nhưng không mời các nhân chứng có mặt trong Dinh và Đài phát thanh tại thời điểm trưa 30-4-1975; không mời các cán bộ, chiến sỹ của Lữ 203 và đơn vị đặc công 116. Để rồi, ngày 17-1-2006, Viện Lịch sử Quân sự đã ra kết luận cho rằng "Tại Đài phát thanh đồng chí Phạm Xuân Thệ cùng các cán bộ, chiến sỹ Trung đoàn 66 tổ chức soạn thảo lời Tuyên bố đầu hàng cho Dương Văn Minh. Văn bản đang được soạn thảo thì trung tá Bùi Văn Tùng, Chính ủy Lữ đoàn tăng 203 xuất hiện, Từ đó, bộ phận cán bộ, chiến sĩ Trung đoàn 66 dưới sự chỉ đạo của đồng chí

Bùi Văn Tùng tiếp tục soạn thảo và hoàn chỉnh lời Tuyên bố đầu hàng". Ngay sau khi công bố, Kết luận của Viện Lịch sử Quân sử đã bị ông Bùi Văn Tùng, các các sỹ quan, chiến sỹ trên xe tăng 390 và kiến trúc sư Nguyễn Hữu Thái, người có mặt tại Đài phát thanh trưa 30-4-1975, phản đối (nhiều ý kiến đăng trên hai số báo Xưa & Nay, 258- tháng 4-2006, và 264 tháng 7-2006).

[33] Người ghi âm những tuyên bố lịch sử này là ông Nguyễn Nhã. Lúc bấy bấy giờ, ông Nguyễn Nhã là giáo sư sử địa Trường Trung học Kiểu mẫu Thủ Đức, thuộc Đại học Sư phạm Sài Gòn, chủ nhiệm kiêm chủ bút Tập san Sử Địa, Đại học Sư phạm.

[34] Trả lời phỏng vấn của tác giả năm 1996, có tham khảo hồi ký "Kết thúc cuộc chiến tranh 30 năm" của Thượng tướng Trần Văn Trà.

[35] Xem Phụ lục 2: Tướng Big Minh sau 1975.

[36] Theo Chuẩn tướng Nguyễn Hữu Hạnh.

[37] Trung đoàn trưởng Trung đoàn 1, đơn vị đánh vào Cần Thơ, Vĩnh Long trong ngày 30-4-1975.

[38] Phạm Văn Trà, 2009, trang 237-238.

[39] Theo Văn Tiến Dũng: "Chán nản và tuyệt vọng, Trần Văn Hai tự sát vào lúc 3 giờ sáng ngày 1-5-1975", tuy nhiên những người thân cận Tướng Trần Văn Hai nói ông tự sát vào chiều 30-4.

[40] Văn Tiến Dũng, 1976, 305.

[41] Theo ông Huỳnh Bửu Sơn, ngay trong ngày 1-5-1975, Cách mạng đã biết trong kho có số vàng này, nhưng phải khi ông đi học tập về thì mới chính thức bàn giao. Ông Huỳnh Bửu Sơn là một trong hai người nắm giữ chìa khóa kho vàng và trực tiếp giao vàng cho hai người, một người bộ đội tên là Duyệt, một người về sau làm giám đốc ngân hàng Cần Thơ. Kho dự trữ chứa 15,7 tấn vàng, gồm: vàng thoi FRD của Mỹ, vàng thoi Montagu của Nam Phi và vàng thoi Kim Thành, có nguồn gốc là vàng lậu do hải quan bắt tịch thu về đưa cho hãng Kim Thành đúc lại. Ngoài ra còn có các đồng tiền vàng của Mỹ, Double Eagle, mệnh giá 20 USD nhưng được làm từ một lượng vàng trị giá 420 USD; đồng Pesos của Mexico; đồng vàng Napoleon… Ngoài số vàng hiện vật, 15,7 tấn, Ngân hàng Quốc gia còn bàn giao 5,5 tấn vàng khác đang được giữ tại Thụy Sỹ (được lấy ra sau khi người Mỹ bỏ cấm vận).

[42] Tên gọi thân mật của Lê Duẩn.

[43] Tố Hữu.

[44] Sài Gòn Giải Phóng, 2-7-1975.

[45] Sài Gòn Giải Phóng, 6-5-1975.

[46] Sài Gòn Giải Phóng số ra ngày 8-11-1975.

[47] Sài Gòn Giải Phóng, 8-11-1975.

[48] Gần như hầu hết nhân viên tình báo và sỹ quan cảnh sát đều bị kẹt lại. Theo ông Phan Ngọc Vượng, cán bộ làm việc trong Ban R, Nha Nghiên cứu, Phủ Đặc ủy Trung ương Tình báo: Ngày 21-4-1975, Phủ nhận được điện từ phía Mỹ cho biết, theo kế hoạch di tản của Kissinger, ngày 24, 25-4-1975, tất cả cán bộ tình báo và các sỹ quan cảnh sát sẽ được đưa đi. Bức điện được chuyển cho Chuẩn tướng Nguyễn Khắc Bình, tổng giám đốc Cảnh sát Quốc gia kiêm đặc ủy trưởng Đặc ủy Trung ương Tình báo. Ngày 22-4-1975, khi họp để bàn về vấn đề di tản, Tướng Bình tuyên bố: "Tình báo và cảnh sát phải ở lại đến phút cuối cùng chứ không thể di tản trong tình hình này". Mọi người đều cho rằng đó là một quyết định cần thiết. Nhưng, ngày 23-4, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu rời Việt Nam. Ngày 24-4-1975, Nguyễn Khắc Bình lặng lẽ di tản không một lời bàn giao cho thuộc cấp. Tổng thống tạm quyền Trần Văn Hương bổ nghiệm ông Nguyễn Phát Lộc (đi cải tạo cho tới khi chết ở trại giam Nam Hà), phụ tá kế hoạch của ông Bình, làm đặc ủy trưởng. Ngày 26-4, ông Lộc cử ông giám đốc Trung tâm thẩm vấn quốc gia qua tòa Đại sứ Mỹ liên hệ việc thực hiện kế hoạch di tản. Ông giám đốc thay vì chuẩn bị kế hoạch cho các đồng sự đã tìm đường di tản với gia đình. Ngày 28-4, ông Lộc cử tiếp giám đốc nha tình báo quốc ngoại đi, ông giám đốc nha cũng âm thầm di tản nốt. Chiều ngày 28-4-1975, tòa Đại sứ Mỹ yêu cầu tất cả nhân viên Phủ Đặc ủy tập trung ở số 3 Bạch Đằng chờ. Đến chiều hôm sau, lại có yêu cầu chuyển sang số 2 Nguyễn Hậu. Tại đây, mọi người được yêu cầu phải nộp lại tất cả súng ống. Nhưng, tới 1 giờ sáng ngày 30-4-1975 thì tất cả liên lạc giữa Tòa Đại sứ và Phủ Đặc ủy đều bị cắt. Gần sáng, chuyến máy bay cuối cùng chở Đại sứ Mỹ rời khỏi Sài Gòn. Hầu như tất cả cán bộ của Phủ Đặc ủy tình báo, lực lượng được ưu tiên di tản khỏi Sài Gòn, đều bị kẹt lại.

[49] Sài Gòn Giải Phóng, 14-6-1975.

[50] Sài Gòn Giải Phóng, 14-6-1975.

[51] Hiểu biết của chính quyền mới trước cách gọi các chức danh trong chế độ cũ đã gây ra không ít tình trạng trớ trêu. Sự suy diễn của những người chiến thắng trước những ngôn từ rổn rảng mà Chính quyền Sài Gòn thích dùng đã làm điêu đứng biết bao số phận. Chữ "chiêu hồi" bên cạnh chức năng "dân vận, thông tin" của cơ quan Thông tin Chiêu hồi đã khiến cho các quan chức thuộc loại "văn nghệ" này phải cải tạo lâu hơn những "ngụy quyền" đồng cấp. Số phận của nhiều "sỹ quan biệt phái" cũng khá là bi đát. Có người trong số họ do có tiền bạc hoặc ô dù, "chạy" được cái "biệt phái" từ một đơn vị tác chiến sang văn phòng. Có khoảng 15.000 người là giáo chức, viên chức y tế, sau Mậu Thân, sau "Mùa Hè Đỏ lửa 72", bị động viên vào Trường Sỹ quan Thủ Đức, huấn luyện một thời gian, nhận "lon" như một thứ quân dự bị rồi về dạy học hay chữa bệnh. Khi bị tập trung cải tạo, tên gọi "sỹ quan biệt phái" đã làm cho họ bị nghi ngờ: Nếu không phải "CIA" thì chắc cũng thuộc thành phần ghê gớm lắm. Đặc biệt, các sỹ quan ở cơ quan "Chiến tranh Chính trị" vốn chỉ đi cùng các em văn công

xuống đơn vị đàn hát, đã bị tưởng là các "chính trị viên", nên nhiều người đã phải chịu hơn mười năm tù tội. Những người tốt nghiệp trường Quốc Gia Hành chánh cũng suýt bị "mục xương" vì, theo Tổng Thư ký Hội Trí thức Yêu nước Huỳnh Kim Báu, mới đầu Cách mạng tưởng trường này cũng có vai trò như "Trường Đảng".
[52] Tạ Chí Đại Trường, 1993, trang 53-54.
[53] Sđd, trang 54.
[54] Sđd, trang 55.
[55] Sài Gòn Giải Phóng, 19-8-1975.
[56] Sài Gòn Giải Phóng, 15-5-1975.
[57] Bức thư nói là của ông Trần Văn Tức viết: "Em mến... Anh lúc này mạnh khỏe lắm, ăn uống nhiều hơn ở nhà, mỗi ngày ba bữa ăn, học tập cải tạo vui vẻ lắm, nhất là học tập về lao động để quen với nếp sống đồng quê như làm rẫy cuốc giống, trồng tỉa chung với chúng bạn nên cảm thấy vui vẻ. Chiều ra xem mấy luống rau cải xanh um tươi tốt cũng như lúc ở nhà anh làm ruộng làm rẫy chiều chiều dẫn em và các con đi xem vậy. Sau ngày mãn khóa về chúng ta sẽ tìm lại nếp sống ruộng rẫy ở quê nhà... Ngày 29-7-75, Trần Văn Tức".
[58] Giải Phóng, 7-8-1975.
[59] "Hỏi: Trên đường đi thăm anh, chị nghĩ thế nào về anh ấy? Đáp: Hồi trước anh ấy là "cây nhậu", nên về nhà thường bỏ cơm, cho nên da vàng và thân hình ốm mảnh khảnh. Tôi nghĩ khi phải học tập lao động, sợ anh chịu không nổi. Hình ảnh lởn vởn trong đầu tôi là một anh L ốm o, gầy mòn thân hình tiều tụy, đuổi ruồi không bay. Hỏi: Khi đã gặp anh L chị thấy anh ấy như thế nào? Đáp: Anh L bây giờ da sạm nắng, thân hình rắn chắc hơn trước. Tôi thấy anh ấy mập gấp đôi trước kia cho nên nghi anh ấy bị bịnh phù thủng, tôi có thử bấm vào cánh tay, bắp đùi coi thử có thiệt không nhưng thấy các bắp thịt rất cứng do đó tôi mừng vô cùng. Hỏi: Khi đến trại chị gặp anh L đang làm gì? Đáp: Khi đến trại tôi gặp anh C tiểu đoàn trưởng đang ở trần chơi vô lây (bóng chuyền). Tôi đã òa lên khóc vì vừa mừng vừa tủi, đến 11 giờ anh L đi làm về gặp tôi. Anh L đã bỏ ăn trưa để được nói chuyện, hỏi thăm tin tức bà con ở Sài Gòn. Hỏi: Chị thấy anh em ăn uống như thế nào? Đáp: Tôi không dự buổi ăn tập thể, nhưng anh có đem cho tôi bắp nấu, cơm thịt chả bông cho tôi. Tôi hỏi có hụt phần ăn của anh không? Anh L cho biết, ở đây ăn uống rất đầy đủ, ở đây gần suối nên anh em câu được cả cá lóc nữa. Trưa tôi ở đó thì anh em câu được một con và quyết định nấu cháo vào buổi chiều. Hỏi: Chị thấy anh em cán bộ tập huấn như thế nào? Đáp: Các anh ấy rất tốt. tôi có mang theo mấy số Tin Sáng, các anh ấy và anh em học tập cùng chia nhau đọc. Mấy anh cán bộ cứ hỏi thăm tôi về Sài Gòn hoài. Trên nguyên tắc, mỗi người thăm chồng được hai giờ, nhưng thông cảm tôi từ Sài Gòn ra, hơn nữa vợ chồng lâu ngày mới gặp nên các anh cán bộ đã tế nhị sắp xếp cho vợ chồng tôi được gặp riêng và nhiều giờ hơn.
[60] Trả lời phỏng vấn tác giả.
[61] Trả lời phỏng vấn tác giả.
[62] Ký giả Lô Răng.
[63] Nhà văn, nổi tiếng với tác phẩm Mùa Hè Đỏ Lửa, viết về Chiến dịch Quảng Trị 1972.
[64] Sau Hiệp định Paris năm 1973, Đại úy Phan Nhật Nam là trưởng Ban Hoạt vụ của Ban Trao trả Tù binh thuộc phía Việt Nam Cộng hòa trong Ủy ban liên hiệp bốn bên thi hành Hiệp định Paris. Ông Nam kể: "Hàng tuần, vào ngày thứ Sáu, tôi lại bay ra Hà Nội để nhận tù binh. Thứ Sáu, ngày 4-3-1973, khi tôi ra Hà Nội, Thiếu tá Bùi Tín, lúc ấy là sỹ quan báo chí của Tướng Lê Quang Hòa, gặp và vận động tôi ở lại miền Bắc. Tôi nhận lời. Ông Phạm Văn Đồng viết tư văn gửi xuống Hải Phòng mời ba tôi lên. Bùi Tín cho tổ chức một cuộc họp báo tại sân bay Gia Lâm. Khi mọi người đã an tọa, ước có khoảng hơn hai mươi nhà báo trong đó có các nhà báo Đông Âu và có cả một nhà báo Pháp. Tôi mở cặp, lấy cuốn Mùa Hè Đỏ Lửa và một tập nhạc, rồi nói: Tôi sinh ra ở Huế, nơi năm Mậu Thân, các ông cộng sản đã thảm sát hơn 3.000 người. Còn đây là cuốn Mùa Hè Đỏ Lửa, viết về Quảng Trị, nơi, vào ngày 29-4-1972, tôi đã chụp những hình ảnh chết chóc trên Đại lộ Kinh hoàng. Đây là mười hai nhạc sỹ du ca, không có ai trong họ ca ngợi chiến tranh. Chúng tôi không gây chiến tranh… Tới đó, ông Bùi Tín bảo tôi: Thôi Nam, về". Về Sài Gòn, theo Đại úy Phan Nhật Nam: "Tôi viết cuốn Tù binh và Hòa bình, xuất bản năm 1974 bởi nhà xuất bản Hiện Đại, tại trang 174, tôi cho rằng: Rồi đây, chúng ta sẽ là tù binh trong một nền hòa bình ngụy danh. Chính phủ Cách mạng Lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam sẽ lần lượt đóng hết vai trò đoản kỳ của nó. Và trận cuối cùng vẫn là giữa chúng ta với những sư đoàn chính quy chủ lực Bắc Việt qua tấm đệm ba mầu, lá cờ Mặt trận - thứ phế phẩm sẽ nhanh chóng bị vất bỏ khi trận chiến tàn cuộc".
[65] Ông Phan Nhật Nam phủ nhận các nguồn tin nói rằng ông cự tuyệt gặp người cha cộng sản.
[66] Ủy viên Trung ương khóa IV, VI.
[67] Biên bản giao ban Trung ương Cục ngày 3-9-1975.
[68] Một nhà báo quê Hải Phòng, chủ nhiệm báo Sống tại Sài Gòn trong thập niên 1960, sinh năm 1917. Ngày 30-4-1975 ông bị chết bởi một trái đạn B40 ở cửa biển Cần Giờ khi đang rời Việt Nam trên con tàu Việt Nam Thương Tín.
[69] Biên bản giao ban Trung ương Cục ngày 3-9-1975.
[70] Lực lượng Dân quân Phục quốc do Thượng sỹ Nguyễn Việt Hưng thành lập vào tháng 8-1975. Một số linh mục di cư đã tham gia như linh mục Nguyễn Hữu Nghị, nhà thờ An Lạc, linh mục Nguyễn Quang Minh, nhà thờ Vinh Sơn. Lực lượng này còn thu nhận một số sỹ quan trốn học tập cải tạo khác như trung tá Phạm Văn Hậu, trung tá Trần Kim Định và một người mà Cách mạng gọi là CIA, ông Nguyễn Khác Chính. Ông Nguyễn Việt Hưng tự phong cho mình quân hàm "thiếu tướng", giữ chức "Tư lệnh quân đoàn biệt chính và biệt khu thủ đô".

[71] Theo Dương Đức Dũng, bài hát do Hùng Cường sáng tác.
[72] Hồ Con Rùa là một trong những vị trí được xây dựng sớm nhất ở Sài Gòn. Vào năm 1878, người Pháp xây ở đây một tháp nước. Đến năm 1921 thì tháp nước bị phá bỏ do không còn đủ sức đáp ứng nhu cầu cung cấp nước nữa và con đường, chạy từ sau lưng nhà thờ Đức Bà, được mở rộng và nối dài đến đường Mayer (về sau đổi Hiền Vương, nay là Võ Thị Sáu) , từ đó vị trí này trở thành giao lộ với tên gọi là Công trường Maréchal Joffre. Người Pháp đã từng cho xây ở đây tượng đài ba binh sĩ Pháp bằng đồng với một hồ nước nhỏ, biểu tượng của việc người Pháp làm chủ Đông Dương. Các tượng đài này tồn tại đến năm 1956 thì bị phá bỏ, chỉ còn lại hồ nước. Giao lộ cũng được đổi tên thành Công trường Chiến sĩ. Từ 1970 đến 1974, Hồ Con Rùa thực sự được trùng tu và chỉnh trang, được dựng thêm và điều chỉnh năm cột bê tông cao có dạng năm bàn tay xòe ra đón đỡ giống như các cánh hoa đón đỡ một nhụy hoa, mang tên Công trường Quốc Tế.
[73] Sài Gòn Giải Phóng, 3-4-1976.
[74] Giải Phóng, 3-4-1976.
[75] Huỳnh Bá Thành, 1983, trang 106.
[76] Sđd, trang 106.
[77] Sđd, trang 3.
[78] Huỳnh Bá Thành, 1983, trang 106-107.
[79] Lỗ Hung khai: "Lầu Phá Xấu và tôi đã đột nhập vào thành phố bằng các ngả đường do chúng tôi điều nghiên trước, và có chở theo 10 kí chất nổ TNT lấy từ Bàu Hàm, Đồng Nai. Lúc đến thành phố, Lầu Phá Xấu đưa cho tôi một số tiền khá lớn để thực hiện việc đặt chất nổ, đồng thời hắn bảo tôi đến nhà thờ Đức Bà để gặp một thanh niên mặc áo bộ đội ngồi ngay dưới chân tượng Đức Mẹ. Lầu Phá Xấu giới thiệu Rănggô - tên kẻ bụi đời cho tôi… Tôi chỉ cách cho hắn đem cái hộp để dưới bụng con rùa đồng và chỉ cách rút tờ giấy mười đồng ra khỏi cái hộp. Tôi cũng giao ước một cách chắc chắn rằng khi hắn đem tờ giấy 10 đồng ấy lại đưa cho tôi thì tôi sẽ thưởng cho hắn 2.000 đồng. Rănggo nghe đến tiền thì mắt sáng lên, hắn vui vẻ nhận lời không một chút đắn đo… Lúc nhắc điều ấy tôi biết rất chắc hắn sẽ chết không toàn thây vì tờ giấy 10 đồng chỉ là một vật cách điện mong manh, rút nó đi, chiếc hộp đựng đầy TNT sẽ phát nổ tức khắc!". Theo Huỳnh Bá Thành: "Cấu tạo kíp nổ để giết luôn kẻ đặt chất nổ là phương pháp bịt đầu mối dã man mà bọn chuyên trách vũ trang phá hoại của CIA và bọn biệt kích Mỹ thường sử dụng" (Huỳnh Bá Thành, Sđd, trang 108).
[80] Người mà trong cuốn sách Huỳnh Bá Thành gọi là Lê Dạ và Tú Dung.
[81] Người trong cuốn sách của Huỳnh Bá Thành được đổi thành Hoàng Hà Đặng.
[82] Đặng Hoàng Hà bị bắt, sau khi ra tù thì vượt biên. Tuy nhiên, trong "Vụ Án Hồ Con Rùa", nhân vật Hoàng Hà Đặng không phải bị bắt mà chạy thoát vào rừng. Đây là một vụ án có nhiều nghi vấn, nếu Đặng Hoàng Hà là thủ phạm của vụ nổ thì Chính quyền hoàn toàn có thể ngăn chặn vì "Ba Sơn", một người do công an cài vào, biết trước từng đường đi nước bước của "tổ chức" này.
[83] Duyên Anh, 1987, trang 48.
[84] Sđd, trang 49.
[85] Duyên Anh, 1987, trang 18-19.
[86] Trà Mi, đặc tình trong "Vụ án Hồ Con Rùa", nói: "Anh biết tại sao bọn phá hoại đặt chất nổ tại hồ Con Rùa không? Theo Đặng, lúc Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu lên nắm chính quyền, Thiệu đã cho một cố vấn chính trị qua Đài Loan mời một thầy địa lý về giúp Thiệu coi hướng để xây Dinh Độc Lập. Tổng thống Tưởng Giới Thạch đã giới thiệu một thầy địa lý nổi tiếng có một không hai trên thế giới. Thầy địa lý đó đã qua Sài Gòn ở trên sáu tháng. Trong thời gian ấy, Giáo sư Chung Chen Kim - tên thầy địa lý - đi xem xét vùng đất ngay Dinh Độc Lập và xung quanh Dinh Độc Lập, đã phát hiện một 'long mạch' rất tốt dưới mặt đất. 'Long mạch' đó có cái đầu 'long' nằm ngay phần đất Dinh Độc Lập và có cái đuôi "long" ở công trường chiến sĩ… thầy địa lý Đài Loan bày Thiệu xây một cái dinh đồ sộ ở đầu rồng. Để cho Phủ Đầu rồng tức Dinh Độc Lập được yên ổn, tổng thống Thiệu cai trị được muôn năm, đồng thời phải xây một cái hồ ở đuôi rồng và ếm một con rùa để cho đuôi rồng khỏi quật lật, vùng vẫy. Nếu đuôi rồng vùng vẫy thì đầu rồng lắc lư dễ sụp đổ ngai vàng. Thiệu tin, công trường Chiến sĩ được phá đi để xây Công trường Quốc tế tức hồ Con Rùa. Nhóm Hoàng Hà Đặng mê tín như Thiệu. Chúng tin rằng nếu đặt chất nổ làm bay con rùa đồng, không còn ếm được đuôi rồng nữa, ắt đuôi này sẽ quẫy và chế độ cộng sản phải sụp đổ! Chính lòng mê tín của Đặng và đồng bọn, em tin rằng kế hoạch phá hoại hồ Con Rùa có sự tham gia của Hoàng Hà Đặng và Hoàng Sơn Cước" (Huỳnh Bá Thành, 1983, trang 120-121).
[87] Duyên Anh, 1987, trang (?).
[88] Những sự kiện lịch sử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, 1975-1995, cuốn I.
[89] Trong chiến dịch từ 2-4-1976 đến 28-4-1976, giới nhà văn, nhà thơ bị bắt gồm: Dương Nghiễm Mậu, Doãn Quốc Sĩ, Trần Dạ Từ, Nhã Ca, Lê Xuyên, Nguyễn Mạnh Côn, Thế Viên, Thái Thủy, Mặc Thu, Vũ Hoàng Chương, Duyên Anh, (ngoài ra còn có: Nguyễn Sĩ Tế bị bắt trước chiến dịch vì bị "tình nghi trong tổ chức phản động"; Hồ Hữu Tường bị bắt năm 1977; Hoàng Hải Thủy bị bắt năm 1977, can tội gởi bài vở ra nước ngoài; Nguyễn Đình Toàn bị bắt năm 1977, can tội âm mưu vượt biên; Nguyễn Thụy Long bị bắt năm 1977, can tội phản động; Nhà thơ duy nhất được đưa ra tòa kết án 18 năm khổ sai lao động là Tú Kếu "trong tổ chức chống phá cách mạng"); Nhà báo bị bắt gồm: Đằng Giao, Chu Thị Thủy và đứa con mới sinh được vài ngày, Hồng Dương, Thanh Thương Hoàng, Văn Kha, Hồ Nam, Đào Xuân Hiệp, Như Phong, Nguyễn Văn Minh, Trịnh Viết Thành, Anh Quân, Xuyên Sơn, Cao Sơn, Đặng Hải Sơn, Đặng Hoàng Hà, Lê Vũ Bắc Tiến, Sao Biển, Nguyễn Văn Mau, Hồ Văn Đồng, Lê Hiền, Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh, Tô Ngọc, Uyên Thao, Lý Đại Nguyên, Vương

Hữu Đức, Mai Thế Yên, Tô Kiều Phương, Mai Đức Khôi, Lê Trọng Khôi, (Ngoài ra còn Nguyễn Tú bị bắt từ đêm 30-4-1975 và đã chết ở khám Chí Hòa vì bại liệt; Trần Việt Sơn cũng bị bắt trước chiến dịch 2-4-1976, được tha sau 3 năm tù đày và đã chết trong khoảng tháng 9-1983). Đạo diễn điện ảnh bị bắt gồm: Hoàng Vĩnh Lộc, Hoàng Anh Tuấn, Thân Trọng Kỳ, Đặng Minh Khánh; Soạn giả cải lương bị bắt gồm: Mộc Linh; Giám đốc các nhà phát hành bị bắt gồm: Nam Cường, Đồng Nai, Độc Lập, Khai Trí (Nhà sách Khai Trí); Họa sĩ bị bắt gồm: Nguyễn Hải Chí (Chóe); Dịch giả bị bắt gồm: Nguyễn Hữu Hiệu, Nguyễn Hữu Trọng.

[90] Duyên Anh, 1987, trang 51-52.

[91] Duyên Anh, Sđd, trang 51-52.

[92] Trả lời phỏng vấn tác giả năm 1999.

[93] Tháng 2-1976, ông Nguyễn Ngọc Bích được mời lên cơ quan công an. Cán bộ hỏi cung đặt vấn đề: "Tại sao 15-4 mới được nhận vào mà Tổng cục đã cho làm chuyên viên đặc nhiệm ngay?". Luật sư Nguyễn Ngọc Bích bị giam trong xà lim loại dành cho tử tù suốt một năm và khi bị hỏi cung: "Anh biết gì về kế hoạch hậu chiến; trong đó, anh được giao nhiệm vụ gì?", ông đoán ra, "Cách mạng nghĩ ông là người do Mỹ cài lại". Hai năm sau, khi đã được đưa ra phòng giam chung, khi "được" thẩm vấn, luật sư Nguyễn Ngọc Bích phân bua: "Lưng tôi bị gù thế này làm sao được tuyển làm tình báo!". Khi ấy, những người hỏi cung dường như vô tình nói ra lý do khiến ông bị bắt: "Anh là người do Mỹ đào tạo, anh sẽ chống chúng tôi đến cùng".

[94] Theo nhà báo Đinh Quang Anh Thái, "Ba ngày ở phòng 2 khu A trước khi chuyển sang trại giam T30 Chí Hòa... về việc bác và tổ chức của bác Năm (tên thân mật của Hồ Hữu Tường) bị bắt, bác cho biết, ngay khi cộng sản chiếm miền Nam, bác đã in một tập tài liệu của Việt Nam Độc Lập -Thống Nhất-Trung Lập Đồng Minh Hội, rồi gởi trực tiếp bằng đường bưu điện cho tất cả giới lãnh đạo Đảng Cộng sản, từ Bộ Chính trị cho đến các trung ương ủy viên và tỉnh ủy các tỉnh. Trong tài liệu, bác nói rõ về nhu cầu bắt buộc Việt Nam phải trung lập trong bối cảnh tình hình của khu vực Á Châu. Bác khẳng quyết rằng, trung lập là giải pháp duy nhất cho Việt Nam, và bác là người đầu tiên của Việt Nam kiên trì đeo đuổi lập trường này. Nên, một mai khi tình thế bị o ép, cộng sản Hà Nội phải nhượng bộ để chấp nhận trung lập thì họ sẽ bắt buộc phải cậy nhờ đến bác...".

[95] Theo Giáo sư Hồ Huệ Tâm.

[96] Đã đổi tên theo đề nghị của nhân chứng.

[97] Những văn nghệ sỹ phục vụ trong Quân đội Việt Nam Cộng hòa đi trình diện học tập từ tháng 6-1975: Thanh Tâm Tuyền, Mai Trung Tĩnh, Dương Hùng Cường, Hà Thượng Nhân, Phan Lạc Phúc, Tô Thùy Yên, Văn Quang, Thảo Trường, Duy Lam, Phan Nhật Nam, Huy Vân, Đặng Trần Huân, Hoàng Ngọc Liên, Diên Nghị, Phan Lạc Giang Đông, Vũ Đức Nghiêm, Vũ Văn Sâm (Thục Vũ), Đỗ Tiến Đức, Minh Kỳ, Thế Uyên, Vũ Thành An, Dương Kiền, Đinh Tiến Luyện, Nhật Bằng; Những người chết trong trại cải tạo: Minh Kỳ, Thục Vũ, Nguyễn Mạnh Côn, Nguyễn Tú, Huy Vân; Những người chết sau khi được tha: Vũ Hoàng Chương, Hồ Hữu Tường, Hoàng Vĩnh Lộc, Minh Đăng Khánh, Trần Việt Sơn; Những người được tha rồi bị bắt lại: Hoàng Hải Thủy, Dương Hùng Cường, Doãn Quốc Sĩ, Nguyễn Đình Toàn; Những người mới bị bắt từ tháng 4-1984: Nguyễn Hoạt, Phạm Thiên Thư (danh sách của nhà văn Duyên Anh).

[98] Duyên Anh, 1987, trang 47.

[99] Duyên Anh, 1987, trang 417.

[100] Một loại dược phẩm chế từ một thứ cây có tên gọi là xuyên tâm liên.

[101] Duyên Anh, Sđd, trang 245-247.

[102] Gồm hai mươi bảy tướng ra trình diện và Tướng Lý Tòng Bá bị bắt tại Củ Chi.

[103] Phan Lạc Phúc, 2000, trang (?).

[104] Bài giảng nhân tuần tĩnh tâm cho Giáo triều Roma, theo chỉ định của Đức Giáo Hoàng John Paul II, ngày 18-3-2000.

[105] Ông Phan Lạc Phúc viết: "Anh em từ trong Nam ra cứ yên trí là "học tập một tháng", nên quần áo mang đi theo làm gì nhiều cho nặng. Ra đây, đụng cái buốt giá của mùa đông thượng du miền Bắc, thêm mưa phùn ẩm ướt nên cái lạnh càng thêm thấm thía. Ban đêm cái nền xi măng trong nhà tù nó lạnh như nước đá, mặc đủ các thứ áo quần hiện có mà vẫn lạnh, mặc cả áo mưa đi ngủ, có anh chui vào một cái bao tải vừa kiếm được mà vẫn cứ run. Hóa ra cái lạnh ở ngoài vào thì ít mà cái lạnh ở trong ra thì nhiều. Cái lạnh vì đói cơm nhiều hơn cái lạnh vì thiếu áo… Đã lâu lắm rồi, người địa phương ở Sơn La nói vậy, mới có năm quá lạnh như năm nay (1976). Đúng là 'Giậu đổ bìm leo', vào cái lúc mà tù cải tạo ra Bắc, lại đụng ngay một trận rét kinh hồn…Mà xưa nay cái lạnh và cái đói có quan hệ 'hữu cơ' với nhau. Càng đói thì càng rét-mà càng rét thì càng đói. Anh em đã có người 'nằm xuống' vì đói lạnh. Vũ Văn Sâm (viết văn, làm nhạc) chết đêm 16 rạng sáng 17-11-1976 bên bịnh xá, sau cơn gió mùa đông bắc đầu tiên. Đến đầu tháng giêng 1977 (không rõ là ngày 3 hay ngày 13 tháng giêng, tôi nhớ không được kỹ lắm) Ngô Qúy Thuyết, Tòa án Quân sự vùng 4 cũng đi luôn, đi rất êm đềm, rất lặng lẽ. Sáng ra không thấy anh ta dậy nữa, lay chân gọi dậy thì người đã lạnh cứng từ lúc nào rồi. Trong tờ khai của đội trưởng đội của anh Ngô Qúy Thuyết, có nói rằng: 'Anh Ngô Qúy Thuyết được đội cử nuôi heo, anh đói quá nên thường ăn vụng cám heo. Chắc là bị ngộ độc nên đã chết'… Trước khi đi cải tạo, tháng 6-1975, tôi cân nặng 64 ký. Một năm cải tạo trong Nam, qua trại Long Giao và Suối Máu, tôi còn 56 ký. Ra Bắc đến trại 1, liên trại 2 Sơn La này được hơn một năm, tôi còn 44 ký. Trước đây ở Sài Gòn, sáng nào tôi cũng phải tập thể dục để cho cái bụng bớt mỡ, nhỏ đi. Bây giờ ra Bắc lao động cải tạo, nhờ ơn Cách mạng bụng tôi không những nhỏ đi mà còn xẹp lép. Trước đây ăn uống sợ mỡ, sợ đường thì bây giờ sao mà thèm đường thèm mỡ đến thế. Thèm suốt ngày, suốt đêm, thèm cả vào trong giấc ngủ" (Bạn Bè Gần Xa, trang 60-67, Văn

Nghệ California, US, 2000).
[106] Tạ Chí Đại Trường, 1993, trang (?).
[107] Sđd, trang (?).
[108] Trịnh Cung, trả lời phỏng vấn tác giả.
[109] Tạ Chí Đại Trường, 1993, trang (?).
[110] Theo tài liệu lưu giữ tại Bảo tàng Việt Nam ở San Jose (California, Mỹ), tổng số quân của Quân lực Việt Nam Cộng hòa năm 1975 là 980.000 người, trong đó, hạ sỹ quan binh sỹ chiếm 890.000 người. Số sỹ quan bị giam giữ trong các trại cải tạo: cấp tướng, 32 người (ở thời điểm 30-4, có 112 tướng tại ngũ; 80 tướng đã rời Việt Nam vào cuối tháng Tư); cấp đại tá, 366 người (trên tổng số 600 người tại ngũ); cấp trung tá, 1.700 người (trên tổng số 2.500 người); cấp thiếu tá, 5.500 người (trên tổng số 6.500 người); cấp úy, 72.000 người trên tổng số 80.000 người. Ngoài ra, theo số liệu đăng ký trên toàn miền Nam còn có khoảng 15.000 hạ sỹ quan an ninh, tình báo và nhân viên thuộc Bộ Nội vụ và Phủ Tổng thống; 1.200 viên chức và cán bộ "Phượng Hoàng"; 4.553 cán bộ Xây dựng Nông thôn; 19.613 cảnh sát viên; 2.700 cán bộ tâm lý chiến; 315 nghị sỹ, dân biểu; 4.451 đảng viên các đảng đối lập với Chính phủ Sài Gòn; 101 lãnh tụ chính trị và thành phần đối lập; 380 văn sỹ, ký giả (Trần Trung Quân, Việt Nam 20 Năm 1975-1995, Đông Tiến xuất bản).
[111] Ngoài bốn vị tướng và đại tá được hưởng ân huệ cải tạo dưới ba năm như: Thiếu tướng Quân y Vũ Ngọc Hoàn; Chuẩn tướng Quân y Phạm Bá Thanh; Đại tá Nguyễn văn Lộc, Tư lệnh Sư đoàn 106 Biệt Động Quân vừa thành lập cuối tháng 4-1975; Đại tá Dương Thanh Sơn, em ruột Tổng thống Dương Văn Minh. Đại tá Đàm Trung Mộc, cựu viện trưởng Học viện Cảnh sát Quốc gia, mất tại trại Hà Tây vào ngày 14-11-1982. Có bốn vị bị cải tạo trên mười năm: Cựu Trung tướng Nguyễn Hữu Có; Cựu Đề đốc Trần Văn Chơn; Cựu Thiếu tướng Nguyễn Chấn Á; Cựu Thiếu tướng Phan Đình Thứ. Có ba mươi sáu vị bị cải tạo tập trung từ 12 đến 17 năm: Trung tướng Nguyễn Vĩnh Nghi, bị bắt khi Phan Rang thất thủ; Chuẩn tướng Phạm Ngọc Sang, bị bắt cùng Tướng Nghi; Chuẩn tướng Trần Văn Cẩm; Chuẩn tướng Lê Trung Tường; Chuẩn tướng Huỳnh Văn Lạc; Thiếu tướng Lê Minh Đảo; Chuẩn tướng Mạch Văn Trường; Thiếu tướng Lý Tòng Bá; Đại tá Nguyễn Đình Vinh; Thiếu tướng Đỗ Kế Giai; Chuẩn tướng Phạm Duy Chất; Đại tá Nguyễn Thành Trí; Đại tá Lê Hữu Đức; Chuẩn tướng Lê Văn Thân; Chuẩn tướng Lê Trung Trực; Đại tá Nguyễn Xuân Hường; Đại tá Nguyễn Đức Dung; Chuẩn tướng Trần Quang Khôi; Đại tá Trần Ngọc Trúc; Thiếu tướng Trần Bá Di; Chuẩn tướng Vũ Văn Giai; Chuẩn tướng Lê Văn Tư; Thiếu tướng Văn Thành Cao; Thiếu tướng Đoàn Văn Quảng; Trung tá Bùi Thế Dung; Đại tá Hải quân Nguyễn Văn May; Đại tá Hải quân Nguyễn Bá Trang; Đại tá Hải quân Nguyễn Văn Tấn; Thiếu tướng Cảnh sát Bùi Văn Nhu (chết tại trại Nam Hà); Cựu Thiếu tướng, Nghị Sĩ Huỳnh Văn Cao; Chuẩn tướng Hồ Trung Hậu; Đại tá Nguyễn Khắc Tuân (chết tại trại Nam Hà); Đại tá Lại Đức Chuẩn; Đại tá Phạm Bá Hoa; Đại tá Ngô Văn Minh; Đại tá Vũ Đức Nghiêm.
[112] Trả lời phỏng vấn tác giả.
[113] Trong năm 1975, báo Sài Gòn Giải Phóng không chỉ đặt dưới sự chỉ đạo của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh mà còn đặt dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Trung ương Cục. Tác giả những bài xã luận viết trong giai đoạn này là ông Võ Nhân Lý, tổng biên tập báo Sài Gòn Giải Phóng. Ông Lý lúc ấy còn là phó Ban Tuyên huấn Trung ương Cục, cơ quan do ông Nguyễn Văn Linh làm trưởng ban. Những bài xã luận, theo ông Tô Hòa, phó Tổng Biên tập Sài Gòn Giải Phóng từ 5-1975, thường được ông Võ Nhân Lý viết sau khi dự giao ban trong Dinh Độc Lập và quán triệt tư tưởng chỉ đạo của Trung ương Cục.
[114] Sài Gòn Giải Phóng, 12-6-1975.
[115] Sài Gòn Giải Phóng, 15-6-1975.
[116] Trả lời phỏng vấn tác giả tháng 12-2004.
[117] Sài Gòn Giải Phóng, 10-9-1975.
[118] Diễn biến "Chiến dịch X-2" được mô tả: "Ta đã huy động hơn một vạn nhân lực, kết hợp giữa lực lượng an ninh, quân sự, kinh tài, tuyên huấn và đội ngũ cán bộ dân chính đảng, thành lập 7 đoàn, 60 đội và 10 ngàn công nhân lao động, học sinh, sinh viên trực tiếp tham gia đánh vào mục tiêu đã định. Ta đã bắt được các đối tượng chủ yếu, chiếm lĩnh các cơ sở xí nghiệp, kho tàng. Chỉ trong hai ngày 10 và 11-9-1975, ta đã huy động hơn 70 vạn quần chúng nội, ngoại thành, cả người Việt lẫn người Hoa, từ tầng lớp quần chúng cơ bản đến tiểu thương, tiểu chủ và tư sản dân tộc, tổ chức mít- tin, biểu tình, sôi nổi lên án và yêu cầu trừng trị bọn tư sản mại bản lũng đoạn, đầu cơ, tích trữ…" (Những Sự Kiện Lịch Sử Đảng Bộ Thành Phố Hồ Chí Minh, Cuốn I, 1975-1985, trang 20).
[119] Những Sự Kiện Lịch Sử Đảng Bộ Thành Phố Hồ Chí Minh, Cuốn I, 1975-1985, trang 20.
[120] Một người, rất có thể là con gái của chủ "hãng gà 7.000 con", là chị Nguyễn Thị Ngọc Dung. Tháng 9-1975, khi đang học tại trường Đại học công San Francisco (Mỹ), chị Dung nhận ra "trang trại nuôi gà" của nhà mình trong một phóng sự do các nhà báo nước ngoài bị kẹt lại Sài Gòn thực hiện trong khuôn khổ một hoạt động được Chính quyền tổ chức nhằm tuyên truyền về "hoạt động tốt đẹp bình thường sau chiến thắng". Chị Dung viết: "Tôi chắc, vì đấy là trang trại của gia đình tôi gần Thủ Đức. Khi bất ngờ nhìn thấy, quả thực tôi có hốt hoảng vì đấy là chuyện tình cờ không bao giờ ngờ được… Tôi lo tới quặn đau cả người. Lo vì những người gọi là coi trại không có mặt nào tôi quen cả. Những gì mình không biết, không được biết chỉ khiến nỗi lo thêm nặng, thêm lớn. Cái đau này không phải là cái đau tưởng tượng hay cái đau tâm tưởng mà người ta hay nói, ở tôi nó là cái đau thể chất".
[121] Kết quả "đánh tư sản" trước Chiến dịch X-2: "Về bột ngọt, hộ Đào Mậu, Hứa Quang, ta bắt được 4 đối tượng chính và bắt thêm 8 tên thư ký và tài phú, có khai thác nhưng chưa được gì thêm. Số lượng bột ngọt cũ là 2 tấn và 60 tấn nguyên liệu. Nhưng đã phân tán nhuyễn nhiều lần khắp các đại lý nhỏ nên không còn nhiều hàng hóa trong kho, để trốn thuế, chúng

chuyển nợ cho đại lý, mỗi đại lý nợ công ty đến 600 triệu – ít nhất là 100 triệu. Ta có sơ hở trong việc triển khai nghị quyết đối với đại lý 1000kg trở lên... Vì đã động ổ, chúng đã phân tán hết dự trữ, do đó đang tiến hành nghiên cứu để gắn vào đánh trong đợt X-2 tiếp. Cần liên hệ với Tư Pháp Tòa án để hình thành các tòa án xử công khai trước khi ta vô đợt... Cần tập trung truy đối tượng ta bắt giữ, trong số này phải lọc một vài tên đầu sỏ để khui coi nó giấu vàng ở đây. An Ninh và Hoa Vận (Sáu Lâm), tổ chức bắt ngay, bắt tên chủ hàng Việt Hoa trong vụ tàu để khai thác. Chú ý con đường xuất cảnh của ngoại kiều, An Ninh, Ngoại vụ Thuế Quan cần kết hợp kiểm soát chặt. Vừa qua có phát hiện lọt lưới một số CIA, đi rồi mới biết, có hiện tượng hối lộ cán bộ để đi. Khai thác thêm 2 tên Y và Phôi buôn vàng lậu hồi ngụy qua mặt Thiệu, có thể đó là bọn CIA... Đối với số vàng tư trang đem đến tiệm mướn làm. Nếu có hóa đơn thì trả lại cho chủ. Nếu có tình nghi thì điều tra xong sẽ giải quyết. Đồng ý xuất tiền đã giao ngân hàng để trả lại các đối tượng chi tiêu tiền ăn, tiền điện nước" (Biên Bản Giao ban Trung ương Cục ngày 3-9-1975, Thư ký Hà Phú Thuận ghi).

[122] Những Sự kiện Lịch sử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (1975-1995), cuốn I, trang 23.

[123] Sđd, trang 25.

[124]Những Sự kiện Lịch sử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh (1975-1995), cuốn I, trang 25.

[125] Sài Gòn Giải Phóng, 27-9-1975.

[126] Bài báo viết: "Ngay khi ra đời, tờ bạc Sài Gòn đã không hề có được một chức năng kinh tế nào… Nhiệm vụ của đồng bạc Sài Gòn (là) giữ vai trò trung gian cho Diệm xuất cảng sức lao động của đồng bào ta ở miền Nam cho Mỹ… Làm trung gian để tiêu thụ xương máu nhân dân miền Nam, làm trung gian để tiêu thụ thân xác của vô số thiếu nữ miền Nam, làm trung gian cho bọn tham nhũng, thối nát, làm kẻ phục vụ đắc lực cho chiến tranh, làm sụp đổ mọi giá trị tinh thần, đạo đức của tuổi trẻ miền Nam, làm lụn bại cả phẩm chất một số người lớn tuổi... Nó sống 30 năm dơ bẩn, tủi nhục như các tên chủ của nó, và nay nó đã chết cũng tủi nhục như thế. Đó là một lẽ tất nhiên, và đó là lịch sử… Cái chết của nó đem lại phấn khởi, hồ hởi cho nhân dân ta" (Sài Gòn Giải Phóng, 27-9-1975).

[127] Sài Gòn Giải Phóng, 27-9-1975.

[128] Diễn viên điện ảnh nổi tiếng trong phim "Đời Cát", đầu thập niên 2000, từng tham gia một vai phụ trong phim The Quiet American của đạo diễn Phillip Noyce.

[129] Theo Mai Hoa, tài sản của gia đình cô chỉ chính thức bị mất vào tháng 3-1978 trong đợt cải tạo công thương nghiệp tư doanh, khi đó, cha cô bị buộc phải ký giấy "hiến" trại cưa cho Nhà nước.

[130] Ông Trần Kiêm Đoàn hiện định cư tại Sacramento, California, Mỹ.

[131] Báo Sài Gòn Giải Phóng, 3-9-1975.

[132] "Cùng với Mỹ lũng đoạn kinh tế Miền Nam, xuất ít, nhập nhiều làm vật giá leo thang, lao động thất nghiệp; dùng đồng tiền đặt tay chân vào bộ máy chính quyền; đầu cơ tích trữ, mua rẻ bán đắt; thông qua đại lý tổ chức buôn lậu; xuyên tạc phá hoại các chủ trương của chính phủ; hối lộ, mua chuộc, gây chia rẽ đội ngũ cách mạng; vơ vét rồi tuồn hàng ra chợ trời; mua vàng, hạt xoàn tích trữ và in bạc giả; tung tin 'Bột ngọt bị đưa ra Bắc', 'Xăng dầu sẽ cạn'; thông đồng với bọn phản động chính trị…"

[133] Tin Sáng, 10-9-1975.

[134] Sài Gòn Giải Phóng, 28 & 29-7-1977.

[135] Nội dung luận tội của Công tố ủy viên Nguyễn Hoàn với "tên tư sản mại bản" Lưu Trung: "Trong thời gian tiến hành chiến tranh xâm lược đất nước ta, một số chính trị gia Mỹ, trong đó nổi bật là Guy Pao-ơ, đã vạch ra âm mưu xảo quyệt gọi là "liên minh giữa quân đội và nông dân". Âm mưu này dùng viện trợ kinh tế để biến nông thôn thành chỗ dựa của ngụy quyền, mua chuộc và lừa mị nông dân. Chúng đã tính từng đường đi nước bước rất thâm độc: một là, chúng đưa máy móc vào nông thôn, bước đầu cơ giới hóa một số khâu, đưa năng suất tăng lên. Hai là, khi sản lượng lúa gạo tăng, chúng tìm mọi cách vơ vét, kể cả thủ đoạn mở những cuộc hành quân càn quét cướp bóc, để phục dịch cho quân đánh thuê ngày càng phình to tới hàng triệu người. Ba là, nhờ có cơ giới hóa nông nghiệp, chúng làm giảm đi một lực lượng lao động lớn ở nông thôn và với chính sách đôn quân bắt lính, bổ sung nguồn lính đánh thuê để kéo dài cuộc chiến tranh xâm lược..." (Sài Gòn Giải Phóng, 29-7-1977).

[136] Sài Gòn Giải Phóng, 29-7-1977.

[137] Sài Gòn Giải Phóng, 29-7-1977.

[138] Biên bản giao ban tối 10-9-1975 của Ủy Ban Quân quản, lưu trữ tại Thư viện Ban Nghiên cứu Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh

[139] Tài liệu đã dẫn.

[140] Biên bản cuộc làm việc giữa Thường vụ Trung ương Cục với Thành ủy Sài Gòn-Gia Định ngày 1-9-1975, lưu trữ tại Thư viện Ban Nghiên cứu Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh.

[141] Biên bản cuộc làm việc giữa Thường vụ Trung ương Cục với Thành ủy Sài Gòn-Gia Định ngày 1-9-1975, lưu trữ tại Thư viện Ban Nghiên cứu Lịch sử Thành phố Hồ Chí Minh.

[142] Sài Gòn Giải Phóng, 12-9-1976.

[143] Tuyên bố ngày 25-9-1976 của Chính phủ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

[144] Theo Tuyên bố ngày 25-9-1976: "Xí nghiệp công tư hợp doanh là một xí nghiệp trước đây là của tư nhân, nay do Nhà nước và người chủ cũ (hoặc người đại diện) của xí nghiệp cùng nhau quản lý. Nhà nước giữ địa vị lãnh đạo; quyền lợi hợp pháp của các cổ phần tư nhân được Nhà nước bảo hộ. Các quyền lợi cơ bản của công nhân, viên chức trong xí nghiệp được

nhà nước đảm bảo" (Phó thủ tướng Nguyễn Duy Trinh ký).
[145] Danh mục các ngành nghề những nhà tư sản và tư nhân được kinh doanh gồm: "Tư bản tư doanh được khuyến khích, đầu tư vào các ngành khai thác, chế biến nông sản, lâm sản, hải sản, thổ sản, các ngành công nghiệp, tiểu công nghiệp khác theo sự hướng dẫn của Nhà nước". Trong lĩnh vực nông nghiệp: "Tư bản tư doanh được tiếp tục kinh doanh, khai thác các đồn điền, trồng cây công nghiệp, cây ăn trái, được duy trì và mở rộng các cơ sở chăn nuôi gia súc, gia cầm, cơ sở nuôi cá… công nghiệp tập trung, được tiếp tục kinh doanh các loại máy móc nông nghiệp, đào giếng, khoan giếng, thi công các công trình nông nghiệp, thủy lợi". Trong lĩnh vực xây dựng: "Tư bản tư doanh được hướng dẫn kinh doanh khai thác và sản xuất các vật liệu xây dựng, được duy trì chế độ nhà thầu tư nhân dưới sự quản lý của nhà nước". Trong lĩnh vực vận tải: "Ngoài các ngành đường sắt, đường biển viễn dương, đường hàng không thuộc phạm vi độc quyền kinh doanh của Nhà nước, tư bản tư doanh được kinh doanh trong các ngành vận tải đường sông, một phần đường ven biển (thuyền, ca-nô) và đường bộ (ô tô chở khách, chở hàng hóa), dưới sự quản lý và hướng dẫn của Nhà nước; được duy trì các xí nghiệp để đóng mới hoặc sửa chữa phương tiện vận tải, hoặc nhận thầu làm cầu, đường phục vụ nhu cầu dân sinh, kinh tế địa phương". Trong lĩnh vực "thương nghiệp và dịch vụ phục vụ: "Việc bảo đảm phân phối các mặt hàng thiết yếu và quan trọng cho đời sống của nhân dân là do Nhà nước và các tổ chức quần chúng chịu trách nhiệm. Vì vậy phải phát triển mạnh thương nghiệp quốc doanh và mạng lưới rộng rãi hợp tác xã mua bán và các hình thức tổ chức khác của quần chúng để tham gia việc bán lẻ. Nhà nước nắm toàn bộ nguyên liệu nhập khẩu, những nguyên liệu quan trọng trong nước và hầu hết hàng hóa thiết yếu để có kế hoạch bảo đảm sản xuất và đời sống. Nhà nước sẽ nắm hầu hết xuất nhập khẩu và cả bán buôn trong nước". (Tóm tắt Tuyên bố của Chính phủ Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam về chính sách đối với công thương nghiệp tư bản tư doanh ở miền Nam, ngày 25-9-1976, Phó Thủ tướng Nguyễn Duy Trinh ký).
[146] Sài Gòn Giải Phóng, 3-11-1976.
[147] Sài Gòn Giải Phóng, 29-12-1976.
[148] Thông báo ngày 27-12-1976 của Ủy ban Nhân dân Thành phố (Sài Gòn Giải Phóng, 29-12-1976).
[149] Lịch sử Giao thông Vận tải Đường bộ, Nhà Xuất bản Tổng cục Đường bộ, (?), trang 276-277.
[150] Lịch sử Giao thông Vận tải Việt Nam, Nhà Xuất bản Giao thông Vận tải, 2005, trang 606.
[151] Cụ thể: Trưng mua và mua, trưng thu và tịch thu 1.202 xe ô tô các loại; 58 tàu thuyền đường sông, gồm tàu chở hàng, tàu chở khách và tàu kéo - số phương tiện vận tải này chủ yếu thuộc người dân Sài Gòn và các tỉnh Hậu Giang, Kiên Giang…; Tịch thu ba tàu biển, trưng mua 14 chiếc; Quốc hữu hóa hai đoàn hoa tiêu; Cho phép một số công ty xây dựng tư nhân, các nhà thầu chịu cải tạo và chịu sự điều hành của nhà nước; Trưng mua tài sản của một số công ty như: Công ty Huỳnh Như Hoa, các cổ phần trong Công ty Nguyễn Văn Tấn, Công ty Lodisbagco; Tổ chức công ty hợp doanh đối với Công ty Vinameco, Trần Dương và Trần Văn On (Lịch sử Giao thông Vận tải Việt Nam, Nhà Xuất bản Giao thông Vận tải, 2005, trang 606-607). Tính đến khi hoàn thành "công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền Nam", Chính quyền đã: "Trưng mua, trưng thu được 3.287 xe ô tô loại 5T và 40 ghế hành khách trở lên, hợp với các đoàn xe từ khu giải phóng, xe ngoài Bắc vào là 1.105 chiếc, tổng cộng: 4.393 xe tổ chức thành 14 xí nghiệp quốc doanh… Nhà nước cải tạo và xóa bỏ quyền sở hữu tư nhân về công cụ sản xuất được 14.059 xe tổ chức thành 45 xí nghiệp công tư hợp doanh vận tải ô tô… Tổng cộng cả trưng mua, trưng thu, cải tạo được 17.346 xe loại trọng tải lớn tổ chức thành 59 xí nghiệp vận tải quốc doanh và xí nghiệp vận tải công tư hợp doanh… Số xe vận tải nhỏ (từ 2,5T và 25 ghế trở xuống) đã được cải tạo là 28.856 xe, tổ chức thành 281 Hợp tác xã, ở hầu hết các quận, huyện, thị xã thuộc tỉnh hoặc thành phố…" (Lịch sử Giao thông Vận tải Việt Nam, Nhà Xuất bản Giao thông Vận tải, 2005, trang 276-277.).
[152] Trích Chuyện thời bao cấp, Nhà Xuất bản Thông tấn, 2009, trang 53-54.
[153] Cư trú tại 26C, ấp 4, xã Tân Kiên, Bình Chánh, Sài Gòn.
[154] Trích Chuyện thời bao cấp, Nhà Xuất bản Thông tấn 2009, trang 53.
[155] Tương đương 100 lượng vàng.
[156] Sđd, trang 53-54.
[157] Sài Gòn Giải Phóng, 23-3-1978.
[158] Sài Gòn Giải Phóng, 1-8-1977.
[159] "Điều 1, Từ nay các nhà tư sản thương nghiệp không được tiếp tục làm nghề buôn bán nữa và được nhà nước khuyến khích giúp đỡ chuyển sang sản xuất. Điều 2, Khi nhận được lệnh đình chỉ hoạt động kinh doanh thương nghiệp, các nhà tư sản thương nghiệp phải kê khai theo bản mẫu quy định, cùng với tổ công tác của quận hoặc huyện, tiến hành kiểm kê hàng hóa tồn kho, cơ sở, phương tiện kinh doanh của mình và làm bản đăng ký chuyển sang sản xuất để đóng góp phần xây dựng đất nước. Điều 3, Sau khi kiểm kê xong phải lập biên bản có chữ ký của cán bộ, nhân viên kiểm kê, đại diện của Ủy ban nhân dân phường, xã và chủ hộ hoặc đại diện hộ. chủ hộ được giữ 1 bản. Điều 4, Cơ quan chủ quản, ngành, hàng thuộc sở thương nghiệp hoặc công ty vậ tư tổng hợp thành phố có trách nhiệm trưng mua hoặc mua lại hàng tồn kho. Cơ sở và phương tiện kinh doanh đã kiêm kê theo lệnh của chủ tịch Ủy ban nhân dân TP, để đưa vào phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân. Điều 5, Những người vi phạm các quy định trên đây, tùy theo đối tượng, tính chất và mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý về hành chính, kinh tế hoặc bị truy tố ra tòa án nhân dân theo luật pháp hiện hành…" (Vũ Đình Liệu, Quyết định 341/QĐ-UB, SGGP, 23-3-1978).
[160] Năm 1978 là Chủ tịch Thành phố Hồ Chí Minh.
[161] Trả lời phỏng vấn tác giả ngày 4-12-2004.

[162] Để mô tả tính nguyên tắc của ông Đỗ Mười, đồng thời minh họa cho tính khắc nghiệt của thời bao cấp, trước năm 1975, ở miền Bắc từng có giai thoại: "Một lần Đỗ Mười vào cửa hàng ăn uống quốc doanh gọi một tô phở, khi cô mậu dịch bưng ra, ông ngồi đếm từng miếng thịt, phát hiện có ăn bớt bèn cách chức ngay cửa hàng trưởng". Giữa thập niên 80, theo ông Lê Văn Triết: "Một lần ông Đỗ Mười ghé qua Long Hồ, Vĩnh Long, thăm gia đình ông Phạm Hùng, người nhà ông Phạm Hùng ở quê biếu ông Đỗ Mười 10kg gạo. Trên đường về Sài Gòn, xe của ông Đỗ Mười bị một trạm kiểm soát địa phương chặn lại. Khám xe thấy có một bao gạo, bèn quyết định tịch thu. Người lái xe bảo, đây là gạo của đồng chí Đỗ Mười. Viên trạm trưởng trả lời, Đỗ Mười chứ Đỗ Mười Một cũng giữ". Giai thoại kể thêm: "Đỗ Mười lập tức khen thưởng người trưởng trạm".
[163] Sài Gòn Giải Phóng, 27-3-1978.
[164] Sài Gòn Giải Phóng, 27-3-1978.
[165] Theo Tống Văn Công, Tổng Biên tập báo Công Nhân Giải Phóng, người tháp tùng chuyến đi của ông Mai Chí Thọ.
[166] Tin Sáng, 12-9-1978.
[167] Tuổi Trẻ, 14-9-1975.
[168] Tuổi Trẻ, 31-3-1978.
[169] Nhật ký Lý Mỹ: "Chủ nhật 7-3-76: Tại sao mình yếu đuối thế này? Qua cơn bệnh, lại bị gia đình rầy rà, mình khổ tâm quá. Thôi, hay là mình xin ra khỏi Đoàn vậy, bởi vì mình cảm thấy chưa xứng đáng là một đoàn viên khi gia đình mình vẫn còn sống trong cảnh bóc lột. Nhưng như vậy mình xin vào Đoàn để làm gì, đọc Pa-ven để làm gì trong khi chỉ một ít khó khăn trong gia đình thì mình lại chùn bước. Suy nghĩ như thế thật tồi. Không, hãy ngẩng đầu lên, hãy kiên nhẫn vượt qua mọi khó khăn" (Tuổi Trẻ, 31-3-1978).
[170] Số 4 Duy Tân, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.
[171] Trích nhật ký Lý Mỹ: "Ngày 23-3-1978: Hơn 6 giờ chiều, đèn đường đã bật sáng cả con đường từ trường đến nhà. Con đường hôm nay nom có vẻ khác lạ hơn những ngày khác. Có nhiều toán thanh niên đang đóng chốt ở những cửa hàng lớn dọc trên con đường. Rồi đây cuộc sống sẽ trở nên phong quang hơn, đời sống đồng bào sẽ trở nên dễ chịu hơn khi những ung nhọt của một cơ thể đã được giải phẫu từ ngày hôm nay- ngày mở đầu một cuộc đấu tranh lớn. Mỹ vui và phấn khởi khi nghe đồng chí Thường vụ Thành đoàn tập huấn. Đây đúng là thời cơ để thuyết phục gia đình chuyển sang sản xuất, thời điểm chấm dứt cuộc đấu tranh giữa hai con đường trong gia đình, một thời điểm mà mình đã mong ước từ bấy lâu nay… Ngày 24-3-1978: "Mình nắm lấy thời cơ nầy để tuyên truyền đường lối, chính sách cải tạo thương nghiệp tư sản cho gia đình. Mình phải kiên trì thuyết phục cha mẹ, phải bám gia đình từng giây, từng phút, giúp đỡ gia đình kê khai tài sản". Ngày 24-3-1978 của Lý Mỹ được báo Tuổi Trẻ tường thuật: Đi kèm bên mẹ, Mỹ luôn nhắc nhở mẹ nên kê khai những món hàng gì, thỉnh thoảng động viên người mẹ đang buồn rầu, hoang mang bởi những tin đồn thất thiệt. "Tịch thu tài sản rồi phải không? Mầy hãy lo lấy thân mầy đi, còn ăn học gì nữa". "Đâu có ai tịch thu tài sản của mình đâu má. Mình kê khai đúng, đầy đủ, nhà nước sẽ trưng mua, với số vốn đó gia đình mình chuyển sang cách làm ăn mới. Vấn đề là mình có thành thật kê khai không". "Vậy hả". Rồi: Má Mỹ trở nên yên tâm hơn, sự bình tĩnh đã bắt đầu lộ rõ trên gương mặt. Trong lúc đó, Mỹ liến thoắng: "Tư trang, tư liệu sinh hoạt phải viết vào mục nào hả đồng chí?". Miệng nói, tay viết, mà mắt Mỹ vẫn liếc vào những chiếc tủ đựng đầy ắp những món hàng để xem chừng mình đã khai đầy đủ chưa. Bây giờ, Mỹ đã trở thành một người chủ quản của gia đình. Mỹ thấy tự hào và sung sướng lạ. (Tuổi Trẻ, 31-3-1978).
[172] Số ra ngày 8-4-1978.
[173] Xí nghiệp "Bình Minh 9".
[174] Trong giai đoạn 1975-1980, Chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh đã đưa hơn 832 nghìn người hồi hương hoặc đi kinh tế mới ở các tỉnh từ miền Tây, miền Đông Nam Bộ cho tới Tây Nguyên. 90% số này rời khỏi Thành phố trong giai đoạn 1975-1980, thời gian tư sản bị cải tạo và chính sách sổ gạo bắt đầu được thắt chặt. Bằng những quyết định hành chánh ấy, dân số Sài Gòn đã giảm từ 3,391 triệu người năm 1976 xuống còn 3,201 triệu người năm 1980. 7% lượng người nhập cư mới có nơi sinh là Sài Gòn, họ là những người từng bị đưa đi kinh tế mới trong thời kỳ 1975-1980. Cho đến cuối thập niên 1990, vẫn còn 24% số người không có hộ khẩu thường trú tại Thành phố Hồ Chí Minh vốn là người Sài Gòn-Gia Định. Họ là nạn nhân của chính sách kinh tế mới trong giai đoạn 1975-1980.
[175] Sài Gòn Giải Phóng, 10-4-1978.
[176] Sài Gòn Giải Phóng, 13-4-1978.
[177] Sài Gòn Giải Phóng, 18-4-1978.
[178] Phó chủ tịch Ủy ban Nhân dân Thành phố Lê Thành Nhơn phát biểu trước lễ tiễn 200 nhà tư sản thương nghiệp đăng ký đi kinh tế mới Gia Lành, Lâm Đồng, sáng 18-4-1978- SGGP 19-4-1978.
[179] Tuổi Trẻ, 23-6-1978.
[180] Trả lời phỏng vấn tác giả ngày 4-12-2004.
[181] Đào Duy Tùng, 2008, trang 216-217-218.
[182] Chỉ thị 147, năm 1977, của Thủ tướng Chính phủ.
[183] Sài Gòn Giải Phóng, 14-7-1977.
[184] Nhân Dân, 25-3-1984.
[185] "Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là tiền đồn của phe xã hội chủ nghĩa ở Đông Nam Á" (điểm 3, mục II, phần thứ nhất, Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 15 – tháng 1-1959).

[186] Nguyễn Thụy Nga, 2000, trang (?).
[187] Lê Đức Anh, 2005, trang 60.
[188] Sđd, trang 73.
[189] Theo phía Trung Quốc, tổng số viện trợ quân sự không hoàn lại của Trung Quốc cho Việt Nam gồm: 2,160 triệu khẩu súng cá nhân; 37.500 khẩu pháo; 12,9 tỷ viên đạn; 180 máy bay, 145 tàu; 1.500 xe tăng, thiết giáp; 16.330 xe tải; 16 vạn tấn lương thực thực phẩm quân đội; 22 vạn tấn nhiên liệu (Mân Lực, 10 năm Chiến tranh Trung - Việt, Nhà Xuất bản Đại học Tứ Xuyên, 2-1994, Bản dịch của Tổng cục II, trang 129).
[190] Theo hồ sơ của B29, nếu như lượng tiền mặt từ "Tổ chức X" - mật danh chỉ Trung Quốc - được đưa vào miền Nam năm 1964 chỉ là một triệu USD; năm 1965 đã lên đến 6.232.667 USD; năm 1967: 22,4 triệu; năm 1973: 101,5 triệu… Lúc đầu, việc tiếp nhận khoản viện trợ này chủ yếu theo phương thức: Ông Nguyễn Nhật Hồng, trưởng phòng B29, nhận tiền USD ở Hong Kong rồi mua các loại biệt tệ như đồng riel của Campuchia, đồng kip của Lào, đồng baht của Thái Lan, đồng tiền Việt Nam Cộng Hòa. Tuy nhiên, quy trình "chế biến" kể từ khi mua biệt tệ đến khi đưa được tiền tương thích vào chiến trường có khi mất sáu tháng, đồng tiền đã bị mất giá. Năm 1968, khi Phó Thủ tướng Phạm Hùng được cử vào Nam làm bí thư Trung ương Cục thay ông Nguyễn Chí Thanh, ông cho lập Ban Kinh tài Đặc biệt mang bí danh N2683. Phụ trách Ban này là ông Huỳnh Văn Lập, tên thường gọi là Mười Phi. Thay vì mua biệt tệ ở Hong Kong, USD được chuyển vào Nam để ông Mười Phi đổi tiền Sài Gòn mua các loại nhu yếu cho kháng chiến. Đến năm 1970 thì B29 của ông Nguyễn Nhật Hồng "đánh" được ông Lữ Minh Châu vào Sài Gòn. Ông Châu trước đó được đưa qua Liên Xô đào tạo nghiệp vụ ngân hàng. Sau, về Phnom Penh, lấy hồ sơ của một Việt Kiều ở Campuchia đã chết, làm căn cước giả, "chạy loạn" về Sài Gòn xin làm việc trong một ngân hàng. Từ vị trí này, ông Châu đã làm dịch vụ chuyển ngân lậu cho các đại gia và đặc biệt là các quan chức Sài Gòn theo phương thức ông Châu nhận tiền Việt Nam Cộng Hòa tại Sài Gòn, sau đó, khách hàng của ông sẽ nhận USD ở Hong Kong hoặc ở một ngân hàng Thụy Sỹ. Bằng dịch vụ chuyển ngân lậu này, B29 đã chuyển được 161,8 triệu USD vào chiến trường. Theo ông Nguyễn Nhật Hồng, B29 không thể làm tốt việc này nếu không được Trung Quốc giúp: Tại Hong Kong, Bank of China thu xếp để một ngân hàng con có biệt danh là "Anh Bảo" làm nơi giao dịch cho B29; Khi có lệnh chi ký tên Nguyễn Nhật Hồng, "Anh Bảo" sẽ chuyển tiền vào tài khoản bất kỳ mà B29 muốn. "Anh Bảo" cũng thu xếp để khách hàng của ông Lữ Minh Châu có thể nhận được tiền mặt thông qua một cơ sở ở Hong Kong, với chỉ một tờ lịch mà cơ sở này có thể đọc được số tiền thông qua ngày tháng ghi trên ấy. Quỹ tiền mặt mà B29 nhận được từ Bắc Kinh rồi chi cho các chiến trường, không chỉ để mua súng mà còn mua được những thứ bị cấm vận ở miền Bắc như máy móc thông tin, xe Honda Sport loại có thể chạy trong R, ngoài ra 350.000 USD đã được dùng để "Cách mạng" làm căn cước giả cho những cán bộ vào ra "vùng tạm chiếm".
[191] Nguyễn Thụy Nga, 2000, trang 188.
[192] Theo tài liệu của Trung Quốc, từ tháng 6-1965 đến tháng 8-1973 Trung Quốc đưa sang Việt Nam tổng cộng 320.000 "quân tình nguyện" bao gồm phòng không, thợ máy, thông tin, công binh… Quân số lúc đạt mức cao nhất lên tới 170.000. Báo cáo nói có khoảng bốn nghìn người Trung Quốc chết tại Việt Nam trong khi một số học giả Trung Quốc ước tính có hàng chục nghìn. Năm 1966, khi Chu Ân Lai và Đặng Tiểu Bình gặp Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh than phiền, lính Trung Quốc tỏ thái độ ngạo mạn như đội quân xâm lược trước đây, tuy nhiên khi Chu và Đặng nói sẵn sàng rút thì Việt Nam không đưa ra yêu cầu nào. Năm 1978 khi tới Singapore, Đặng Tiểu Bình nói với Lý Quang Diệu, trị giá hàng hóa mà Trung Quốc viện trợ cho Việt Nam đánh Mỹ lên tới hơn 10 tỷ đô-la, cao hơn chi phí cho chiến tranh Triều Tiên (Ezra F. Vogel, Deng Xiaoping and the Transformation of China, trang 271-272).
[193] Nguyễn Thụy Nga, 2000, trang 188-189.
[194] Sihanouk & Bernard Krisher, 1999, trang 131.
[195] Lương Phong trả lời Dương Danh Di tại Hà Nội năm 2004.
[196] Ngày 1-2-1975, sau khi thăm Trung Quốc, Thượng nghị sĩ Mỹ, ông Mansfield, báo cáo trước Quốc Hội: "Trung Quốc tán thành để hai nước Việt Nam tiếp tục tồn tại. Trung Quốc cho rằng một nước Campuchia thống nhất, trung lập là điều chủ yếu trong một Đông Dương ổn định".
[197] Henry A. Kissinger, 2003, trang 246.
[198] Võ Nguyên Giáp, 2000, trang 295.
[199] Sđd, trang 300.
[200] Sđd, trang 301.
[201] Sđd, trang 302.
[202] Mân Lực, 1994, bản dịch của Tổng Cục II, trang 127.
[203] Mân Lực, 1994, bản dịch của Tổng Cục II, trang 55.
[204] Thủ tướng Phạm Văn Đồng ký Công hàm 14-9-1958. Toàn văn Công hàm được đăng trên báo Nhân Dân ngày 22-9-1958: "Thưa đồng chí Tổng lý/ Chúng tôi xin trân trọng báo tin để đồng chí Tổng lý rõ: Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ghi nhận và tán thành bản tuyên bố ngày 4-9-1958 của Chính phủ nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa quyết định về hải phận của Trung Quốc. Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tôn trọng quyết định ấy và sẽ chỉ thị cho các cơ quan nhà nước có trách nhiệm triệt để tôn trọng hải phận mười hai hải lý của Trung Quốc trong mọi quan hệ với nước Cộng hoà Nhân dân Trung Hoa trên mặt bể. Chúng tôi xin gửi đồng chí Tổng lý lời chào trân trọng".
[205] Nguyên tổng lãnh sự Việt Nam tại Quảng Châu

[206] Sách giáo khoa Địa lý lớp 9 phổ thông của Nhà Xuất bản Bộ Giáo dục năm 1974 viết: "Từ những hòn đảo quần đảo Nam Sa, Tây Sa, đến đảo Hải Nam, đảo Đài Loan, cụm đảo Bành Hồ, cụm đảo Chu Sơn là một hình cánh cung tạo nên bức trường thành bảo vệ Trung Quốc'. Những bản đồ trong sách giáo khoa đều in rõ những hòn đảo của Nam Sa, Tây Sa đều là lãnh thổ của Trung Quốc" (Mân Lực, Mười năm Chiến tranh Trung-Việt, Nhà Xuất bản Đại học Tứ Xuyên 2-1994, Bản dịch của Tổng Cục II, trang 138).
[207] Từ năm 2011 là Tổng Lãnh sự quán Trung Quốc.
[208] Nghị quyết của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, ban hành sau Chỉ thị 53, về vấn đề "cán bộ người Việt gốc Hoa" viết: "Cay đắng trước thắng lợi hoàn toàn của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta, ngay từ những ngày đầu đất nước ta được độc lập và thống nhất, tập đoàn phản động trong giới cầm quyền Bắc Kinh đã coi Thành phố Hồ Chí Minh như là một địa bàn chiến lược trọng điểm, dùng mọi thủ đoạn thâm độc mưu toan lôi kéo một bộ phận quần chúng người Hoa chống lại đường lối, chính sách của Đảng và nhà nước ta, đưa tay chân chui vào Đảng và Nhà nước ta để phá hoại từ bên trong".
[209] Theo ông Hoàng Văn Hoan, có hơn 300.000 cán bộ người Hoa trên cả nước đã bị thanh lọc (Giọt Nước Trong Biển Cả, 1987).
[210] Ông Vũ Cầm cho rằng, chính nhờ sáng kiến này mà năm 1982, Nguyễn Đức Tâm được Lê Duẩn đưa vào Bộ Chính trị giữ chức trưởng Ban Tổ chức.
[211] Tỉnh Quảng Ninh được nhập từ Hải Ninh và Hồng Quảng.
[212] Theo số liệu dẫn trong Thông tri 59 của Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29-8-1978.
[213] Theo số liệu ghi trong Báo cáo Hội nghị 9 của Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31-7-1979.
[214] Tổng số người Hoa bị giết bởi Khmer Đỏ trong khoảng thời gian từ 1975-1979 tại Campuchia là 215.000 người, bằng 50% tổng số người Hoa sinh sống tại Campuchia lúc đó (Ben Kiernan, The Pol Pot Regime, Nhà Xuất bản Đại học Yale, 1996, trang 458).
[215] Tuổi Trẻ, 23-6-1978.
[216] Ngày 8-8-1980, ông Võ Thanh Tòng, phó Ty Công an Minh Hải bút phê: "Hộ ông Nguyễn Thành Đệ và Nguyễn Thị Thành (gồm chín người) đến Minh Hải đăng ký xuất cảnh hồi đầu năm 1979 nhưng có lịnh đình không cho đi phải ở lại". Ngày 25-6-1980, Tòa án Nhân dân Minh Hải chứng nhận, nguyên văn: "Giải quyết hộ của Nguyễn Thị Thành và Nguyễn Thành Đệ đăng ký đi xuất cảnh con tàu 224 tại thị xã Minh Hải ngày 18-6-1979. Do nhà nước ngừng ông đã đến công an thị xã Minh Hải và Tòa án Nhân dân tỉnh Minh Hải kiện công ty chủ tàu 224 đòi lại số vàng ông đã nạp. Ông đến tạm trú tại thị xã Minh Hải, nay ty công an tỉnh Minh Hải đang bắt chủ tàu Tôn Thục giam giữ để xét hỏi. Vậy theo yêu cầu của ông xin trở về Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh là nơi cư trú của ông cũ. Đề nghị quận và phòng nhà đất quận xét giúp đỡ gia đình ông có nhà ở… Ủy viên Thẩn phám, (đã ký) Ngô Quốc Kha".
[217] Trung Quốc ước tính có khoảng 160.000 người Hoa đã phải rời Việt Nam trong khoảng thời gian này (Shen Baoxiang, Zhenli biaozhun wenti taolun shimo, trang 370-371). Những người sống ở Sài Gòn-Chợ Lớn và các tỉnh phía Nam là người Quảng, người Tiều, người Hẹ và người Phúc Kiến, đến Việt Nam từ thời "Phản Minh, Phục Thanh" với Hoàng Tiến, Dương Ngạn Địch ở mạn Đồng Nai; với cha con Mạc Cửu ở xứ Hà Tiên. Một số khác đến gần hơn thì cũng từ thời Nhật cai trị một phần Trung Quốc. Vốn là dân phiêu bạt, người Hoa đến Việt Nam đã khai hoang, lập ấp, lấy vợ Việt. Họ không chỉ là một lực lượng kinh tế sinh động mà còn gắn với lịch sử Việt Nam, chính họ cũng đã cống hiến cho bản xứ những giá trị văn hóa vượt thời gian: Mạc Cửu với Thi Đàn Chiêu Anh Các; Trịnh Hoài Đức với Gia Định Thành Thông Chí… Cho dù vẫn mang trong mình dòng máu Hoa, phần lớn người Hoa ở Việt Nam đã không còn coi đại lục là tổ quốc; khi rời Việt Nam, họ đã không về Trung Quốc.
[218] Cụ thể: "Ở Kiên Giang: Ngoài số 1.413 lạng vàng và 96.913 đồng ngoại tệ (trong đó có 26000 đô la) do các đồng chí Hai Cầu, Năm Thức, Chín Kỳ chủ trưởng báo Ty Công an đưa qua Thường vụ Tỉnh ủy làm quỹ riêng, một số đồng chí trong Thường vụ không nhất trí nên đồng chí báo Phòng Ngân sách Tỉnh ủy, đã đem nộp cho ngân hàng. Một số đồng chí Thường vụ Tỉnh Ủy Kiên Giang đã lấy 158 lạng vàng đem bán lấy tiền cộng với số tiền của PA2 và tiền bắt vượt biên, tất cả là 671.921 đồng, đã chi một số còn lại 234.398 đồng đưa qua xây dựng trụ sở Tỉnh ủy. Ở Sông Bé: Lấy 185.511 đồng tiền lời (mua gỗ của lâm nghiệp về xẻ bán cho người Hoa (đóng tàu) đi PA2) để chi cho Đại hội Đảng bộ Tỉnh, một số còn để ngân sách địa phương. Ở Hậu Giang: Công an Vũ trang lấy 148.942 đồng, Ty Công an lấy 76.254 đồng thuộc tiền PA2 làm quỹ cho đơn vị, cơ quan mình. Minh Hải: Ty công an mua hàng nước ngoài bán lấy lời 190.715 đồng, bán tôm lời 847.370 đồng, tổng cộng là 1.038.085 đồng làm quỹ. Quảng Nam-Đà Nẵng: Ty công an lấy 14.500 đồng; Công an Thành phố Đà Nẵng lấy 53.547 đồng; Huyện Tam Kỳ, 40.000 đồng; Ty thủy sản, 53.399 đồng".
[219] Sài Gòn Giải Phóng, 26-1-1978.
[220] Sài Gòn Giải Phóng, 26-1-1978.
[221] Phạm Văn Trà, 2009, trang 260.
[222] Sài Gòn Giải Phóng, 26-1-1978.
[223] Phạm Văn Trà, 2009, trang 252-260.
[224] Sài Gòn Giải Phóng, 26-1-1978.
[225] Năm 1939, biên giới Campuchia - Việt Nam đã được xác lập theo lằn ranh Brevié, theo đó: Một đường thẳng vẽ từ biên giới đất liền, theo một góc 140 độ về hướng vịnh Thái Lan; khi tới đảo Phú Quốc thì lệch ra ba cây số về hướng Bắc, đặt

Phú Quốc trong phần lãnh thổ Việt Nam. Sau năm 1954, Hải quân Việt Nam Cộng Hòa định một "đường ranh tuần tiễu" khác, xác lập lãnh thổ Việt nam bao gồm đảo Trọc. Cũng trong thập niên 1960, miền Bắc Việt Nam công nhận đường Brevié với Chính quyền Sihanouk, nghĩa là không bao gồm đảo Poulo Vai. Trong cuộc họp trù bị tại Phnom Penh bắt đầu từ ngày 4-5-1976, Trưởng Đoàn Việt Nam, Thứ trưởng Ngoại giao Phan Hiền, công nhận tất cả các đảo phía Bắc lằn ranh Brevié thuộc quyền Campuchia, nhưng đề nghị đàm phán lại về "lằn ranh tuần tiễu". Cuộc đàm phán kéo dài đến ngày 18-5-1976 thì phía Campuchia đề nghị tạm hoãn để có thời gian "xin chỉ thị của các Uỷ viên Ban Thường vụ Đảng đang đi công tác xa Phnom Penh".

[226] Trong năm 1976 mà Nuôn Chea nhắc đến "tình anh em cách mạng" đó, Khmer Đỏ đã gây ra 250 vụ xâm lấn lãnh thổ, pháo kích, tập kích, gài mìn, cắm chông, cướp trâu, cướp bò và giết hại vô cùng dã man nhiều người dân vùng biên giới… Từ tháng 12-1975, Khmer Đỏ đã tiến hành hàng loạt vụ gây hấn: lấn sâu vào lãnh thổ Việt Nam ở vùng Sa Thầy hơn 10km; chiếm kho thóc X 114 rồi đóng luôn lại đó; bắt, mang đi toàn bộ 113 người dân làng Xộp, thuộc tỉnh Gia Lai- Kon Tum; tập kích đồn Biên phòng số 8, tỉnh Daklak… Thế nhưng, Phnom Penh vẫn nói, đó là những hành động gây ra "do hiểu lầm ở các địa phương" (Sài Gòn Giải Phóng, 26-1-1978).

[227] Ngô Điền, 1992, trang (?).

[228] Có khoảng 1.671.000 trên tổng số 7.890.000 dân Campuchia đã bị giết trong khoảng thời gian từ 1975 đến năm 1979, (21%). Trong đó, có 215.000 người Hoa trong tổng số 430.000 người Hoa ở Campuchia (50%); 20.000 người Việt Nam trong tổng số 20.000 người kẹt lại ở Campuchia; 4,000/10,000 người Lào; 2.000/5.000 người Khmer Krom; 90.000/250.000 người Chàm; 8.000/20.000 người Thái; 9.000/60.000 người thượng (Ben Kiernan, The Pol Pot Regime, Nhà Xuất bản Đại học Yale 1996, trang 458).

[229] Henry Kissingger, 2003, trang 67.

[230] Sđd, trang 68.

[231] Khi ở cảng Sihanoukville, vũ khí được chở về gần tới nơi thì ở Hà Nội, Đại tá Lê Xuân Ba, trưởng Phòng Kế hoạch của Tổng Cục hậu cần hẹn ông Nguyễn Nhật Hồng ra một vườn hoa, khi thì Chí Linh, khi thì vườn hoa đối diện Cột Cờ Hà Nội. Đại tá Ba kẹp tờ vận đơn mà Liên Xô cung cấp, liệt kê chủng loại vũ khí được chở trên những con tàu sắp về trong một tờ báo. Ông Hồng cũng cầm một tờ báo bên trong kẹp bảng đơn giá vũ khí. Họ tính toán giá trị tổng số vũ khí rồi tính ra khoản tiền 10% chi cho Lonnol, 10 % chi cho Sihanouk, báo cho hai người biết khối lượng hàng hóa, khoản tiền mà họ sẽ được trả; B29 chuyển tiền vào tài khoản bí mật của hai người. Sihanouk, Lonnol kiểm tra thấy có đủ tiền thì đồng ý cho tàu vào cảng. An ninh được bảo đảm gần như tuyệt đối vì, theo ông Hồng, chính Lonnol cử một tiểu đoàn bảo vệ trong quá trình bốc dỡ ở cảng và sau đó áp tải vận chuyển từ cảng về các căn cứ của quân Giải phóng.

[232] Sihanouk và Bernard Krissher, 1999, trang 133-134.

[233] Sđd, trang 137.

[234] Trung Quốc đã dành cho Sihanouk một khu gồm những dinh thự đẹp, chỉ cách Thiên An môn một quãng ngắn, để làm trụ sở Chính phủ. Ở Bắc Kinh, các lãnh tụ cộng sản Trung Hoa trong khi đưa Cựu hoàng Phổ Nghi của họ đi làm vườn đã cung cấp cho Sihanouk nhiều nhân viên phục vụ và cả một đội đầu bếp tài giỏi, một ban thư ký lớn và các dịch vụ thông thường của một Hoàng cung, kể cả nhân viên văn phòng, một đội xe con, một trung tâm thể thao và một phòng chiếu phim riêng. Theo Sihanouk: "Chu không bao giờ cho phép tôi đi tàu hỏa thông thường hoặc máy bay chở khách đến các tỉnh của Trung Quốc kể cả khi đi thăm nước ngoài. Ông luôn dành cho tôi những chuyến tàu đặc biệt có một toa rất xa hoa dành cho tổng thống hoặc thuê chuyên cơ cho tôi, kể cả một máy bay phụ để chở những thùng quà ngoại giao mà tôi sẽ tặng trong các chuyến thăm hữu nghị" (Sihanouk và Bernard Krissher, Hồi ký Sihanouk, Trần Chí Hùng dịch, Nhà Xuất bản Công an Nhân dân 1999, trang 124). Trước và sau những chuyến đi, Chu Ân Lai - vị Thủ tướng của quốc gia hơn 800 triệu dân - bao giờ cũng đích thân đưa và đón một ông hoàng thất thế bằng những nghi thức mà Bắc Kinh vẫn dành cho hàng nguyên thủ.

[235] Theo Kissinger: "Chính Hà Nội đã cự tuyệt đề nghị của Mỹ phục hồi tư cách trung lập của Campuchia khi tôi trao đổi với Lê Đức Thọ trong một cuộc gặp bí mật ngày 4-4-1970. Chính Hà Nội từ chối đàm phán hòa bình với điều kiện tiên quyết phải loại trừ tất cả những cơ cấu phi Cộng sản. Chính Hà Nội đã bác bỏ các đề nghị đình chiến vào tháng 10-1970, 5-1971, 10-1971, 10-1972 cho đến tháng 1-1973. Chính Khmer Đỏ được Hà Nội tổ chức, trang bị và hậu thuẫn đã ngăn cản việc đưa Campuchia vào Hiệp định Paris, điều mà Mỹ nhiều lần mong muốn" (Henry Kissingger, 2003, trang 470).

[236] Ben Kiernan, 1996, trang 16.

[237] Trong khoảng thời gian từ tháng 2 cho đến tháng 8-1973, người Mỹ đã ném 257.465 tấn bom xuống các khu vực nói là của Khmer Đỏ. Pol Pot cho rằng miền Bắc Việt Nam có phần trách nhiệm khi ký Hiệp định Paris để Mỹ rảnh tay tiêu diệt Khmer Đỏ. Nhưng Kissinger thừa nhận "việc ném bom là con bài mặc cả" giữa Bắc Kinh và Mỹ, vì "Chu Ân Lai cần hoạt động quân sự của Mỹ ở Campuchia để chính sách của mình đạt hiệu quả" (Kissinger, 2003, trang 484). Chu Ân Lai biết ngay cả Trung Quốc cũng khó khiến cho Khmer Đỏ chấp thuận trừ khi chúng bị thuyết phục là "chúng không thể chiếm ưu thế về mặt quân sự khi tiếp tục bị ném bom" (Kissinger, 2003, trang 484).

[238] Henry Kissingger, 2003, trang 475.

[239] Henry Kissinger, 2003, trang 475.

[240] Sđd, trang 474.

[241] Ngô Điền, 1992, trang (?).

[242] Để tổ chức chuyến đi kéo dài từ 27-2 cho đến 17-4-1973, tháng 2-1973, Việt Nam thành lập "Đoàn Thắng Lợi", trong đó có hai cán bộ nữ phục vụ riêng bà hoàng Monique, tổng cộng 89 người. Một quan chức của Bộ Ngoại giao được cử làm Trưởng Đoàn; Cựu Đại sứ Việt Nam tại Campuchia Nguyễn Thương và Đại tá Lê Đình Xoàn, Phó Tư lệnh 559, Phó Đoàn. Ngày 27-2-1973, Đoàn đi xe vào Đồng Hới để ngày hôm sau đón Sihanouk cùng bà Hoàng và "cố vấn" Yeng Sary, được đưa từ Hà Nội vào bằng máy bay AN 26. Từ Đồng Hới, Đoàn đi qua Lao Bảo, theo Đường 9 Nam Lào qua Khe Sanh, Bản Đông, Sê Pôn… đi hết phạm vi quản lý của 14 binh trạm 559. Đến Trạm F470, nơi được mô tả là một khu rừng nằm cạnh sông Mekong, Đoàn Việt Nam "bàn giao" Sihanouk cho Khmer Đỏ rồi ở đấy chờ đón ông quay về Hà Nội.
[243] Theo lời Sihanouk kể lại với nhà báo Nayan Chanda, trong suốt chuyến đi gần một tháng trên lãnh thổ Campuchia, Son Sen, một lãnh tụ Khmer Đỏ, nói với ông: "Lính Việt Nam vẫn thường trộm cắp trong các phum, hãm hiếp phụ nữ và đặt các căn cứ, tuyển quân người Khmer trợ chiến cho họ". Còn Khiêu Samphan thì nói: "Việt Nam đang chuẩn bị lập ra một chính phủ người Khmer nhưng phụ thuộc vào người Việt".
[244] Võ Nguyên Giáp, 2000, trang 320.
[245] Ben Kiernan, 1996, trang 48.
[246] Philip Short, 2004, trang 7.
[247] Ben Kiernan, 1996, trang 2.
[248] Sđd, trang 55.
[249] Sđd, trang 96.
[250] Ben Kiernan, 1996, trang 97.
[251] Nayan Chanda, 1993, trang 42.
[252] Sđd, trang 43.
[253] Ben Kiernan, 1996, trang 94.
[254] Ben Kiernan, 1996, trang 10.
[255] Trong loạt phóng sự đăng trên báo Giải Phóng, ba số báo đầu tháng 8-1976, một thành viên của đoàn, nhà báo Tô Quyên viết: "Nếu hơn một năm trước đây, Phnom-Pênh tấp nập ồn ào… thì ngày nay thủ đô Chùa Tháp trở nên vắng vẻ, yên tĩnh lạ thường. Cảnh tượng vắng lặng hầu như bất động này bắt gặp ngay từ đêm đầu tiên chúng tôi từ ngoại ô qua cầu Mô-ni-vông cũ vào trung tâm thành phố. Những dãy đèn điện cao áp vẫn soi ánh mặt đường nhưng trên đường không thấy bóng người đi lại. Thỉnh thoảng mới thấy hắt ra ánh đèn nê-ông từ các cửa sổ của một vài ngôi nhà. Ban ngày, lướt qua các khu phố, chúng tôi cũng thấy phần lớn các dãy nhà đều đóng cửa hoặc bỏ trống không người ở. Ở một vài góc đường gặp các chiến sĩ cầm súng đứng gác, lâu lâu nâng bổng cây tre sơn màu đỏ trắng chặn ngang đường cho xe chạy qua. Buổi sớm và buổi chiều vào giờ làm việc, vài chiếc honda, năm ba chiếc ô tô vận tải đủ loại chở đầy người mặc áo đen, trùm khăn rằn đỏ chạy qua đường phố, bóp còi inh ỏi khi gần đến ngã tư... Để chúng tôi có thể hiểu được vì sao Thủ đô và các thành thị sầm uất trở nên vắng vẻ, thưa thớt như hiện nay, các bạn Campuchia đã giới thiệu đôi nét về tình hình vừa qua và chủ trương đưa dân về các vùng nông thôn sản xuất... Các lãnh tụ Khmer Đỏ nói: "Các đồng chí đến nước chúng tôi cứ coi như trong gia đình vì chúng ta từ lâu đã là bạn chiến đấu"... Và suốt 15 ngày ở thăm đất nước Campuchia anh em, đến bất cứ nơi nào chúng tôi cũng nhận được những tình cảm hết sức thân thiết, nồng nhiệt của bạn. Các bạn Campuchia đã coi chúng tôi như những người anh em một nhà đi xa mới về. Sự chăm sóc hết sức chu đáo, tỉ mỉ của bạn cho từng bữa ăn, giấc ngủ tại chỗ cũng như trong suốt cuộc hành trình qua tám tỉnh của đoàn làm chúng tôi vô cùng cảm động. Qua chuyến đi này, đúng như lời của Phó Thủ Tướng Yêng Sary trong buổi chiêu đãi: "Đoàn càng hiểu hơn nữa những tình cảm cách mạng sâu sắc và tinh thần đoàn kết chiến đấu và hữu nghị của nhân dân Campuchia chúng tôi đối với nhân dân Việt Nam, không có trở ngại nào có thể làm lay chuyển nổi".
[256] Trên số báo Giải Phóng ra ngày 10-8-1976, ông Tô Quyên viết: "... Đặc biệt, từ khi nước Campuchia dân chủ thành lập, đây là lần đầu tiên Thủ tướng Pol Pot chính thức tiếp khách nước ngoài. Với giọng nói đầy tình cảm, Thủ Tướng nhắc lại:"Chúng tôi dành ưu tiên cho đoàn báo chí Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Việc đoàn đi thăm nước Campuchia Dân chủ là một sự cổ vũ đối với nhân dân chúng tôi". … Chúng tôi rất cảm kích nhớ mãi lời phát biểu đầy tình nghĩa của đồng chí Thủ tướng Polpot: "Tình đoàn kết hữu nghị giữa cách mạng Campuchia và cách mạng Việt Nam, giữa hai nước Campuchia và Việt Nam là một vấn đề vừa là chiến lược, vừa là tình cảm thiêng liêng. Tình đoàn kết hữu nghị đó có tốt thì cách mạng cả hai nước chúng ta mới phát triển tốt được. Không có con đường nào khác".
[257] Nayan Chanda, 1993, trang 82.
[258] Sđd.
[259] Hoa Quốc Phong, chủ tịch Đảng Cộng sản Trung Quốc, thậm chí còn không trả lời thư mời dự Đại hội Đảng lần thứ IV của Việt Nam.
[260] Theo ông Phạm Văn Trà, khi ấy đang là tham mưu trưởng sư đoàn 330: "Cuối năm 1976… Sau một thời gian chuẩn bị lực lượng, Pol Pot bắt đầu cho quân hoạt động vũ trang ở biên giới. Lúc này, Sư đoàn 4 chuyển sang làm nhiệm vụ xây dựng kinh tế; Sư đoàn 8 thực hiện biểu biên chế rút gọn, cho bộ đội phục viên, xuất ngũ hàng loạt. Trước yêu cầu tình hình mới, Quân khu IX được trên chấp thuận cho tổ chức Sư đoàn 330 cơ động sẵn sàng chiến đấu" (Đại tướng Phạm Văn Trà, Đời Chiến Sĩ, Nhà Xuất bản Quân đội Nhân dân 2009, trang 272). Theo Tướng Trà, có một số nơi đã làm tốt hơn Quân khu IX của Tướng Lê Đức Anh, ví dụ như ở Quân đoàn II, khi cho bộ đội ra quân, Quân đoàn giữ lại một số cán bộ khung, nhân viên kỹ thuật và một tỷ lệ cựu binh nhất định nên khi có chiến sự chỉ cần đưa tân binh vào, lính cũ kèm cặp lính mới, trong

một thời gian ngắn là chiến đấu tốt.
[261] Phạm Văn Trà, 2009, trang 269.
[262] Phạm Văn Trà, 2009, trang 286.
[263] Theo ông Phạm Văn Trà: "Khi bộ đội ta truy kích, địch bỏ chạy tán loạn. Nhân dân bạn bị giam cầm trong các trại tập trung, tựa đại hạn gặp mưa rào; xem bộ đội Việt Nam như vị cứu tinh xuất hiện, cứu sống họ. Nhân dân bạn tha thiết mong bộ đội Việt Nam ở lại một thời gian để bà con được nhờ. Khi bộ đội ta buộc phải rút về, hàng nghìn người dân Campuchia nằng nặc đòi đi theo. Nhiều người vừa khóc vừa nói: Bộ đội Việt Nam là bộ đội nhà Phật, đã sang cứu sống chúng tôi. Nay bộ đội rút về, hãy cho chúng tôi về theo, nếu ở lại sẽ bị ăngca giết mất… Cảm thương nhân dân bạn vô cùng, nhưng chúng tôi không thể để bà con theo về được" (Phạm Văn Trà, 2009, trang 292).
[264] Theo Tướng Phạm Văn Trà: "Khi quân Pôn Pốt tràn qua kênh Vĩnh Tế, đánh vào Ba Chúc, bà con vô cùng khiếp sợ. Hàng nghìn người trong xã hoảng sợ kéo vào hai ngôi chùa lớn để nương nhờ cửa Phật, hi vọng kẻ thù dù có dã man, tàn bạo mấy cũng nương tay trước Đức Phật từ bi. Nhưng lính Pôn Pốt đã ném lựu đạn, xả súng giết hại hàng nghìn Phật tử - phần lớn là người già, trẻ nhỏ. Một số người trốn chạy vào các hang đá trong núi cũng bị quân Pôn Pốt sục sạo sát hại. Sau khi tổ chức cho Sư đoàn tiêu diệt gọn gần một sư đoàn quân Pol Pot, chiếm lại núi Phú Cường và Ba Chúc, tôi cùng một số cán bộ, chiến sĩ đã vào các hang đá tìm cứu bà con mình. Trong hang có rất nhiều xác chết không đầu. Thấy chúng tôi tìm vào hang, có mấy người sống sót tưởng chúng tôi là lính Pôn Pốt, bèn quỵ sụp lạy như tế sao. Sau khi được anh em ân cần giải thích, bà con mới trấn tĩnh, kể lại nỗi kinh hoàng ngày 15-1-1978" (Phạm Văn Trà, 2009, trang 293).
[265] Ngày 25-1-1978, chiến sự trên Biên giới Tây Nam được công bố trong cuộc họp báo do ông Ngô Điền - Vụ Trưởng Vụ Thông tin Báo chí Bộ Ngoại Giao - chủ trì được nói ở đầu Chương.
[266] Người "chấp bút" bài diễn văn nổi tiếng này, ông Đống Ngạc, nhớ lại: "Năm 1978, khi Pol Pot gây hấn ở Tây Nam và năm 1979, khi Trung Quốc đánh ta ở biên giới phía Bắc, có người nói với tôi: Khi đó cậu viết thế là mất cảnh giác". Ngay sau ngày 30-4, khi các đồng sự khác hăm hở theo ông Lê Duẩn vào Nam, ông Đống Ngạc được giao ngồi lại thủ Đô để chuẩn bị, ông được dặn: "Cậu phải viết sao cho giống Bình Ngô Đại Cáo".
[267] Bài thơ mà năm 1976 Bộ trưởng Ngoại giao Xuân Thủy làm, về nội dung chỉ "văn vần hóa" tuyên bố nói trên của ông Lê Duẩn: "Bốn nghìn năm ngoảnh lại thuở Văn Lang/ Ta đang tới đỉnh cao nhân loại".
[268] Nếu như năm 1976, khi nghe Lực lượng Công an Võ trang báo cáo nguy cơ chiến tranh xảy ra ở vùng Biên giới ông Lê Duẩn có thể gạt đi thì năm 1977, trợ lý của Lê Duẩn, ông Trần Phương kể: "Đi khảo sát Biên giới, chúng tôi nhận ra xung đột vũ trang không phải do cấp dưới vô kỷ luật như Pol Pot giải thích nữa. Khmer Đỏ đã tác chiến bằng sư đoàn, cấp mà địa phương không thể tự ý điều binh được".
[269] Cũng trong khoảng thời gian này, Khmer Đỏ cho người sang gặp Ya Duck, "Phó Thủ tướng thứ nhất phụ trách nội an và ngoại giao" của Fulro (Mặt trận thống nhất đấu tranh các dân tộc bị áp bức - Front Unifié de Lutte des Races Opprimées - thành lập năm 1964 bởi một số người dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, người Chăm và người Khmer Krom, chống chính quyền Sài Gòn và chính quyền Việt Nam sau năm 1975. Phong trào Fulro tan rã năm 1992 khi 407 binh sỹ nộp vũ khí cho UNTAC tại Campuchia). Theo ông Ya Duck: "Họ đi một đoàn hơn 10 người, nói thẳng là cần sự hợp tác để chống Việt Nam". Ya Duck sau đó đã sang Campuchia gặp Pol Pot và ông được cả cố vấn Trung Quốc tiếp. Pol Pot cũng như "cố vấn Trung Quốc" hứa sẽ giúp Fulro mọi mặt chứ không chỉ giúp đất đai làm căn cứ.
[270] Theo ông Trần Quang Cơ, nội dung của thông điệp là "Lãnh đạo Việt nam Dân chủ Cộng hòa tán thành có quan hệ tốt với Mỹ trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau. Trên tinh thần đó, phía Việt Nam đã tự kiềm chế trong khi giải phóng, tạo cơ hội cho người Mỹ không bị cản trở trong việc tiến hành di tản nhân viên của họ. Phía Việt Nam đã cố gắng làm mọi sự cần thiết để không làm xấu đi quan hệ với Mỹ trong tương lai. Không có sự thù địch với Mỹ ở Việt Nam và Việt Nam cũng không muốn thấy như vậy ở phía Mỹ".
[271] Bài trả lời phỏng vấn Brian Williams, công bố trong Hội thảo Vietnam and the Presidency, 10-3-2006.
[272] Khi ấy là vụ trưởng vụ Bắc Mỹ, Bộ Ngoại giao Việt Nam.
[273] Hiệp định Paris ghi: "Thể theo truyền thống hào hiệp của mình, Hoa Kỳ sẽ tham gia giúp đỡ tái thiết (Việt Nam) sau chiến tranh". Nhưng, sau khi đôi bên hoàn thành việc ký tắt, ngày 23-1-1973, Lê Đức Thọ đã thỏa thuận được với Kissinger con số viện trợ 3,250 tỷ đô-la Mỹ, ngoài ra, Mỹ sẽ viện trợ biếu không mỗi năm 650 triệu đô-la. Kissinger còn trao cho ông Lê Đức Thọ một bản dự thảo công hàm về việc xây dựng lại Miền Bắc, bản chính thức đã được trao cho Việt Nam ngày 1-2-1973.Theo Kissinger: "Cuộc họp bắt đầu vào lúc 9:35 sáng thứ Ba, ngày 23-1-1973, Lê Đức Thọ vẫn thành công ngay cả tại những dịp trang trọng trong việc biến mình thành một người rất khó chịu bằng cách yêu cầu phía Mỹ đảm bảo chắc chắn về việc viện trợ kinh tế cho Bắc Việt Nam. Tôi nói với ông ta rằng điều đó chỉ được thảo luận thêm khi Hiệp định đã được ký kết; điều đó còn phụ thuộc vào việc Quốc hội thông qua bản Hiệp định và việc tuân thủ Hiệp định" (H. Kissinger, 2003, trang 429).
[274] Bài trả lời phỏng vấn Brian Williams, công bố trong Hội thảo Vietnam and the Presidency, 10-3-2006.
[275] Vogel, 2011, trang 281.
[276] Theo Thứ trưởng Ngoại giao Trần Quang Cơ.
[277] Council for Mutual Economic Assistance, một tổ chức thương mại của các quốc gia cộng sản.
[278] Theo Trần Quang Cơ.

[279] Đại sứ Việt Nam tại Trung Quốc, Tướng Nguyễn Trọng Vĩnh kể: "Trung Quốc đối xử với đoàn rất kém trọng thị. Khi đến thăm tỉnh Cương Sơn cùng với đoàn tổng tham mưu trưởng quân đội Triều Tiên. Người ta đã bố trí đoàn Triều Tiên (cấp thấp hơn đoàn ta) ăn ở phòng sang trọng hơn, bố trí đoàn ta ăn ở phòng thường, thậm chí cho ngồi những chiếc ghế không có lưng dựa. Vì vậy, khi về đến Vũ Hán họp đoàn, nhận xét chuyến thăm, cả đoàn đều bất bình, đồng chí Giáp cũng bực lắm. Mọi người đều muốn gặp Bộ Ngoại giao Trung Quốc để nói rõ những sự đối xử không tốt đó và biểu thị thái độ bất bình. Nhưng tôi góp ý: Ta nên biết vậy thôi, bây giờ làm thế chỉ thêm căng thẳng, không giải quyết được vấn đề gì. Đoàn đồng chí Giáp cuối cùng đã đồng ý với tôi và ra về. Trên xe lửa trở về, phía Trung Quốc vẫn chưa thôi thái độ xấu, họ dọn cho đoàn cả một chiếc bát mẻ miệng".
[280] Bốn tháng sau đó, khi bắt được kẻ chủ mưu giết Thanh Nga - Nguyễn Thanh Tân, đồng thời cũng chính là kẻ chủ mưu trong vụ bắt cóc con trai nghệ sỹ Kim Cương - Cảnh sát không tìm ra bằng chứng nào liên quan tới các "âm mưu chính trị". Nhưng trong phiên tòa đặc biệt xử "vụ án Thanh Nga" vào ngày 4-12-1979, Hội đồng xét xử vẫn thêm vào phần luận tội: "Ai cũng thấy là Tân có một ý đồ sâu xa thâm độc hơn là những điều y nhận tội... Nghệ sĩ Thanh Nga là người có tài, có lòng yêu nước, là một chiến sĩ dũng cảm trên mặt trận văn hóa. Trước khi vụ án này xảy ra, chị đã bị bọn phản động khủng bố. Nhưng, bất chấp sự đe dọa, nghệ sĩ Thanh Nga vẫn dũng cảm làm tròn trách nhiệm của mình trên mặt trận văn hóa tư tưởng. Trong lúc đang xảy ra cuộc chiến đấu gay gắt giữa nhân dân ta và bọn "Bành trướng Bắc kinh", trong lúc người nghệ sĩ yêu nước Thanh Nga đang thủ diễn những vai cổ vũ tinh thần yêu nước của quân đội ta sẵn sàng chiến đấu chống bọn "Bành trướng phương Bắc", rõ ràng hành động của bọn Tân cố ý giết chết nghệ sĩ Thanh Nga đã gây tổn thương rất lớn và sự phẫn nộ rất lớn trong lòng quần chúng" (Sài Gòn Giải Phóng, 6-12-1979).
[281] Lời "Bài ca tạm biệt", một bài hát thời chiến tranh biên giới.
[282] Trong năm 1977, Tướng Nhim Ros, tư lệnh Quân Khu Tây Bắc, kiêm phó chủ tịch Hội Đồng Nhà nước bị giết. Tiếp đó là Bộ trưởng Hu Nim. Trung Quốc quan sát và tỏ ra muốn Khmer Đỏ bớt tàn bạo hơn. Tháng 4-1978, một người Trung Quốc ôn hòa là Đặng Dĩnh Châu được cử tới Phnom Penh, khuyên Pol Pot nên sử dụng Sihanouk để tranh thủ ủng hộ của dân chúng và quốc tế; gợi ý đàm phán với Việt Nam trên nguyên tắc "chung sống hòa bình". Nhưng, trong những ngày Đặng Dĩnh Châu đang ở Phnom Penh, Pol Pot đưa ba sư đoàn quân Trung ương xuống Quân Khu Đông, bắt giữ gần năm trăm cán bộ, chủ yếu từ cấp tiểu đoàn trưởng, trung đoàn trưởng và các chi khu trưởng, đưa tới trung tâm khủng bố Tuol Sleng. Tư lệnh Quân Khu Đông, còn gọi là Khu 203, Đệ nhất Phó Chủ tịch Hội đồng nhà nước So Phim, thông gia với Nhim Ros, cũng bị Pol Pot cho là không nên tồn tại. Giữa tháng 5-1978, Tướng Ke Pauk, Tư lệnh Quân Khu Trung ương cho mời So Phim tới họp. So Phim thận trọng chỉ cử đại diện đi và không ai trong số họ trở về. Ngày 24-5-1978, Ke Pauk đưa một lữ đoàn thiết giáp tới bao vây Bộ tư lệnh Quân Khu Đông, bắt giam các sỹ quan, So Phim trốn thoát. Viên tướng được Bắc Kinh đánh giá cao này vẫn còn hy vọng giải tỏa những "hiểu lầm" nên đã chạy về Phnom Penh, cho người liên lạc với Pol Pot. Ngày 2-6-1978, khi So Phim tới điểm hẹn, thay vì gặp Pol Pot những tay súng đã đón ông. So Phim tự sát. Vợ con ông bị giết. Lực lượng từ Quân Khu Trung ương và Tây Nam tràn tới, tàn sát gần như toàn bộ binh lính và thường dân sống trong các công xã Khu Đông. Con số người Khmer bị giết bởi Pol Pot trong dịp này lên tới hơn một trăm nghìn người.
[283] Cho dù sau đó, ngày 30-11-1978, trợ lý ngoại trưởng Mỹ Oakley vẫn nói với ông Trần Quang Cơ, khi ấy đang được ông Thạch để ở lại New York để "giữ cầu" và ngày đêm thúc giục Mỹ bình thường hóa, rằng: "Mỹ không thay đổi lập trường bình thường hóa quan hệ với Việt Nam, nhưng phải chậm lại vì cần làm rõ ba vấn đề: Campuchia; Hiệp ước Việt-Xô và người di tản", nhưng theo ông Trần Quang Cơ: "Tôi nghĩ, thực ra Mỹ đã quyết định dứt bỏ quá trình đàm phán bình thường hoá quan hệ với Việt Nam từ khi Việt Nam tham gia khối Comecon, tháng 6-1978, và sau đó, ký hiệp ước với Liên Xô".
[284] Việt Nam ước đoán lực lượng Trung Quốc có khoảng 600 nghìn tham gia chiến dịch này.
[285] Vogel, 2011, trang 529-531.
[286] Cục trưởng Cục Tác chiến lúc bấy giờ là ông Lê Hữu Đức thừa nhận: "Chúng ta hoàn toàn bất ngờ, ở Quân khu I, trước đó, Đàm Quang Trung đã cho tập trung súng ống vào kho, làng xã không hề chuẩn bị gì cho chiến đấu". Tướng Đức nói tiếp: "Trong một hội nghị quân sự, Đại tướng Văn Tiến Dũng thừa nhận chúng ta bị bất ngờ cả mặt trận Tây Nam và phía Bắc. Khi bắt đầu rục rịch chiến tranh, anh Văn Tiến Dũng gọi tôi tới nhà riêng, bảo tôi lên Quân Khu II nói với anh Vũ Lập: Phải tiêu diệt được vài đại đội, trung đội quân Trung Quốc. Khi đó có ai nghĩ Trung Quốc sử dụng tới sáu quân đoàn để đánh ta đâu".
[287] Theo Đại tá Hà Tám, lúc đó là trung đoàn trưởng Trung đoàn 12 Biên phòng, đóng ở Lạng Sơn.
[288] Mân Lực, 1993.
[289]Mân Lực, 1993, trang (?).
[290] Vogel, 2011, trang 533.
[291] Nhân Dân, 3-3-1979.
[292] Phóng viên báo Người Việt, định cư ở Orange County, California, Mỹ.
[293] Tin Sáng, 28-8-1975.
[294] Sài Gòn Giải Phóng, 28-8-1975.
[295] Bản lược ghi ý kiến của ông Võ Văn Kiệt, tài liệu lưu trữ riêng của ông Kiệt.
[296] Bruce Grant, 1979.
[297] Thuộc phái Khmer Tự do trong Chính phủ 3 phái Campuchia do Sihanouk cầm đầu kháng chiến chống Việt Nam.
[298] Trả lời phỏng vấn tác giả ngày 8-3-2005.

[299] Giáo sư Chu Phạm Ngọc Sơn du học ở Mỹ từ năm 1959, học Lý-Hóa ở Delaware, lấy Ph.D. năm 1962 rồi về Việt Nam dạy học. Tuy nhiên Hội đồng Quốc gia đã xét phong cho ông giáo sư, học hàm mà ông đã được chế độ cũ công nhận từ năm 1967.
[300] Trụ sở của Phái đoàn Cộng hòa miền Nam Việt Nam trong Ủy ban Liên hợp Bốn bên thi hành Hiệp định Paris 1973.
[301] Giáo sư Châu Tâm Luân viết: "Tháng 8 giá bột ngọt đang ổn định, bỗng tăng vọt lên 4.000 một ký rồi 5.000 đồng và trong vài ngày đã lên 8.000… Mặc dù chánh quyền đã lên tiếng cho biết bột ngọt không thiếu, một số đồng bào cứ tranh nhau mua. Thậm chí, có người không có sẵn tiền vẫn vay mượn để mua thật nhiều ở giá 15.000đ một ký để mong kiếm lời khi giá tăng cao hơn nữa; để rồi phải than vãn thở dài khi giá hạ nhanh xuống 5.000đ, rồi ổn định lại ở mức 3.800đ một ký, khi chánh quyền tung bột ngọt ra bán. Sau vụ bột ngọt lại đến muối .v.v… Thật ra thì trong tình thế mới, nhiều mặt hàng, nhất là những hàng không phải là nhu yếu và lại là hàng nhập cảng, sẽ phải tăng giá vì chúng ta còn ở trong giai đoạn phục hồi sau chiến tranh và cũng không thể tiếp tục cho nhập cảng ồ ạt như lúc trước được" (Tin Sáng, 9-9-1975).
[302] Tin Sáng, 9-9-1975.
[303] Vượt biên ngày 19-10-1977, đang định cư ở Houston, Taxes, Mỹ.
[304] Đổi tên theo yêu cầu của nhân chứng.
[305] Họa sỹ Chóe kể: Khi nghe tin Huỳnh Bá Thành đột ngột mất, ông đã bỏ buổi cà phê sáng với bạn bè ở 81 Trần Quốc Thảo, về nhà kêu vợ chuẩn bị xe rồi hai vợ chồng đi lên Đà Lạt. Cho đến nhiều năm về sau, bà Kim Loan cũng không hiểu vì sao mình được chồng chăm sóc bất ngờ như thế. Chóe chỉ giải thích với một vài người bạn thật tâm giao: "Sẽ là không thật lòng nếu mình đi đến đám ma viếng Huỳnh Bá Thành".
[306] Tiền thân tờ báo Người Lao Động.
[307] Giáp Văn Thạch phổ thơ Đỗ Trung Quân. Bài thơ có tựa là Bài Học Đầu Cho Con, in lần đầu, năm 1986, trên báo Khăn Quàng Đỏ, bị cắt đi một số đoạn. Năm 1991, tác giả cho in lại bản đầy đủ trong tập thơ Cỏ Hoa Cần Gặp, Nhà Xuất bản Thuận hóa. Bài Học Đầu Cho Con được nhà thơ Đỗ Trung Quân viết như một món quà tặng thôi nôi cho con gái đầu lòng của nhà văn Nguyễn Nhật Ánh - cháu Nguyễn Nhật Quỳnh Anh, sinh 1985. Cũng trong năm 1986, khi phổ nhạc, nhạc sỹ Giáp Văn Thạch đã đổi tựa thành Quê Hương. Bài hát được hát trở nên có vai trò chính trị trong giai đoạn đó, nhất là khi báo Khăn Quàng Đỏ thêm vào sau câu kết của Đỗ Trung Quân: "Quê hương nếu ai không nhớ…" câu "Sẽ không lớn nổi thành người".
[308] Lúc bấy giờ là phó tổng biên tập báo Công an Thành phố Hồ Chí Minh.
[309] Bộ trưởng Nội vụ 1987-1991.
[310] Tên thường gọi của ông Nguyễn Hùng Trương, chủ nhà sách Khai Trí.
[311] Mãi tới năm 1989, ông Trần Văn Ngọt mới vượt biên thành công, hiện định cư tại Houston, Texas.
[312] Hiện đinh cư tại Đức.
[313] Hiện là giáo sư tại Đại học SUNY-Buffalo, tiểu bang New York (Mỹ).
[314] Anh Vinh vượt biên đến Hong Kong năm 1989, hiện định cư tại Florida, Mỹ.
[315] Từng làm việc tại bệnh viện Bình Dân, đang định cư ở Houston, Texas, Mỹ.
[316] Hiện định cư tại Orange County, California (Mỹ).
[317] Một thuyền nhân vượt biên từ Nha Trang từ năm 1975, hiện định cư tại Chicago.
[318] Tuổi Trẻ Chủ Nhật, 23-7-1989.
[319] Cho đến đầu thập niên 1990, người dân Việt Nam vẫn tiếp tục vượt biên trong khi bắt đầu đã có những người vượt biên trước đó trở về thăm nhà. Chính sự phong lưu của Việt Kiều được trọng vọng bởi chính quyền và xã hội lại nung nấu thêm quyết tâm ra đi của nhiều người Việt Nam, nhất là những người từ các địa phương phía Bắc. Lúc ấy, chính sách đổi mới chưa đủ thời gian gây ảnh hưởng để giữ chân người dân. Đầu thập niên 1990, Liên Hiệp Quốc đưa ra chương trình "tự nguyện hồi hương", theo đó, mỗi thuyền nhân đồng ý quay trở lại Việt Nam nhận được 360 USD tiền trợ cấp. Chương trình này được nói là đã kích thích làn sóng vượt biên vì nếu không được đến một nước thứ ba định cư, một gia đình 4-5 người có thể nhận được một khoản tiền không nhỏ để hồi hương.
[320] Theo UNHCR: Những người vượt biên lần lượt đã định cư ở các quốc gia: Australia 110.996 người; Canada 103.053 người; Pháp 27.071 người; Đức 16.848 người; Netherlands 7.565 người. Anh quốc 19.355 người; Mỹ 424.590 người; các quốc gia khác hơn 55.000 người.
[321] Từ tháng 8-1975 đổi tên thành đường Điện Biên Phủ.
[322] Uaz một thương hiệu xe nổi tiếng của Liên Xô, ra đời từ năm 1941.
[323] Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam Khóa IV.
[324] Khu ủy Sài Gòn-Gia Định.
[325] Nay là đường Lê Duẩn.
[326] Sài Gòn Giải Phóng, 22-1-1976.
[327] Tố Hữu, Ta Đi Tới, in trong tập thơ Việt Bắc, xuất bản năm 1954.
[328] Hiện định cư ở Orange County, California, Mỹ.
[329] Lúc ấy là phó chủ tịch kiêm giám đốc Công an Thành phố.
[330] Tin Sáng, 16-9-1975.
[331] Lịch sử Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, cuốn I, Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng Thành phố.

[332] Sau đổi tên thành Nhà hát Thành phố.
[333] Sài Gòn Giải Phóng, 5-8-1975.
[334] Báo cáo kết quả điều tra di dân tự do vào Thành phố Hồ Chí Minh, Viện Kinh tế, tháng 9-1997, trang 8.
[335] Báo cáo kết quả điều tra di dân (trang 5) ghi những người đi kinh tế mới trong khoảng 1989-1995 chủ yếu là tự nguyện.
[336] Sài Gòn Giải Phóng, 25-5-1975.
[337] Sài Gòn Giải Phóng, 25-5-1975.
[338] Sài Gòn Giải Phóng, 25-5-1975.
[339] Không chỉ tuần hành thị uy ngoài đường, trong khí thế đó, các thanh niên bảo vệ Văn hoá còn dự định sẽ vào tận từng nhà để truy tìm, dẹp bỏ các văn hoá phẩm xấu. Tuy nhiên, theo ông Dương Đình Thảo, Giám đốc Sở Văn Hóa thông tin, sau chuyến công tác nước ngoài trở về, ông Thảo đã góp ý với ông Võ Văn Kiệt và đặc biệt với Trưởng Ban Tuyên huấn Trần Trọng Tân, để "chiến dịch bài trừ văn hoá" không lan vào các nhà dân.
[340] Sài Gòn Giải Phóng, 1-6-1975.
[341] Sài Gòn Giải Phóng, 4-6-1975.
[342] Ông và gia đình vượt biên năm 1978.
[343] Nay là đường Phan Đình Phùng.
[344] Về sau, khi cuộc sống khó khăn, chúng được mang ra bán ở chợ sách Đặng Thị Nhu.
[345] Theo lời kể của ông Nguyễn Diên Hồng, con trai cụ Nguyễn Đức Phong.
[346] Sài Gòn Giải Phóng, 30-10-1975.
[347] Sài Gòn Giải Phóng, 25-12-1975.
[348] Từ Đông Đức trở về, quần áo mà ông Lê Xuân Nghĩa mang theo cũng là quần loe vì nó đang là "mốt của toàn thế giới". Một hôm, ông đang đạp xe giữa đường phố Hà Nội thì bị công an ách lại và ngang nhiên rạch cả hai ống quần từ gấu đến ngang hông. Tức tối, ông Nghĩa về cơ quan là Ủy ban Vật Giá để nhờ giúp phản đối chuyện can thiệp thô bạo. Nhưng, cả lãnh đạo cơ quan và Bí thư Đảng ủy đều cho rằng công an làm thế là đúng. Chủ nhiệm Ủy Ban Vật giá, ông Tô Duy nhận xét: "Cái quần nó loe thì đầu óc nó cũng loe". Tuy, ít nơi chính thức ban hành những "mệnh lệnh cấm đoán"; nhưng, nếu như các mệnh lệnh thường có giới hạn thì các "phong trào" lại không có điểm dừng, nhất là khi các đoàn viên "hồng vệ binh" được huy động để chống những "kiểu ăn mặc càn quấy" ấy. Nhiều nơi, những người mặc quần loe, để tóc dài đã bị các đoàn viên, có nơi bị công an, giữ lại dùng dao, kéo cắt quần, cắt tóc giữa đường (Theo Đặng Phong, Tư Duy Kinh Tế Việt Nam). Ông Phan Minh Tánh, Bí thư Đoàn Thanh niên Cách mạng miền Nam kể, khi ra Hà Nội ông thấy, ở cơ quan Trung ương Đoàn cũng có bảng "không tiếp thanh niên mặc quần loe để tóc dài".
[349] Mao không có râu còn đầu Lenin thì không có tóc.
[350] Tính đến cuối năm 1974, ở miền Nam Việt Nam có 258.514 xe, gồm: 35.384 xe vận tải nặng; 64.229 xe du lịch; còn các xe máy dầu, xe gắn máy 2-3 bánh thì không tính hết vì chính quyền miền Nam không buộc các xe dưới 49cc phải đăng ký. Chỉ riêng Sài Gòn năm 1974 đã có 599.215 xe gắn máy, 3.025 xe taxi, 1.270 xích lô máy, 5.348 xích lô đạp. Tổng số xe công của các cơ quan và các đoàn ngoại giao có trên toàn miền Nam đến năm 1974 là 973.624 xe.
[351] Sài Gòn Giải Phóng, 17-9-1975.
[352] Sài Gòn Giải Phóng, 7-10-1976.
[353] "Ngày 26-5-1976, trong cơn mưa bão tầm tã, đồng chí Võ Văn Kiệt, phó bí thư Thành ủy Đảng Lao động Việt Nam, chủ tịch Ủy ban nhân dân Cách mạng thành phố Hồ Chí Minh, đã đi xem cơ sở biến chế than quả bàng, nhằm giải quyết tốt vấn đề chất đốt cho nhân dân thành phố. Miền Nam trước kia rất dồi dào than củi. Nhưng từ khi đế quốc Mỹ tiến hành chiến xâm lược, bằng chính sách khai quang, dùng chất độc hủy hoại cây cối, khiến các rừng đước, rừng vẹt ở rừng Sác, Cà Mau, nơi cung cấp than củi cho nhân dân thành phố bị hủy diệt trên một quy mô rộng lớn, vấn đề chất đốt trở thành mối bận tâm lớn của nhân dân thành phố. Đồng bào phải dùng điện, dầu hôi hoặc hơi đốt để nấu ăn, như thế rất tốn kém. Hoặc phải dùng than hầm, củi của các rừng miền đông cũng rất đắt, lại thiếu vệ sinh. Đồng thời, cũng phí phạm rất nhiều cây gỗ, là nguồn tài nguyên quý báu của đất nước. Để giải quyết tình trạng trên, Đảng bộ và Ủy ban Thành phố đã chỉ thị cho các ngành chuyên môn phải khẩn trương nghiên cứu, tìm biện pháp giải quyết. Và lần đầu tiên, than quả bàng được phổ biến cho nhân dân dùng và được hoan nghinh như một loại chất đốt tiện lợi và tốt. Than quả bàng làm bằng than đá từ miền Bắc gởi vào, trộn với đất, rồi dùng máy ép lại cho chặt và phơi (hoặc sấy) khô. Trước hết, giá thành rất rẻ, chỉ bằng từ 1 phần tư đến 1 phần ba giá than củi trên thị trường. Một gia đình 5 người ăn, nấu 2 bữa cơm và 3 món thức ăn chỉ tốn mỗi ngày khoảng 1kg than quả bàng, trị giá độ 7 xu (tức 35 đồng tiền cũ)" (Sài Gòn Giải Phóng, 28-5-1976).
[354] Sài Gòn Giải Phóng, 7-10-1976.
[355] "Người xin đi đem giấy chứng nhận nhân khẩu thường trú và thẻ căn cước đến công an phường, xã; Làm một đơn trình bày lý do xin đi (mẫu đơn đã in sẵn xin tại văn phòng công an phường, xã); Làm một bản tự khai (mẫu in sẵn tại văn phòng công an phường, xã); Công an phường, xã xác nhận đơn và tờ khai chuyển lên công an quận, huyện xét cấp. Thời gian xét cấp chậm nhất là ba ngày". Đi các vùng biên giới, hải đảo, trên biển: "Người xin đi phải đem giấy chứng nhận nhân khẩu thường trú và thẻ căn cước đến công an phường, xã; Làm một đơn trình bày lí do xin đi (mẫu đơn in sẵn tại văn phòng công an phường, xã); Công an phường, xã xác nhận đơn và bản tự khai chuyển lên công an quận, huyện và chuyển lên Sở Công an thành phố xét cấp. Thời gian xét cấp sẽ được giải quyết trong vòng ba ngày". Đi các tỉnh phía Bắc: "Người đi đem giấy chứng nhận nhân khẩu thường trú và thẻ căn cước đến Công an phường, xã; Làm một đơn trình bày lí do xin đi; Làm một

bản tự khai (mẫu in sẵn tại văn phòng công an phường, xã); Công an phường, xã xác nhận đơn và bản tự khai chuyển lên công an quận, huyện xét duyệt cấp; Riêng đối với cán bộ, công nhân viên nhà nước chỉ cần có giấy phép và giấy giới thiệu của cơ quan (không phải làm đơn, không phải làm bản tự khai, đem tới Sở Công an thành phố sẽ được xép cấp)" (Sài Gòn Giải Phóng, 21-1-1977).
[356] Tuổi Trẻ, 3-2-1976.
[357] Trần Bạch Đằng nói: "Chúng ta quan niệm đẹp từ bản chất. Đó là luân lý dân tộc và đó cũng là quan điểm khoa học. Tuyệt đại đa số thanh niên chúng ta hiểu cái đẹp trong tư thế chiến đấu, trong động tác xung phong đánh giặc dũng cảm, trong tư thế đĩnh đạc trước hiểm nguy và trước mặt kẻ thù. Người ta có thể dựng tượng một thanh niên cắp lê phóng vào giặc Mỹ hoặc một thanh niên ưỡn ngực trước dùi cui của bọn cảnh sát ngụy nhưng không một nghệ sĩ nặn tượng nào hứng thú về một anh thanh niên tóc xấp xỏa ngang vai, quần áo nửa xanh nửa đỏ in đầy chữ quảng cáo pepsi cola, lái honda lượn nghinh ngang trên đường phố...". Ông Trần Bạch Đằng kết luận: "Luân lý của chế độ cũ nhồi nắn cho chúng ta cái ý thức làm ít hưởng nhiều, sự khôn ngoan là biết cách không làm gì hết mà vẫn sống phè phỡn, học hành cốt chọn một nghề gì ít mất sức nhất mà hưởng lợi nhiều nhất. Luân lý phản động ấy đã tạo cho một số thanh niên ghét nắng, kỵ mưa, mù sương không ưa… Giữ cái mịn màng của làn da hơn là giữ độc lập, tự do của dân tộc và phẩm giá, tiết trinh của chính bản thân" (Trần Bạch Đằng, luận về cái đẹp, lược ghi, đăng trên báo Tuổi Trẻ ngày 7-5-1976).
[358] Theo ông Võ Ngọc An, người phụ trách thời kỳ đầu của báo Tuổi Trẻ, hầu hết những bài báo "đánh tư sản mại bản", dạy dỗ "Ngụy quân, Ngụy quyền" mà các báo đăng đều được lấy từ những tài liệu do Ban Tuyên huấn soạn sẵn và cung cấp. Ban Tuyên huấn Miền đến năm 1976 vẫn còn hoạt động, Trưởng Ban là ông Nguyễn Văn Linh và Phó Ban là ông Trần Bạch Đằng.
[359] Xem Nhật ký Lý Mỹ, chương III - Đánh tư sản.
[360] Theo Kim Hạnh, nguyên cán bộ Hội, tổng biên tập Tuổi Trẻ (1981-1991).
[361] Theo ca sỹ Khánh Ly.
[362] Dương Đình Thảo, trả lời phỏng vấn tác giả.
[363] Bác sỹ Vũ Quần Phương được đào tạo trên miền Bắc, nhưng ông không phải là đảng viên vì có một người chú ruột di cư vào Nam.
[364] Nguyên văn "the road to hell is paved with good intentions", bắt nguồn từ câu viết nổi tiếng *L'enfer est plein de bonnes volontés et désirs* của Thánh Bernard xứ Clairvaux

[365] Trao đổi với tác giả qua email.
[366] Tên thật của nhà thơ Thận Nhiên.
[367] Mãi tới năm 2009 Đỗ Trung Quân mới công bố bài thơ này trên blog.
[368] Chỉ thị 222 ngày 17-6-1975 của Ban Bí thư.
[369] Trong Chỉ thị 222, Tố Hữu viết: "Trước hết, chúng ta cần nhận thức đầy đủ và sâu sắc rằng thầy giáo và học sinh ở các trường đại học và chuyên nghiệp ở miền Nam là những người con của dân tộc Việt Nam, là nạn nhân của một nền giáo dục nô dịch và phản động của Mỹ và tay sai, chúng ta phải có trách nhiệm giáo dục đầy đủ để họ nhanh chóng trở thành những người công dân trí thức yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội".

[370] Ông Phan Lạc Phúc viết: "Khi tôi đi cải tạo con gái út tôi mới có năm tuổi. Khi tôi về nó đã mười lăm tuổi bắt đầu thiếu nữ. Các chị nó "vượt biên" hết cả chỉ còn nó ở lại với "mẹ cháu" đợi tôi. Khi tôi về, nó theo tôi đi chơi tha thẩn. Ở Hóc Môn nó không có bao nhiêu bạn. Nó theo tôi lên Sài Gòn chơi với Tr. T. con gái Thanh Tâm Tuyền, hay "đi chợ" với chị Ch. con gái bác Hà Thượng Nhân. Thôi thì bố chơi với bố, con chơi với con cũng là phải đạo. Chưa được gặp nhưng con tôi nó muốn gần chị G., con gái đầu của Tô Thùy Yên. G. học thật giỏi. Trong một xã hội Xã hội Chủ nghĩa (không có giai cấp) nhưng khi thi vào đại học có 15 thứ hạng. Ưu tiên hạng 1,2,3 thuộc gia đình cách mạng hay "chính sách" thì, thi 3 bài từ 7 điểm trở lên đã được "chiếu cố" vô Đại học rồi. Con gái "ngụy quân" như chúng tôi đứng hạng thứ 14 áp chót (hạng chót là gia đình phản động, phản cách mạng). Khi bố đi tù cải tạo về rùi thì lại lên được một hạng, hạng 13. Con gái ngụy quân muốn vô Đại học phải đạt 21 điểm, gấp 3 số điểm gia đình chính sách thì mới vô đại học được" (Phan Lạc Phúc, Bạn Bè Gần Xa, Nhà Xuất bản Văn Nghệ, 2002, tr 420-421).
[371] Nhật ký Nguyễn Mạnh Huy.
[372] Thư bạn đọc Nguyễn Kỳ Tâm viết: "Khi giải phóng, tôi vừa 17 tuổi. Trong cái nô nức, hồ hởi của những người chung quanh, tôi cũng thấy lòng mình rộn lên bao niềm tự hào, hãnh diện. Tôi trở về Sài Gòn tiếp tục học để thi vào đại học. Tôi tham gia những hoạt động thanh niên, và chính nơi đây, trong những buổi sinh hoạt, qua những câu chuyện, sách báo... tôi dần dần thấy ra vấn đề lý lịch của mình. Rồi tôi rớt đại học. Tôi xin vào làm tại một số cơ quan nhà nước, nhưng chờ mãi cũng chưa thấy nơi nào trả lời. Gần hai năm rồi tôi vẫn cứ là cảm tình Đoàn, và nhiều sự việc khác cứ làm tôi suy nghĩ... Tuổi Trẻ ơi, phải chăng tương lai của chúng tôi coi như chấm dứt, xã hội mới sẽ không có chỗ đứng nào cho những người như chúng tôi? Có phải số phận đen đủi với cái lý lịch quái ác sẽ đưa tôi ra ngoài rìa xã hội? Mà tôi có ao ước gì cao xa đâu. Chỉ muốn sống và công tác bình thường mà không bị nghi kỵ, thành kiến".
[373] Năm 1978, Luật sư Trần Văn Tuyên, một trí thức nổi tiếng, có cô con gái thi đậu đại học nhưng không được học. Các trí thức Sài Gòn phản ứng nhưng không ai dám giải quyết vì đấy là nguyên tắc. Nhờ ông Kiệt can thiệp, con gái của Luật sư

Trần Văn Tuyên, không những được vào đại học mà còn được đi du học tại Liên Xô.
[374] Ông Võ Văn Kiệt nhấn mạnh"hậu quả của chính sách độc hại nhất của nước Mỹ", rồi phê phán: "Một tâm lý xã hội tiêu thụ cực đoan đã giết chết thói quen và tinh thần yêu lao động cố hữu của dân tộc. Trong mọi vết thương của chiến tranh, chính vết thương tinh thần đó là khó chữa nhất". Ông kêu gọi: "Trong những năm chiến đấu,… có bạn trẻ nào không xúc động với câu hát: 'Nếu là người tôi sẽ chết cho quê hương?' Quê hương hôm nay không đòi hỏi mỗi người tuổi trẻ phải chết. Đất nước vĩnh viễn độc lập, tự do rồi. Quê hương đòi hỏi anh phải sống và sống cho ra sống. Câu hát đó ta nên sửa lại là: 'Nếu là người tôi phải sống cho quê hương'. Sống là chia sẻ ngọt bùi với nhân dân. Sống không phải ăn bám mà là lao động".
[375] Về sau Trần Ngọc Châu trở thành Tổng thư ký tòa soạn báo Tuổi Trẻ, Phó TBT Thời báo Kinh Tế Sài Gòn.
[376] Nhà văn viết chuyện thiếu nhi.
[377] Cha Nguyễn Nhật Ánh phải cải tạo từ 1975-1982.
[378]Trong bài phát biểu này, ông Võ Văn Kiệt đã nêu những ví dụ: "Ở một đại đội có hai đồng chí gàn bướng nhất đơn vị, không biết nội quy kỷ luật là gì, đánh lộn gây gỗ là thường xuyên, thì nay đã là cá nhân xuất sắc của Đại hội, một đồng chí là tiểu đội trưởng, một đồng chí là tiểu đội phó của đơn vị. Có đồng chí trước đây xâm tay xâm mình, đã lấy thanh sắt hoặc đũa nướng xóa đi những vết xâm đó, thà rằng mang thẹo còn hơn".
[379] Theo phát biểu của ông Võ Văn Kiệt ngày 3-3-1977: "Có người xuất thân từ công nhân, ở đợ, văn hóa chưa làm được toán trừ thì nay đã là đại đội trưởng, liên đội phó xuất sắc, giỏi về công tác chính trị và cả về quản lý, kỹ thuật. Có người trước đây chuyên buôn bán chợ trời, thì nay trở thành cán bộ, giáo viên văn hóa. Có đại đội với ngót 40% thanh niên là binh lính thuộc chế độ cũ và lưu manh, xì ke ma túy, sau sáu tháng phấn đấu đã bình, tuyển được gần tám mươi cá nhân tiên tiến, xuất sắc và biểu dương. Nhiều anh em trước đây không biết chữ, nay vào thanh niên xung phong đã biết chữ".
[380] Cách nói chỉ những người không thuộc sự quản lý của một cơ quan nhà nước hoặc tổ chức chính trị nào.
[381] Tiểu thuyết Trăm Sông Về Biển của Nguyễn Đông Thức là dựa trên câu chuyện có thật này.
[382] Tổng tập Lê Duẩn, Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia, 2002, trang 933.
[383] Lâm Văn Tết (1896-1982) là một trí thức có uy tín lớn ở miền Nam. Gia đình ông là một đại điền chủ ở Bạc Liêu. Từ năm 1943, ông Lâm Văn Tết hoạt động chống Pháp nhưng thân Nhật. Ông từng ủng hộ Việt Minh nhưng sau đã bỏ về thành vì không tán thành cộng sản. Dưới thời Ngô Đình Diệm, ông chống lại sự can thiệp của Mỹ và khi ông Diệm bị lật đổ, Lâm Văn Tết được mời làm phó chủ tịch Thượng Hội đồng Quốc gia, một cơ quan giống như thượng viện (nhưng không do dân bầu). Từ năm 1965, khi ông bày tỏ sự bất mãn trước việc quân Mỹ được đưa tới miền Nam, cán bộ trí vận đã vận động được ông bỏ thành theo Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam.
[384] Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 36, Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia 2004, trang 182.
[385] Các tuyên bố quan trọng của Mặt trận đều do Ban Bí thư chuẩn bị từ Hà Nội rồi chuyển vào cho Trung ương Cục. Trong bức điện số 598 ngày 30-4-75, Ban Bí thư gửi Trung ương Cục, viết: "Ngoài này đang chuẩn bị tuyên cáo của Chính phủ Cách mạng Lâm thời. Khi làm xong sẽ điện vào các anh góp thêm ý kiến" (Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 36, Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia 2004, trang 180). Ban Bí thư làm việc chi tiết đến mức, ngay trong ngày 30-4-1975, đã gửi "Điện 597" hướng dẫn: "Bình thường, thì treo một cờ Chính phủ Cách mạng, những ngày lễ lớn thì treo thêm cờ đỏ sao vàng. Trước mắt, vào Sài Gòn treo một cờ miền Nam, đến ngày mừng chiến thắng chung hãy treo hai cờ" (trang 179).
[386] Theo Bộ trưởng Ngoại giao Chính phủ Lâm thời Cộng hòa Miền Nam Việt Nam Nguyễn Thị Bình: "Vấn đề chính trị nổi lên lúc này là nên thống nhất về mặt hành chính nhà nước vào thời gian nào? Có ý kiến cho rằng việc thống nhất hoàn toàn đất nước là không có gì phải bàn cãi vì là nguyện vọng sâu xa của toàn dân trên cả hai miền. Độc lập và thống nhất là mục tiêu cơ bản của cuộc đấu tranh trong mấy chục năm liền của dân tộc. Nhưng có nên duy trì trong một thời gian hai chính quyền với những chế độ chính trị khác nhau, miền Bắc là xã hội chủ nghĩa, còn miền Nam là chế độ dân tộc, độc lập, trung lập theo cương lĩnh của Mặt trận Dân tộc Giải phóng Miền Nam? Như vậy là để miền Nam có thể tranh thủ sự viện trợ và hợp tác rộng rãi không những của các nước xã hội chủ nghĩa, các nước dân tộc mà cả các nước và tổ chức tư bản. Sau cùng, ý kiến nhất trí cho rằng nên thực hiện thống nhất đất nước hoàn toàn về các mặt càng sớm càng tốt. Tôi đã giơ tay tán thành" (Nguyễn Thị Bình, Hồi ký, Nhà Xuất bản Tri Thức 2012, trang 189).
[387] Theo nhà báo, cựu dân biểu Hồ Ngọc Nhuận.
[388] Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 36, Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia 2004, trang 163.
[389] Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 36, Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia 2004, trang 223.
[390] Chữ R có thể xuất xứ từ chữ Ré-gion tiếng Pháp.
[391] Lúc ấy là phó bí thư Sài Gòn - Gia Định.
[392] Bí thư Lê Duẩn nói: "Tôi đi vào trong đó xem, họ có cái máy trộn nhựa đường, cho đá vào, họ bảo trộn như thế ngay lập tức có thể tráng được 100 lần[?]. Còn ta thủ công, ngồi ngay ngoài đường làm, không được bao nhiêu cả… Tại sao người thợ ở ngoài này không bằng người thợ ở trong kia? Mình trả lời sao? Anh là chủ nghĩa xã hội mà tại sao anh lại không bằng được trong kia, anh trả lời làm sao?... Tại sao chúng nó là tư bản, chúng nó bóc lột rất dữ mà năng suất vẫn cao?". Rồi ông trả lời: "Vì tư bản đã đi đúng theo quy luật của tư bản, nó bóc lột nhưng mà vẫn tiến lên. Còn ta là chủ nghĩa xã hội nhưng ta đã chưa đi đúng theo quy luật xã hội chủ nghĩa của ta. Đúng mặt này nhưng chưa đúng mặt kia, cho nên ta cứ chập chờn mãi, chòng chành mãi". Ông Lê Duẩn nói tiếp: "Anh Năm[Trường Chinh] có đề nghị với tôi rằng ở miền Bắc cũng cứ cho những người thợ thủ công làm chủ một số công nhân, cứ cho họ làm đi, chứ không phải chỉ riêng miền Nam đâu. Tôi cho

rằng cũng nên làm việc này, cho tự do phát triển… Bộ Chính trị sau khi nghiên cứu thấy rằng cần phải để mấy thành phần kinh tế là quy luật cần thiết trong giai đoạn bước đầu này... Ở miền Bắc trước đây phải hợp tác hoá ngay lập tức… Nhưng miền nam bây giờ không thể làm như vậy được. Miền Nam bây giờ nếu anh không để cho giai cấp tư sản phần nào đấy, mà nông dân thì phần nào hóa tư sản rồi, anh mà làm sai đi thì công nông không liên minh được đâu. Phải có tư sản, phải cho nó phát triển phần nào đã. Phải để kinh tế mấy thành phần thì nông dân mới theo ta, liên minh mới chặt chẽ được. Bây giờ nông dân ở miền nam họ làm rất khá. Bắt hợp tác hoá là không đúng, năng suất thấp xuống thì hỏng hết cả, nó sẽ không theo giai cấp vô sản nữa, không thống nhất được đâu"(Lê Duẩn phát biểu tại Hội nghị Trung ương 24, lưu trữ tại Văn phòng Trung ương, VK.36.42).

[393] Ngày 13-8-1975, Bí thư thứ nhất Lê Duẩn nói: "Bây giờ nói đến thống nhất đã. Chúng ta đồng tình thống nhất ngay bây giờ đây, đồng tình cả rồi đấy. Nhưng tôi nghĩ, vấn đề này cũng là một vấn đề rất quan trọng: có nội dung lịch sử của nó cơ; có nội dung chính trị, kinh tế, xã hội của nó cơ… Các đồng chí hôm qua nói, thắng lợi trọn vẹn nhất, chữ trọn vẹn ấy, tôi hiểu khác các đồng chí, trọn vẹn nhất có nghĩa là ba mươi năm nay từ khi có Đảng đến giờ, ta xây dựng được một nước Việt Nam Độc lập Xã hội Chủ nghĩa. Độc lập và chủ nghĩa xã hội, trọn vẹn là cái đó cơ" (Lê Duẩn phát biểu tại Hội nghị Trung ương 24, lưu trữ tại Văn Phòng Trung ương, VK.36.42).

[394] Nghị quyết Trung ương 24, khóa III, 1975.

[395] Mật danh của chiến dịch "Đánh tư sản" tháng 9-1975.

[396] Nghị quyết Hội nghị Trung ương 24, khóa III: "Phải xoá bỏ tư sản mại bản bằng cách quốc hữu hóa cơ sở kinh tế của họ, biến thành sở hữu toàn dân do nhà nước quản lý. Đối với kinh tế tư sản dân tộc, thực hiện cải tạo xã hội chủ nghĩa bằng hình thức công tư hợp doanh, bắt đầu từ những cơ sở sản xuất kinh doanh quan trọng. Cho phép tư sản dân tộc tồn tại và kinh doanh một số ngành nghề nhất định phù hợp với quốc kế dân sinh, với số công nhân hạn chế, dưới sự chỉ đạo của nhà nước và sự giám sát của công nhân" (Lê Duẩn phát biểu tại Hội nghị Trung ương 24, lưu trữ tại Văn Phòng Trung ương, VK.36.42).

[397] Ngày 1-9-1975, Thường Vụ Trung ương Cục đã làm việc với Thành uỷ Sài Gòn-Gia Định để thông qua kế hoạch "Chiến dịch X2". Mở đầu, ông Nguyễn Văn Trân, phổ biến: "Sau chiến thắng, chúng ta phải tiếp tục đưa cách mạng Miền Nam đi lên. Trước khi tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, ta phải xác định tồn tại trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ là phải đấu tranh xoá bỏ giai cấp tư sản, giai cấp bóc lột, trước hết là giai cấp tư sản mại bản. Chúng ta đã khẳng định đối tượng của cách mạng như trên thì không bao giờ có ý kiến khác". Bí Thư Đảng ủy Đặc biệt Võ Văn Kiệt nói thêm: "Bộ Chính trị đã nhất trí với Trung ương Cục và chỉ đạo chúng ta đánh dứt điểm tư sản mại bản như anh Trân đã trình bày. Bộ Chính trị chỉ thị cho chúng ta thêm: Phải đánh và đánh sớm". Chủ trì buổi làm việc, Phó Bí thư Trung ương Cục Nguyễn Văn Linh, kết luận: "Bước sang giai đoạn mới tiến lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải thanh toán hết giai cấp tư sản. Có nhiều cách thanh toán giai cấp tư sản và nhiều lý do: phải đi vào nhiệm vụ mới, do sự cấp bách phải ổn định tình hình đời sống nhân dân, ổn định sản xuất. Trước mắt phải đánh vào toàn bộ giai cấp tư sản mại bản. Đối với giai cấp tư sản thường [tư sản dân tộc], thì ta có biện pháp để họ làm ăn nhưng phải cải tạo họ. Đợt đầu ta tập trung đánh một số, 60 tên, nhưng cần nghiên cứu sắc lại hơn nữa. Cần nắm đầu sỏ trực tiếp các ngành quan trọng vì nếu không đánh nó sẽ tác động thị trường. Nói đánh 60 tên nhưng thực tế sẽ lan ra cả ngàn tên" (Biên bản cuộc làm việc giữa Thường vụ Trung ương Cục với Thành ủy Sài Gòn-Gia Định ngày 1-9-1975).

[398] Trả lời phỏng vấn tác giả ngày 17-12-2004.

[399] Bộ trưởng Kế hoạch và Đầu tư 1992-1997.

[400] Trả lời phỏng vấn tác giả năm 2004.

[401] Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng 1982-1985.

[402] Trả lời phỏng vấn tác giả năm 2004.

[403] Theo ông Trần Phương: "Trong một dịp nghỉ dưỡng bệnh dài ngày, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đề nghị tôi giúp ông hiểu lại toàn bộ hệ thống kinh tế học của Marx trong bộ Tư Bản mà trước đó ông đã đọc. Từ đó, tôi dành một tuần hai buổi lên nhà ông để trình bày có hệ thống từ quyển I cho đến quyển IV, thời gian 'giảng dạy' kéo dài khoảng sáu tháng. Sau đó, ông Giáp có giới thiệu với ông Phạm văn Đồng nên ông Đồng lại mời tôi mở lớp. Lê Duẩn thì khác, ông không yêu cầu tôi giảng giải, ông muốn tự đọc. Chỗ nào cần thì ông trao đổi trực tiếp với tôi. Trên cơ sở đó, nhiều khi ông còn đi giảng giải ở trường Nguyễn Ái Quốc, ở các cơ quan về các tư tưởng kinh tế của Marx" (Đặng Phong, Tư Duy Kinh Tế Việt Nam, Nhà Xuất bản Tri Thức 2008, trang 20).

[404] Trả lời phỏng vấn tác giả.

[405] Nhân Dân, 1-6-1958.

[406] Năm 1945, mặc dù ở Hà Nội, Liên Xô có đại diện, nhưng người của Stalin chỉ đến gặp Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để tìm hiểu về những công dân Liên Xô trong quân đội Pháp-Nhật chứ không có cuộc gặp gỡ ngoại giao nào. Điện của Hồ Chí Minh gửi Stalin năm 1945 cũng không hề được ông ta trả lời. Năm 1947, trong một chuyến thăm Châu Âu, Phạm Ngọc Thạch tìm cách liên lạc với Liên Xô và đã gặp được đại diện Liên Xô tại Thụy Sĩ. Tháng 12-1947, ông Thạch gửi thư đề nghị giúp đỡ tới Moscow. Nhưng ông đã phải về tay không. Đầu năm 1948, Hoàng Văn Hoan, một nhà lãnh đạo từng gắn bó với Hồ Chí Minh từ thập niên 1920, cũng từ Trung Quốc đến Thái Lan, sử dụng các mối quan hệ trong Ban Cán sự Hải ngoại của Đảng để liên lạc với các quốc gia cộng sản nhưng cũng không đạt kết quả.

[407] Theo Trần Dân Tiên, Những Mẩu Chuyện về Đời Hoạt Động Của Hồ Chủ Tịch, xuất bản năm 1948.

[408] C.E.Goscha, 2006.

[409] Năm 1924, trong "Thư gửi đồng chí Pêtrôp, Tổng thư ký Đông Phương Bộ", Nguyễn Tất Thành, khi ấy đã lấy tên Nguyễn Ái Quốc, viết: "Đấu tranh giai cấp ở phương Đông không giống Phương Tây, chủ nghĩa Marx xây dựng cơ sở lịch sử của mình ở châu Âu, mà châu Âu không phải là toàn thế giới". Nguyễn Ái Quốc cũng đề nghị: "Cần bổ sung chủ nghĩa dân tộc, một động lực của lòng yêu nước, vào chủ nghĩa Mác". Nguyễn Ái Quốc khi đó chủ trương "đoàn kết các tầng lớp yêu nước, tiến hành chống đế quốc trước - để giải phóng dân tộc; đồng thời hạn chế sự bóc lột của phong kiến, thành lập chính quyền cộng hòa dân chủ nhân dân, thay vì lập chính phủ chuyên chính vô sản". Những ý kiến trên đây của Nguyễn Ái Quốc trái với những luận điểm của Quốc tế Cộng sản, đứng đầu là Stalin. Hậu quả là ông đã bị Stalin "hạn chế giao lưu với các đối tượng khác". Năm 1925, khi Nguyễn Ái Quốc trở về Châu Á, Quốc tế Cộng sản đã không cấp cho ông giấy giới thiệu với Đảng Cộng sản Trung Quốc, với Quốc dân Đảng của Tôn Dật Tiên, không cung cấp tài chính để ông đi đường và sinh sống.

[410] Ngày 14-7-1949, Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 78/SL, buộc "Các chủ điền phải giảm tô cho tá điền từ 25% đến 35%; lấy ruộng đất của điền chủ người Pháp và người Việt bị ghép tội Việt gian chia cho nông dân". Ngày 22-5-1950, ông ký Sắc lệnh số 89/SL: "Xóa bỏ hợp đồng vay nợ giữa chủ điền và tá điền trước 1945, nếu món nợ sau 1945 thì chỉ phải trả vốn mà không phải trả lãi". Ngày 20-4-1953, ký "Sắc lệnh Giảm tô", bằng cách "Giảm thêm giá thuê đất 25%, để tổng số phí tổn của tá điền không quá 1/3 hoa lợi".

[411] Báo cáo của Hồ Chí Minh xác định: "Mục đích cải cách ruộng đất là: tiêu diệt chế độ phong kiến chiếm hữu ruộng đất, giải phóng nông dân, thực hiện người cày có ruộng, bồi dưỡng nông dân, phát triển sản xuất, đẩy mạnh kháng chiến. Phương châm là: làm cho nông dân tự giác tự nguyện đấu tranh giành lại quyền lợi của mình, dùng lực lượng nông dân để giải phóng nông dân. Phương pháp là: phóng tay phát động quần chúng nông dân; tổ chức giáo dục và lãnh đạo quần chúng nông dân đấu tranh. Phải dựa hẳn vào quần chúng nông dân, đi đúng đường lối quần chúng. Tuyệt đối chớ dùng cách ép buộc, mệnh lệnh, bao biện, làm thay. Đường lối chính sách chung là: dựa hẳn vào bần cố nông, đoàn kết chặt chẽ với trung nông, liên hiệp với phú nông; tiêu diệt chế độ bóc lột phong kiến từng bước và có phân biệt. Phát triển sản xuất, đẩy mạnh kháng chiến…".

[412] Trong Nội San Cải Cách Ruộng Đất số ra ngày 25-2-1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Nhục hình là lối dã man, là cách của đế quốc, tư bản, phong kiến, nó dùng để trị quần chúng, trị cách mạng. Chúng ta có cuộc sống đúng, có lý lẽ đúng, có lực lượng mạnh, sao mà còn phải làm một cách dã man? Dùng nhục hình là chưa tẩy sạch tư tưởng dã man, đầu óc phong kiến đế quốc. Phải dùng nhục hình là vì không chịu khó phát động quần chúng. Vì vậy tuyệt đối không được dùng nhục hình, nếu dùng nhục hình là trái chính sách của Đảng, của Chính phủ, trái tác phong của cách mạng… Đánh người ta đau quá thì không có người ta cũng phải nhận là có. Như thế là cán bộ đã tự mình lừa mình. Từ nay các cô, các chú phải kiên quyết sửa chữa khuyết điểm này". Tháng 10-1956, Bộ Chính trị thừa nhận: "Do tư tưởng chỉ đạo tả khuynh, tác phong đại khái, quan liêu, độc đoán, trấn áp, cho nên việc đánh địch càng đi tới càng mất phương hướng, đánh tràn lan, đánh vào địch và đánh cả vào hàng ngũ của ta, quy bức nhục hình phổ biến… Coi tổ chức của Đảng, coi tổ chức cũ của chính quyền và của quần chúng là do địch lũng đoạn, nên đã khủng bố tàn khốc những người nông dân vô tội, đả kích mù quáng vào đảng viên và cán bộ cốt cán của Đảng, chính quyền và đoàn thể quần chúng".

[413] Báo cáo của Bộ Chính trị năm 1956 kết luận: "Do phương châm và phương pháp đều sai lầm, truy bức và nhục hình phổ biến, nên trong việc chỉnh đốn chi bộ, đã đả kích tràn lan vào nội bộ Đảng, giải tán chi bộ bừa bãi, bắt bớ và xử trí cả những đảng viên tốt, xử bắn lầm một số bí thư chi bộ hay chi ủy viên có nhiều công lao với Đảng. Trong số 8.829 đảng viên bị xử trí ở Tả Ngạn thì 7.000 thuộc thành phần nông dân lao động và thành phần lao động khác. Ở Hà Tĩnh thì hầu hết các chi bộ xã bị kết luận sai là do phản động lũng đoạn. Có nơi chi bộ nào tốt nhất thì bị đàn áp nặng nhất, đảng viên nào tốt nhất thì bị xử trí nặng nhất. Nhiều chi bộ có công lớn trong kháng chiến đã bị coi là chi bộ phản động, bí thư và chi ủy viên bị hình phạt: tù hoặc bắn". Báo cáo năm 1956 của Bộ Chính trị viết tiếp: "Chỉnh đốn trên thực tế là một cuộc trấn áp dữ dội bằng những thủ đoạn tàn khốc và trên một quy mô lớn đối với tổ chức Đảng ta ở nông thôn. Ở cấp huyện và tỉnh, tổng số bị xử trí là 720 cán bộ và nhân viên, tỷ lệ là 21%. Nhưng nếu lấy cán bộ từ cấp ty trở lên thì tổng cộng có 284 người, số bị xử trí lên 105 người. Tỉnh uỷ viên tại chức dự chỉnh đốn 36 người, thì bị xử trí 19 người, tỉnh uỷ viên cũ dự chỉnh đốn là 61 người thì bị xử trí 26 người, ủy viên ủy ban hành chính tỉnh dự chỉnh đốn 17 người thì bị xử trí 15 người. Riêng Hà Tĩnh, trong 19 tỉnh uỷ viên, công an hoặc huyện đội thì tất cả bị quy là phản động, gần đây kiểm tra lại thì nhận thấy tất cả đều bị quy sai. Hàng vạn đảng viên tốt bị thanh trừng, hàng nghìn bị bắt, một số đảng viên có nhiều công lao bị xử oan, phải chịu những nhục hình rất tàn khốc dã man… dùng quần chúng để vạch tội đảng viên cũ, dùng truy bức nhục hình đối với đảng viên, giao cho cán bộ của đội không phải là đảng viên làm nhiệm vụ xử trí đảng viên…, sai lầm nghiêm trọng và vô nguyên tắc, vi phạm những quyền tự do cá nhân của người công dân, đem phương pháp đấu tranh với kẻ địch mà tiến hành đấu tranh trong nội bộ…".

[414] Trong thời hạn đình chiến 300 ngày để hai miền chuyển quân theo Hiệp định Geneve, khoảng 140.000 bộ đội và cán bộ cộng sản và gia đình đã tập kết ra Bắc; chỉ có 4.358 dân thường hồi cư, một số là phu đồn điền gốc Bắc vào Nam đã lâu, một số mới di cư vào tới nơi thì đổi ý… Trong khi đó, theo thống kê của Phủ Tổng ủy Di cư Tị nạn của Chính quyền Sài Gòn, có tới 950.000 người dân miền Bắc di cư vào Nam: 871.533 người đi trước ngày 19-5-1955; 3.945 người đi trong thời gian gia hạn; 76.000 người khác đã dùng thuyền hoặc đi đường bộ xuyên rừng qua Lào để vào Nam sau khi thời hạn tự do đi lại giữa hai miền chấm dứt.

[415] Khi ấy là chuyên viên của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.
[416] Hội nghị quốc tế lần thứ II, còn gọi là "Hội nghị 81 đảng", họp vào tháng 11-1960. Đoàn Việt Nam do Bí thư thứ Nhất Lê Duẩn dẫn đầu đến Moscow. Sau khi ông trở về, báo Nhân Dân ngày 7-12-1960 đăng xã luận: "Trong ba năm qua, Đảng ta luôn luôn tỏ ra tuyệt đối trung thành với Bản tuyên bố năm 1957. Từ nay về sau, cũng như đối với Bản tuyên bố năm 1957 trước đây, Đảng ta nguyện triệt để ủng hộ và tuân theo bản tuyên bố mới, coi đó là vũ khí sắc bén của mình để tăng cường lực lương về mọi mặt, và tiến lên giành những thắng lợi mới".
[417] Đặng Phong, 2008, trang 51.
[418] Như Hoàng Tùng, Trần Quỳnh, Đào Duy Tùng, Nguyễn Cơ Thạch, Đoàn Trọng Truyến, Nguyễn Đức Bình, nguyễn Khánh, Nguyễn Vịnh, Trần Quỳnh, Trần Phương, Đậu Ngọc Xuân,…
[419] Nguyễn Thụy Nga, 2000, trang 44.
[420] Nguyễn Thuỵ Nga, 2000, trang 41-42.
[421] Sđd, trang 42.
[422] Sđd, trang 43.
[423] Nguyễn Thụy Nga, 2000, trang 63.
[424] Ông Năm Hoành bị kết án tám năm tù, bị đưa đến một nhà lao dã chiến ở Pleiku. Nhưng chỉ mấy tháng sau, ông cùng gần 100 người tù khác vượt trại, trốn thoát sang Campuchia. Năm Hoành ở lại Campuchia cho đến năm 1963. Tại đây, ông biết tin Lê Duẩn đã an toàn ra Bắc. Năm 1964, khi đang ở căn cứ Trung ương Cục, Năm Hoành nhận được một bức điện của "anh Ba" Lê Duẩn: "Anh rất mừng được tin chú thoát khỏi trại giam của giặc và chiến thắng trở về. Mong chú mau hồi phục sức khỏe để công tác tốt" (Tổng tập Lê Duẩn, Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia, 2002, trang 925). Tháng 6-1971, Năm Hoành được đưa ra Bắc, chỉ vài hôm sau khi ông về nhà khách K5B ở Quảng Bá, ông Lê Duẩn cho xe đến đón về nhà riêng ở số 6 Hoàng Diệu, ông Năm Hoành kể: "Tôi vừa đẩy cổng bước vào thì anh Ba ôm chầm lấy tôi, nói, 'Chú còn sống! Thế mà khi chú bị bắt anh cứ nghĩ là chúng sẽ giết chú" (trang 926).
[425] Ủy viên Trung ương Khóa III.
[426] Trong thập niên 1990 là phó bí thư thường trực Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.
[427] Ngày 15-5-1955, bà Lê Thị Sương viết thư cho bà Nga: "Thân gửi dì Nga! Trong năm có nhận được thư dì và cậu cháu Hãn (tức ông Lê Duẩn), vì một phần trong người ốm đau, một phần bực một vài ý kiến trong thư dì, nên cậu (cha ông Lê Duẩn) và tôi cũng có ý trách dì. Nhưng hôm nay nhận được thư dì và chị Ái, thấy dì đã nhận được lỗi lầm. Và chị Ái cũng nói hộ thêm, vì hoàn cảnh lợi ích cách mạng mà đoàn thể đặt vấn đề, tôi và cậu lấy làm thương dì lắm. Tôi rất cảm ơn dì đã tích cực giúp đỡ cậu cháu Hãn trong khi xa gia đình, xa tôi. Hôm nay cậu cũng nhận dì là người trong gia đình và tôi thành thật xem dì như một người em, dì đừng thắc mắc nữa mà tổn hao sức khỏe" (Nguyễn Thụy Nga, trang 76).
[428] Nguyễn Thuỵ Nga, 2000, trang 83.
[429] Sđd, trang 86.
[430] Sđd, trang 127.
[431] Sđd, trang 132.
[432] Nguyễn Thuỵ Nga, 2000, trang 132.
[433] Stalin là nhân vật mà Lenin đã nhiều lần tỏ ra quan ngại nếu quyền lãnh đạo Đảng rơi vào tay ông ta. Nhưng, khi Lenin mất, Trosky thì đang đi xa. Ở Moscow, Stalin bí mật chuẩn bị tang lễ và chuẩn bị một bài diễn văn mà khi đọc lên đã khiến cho công chúng nghĩ Stalin chính là người mà Lenin gửi gắm.
[434] Giáo sư Trần Phương, khi trả lời phỏng vấn tác giả, đã cho rằng: "Những quyết định của ông Lê Duẩn cho dù hậu thế đánh giá thế nào thì cũng đều là những cố gắng sáng tạo từ sự nung nấu trong tư duy, là những sản phẩm của một bộ óc luôn luôn trăn trở, đầy trách nhiệm, đầy lo toan cho lợi ích của Đảng, của nước, và của dân".
[435] Theo Giáo sư Trần Phương: "Nghị quyết Đại hội IV đã được anh Lê Duẩn chuẩn bị từ năm 1969. Trong vòng gần một năm trời, anh Lê Duẩn đã tập hợp một số chuyên gia như Hoàng Tùng, Trần Quỳnh, tôi, Đậu Ngọc Xuân, Đống Ngạc, Đào Duy Tùng, Nguyễn Khánh và có lúc xuất hiện Nguyễn Đức Bình, rồi đưa xuống Đồ Sơn. Tại đây, anh Lê Duẩn phác ra ý tưởng, bọn này chất vấn, thảo luận hoặc đồng tình. Khi viết gần xong, anh bảo: "Khoan đã, chờ kết thúc cuộc chiến thế nào đã". Việc chuẩn bị vì thế tạm ngưng vào năm 1970. Đến 1973-1974 công việc lại được khởi động lại, đến năm 1975 thì hoàn chỉnh".
[436] Lược ghi phát biểu của Lê Duẩn tại Hội nghị Trung ương 25, Văn Kiện Đảng toàn tập, Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia, tập 37-1976, trang 350.
[437] "Nắm vững chuyên chính vô sản, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, tiến hành đồng thời ba cuộc cách mạng: cách mạng quan hệ sản xuất, cách mạng khoa học kĩ thuật, cách mạng văn hóa tư tưởng, trong đó cách mạng khoa học kỹ thuật là then chốt; đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ…".
[438] "Một nước nhỏ, đánh với một đế quốc to, giàu mạnh và ngoan cố, cầm đầu phe đế quốc như Mỹ, [lại] trong điều kiện phe ta mất đoàn kết nghiêm trọng, mà đã giành được thắng lợi hoàn toàn, trọn vẹn và triệt để thì thật lạ lùng. Thắng lợi vĩ đại của ta trong sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước là một điều hết sức bất ngờ với kẻ thù. Thế giới khâm phục và ngạc nhiên lắm" (Văn Kiện Đảng Toàn Tập, Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia, tập 36-1976, trang 334).
[439] Phát biểu của Lê Duẩn, Văn Kiện Đảng Toàn Tập, Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia, tập 37-1976, trang 379.
[440] Khẩu hiệu của Tỉnh Nghệ Tĩnh

[441] Tỉnh ghép: Nghệ An-Hà Tĩnh.
[442] Nhạc sỹ Nguyễn Văn Tý, tác giả của các bài "địa phương ca" được đưa đến Quỳnh Lưu để viết một ca khúc mà cuối thập niên 1970, gần như trên hệ thống phát thanh, ngày nào cũng được cặp song ca tài danh Kiều Hưng-Thu Hiền hát đi hát lại: "Ai đi qua Nghệ Tĩnh / Mà không dừng Quỳnh Lưu / Đời hôm nay rộng mở / Xa bát ngát chân trời / Mảnh vườn xưa ngăn chia / Đèn nhà ai nấy rạng / Ruộng đồng xưa phân chia / Chắn tầm xa phóng khoáng…".
[443] Giáo sư Phạm Như Cương kể: "Tư tưởng làm chủ tập thể… được sử dụng như một rường cột cho mọi quan hệ chính trị và xã hội. Đích thân anh Ba đã có nhiều buổi trình bày về tư tưởng đó ở trường Nguyễn Ái Quốc, ở Học viện Chính trị Trung-Cao…Các 'cây lý luận' đương thời đều được phân công đi giảng bài, viết bài để phổ biến tư tưởng đó. Riêng ở Viện Triết học thì chúng tôi không tích cực lắm… Tôi biết rằng hình như Tổng Bí thư không được vui khi thấy một tư tưởng lớn mà ông rất tâm đắc như thế mà tôi và viện triết lại không tích cực hưởng ứng, không chịu triển khai nghiên cứu. Nhưng anh Lê Duẩn là người độ lượng, không có tiểu khí, không hay có thành kiến cá nhân,… nếu có ai không đồng tình với anh thì tuy không vui, nhưng anh không thù ghét, trù dập. Có một lần nhân tôi lên làm việc với anh Trường Chinh, anh Trường Chinh cũng hỏi tôi về khái niệm làm chủ tập thể của đại đội IV. Tôi thưa với anh Trường Chinh rằng về vấn đề này báo chí cũng như các đoàn cán bộ của Trung ương đã trình bày rất nhiều và đầy đủ lắm rồi. Tôi đã trình bày thẳng thắn với anh rằng theo tôi nếu nhìn từ lý luận triết học thì có lẽ những cách giải thích hiện nay vẫn chưa rõ ràng. Anh Trường Chinh gật đầu và im lặng…Tôi hiểu rằng có lẽ chính anh Trường Chinh cũng băn khoăn như tôi" (Đặng Phong, 2008, trang 81-82). Triết gia Trần Đức Thảo cũng từng được ông Lê Duẩn gọi đến để tìm sự chia sẻ "tư tưởng lớn" này. Giáo sư Trần Đức Thảo nhớ lại: Một lần ở Hà Nội, tôi đang đạp xe đi chợ, bỗng có xe ô tô xịch đến bảo tôi lên xe ngay để đi gặp Tổng Bí thư Lê Duẩn. Tôi ngạc nhiên lắm, nhưng cũng phải tuân lệnh lên xe đi theo anh em, mà chưa rõ có việc gì. Chiếc xe đạp của tôi có người nhận và hứa sẽ đem về tận nhà cho tôi. Đến nhà Tổng Bí thư, được ông tiếp đón rất trân trọng. Ông nói rằng ông muốn trình bày cho tôi nghe một tư tưởng triết học lớn của ông là tư tưởng làm chủ tập thể. Tôi lễ phép lắng nghe. Sau khoảng 2 giờ liền, ông nói say sưa, tôi chỉ im lặng, không dám hỏi han gì. Sau cùng, ông thấy nói mãi mà chẳng thấy tôi khen chê gì cả, ông phải nhắc tôi: "Tôi biết anh là một nhà triết học lớn, tôi muốn nghe ý kiến của anh". Tôi bèn trả lời rất chân thành: "Thưa anh tôi thấy khó hiểu quá, xin nói thật là tôi không hiểu". Ông có vẻ ngạc nhiên, nhưng vẫn từ tốn hỏi lại: "Ô hay! Có thật là anh không hiểu gì không?" Tôi lại thưa: "Thưa anh quả thật là tôi không hiểu gì cả. Sau đó ông thất vọng và bảo tôi đi về"(trang 83).
[444] "Bài nói của đồng chí Lê Duẩn tại lớp chính trị Trung cao cấp ngày 13-3-1977 tại trường Nguyễn Ái Quốc", "Hồ sơ lãnh tụ Lê Duẩn", lưu trữ tại kho Lưu trữ Học viện Quốc gia Hồ Chí Minh.
[445] Năm 1973, sau chín năm xung phong vào chiến trường miền Nam, bà Nguyễn Thụy Nga từ chiến trường Khu IX ra Bắc và nhận thấy ông Lê Duẩn đã yếu đi rất nhiều. Bà Nga kể: "Khi miền Nam giải phóng anh mổ tiền liệt tuyến, suốt ngày phải mang một túi ni lông bên hông. Sáng nào cũng ba, bốn bác sỹ bu quanh làm thuốc. Vậy mà anh đi hết nơi này, nơi khác để tìm hiểu tình hình" (Hồi ký Nguyễn Thụy Nga, Bên Nhau Trọn Đời, bản thảo viết năm 1998, tr 187-188).
[446] Theo ông Trần Việt Phương: Khi Lê Duẩn sang dự Đại hội Đảng cộng sản Liên Xô, Brejenev kể với ông rằng để chuẩn bị cho Đại hội, Liên Xô phải huy động hàng trăm viện nghiên cứu, hàng nghìn nhà khoa học của nhiều lĩnh vực khác nhau. Lê Duẩn liền nói với Brejenev: "còn tôi, tôi chỉ cần mấy chú thư ký thôi". Một trợ lý của Lê Duẩn, ông Trần Quỳnh, viết trong hồi ký: "Lê Duẩn là người tự mình suy nghĩ lấy những vấn đề cần giải quyết, chả bao giờ nghe ý kiến của người khác, tự bản thân Lê Duẩn thể nghiệm sự đúng đắn của những những ý kiến đó... Khi nói chuyện tay đôi với tôi, Lê Duẩn thường coi tôi là một đối tượng nghe giùm, để định hình ý nghĩ của mình, chứ không phải là người mà Lê Duẩn cần nghe ý kiến".
[447] Bí thư Trung ương Đảng Khóa VI, viện trưởng Viện Quản lý Kinh tế Trung ương 1977-1987.
[448] Tổng tập Lê Duẩn, Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia, 2002, trang 40.
[449] Tại Hội nghị Trung ương lần thứ 25, Lê Duẩn nói: "Stalin vốn là người trung thực, khiêm tốn, đọc tài liệu ta thấy trước đây đồng chí ra đứng tận cổng đón từng đồng chí ủy viên Bộ Chính trị tới họp hoặc tới gặp gỡ đồng chí, thế mà vào cuối đời mình vẫn phạm sai lầm. Vì vậy, cần phải có một cơ cấu bảo đảm làm chủ tập thể, không để một cá nhân nào đó chen vào, trồi lên, độc đoán, chuyên quyền. Thế giới có những kinh nghiệm phức tạp, có hiện tượng đảng là một người. Đảng là tôi, nhà nước là tôi. Ta cần rút kinh nghiệm để tránh" (Phát biểu của Lê Duẩn, Văn Kiện Đảng Toàn tập, Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia, tập 37-1976, trang 403).
[450] Phát biểu trước Hội nghị Trung ương 25, Bí thư Lê Duẩn nói: "Triều Tiên làm rất găng trong việc phát huy sức lao động. Ta cũng phải làm thế nhưng phải phát huy tính tự giác của nhân dân hơn. Trong làm chủ tập thể, có cái tự nguyện, có cái phải thuyết phục, có cái phải bắt buộc" (Phát biểu của Lê Duẩn tại Hội nghị Trung ương 25, Văn Kiện Đảng Toàn tập, Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia, tập 37-1976, tr 361).
[451] Phát biểu của Lê Duẩn tại Hội nghị Trung ương 25, Văn Kiện Đảng Toàn tập, Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia, tập 37-1976, trang 403-404.
[452] Sài Gòn Giải Phóng, 24-3-1978.
[453] Một biến cố khác xảy ra trong những ngày đó đã mang lại cho ông Sơn cả "rủi" lẫn "may". Năm 1978, Văn phòng Trung ương Đảng vào tiếp quản An Phú, nhà ông Huỳnh Bửu Sơn nằm trong phạm vi bị trưng dụng. Sau khi vợ ông Lê Quang Uyển đi Pháp, ngôi biệt thự của ông Uyển, khi ấy đang đi "học tập", được T78 lấy làm nơi ở cho ông Nguyễn Văn Linh. Ông Huỳnh Bửu Sơn được đổi sang chỗ mới là một căn nhà trên đường Phạm Văn Hai, bản thân ông thì được chiếu cố cho về làm việc ở Ngân hàng Nhà nước Thành phố. Ở đây, ông may mắn được làm việc với ông Lữ Minh Châu, một "Việt

Cộng" đã từng làm nhân viên ngân hàng ở Sài Gòn trước 30-4 nên hiểu năng lực và tâm tư của những chuyên viên cũ.
[454] Phó Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh 1975-1979.
[455] Báo Sài Gòn Giải Phóng ngày 15-2-1978 viết: "Thể theo nguyện vọng của đông đảo nhân dân lao động, từ ngày 1-12-1977, Thành phố ta đã mở đợt chống gian thương và đã thu được nhiều thắng lợi tốt đẹp… Ta đã tóm cổ nhiều tên chủ vựa cá ác ôn, tịch thu trên mười tấn cá đồng và cá biển; tóm gọn nhiều chủ vựa rau, nhiều lái rau đường dài chở rau Đà Lạt về TP… Chỉ trong hai tuần lễ giáp tết, từ 23-1 đến 6-2-1978, ta đã bắt trên sáu mươi vụ gian thương… Nhân dân và lực lượng kiểm soát kinh tế các quận, huyện, đã xóa bỏ hàng chục vựa giết mổ heo lậu, trong đó có nhiều lò mổ lớn như ở Xa Cảng miền Tây, Bình Thạnh, Gò Vấp… Về mặt hàng chất đốt, ta đã xóa được một số vựa củi ở Quận 11, chặn bắt nhiều xe chở củi lậu ở Quận 10, ngăn chặn được một bước hoạt động của bọn gian thương chất đốt trong dịp tết".
[456] Sài Gòn Giải Phóng, 17-4-1978.
[457] 70% số đầu máy bị xếp xó vì hư hỏng, phụ tùng thay thế không có; khoảng 1,8 triệu hecta trong số bảy triệu hecta đất bị bỏ hoang. Năm 1976, sản lượng lúa cả nước đạt 11,8 triệu tấn. Năm 1980, sau một "kế hoạch 5 năm", sản lượng lúa chỉ còn 11,6 triệu tấn. Tưởng sẽ có lương thực dư thừa cho xuất khẩu, năm 1980, Việt Nam phải nhập khẩu lương thực nhiều nhất trong lịch sử: 1.570.000 tấn. Về thủy sản, năm 1980 cũng chỉ đánh bắt được 500 nghìn tấn cá biển, thua xa kế hoạch và thấp hơn sản lượng đánh bắt của năm 1976, 600 nghìn tấn.
[458] Phó giám đốc sở kiêm giám đốc công ty Lương thực Thành phố Hồ Chí Minh 1978-1991.
[459] Chuyện kể về chị Ba Thi, Ban tuyên giáo tỉnh ủy Cửu Long xuất bản năm 1992.
[460] Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 4-1-1978, của Bộ chính trị: "Giá thu mua thóc tính theo tiền miền Bắc trong tình hình hiện nay ở các vùng như sau: Vùng 1: giá mua 0,32 đ/1kg, ở những nơi điều kiện sản xuất có khó khăn hơn là 0,35đ/1kg; Vùng 2: giá mua 0,40 đ/1kg, ở những nơi chưa có công trình thủy lợi là 0,43đ/1kg… Giá mua 1 kg lợn thịt ở các tỉnh miền bắc tương đương với giá mua từ 7-7,5kg thóc. Ở các tỉnh miền Nam: giá 1 kg lợn thịt là 3 đồng; gạo 0,40đ/1kg tiền miền Bắc; thịt lớn xô 2,50đ/1kg tiền miền Bắc" (Văn Kiện Đảng Toàn Tập, tập 38-1978, trang 10-11).
[461] Theo ông Đỗ Phượng, tổng giám đốc Thông tấn xã Việt Nam: "Giữa tháng 4-1978, anh Nguyễn Duy Trinh phải thay mặt Ban Bí Thư điện yêu cầu các tỉnh Hải Dương, Thái Bình, Hà Nam Ninh, Hà Sơn Bình, Hà Bắc nỗ lực cung ứng lương thực cho Hà Nội, sao sớm có được một nửa khẩu phần gạo hoặc tối thiểu được khoảng 40% gạo trong khẩu phần lương thực. Điện nói rõ tháng 3-1978, Thủ đô chỉ được 30% gạo trong khẩu phần lương thực và sang tháng 4-1978 dân Hà Nội sẽ không còn được như tháng 3, trong khi các thực phẩm thông thường như rau, đậu phụ, mỡ, cá cũng không đủ để bán theo tem phiếu" (Đỗ Phượng, Chuyện Thời Bao cấp, Nhà Xuất bản Thông Tấn 2011, trang 9-10).
[462] Đỗ Phượng, Chuyện Thời Bao cấp, Nhà Xuất bản Thông Tấn 2011, trang 9-10.
[463] Đinh Thị Vận, Chuyện Thời Bao cấp, Nhà Xuất bản Thông Tấn 2011, trang (?).
[464] Tiến sỹ Nguyễn Văn Huy, Chuyện Thời Bao cấp, Nhà Xuất bản Thông Tấn 2011, trang 21-22.
[465] Thu Hà, Chuyện thời Bao cấp, Nhà Xuất bản Thông Tấn 2011, trang 21-22.
[466] Chuyện của cựu trung tá công an Phùng Duy Mận, ngụ tại nhà 123 Hàng Buồm: Thời đó, ông được phân phối đôi dép nhựa Tiền Phong, đi không vừa nhưng cũng không dám bán cho "con phe" sợ mang tiếng. Phải khi vào Huế công tác ông mới đem bán được năm nghìn rưỡi, đủ mua một vé máy bay, giá bao cấp, ra Bắc (Chuyện Thời Bao cấp, Nhà Xuất bản Thông Tấn 2011, trang ?).
[467] Chuyện của ông Lê Gia Thụy, nhà số 8, ngách 12/21, ngõ 12, phố Lương Khánh Thiện, chủ nhân của chiếc xe đạp Thống Nhất trưng bày tại Triển lãm Thời Bao cấp diễn ra tại Bảo tàng Dân tộc học.
[468] Cho đến năm 1978, mỗi khi đi công tác, ông Trần Thắng, Đoàn 871, Tổng Cục Chính trị, phải làm "giấy ủy quyền" cho vợ là chị Nguyễn Thị Sinh thì chị Sinh mới được dùng cái đài National đứng tên anh. Để có pin, Ban đại diện tiểu khu nơi anh chị cư trú còn phải chứng nhận anh chị là vợ chồng thì Công ty Bách hóa thành phố mới bán pin cho chị Sinh (Chuyện Thời Bao cấp, Nhà Xuất bản Thông Tấn 2011, trang ?).
[469] Đầu thập niên 1980 là hiệu trưởng Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh.
[470] Nay là đường Phạm Ngọc Thạch.
[471] Đỗ Phượng, Chuyện Thời Bao cấp, Nhà Xuất bản Thông Tấn 2011, trang 10.
[472] La Lâm Gia.
[473] Bà Ba Thi Nguyễn Thị Ráo cùng quê Vĩnh Long với ông Võ Văn Kiệt và ông Phạm Hùng, tham gia cách mạng khi còn thiếu niên, có nhiều năm hoạt động dưới quyền ông Nguyễn Văn Linh, và đã từng gặp gỡ ông Lê Duẩn thời kháng Pháp. Chồng bà Ba Thi, ông Nguyễn Trọng Tuyển, bí thư Tỉnh ủy Gia Định, chết vào tháng 7-1959, trên đường ra cứ đón Trần Bạch Đằng, đặc phái viên Xứ ủy, để tiếp thu Nghị quyết 15. Bà Ba Thi chính là người phụ nữ cười rất tươi trong tấm ảnh chụp bốn người thuộc "Phái đoàn Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam" ra thăm miền Bắc và "được gặp Bác Hồ" vào ngày 5-3-1969. Bà từng được gọi là "tư lệnh sân bay Lộc Ninh" do vai trò khá nổi bật của mình trong "ban đón tiếp tù binh" của Mặt trận sau Hiệp định Paris.
[474] Nguyễn Thành Thơ, Cuối Đời Nhìn Lại, Bản thảo năm 2004.
[475] Chuyện Kể Về Chị Ba Thi, Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Cửu Long, 1992, trang 117.
[476] Theo ông Phạm Văn Hùng thư ký riêng của ông Võ Văn Kiệt.
[477] Nghị quyết Trung ương 6 phê phán cung cách xây dựng kế hoạch tập trung quan liêu, thiếu căn cứ thực tế và khoa học; trì trệ bảo thủ trong xây dựng những chính sách cụ thể; nóng vội, giản đơn trong công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa ở miền

Nam; chưa chú ý sử dụng đúng đắn các thành phần kinh tế cá thể và tư sản dân tộc ở miền Nam; "khuynh hướng tả khuynh", muốn sớm đưa cá thể vào hợp tác xã, đưa hợp tác xã lên quốc doanh; phê phán cách làm coi thị trường là bất hợp pháp.

[478] Văn kiện Đại hội II Thành phố Hồ Chí Minh, lưu trữ tại Thư viện Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Thành phố.

[479] Báo Sài Gòn Giải Phóng, 1-12-1980.

[480] Ngày 21-1-1981, Hội đồng Chính phủ ban hành Quyết định 25-CP công nhận điều mà ông Võ Văn Kiệt đã cho phép các doanh nghiệp tại Thành phố Hồ Chí Minh làm từ cuối năm 1978. Quyết định 25-CP bắt đầu cho phép áp dụng chế độ ba kế hoạch: kế hoạch "chỉ tiêu pháp lệnh" do Trung ương giao, kế hoạch liên doanh liên kết giữa các doanh nghiệp với nhau nhằm thực hiện kế hoạch thứ nhất, kế hoạch do xí nghiệp tự xây dựng. Như vậy, Quyết định 25-CP có thể hiểu là đã "hợp pháp hóa" sự liên kết giữa các đơn vị kinh doanh, điều mà trước đó có thể bị bỏ tù vì bị coi là "móc ngoặc".

[481] Tuổi Trẻ, 19-4-2009.

[482] Đặng Phong, 2009, trang 174.

[483] Ngày 6-11-1968, Chủ tịch Quốc hội Trường Chinh về Vĩnh Phú, yêu cầu tổ chức một cuộc họp Tỉnh ủy mở rộng; tại đây, ông đã đọc một bài phát biểu, phê phán Vĩnh Phú: "Trong một thời gian dài đã không thấu suốt tinh thần đấu tranh triệt để giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa, giữa hai phương thức lao động tập thể và lao động cá thể ở nông thôn. Cán bộ và quần chúng nông dân hiểu biết vấn đề hợp tác hóa nông nghiệp một cách nông cạn và đơn giản… nên khi vận dụng vào hoàn cảnh của địa phương đã đi chệch sang phương thức sản xuất cá thể, chuyển một phần tư liệu sản xuất của hợp tác xã cho các hộ xã viên, khôi phục dần cách làm ăn riêng lẽ" (Tạp chí Học Tập tháng 2-1969, trang 19). Ngày 12-12-1968, Ban Bí thư có Thông tri số 224 về việc "chấn chỉnh ba khoán, kiên quyết sửa sai chống khoán hộ", lập "ban chỉ đạo" huy động lực lượng cán bộ để truyền đạt thông tri của Trung ương và thảo luận bài "Phê phán của đồng chí Trường Chinh"; kiểm tra lại tất cả việc khoán để chấn chỉnh lại. Bí thư Kim Ngọc, sau đó đã phải làm "tự kiểm điểm" đăng trên Tạp chí Học Tập thể hiện tinh thần "quyết tâm sửa chữa".

[484] Theo ông Nguyễn Văn Tôn: "Sản lượng hoa màu quy ra thóc: năm 1960, đạt 28.520 tấn; năm 1968 lên được 32.782 tấn; năm 1970 xuống còn 25.468 tấn và năm 1975 xuống còn 18.565 tấn" (Đặng Phong, 2009, trang 191).

[485] Tại Trung Quốc, năm 1962, sau khi chính sách tập thể hóa "Đại nhảy vọt" (từ 1959-1961) làm chết hàng chục triệu người do đói kém (khoảng 15-17 triệu người theo số liệu chính thức của Trung Quốc; khoảng 45 triệu theo các nhà nghiên cứu nước ngoài, Ezra F. Vogel, trang 41), Trần Vân (Chen Yun), một ủy viên Bộ chính trị đặc trách kinh tế đưa ra đề nghị khoán sản phẩm tới hộ cho nông dân. Đề nghị được Đặng Tiểu Bình ủng hộ nhưng ngay sau đó đã bị Mao Trạch Đông phê phán là "đi theo con đường tư bản"(Ezra F. Vogel, 2011, trang 436). Mao chỉ trích nặng tới mức Trần Vân suy sụp đến nỗi không thể nói trong vài tuần và sau đó phục hồi rất chậm(Ezra F. Vogel, 2011, trang 723).

[486] Đặng Phong, 2009, trang 197.

[487] Theo đề nghị của xã viên, một vài đội của hợp tác xã Tiến Lập, xã Đoàn Xá, huyện An Thụy, đã "khoán ruộng cho các hộ", cứ một sào ruộng khoán, xã viên phải nộp lại cho hợp tác xã 70kg thóc, tương đương với sản lượng đạt được khi ruộng vẫn ở trong tay hợp tác. Kết quả, ngay trong vụ mùa thứ nhất, mỗi sào ruộng khoán đã thu được 1,4-1,5 tạ thóc, xã viên kiếm được bảy, tám chục ký thóc một sào. Nhưng, đầu năm 1976, thì chuyện bại lộ, huyện cử cán bộ về thanh tra, Đảng ủy xã Đoàn Xá phải tổ chức kiểm điểm, tự nhận: "Khoán là sai đường lối, làm ảnh hưởng xấu đến cuộc vận động đưa hợp tác xã lên quy mô toàn xã".

[488] Đặng Phong, 2009, trang 204.

[489] Cải cách của Trung Quốc lại thường bắt đầu từ trên xuống, năm 1977 khi Wan Li được điều về Bí thư tỉnh An Huy (Anhui) nạn đói ở đây vẫn còn hoành hành. An Huy là nơi có khoảng từ 3-4 triệu người chết đói vì "Đại nhảy vọt". Wan Li đã đưa ra "Đề nghị 6 điểm" theo đó giao khoán sản phẩm đến nhóm nhỏ, thậm chí tới từng cá nhân nông dân, người dân có quyền tự chủ trên ruộng khoán và được bán sản phẩm ra thị trường địa phương. Lúc này chính sách cấm khoán hộ vẫn còn có hiệu lực, "Đề nghị 6 điểm" bị nhiều người phản đối, nhưng Đặng Tiểu Bình người mới trở lại chính trường đã ủng hộ và Wan Li vẫn kiên quyết cho áp dụng và áp dụng thành công chính sách khoán ở An Huy. Năm 1978, mặc dù là người bổ nhiệm Wan Li về làm bí thư An Huy, Thủ tướng Hoa Quốc Phong vẫn bảo vệ mô hình hợp tác hóa Dazhai nghĩa là không chấp nhận khoán. Phó thủ tướng phụ trách nông nghiệp Chen Yonggui và người kế vị ông cũng bảo vệ mô hình hợp tác hóa Dazhai. Nhưng cả Đặng và Trần Vân vẫn ủng hộ An Huy. Mãi tới ngày 31-5-1980, sau khi củng cố được quyền bính Đặng mới chính thức công khai ủng hộ chính sách phi tập trung hóa trong nông nghiệp, khoán ruộng cho nông dân tới hộ (Ezra F. Vogel, 2011, trang 436-440).

[490] Nhà báo Thái Duy, có mặt tại Hải Phòng trong thời điểm này, kể: Các đoàn đến Hải Phòng cũng chủ yếu là đi chui, không có giấy giới thiệu, không có công tác phí, Hải Phòng cưu mang hết. Có đoàn ở xa như Nghệ Tĩnh, còn được Hải Phòng cung cấp lương thực, thực phẩm đủ ăn đến khi về tới nhà. Nhiều người ngạc nhiên vì có cả lãnh đạo huyện Thiệu Yên, Thanh Hóa. Thiệu Yên là nơi có hợp tác xã Định Công. Cùng với Vũ Thắng, Thái Bình, Định Công là một trong hai hợp tác xã điển hình toàn quốc. Trong giai đoạn hô hào hợp tác hóa, hàng nghìn đoàn đại biểu từ Nam, chí Bắc đã về "học tập Vũ Thắng, Định Công". Té ra để có gạo nuôi sống xã viên và tiếp khách, Định Công cũng như Thiệu Yên đã phải âm thầm cho dân "khoán hộ".

[491] Đặng Phong, 2009, trang 227.

[492] Sđd, trang 229-230.

[493] Sđd, trang 231-232.
[494] Đặng Phong, 2009, trang 233-234.
[495] Năm 1978, trước khi ông Kim Ngọc nghỉ hưu, Thường vụ Tỉnh ủy Vĩnh Phú cũng đã ra Nghị quyết 15: "Chính thức để các hợp tác xã khoán cho hộ gia đình và cho hộ gia đình mượn một số đất để làm thêm vụ đông". Tuy nhiên, như con chim đã từng trúng tên, khoán ở Vĩnh Phú vẫn chỉ được tiến hành hết sức rụt rè. Sau đó không lâu, ông Võ Chí Công, ủy viên Bộ Chính trị, phó Thủ tướng phụ trách nông nghiệp đã về Thổ Tang, một xã hết sức năng động ở Vĩnh Phú. Theo ông Đinh Văn Niệm, thư ký của "anh Năm" Võ Chí Công: "Anh Năm so sánh năng suất đất 5% và đất hợp tác xã rồi nói: Hầu hết những người tham gia chiến đấu ở Khu V đều là dân Bắc, họ đã rất thông minh, dũng cảm. Chỉ vì cơ chế mà miền Bắc phải chịu nghèo thế này".
[496] Nhà báo Thái Duy trả lời phỏng vấn tác giả.
[497] Văn kiện Đảng toàn tập, tập 41, trang 540.
[498] Chánh Văn phòng Trung ương Khóa IV.
[499] Trả lời phỏng vấn tác giả.
[500] Trả lời phỏng vấn tác giả.
[501] Trả lời phỏng vấn tác giả.
[502] Trước phiên họp của Bộ Chính trị, ông Nguyễn Ngọc Ẩn nói: "Những gì các đồng chí phê phán chúng tôi tiếp thu và sửa chữa. Ở đây chúng tôi cần nói những vấn đề cụ thể các đồng chí phát hiện nhận xét như: Rượu ngoại các đồng chí nói là rượu chúng tôi mua hương liệu về cất, đạt tiêu chuẩn để xuất khẩu tại chỗ, các đồng chí xem thử, không phân biệt được, chứng tỏ kỹ thuật chúng tôi tương đối. Về tàu chở hàng ra nước ngoài, chúng tôi bán hàng tươi sống, mướn tàu ta cả tháng mới được, hàng hư hỏng hết còn gì xuất khẩu, còn mướn tàu của nước ngoài, trong vòng hai mươi bốn giờ là có mặt, họ chở hàng ta đến nơi, đến chốn đúng hợp đồng, đảm bảo không hư hỏng. Về tiền chúng tôi vay của ngân hàng 800 triệu để mua bán, sau một chuyến chúng tôi phải giao trả tiền ngân hàng, rồi làm thủ tục vay mượn lại để tiếp tục mua bán chuyến mới, việc làm thủ tục vay mượn mỗi chuyến kéo dài cả tháng, làm sao chúng tôi mua bán liên tục đúng định kỳ được, nên đành phải giữ tiền chuyến trước cho chuyến sau, bây giờ cần trả tiền lại chúng tôi sẽ gom trong vòng một tuần lễ đủ 800 triệu".
[503] Theo Nguyễn Thành Thơ.
[504] Năm tháng sau đó, ngày 4-3-1983, Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh lại họp và ra một "nghị quyết quan trọng" khác, được gọi là "Nghị quyết 19", cảnh báo: "Sau đợt cải tạo tư sản thương nghiệp tháng 3-1978, công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa bị buông lỏng quá lâu. Một phần do quan điểm đánh giá đã hoàn thành cơ bản công tác cải tạo công thương nghiệp tư bản tư doanh, đã cơ bản xóa bỏ giai cấp tư sản, việc còn lại chỉ là củng cố quan hệ sản xuất mới. Cũng có quan điểm cho rằng, trong tình hình kinh tế còn nhiều khó khăn ai làm tốt hơn thì nên duy trì miễn là có nhiều sản phẩm cho xã hội. Trong thực tế đây là buông lỏng đấu tranh giai cấp, buông lỏng chuyên chính vô sản tạo sơ hở lớn để cho các đối tượng cải tạo có cơ hội phục hồi và tiến công lại trên nhiều mặt".
[505] Nhận xét của Phó Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Trần Phương.
[506] Bí thư Thành ủy Hà Nội lúc bấy giờ là ông Lê Văn Lương. Năm 1956, ông Lương bị mất chức ủy viên Bộ Chính trị do những "sai lầm trong việc chỉ đạo chiến dịch chỉnh đốn tổ chức" bắt đầu từ năm 1953. Được ông Lê Duẩn đưa vào Ban Bí thư năm 1960 và đưa trở lại Bộ Chính trị năm 1976.
[507] Phóng viên Hà Nội Mới, ông Nguyễn Đức Thà, tả một ngôi nhà bị cải tạo ở Quận Hai Bà Trưng: "Bước vào nhà đã có cảm giác dễ chịu, nền gạch tráng men, nhà dưới, tầng trên đều có công trình vệ sinh riêng, có đèn neon, có gương soi. Các phòng đều có tiện nghi sinh hoạt như tivi, tủ lạnh, máy quay băng, sập gụ, tủ chè, gường modec, quạt trần, quạt bàn, salon gỗ lát, salon đệm mút… Đó là sự vô đạo đức, nỗi bất công không thể kéo dài" (Hà Nội Mới, 17-5-1983). Trên cùng số báo này, phóng viên Quang Cát viết: "Ai cũng phải đặt câu hỏi: Trong lúc đời sống còn rất khó khăn, lương chỉ đủ ăn, cá nhân nào có thể có tiền xây một nếp nhà lớn khang trang như thế? Nhà hai tầng, trang trí cầu kỳ, có bao lơn hoa văn, cánh cửa dưới nhà, trên gác đều sơn màu vàng… Trải qua nhiêu năm chiến tranh đất nước còn nghèo, làm sao có được một cơ ngơi như thế?... Một bà mẹ tóc đã hoa râm cương quyết nói: Phải xử lý chứ! Nó như cái gai trước mắt chúng tôi và nêu gương xấu cho mọi người". Còn "bạn đọc" Nguyễn Ngọc Hiếu thì cho rằng, tịch thu tài sản bất minh là "nguyện vọng thiết tha của cán bộ và nhân dân lao động"... Chiến dịch Z-30 đã được một "luật gia" có tên là Phạm Ngọc Hải, lấy nguyên tắc của Lenin, "tước đoạt của những kẻ tước đoạt", để phân tích: "Chính quyền đã thu hồi có chính sách rõ ràng phần tài sản bất minh để chuyển thành cơ sở phúc lợi công cộng. Các vật liệu chiến lược như xi măng, sắt, thép, gỗ… đều do nhà nước quản lý và phân phối, thế mà số hộ bị kiểm tra thường là có đầy đủ các vật liệu ấy để xây dựng nhà cửa có giá trị lớn. Chúng ta cũng hoan nghênh tính chất nhân đạo trong quyết định của chính quyền thành phố. Chúng tôi mong rằng chính quyền Thủ đô tiếp tục cuộc đấu tranh rất được quần chúng đồng tình này. Chế độ chuyên chính vô sản của chúng ta không những phải trấn áp sự phản kháng của bọn bóc lột mà còn phải nghiêm trị cả những bọn gian thương, tham ô, trộm cướp, phá rối trật tự. Bọn chúng đều là kẻ thù của chủ nghĩa xã hội, hằng ngày đầu độc không khí trong lành của xã hội chúng ta"
[508] Đặng Phong, 2009, trang (?).
[509] Giáo sư Trần Đình Bút, người dẫn đoàn giáo sư Liên Xô sang giảng dạy ở trường Quản lý Kinh tế Cao cấp Trung ương đến nghiên cứu kinh nghiệm "xé rào" của ông Năm Ve ở Xí nghiệp Đánh cá Côn Đảo-Vũng Tàu đầu thập niên 1980, kể: Sau khi nghe giới thiệu toàn bộ quá trình hình thành và hiệu quả kinh doanh của xí nghiệp, trưởng đoàn Liên Xô đặt câu hỏi: "Đề nghị các nhà khoa học, các giáo sư Liên Xô và Việt Nam, hãy trả lời gọn trong một câu thôi: Nguyên nhân nào làm

xí nghiệp quốc doanh Đánh cá Côn Đảo đã có những thành công đáng khâm phục như vậy?". Mọi người im lặng, trưởng đoàn nửa đùa nửa thật nói: "Tại vì Năm Ve không học, không biết các nguyên tắc quản lý và hạch toán xã hội chủ nghĩa mà chúng ta vẫn giảng". Ông Võ Văn Kiệt thừa nhận là cho đến khi trở thành ủy viên Bộ Chính trị, ông chưa thực sự học qua một trường lớp lý luận chính quy nào.

[510] Đặng Phong, 2009, trang 66.

[511] Nhân hai sự kiện: Tháng 7-1980, phi công Phạm Tuân được Liên Xô đưa vào vũ trụ trong một chuyến bay cùng với đại tá người Nga Gorbatko theo chương trình intercosmos; tháng 10-1980, nghệ sỹ Đặng Thái Sơn đoạt giải nhất cuộc thi Piano Quốc tế Frédéric Chopin. Với Phạm Tuân thì dân chúng dễ dàng nhận thức ra vấn đề, nếu như truyền thông suốt ngày nói về "niềm tự hào dân tộc" thì người dân lại coi đó là một trường hợp "quá giang". Sự hờ hững này được lột tả trong hai câu ca dao hiện đại: "Bo bo còn phải độn mì/ Mi lên vũ trụ làm gì hở Tuân". Trường hợp của nghệ sỹ Đặng Thái Sơn thì khác. Khi ấy, Sơn đang học tại nhạc viện Tchaikovsky, Liên Xô. Thành tích của anh thật đáng để ngợi ca (Báo chí Việt Nam lúc đó hoàn toàn không biết sự kiện hai vị giám khảo Martha Argerich và Nikita Magaloff đã bỏ Hội đồng Giám khảo cuộc thi vì thí sinh mà theo họ là tài năng nhất, Ivo Pogorelich, không lọt vào vòng chung kết do bị một giám khảo người Nga cho điểm 0). Nhưng sự kiện Sơn đoạt giải và được tung hô càng khiến cho tầng lớp trí thức nhớ lại và xót thương cho thân phận cha anh, ông Đặng Đình Hưng, một nhà thơ cách tân bị ghép vào vụ Nhân Văn Giai Phẩm. Đặng Thái Sơn kể: "Nhờ có Concours Chopin 1980 mà bố tôi được sống thêm mười năm. Vì lúc ấy bố tôi bị ung thư phổi nặng, đang phải sống ở gầm cầu thang nhà một ông bạn, không nhà không cửa mà đưa vào viện thì cũng chỉ nằm chờ chết. Đúng hôm thi, bố tôi vào viện. Ở nhà điện sang nói tôi thi xong phải về ngay. Lúc đó tôi tính nếu ở trong nước mà không chạy chữa được cho bố thì tôi sẽ đưa ông ra nước ngoài. Cuối cùng, Giáo sư Tôn Thất Tùng và Giáo sư Hoàng Đình Cầu đã chữa chạy cho bố tôi, giúp ông sống thêm được mười năm nữa. Concours Chopin đã đem lại nhiều thay đổi không chỉ với cuộc đời tôi mà cả gia đình tôi".

[512] "Chinh" là đơn vị tiền tệ nhỏ nhất.

[513] Ông Trường Chinh sinh ngày 9-2-1907 tại làng Hành Thiện, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, trong một gia đình được nói là hậu duệ của Đặng Tất, một danh tướng thời Hậu Trần (Ngày 28-12-1975, ông Trường Chinh, tên khai sinh là Đặng Xuân Khu đã về thắp hương cho tiên tổ Đặng Tất, Đặng Dung ở Hà Tĩnh, là sự kiện được coi như một động thái "nhận họ" của ông Trường Chinh). Khi còn học ở bậc Thành Chung, Trường Chinh đã tham gia đấu tranh đòi ân xá cho Phan Bội Châu; ông cũng là một trong những người lãnh đạo cuộc bãi khóa ở Nam Định để truy điệu Phan Chu Trinh và bị đuổi học. Năm 1927, khi ra Hà Nội học trường Cao đẳng Thương mại, ông tham gia Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội rồi trở thành một trong những người đầu tiên vận động thành lập Đông Dương Cộng sản Đảng ở Bắc kỳ. Cuối năm 1930, Trường Chinh bị bắt cùng với Nguyễn Đức Cảnh, ông Cảnh sau đó bị kết án tử hình, còn Trường Chinh lãnh án tù mười hai năm. Trong tù, ông vẫn làm chủ bút một tờ báo để tranh luận với các "đối thủ Việt Nam Quốc dân Đảng", năm 1936 ông được tha trước thời hạn. Sau khi ra tù, ông trở thành xứ ủy viên Bắc kỳ, làm chủ bút tờ báo Cờ giải phóng, cơ quan của xứ ủy; ngoài ra, ông còn phụ trách các tờ báo tiếng Pháp như Le Travail, Rassemblement, En Avant và báo Tin tức. Ngày 26-9-1939, sau khi Chiến tranh Thế giới II nổ ra, Tổng thống Pháp Lebrun ban hành sắc lệnh "Giải tán Đảng Cộng sản ở Pháp cũng như ở các thuộc địa của Pháp" trong đó có Đông Dương. Ngay trong tháng đầu tiên sau chiến tranh, người Pháp đã bắt khoảng 2000 đảng viên cộng sản ở Việt Nam, riêng Nam Kỳ, hơn 800 đảng viên bị bắt. Ngày 17-1-1940, Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ, rồi tiếp đó, các Ủy viên Trung ương Lê Hồng Phong, Võ Văn Tần bị đưa vào ngục. Người tiền nhiệm của ông Cừ là Hà Huy Tập thì đã bị người Pháp bắt từ ngày 1-5-1938. Ở Xứ ủy Bắc kỳ, Trường Chinh, Hạ Bá Cang, Hoàng Văn Thụ, Lương Khánh Thiện chạy thoát trước khi các chiến dịch bắt bớ diễn ra. Trung ương Đảng, lúc ấy chỉ còn đúng một ủy viên là ông Phan Đăng Lưu, quyết định chuyển cơ quan trung ương từ Nam ra Bắc, đồng thời bàn việc phối hợp hành động với miền Bắc và miền Trung khi "Nam Kỳ khởi nghĩa". Ở Hà Nội, Phan Đăng Lưu họp với Xứ ủy Bắc Kỳ, lập Ban Chấp hành Trung ương lâm thời, bầu bổ sung Hoàng Văn Thụ, Đặng Xuân Khu (Trường Chinh) và Hạ Bá Cang (Hoàng Quốc Việt). Phan Đăng Lưu thay vì nhận chức tổng bí thư đã nhất trí cùng những người dự họp cử Trường Chinh làm quyền tổng bí thư Ban Chấp hành Trung ương lâm thời.

[514] Ngày 15-1-1942, Trường Chinh viết trên báo Cứu Quốc: "Hỡi các giới sĩ, nông, công, thương, binh! Hỡi các đoàn thể cứu quốc! Hỡi toàn thể đồng bào mất nước Việt Nam. Đã 80 năm, Tổ quốc kính yêu mất quyền độc lập, sa vào vòng nô lệ của giặc Pháp tham tàn. Đã 80 năm, dân tộc Việt Nam phải mang trên trán vết quốc sỉ nhuốc nhơ mà máu đào của bao nghĩa sĩ anh hùng tới nay vẫn chưa rửa sạch. Giờ đây, quốc sỉ tăng thêm nhục nhã, quốc thù tăng thêm căm hờn; giờ đây, giang sơn tổ tiên lại thêm giặc Nhật chà đạp, tấm thân trâu ngựa lại bị thêm 1 lần áp bức đọa đầy. Nhật khai chiến với Anh, Mỹ, lôi cuốn xứ sở ta vào vòng khói lửa binh đao. Trước cảnh nước mất, nhà tan thê thảm, Cứu Quốc, Cơ quan cổ động của Việt Nam Độc lập Đồng minh ra đời, thống thiết kêu gọi toàn quốc đồng bào mau hợp sức cùng lòng đánh đuổi Pháp, Nhật, rửa nhục cho non sông, đưa Tổ quốc tới chốn vinh quang độc lập". Ông long trọng kêu gọi: "Cứu Quốc sẽ giải bày nỗi lầm than thống khổ của muôn dân. Cứu Quốc sẽ nêu cao những ý muốn thiết tha của trăm họ. Cứu Quốc sẽ là người chỉ lối trung thành cùng đồng bào cùng tiến lên trên đường giải phóng dân tộc… Toàn thể đồng bào yêu nước hãy tận tâm ủng hộ Cứu Quốc về mọi phương diện, hãy cương quyết tiến lên dưới bóng cờ sắc đỏ sao vàng!".

[515] Đêm 9-3-1945, khi vừa ra khỏi rừng từ chuyến "ngự săn" ở Quảng Trị, Hoàng đế Bảo Đại được người Nhật đưa "hồi cung" ngay. Một sỹ quan Nhật nói với quan Ngự tiền Văn phòng Tổng lý Phạm Khắc Hòe: "Quân đội Thiên Hoàng chỉ truất quyền của thực dân Pháp thôi, chớ không đụng chạm gì đến Nam Triều" (Phạm Khắc Hòe, Từ Triều đình Huế đến

Chiến khu Việt Bắc, Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia 2007). Hôm sau, Đại sứ Nhật ở Đông Dương Yokoyama vào "chầu và tâu lên nhã ý muốn công nhận nền độc lập" cho Việt Nam. Có mặt trong buổi "chầu" đó, Phạm Quỳnh nói với Đại sứ Nhật: "Chúng tôi cần phải có được sự ủng hộ của toàn thể nhân dân, và để đạt được điều đó, uy tín của chính phủ chúng tôi cần phải được tăng cường bằng một hành động long trọng tuyên cáo độc lập". Yokohama cho rằng, tuyên cáo độc lập để chứng tỏ chủ quyền là công việc nội bộ mà và Chính phủ Việt Nam có "tự do tuyệt đối" để hành động. Ngày 11-3-1945, sau khi họp Hội Đồng Cơ Mật, vua Bảo Đại ký ban dụ "Tuyên cáo Việt Nam độc lập", hủy bỏ Hòa ước Patenôtre ký với Pháp năm 1884. Ngày 17-3-1945, Nhà Vua lại ra một Dụ khác tuyên bố sẽ tự tay mắm quyền trên cơ sở "dân vi quý". Người Nhật cũng đã đưa nhà sử học Trần Trọng Kim ra Huế sau khi ông "nhận lời làm Thủ tướng". Ngày 17-4-1945, nhà vua ban Đạo dụ thành lập Chính phủ. Khi ấy, nạn đói bắt đầu lan ra phía Bắc, trong khi đường sá thường xuyên bị máy bay và pháo hạm của Đồng Minh oanh tạc (tháng 5-1945, Bộ trưởng Vũ Ngọc Anh đã bị máy bay Mỹ bắn chết sau một chuyến kiểm tra các cơ sở y tế ở Thái Bình). Mặc dù tự nhận là "dân chúng đòi hỏi và chờ mong rất nhiều mà Chính phủ chưa làm được gì đáng kể", những việc mà Chính phủ Trần Trọng Kim đã làm là rất ấn tượng: Yêu cầu Nhật chuyển giao tất cả các cơ sở hành chính cho các viên chức Việt Nam; Thu hồi đất Nam Kỳ và các nhượng địa đã dành cho Pháp; Ân xá toàn thể các phạm nhân chính trị; Cho phép thành lập các đảng phái chính trị; Miễn thuế cho công chức, thợ thuyền và dân nghèo; Thiết lập các Ủy ban tư vấn quốc gia để soạn thảo Hiến Pháp và nghiên cứu cải tổ chính trị, hành chính và giáo dục. Chỉ trong gần 5 tháng tại vị, Chính phủ Trần Trọng Kim đã: Đưa chương tiếng Việt vào chương trình giáo dục thay thế tiếng Pháp (có vai trò quan trọng của Bộ trưởng Bộ Giáo dục - Mỹ thuật Hoàng Xuân Hãn); miễn thuế cho dân vô sản; hoãn nợ cho dân nghèo; đưa từ miền Nam ra miền Trung và miền Bắc gần hai nghìn tấn gạo; đại xá cho chính trị phạm; trừng trị một số quan lại tham nhũng; đề bạt một số quan lại trẻ… Tháng 8-1945, Nội các Trần Trọng Kim bắt đầu tan rã dần vì sự trỗi dậy mạnh mẽ của phong trào có vũ trang của Việt Minh.

[516] Ngày 13-8-1945, người Nhật ở Hà Nội đã gặp Việt Minh tại phủ Khâm Sai, "mời Việt Minh tham gia chính phủ lâm thời Trần Trọng Kim" nhưng theo ông Trần Quốc Hương, phái viên của Tổng Bí thư Trường Chinh tại Hà Nội, Việt Minh đã từ chối. Ngày 14-8-1945, Chính phủ Trần Trọng Kim tuyên bố công khai "vẫn hợp tác chặt chẽ với nhà đương cục Nhật". Trước đó, ngày 12-8, Bộ trưởng Thanh Niên của Trần Trọng Kim, Luật sư Phan Anh, gửi điện cho các nơi nhắc nhở: "Chớ nhẹ dạ dễ bị lừa đảo vì bọn phiến loạn và bọn tuyên truyền có mục đích gieo sự loạn lạc vô trật tự". Bọn "phiến loạn" mà ông Phan Anh nói trong bức điện trên đây được hiểu là "ám chỉ Việt minh". Ngày 17-8-1945, khi "Tổng hội viên chức Hà Nội" tổ chức một cuộc biểu tình lớn tại Nhà hát Tây để ủng hộ Chính phủ Trần Trọng Kim, những người cộng sản đã bí mật chuẩn bị để khi cuộc mit-tin vừa diễn ra, nhảy lên, cướp diễn đàn, biến cuộc mit-tin ủng hộ Trần Trọng Kim thành tố cáo Chính phủ của ông là "bù nhìn". Một cuộc biểu tình khác được Xứ ủy quyết định sẽ tổ chức một hoạt động khác, lần này không chỉ là "cướp biểu tình" mà là chính thức "cướp chính quyền". Ngày 19-8-1945, Việt Minh tràn ngập Bắc Bộ Phủ, nơi vốn là Phủ Thống sứ và khi ấy đang là văn phòng của Khâm sai Phan Kế Toại. Người Nhật sau đó đã triển khai một đơn vị xe tăng, hăm dọa cuộc biểu tình. Theo ông Mười Hương, đại diện Việt Minh đã nói với viên chỉ huy quân Nhật: "Nhật không nên can thiệp vào công việc nội bộ của người Việt Nam". Câu nói ấy có thể chỉ tình cờ phát ra để ngăn chặn một mối đe dọa tức thời nhưng cũng chứa đựng biết bao dự báo. Ngay lúc ấy, Quốc Dân Đảng và những người tham gia Chính phủ Trần Trọng Kim đều được gọi là "Đại Việt gian". Cuộc đấu tranh của những người cộng sản ở giai đoạn này chưa phải với ngoại xâm mà với những đảng phái không cộng sản.

[517] An toàn khu.

[518] Trần Nhâm, 2005, trang 14-15.

[519] Nền kinh tế Liên Xô đã được Stalin thiết kế dựa trên nền tảng lý thuyết mà Preobrajensky và Bukharin đã viết trong cuốn ABC của Chủ nghĩa Cộng sản, xuất bản năm 1919. Cho dù cả Bunkharin và Preobrajensky đều đã bị Stalin thanh trừng vào giữa thập niên 1930 nhưng cuốn sách của hai ông đã được dịch ra rất nhiều thứ tiếng như Pháp, Anh, Đức, Tây Ban Nha, Trung Quốc. Từ lý thuyết của Preobrajensky và Bukharin và thực tiễn xây dựng xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô trong thập niên 1930, năm 1952, Stalin viết cuốn Những Vấn Đề Kinh Tế Của Chủ Nghĩa Xã Hội ở Liên Xô. Năm 1953, các nhà lý luận Xô Viết đã dựa trên sách của Stalin để viết ra cuốn "Sách Giáo Khoa Kinh Tế Chính Trị Học". Cả hai cuốn đã được in tới sáu triệu bản trong vòng hơn một năm và trở thành sách "gối đầu giường" của cán bộ các nước xã hội chủ nghĩa. Ở Việt Nam, năm 1953, Nhà Xuất bản Sự Thật đã dịch và xuất bản cuốn sách của Stalin; năm 1956, xuất bản cuốn Sách Giáo Khoa Kinh Tế Chính Trị Học.

[520] Hệ thống được Đảng Lao động Việt Nam thiết lập từ đầu thập niên 1950 và được gọi là Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc, khi dời từ trong Chiến khu về Hà Nội. Ngay sau khi giành được chiến thắng ở miền Nam, ngày 22-12-1975, Ban Bí thư đã quyết định "mở rộng quy mô trường Nguyễn Ái Quốc, theo đó Trường phải "liên tục mở các lớp nghiên cứu sinh" để đưa số học viên từ 1.500 trong năm học 1975-1976 lên 1.800 rồi 2.000 học viên trong hai năm kế tiếp. Năm 1976, Ban Bí thư đã ra quyết định xây dựng trường Nguyễn Ái Quốc II tại Sài Gòn; Nguyễn Ái Quốc III tại Gia Lâm; Nguyễn Ái Quốc IV tại Đà Nẵng và, cuối năm 1976, cho xây dựng tại Hà Nội Trường Đảng Cao cấp Tại chức đảm bảo huấn luyện 3.000 học viên/năm. Ngoài ra, cũng trong năm 1976, Ban Bí thư còn ra quyết định mở rộng Trường Tuyên huấn Trung ương ở Hà Nội và hai tháng sau đó ra quyết định xây dựng trường Tuyên huấn Trung ương II với quy mô 1.000 học viên tại Đà Nẵng.

[521] Như: Bộ trưởng, Thứ trưởng, Vụ trưởng, Trưởng ban các Ban của Trung Ương, Bí thư và Chủ tịch của các tỉnh, Bí thư và Chủ tịch của các huyện, giám đốc các xí nghiệp, Cục trưởng, Vụ trưởng, Viện trưởng...

[522] Novaya Economishéskaya Potika

[523] Theo Giáo sư Trần Nhâm, thư ký của ông Trường Chinh.
[524] Lê Duẩn nhấn mạnh: "Trong chủ nghĩa tư bản, có tiền là mua được tất cả. Trong chủ nghĩa xã hội, đồng tiền không còn vị trí như vậy, cái quyết định là sử dụng lao động xã hội trên cơ sở làm chủ tập thể… Giá cả phải là giá có kế hoạch, hình thành từ trong sản xuất, chứ không phải hình thành do quan hệ cung cầu trên thị trường". Ông đòi hỏi nhà nước phải nhanh chóng thống nhất quản lý và độc quyền kinh doanh những mặt hàng lớn. Lê Duẩn nói: "Phải chống khuynh hướng muốn lấy giá thị trường tự do làm tiêu chuẩn để định giá nhà nước, hoặc khóa tay chúng nó lại, không cho phép tự do mua bán lương thực, nông sản, hàng công nghiệp chủ yếu, tuyên chiến với bọn phá hoại, đầu cơ, buôn lậu, lập lại trật tự xã hội chủ nghĩa trên thị trường".
[525] Trường Chinh chỉ ra bài toán về giá trước Hội nghị Trung ương: "Chúng ta đã bán vật tư với giá thấp, dưới 50% giá trị, khiến cho giá thành tính toán bị sai lệch rất xa so với thực tế, gây thiệt hại mỗi năm hàng trăm tỷ đồng. Với chính sách giá như vậy, hàng năm chúng ta đã để tuột ra khỏi tay mình một khối lượng lớn vật tư nhập khẩu. Đưa một tỷ rúp vật tư ra, ta chỉ thu về khoảng 20 tỷ đồng. Nếu tính theo tỷ giá hối đoái 100 đồng/ rúp thì số mất lại càng lớn hơn, tới 130 tỷ đồng. Điện là một sản phẩm hàng hóa đặc biệt, chỉ có Nhà nước độc quyền kinh doanh, nhưng ta đã bán với giá rất thấp hơn hàng chục lần so với giá thành sản xuất, làm thiệt hại hàng năm gần tới gần 40 tỷ đồng. Xăng dầu, than, sắt thép, xi măng…tình hình cũng tương tự. Nhà nước mất mỗi năm hàng trăm tỷ đồng. Từ cuối năm 1983 lại đây, ta mới vận động mua công trái chưa được 2 tỷ đồng… đủ thấy mất mát của chúng ta quá lớn, không có nguồn thu nào bù đắp được".
[526] Theo ông Trần Việt Phương: Trường Chinh và Lê Duẩn luôn thể hiện sự tôn trọng nhau. Tôi nghe cả hai ông kể về những ngày ở tù. Phía sau Hỏa Lò có một con đường chạy sang tòa án. Người Pháp thường đưa tù tử hình ra xử bắn ở đấy vào lúc 2-3 giờ sáng. Trường Chinh nói: "Có những lần chúng tôi đau mà không khóc, nhìn cảnh người ta xử tử ngay dưới lòng đường". Họ là những người đã từng gắn bó nhau sinh tử. Lúc bấy giờ những người trong Bộ Chính trị chuẩn bị phát biểu gì đều gửi cho các ủy viên Bộ Chính trị khác để xin ý kiến. Lê Duẩn có một chỉ thị: "Nếu các ủy viên khác có ý kiến về bài của tôi thì phải cho tôi biết, nếu anh Năm chữa gì thì cứ thế mà chấp hành". Ông Lê Duẩn biết ông Trường Chinh rất thận trọng. Trường Chính biết có những điều mình và Lê Duẩn không hợp nhau, nhưng ông không bao giờ chữa, chỉ chữa những lỗi chữ nghĩa.
[527] Nhiều tháng trước Hội nghị Trung ương 6, ông Lê Duẩn đã sử dụng mười chuyên gia giúp việc để chắp bút bản báo cáo này. Theo ông Trần Phương, người có tham gia thảo luận trong quá trình hình thành "mười quy luật kinh tế" của ông Lê Duẩn, các ông Trần Phương, Trần Quỳnh, Hoàng Tùng, Đống Ngạc là người chấp bút chính bài phát biểu nói trên của ông Lê Duẩn.
[528] Trần Nhâm, 2005, trang 117.
[529] Sài Gòn Giải Phóng, 15-9-1985.
[530] Tuổi Trẻ, 16-9-1985.
[531] Trần Nhâm, 2005, trang 120-121.
[532] Trần Nhâm, 2005, trang 119.
[533] Sđd, trang 58-60.
[534] Tài liệu lưu trữ cá nhân của Giáo sư Trần Đình Bút.
[535] Nhà kinh tế học mà quan điểm của ông được áp dụng ở Tiệp Khắc hồi giữa thập niên 1960.
[536] Những phát biểu của Paskar và các ý kiến liên quan đến bài báo của Giáo sư Đào Xuân Sâm trong đoạn này được trích từ biên bản họp Hội đồng Bộ trưởng ngày 8-5-1986.
[537] Trần Nhâm, 2005, trang 270.
[538] Nguyễn Thụy Nga, 2000, trang 204.
[539] Theo ông Đoàn Duy Thành và Hoàng Tùng, tháng 12-1985, ông Lê Duẩn yếu dần và thường không còn tham gia họp Bộ Chính trị, Trường Chinh xử lý hầu hết các công việc trong Đảng. Thế nhưng, Lê Đức Thọ vẫn lên Hồ Tây thăm và xin Lê Duẩn: "Anh ốm, sức khỏe của anh bắt đầu hạn chế, anh giới thiệu với Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương để tôi thay anh đi". Ông Lê Duẩn nói: "Với tình hình Đảng ta bây giờ, anh chưa thay tôi được mà phải Trường Chinh". Tháng 4-1986, Lê Đức Thọ lại đến, lần này đi hai vợ chồng. Ông Thọ, được tả là đã quỳ xuống chân Lê Duẩn nhưng bị Lê Duẩn hất ra: "Anh lạ thật, tôi đã từ chối rồi. Những khi nào cần nổi danh là anh cứ xin tôi, đi Paris, rồi đi miền Nam khi sắp giành chiến thắng. Tôi đã nói rồi, Trường Chinh".
[540] Bản ghi phát biểu của Lê Đức Thọ tại Hội nghị.
[541] Trước Đại hội V, tháng 3-1982, Lê Đức Thọ chuẩn bị một đề án thiết lập chế định Chủ tịch Đoàn trong Đảng, theo đó: năm vị đang giữ cương vị cao nhất trong Đảng sẽ giữ chức chủ tịch Đảng; Lê Duẩn, nhà lãnh đạo cao nhất sẽ giữ chức danh Chủ tịch Đoàn Chủ tịch; một trong năm vị chủ tịch sẽ giữ chức tổng bí thư, vị trí được cho là của Lê Đức Thọ. Theo ông Việt Phương, thư ký Tổng Bí thư Lê Duẩn, thì đây là mô hình mô phỏng Trung Quốc; ở Trung Quốc khi áp dụng mô hình này, Đặng Tiểu Bình, tuy không ở trong Chủ tịch Đoàn nhưng đã giữ chức tổng bí thư, một cương vị tuy thấp hơn nhưng có thực quyền vì xử lý thường vụ mọi vấn đề trong Đảng. Đề án của Lê Đức Thọ đã làm cho nhiều người lo lắng: sau khi "tôn vinh" Lê Duẩn làm chủ tịch, thực quyền sẽ thuộc về "Tổng Bí thư" Lê Đức Thọ. Tuy nhiên, Lê Duẩn đã dập tắt ý định này khi mở đầu cuộc họp, ông tuyên bố: "Ở Việt Nam chỉ có Bác xứng đáng làm chủ tịch Đảng. Ai muốn làm chủ tịch thì cứ làm, tôi không dám".

[542] Thoạt đầu, Tố Hữu được ông Lê Duẩn "bồi dưỡng" để kế nhiệm chức Tổng bí thư, nhưng thất bại của cải cách Giá-Lương-Tiền đã đánh mất nốt chút uy tín còn lại của một "nhà thơ đi làm kinh tế".
[543] Tố Hữu không bị cách chức ông vẫn được đưa vào danh sách ứng cử vào Ban chấp hành Trung ương tại Đại hội VI nhưng thất cử (cùng với Hoàng Tùng).
[544] Ông Phạm Văn Đồng được những người giúp việc đánh giá là "một nhà văn hóa hơn là một nhà kinh tế". Ông thường tự tay soạn thảo các phát biểu của mình rồi mới đưa cho thư ký chữa thay vì thư ký chuẩn bị như những người khác. Theo Việt Phương: "Ông nghĩ sâu xa cân nhắc trước khi viết ra, nói ra". Bằng một thứ tiếng Pháp lưu loát, ông Phạm Văn Đồng rất dễ gây cảm tình với các nhà báo và các đồng sự quốc tế. Bên trong, với tác phong giản dị, nhân hậu, ông cũng có được sự yêu mến của cấp dưới và công chúng.
Ông Phạm Văn Đồng sinh năm 1906 ở xã Đức Tân, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Thường được gọi là anh Tô. Sự nghiệp cách mạng của ông bắt đầu từ phong trào bãi khóa chống Pháp của học sinh, sinh viên năm 1925, nhân đám tang của nhà chí sỹ Phan Châu Trinh. Năm 1926, ông sang Quảng Châu dự lớp huấn luyện cách mạng do Hồ Chí Minh tổ chức và gia nhập Việt Nam Thanh niên Cách mạng Đồng chí Hội. Tháng 7-1929, ông bị người Pháp bắt, bị kết án mười năm tù và bị đày đi Côn Đảo. Mãi tới năm 1936, ông mới được ra tù để rồi năm 1940, cùng Võ Nguyên Giáp, bí mật sang Trung Quốc cùng gia nhập Đảng Cộng sản Đông Dương và được Nguyễn Ái Quốc giao nhiệm vụ về nước xây dựng căn cứ địa ở biên giới Việt - Trung. Tại Quốc dân Đại hội Tân trào, năm 1945, ông được bầu vào Ủy ban Thường trực gồm năm người thuộc Ủy ban Dân tộc Giải phóng, chuẩn bị cho Cách mạng tháng Tám.
Trong chính phủ đầu tiên của Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng là bộ trưởng tài chính và sau đó kiêm thêm chức phó trưởng Ban Thường vụ Quốc hội. Tháng 6-1946, khi Bộ trưởng Ngoại giao Nguyễn Tường Tam từ chối đi Pháp dự Hội nghị Fontainebleau, ông được Hồ Chí Minh cử thay Nguyễn Tường Tam làm Trưởng phái đoàn Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tham gia hội nghị. Từ tháng 7-1949, ông là phó thủ tướng duy nhất trong chính phủ do Hồ Chí Minh đứng đầu, mặc dù, mãi tới Đại hội II, năm 1951, ông mới trở thành ủy viên Bộ Chính trị. Ông Đồng là người nhận lãnh sứ mệnh lịch sử khi được cử làm Trưởng phái đoàn Chính phủ dự Hội nghị Genève về Đông Dương, nơi, ông ký vào bản Hiệp định chia Việt Nam thành hai miền Nam - Bắc. Từ tháng 9-1955, ông làm thủ tướng rồi chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng cho đến năm 1987. Ông Phạm Văn Đồng đứng đầu chính phủ trong một giai đoạn mà nền kinh tế vận hành dựa trên nguyên tắc kế hoạch hóa tập trung. Cả miền Bắc như một cỗ máy đã được lập trình, vai trò hình thành chính sách gần như không đáng kể. Cho dù, ông là người ký các nghị định của chính phủ ban hành chính sách cải tạo công thương nghiệp ở cả miền Bắc, hồi năm 1958, và miền Nam, năm 1977, Phạm Văn Đồng chỉ là người thừa hành chứ không phải là tác giả. Cũng có một số chính sách xuất hiện khi ông Phạm Văn Đồng còn là thủ tướng có tác dụng tháo gỡ những khó khăn trong sản xuất kinh doanh như: Nghị quyết Trung ương 6, khóa IV, tháng 6-1979; Quyết định 25-CP, 21-1-1981. Nhưng, vai trò của Phạm Văn Đồng trong đổi mới là rất mờ nhạt. Theo Hà Nghiệp, vào thời điểm ấy, xung quanh Phạm Văn Đồng không còn người giỏi nữa. Trợ lý xuất sắc nhất của ông là Việt Phương, sau khi xuất bản tập thơ "Cửa Mở" đã bị tách ra.
Về đời tư, ông Phạm Văn Đồng là một người không may mắn. Năm 1946, ông lấy vợ, bà Phạm Thị Cúc, nhưng chỉ một tuần sau khi cưới, chiến tranh bùng nổ, ông được cử làm đặc phái viên của Trung ương Đảng và Chính phủ tại Nam Trung bộ. Cuối năm 1948, bà Cúc được đưa vào với chồng. Sau nhiều tháng đi bộ, tháng 3-1949, bà tới nơi nhưng gặp chồng chỉ được chưa đầy tuần thì Phạm Văn Đồng lại có lệnh ra Bắc. Năm ấy bà Cúc chỉ mới hai mươi ba tuổi. Có lẽ hoàn cảnh ấy đã tác động lớn tới tinh thần của bà, năm 1950 bà bắt đầu bị bệnh tâm thần phân liệt. Ông Trần Việt Phương kể: "Lúc đầu chỉ là một cơn kịch phát sau đến mức bị trầm uất, các bác sỹ Nga và Trung Quốc đều tận tình nhưng rồi không chữa được. Một lần, các bác sỹ nhận thấy chị Cúc rất nhớ chồng. Họ nói với tôi là nên đưa chị về để anh chị gần nhau, hy vọng là điều ấy có thể giúp cải thiện tình trạng bệnh tình của chị. Tôi về, nói với Phạm Văn Đồng, anh đồng ý, chỉ nhờ tôi tìm giúp các phương tiện tránh thai. Hai ngày sau, Phạm Văn Đồng mang trả tôi các bao cao su rồi lắc đầu: họ nhầm. Về sau, chị Cúc được đưa về một ngôi nhà ở phố Phúc Hạo. Mỗi lần Phạm Văn Đồng ra, anh đưa tay cho vợ, chị Cúc cũng đưa tay ra, nhưng hai bàn tay run lên bần bật, chới với, mong muốn mà không nắm nổi tay chồng. Tôi nhận thấy cả hai, một tỉnh, một không, đều rất đau đớn". Ông Phạm Văn Đồng sống cô độc như thế cho đến tận cuối đời cho dù nhiều lần, nhiều người trong Trung ương có khuyên ông lấy vợ. Ông Việt Phương nói: "Hồ Chí Minh ủng hộ lựa chọn này của Phạm Văn Đồng". Bà Cúc kịp sinh cho ông một người con trai tên là Phạm Sơn Dương trước khi bệnh tình của bà trở nên vô phương cứu chữa.
[545] Ngày 20-9-1986, trên tờ Pravda, Gorbachev nói về "Đổi mới, làm chủ và sáng tạo". Ngày 1-10-1986, Gorbachev cho rằng: "Cái cũ không dễ dàng đầu hàng, phải dũng cảm để đưa ra cái mới". Ngày 11-10-1986, các báo Việt Nam vừa đưa tin về cuộc gặp giữa Gorbachev và Tổng thống Mỹ Reagan tại Iceland vừa đăng phát biểu của Gorbachev trước đó tại Đảng Khu ủy Graxnoda: "Dân chủ như không khí, như đòn bẩy nâng cả xã hội vào công cuộc đổi mới".
[546] Chính những cải cách mà Gorbachev tiến hành vào tháng 2-1986 tại Đại hội 27 Đảng Cộng sản Liên Xô như glasnost (mở cửa), perestroika (cải tổ)… đã dẫn đến chấm dứt hoàn toàn chiến tranh lạnh và làm sụp đổ căn bản hệ thống xã hội chủ nghĩa chỉ trong một nhiệm kỳ của Gorbachev.
[547] Theo Ogomolov: "Trong cải tổ kinh tế, có một số vấn đề then chốt mà, theo tôi, chúng ta sượng sùng lảng tránh. Đó là vấn đề thị trường dưới chế độ xã hội chủ nghĩa. Từ thị trường phần lớn được nhắc tới một các tiêu cực". Sau khi phát biểu này đăng trên tờ Sự Thật, nhà kinh tế Clagoliev nói lại, cũng trên Sự Thật: "Trong tất cả các kiểu thổi phồng của tuyên truyền tư bản xét lại thì huyền thoại về thị trường là nguy hiểm hơn cả".

[548] Phần chủ yếu phải viết lại trong Báo cáo Chính trị là phần kinh tế. Ba vấn đề lớn mà Tổ Biên tập báo cáo xin ý kiến Trưởng Chinh: Đổi mới tư duy về cơ cấu kinh tế, cơ cấu đầu tư, khắc phục khuynh hướng ham công nghiệp nặng và công trình lớn, chuyển hướng đầu tư và phát triển sản xuất vào ba mục tiêu cơ bản và cấp bách để vượt qua khủng hoảng kinh tế-xã hội là lương thực, thực phẩm - hàng tiêu dùng - hàng xuất khẩu; Chấp nhận nền kinh tế nhiều thành phần, coi kinh tế cá thể và tư nhân còn cần thiết và tồn tại lâu dài trong thời kỳ quá độ. Kinh tế quốc doanh giữ vai trò chủ đạo, cùng với kinh tế tập thể và kinh tế gia đình gắn với nó hợp thành lực lượng kinh tế xã hội chủ nghĩa chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế; việc cải tạo các thành phần kinh tế khác là nhiệm vụ lâu dài, gắn với yêu cầu sử dụng, phát huy khả năng của họ theo phương châm: sử dụng để cải tạo, cải tạo để sử dụng tốt hơn; Đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển sang cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Lúc này, mới chấp nhận kinh tế hàng hoá và sử dụng quan hệ hàng hoá-tiền tệ để xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, chưa giải thoát được nhận thức coi kinh tế thị trường và cơ chế thị trường không dung hợp với chủ nghĩa xã hội.

[549] Tướng Lê Trọng Tấn cùng với Tướng Hoàng Văn Thái là hai chỉ huy quân đội đã sát cánh với Tướng Giáp suốt hai cuộc kháng chiến, cả hai người đều có mặt tại Điện Biên Phủ. Tướng Giáp cho rằng Lê Trọng Tấn là "một trong các vị tướng giỏi nhất Việt Nam qua các thời đại". Chính Đại Đoàn 320 của Lê Trọng Tấn đã cắm cờ trên hầm De Castries, dành chiến thắng huy hoàng ở Điện Biên Phủ. Ba mươi mốt năm sau, cũng chính chiếc xe tăng 390 nằm trong Cánh Quân Phía Đông của Lê Trọng Tấn đã húc đổ cổng Dinh Độc Lập, kết thúc cuộc chiến tranh thống nhất hai miền Nam Bắc. Ngày 18-10-1986, tại Đại hội Đảng Toàn Quân, Lê Trọng Tấn được bầu làm trưởng đoàn đại biểu quân đội đi dự Đại hội Đảng lần thứ VI.

[550] Ông Lữ Minh Châu kể rằng, tháng 6-1986, khi đang làm giám đốc Ngân hàng Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh, trong một ngày, ông nhận được điện của Ban Tổ chức Trung ương gọi ra Hà Nội. Cầm bức điện mật trong tay mà ông không rõ là bị "triệu" bởi một việc lành hay dữ. Đến chiều, ông biết mình trở thành tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam khi nghe Đài Tiếng nói Việt Nam đưa tin về Quyết định bổ nhiệm ông của Bộ Chính trị. Người mà ông Châu gặp khi ra tới Hà Nội không phải là nhân vật đứng đầu Chính phủ của ông mà là Lê Đức Thọ. Ông Đỗ Quốc Sam cũng được nhấc từ "ghế" Hiệu trưởng trường Đại học Xây dựng về làm Chủ nhiệm Ủy ban Xây dựng Cơ bản Nhà nước vào tháng 6-1982 theo cách đột ngột như vậy. Ông Sam kể lại rằng, khi ông đến dự phiên họp Chính phủ đầu tiên, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã phải hỏi: "Anh là ai? Tại sao lại ngồi ở đây?". Vụ trưởng Vụ Tổng hợp Văn phòng, đang làm thư ký phiên họp, đã phải đỡ lời: "Thưa, đây là anh Đỗ Quốc Sam, thành viên mới của Chính phủ ạ".

[551] Lê Đức Thọ, Người Cộng sản Kiên cường…, Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia 2011, trang 69.

[552] Trích Hồi ký của ông Nguyễn Thành Thơ: Trước Đại hội IV, anh Thọ kêu tôi đến gặp. Ngang Sở Nông nghiệp Thành phố, ngang đường Cách mạng Tháng Tám, có con đường đi sâu vô ruột khu phố, nơi có nhiều biệt thự do công an quản lý. Tôi đến một biệt thự rộng lớn, anh Thọ bảo bảo vệ cán bộ nhân viên tản ra các biệt thự xung quanh, anh dắt tôi lên lầu, chỉ hai người ngồi bàn ngang nhau, anh có sổ và cầm viết ghi. Anh nói: "Tôi cần hỏi anh một số câu, để có quyết định về anh: quê anh thuộc về đảng bộ nào?". Tôi nói, khi Châu Văn Liêm, thường vụ Xứ ủy, chuyển từ "Thanh niên Đồng chí Hội" sang lập "An Nam Cộng sản Đảng", có đến công tác ở xã tôi. Anh Nhung ở Vĩnh Long làm thầy giáo ở Ô Môn, đã được Châu Văn Liêm kết nạp vào Đảng một lượt với Ung Văn Khiêm, Hà Huy Giáp. Cùng lúc thành lập chi bộ Cờ Đỏ. Ngày đầu, đảng bộ quê tôi thuộc về đảng bộ Châu Văn Liêm. Trả lời xong câu hỏi này, thấy anh Sáu Thọ trầm ngâm. Lê Đức Thọ hỏi tiếp: "Anh có quen biết Trần Văn Giàu không?". Tôi nói: "Lúc nhỏ đọc báo nói về vụ Des Champs, Pháp đưa hơn năm mươi người cộng sản bị bắt ra tòa, có viết những câu hỏi của tòa và trả lời của Trần Văn Giàu, tôi rất thích, như: Tòa hỏi: 'Anh làm nghề gì?'; anh Giàu trả lời: 'Tôi đã nói, tôi làm cách mạng chuyên nghiệp, còn làm nghề gì nữa'. Tòa hỏi: 'Làm sao anh đi Nga được?'. Anh Giàu trả lời: 'Tôi có ý chí làm cách mạng là tôi đi được'. Sau này gặp anh Giàu tôi thuật lại, anh Giàu cười nói: 'Trước tòa tôi khai dóc chứ từ Pháp đi Liên Xô có gì là khó". Sau khi xác minh thấy tôi "không có quan hệ gì với Trần Văn Giàu", ông Lê Đức Thọ nói: "Tôi sẽ giới thiệu cho Đại hội, bầu anh vào Trung ương Đảng, sau khi đắc cử sẽ rút anh đi khỏi thành phố". Thế là ông Mười Thơ trở thành ủy viên Trung ương khóa IV.

Đến Đại hội V, tháng 3-1982, tôi được Ban Chấp hành Trung ương Đảng giới thiệu về tỉnh Hậu Giang ứng cử đại biểu đại hội V. Tôi dự cuộc họp Trung ương khóa IV, lần cuối, đóng góp dự thảo báo cáo Đại hội V và danh sách đề cử trung ương ủy viên, trong danh sách đầu tiên có tên tôi. Chiều lại, anh Sáu Thọ kêu tôi đến gặp. Tôi nói với các đồng chí trong Tổ: "Chắc tôi phải rút ra khỏi danh sách đề cử đây"; rồi cười xách cặp đi. Đến nhà khách của Ban Bí thư, tôi ngồi trên ghế salon cá nhân ngang mặt với Sáu Thọ, anh biểu qua ngồi ghế salon với anh, rồi nói: "Tôi đối với anh sao anh cũng biết, các đồng chí Bộ Chính trị găng với anh lắm, trong cùng khóa Ban Chấp hành Trung ương mâu thuẫn nhau, sẽ ảnh hưởng lãnh đạo chỉ đạo của Trung ương. Tôi đề nghị anh vì sự nghiệp lớn của Đảng, anh hi sinh cho chúng tôi đưa tên anh ra khỏi danh sách giới thiệu vào Trung Ương Khóa V. Sau Đại hội, công tác của anh ra Bắc vô Nam thoải mái". Tôi phát biểu: "Tôi tham gia cách mạng hồi mấy tuổi, luôn được điều đi nơi khó, và được giao trọng trách lúc khó. Tôi không nghĩ có thể sống đến độc lập thống nhứt. Giờ đương còn sống là lời quá sức rồi, có gì không hi sinh được. Nếu thấy tôi ở Trung ương làm mất đoàn kết, trở ngại cho Trung ương phát huy vai trò, tôi sẵn sàng rút tên, các anh cứ bôi tên tôi khỏi danh sách đề cử vào Trung ương đi". Nói xong, tôi đứng dậy chào và về tổ họp. Đến khi họp Trung ương, danh sách giới thiệu ra ứng cử không có tên tôi. Mười Kỷ đi gặp Lê Duẩn hỏi về chuyện bôi tên Mười Thơ trong danh sách đề cử vào Trung ương, ông Ba Duẩn nói: "Tôi không tán thành bôi tên Hai Văn, Mười Thơ, Năm Vận, Mười Kỷ". Hôm khai mạc Đại hội Đảng lần V, trên đường vào hội trường, tôi gặp Mai Chí Thọ, anh ôm tôi rất tha thiết nói: "Trường đồ tri mã lực, cửu nhựt kiến nhân tâm" (Đường dài mới biết ngựa hay/ Lâu ngày lòng người mới tỏ). Giờ giải lao, anh Đinh Đức Thiện khều tôi ra sân nói: "Mầy cho tao kêu

mầy bằng mầy, vì tao lớn hơn mầy nhiều tuổi. Tao đi hết các tỉnh miền Tây, nếu mầy như họ nói, không thể có miền Tây anh hùng như vậy. Tao nói với ông Sáu Thọ, giải quyết cán bộ như thế, sau nầy họ sẽ đào mồ, cuốc mả cha mẹ mình lên". Tôi nắm chặt hai tay anh Thiện nói: "Tôi nhận anh là anh tôi". Cũng trong thời gian họp, anh Hai Văn điện thoại kêu tôi đến nơi ở đoàn đại biểu tỉnh Cửu Long gục đầu xuống bàn khóc, nước mắt chảy ướt mặt bàn. Sau Đại hội anh Nguyễn Văn Linh gặp tôi nói: Tôi có hỏi anh Sáu Thọ về việc bôi tên anh trong danh sách đề cử vào Trung ương, anh Sáu Thọ trả lời: "Tôi nói với nó, nó trả lời với tôi không đầy ba phút, đứng dậy đi, nếu nó năn nỉ tôi, tôi đã cho ở lại". Tôi nói với anh Sáu Thọ: "Người cộng sản chân chính không bao giờ năn nỉ đâu". Rồi anh Linh lại nói: "Tôi làm sao đấu tranh cho lẽ phải được, anh thấy hoàn cảnh tôi không, trong Đại hội nầy người ta vận động không bỏ thăm cho tôi, kết quả tôi đạt được số thăm đắc cử là may lắm".

[553] Lê Đức Thọ Người Cộng sản Kiên cường…, Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia 2011, trang 69.

[554] Theo ông Nguyễn Đức Tâm, khi chưa thuyết phục được Bộ Chính trị rằng ai sẽ làm tổng bí thư, ông Tâm đã hỏi Lê Đức Thọ: "Tình hình khó khăn quá, anh nên nhận chức tổng bí thư đi, dễ thống nhất hơn?". Lê Đức Thọ nói: "Mình đã nhiều tuổi, sức khỏe cũng kém, để đồng chí khác làm tốt hơn"(Bài viết của Nguyễn Đức Tâm do ông Nguyễn Đình Hương cung cấp).

[555] Thư ký của ông Trường Chinh, ông Trần Nhâm nói, Trường Chinh đã chịu áp lực, kể cả đe dọa, để buộc phải rút lui, nhưng ông Nguyễn Khánh thì cho rằng không có sự đe dọa.

[556] Bài phát biểu, còn được diễn đọc lại tại Đại hội Công khai vào ngày 18-12-1986, viết: "Chúng ta sắp bầu các ủy viên Ban Chấp hành Trung ương mới… Trong danh sách đề cử vào Ban Chấp hành Trung ương khóa VI, thể theo đề nghị của đồng chí Trường Chinh, đồng chí Phạm Văn Đồng và đồng chí Lê Đức Thọ, Đoàn Chủ tịch Đại hội nhất trí tôn trọng quyền không ứng cử của ba đồng chí vì tuổi cao, sức đã yếu. Cử chỉ cao đẹp của ba đồng chí làm nổi bật truyền thống quý báu của dân tộc ta, của Đảng ta là: Thế hệ trước ân cần dìu dắt thế hệ sau và thế hệ sau kế tục trung thành sự nghiệp của thế hệ trước". Sau khi "long trọng truyên dương" cả "ba đồng chí", ông Phạm Hùng đề nghị "Đại hội trao trách nhiệm cao cả" làm cố vấn cho cả ba bậc công thần của Đảng.

[557] Lê Đức Thọ Người Cộng sản Kiên cường…, Nhà Xuất bản Chính trị Quốc gia 2011, trang 70.

[558] Đại Tướng Lê Đức Anh, Nhà Xuất bản Quân Đội Nhân Dân, 2005.

[559] Phạm Văn Trà, 2009, trang 326-327.

[560] Phạm Văn Trà, 2009, trang 327-328.

[561] Mai Xuân Tần, 2005, trang 176.

[562] Mai Xuân Tần, 2005, trang 176.

[563] Sđd, trang 177.

[564] Theo điệu bài hát Anh Ở Đầu Sông Em Cuối Sông, Phan Huỳnh Điểu.

[565] Văn Lê, thơ.

[566] Mìn zip và K58 thường không làm chết người. Mìn zip thì cắt đứt gót chân của những người đạp phải nó. Mìn K58 thì bật lên và nổ ở độ cao khoảng 80cm, sức sát thương đủ cắt đứt hai chân của người lính dẫm lên nó và còn có khả năng sát thương cả người đi phía sau, phía trước.

[567] Điều tra của Ben Kiernan trong cuốn The Pol Pot Regime cho rằng: 1,67 triệu người, tương đương với 21% dân số Campuchia lúc ấy (7,89 triệu người) đã bị chết dưới bàn tay Khmer Đỏ; 100% người Việt, với mười nghìn sống trong các đô thị và mười nghìn người khác sống ở các vùng nông thôn, đều bị Khmer Đỏ giết sạch. Tuy, được hậu thuẫn bởi Bắc Kinh, nhưng chế độ Khmer Đỏ cũng không tha mạng cho người Hoa. Khoảng 50% người Hoa sống ở Campuchia, tương đương với 215 nghìn người đã phải chết dưới bàn tay Pol Pot.

[568] Đại sứ Việt Nam tại Campuchia giai đoạn 1979-1991.

[569] Ngô Điền, 1992, trang 63.

[570] Ngô Điền, 1992, trang 63.

[571] Sđd, trang 60.

[572] Ngô Điền, 1992, tr 60.

[573] Hun Sen sinh năm 1952 (Năm sinh trong lý lịch là 1951) quê ở huyện Stưng Troong, Kongpong Cham. Khi còn học phổ thông, Hun Sen có tham gia phong trào học sinh, bị khủng bố, lánh về Kratie buôn hàng tiếp tế cho Quân Giải phóng miền Nam. Khi Lonnol đảo chính, Hun Sen chạy theo bộ đội Việt Nam và sau đó tham gia một đơn vị vũ trang Campuchia do bộ đội Việt Nam huấn luyện. Năm 1972, Hun Sen đã lên đến tiểu đoàn trưởng. Năm 1975, khi tham gia "giải phóng Kompong Cham", Hun Sen bị thương nặng và hỏng mắt trái. Thời Pol Pot, Hun Sen là trung đoàn phó, tham mưu trưởng Trung đoàn Vùng 21. Tháng 6-1977, trung đoàn của Hun Sen được lệnh chuẩn bị tác chiến, trinh sát về báo, mục tiêu được giao là đồn biên phòng Hoa Lư của Việt Nam. Sau khi một số cán bộ trung đoàn được gọi về quân khu học tập không thấy quay trở lại, Hun Sen cùng với một số cán bộ tâm phúc khác chạy thoát sang Việt Nam. Hun Sen đã được hai cán bộ Việt Nam tiếp đón và giúp đỡ trong thời kỳ đầu, ông Tám Quang và Ba Cung, đánh giá rất cao. Sau một số lớp huấn luyện đầu tiên, Hun Sen đã viết những kiến nghị có tầm chiến lược, được nói là, đã làm cho các cán bộ Việt Nam kinh ngạc. Khi trở thành bộ trưởng, biết mình bắt đầu từ số không, Hun Sen, với tư chất thông minh, đã nỗ lực hết mình để học tập. Theo ông Ngô Điền: "Bộ Ngoại giao Việt Nam nhanh chóng soạn một giáo trình sơ đẳng về ngoại giao, cử cán bộ sang giúp tôi mở lớp đào tạo

cấp tốc. Hun Sen học trước, học riêng và học rất chăm, sau đó tự mình lên bục giảng lại bài cho các cán bộ Campuchia khác". Cách làm này vừa giúp Hun Sen nắm bài chắc hơn vừa giúp ông kiến tạo uy tín trong hàng ngũ cán bộ Campuchia. Theo ông Ngô Điền, khác với Pen Sovan, muốn tỏ ra tự mình làm được, không chịu tranh thủ sự giúp đỡ của chuyên gia, anh Hun Sen lúc đầu luôn khai thác chuyên gia, học rồi hỏi. Nhưng, những việc như chọn cán bộ, giải quyết các mối quan hệ nội bộ thì Hun Sen lại thường tự làm.

[574] Ngô Điền, 1992, trang 65.

[575] Sđd, trang 76.

[576] Pen Sovan bị đưa trở lại Hà Nội giam giữ cho tới ngày 25-1-1992.

[577] Theo Tướng Lê Đức Anh: "Trở về Hà Nội, Bộ Chính trị họp bàn xét vụ này. Lúc đó, tôi nhớ anh Tô (Phạm Văn Đồng) đã phê phán rất gay gắt và đề nghị một mức kỷ luật rất nặng đối với toàn bộ cán bộ chủ chốt của Bộ Tư lệnh 479 và 719 có liên quan đến vụ việc. Tôi nghĩ, lúc đó bất cứ ai đứng vào cương vị và nhiệm vụ của tôi cũng cảm thấy rơi vào trạng thái khó xử, vì nếu tình hình chỉ thuần túy là anh em tự động làm, sai đến đâu kiểm điểm kỷ luật đến đó thì không khó. Nhưng đằng này lại có chuyện đồng chí Hồ Quang Hóa có ra Hà Nội báo cáo cấp trên. Vậy thì mấy ông 'cấp trên' này trách nhiệm đến đâu phải do Bộ Chính trị định đoạt. Bởi vậy, tôi đề nghị với Bộ Chính trị là giao cho tôi xử lý thì tôi chỉ xin xử lý những việc cụ thể và những con người cụ thể của Bộ tư lệnh 719 và 479 có liên quan thôi. Bộ Chính trị chấp nhận. Tôi cũng đề xuất Bộ Chính trị nên cử một đồng chí có cương vị cao, thay mặt Đảng ta sang xin lỗi Đảng bạn, Bộ Chính trị nhất trí cử anh Chu Huy Mân" (Đại tướng Lê Đức Anh, Nhà Xuất bản Quân Đội Nhân Dân, 2005, tr 186-187). Theo ông Lê Đức Anh: "Việc đầu tiên, tôi điện sang ngừng tất cả các cuộc bắt bớ và thả tất cả những người đã bắt. Tôi vào Thành phố Hồ Chí Minh, sang Camphuchia, yêu cầu các đồng chí có trách nhiệm, không chỉ của Mặt trận 479 mà cả các mặt trận khác lên báo cáo tình hình. Tôi nghe rất kỹ, hỏi rất kỹ và đi kiểm tra thực tế thì thấy rằng các đồng chí không hề có ác ý hay thủ đoạn gì ở đây, chẳng qua chỉ là do ấu trĩ và nôn nóng nên dẫn đến sai lầm… Không kỷ luật thì không được nhưng kỷ luật nặng quá cũng không nên. Cuối cùng chỉ kỷ luật hai người, mỗi người hạ một sao cho về nước" (Đại Tướng Lê Đức Anh, trang 188). Hai nhân vật mà ông Lê Đức Anh đề cập là Thiếu tướng Hồ Quang Hóa và Thiếu tướng Tư Thanh, tư lệnh Mặt trận 479, cả hai bị giáng cấp xuống đại tá. Ông Hồ Quang Hóa còn bị đưa ra khỏi Ban Chấp hành Trung ương, nơi ông chỉ vừa mới được bầu vào hồi tháng 3-1982.

[578] Tháng 10-1985, Tổng Bí thư Lê Duẩn tới Phnom Penh dự Đại hội lần thứ V Đảng Nhân dân Cách mạng Campuchia. Theo ông Ngô Điền: "Anh Lê Duẩn lúc đó đã bảy mươi tám tuổi, ăn uống phải theo chế độ cẩn thận. Anh Heng Samrin định đến ăn tối với đoàn nhưng do buổi tối anh Duẩn chỉ ăn nhẹ trong phòng riêng nên anh thu xếp ăn trưa cùng đoàn ở nhà khách Chamcar Mon. Suốt bữa ăn, anh Ba Duẩn nói say sưa về một số đề tài mà anh thường nhắc đi nhắc lại: làm chủ tập thể, xây dựng 400 pháo đài cấp huyện… Anh Heng Samrin không nói chen vào được bao nhiêu, chủ yếu ngồi nghe. Anh Ba Duẩn ăn ít, xong phần mình, anh nói: 'Thôi nhé, ta đi nghỉ', rồi kéo ghế đứng dậy đi về buồng mình ở ngay sau chỗ anh ngồi. Anh Heng Samrin đành thôi ăn, đứng dậy… Chắc anh Lê Duẩn không nghĩ ngợi gì, cho là cách xử sự của mình là bình thường. Mới hay tư tưởng nước lớn của ta đối với bạn đã ăn sâu và trở thành tự nhiên đến vậy" (Ngô Điền, 1992, trang 86).

[579] Trần Quang Cơ, 2003, trang (?).

[580] Tháng 8-1980, chiến sự xảy ra ác liệt ở điểm cao 1992, thuộc Sín Mần. Tháng 5-1981 Trung Quốc lại tiến đánh các cao điểm 1800A-1800B, thuộc Lao Chải, Hà Tuyên. Cũng tháng 5-1981, trên tuyến Đông Bắc, Trung Quốc tiến đánh bình độ 400, thuộc Cao Lộc, cao điểm 820, 630, thuộc Thất Khê, Lạng Sơn. Tháng 2-1982 Trung Quốc đánh vào Đồng Văn, Mèo Vạc, tháng 4-1983, đánh Mường Khương…

[581] Ngày 26-3-1984, khi Quân Tình nguyện Việt Nam mở đợt tấn công lớn, phá vỡ các căn cứ của Khmer Đỏ tại biên giới Thái Lan, Trung Quốc liền điều quân và trong suốt hơn ba tuần lễ - từ ngày 2-4 đến 27-4-1984 - pháo kích cấp tập vào 205 mục tiêu ở hai mươi khu vực thuộc sáu tỉnh biên giới Hà Tuyên, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Cao Bằng, Hoàng Liên Sơn, Lai Châu. Có ngày, Trung Quốc bắn tới hơn 6.000 viên đạn pháo, có nơi phải chịu từ 1.000-3.000 viên đạn mỗi ngày. Nơi xa nhất bị bắn phá là thị xã Hà Giang, cách biên giới 18km. Trong các ngày từ 28-4 đến 30-4-1984, Trung Quốc bắn 12.000 quả đạn pháo vào sáu điểm tựa của Việt Nam để chi viện cho bộ binh tấn công đánh chiếm hàng loạt điểm cao như 226, 233, 772, 1509, bình độ 300-400. Ngày 15-5-1984, Trung Quốc dùng một trung đoàn tăng cường đánh xuống phía Đông sông Lô, ngay trong ngày chiếm được các điểm cao 1030, Si Cà Lá, 1250.

[582] Trên biên giới Vị Xuyên-Yên Minh, chiến sự kéo dài từ tháng 4-1984 cho đến tháng 4-1989. Những điểm cao như 1545, 1509, 1030 ở Vị Xuyên hay 1250, Núi Bạc ở Yên Minh, Hà Giang đã trở thành những địa danh máu lửa. Trên những cao điểm chủ yếu được đánh số ấy, hàng ngàn người lính Việt Nam đã ngã xuống để giành giật từng tấc đất với quân Trung Quốc.

[583] Theo Ezra F. Vogel (2011): Hai tuần sau khi rút quân khỏi Việt Nam, Bộ trưởng Ngoại giao Hoàng Hoa đã gặp Đại sứ Liên Xô tại Bắc Kinh, đưa ra danh sách những vấn đề hai bên cần thảo luận để đi đến bình thường hóa quan hệ. Từ tháng 4 đến tháng 10-1979, đã có 5 cuộc gặp ở cấp thứ trưởng giữa Liên Xô và Trung Quốc. Cho dù mục tiêu ép Trung Quốc rút quân khỏi vùng Ngoại Mông và thôi trợ viện trợ cho quân đội Việt Nam ở Campuchia không thành công nhưng Đặng Tiểu Bình đã dẹp được mối đe dọa quân sự từ Liên Xô(trang 536). Ba ngày sau khi rút quân, 19-3-1979, khi họp với Ủy ban quân sự đặc trách khoa học và công nghệ, Đặng nhận định rằng: "Ít nhất trong 10 năm tới sẽ không có chiến tranh quy mô trên thế giới. Chúng ta không cần phải vội như vậy. Quân số quá đông. Chúng ta phải giảm xuống". Chi phí quốc phòng của

Trung Quốc giảm từ 4,6% GDP năm 1979 xuống còn 1,4% năm 1991. Trong thập niên 1980s, lượng vũ khí nhập ngoại của Trung Quốc chỉ bằng 1/6 của Việt Nam (trang 540-541). Quân số Trung Quốc giảm từ 6,1 triệu năm 1975 xuống còn: 5,2 triệu năm 1979; 4,2 triệu năm 1982; 3,2 triệu năm 1988 (trang 526).

[584] Chiến cuộc đã giữ chân đội quân bảo vệ biên giới phía Bắc Việt Nam lên tới 3 quân đoàn, 11 sư đoàn, 13 trung đoàn và 70 tiểu đoàn độc lập.

[585] Ezra F. Vogel, 2011, trang 534.

[586] Trần Quang Cơ, 2003, trang (?).

[587] Khuất Biên Hoà, 2005, trang 216.

[588] Khuất Biên Hoà, 2005, trang 216.

[589] Trần Quang Cơ, 2003, trang (?).

[590] Sđd, trang (?).

[591] Trần Quang Cơ, trả lời phỏng vấn tác giả năm 2004.

[592] Theo ông Trần Quang Cơ, ngày 2-12-1989, ông Nguyễn Cơ Thạch đã đến Phnom Penh nói với Bộ Chính trị Campuchia: Chiến tranh ở Campuchia là một cuộc nội chiến, Việt Nam không thể đưa quân trở lại. Chỉ khi đạt được một giải pháp chính trị thì Trung Quốc mới thôi đứng sau lưng Khmer Đỏ, điều kiện cần thiết để lực lượng đe dọa Phnom Penh nhiều nhất này yếu đi.

[593] Ngày 14-2-1988, Trung Quốc đưa 3 tàu chiến tới vùng biển Trường Sa. Vào lúc 1:30 ngày 15-2-1988, tàu HQ 701 nhận được lệnh của Bộ Tư lệnh Hải quân Việt Nam lao cắm vào đảo chìm Đá Lớn, lấy cả con tàu làm bia chủ quyền. Ngày 6-2-1988, tàu HQ 701 khi trên đường đưa hàng Tết ra đảo Nam Yết, đã được lệnh neo lại đảo Đá Lớn, chờ. Đầu tháng 3-1988, Trung Quốc huy động hai hạm đội xuống khu vực quần đảo Trường Sa. Để bảo vệ các đảo Gạc Ma, Cô Lin, Len Đao, Bộ Tư lệnh Hải quân Việt Nam đã điều đến đây các tàu của Lữ đoàn vận tải 125 mang theo một số phân đội của Trung đoàn Công binh 83 và Lữ đoàn 146. Ngày 12-3-1988, tàu HQ-605 được lệnh từ đảo Đá Đông đến đóng giữ đảo Len Đao trước 6 giờ sáng ngày 14-3. Sau 29 tiếng hành quân, tàu HQ-605 đến Len Đao lúc 5 giờ ngày 14-3, cắm cờ Việt Nam trên đảo. Chín giờ sáng ngày 13-3, tàu HQ-604 và tàu HQ-505 được lệnh từ đảo Đá Lớn tiến về phía Gạc Ma, Cô Lin. Trong tình thế tàu Trung Quốc áp sát uy hiếp, đêm 13-3, Hải quân Việt Nam đã bí mật đổ bộ, cắm cờ Việt Nam trên đảo Gạc Ma. Sáng 14-3-1988, bốn tàu lớn của Trung Quốc tiến gần đảo Gạc Ma, dùng loa nói ra mật danh của tàu HQ 604 và yêu cầu tàu rời đảo. Một tổ 3 người trên tàu HQ 604 được Trung tá Trần Đức Thông, Lữ đoàn phó Lữ đoàn 146, Vùng 4 Hải quân Việt Nam, cử lên đảo Gạc Ma bảo vệ Quốc kỳ. Hải quân Trung Quốc thả 3 thuyền nhôm và 40 quân đổ bộ lên đảo, bắn chết Thiếu úy Trần Văn Phương và chiến sĩ Nguyễn Văn Tư, đâm trọng thương Hạ sĩ Nguyễn Văn Lanh. Từ hai chiến hạm của mình, Trung Quốc bắn pháo 100 mm làm chìm tàu HQ-604. Lữ đoàn phó Trần Đức Thông, Đại úy thuyền trưởng Vũ Phi Trừ và nhiều sĩ quan, chiến sĩ đã hy sinh cùng tàu HQ-604. Sau khi thấy tàu HQ-604 bị bắn chìm, thuyền trưởng tàu HQ-505 Vũ Huy Lễ ra lệnh nhổ neo, tăng tốc cho tàu ủi bãi. Tàu HQ-505 đã kịp trườn được hai phần ba thân lên đảo Co Lin trước khi bị bắn cháy. Cùng ngày, tàu HQ-605 của Hải Quân Việt Nam cũng bị tàu Trung Quốc bắn tại đảo Len Đao, thủy thủ đoàn bơi thoát về đảo Sinh Tồn. Trước đó, không ai nghĩ là Trung Quốc sẽ bắn. Các chiến sỹ Hải quân Việt Nam chỉ được trang bị súng AK nhưng khi xuống đảo chìm, họ để hết vũ khí ở khoang hàng. Trung Quốc đã bắn như vãi đạn vào những người lính đang đứng giữa biển trong tay không tấc sắt. Trong trận chiến không cân sức ấy, Hải quân Việt Nam chịu tổn thất: 3 tàu bị cháy; 64 sĩ quan, chiến sĩ hy sinh; 11 người bị thương. Nhưng, chủ quyền tại các đảo Cô Lin và Len Đao đã được bảo vệ. Trung Quốc chiếm đảo Gạc Ma.

[594] Bộ trưởng Ngoại giao Nhật 1991-1993; Bộ trưởng Tài chánh 1980-1982.

[595] Tổng Giám đốc Công ty kinh doanh ngoài nước (OFTC).

[596] Trần Quang Cơ, 2003, trang (?).

[597] Theo ông Trần Quang Cơ: Mãi tới ngày 19-6-1990, Tướng Lê Đức Anh mới nói trong cuộc họp Bộ Chính trị để đánh giá cuộc đàm phán giữa Trần Quang Cơ với Từ Đôn Tín, ông gặp Trương Đức Duy để nói cụ thể thêm ba ý mà anh Linh nói với đại sứ Trung Quốc hôm 5-6-1990: gặp cấp cao hai nước; hai nước đoàn kết bảo vệ chủ nghĩa xã hội; hai nhóm cộng sản Khmer nên nói chuyện với nhau. Cuộc gặp còn được viết trong cuốn tự truyện của ông Lê Đức Anh: “Ông (Lê Đức Anh) nói Cục trưởng Cục Đối ngoại quân sự Vũ Xuân Vinh đến mời Đại sứ Trương Đức Duy tới Nhà khách Bộ Quốc phòng ở số 28 Cửa Đông để ông mời cơm. Bữa cơm và cuộc gặp bí mật đó chỉ có hai người, vừa ăn vừa nói chuyện. Ông điểm lại quá trình Trung Quốc giúp Việt Nam… Đề nghị đồng chí Đại sứ báo cáo với lãnh đạo Trung Quốc. Ông mới nhậm chức nhưng cũng sẽ báo cáo với lãnh đạo của Việt Nam. Để lãnh đạo hai nước gặp nhau giải quyết việc này… Hôm đó Đại sứ Trương Đức Duy vừa ngạc nhiên vừa vui mừng ra mặt khi nghe ông nói những lời như vậy. Trương nói: Vậy thì tôi phải về báo cáo với lãnh đạo bên tôi” (Khuất Biên Hoà, 2005, trang 220).

[598] Trần Quang Cơ, 2003, trang (?).

[599] Sđd, trang (?).

[600] Trần Quang Cơ, 2003, trang (?).

[601] Sau khi vấn đề Campuchia được giải quyết, ngày 5-11-1991, Tổng Bí thư Đỗ Mười và Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Võ Văn Kiệt đã đi thăm chính thức Bắc Kinh. Quan hệ Việt - Trung trở lại bình thường như hai quốc gia có quan hệ ngoại giao với nhau. Nhưng, Trung Quốc không còn là một “đồng minh” như đã từng trong thập niên 1950s, 1960s nữa. Sau Đại hội Đảng lần thứ VII, tháng 6-1991: ông Nguyễn Văn Linh thôi chức Tổng Bí thư, ông Đỗ Mười thay thế; ông Lê Đức Anh,

được xếp vào hàng thứ 2, từ năm 1992 sẽ làm Chủ tịch Nước kiêm Bí thư phụ trách quốc phòng-an ninh - ngoại giao; ông Võ Văn Kiệt làm Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng; nhà lý luận Đào Duy Tùng giữ chức Thường trực Ban bí thư. Ông Nguyễn Cơ Thạch, người mà Trung Quốc đã đặt ra rìa trong các cuộc tiếp xúc song phương, bị đưa ra khỏi Bộ Chính trị. Theo ông Trần Quang Cơ: "Sau Đại hội VII, mọi vấn đề quan trọng về đối ngoại của Nhà nước đều do Hồng Hà, Bí thư Trung ương, phụ trách đối ngoại - dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Lê Đức Anh và tất nhiên được sự tán thưởng của Tổng Bí thư Đỗ Mười - quyết định. Những phần công việc xưa nay vốn do Bộ Ngoại giao đảm nhiệm nay đều do Hồng Hà và Ban Đối ngoại chủ trì". Theo ông Cơ: Ngày 5-8-1991, tại cuộc họp Hội đồng Bộ trưởng, Hồng Hà tuyên bố: "Từ nay trong quan hệ với Trung Quốc các ngành cứ tập trung ở chỗ anh Trương Đức Duy (Đại sứ Trung Quốc), không cần qua sứ quán Việt Nam ở Bắc Kinh". Phó ban Đối ngoại Trung Quốc Chu Lương từng đề nghị: vì lý do kỹ thuật, quan hệ giữa hai Đảng xin làm qua Trương Đức Duy. Đây không chỉ là bỏ qua nguyên tắc ngoại giao, theo ông Trần Quang Cơ, mà còn là vấn đề "danh dự và quốc thể".

[602] Đến năm 1991, lực lượng Khu 203 có 19/62 ủy viên Trung ương, 8/16 ủy viên Bộ Chính trị, trong khi lực lượng tập kết chỉ có 5/62 ủy viên, 1/16 ủy viên Bộ Chính trị. Các chức vụ như tổng bí thư, thủ tướng, chủ tịch quốc hội, bí thư Thành ủy Phnom Penh, bộ trưởng Nội vụ, trưởng Ban Tổ chức Trung ương… đều là người của Khu 203. Phần còn lại trong chính trường Campuchia là lực lượng bắt đầu "tham gia cách mạng" sau ngày 7-1-1979: 24/62 ủy viên Trung ương; 2/16 ủy viên Bộ Chính trị, 40% ghế bộ trưởng, 28,5% số bí thư tỉnh, thành, 57,1% số chủ tịch tỉnh.

[603] Mel Sam Ol là người Khmer nhưng gia nhập quân đội Việt Nam từ năm 17 tuổi. Năm 1979, từ một nữ y tá, chị được đưa về Phnom Penh giữ chức cục phó Cục Cán bộ, Bộ Quốc phòng, rồi sau đó được đưa vào Ban Bí thư, giữ chức trưởng Ban Tuyên huấn.

[604] Ngày 10-12-1991, Bộ Chính trị ra Chỉ thị 05/CT-TW, xác định: "Quan hệ giữa Đảng ta với Đảng Nhân dân Campuchia theo những nguyên tắc tôn trọng độc lập tự chủ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau và theo phương thức mới, chủ yếu là quan hệ nội bộ, tránh mọi sơ hở gây hậu quả xấu, không lợi cho quan hệ về mặt Nhà nước và việc thi hành Hiệp định Paris về Campuchia… Trước mắt, Đảng ta chỉ quan hệ với Đảng Nhân dân Campuchia; sẽ xem xét tình hình các đảng và lực lượng khác để quyết định vấn đề quan hệ tùy từng trường hợp. Hai bên duy trì quan hệ giữa các đoàn thể quần chúng, các hội hữu nghị, tổ chức xã hội, tăng cường tình hữu nghị giữa nhân dân hai nước, phù hợp với Hiệp định Paris về Campuchia và tập quán quốc tế. Hai bên ngừng các quan hệ kết nghĩa giữa các tỉnh thành phố của hai nước, quan hệ giữa các tỉnh, thành phố sẽ được giải quyết trong khuôn khổ quan hệ giữa hai Nhà nước".

[605] Ngày 16-11-1991, trong cuộc họp báo đầu tiên tại Hoàng Cung kể từ khi trở về, khi trả lời câu hỏi của phóng viên Tuổi Trẻ về việc Việt Nam đưa quân tới Campuchia, Sihanouk nói: "Vấn đề có hai mặt (deux aspects). Tôi biết ơn Việt Nam đã cứu tôi, gia đình tôi và nhân dân Campuchia khỏi họa diệt chủng. Mặt khác, tôi lên án việc thực dân hóa Campuchia của Việt Nam. Thà chết vì tay Pol Pot còn hơn là nước không có độc lập".

[606] Trả lời phỏng vấn của tác giả năm 2004.

[607] Ngày 11-6-1993, Khmer Đỏ tuyên bố không thừa nhận kết quả bầu cử và kêu gọi ám sát sáu nhân vật thuộc Đảng Nhân dân Campuchia. Trong khi, ông Hun Sen tố cáo cuộc bầu cử do UNTAC tổ chức là gian lận. Đảng Nhân dân Campuchia trong thế bị loại ra khỏi chính quyền đã dựng lên "phong trào ly khai đòi tự trị" trong nhiều vùng. Hai đại biểu của Đảng là Sinsong và Chakkrapong từ chối nhận chức đại biểu và đứng ra lãnh đạo phong trào này. Lo sợ đất nước bị chia cắt và nội chiến tái phát, Shihanouk đề nghị công thức chia quyền 45% + 45% + 10%. Funcinpec phải chấp nhận vì thắng lợi của họ là nhờ ảnh hưởng của ông hoàng Sihanouk.

[608] Một lần suýt bị các đồng chí của ông ép từ chức. Một lần bị đảo chính hụt bởi Bộ trưởng Nội vụ Sin Song có sự hậu thuẫn của Chea Sim (2-7-1994). Một lần bị đảo chính bởi Funcinpec va lực lượng Khmer Đỏ: cuộc đảo chính được thực hiện ngày 5-7-1997 khi Hun Sen đang ở Vũng Tàu và Ranaridth thì lánh ra nước ngoài; ngày 6-7-1997, một ngày sau khi Hun Sen trở về, ông đập tan cuộc đảo chính; bảy tướng của Funcinpec bị giết.